Đời Đời Ghi Nhớ!
Niềm

ĐẶNG CHÍ BÌNH

THÉP ĐEN

Bản đặc biệt
của Bạch Loan, người

TẬP BỐN

Con yêu Bảo vệ Cờ Vàng của mẹ VN.

Boston 26/10/2009.

XUẤT BẢN 2005

Nỗi Lòng Người Viết

Kính thưa các qúy vị.

Tập III Thép Đen đã được xuất bản 1991. Mười bốn năm trôi qua, với bao nhiêu trăn trở khắc khoải để viết cho xong tập hồi ký thương đau của đời mình. Tôi đã chuẩn bị một căn buồng nhỏ ở dưới basement. Nhưng nhiều lần ngồi trầm lắng một mình hàng ngày, rồi cũng đành mệt nhọc đứng dậy vì nước mắt chảy ra mờ cả mắt, với những cơn đau đầu, đau lưng, đau cổ.

Năm 2002, để tự khích lệ như một đòn bẩy, tôi đã làm một tờ cam kết với hai đứa con: Một đứa học năm thứ 2, một đứa năm thứ 3. Cùng ký nhận cam kết: Chúng nó ra trường đại học, tôi viết xong Thép Đen. Để rồi một đứa đã ra trường 2004, và một đứa sẽ ra trường năm nay 2005.

Thậm chí, tôi đã viết một tấm biển để ngay trước bàn viết: Hãy viết cho xong cái đống xà bần. Viết cho mình đọc, cho bạn bè, người thân đọc. Không dám xuất bản cho các quý độc giả của mình nữa. Hạ thấp yêu cầu, để tự ép buộc tôi cầm bút. Nhưng rồi cũng đành buông xuôi với sức khoẻ, với mưu sinh, với những tác động của cảnh sống của mình.

Đầu tháng 10/2003, một số anh em biệt kích nhẩy Bắc, từ những tiểu bang xa đến thăm tôi. Trong bữa cơm họp mặt, ngoài 7 anh em BK , chỉ có anh Nguyễn Chí Thiện là thân hữu. Nhiều nỗi niềm, hiếu sự việc được đề cập, sau 23, có anh 30 năm mới tái ngộ. Một ý kiến chung anh em nhắc nhở:

- Anh Bình ơi! Nếu anh không mạnh dạn gạt đi những ràng buộc của cuộc sống chung quanh, nâng cao quyết tâm ngồi viết cho xong bộ Thép Đen, thì rồi anh sẽ mang cái dang dở đó theo anh về lòng *đất…….*

Rồi mới đây, 25/5/2004 anh Trần Nam, xướng ngôn viên của VOA phỏng vấn về "Hành hạ tù nhân tại Iraq". Tôi đã tặng anh bộ TĐ. Anh lại muốn tặng 2 bộ cho bạn thân, ở hai tiểu bang khác Anh đã hào phóng gửi 200 dollars, đặt luôn cho tập IV.

Một cậu (NTV) ở Canada, lái xe sang tận nhà lấy một bộ TĐ, cũng đưa tiền một cách hào sảng, đặt cho cả tập IV. Anh Bùi Tín ở Pháp cũng nói đang chờ tập IV.

Đặc biệt hơn nữa, Lê Văn Hạnh, cháu của anh Nguyễn văn Thông (bạn thân). Đến tận nhà lấy một bộ TĐ và cũng đặt tiền mua cả tập IV. Hạnh mở tập sách yêu cầu tôi viết và ký tên: "Cháu Hạnh đã cùng bác dọn sạch căn buồng này" ở tấm hình tôi ngồi viết TĐ III sau nhà anh Thông. Tôi đã đưa

tiền lại cho cháu Hạnh, như nói với con cháu trong nhà: "Bác không lấy tiền của cháu đâu! " Hạnh đã dứt khoát không cầm và nói: " Bác đi làm và cháu cũng đi làm? (Giáo viên Tiểu học). Tập IV TĐ, bác viết một năm. Như bác nói: nếu bác bán tác quyền, họ trả bác bẩy ngàn dollars. Vậy lương của cháu gấp bốn, năm lần của bác?"

Câu nói tha nhân, đầy nghĩa tình đùm bọc, phảng phất cái hương man mác nhè nhẹ của hoa soan, hoa bưởi, hoa cau của quê nhà, làm cho người nghe khó quên. Và còn 8, 9 độc giả nữa hơn 10 năm nay đã đặt mua TĐ. IV, trên phone hay trong thư (tôi sẽ lục lại) mà tôi chưa dám nhận tiền. Sách chưa viết, mà nhiều người thương nên đã đặt mua, dù chưa biết giá.

Riêng cháu Hạnh, tôi nói đặc biệt vì thông thường, mọi người đều thấy nhàm chán, với văn chương của người thân. Cụ thể, hai đứa con lớn của TG, chưa bao giờ thấy chúng đọc Thép Đen. Tháng trước, anh bs VLH, hiện ở Caney hospital, đã gặp nhau 21 năm xưa, tại trại tỵ nạn Galang "Tình Xù', bây giờ gặp lại tại Boston. Anh đã nói một câu văn hóa "xanh rờn". " ở hải ngoại, người VN nào còn quan tâm đến đất nước, quê hương mà chưa đọc TĐ, thì thật là quê !".

Mới sáng hôm nay (18/2/05), cú phôn của người em họ (PVC) là một thầy Sáu bên LA (CA), đã phát biểu một câu lạ: "TĐ của anh bây giờ như thuốc Aspirine". Tôi khựng lại, ngỡ ngàng, cậu em đã giải thích: "Nhiều đài đọc, nhiều báo đăng, CD rồi trên Intemet. Mấy tháng trước, người bạn em học Sorbone (Pháp) bắt em gửi TĐ cùng vài cuốn sách khác sang, để research cho luận án của anh ta. Em cảm thấy phổ cập như thuốc Aspirine, lúc nào, ở đâu dùng cũng được (không có tác quyền), chẳng còn thuộc một hãng bào chế thuốc nào nữa."

Những phát biểu từ lòng thương mến, tuy không đúng mức độ sự thật, tôi cũng xin cảm tạ sự độ lượng, bao dung của các bạn. Tôi không còn nói được, một lời nào nữa.

Tôi phải viết xong Thép Đen. Dù có phải về lòng đất sớm (do sức khoẻ), tôi cũng cứ viết. Mười một tháng nay, hàng ngày sáng sớm (6 giờ) không kể mưa nắng, tuyết nhiều ít, tôi đi bộ hơn 5 cây số, đến thư viện UMASS ngồi viết; chiều muộn mới trở về.

Những ngày đầu, tưởng như chân tôi không muốn bước, tâm trí như chui vào sương mù mùa Đông. Nhưng mỗi ngày sương mù tan dần, để rồi tôi say mê khao khát viết, lòng cuốn hút như được bú dòng sữa mẹ hàng ngày, lúc còn thơ.

Đến hôm nay 26/11/2005, tôi đã viết, sửa chữa, đánh máy xong TĐ. IV. Tập cuối cùng bộ hồi ký của đời tôi.

Tôi xin cảm tạ đất trời và sự kỳ diệu của đời.

Boston, ngày 26/1/2005.

Đặng Chí Bình.

Hơn 11 tháng không kể nắng, mưa, tuyết,TG đi bộ hơn 5 cây số từ nhà đến thư viện (toà nhà cao nhất)
Ảnh: 12-2004

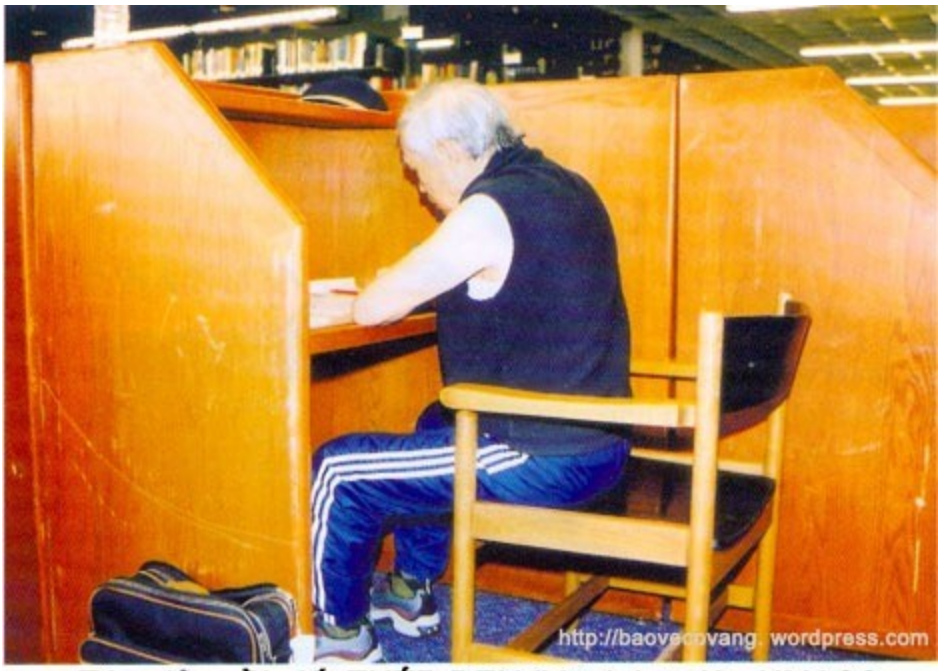

Tác giả ngồi viết THÉP ĐEN IV tại thư viện UMASS

- 1 -

S À I G Ò N Ơ I !

Sáng hôm nay, sau khi Ý, cán bộ trại vừa điểm buồng xong quay đi, tôi là một trong những người đầu tiên ra sân. Như mọi buổi sáng, tôi tranh thủ chạy ra sau nhà làm vài động tác tay chân, cố hít thở cái không khí ban mai của một ngày trong hai, ba phút.

Mấy đêm trước giấc ngủ của tôi không yên, tâm tư cứ khắc khoải vơi đầy, chỉ vì chiều hôm ấy cách đây ba ngày, ở dưới phòng y tế của anh Thái, do một sự tình cờ, một em tù hình sự vừa mới nhập trại, xuống xin thuốc hắc lào, đã nói đến cô y tá Hỏa Lò. Tôi đã vồ vập hỏi, nhưng em không hề biết gì hơn về người Hưng Yên. Em chỉ xác định là bốn tháng trước ở Hỏa Lò, em có xin thuốc hắc lào của cô Vân y tá, 1 lần.

Cô Vân ơi! Ngay đầu 1968, trong buổi giã từ não nuột dầm dề mưa rơi ấy ở Hoả Lò, đã hơn 3 năm rồi, tôi vẫn lầm lũi quẫn quại trong ngục tù tăm tối, nơi rừng núi biên cương. Tôi không hề biết một tin tức gì về cô cả, để rồi chỉ nghe thoáng đến tên cô, lòng tôi đã xáo trộn mấy đêm nay. Rất may đêm qua, tôi ngủ được một giấc đã đầy, bù lại.

Phía Đông đỏ rừng rực, rồi mặt trời mò lên; xa xa chéo phía Tây Nam, rặng Hoàng Liên Sơn (Fan-si-pan) mây trắng che phủ ngọn, cũng vàng ửng lên rực rỡ. Một đàn vạc trắng hình cánh cung, đang sải cánh bay về hướng Đông Bắc.

Nhìn mấy tảng mây trắng hồng từ hướng nam lững lờ bay đến, tôi có cảm tưởng chúng đang mang theo những hơi hướng ngọt bùi, ruột thịt, tha thiết của gia đình, bạn bè thân quen phương trời bên ấy. Tôi rướn người, kiễng chân lên để hít lấy cái hơi thương nhớ, vời vợi của 9 năm dài đằng đẵng. Từ nơi sâu thẳm của cõi hồn, một giọng hát nỉ non, tỉ tê nghe rõ mồn một : *" Hôm nay… Sàigòn… bao nhiêu tà áo… khoe mầu phố vui… Riêng tôi một mình… tâm tư sầu lắng… đi trong bùi ngùi… Sàigon ơi…"*

Bỗng tiếng Lầu Chí Chăn dội lên, từ cửa sổ phía sau nhà :

- Anh Bình không đặt bát để lấy sắn à?

Như choàng tỉnh một cơn mơ ngày, tôi vừa "ờ… ờ" vừa chạy ra sân trước. Nhìn các mâm đang ồn ào tíu tít chia sắn sáng, tôi chợt nhớ tối qua sinh hoạt toán, Nguyễn Huy Lân đã rành mạch tuyên bố:

Theo chỉ thị của ông Miễn cán bộ toán 2, ngôi nhà cơ bản số 3, còn bảy cái cửa ra vào chưa lắp cánh xong. Vì thế năm người, được phân công làm trong trại gồm :

Lê Văn Kinh, Bùi Tâm Đồng, Lầu Chí Chăn, Nguyễn Thanh Đương và Đặng Chí Bình.

Tạm thời ĐCB làm tổ trưởng, chịu trách nhiệm kỹ thuật. Vẫn xuất trại theo toán ra lán thủ công để lấy dụng cụ . Sau khi lấy dụng cụ, cán bộ toán 2 sẽ dẫn cả tổ trở vào trại. Gần cuối giờ, cán bộ toán lại vào trại đón tổ ra lán để cất dụng cụ, rồi cùng về trại trả số tù".

Cùng những ngày tổ mộc lắp cửa, cũng có một tổ xây đang lợp ngói cho xong nóc nhà, mà đám công nhân xã hội còn làm dở. Một buổi trưa, tôi đang hì hục cắm cúi làm, thì Chăn đi vệ sinh về, ghé tai tôi nói nhỏ :

- Anh em lợp nhà ở trên nóc, nhìn sang sân khu nhà số hai thấy có nhiều người tụm năm, tụm ba cởi áo phơi nắng, bắt rận.

Gợi trí tò mò, xế trưa tôi trèo lên chỗ anh em lợp nhà. Đúng như rằng, ngoài sân khu nhà cơ bản số hai có chừng hơn hai chục người : người đứng, người ngồi, đi đi lại lại. Có nhiều bác tóc đã muối tiêu, và cũng gầy xanh như chúng tôi. Vì từ xa, nhìn thẳng, khoảng cách từ 60 đến 80 mét nên chỉ nhìn nhau. Thỉnh thoảng có anh giơ tay vẫy vẫy chào, nhưng không thể biết một tí gì về nhau cả. Khó khăn đẻ ra sáng kiến, tôi chợt nhớ tới cách liên lạc khi còn ở xà-lim I Hoả Lò. Tôi trèo xuống chỗ làm, kiếm được tấm gỗ mỏng nhẹ để làm cửa, bề chừng 60, bề chừng 40 phân. Vì có chủ ý, tôi xách miếng gỗ, lại trèo lên chỗ đám lợp nhà.

Mất dăm phút ra hiệu tay, khua vẫy nhiều anh em ở sân bên ấy đổ xô đến, ngước mắt nhìn lên. Để an toàn, tôi nhờ một anh toán xây, để ý cán bộ dưới sân bên ngoài. Tôi giơ miếng gỗ quay lại, chậm chạp, dùng ngón tay trỏ, tôi viết từng chữ theo lối in, vào tấm gỗ : "ANH NHÌN THẤY KHÔNG ?"

Lần đầu, họ đều tỏ ra lơ mơ và lắc đầu. Tôi thong thả làm lần nữa. Nhiều người khua tay mừng rỡ, đầu gật gật. Tôi bảo các anh, tìm cái gì viết lại cho tôi. Mấy người chạy vào nhà, rồi một người cầm ra một miếng gì, như cái nia con mầu nâu xám, đường kính khoảng 80-90 phân. Một anh cầm, một anh viết kiểu chữ in như tôi. Ở dưới sân nhà số hai an toàn hơn, họ chỉ cần để ý phía cổng khu của họ. Ngược lại, chúng tôi ở trên nóc nhà trống trải hơn, nhưng cũng có cái lợi, ở trên cao, quan sát ngay từ cổng trại, cán bộ ra vào chúng tôi đều trông thấy. Còn công an vũ trang ở các chòi gác thì quá xa, dù cho có nhìn cũng chả hiểu gì, chỉ coi như đám tù đang lao động mà thôi.

Hơn một giờ liên lạc, tôi vừa đoán vừa hiểu được : Bên ngoài mới có một cuộc đảo chính hụt giữa phe thân Liên Sô và phe thân Trung Cộng, khoảng cuối năm 1967. (Cũng là giai đoạn, CS Hà-Nội đưa tôi ra tòa). Phe thân Trung Cộng do Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Trường Chinh đứng đầu, có chính quyền trong tay nên đã thắng thế; bất ngờ bao vây bắt nhiều người thuộc phe thân Liên Sô, do Võ Nguyên Giáp đứng đằng sau hậu thuẫn, và bị ghép tội là bọn xét lại hiện đại. Trong những người thân Liên Sô bị bắt có : Hoàng Minh Chính viện trưởng viện triết học, Vũ Đình Huỳnh trợ lý của HCM và Đặng Kim Giang thiếu tướng, phó chủ nhiệm tổng cục hậu cần. Phe này có nhiều người trong giới quân sự tham gia.

Phần tin tức về chúng tôi, tôi cũng cho họ biết sơ lược. Trong trại I này chúng tôi có chừng hơn 2 chục Biệt Kích từ trong Nam ra Bắc hoạt động chống Cộng Sản, thường đã tù từ 9, 10 năm rồi.

Do cách liên lạc không thuận tiện, nhưng phần chính là sợ trong đám tổ xây có antene, và cả khu nhà số hai bên ấy nữa, chúng tôi đã biết thế nào đâu. Vả lại thấy đã tạm đủ nên tôi và Chăn quyết định, không liên lạc tìm hiểu thêm nữa.

Chiều nay thứ Sáu, không khí trong trại nhộn nhịp khác thường. Nguồn tin từ các cán bộ toán cho biết khu A (chính trị) cũng như khu B (hình sự) sẽ lao động xã hội chủ nghĩa Chủ Nhật này (Một Chủ Nhật nghỉ, một CN Lao Động XHCN đã trở thành thông lệ ở các trại giam từ lâu). Chúng tôi sẽ móc bùn, vớt bèo, làm cỏ toàn bộ 3 chiếc ao lớn thả cá trước khu của ban giám thị trại. Cái điều làm cho khí thế của trại sôi nổi, là nguyên nhân có ban thi đua do cán bộ giáo dục Bùi Huy Tập làm trưởng ban, trực tiếp chấm điểm giữa 3 khu tù nhân của trại. Khu A trách nhiệm chiếc ao giữa, khu B trách nhiệm chiếc ao trước khu công an vũ trang, còn chiếc ao thứ 3, phía trái của khu ban giám thị do K2 (trại nữ) đảm trách.

Đây là điểm mấu chốt làm cho khu nào cũng xốn xang bàn tán, chuẩn bị. Điểm đặc biệt của lần LĐXHCN kỳ này là, do sự trù liệu công việc, ban giám thị trại quyết định :

- Tù nhân sẽ làm Lao động XHCN liên tục từ 8 giờ sáng đến 2 :30 chiều, chỉ trừ nghỉ 15 phút để tù giải lao ăn sắn bồi dưỡng lúc 10 giờ sáng, và 30 phút ăn trưa lúc 12 giờ. Thường LĐXHCN chỉ làm nửa ngày, tức 4 giờ.

Cứ nhìn khu A này, tôi đã hình dung ra cái cảnh rạo rực chuẩn bị sửa soạn quần áo, đầu tóc của mỗi người, nhất là những người còn trẻ, còn một chút nhựa xuân nào trong người ở 2 khu B và K2 kia.

Ngay từ trưa thứ Bảy, toán nhà bếp, có các anh tự giác của mỗi toán xuống phụ giúp gồm hơn 2 chục anh : Họ được lệnh gồng gánh, cuốc xẻng, xe ba gác để đi đào sắn. Tiêu chuẩn bình quân đầu người LĐXHCN được hưởng 8 lạng sắn kể cả vỏ. Nhà bếp K1 phục vụ khu A và B, bếp K2 phục vụ K2. Không biết phía đàn bà con gái bên K2 có mong ngóng được nhìn thấy đàn ông, con trai bên K1 hay không, chứ bên K1 này thì từ rừng sâu, trong lán thủ công đến ngoài nương khoai, đồi sắn, vườn rau; đâu đâu nơi nào có tù lao động đều say sưa bàn tán rôm rả trong cái dịp ngàn năm một thuở này.

Đúng thế, trừ trường hợp cá biệt, còn thông thường, đàn ông, đàn bà chúng tôi hàng năm chả nhìn thấy bóng dáng của nhau. Thậm chí anh Nguyễn Văn Thú (Biệt Kích), tối qua ở trong buồng đã nói : Lâu ngày quá, anh đã quên cả đàn bà, con gái. Đến nỗi anh đã ngẩn ngơ cả đêm , mà vẫn không thể hình dung ra thế nào cả. Anh chỉ thấy họ tuyệt vời lắm! Họ là một thứ vưu vật, là lẽ sống của cuộc đời v.v…

Anh Thú cứ ông ổng ca tụng người đàn bà, con gái mãi. Rất nhiều người tán đồng phụ họa; nhưng cũng nhiều người phản đối. Anh Bùi Tâm Đồng đã đứng hẳn lên sàn dõng dạc :

- Vừa thôi, anh Thú ơi! Anh cứ làm như, nếu trên cõi đời này không có đàn bà con, gái thì chúng ta không sống được hay sao?

Hàng 4, 5 cái miệng đều rống lên :

- Đúng ! Đúng ! Không sống làm gì nữa !

Giọng một anh từ trong nhà cầu đi ra, gào lên :

- Nếu biết chắc trên đời này không có và không còn đàn bà, con gái, sáng sớm mai tôi sẽ cắn lưỡi, xin từ giã tất cả các qúy bạn để về với Chúa ngay.

À… anh chàng Gôm! Tôi đã thấy hơi lạ, từ lúc trong buồng sôi nổi bàn chuyện đàn bà, con gái mà không thấy anh chàng này tham gia. Đang ồn ào náo nhiệt sục sôi cả căn buồng thì bỗng có tiếng báng súng đập vào vách nứa ầm ầm; giọng một tên công an vũ trang quát :

- Buồng này làm cái gì, ồn ào như cái chợ vậy?

Giọng khàn khàn của anh Thành Xuân Yên từ tốn :

- Thưa cán bộ, họ đang tranh luận, nếu trên đời này không có đàn bà, con gái thì họ sẽ tự tử hết!

Im lặng một lúc, rồi giọng tên vũ trang đã hạ xuống :

- Bậy bạ! Thì nói nhỏ vừa nghe thôi!

Thấy thế, trong buồng lại râm ran trở lại. Anh Lân buồng trưởng đã phải ra đứng giữa buồng khoắng tay :

- Toàn buồng trật tự yên lặng! Các anh bàn chuyện đàn bà, con gái thì nói cả đời không hết! Đây là chuyện thực của đời tôi. Từ ngày tôi bị bắt đã 8 năm rồi, có một điều tôi ân hận nuối tiếc lớn nhất, vẫn ngày đêm dằn vặt lòng tôi.

Rồi anh im bặt. Có nhiều tiếng hối thúc :

- Nói ra đi! Nói ra đi!

Cũng lại ầm cả lên. Tôi cũng tò mò, đến bên Lân cao giọng :

- Các anh đừng làm ồn, để anh Lân nói ra đã!

Rồi tôi quay lại anh Lân như thúc giục :

- Anh nuối tiếc ân hận điều gì thế, hãy cho chúng tôi biết đi!

Anh cười và tỏ vẻ thành khẩn :

- Hiện nay, tôi đã có 4 mặt con : 2 trai và 2 gái, vậy mà tôi vẫn chưa nhìn thấy cái của vợ tôi nó như thế nào cả. Tôi ân hận sao lại không nhìn rõ một lần cho đã, để bây giờ khỏi hối tiếc!

Cả buồng réo lên :

- Không tin được ! Không tin được !Vô lý !….

Cuối cùng, anh Lân đã thong thả chậm chạp như tâm sự :

- Tôi xin thú thực với các anh em. Bởi vì chúng tôi ở nhà quê, chỉ khi nào đêm khuya, tin chắc cả nhà đều đã ngủ yên thì 2 vợ chồng mới… tò te mà thôi. Thường trời tối giơ bàn tay không nhìn thấy, thì nhìn làm sao được cái kia?

Câu chuyện này, cho đến bây giờ đôi khi tôi vẫn còn nhớ lại. Vừa đây, tháng 8-2003, tôi có dịp sang tiểu bang Philadelphia, do một sự tình cờ, tôi gặp lại anh Nguyễn Huy Lân, anh mới đi HO sang Mỹ 1994. Anh ở một town gần đấy, khi biết tôi sang, anh đã lái xe đến thăm. 23 năm mới gặp lại nhau,

trong một bữa cơm có mấy anh Biệt Kích nữa, nhớ lại câu chuyện LĐXHCN ở trại Trung Ương Số I Phố Lu, Lào Cai, đầu năm 1972, tôi đã tươi mặt hỏi lại anh :

- Thế nào, Lân Mều! Từ ngày được tha về với gia đình, anh đã nhìn rõ cái "miếng ngọc" của anh chưa?

Cả bàn tiệc cười ngặt nghẽo như đê bị dò khi nước lụt.

Xin trở lại buổi LĐXHCN. Đêm hôm đó, khi nằm chưa ngủ được, đầu óc tôi miên man nghĩ đến anh chàng Lân Mều này. Tôi còn nhớ rõ 4 năm xưa (1968), khi ấy tôi từ dưới Hoả Lò mới lên trại Trung Ương Số I, rồi được chuyển vào phân trại E do Hoàng Thanh làm giám thị.

Tôi được phân bổ về toán 2 làm mộc, cũng do Nguyễn Huy Lân làm toán trưởng. Khi biết tôi cũng từ trong Nam ra Bắc, lại cùng ở trại định cư Nam Hà thuộc phường 6, quận Tân Bình, anh và tôi rất quý mến và thân nhau từ đấy. Mùa Đông, tôi thường sang chỗ anh nằm đắp chăn chung, chuyện trò tâm sự. Khi biết tôi còn thanh niên chưa vợ, có lần anh hỏi tôi:

- Tao hỏi thực mày, mày đã nhìn thấy cái "hến" của đàn bà chưa?

Sau khi Lân biết tôi chỉ nhìn thấy của các bé gái còn nhỏ 4,5 tuổi. Một buổi tối, Lân trêu tôi. Anh đứng ở giữa nhà nói to với cả buồng:

- Thằng Bình nó ngố lắm! Nó cứ tưởng cái "hến" của con gái khi lớn lên vẫn vậy. Nó không biết là khi đứa con gái bắt đầu 11-12 tuổi thì cái "hến" cứ xoay dần, để rồi đến 18 tuổi cho tới khi thành đàn bà thì nó nằm ngang hẳn ra.

Ngay khi ấy, tôi cũng không tin và hiểu là Lân mều muốn trêu tôi mà thôi. Tuy vậy, một hôm tôi đã hỏi Gôm. Gôm cười hềnh hệch và nói là cá biệt, có người nó còn ngược hẳn lên. Để rồi mấy tháng sau, nhân một lúc vui, tôi hỏi thẳng bác Lẫm. Bác cười bằng mắt bảo tôi:

- Yên tâm đi, sau này sẽ biết.

Sáng hôm sau chủ nhật, trời cũng chẳng chiều lòng người, sương mù kéo dầy đặc. Tới khi kẻng tập họp để chuẩn bị xuất trạo đi lao động XHCN mà sương khói vẫn còn mịt mù, chỉ nhìn rõ người và cảnh vật xa chừng ba chục mét. Xa hơn nữa, thì chỉ thấp thoáng bóng người mơ hồ trong sương đục. Để phòng ngừa, Ban Giám Thị cho lệnh phải tăng cường mỗi toán thêm một công an vũ trang nữa. Rặng Hoàng Liên Sơn hôm nay cũng biến vào mây trời mất tiêu, chỉ còn lại một mầu rêu già xám xịt phía chân trời.

8 giờ, tiếng trống thùng… thùng … của hai tay trống nhà bếp phía cổng trại làm rung rinh lòng mọi người. Hai chiếc biểu ngữ đỏ nẹt, chữ trắng, đã nhìn rõ dần. Một cái của khu A viết *:"Vì Miền Nam ruột thịt, một người làm việc bằng hai".* Một cái của khu B . Từng toán, lần lượt ra khỏi cổng trại.

Khi toán 2 ra đến khu vực đã được phân công, đảm trách ở chiếc ao giữa. Nguyễn Huy Lân lấy ra một tờ giấy đã viết sẵn, anh cao giọng thong thả đọc từng tên. Một số người già yếu ở trên bờ làm cỏ, chan đất, đắp bờ. Còn hầu hết trai trẻ, đều phải xuống nước vớt bèo, móc bùn. Riêng tôi, vì có chút kỹ thuật, nên được ở trên bờ để san và đắp bờ.

Trời đã về cuối Xuân, nhưng nước vẫn còn lạnh căm căm. Cái chính là bụng đói, thì cật rét; cởi áo ra, người anh nào cũng chỉ còn xương sườn với da, tay chân khẳng khiu, khòng khèo. Mới sáng thứ Bẩy hôm qua, anh Lương Yên làm vệ sinh, cho biết bên khu B hình sự, có hai cậu được khênh xuống bệnh xá đều chết vì ăn quá nhiều vỏ sắn, bụng chương lên, không đi cầu được. Thế mà khí thế lao động vẫn hăng say. Tiếng trống, tiếng loa hô hào vẫn oang oang, thình thình như một đám hội của đình làng.

Khoảng gần 10 giờ, mặt trời đã ló ra nhìn cảnh núi rừng âm u trong sương đặc, nhưng gió lộng hơn nên vẫn lạnh. Trong toán 2, người ở dưới nước, người trên bờ, mặt anh nào cũng tái ngoét, răng đánh vào nhau cặp cặp. Mọi người đề nghị cho đốt lửa hút thuốc và cũng sắp đến giờ giải lao ăn sắn bồi dưỡng. Được lệnh của BGT, một số anh tự giác đem xe ba gác vào khu thủ công toán xẻ và toán mộc, lấy phoi bào và những đầu gỗ thừa. Chỉ nửa giờ sau mỗi ao đã có một đống lửa to, mọi người nhìn cho ấm mắt, và cũng ấm lòng thôi, chứ chưa ai được đến gần đâu.

Từ sớm tới giờ, tôi vừa làm vừa ngẩn ngơ suy nghĩ. Đói khổ, lầm than triền miên như vậy mà không khí lao động vẫn sôi nổi, không ngưng nghỉ. Tại sao như vậy? Càng ngẫm nghĩ, càng kính nể và bái phục cái tài khích lệ, phỉnh phờ, đe doạ ép buộc kết hợp với cái dạ dày để chỉ huy con người của CS. Phải hàng chục thứ liên kết, mỗi cái một ít, từ ngoài xã hội đến trong gia đình, để có một sức ép tứ phía.

Rõ ràng mọi người không muốn làm, mà rồi vẫn phải làm, làm với một thái độ hăng say, nồng nhiệt. Suy kỹ đã thấy sáng tỏ: Nội dung không quan trọng bằng hình thức. Mà ngay từ xa xưa, ông cha chúng ta đã thấy:"Cách ăn không bằng ý ở". So với sự cho tiền, cho ăn, cho vật dụng, cái cách đưa, cách cho, cách đối xử quan trọng hơn. Phương Tây cũng có câu:"Của cho không bằng cách cho". Cái cách thể hiện câu nói, quan trọng hơn nội dung câu nói.

Ai cũng thấy, kể cả người CS cũng thấy họ làm nhiều điều sai, nhiều điều thiệt hại đến người dân, với đất nước, nhưng họ chỉ cần nghiên cứu thấu đáo phương cách thực hiện. Muốn quán triệt, họ cần phải có nhiều bộ óc, cùng nghiên cứu mọi mặt của một vấn đề. Rõ ràng: bốn người trình độ như nhau, qủy quái tinh khôn như nhau; nếu ba người hợp lại để chống một người thì hầu như cái tất thắng là ở phía ba người.

Truyền thống từ nhiều đời, Đông cũng như Tây, ông cha đều đã dạy:"Ba cái đầu hơn một cái đầu". Đông người mà cùng nhìn về một phía, cùng đem hết tâm hồn và trí lực để thực hiện một mục tiêu thì thành công.

Chứ đông mà "Ông chẳng, bà chuộc", "Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", người nầy kích bác, chống phá người kia, kéo bè, kết cánh để gây mâu thuẫn, đả phá lẫn nhau, thì lại không bằng một người. Tôi nhớ đến một câu danh ngôn của Napoléon :"Một vị tướng tồi, còn hơn 2 vị tướng giỏi". Việt Nam ta cũng có câu "Nhiều thầy, thối ma".

Phương pháp của người CS là : Trên cao nhất có bộ chính trị, sau đó là có một ủy ban trung ương, các cơ quan đoàn thể đều có đảng ủy: tỉnh, huyện, xã thôn đều có. Khâu nào cũng có tập thể cùng bàn bạc thảo luận nghiên cứu thấu đáo từng sự việc theo nguyên tắc "Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách". Từ đấy suy ra: Thế Giới Tự Do của chúng ta đã phù hợp với lòng người; chúng ta không hề lừa lọc, bịp bợm người dân, nên có chính nghĩa. Vậy chỉ cần nghiên cứu về phương pháp thực hiện, đã thấy tính hơn hẳn của chúng ta đối với CS rồi.

- 2 -

S A Y Đ I E M !

Trời sáng dần, nhìn sang phía hai chiếc ao 1 và 3 đã thấy những bóng người trong sương trắng. Đầu óc tôi vẫn còn chìm nghĩm vào những dòng tư tưởng mênh mông; bỗng tiếng của anh chàng Gôm, trong đám vớt bèo ở dưới ao ré lên:

- Đỉa …! Đỉa…!

Rồi y chạy bổ lên bờ. Tiếp theo có nhiều tiếng gào giật đùng đùng:

- Đỉa ….! Đỉa ….! … Nhiều đỉa quá!

Một số người nhào vào bờ. Chàng Gôm mặt tái ngoét, hai tay thay nhau bấu, lôi một con đỉa hẹ như cái sơ mít đang bám phía trên đầu gối, chân nhẩy giẫy đành đạch. Gôm lính quýnh mãi không lấy được con đỉa ra, cứ dứt đầu này thì đầu kia nó lại bám vào da. Thương hại, tôi chạy lại bên Gôm, nhổ một bãi nước bọt vào tay, rồi xát vào đùi Gôm, chỗ con đỉa bám. Tôi lôi con đỉa ra một cách dễ ợt, rồi ném mạnh ra xa vào chỗ đống bùn, trước những con mắt mở to của Lê Văn Kính và thầy tu Nguyễn Thanh Đương. Kinh người miền Nam hỏi tôi một cách trầm trồ:

- Bình bạo thế! Làm sao lại phải dùng nước bọt?

Tôi cười thản nhiên:

- Ồ, còn nhỏ, tôi mò cua bắt ốc là thường. Còn nước bọt nó trơn, con đỉa không bám được vào da nữa. Người ta nói: "Dai như đỉa đói" là như thế!

Miễn, cán bộ toán và tên CAVT (công an vũ trang) cũng tươi mặt mỉm cười nhìn tôi. Phía cuối toán cũng có vài anh nữa ở dưới ao, đang ném những con đỉa ra mãi tít xa ngoài giữa ao. Một số anh nhanh nhẩu quát:

- Hãy ném đỉa lên bờ, ném xuống ao, nó trở lại cắn nữa!

Cả cái vòng tròn của cái ao to, nhiều toán cũng ném đỉa tứ tung. Xa xa hai chiếc ao hình sự và K2 cũng đang í-ới về đỉa. Bỗng có tiếng những cô gái hét lên, chạy xôn xao, nhưng xa quá nên tôi chỉ thấy thấp thoáng trong sương mờ. Có mấy anh ở dưới ao, hướng về tên CAVT cao giọng:

- Đề nghị cán bộ, cho mấy chúng tôi tình nguyện sang bắt đỉa cho phía phụ nữ đó ạ!

Tên vũ trang đứng gần phía đống lửa, mắt y long lanh nhìn sang phía K2, đầu lắc lắc, miệng y lại cười cười. Tôi có cảm giác tưởng như y muốn nói:

- Nếu tự nguyện sang bắt đỉa cho phụ nữ được thì tôi chả để đến phần các anh đâu!

Lẫn vào trong tiếng trống, tiếng loa hò hét; bỗng một hồi kẻng lanh lảnh phía cổng trại như ngoáy vào sương mù làm cho những tiếng loa, tiếng trống im bặt. Giờ hạnh phúc, giờ giải lao, giờ ăn sắn bồi dưỡng đã đến rồi; một đoàn người gánh gồng từ trong cổng trại đang tiến ra các bờ ao. Nguyễn Huy Lân và mấy anh tổ trưởng toán 2 đang lúi húi trải một tấm nylon xanh cũ, nhiều chỗ đã đen nhẻm xuống đất gần chỗ đống lửa, để cho anh nhà bếp đặt gánh sắn còn bốc hơi.

Mùi sắn thơm ngọ, phả vào trong màn sương đặc, nhưng chợt có một mùi thơm khác, mùi thơm lạ, mùi của mỡu, của protéin. Mùi thơm ngậy, luồn vào trong gió rồi lách vào mũi của mỗi người, làm cho nước miếng của tôi đã rỉ ra trong miệng. Tôi nhớn nhác nhìn về phía đống lửa: Bùi Tâm Đồng, Lê Văn Kinh, Nguyễn Văn Gôm và Lò Văn Lui, anh nào mồm cũng đang nhóp nhép nhai. Mặc, đám đông đang ríu rít chia sắn bồi dưỡng, tôi sà đến chỗ đống lửa . Miệng còn đang nhai, Lê Văn Kinh giơ cho tôi một miếng đen đen cháy, bằng ½ ngón tay út vồn vã:

- Còn một con cá bống cơm đây, phần Bình.

Nước bọt đã ứa ra miệng, tôi cầm lấy với ánh mắt biết ơn. Của quý mà anh em dành cho; miệng nhai, mũi ngửi nó vừa thơm vừa bùi lại ngầy ngậy, mắt sáng ra háo hức:

- Cá bống cơm ao bèo bồng, sao mà ngon thế hở trời!

Tôi chợt thắc mắc:

- Sao cá bống mà lại không có xương sống?

Cả 4 người đều cười như nắc nẻ:

- Đỉa đấy ông bạn ơi! Làm gì ra có cá bống!

Nghe thế, tôi cũng thấy hơi nhờn nhợn, lợm giọng nhưng kệ nó, vì ngon quá! Hơn nữa, cả 4 người họ đang đi lùng sục bới trong những đống bùn. Từ sớm tới giờ mọi người vất đỉa lung tung, bây giờ lại đi tìm. Anh nào chưa nếm mùi "cá bống cơm" thì còn lửng lơ, chỉ nhìn quan sát tò mò. Anh nào đã nếm mùi thì đều đôn đáo, tay cầm sắn, mồm nhai, nhưng mắt vẫn nhớn

nhác nhìn đây đó để tìm "cá bống cơm". Thậm chí có mấy người còn lội hẳn xuống ao, chân tay khua động nước, rồi đứng yên chờ cho đỉa đến cắn, bắt đem lên nướng. Thành ra giờ đây lại đi tìm đỉa, chứ không còn sợ đỉa nữa.

Câu chuyện "cá bống cơm" này đã hơn 30 năm, bây giờ Lê Văn Kinh (người nhái) đang ở Florida đôi khi trên phone tôi và Kinh vẫn còn nhắc lại để rồi hai ông già còn cười, cùng nhớ lại "Đàn cá bống cơm ao bèo" của muôn năm cũ.

Gần nửa đêm hôm qua, tôi giật mình thức giấc vì tiếng báo cáo đi cầu của anh Lồ Cao Diu ngay sàn trên, đối diện với tôi. Tôi cứ nằm nghe tiến gió rừng rì rào lẫn với những tiếng gáy cò cử của một số người trong buồng: bỗng hai tiếng sấm đoành… đoành ở phía Tây, làm rung rinh cả căn buồng. Rồi nhu có một chiếc xe lửa nhiều toa gầm ghì chạy ngang dọc trên bầu trời. Những lằn chớp nháy, có lúc xanh lè ngoài cửa sổ, một trận mưa như đổ nước xuống từ trên trời.

Mưa rào rào xối xả vào mái nứa, vào phên tre, gió càng mạnh thốc vào cửa sổ. Đã có nhiều người dậy hút thuốc lào, đi vào nhà cầu, nên không ai còn phải báo cáo nữa. Thực ra cái khâu tù đi ỉa, đi đái đêm phải báo cáo này, đã từ lâu không còn nghiêm ngặt áp dụng nữa, như tôi đã trình bày 2 năm trước đây, ở phân trại E; cho nên giờ đây các buồng đi cầu đêm, rất ít người báo cáo. Có chăng chỉ còn một số người, đa số là dân tộc hãy còn do thói quen, tính mộc mạc ngoan ngoãn chấp hành.

Nằm mãi nghe sấm chớp, gió mưa gào thét tôi chợt nhớ tới giọng ca rên rỉ khàn khàn, đùng đục, dài lòng thòng của ca sĩ Thanh Thúy trong bài "Mưa Rừng" thủa nào:

Mưa rừng ơi… Mưa rừng.. Hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì lòng người…. Mưa sầu vì tình đời … Lá vàng rơi lìa cành … gợi ta nỗi niềm riêng….. Ôi! Ta mong ước xa xôi, nhưng đêm mãi cô đơn. .. gửi tâm tư về đâu?… Mưa thương ai? Mưa nhớ ai?….Mưa rơi như nhắc nhở, mưa rơi trong lòng tôi… Mưa rừng ơi! Mưa rừng…. Tìm đâu hỡi ơi… bóng ngày xưa?……

Rồi tôi đi vào giấc ngủ muộn lúc nào không hay.

Sáng hôm nay, trời trong xanh không một vẩn mây, cảnh vật núi đồi như được lau chùi cọ rửa sạch sẽ đêm qua. Ngồi xếp hàng đôi, bên cạnh Đinh Sơn BK, tổ trưởng tổ kỹ thuật, chờ cán bộ Ý trực gọi đến toán 2 xuất trại như mọi khi, Sơn ghé sang tôi hỏi nhỏ:

- Bình có biết máy bay của Lâm BưU trên đường chạy trốn, bị tên lửa bắn rơi tan xác ở Tân Cương do chính Mao trực tiếp ra lệnh không?

Tôi lắc đầu, ngạc nhiên vồ vập:

- Tin ở đâu, có chắc không?

Sơn càng nói nhỏ hơn nữa:

- Do tự giác, ngoài dân họ đồn ầm lên! Họ nói do đài BBC đưa tin.

Phần vì thấy sự việc còn mãi ở bên Tàu xa xôi, không trực tiếp giải quyết gì đến cảnh đời của mình; phần khác tâm trí tôi còn bao nhiêu thấp thỏm với ngôi nhà xây số 3. Đêm qua, khoảng 2 giờ tôi nghe nhiều tiếng xon xao và tiếng chân của một số đông người, đi từ cổng trại đi vào. Thấy bác Tiến đã dậy rồi, tôi ghé sang mùng bác nói nhỏ:

- Bác ơi! Không biết tù ở đâu đến, mà lại đến khuya thế?

Bác thì thào:

- Bác cũng không đoán ra!

Rồi bác nhấc màn chui ra, đi vào nhà cầu.

Mới sáng sớm, khi cán bộ điểm xong, tôi phải phiên trực mâm lấy sắn sáng. Tôi chạy hộc tốc như các mâm khác, xuống bếp để lĩnh soong sắn. Vì có giao tình riêng với anh Khuê toán trưởng nhà bếp, tôi đã lủi vào buồng anh thăm hỏi, tù nào ở đâu chuyển đến đêm qua? Do những liên hệ phục vụ cơm nước, nên anh đã cho biết: có 52 Biệt Kích thuộc trại Phong Quang Yên Bái chuyển đến ngôi nhà số 3 đêm qua.

Lúc đầu, chắc chưa phân bổ tổ, toán để lao động nên không thấy có ăn sáng. Hàng ngày, cứ khi nào xuất trại xong 9, 10 giờ sáng, nhà bếp mới khênh cơm nước lên, đi thẳng vào trong cổng khu nhà số 3.

Hầu hết anh em BK (Biệt Kích) ở trại 1, đều băn khoăn nghe ngóng tìm hiểu xem có những ai quen biết, thậm chí có cùng toán BK của mình chăng? Mới hơn một tuần, Gôm ở dưới buồng của anh Thái y tá về cho biết: sáng nay có một anh BK từ ngôi nhà số 3, được khênh xuống bệnh xá, hơn một giờ sau đã chết rồi. Nguyễn Văn Thú, Chăn và tôi định kín đáo chiều nay đi làm về, sẽ ghé xuống xem BK đó là ai? Vì sao chết để cùng chia sẻ gọi là một chút nghĩa tình của anh em. Nhưng cho tới lúc chúng tôi đi làm về, thì

anh Thái lén lúc cho biết: Đã đem đi chôn lúc 2 giờ trưa rồi. Anh Thái ghé vào tai tôi như nói riêng:

- Do may mắn nên Thái biết được tên người chết là Vũ Khắc Hải, chết do bệnh lao, suy nhược, vì không có thuốc. (Mãi gần một năm sau, khi Hiệp Định Paris 27-1-1973 sắp ký, tôi mới biết rõ anh VKH thuộc toán Roméo gồm 10 người, ra Bắc từ 19 tháng 11-1965)

Thật là bất ngờ, tối hôm qua, saui khi cán bộ trực Ý vừa điểm buồng xong chừng 40 phút; anh em vừa họp tổ sinh hoạt hàng tuần, lại có tiếng chìa khoá rủng rẻng ở cửa buồng, rồi cửa mở. Cán bộ Ý bước vào buồng, bên ngoài còn lố nhố một số CAVT. Hắn đứng giữa nhà dõng dạc:

- Những anh có tên sau đây, chuẩn bị công, tư trang quần áo khi gọi đến tên trong vòng 10 phút, phải ra khỏi buồng để chuyển trại.

Ai cũng mắt mở to, thao láo nín thở lắng nghe; lần lượt 19 anh, hầu hết là BK của toán 2 và 3. Tôi tập trung tinh thần lắng nghe, đợi gọi tên mình, óc lướt nhanh những gì còn mắc mứu với những người trong buồng, cũng như buồng khác. Trong buồng của toán 2 (mộc) và 3 (xẻ) gồm 97 người. Có chừng 20 BK gián điệp; còn lại là những người dân tộc và chính trị địa phương. Tôi bàng hoàng không hiểu ra sao; có những toán chia đôi, xẻ 3 không theo một cái khuôn thước nào, có toán đi hết:

Toán Strata:

Nguyễn Cao Sơn, Nguyễn Như Ánh đi

Trần Quốc Quang, Trương Nàm Tráng ở lai

Toán Người Nhái Cancer:

Lầu Chí Chăn, Lý Giòng Slau ở lại.

Dương Long Sang,Voòng Hợp Văn đi.

Ngay đêm ấy, nhà bếp đã được lệnh bí mật chuẩn bị cơm nước đi đường. Cho đến sáng hôm sau, cả 3 Biệt Kích ở toán rau cũng phải đi, bao gồm 22 người. Còn lại 6 người ở lại trại I là:

- Lầu Chí Chăn

- Lý Giòng Slau

- Lê Văn Bưởi

- Đặng Chí Bình

- Trương Nàm Tráng

- Trần Quốc Quang.

Đặc biệt, trong những người đi,có cậu Hoàng Mạnh Hùng. Ngay từ đầu năm 1968, tôi ở dưới Hoả Lò lên vào phân trại E gặp cậu, tôi và cậu đã mến nhau coi như anh em. Tôi đã trèo lên sàn trên để giúp Hùng, buộc gói chăn màn. Hùng là dân tộc Nùng, thuộc toàn Samson BK, ra Bắc ngày 5-10-1966. Tôi xin sơ lược vài nét về toán Samson:

Toán gồm có 8 người. Địa bàn hoạt động tại Điện Biên Lai Châu vùng ngã ba Trung Quốc, VN và Lào. Ngày 5-10-1966 từ Long Thành đi trên hai chiếc trực thăng ghé qua Thái rồi qua Lào đến địa bàn hoạt động.

1. Vương Văn Can, toán trưởng bị chết trận (3-12-1966)

2. Nông Quốc Hải, toán phó (đã chết ở trại Quyết Tiến)

3. Shè Khừu Sáng, truyền tin (hiện ở Atlanta – Mỹ)

4. Hoàng Mạnh Hùng, toán phó (hiện ở New York – Mỹ)

5. La Văn Thịnh, toán viên

6. Nguyễn Văn Châu, năm 1977 được cho ra công nhân (đểu) Hồng Thắng rồi mất tích. Cho tới nay không biết.

7. Lưu Văn Y, chết trận ngày 3-12-1966

8. Văn Tế Xương, toán viên. Vì một chiếc đồng hồ đeo tay, bị giết ở biên giới Miên Việt (1987)

Toán được tiếp tế lần thứ nhất: 5 kiện hàng có 3 máy truyền tin (13-10-1966)

Lần thứ hai: 10 kiện hàng (28-11-1966)

Rồi bị lộ, chiến đấu chống trả. Toán bị 2 chết và 1 bị thương là Sáng, gãy một chân và lòi một mắt. Toàn toán bị bắt ngày 3-12-1966. Một chuyện như giai thoại, theo Hoàng Mạnh Hùng mới kể lại (2004):*Trước ngày đi công tác, trong khi đo giầy cho Sáng, Sáng lấy một chiếc giầy vẽ một con mắt to*

tướng. Khi ra Bắc chiến đấu, Sáng bị bắn lòi một con mắt, như vậy phải chăng là một cái "điềm"?

Chúng tôi cũng nhiều dọ dẫm, nhưng tù nhân không một ai biết số BK ở trại 1 đã chuyển đi đâu? Một sự chuyển đổi có dụng ý: Đêm ngày hôm sau, đúng là ngày 3 tháng 2 (ngày thành lập đảng Lao Động VN) thì 71 người BK từ trên trại Quyết Tiến, Cổng Trời, Hà Giang chuyển về ngôi nhà xây số 1. Từ đấy liên hệ nhớ ngày BK ở trại 1 chuyển đi là 2-2-1972. Chúng tôi đoán tình hình bên ngoài có chuyển biế; ngày đầu tháng 2-1972 tù trại 1 chuyển đến, chuyển đi xoành xoạch làm xáo trộn toàn bộ trại, tù nhân cũng như cán bộ. Tiếp theo lại có mấy đợt tha tù chính trị miền Bắc như tu sĩ, phản tuyên truyền, phản cách mạng và tù dân tộc thiểu số nữa (Sau này, chúng tôi mới hiểu CS chuẩn bị để ký hiệp định Paris)

Riêng về toán 2 mộc, sau khi cả Nguyễn Huy Lân (Toán trưởng) và Đinh Sơn (tổ trưởng tổ kỹ thuật) chuyển đi; anh Nguyễn Trọng Tiềm tù chính trị miền Bắc lên làm toán trưởng. Tôi là tổ trưởng tổ kỹ thuật (thay Đinh Sơn), chuyên đóng những hàng kỹ, gỗ qúy, thường làm cho các cán bộ đặt là chính.

Trước đây lực lượng Biệt Kích hầu như đảm nhận những sản phẩm chính yếu của toán mộc. Giờ đây do những anh em tù chính trị miền Bắc là nồng cốt. Khá tay nghề chỉ còn tôi và Lầu Chí Chăn đều trở về tổ kỹ thuật, để làm hàng đặt của cán bộ các phân trại. Cán bộ toán 2 vẫn do ông Lê Trí Miễn phụ trách, hàng ngày chúng tôi vẫn đi lao động trong lán thủ công phía trái của trại. Do những xáo trộn như tôi đã trình bầy, bây giờ ngay đầu lán mộc, cạnh tổ kỹ thuật của tôi lại có một tổ làm guốc (mặt hàng mới) gồm 4- 5 người, do anh Phạm Phú Lục làm tổ trưởng.

Qua trao đổi tâm tình, được biết anh Lục là người Bình Định, cán bộ huyện tập kết, Anh bị bắt vì có tư tưởng chống đối đường lối lãnh đạo độc tài của đảng Lao Động, đã bị bắt 6 năm rồi. Khi còn ngoài xã hội, anh đã từng phục vụ trong một cơ sở thủ công về dép, guốc phụ nữ ở Hải Phòng. Sáng nay anh ghé sang tôi, đứng nhìn Chăn và tôi đang thao tác một cái tủ lệch, kiểu Đức bằng gỗ lát cho ông Toán, chánh giám thị trại. Lúc chỉ còn mình tôi Lục đến sát tôi nói nhỏ :

- Bình có biết Kissinger sang Trung Quốc chuẩn bị cho Nixon sẽ sang gặp Mao đấy?

Tôi vừa lắp cái bản lề cánh tủ, vừa hỏi lại Lục :

- Tin ở đâu mà đặc biệt thế?

Lục nheo nheo cặp mắt, miệng nói như vội vàng :

- Cứ biết thế, đừng hỏi!

Rồi Lục bước vội sang tổ guốc, cùng lúc ấy Chăn và Phùng Văn Tại lặc lè, khênh một tấm ván gỗ mỡ về. Tại cùng tổ của tôi, anh là một chủng sinh, cũng cái tội không chịu bỏ tu để về nhà lấy vợ; tôi cũng nói sơ qua sự việc đó với Chăn và Tại.

Mấy ngày nay, nhìn sang toán xẻ, tôi thấy có nhiều tù lạ. Chăn đã cho biết, đó là những Biệt Kích ở trại Quyết Tiến trong khu nhà xây số 1. Trong khi thao tác, tôi nhìn sang, thấy dáng dấp mấy anh em quen quen. Lợi dụng sự đi lại trong giờ giải lao, tôi lỉnh sang. Đúng như rằng, tôi vừa ghé sang đến toán 3, thì một anh còn trẻ từ một góc trong chạy vội ra mừng rỡ, vồ vập :

- Anh Bình! Anh lại ở đây à?

Tôi cũng vui ra mặt, ôm chầm lấy, đó là Lưu Nghĩa Lương. Từ ngày ở xà-lim 1 Hoả Lò tôi ra trại chung (cuối 1967) 5 năm bất ngờ gặp lại. Mừng rỡ như chị gặp em, tíu tít bao nhiêu chuyện, Lương ríu rít :

- Nguyễn Phương, Hoàng Cung, Trịnh văn Truyện, Hoàng Trọng cũng có ở đây anh ạ!

Tôi choáng người, vừa nhìn dáo dác vừa hỏi ngay :

- Đâu? Đâu?…

Lương đã dẫn tôi ra sân sau, của toán 3. Tôi choáng vì mấy người đó là thủy thủ trên con thuyền định mệnh, đã đưa tôi ra Bắc 10 năm xưa. Tôi mới bước chân tới sân sau, một việc tuy nhỏ bé, nhưng đã khắc ghi vào lòng tôi cho đến bây giờ. Vì nó nói lên sự thủy chung, tư cách ứng xử truyền thống nho phong của một con người. Tôi bước vào, có 5- 6 anh đang cởi trần trùng trục, mồ hôi nhễ nhại, chắc vừa cưa xẻ, ngồi nghỉ mệt : Anh Nguyễn Phương (chuyến đi của tôi anh là Tarzan thợ máy dễ mến), các anh Cung, Truyện thoáng thấy tôi, vội vàng với tay lấy cái áo đang treo ở cột khoác vào, rồi đều quay lại, hơi thấp đầu nói nhỏ :

- Chào ông!

Tôi quá cảm động cũng không nói lên lời, thành ra lí nhí :

- Cám ơn các anh!

Có thể trong một phút bất ngờ, phản xạ tự nhiên? Các anh quên mất các anh là tù và tôi cũng là tù.

Tuần trước, tôi và Lầu Chí Chăn lên gian vernie, do Qúy cụt làm tổ trưởng. Ngồi nói chuyện với Qúy, tôi và Chăn đều ngửi thấy mùi "cồn" nồng nặc. Chỉ ngửi mùi cồn, mà người cũng thấy lâng lâng, hồn muốn bay la đà nhấp nhổm. Thế là Chăn và tôi đã lén lút thì thầm : Nếu vernie này, lọc qua một cục bông gòn thì có thể uống được.

Đời bây giờ tăm tối mịt mù, hãy thử cho say một bữa, cho lòng đê mê, cho hồn bay bổng lên cuộc đời một lần, cho sướng. Bàn tính, chuẩn bị, theo dõi mọi tình huống.

Qúy cụt được cán bộ toán tin cẩn, giao chìa khoá kho, nhưng chúng tôi đã dạm thử nhiều lần, thấy không kết quả. Còn Phạm Phú Lục tổ guốc là phụ tá cho Qúy (Qúy cụt tay không thể mang vác), thường xuyên ra vào kho. Sau khi tôi dạm ý, anh ta đã đồng ý ở mức độ : coi như không hề biết dù có trông thấy.

Đành phải trù liệu một kế hoạch nhỏ. Bắt buộc phải cho bác Lương Yên người Lào, gốc Việt, làm vệ sinh của toán tham gia. Bác có điều kiện gác tên công an võ trang ở chòi gác, cách lán chừng 5 chục mét và coi cán bộ, bất chợt đi ra thì làm hiệu tay.

Tôi sẽ nói chuyện với Qúy cụt, để giữ nó mươi phút. Chăn ở một cái ngách, luồn trèo lên mái nhà kho. Khéo léo cắt, tháo lạt buộc những tấm phên nứa trên mái, rồi chui xuống; đã chuẩn bị một ống nứa chứa chừng một lít. Sau khi xong, trèo lên, buộc lại trong vòng 10 phút. Sau những chuẩn bị táo bạo, kết quả : Lầu Chí Chăn đã dũng cảm thi hành công tác, một cách mỹ mãn : chiều hôm đó đã có một ống nứa đầy vernie, nút kín, dung tích gần một lít, giấu trong cầu bào của tôi.

Cái khâu lọc vernie không thể thực hiện được, vì cái mùi cồn nồng nặc. Đã từ những tháng trước, tôi có giao tình "hẩu" với anh trật tự mới của trại là Shi-ha Nam (người Campuchia). Tên Việt anh ta là Nam, nhưng chúng tôi gọi đùa là Shi-ha-Nam (Campuchia khi đó có ông vua Shihanouk) rồi thành tên, cả trại đều gọi. Nghe nói anh ta mang tội buôn lậu thuốc phiện, tù bên phía hình sự. Cho nên tôi chịu trách nhiệm đưa vernie vào trại. Tôi đã chuẩn bị, nếu bị lộ tẩy thì nói là đem vernie về đánh lại mấy cái hòm (rương) đã quá cũ v.v… của chúng tôi.

Với nhiều những ứng biến khéo léo, buổi chiều thu quân hôm ấy, tôi đã đưa lọt vernie vào buồng giấu kỹ. Cái khâu lọc vernie làm cho tôi nát óc; ngay sau khi cơm nước xong, tôi chạy sang gặp anh Hiệp ở buồng số 1 bên

cạnh (Hiệp đã đánh cờ với tôi ở phân trại E), không ngờ quá dễ dàng giải quyết cái khâu này. Vernie gồm có cồn và cánh kiến hoà tan, bây giờ chỉ cần đổ một ít nước lạnh vào, cánh kiến sẽ nổi lên, vớt hết đi, nước còn lại có mầu sữa loãng, lại đỡ mùi hăng của cồn xông lên.

Quan điểm của tôi và Chăn là khi mình có một món ăn ngon, muốn cho mọi người thân quen được thưởng thức. Bạn bè thân quen thì hàng chục, tôi hiểu rằng hễ nhiều người biết thì sẽ lộ. Khâu đổ nước vớt cánh kiến, lúc đầu chúng tôi định giải quyết ở trong nhà cầu, nhưng thấy thường xuyên có người ra vào, nên quyết định làm ở trong mùng. Tôi, Chăn và anh Lương Yên đều nằm sàn dưới, không tiện; Phạm Phú Lục nằm sàn trên, nhưng Lục e ngại vì anh có trách nhiệm trong kho vernie.

May quá, anh Hưng, một dân chơi Hà-Nội như Nguyễn Văn Gôm (Gôm không hẩu rượu nên không để tham gia). Hưng thuộc toán 3 nằm cùng buồng với toán 2. Do một sự tình cờ, Hưng chui vào gầm sàn để tìm chiếc dép râu, mà anh cho là một người bạn nào đó đã trêu anh, vì thế anh đã nhìn thấy ống nứa đựng vernie. Tôi phải dàn xếp, sau khi biết nội vụ, Hưng rất hân hoan, nồng nhiệt xin tham gia. Hưng đã háo hức thì thào vào tai tôi :

- Anh Bình có biết không? Ngày xưa còn đi học ở Hà-nội, em là con sâu rượu. Bị bắt hơn 4 năm nay em thèm, em nhớ hơn cả người yêu; xin anh cho em tham gia, với lòng tự trọng, em xin giữ bí mật, dù có bị thiệt hại.

Thấy Hưng khẳng khái và nhiệt tình tôi và Chăn đều để Hưng cùng thưởng thức. Hưng lại ở sàn trên, nên tối hôm đó, sau khi cán bộ điểm xong, Hưng bỏ mùng sớm. Hưng lấy lý do thấy người khó chịu, Chăn chui vào mùng, 2 người làm việc. Tôi chịu trách nhiệm "ghếch" quan sát, phòng hờ mọi tình huống. Vả lại, thông thường, khi điểm xong nếu không sinh hoạt tổ, toán thì tùy theo, tụm 5, tụm 3 chuyện trò tán gẫu. Nhiều người đi nằm vì muốn yên tĩnh hoặc mệt mỏi v.v…

Để giảm bớt nguy cơ bị phát hiện, tôi bàn với Chăn : chơi theo lối cá lẻ, nghĩa là mỗi người 1 ly (ống nứa con) vào mùng của mình thận trọng mà hưởng. Ba người kia biết tôi và Chăn, còn 3 người ấy không hề biết cùng uống tối hôm đó. Sau khi sắp xếp ổn, mỗi người đều có 1 ly riêng vào mùng tự thưởng thức.

Phần tôi, chao ôi! Sao mà đê mê thế hỡi trời! Đúng là : Chiến đấu càng gian nan, chiến thắng càng vinh quang. Tôi trang trọng nói rằng : Không phải ai cũng được hưởng cái thú Lưu Linh tuyệt vời như chúng tôi. Giữa cái nghiêm khắc ngặt nghèo; cái khổ đau tràn lối, bị o-ép tứ bề của nhà tù CS mà được hưởng cái ngất ngưởng đê mê và cũng tê tái cuộc đời, thì mới cảm

nhận đến cái đáy cùng bủn rủn, ngất ngây của kiếp người. Tôi xin cảm tạ ông thần Lưu Linh!

Khoảng hơn 9 giờ, tai tôi nghe rõ vừa kẻng cấm xong, chừng mươi phút; bỗng anh chàng Hưng ở sàn trên ông ổng rời rạc, rên rỉ bài thơ "Say Đi Em" của Vũ Hoàng Chương :

Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Chưa cuối xứ Mê Ly….
Chưa cùng trời Phóng Đãng…
Say đi em! Say đi em!
Say cho lơi lả ánh đèn.
Say không còn biết chi đời…
Đất trời nghiêng ngửa.
Mà trước mắt thành sầu… chưa sụp đổ.
Thành sầu, không sụp đổ… Em ơi!

Không thể được, tôi bò dậy, trèo vội lên và chui vào mùng của Hưng. Hưng đang nằm ngửa, chân giạng ra, hai tay chới với giơ lên phía đỉnh màn, miệng vẫn gầm gừ như con chó đang tranh ăn, tôi đập khẽ vào ngực Hưng :

- Làm cái gì vậy Hưng ?

Hưng gạt tay tôi ra, mồm còn lảm nhảm :

Trời say ta cũng lăn quay.

Ở đời được mấy lần say mà già.

Tôi bịt miệng Hưng và ghé sát vào tai :

- Muốn cả lũ vào kỷ luật, cùm ư?

Hưng im bặt và như tỉnh ra. Tôi lại ghé sát vào tai Hưng nói tiếp :

- Bản lĩnh của người con trai, lý trí vững mạnh của Hưng đâu ? Hãy uống một ngụm nước rồi nằm im.

Nói rồi, tôi với tay lấy chai nước ở phía đầu giường, mở nút đưa cho Hưng. Như có một sức mạnh tiềm ẩn, Hưng ừng ực uống hai ngụm, còn nói khẽ :

- Xin lỗi anh Bình!

Rồi Hưng nằm xuống trong thái độ tỉnh táo; ngồi thêm chừng 2 phút, tôi mò xuống chỗ Lương Yên. Anh nằm như chết và đang kéo gỗ. Tôi lại trèo lên mùng Phạm Phú Lục, anh ta cũng nằm ngủ rồi. Tôi lại lỉnh xuống mùng của Chăn. Thấy nằm yên ắng, tôi cầm tay, Chăn nói như bình thường :

- Yên trí, không sao đâu!

Buột miệng tôi nói khe khẽ với vẻ tự hào và hơi ích kỷ :

- Thế mới xứng đáng là Người Nhái chứ!

Tôi vào đi tiểu, rồi mò về mùng chui vô, lòng vừa buồn vừa vui. Vui vì xem ra sự việc đã ổn, buồn vì tiếc, cả 10 năm trường, được cái may mắn diện kiến với cụ Lưu Linh, nhưng không được hàn huyên, tâm sự.

Đêm nay nằm trằn trọc mãi không ngủ được; tôi chợt nhớ đến lúc sinh hoạt của toán buổi tối hôm qua. Nghĩ đến bộ mặt ngơ ngác, nhớn nhác của anh chàng Phạm Phú Lục, bụng tôi còn cười rung lên. Đã trở thành thông lệ hàng năm, cứ mỗi độ Hè về tù lại phải tắm "khô" nghĩa là, tắm không cần nước.

Tuy vừa hết Xuân mới chạm đến Hè mà trời đã nóng chảy mỡ, nhất là ngồi trong một cái buồng chật chội hàng trăm người. Tuy hầu hết anh em đều cởi trần, nhưng ngồi sinh hoạt mồ hôi lúc nào cũng nhơm nhớp. Nhiều anh cái tay tẩn mẩn cứ vân vê lưng, tay, cổ của mình; hàng 5- 6 ngày không có điều kiện tắm rửa nên nó ra hàng cục ghét. Cái tay buồn cứ vò mãi, vê mãi, ghét thành từng cục, có khi bằng hột đậu xanh, cá biệt có khi bằng hạt đậu đen rồi búng đi tứ tung trong buồng.

Vì thế có anh đang ngồi bị "độp" một cái vào mặt, có khi vào tai, vào cổ v.v… Lúc đầu người nào chưa hiểu thì giật mình ngơ ngác, nhìn khắp chung quanh xem có ai trêu ném mình, có khi nhìn lên mái nhà, suy đoán là con mối hay con gián ỉa?

Tối hôm qua, anh chàng Lục đang phồng mang, trợn mắt phát biểu ý kiến xây dựng phê bình anh Lê Văn Bưởi, không chịu lao động tích cực, mà chỉ làm cầm chừng. Đột nhiên, một cục ghét bắn ngay vào mắt anh, Lục giật mình nhìn khắp mọi người tưởng ai ném anh ta, nhưng họ đều ngồi yên, không ai nhìn, anh đành cúi xuống giụi mắt. Chỉ có người búng viên ghét ấy, thì cười rung bụng và cứ mỗi lần nghĩ tới, bụng tôi lại rung lên bần bật (kể cả lúc bây giờ ngồi viết lại).

- 3 -

M I Ế N G N G Ọ C C Ủ A Đ Ờ I

Sáng hôm nay, sau khi toán 2 cũng như các toán khác, xếp hàng đôi ra đến chỗ quy định, ngồi chờ cán bộ gọi toán xuất trại như mọi khi, anh Tiềm toán trưởng tiến ra gần cổng trại chỗ đám đông cán bộ , bộ đội vũ trang để báo cáo như thường nhật với ông Lê Trí Miễn, cán bộ toán. Tiềm trở về chỗ toán ngồi xếp hàng, anh đến chỗ tôi tươi mặt :

- Ông Miễn chỉ định phân công Bình với Nguyễn Thanh Đương, hôm nay vào K2 sửa chữa sàn và cửa. Bình theo toán ra lán thủ công lấy dụng cu, rồi có cán bộ dẫn vào K2.

Mấy người ngồi gần nghe thấy đều ồ… ồ… lên, anh chàng Gôm ré lên :

- Tôi xin tình…

Anh Đồng ngồi cạnh đấy đã cắt câu nói của Gôm :

- Không phải ai cũng được vào K2; phải tương đối nghiêm trang, đứng đắn, chứ ồn ào như cậu, vào đấy để làm loạn à?

Ra tới lán, sau khi anh Tiềm đứng nghiêm trang báo cáo với tên công an võ trang, con số toán vừa xuất trại theo thủ tục, tôi và Đương chạy về phía cầu bào của mình để lấy dụng cụ . Tôi còn đang lúi húi xếp vài cái dụng cụ cần thiết vào cái hòm con cho Đương xách đi, thì anh Tiềm tiến lại cầu bào, bảo tôi :

- Ông Miễn bảo Bình lên gặp ông!

Khi tôi bước vào căn buồng riêng của ông, ông nói ngay :

- Tôi định để anh Chăn đi với anh, nhưng anh ấy phải ở lại tổ kỹ thuật, vả lại *"thầy 1 thợ đôi"* anh chỉ cần 1 thợ phụ thôi.

Khi tôi chào ông bước ra, ông ta còn nói với theo :

- Tôi tin tưởng nơi anh.

Tôi và Đương xách hòm dụng cụ và cái cưa con đi ra cổng lán thủ công, cũng là lúc một tên công an võ trang đang đứng với ông Miễn ở cổng lán, đi ra theo.

Mây trời lãng đãng vài vạt lửng lơ không một ngọn gió, cây rừng đứng im phăng phắc. Mới giữa tháng năm mà hôm nay sao nóng lạ? Chỉ hơn 2 cây số đường mòn, mà áo tôi và Đương đã ướt đẫm mồ hôi; tên công an đi phía sau chắc cũng chảy nước! Chẳng nói với nhau một lời, tuy cùng một quê hương nhưng thành 2 thế giới, mỗi bên đều có một bức tường riêng.

Trong khi tôi với Đương thì ríu rít chuyện trò, như được xổ lồng, phơi phới đón nhận cảnh núi rừng thiên nhiên. Tôi dõi mắt theo một đôi bướm vàng đang đuổi nhau, chúng lả lơi luồn dưới cành này, lách qua mấy cành kia nhởn nhơ nhung nhăng, phớt lờ coi như không có chúng tôi đang đi ở trên đường; nghĩ lại cảnh đời của mình, một hơi thở dài nhè nhẹ xì ra không nín được.

Kia rồi, đã tới cổng của trại nữ, trại vây bọc bằng nứa cây, giống như phân trại E tôi đã ở. Nhìn thoáng bên trong có chừng 7, 8 ngôi nhà tranh dài như lán chúng tôi, ngoài khu A trại chính . Một nữ cán bộ, mặc bộ đồ vàng, chừng ba chục tuổi, tay cầm một cuốn sổ và một nữ tù trẻ hơn mặc áo sọc, quần đen ra cổng đón chúng tôi. Tên vũ trang nói gì với cán bộ nữ, bấy giờ y quay lại mới mở miệng nói với chúng tôi :

- Khoảng 5 giờ chiều tôi sẽ trở lại đây đón các anh!

Chúng tôi đều dạ …theo thủ tục, trong khi y đã quay ngoắt đi trở lại con đường rừng. Người nữ cán bộ quay lại vẻ mềm mỏng :

- Các anh đã ăn sáng chưa? Tôi là cán bộ trực trại, còn đây là chị Mai, trật tự thi đua của trại, chị ấy sẽ dẫn các anh đến buồng số 3 có một cái sàn bị sập, có gì cần cứ nói với chị.

Thấy người nữ cán bộ trực trại thái độ nhã nhặn, nên tôi cũng cởi mở :

- Cảm ơn bà… chúng tôi đã ăn sáng rồi!

Rồi tôi quay sang cô Mai trật tự, hơi gật đầu như chào :

- Cô vui lòng dẫn chúng tôi tới ngôi nhà số 3.

Không hiểu vì lý do gì, cô Mai có vẻ hơi ngập ngừng không được tự nhiên, khi dẫn chúng tôi đi. Tôi tươi mặt dịu dàng hỏi :

- Một sự tình cờ được gặp cô, cô có thể vui lòng cho chúng tôi thăm hỏi cô một chút, có được không ạ?

Cô nhỏ nhẻ khe khẽ :

- Anh cứ hỏi đi!

Tôi thấy cứ thẳng thắn nêu vấn đề, điều gì mình muốn biết. Quan điểm của tôi : cởi mở thì sẽ gặp cởi mở, hoặc ngược lại, vì thế tôi nói thẳng :

- Dù sao chúng ta cũng đều là tù cả, tôi đã bị tù 10 năm rồi, còn cô?

Cô mở to mắt hỏi như ngạc nhiên :

- Anh tội gì mà ghê thế? Em bị bắt hơn 2 năm rồi!

Để trông cái thông thường, cần giản dị :

- Tội của tôi thuộc về tư tưởng xét lại hiện đại! Còn cô?

Thấy cô có vẻ ngập ngừng, ngại ngần, tôi nói luôn :

- Nếu cô thấy hơi ngại, thì thôi! Không sao cả!

Cũng là lúc đến một cái cửa, tôi nhìn lên thấy số 3 bằng sơn trắng : Vào trong buồng, nhìn dọc sang hai đầu nhà; cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ giống như những lán chúng tôi đang ở. Cô Mai dẫn chúng tôi tới gian thứ hai phía trái, sàn dưới bị gẫy sập xuống. Một cái cửa vào nhà cầu bị rơi bản lề ra, nên cửa phải dựng ở bên cạnh. Một gian khác có mấy tấm ván long đinh ra, vài chỗ khác không đáng kể. Cả buồng có 3 người bị ốm, có lẽ ông Miễn đã biết trước nên đã bảo tôi đem đi, 2 hộp đinh 5 phân đóng sàn.

Đương và tôi, bắt đầu bỏ đồ nghề hì hục thao tác, chúng tôi làm được khoảng 1 giờ, nóng quá tôi xin lỗi 3 người bịnh để cởi trần. Khoảng 10 giờ, cô trật tự Mai đưa đến cho chúng tôi một cái rá con đựng sắn luộc, chừng hơn 1 ký còn đang bốc khói, cô nói một cách ngại ngần :

- Đây là sắn ở nhà bếp còn thừa, bà cán bộ trực trại bảo em đưa lên, mời các anh.

Dù trong bụng chúng tôi đang đói, nhưng cũng không khao khát ăn như thế, tuy vậy tôi cũng nói thẳng ý này.

- Xin cảm ơn cô Mai, chúng tôi đã ăn sáng ở trại, nhưng cô đã đưa ra chúng tôi xin nhận, và nhờ cô cám ơn bà cán bộ trực trại.

Trong lúc cạy sửa 1 số sàn, chúng tôi thấy ở những chỗ kẽ, phía dưới sàn 2, 3 miếng bằng gỗ nhẵn nhụi như cái chầy con, đường kính khoảng 2 phân rưỡi đến 3 phân, dài chừng 14, 15 phân. Nguyễn Thanh Đương giơ ra hỏi tôi,

tôi cũng lắc đầu, chịu chết, chẳng biết họ dùng những cái đó để làm gì, nên chúng tôi cứ để lại chỗ cũ, sau khi sửa sàn xong. Một lúc sau, cô Mai đến nhẹ nhàng nói :

- Gần 12 giờ, xin các anh nghỉ tay, mang dụng cụ lên chỗ phòng trật tự. Các anh ra giếng rửa mặt, tay chân, rồi trở lại phòng trật tự đã có cơm sẵn.

Miệng nói tay cô chỉ cho chúng tôi một gian nhà con con, gần phía nhà bếp.

Tôi và Đương đang lúi húi rửa tay chân, mặt mũi, thì ầm ầm, bình bịch, tiếng la hét, rồi một đám đông hàng trăm người già trẻ lớn bé, nhàng nhàng nhỡ nhỡ, đàn bà, con gái, trần truồng như nhộng, từ cổng trại uà vào trong giếng…

Thật là bất ngờ, tôi và Đương quýnh cả lên! Tội nghiệp anh chàng chủng sinh Đương, cố chạy ra cửa giếng, bị họ đẩy xô vào ngã xấp, ngã ngửa mặt đỏ như gấc chín. Còn tôi cũng chẳng hơn gì, tôi không biết làm sao, chạy ra không được. Phải nói 4, 5 chục người xô vào trong giếng, quần áo họ đã vắt hết lên liếp chung quanh giếng; họ giật lấy cả cái gầu tôi đang rửa.

Trong thâm tâm cũng muốn nhìn cho rõ khi họ cởi truồng, nhưng vì họ đông quá, làm cho tôi không dám mở mắt ra nhìn, đành lấy khăn mặt che đôi mắt bằng hai tay, mặc cho họ đẩy xô chỗ này, sang chỗ khác. Giữa những tiếng la hét, những tiếng cười rũ rượi và nước dội xối xả. Mãi hàng mươi phút sau tôi và Đương mới thoát ra khỏi giếng, mất cả dép và khăn mặt mà không dám vào lấy.

Suốt đời tôi không quên được, anh chàng Đương ngày nay (2002) đã là một linh mục thuộc địa phận Qui Hậu, Tân Kỳ, Nghệ An, cho tới khi về với Chúa thì cũng chắc chẳng thể quên.

Thực ra, bên trại tù đàn ông của chúng tôi, thì mùa Hè nào cũng vậy. Cả khu trại có một cái giếng, cho nên toán nào cũng thì thọt, mánh với công an võ trang cho về sớm mươi phút trước. Về chậm, về sau, giếng chỉ còn nước đục; nếu không nói là cạn hết, chỉ còn nước bùn.

Nhưng trước đây, ở trại tù đàn ông chúng tôi, cái cảnh vào khỏi cổng trại, là tranh thủ vừa chạy vừa cởi quần áo để xông vào giếng, là chuyện bình thường. Nhưng bây giờ tôi mới hiểu do hoàn cảnh khó khăn bên trại nữ cũng vậy, chỉ mấy anh chàng bộ đội vũ trang ở mấy chòi gác là bở. Mùa Hè, ngày nào cũng được rửa mắt để nhìn, để chiêm ngưỡng những "miếng ngọc" của trời.

- 4 -

MỘT GÓC HIỆP NGHỊ PARIS

Một buổi sáng, vừa ăn sáng xong chúng tôi đang chờ kẻng tập họp để đi lao động như mọi khi, thì tên cán bộ Ý trực trại, hộc tốc từ ngoài cổng khu A đi vào buồng số 2. Đến cửa, hắn vẫy tay gọi anh Tiềm- toán trưởng toán 2- tới, rồi y rút trong người ra một cuốn sổ, dõng dạc :

- Những anh có tên sau đây, mang hết công tư trang theo tôi: Trần Quốc Quang, Trương Nàm Tráng, Lầu Chí Chăn, Lý Giòng Slau, Đặng Chí Bình, Lê Văn Bưởi.

Thật là bất ngờ, tôi hấp tấp, tíu tít thu dọn chăn màn, quần áo. Một số anh em còn ngoài sân, chạy xô vào buồng. Trước mặt tên Ý, tôi không nói từ giã được với bất cứ ai, kể cả anh Tiềm toán trưởng, đứng ngay đấy. Khi đi theo tên Ý ra sân, tôi chỉ kịp nhìn khắp một lượt anh em như chào giã biệt. Ngay lúc tôi lúi húi vơ xếp chăn mền, trong đầu thoáng nghĩ : mới sáng sớm, không biết họ chuyển chúng tôi đi trại nào, thuộc tỉnh nào….?

Vừa ra khỏi cổng khu, nhìn ra sân trại tôi đã nhìn thấy một dẫy tù chừng 7- 8 chục người. Họ xếp hàng đôi ôm đồm chăn màn, hòm xiểng như chúng tôi, ngay sát phía cổng trại. Mấy cán bộ lạ cùng mấy cán bộ trại I đi lại lăng xăng. Đặc biệt, tôi nhìn thoáng thấy ông Toán chánh giám thị ở phía trong cổng trại. Tên Ý dẫn 6 chúng tôi đến phía cuối của dẫy tù đó, cao giọng :

- Các anh xếp hàng đôi nối theo đây!

Tôi cũng đã nhìn thấy Lưu NghĩaLương, anh Tarzan và một số anh thủy thủ, tôi đã gặp mấy ngày trước ở toán 3. Như vậy họ là tù Biệt Kích ở trại QT chuyển về khu nhà xây trước đây, nhà số 1. Tôi hỏi mấy anh ở hàng cuối xem họ có biết sẽ chuyển đi trại nào không, nhưng họ đều ngơ ngác không biết như chúng tôi. Đoàn tù 73 Biệt Kích của trại Quyết Tiến và 6 chúng tôi ở trại I gồm 79 Biệt Kích. Đi áp tải có 4 công an võ trang, một tên cán bộ lạ, Bùi Huy Tập cán bộ giáo dục và tên Cao Văn Thục huấn luyện viên võ thuật của cán bộ trại I. Tên Tập đi đầu dẫn đoàn tù đi về phía trái, như thế là đoàn tù đi bộ. Tên Thục đi gần chúng tôi nhìn Chăn và Slau (Người Nhái) y nói như đùa :

- Trông đoàn đi cứ như là "Lính thủy đánh bộ" ấy!

Y nói rồi cười, nhưng chả có ai hưởng ứng, có lẽ vì mệt phải ôm, vác. Khi nãy, tôi đã hỏi lão Tập, chúng tôi chuyển đi đâu? Nhưng y đã lạnh lùng, cộc lốc :

- Cứ đi sẽ biết!

Thấy tên Thục có vẻ vui, tôi hỏi ngay :

- Thưa cán bộ, chúng tôi được chuyển về đâu mà đi bộ thế này?

Y nói cũng cộc lốc :

- K3.

Đi chừng hơn 2 cây số, thấy mọi người mang vác mỏi mệt, nên cán bộ cho nghỉ 10 phút. Giữa 2 bên là triền rừng khuất gió nên thật là oi ả, dù mới cuối tháng 3 sắp bắt đầu vào Hè. Thấy một anh Quyết Tiến cứ nhìn tôi như thiện cảm, tôi cười làm quen : Được biết anh là Nông Văn Hính, dân tộc Tầy, án của anh chung thân (hiện nay ở Cali), thuộc toán SWAN gồm 6 người :

1. Nông Công Định toán trưởng, chiến đấu, chết trận, ngay ngày đầu đổ bộ.
2. Đàm Văn Ngô phụ tá truyền tin, còn ở VN.
3. Đàm Văn Tôn (Tầy) tử trận ngay hôm đổ bộ.
4. Lý A Nhì toán viên, hiện ở Texas Mỹ.
5. Nguyễn Văn Ban Tử hình, trong một vụ vượt ngục.

Toán Swan hầu hết là người dân tộc Tầy. Ra Bắc ngày 4 tháng 9-1963. Địa bàn hoạt động thuộc Bắc Cạn. Lại nhìn thấy một anh ngồi cạnh đấy, mặt mũi trắng trẻo, nhưng có nét trầm ngâm, tôi nhìn anh rồi cười như chào; không ngờ anh lại vồn vã nói chuyện. Được biết anh là Nguyễn Phước trong toán Buffalo, nhẩy ở Quảng Bình ngày 9/6/1964.

Toán anh gồm 9 người, hiện nay ở đây chỉ có anh, rồi liếc mắt chỉ tay một người, đang đứng nói chuyện với tên cán bộ lạ, tên anh ta là Trương Bá Ngữ, cùng toán.

Sau này tôi được biết, những anh trong toán Buffalo gồm có :

1. Võ Khôn toán trưởng, được tha về chết (ở VN?)
2. Trương Bá Ngữ (hiện ở California)
3. Lê Chất (không rõ) từ 12/72.
4. Nguyễn Hóa Đều (chết ở trại Quyết Tiến cổng trời do bị cùm)
5. Nguyễn Khôi (chết trong nhà kỷ luật)
6. Nguyễn Huy (không rõ) từ 12/72
7. Nguyễn Phước (không rõ) từ 12/72
8. Lê Trang (không rõ) từ 12/72
9. Trần Hiệu (không rõ) từ 12/72

Tuy buổi đầu gặp anh, nhưng tôi đã thấy thái độ của anh, toát ra là không ưa Trương Bá Ngữ, cùng một toán Buffalo với anh. Gần trưa thì đoàn tù đến phân trại K3, một cái trại vừa phải (xấp xỉ phân trại E), chung quanh là 2 lượt nứa cả cây, chôn dựng đứng làm hàng rào của trại. Bên trong có 6, 7 ngôi lán dài cũng bằng tre, nứa và gỗ như nhà chúng tôi đã ở ngoài trại xây.

Sau khi vào trại, vào buồng, chúng tôi mới biết : trại chia làm hai khu, chính trị và hình sự. Khu chính trị lại chia làm 3 là F1, F2, và F3. Chúng tôi được dồn vào một cái nhà gọi là F3, gồm gần 100 người. Mấy ngày sau F3 được chia làm 2 đội. Đội mộc hơn 3 chục người trong đó có Lê Văn Bưởi, Lầu Chí Chăn và tôi, do Trương Bá Ngữ làm đội trưởng. Tên Dương Đình Thắng, là cán bộ ở Quyết Tiến về phụ trách. Còn lại gần 6 chục người là đội xẻ, may và công việc linh tinh. Woòng A Cầu là đội trưởng, Nguyễn Xuân Sang đội phó.

Phân trại K3 trước đây chỉ dành cho hình sự, do tên đại úy Nguyễn Thành Cửu làm giám thị. Bây giờ có thêm tù chính trị, nhưng toàn là Biệt Kích, Gián Điệp, từ trong Nam ra Bắc hoạt động, bị bắt, vẫn do tên Cửu làm giám thị. Đội mộc hàng ngày ra lao động tại một cái lán con, trên dốc đồi cheo chéo phía trái, trước ban giám thị.

Có thể do những cảm nhận sẽ có nhiều chuyển biến của tình hình, nên khí thế lao động của toán mộc và xẻ ở K3 không còn nỗ lực, hăng say như trước đây nữa. Ngược lại, tên cán bộ Thắng ở QT về, lại tỏ ra rất nghiêm khắc trong sinh hoạt. Y người bé choắt, chỉ có cái lon trung sĩ, lúc nào mặt y cũng cau có; gần một tháng trời, tôi chưa hề nhìn thấy một nụ cười nào của y. Không biết y được chỉ thị thế nào, trước toàn buồng F3 gồm mộc, xẻ, may, y tuyên bố :

- Hai người nói chuyện với nhau mà không có người thứ ba nghe thấy, là phạm nội quy, sẽ bị kỷ luật!

Tối nào cũng sinh hoạt rồi đọc báo 1 giờ cho tới khuya. Không khí ngột ngạt ngày đêm ép đè, không ai dám ngồi tâm sự chuyện trò với ai. Một hôm tôi nghỉ bệnh, đang ngồi nói chuyện với hai anh Đoàn Phượng và Lò Văn Cươm cũng nghỉ ốm ở sàn dưới. Bỗng thoáng nhìn thấy máu chảy từng giọt xuống, từ sàn trên, chéo phía chân tôi ngồi chừng 2 mét. Tôi trèo vội lên, thấy Lưu Nghĩa Lương (hiện nay ở California) đang nằm sấp xuống sàn. Tôi vội vàng kéo tay Lương, hốt hoảng hỏi :

- Sao vậy em? Em làm sao vậy!

Cũng là lúc tôi đã nhìn thấy một vệt cắt dài ở tay Lương, trong khi đôi mắt Lương nhắm nghiền. Chạy vội ra phòng y tá, thấy có một người, tôi hổn hển nói ngay :

- Ở F3 có người tự tử!

Tên y tá theo tôi về F3, đã có 5, 6 người đang nhớn nhác trèo lên sàn trên ngấp ngó Lương. Sau khi tên y tá (sau này tôi biết tên y là Đại) trèo lên, y lại trèo xuống, rồi ra thẳng cơ quan chỗ giám thị. Mười phút sau, tên Đại y tá, một thượng sĩ lạ và tên Thắng vào trại, đến nhà F3. Phượng, Cương và mọi người đã về chỗ nằm của mình. Tên Đại về buồng y tá mang đến cuộn băng, cái kéo và một lọ thuốc rồi cùng tên Thắng trèo lên sàn trên.

Tuy tôi vờ nhắm mắt nằm, nhưng cũng không thể nghe được chuyện gì trên sàn Lương. Chừng 15 phút sau, cả 3 tên đều đi ra về phía phòng y tá, như cái máy, tôi phóng lên, thấy Lương nằm đắp chăn, tôi đặt tay lên vai, khẽ hỏi :

- Em có sao không?

Lương mệt nhọc, chậm chạp trả lời tôi :

- Em không sao đâu!

Liếc nhìn phía phòng y tá thấy bọn chúng trở ra, tôi lẹ làng về chỗ nằm. Cả 3 tên lại tiến vào F3; đứng ở cửa, tên Đại nói đủ nghe trong buồng :

- Lệnh ông cán bộ, tất cả những người ốm bịnh đều ra sân tập họp.

Đoàn Phượng, Cương tôi và 3 người nữa đều lục đục kéo ra sân. Tên Đại, cho đi gọi cả anh làm vệ sinh của trại; tất cả 7 người ngồi ở sân. Tên Thắng nghiêm mặt nói rõ ràng :

- Câu chuyện của anh Lương hôm nay, tuyệt đối khi trại về không được nói cho một ai biết. Nếu ai không kín miệng, sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Nói rồi y vẩy tay:

- Các anh về chỗ!

Vào buồng một lúc, thấy chúng đã ra khỏi cổng trại, tôi trèo vội lên, lật chăn Lương, nhưng Lương đã nhắm mắt im lìm như ngủ say. Trèo xuống chỗ nằm đã thấy các anh Cương và Phượng đang loay hoay hút thuốc lào. Tôi cũng sà đến làm một điếu!

Trong cảnh sống ngột ngạt, nghiêm ngặt ấy, mỗi người đều tự hiểu, tốt nhất là hãy "đậy" cái miệng của mình lại. Bởi vì nhiều lần, ai cũng thấy, khi có một tin tức gì lộ ra; có một tên antenne báo với cán bộ giáo dục, là ai nói tin đó. Cán bộ sẽ gọi người ấy lên hỏi, truy, cuối cùng sẽ đến gốc là ai. Vậy, phải tự hiểu để khỏi hậu hoạ lôi thôi, cứ im lặng là vô lo. Tôi, Phượng và Cương thăm hỏi nhau chuyện khác : ngồi 3 người rất hợp pháp. Hôm ấy, tôi được biết sơ về anh Lò Văn Cương : Anh thuộc toán Dauphine gồm 5 người là các anh :

1. Triệu Trung, toán trưởng (tử hình);
2. Nông Đức Vũ truyền tin (tử hình);
3. Hoàng Tồn, toán phó (hiện ở Iowa);
4. Lò văn Cương, toán viên (hiện ở VN);
5. Đèo Văn Bạch, toán viên (hiện ở MA).

Toán này ra Bắc ngày 4/6/1963 địa bàn hoạt động tại Hà Giang.

Còn về anh Đoàn Phượng thuộc toán TELLUS gồm 4 người là các anh :

1. Nguyễn Văn Ngô, toán trưởng (hiện ở San José);
2. Nguyễn Cuông, toán viên (ở Mỹ);
3. Đoàn Phượng, truyền tin trưởng (chết, vượt biên 1982);
4. Đỗ Văn Tương, toán viên (hiện ở Mỹ).

Toán này ra Bắc 7/6/1963 địa bàn hoạt động tại Ninh Bình.

Cho đến trưa và chiều hôm ấy các toán của trại đi lao động về, không một ai biết, hay bàn tán gì về chuyện Lưu Nghĩa Lương tự tử.

Lợi dụng trong lúc vào nhà cầu, tôi chỉ nói nhỏ với Lầu Chí Chăn biết và cũng phải dặn kỹ, không nói cho người thứ 2 biết. Đến cả tuần sau, trong trại coi như không hề có sự việc Lương tự tử. Những khi chưa ngủ, nằm miên man suy nghĩ, tôi phải rùng mình kinh sợ, cho cái uy lực nhiều chiều ngang dọc của CS o-ép con ngươi. Khoảng hơn 10 ngày, khi vào K3, tôi biết trong khu F1, F2 có hơn 50 Biệt Kích, từ trại trung ương số 2 Phong Quang, Yên Bái chuyển về K1 (Khu nhà xây số 3).

Rồi đã tách làm 2 khi chuyển vào K3 thành F1, F2 trước chúng tôi 3 ngày. Do đấy K3 có khoảng 150 Biệt Kích và chừng 350 hình sự lưu manh, tất cả trại trên 500 người.

Trong một cái trại hơn 500 người tù, như một cái xã hội thu nhỏ. Trước đây ở các trại giam khác, cuộc sống lao tù thật đơn điệu, ngoài những chuyện đục, cưa, bào, xẻ, tắm rửa, ăn uống con cá, lá rau. Mà cũng không

có con cá lá rau mà bàn, cho nên khi có một chuyện gì đặc biệt một chút, cứ ghé tai truyền miệng nhau, trong một ngày là cả trại đều biết. Cái tâm lý khao khát, tò mò, muốn biết chuyện lạ trong một nơi cùng khổ, nó đòi hỏi ghê gớm lắm.

Thế mà cái chuyện tự tử của Lưu Nghĩa Lương, cắt tay máu chảy có dòng xuống sàn dưới, cứ im thin thít như thịt nấu đông. Càng suy nghĩ, càng thấy cái sức ép ngầm của CS, khủng khiếp thật.Tôi thấy cuộc sống như thế thì sống làm gì, tôi không chịu được nữa.

Tôi bàn riêng với Chăn, mình phải chịu trận trước, rồi sao cũng được! Thế là ngày thứ Bảy cuối tháng 5, Chăn và tôi đường hoàng ở trong sân khu F3, hai người đứng riêng ra một góc sân, đi đi, lại lại, tâm tình nhỏ to chuyện trò. Ngay buổi chiều hôm ấy Trương Bá Ngữ và Vòng A Cầu được gọi ra khu giám thị về, yêu cầu F3 (mộc, xẻ) sinh hoạt có cán bộ Dương Đình Thắng chủ trì, để truy bức 2 người, Lầu Chí Chăn và Đặng Chí Bình chống phá và vi phạm nội quy.

Rất nhiều anh em thân quen lo cho chúng tôi, thế nào cũng phải đi kỷ luật và hạ mức ăn. Như trên tôi đã trình bày, nếu có phải đi kỷ luật, chúng tôi đồng ý chấp nhận. Khoảng 4 giờ chiều tên Thắng vào hội trường khu F3, gọi cả người ốm, bệnh ra hội trường sinh hoạt. Sau khi gần 100 người tụ tập đông đủ ở hội trường, tên Thắng mặt lạnh như tiền ngồi chủ tọa, có Nguyễn Xuân Sang toán phó (mộc) ngồi ghế bên cạnh ghi biên bản.

Để cho một phút mọi người im lặng trong không khí nặng nề, tên Thắng gằn giọng nhìn tôi và Chăn.

- Anh Bình và anh Chăn hãy đứng dậy!

Tôi và Chăn đều đứng lên một cách miễn cưỡng, xa nhau 5, 6 người; tên Thắng cũng đứng lên và cao giọng :

- Sáng nay, những ai đã trông thấy 2 anh Chăn và Bình nói chuyện riêng ngoài sân?

Có hơn chục cánh tay chậm chạp đưa lên. Y quay lại Chăn và tôi vẻ hằn học :

- Hai anh ngang nhiên chống phá và vi phạm nội quy một cách trầm trọng; hôm nay tôi cho phép tổ, toán hãy mổ xẻ, phân tích phê bình giúp đỡ để hai anh, thấy được mức độ sai trái của các anh.

Một anh tôi chưa quen đầu cắt cao, mặt hơi tròn, giơ tay xin nói. Còn 2, 3 người nữa cũng giơ tay xin phát biểu, qua nét mặt và thái độ, tôi thấy còn mấy anh nữa cũng còn muốn giơ tay. Tên Thắng chỉ tay cho anh mặt hơi tròn, đầu cắt cao phát biểu trước. Giọng anh hơi khàn, nhưng thái độ thật mạnh bạo :

- Thưa cán bộ, ngay trước mặt mọi người anh Chăn và anh Bình, đường hoàng rủ nhau ra một chỗ vắng, để nói chuyện riêng. Như vậy là các anh đã coi thường nội quy của trại và đã bỏ ngoài tai, lời cán bộ mới nhắc nhở nửa tháng trước đây.

Tên Thắng gật gật gật đầu, có vẻ thoải mái, y chỉ tiếp một anh khác đã giơ tay. Anh này người nhỏ bé, mặt hơi gầy gầy, tôi cũng chưa biết tên. Giọng anh nhỏ nhẻ, từ tốn :

- Thưa cán bộ, sáng nay tôi thấy hai anh thì thầm, to nhỏ ở chái hội trường, trong khi toàn buồng không một ai nói chuyện với nhau mà không có từ 3, 4 người trở lên. Tôi nghĩ rằng anh Bình và anh Chăn là thợ giỏi, thường đóng hàng cho cán bộ, mới dám ngang nhiên như thế. Tôi đề nghị các anh phải hoàn toàn chấp hành, nội quy của trại.

Thấy còn một số anh em nữa định phát biểu, tôi thấy không có gì khác hơn, nên tôi giơ tay xin nói. Tên Thắng và một số anh em có vẻ hơi ngạc nhiên, cuối cùng tên Thắng vẫy tay đồng ý cho tôi nói. Tôi nghĩ rằng cứ thong thả mềm dịu là tốt nhất, tôi nói với một thái độ nhã nhặn :

- Thưa cán bộ và toàn thể anh em trong buồng F3. Trước hết tôi phải cám ơn cán bộ và các anh em đã có buổi họp này, để giúp đỡ chúng tôi. Tôi thấy rằng không gì bằng là tôi xin trình bầy hết những suy nghĩ trong lòng tôi. Ở bất cứ tập thể nào đều cũng có nội quy, nhất là ở trong trại giam. Vì ý thức như thế, nên tôi đã có 10 năm ở trại giam rồi, tôi chưa hề vi phạm hoặc khi nào chống đối nội quy, từ ở Hỏa Lò, phân trại E rồi K1, cho tới K3 này.

Từ khi cán bộ ra chỉ thị : *"Hai người nói chuyện, không có người thứ 3 nghe thấy, là phạm nội quy"*. Từ ngày ấy hơn một nửa tháng nay, khí thế lao động, hăng say sản xuất của F3 đã giảm thấy rõ ràng (vì lý do khác, nhưng tôi cứ níu kéo vào đây để bảo vệ, để tăng cường cho ý kiến của mình) đã gây ra một không khí căng thẳng và anh em rất khó thực hiện được chỉ thị của cán bộ trong lao động .

Bây giờ một cặp xẻ, mỗi khi phải bàn nhau một điều gì khi gặp trở ngại về nghề nghiệp, lại phải gọi một người thứ 3 đến chứng kiến hay sao? Một cặp quai bễ lò rèn cũng vậy. Tôi và anh Chăn đang đóng một cái giường đôi đặt, cho ông Cửu (Giám thị K 3) chúng tôi đang gặp khó khăn nghề nghiệp, nên

anh Chăn và tôi rất băn khoăn, ăn ngủ không yên (điều này tôi đã nói với Chăn trước). Chúng tôi sáng nay đang thảo luận với nhau sao để thứ Hai này, chúng tôi giải quyết cái giường ấy cho ổn.

Vả lại, 10 năm ở trại giam, tôi chỉ học thuộc và thi hành 4 tiêu chuẩn cải tạo, và 6 điều nếp sống văn hóa mới, mà thôi. Tôi chưa thấy cái nội quy nào như trên cả.

Trong khi tôi nói đến chỗ bàn nhau đóng giường, anh Chăn cũng giơ tay thừa nhận, tôi nói là đúng sự thật.

Tên Thắng sạm mặt xuống, trong khi anh em mặt lại tươi lên, mắt các anh sáng lên nhìn tôi. Tên Thắng đứng lên định nói gì đó… Thì cũng là lúc tiếng kẻng giờ lấy cơm, nên tên Thắng xua tay nghỉ buổi họp. Đặc biệt, không phải đọc lại biên bản sinh hoạt buổi họp như mọi khi. Anh chàng Vòng A Cầu của toán xẻ và may cứ nhìn tôi cười. Ngay buổi tối hôm đó, cái anh người nho nhỏ, mặt gầy đã đến nói chuyện với tôi và Chăn, tỏ vẻ hãy thông cảm. Tôi đã bắt tay anh và vồn vã thăm hỏi anh, được biết anh là Thân Văn Kính, án chung thân. Toán của anh là PEGASUS gồm 6 người. Ra Bắc 20/ 2 / 1963. Địa bàn hoạt động thuộc Lạng Sơn. Toán gồm có :

1. Thân Văn Kính, Toán Trưởng;
2. Hứa Viết Cóc, Toán Phó (Tử trận, trong chiến đấu ngay khi đổ bộ);
3. Lương Văn Phổ, Truyền Tin, không rõ từ 12/72;
4. Bành Viết Kim Toán viên, chết ở trại QT;
5. Hà Văn Thưởng Toán viên, bị tử hình trong một vụ trốn tù ở Yên Thọ;
6. Hoàng Văn Vân, chung thân, hiện ở Atlanta.

Sau đó, cái mặt anh hơi tròn, đầu húi cao cũng đến nói chuyện với chúng tôi, ý nói anh phải tỏ ra tiến bộ nên phát biểu vậy. Tôi nói là rất hiểu, không sao đâu. Và tôi thăm hỏi về toán của anh. Được biết anh là Bùi Văn Ân thuộc toán Bart. Gồm 5 người, ra Bắc 4/6/1963, địa bàn hoạt động thuộc tỉnh Nghệ An. Toán của anh gồm có

1. Bùi Văn Ân toán trưởng, hiện ở Oregon;
2. Đinh Văn Chúc, chết ở Gia Kiệm, Sài Gòn (về nhà chết);
3. Nguyễn Khắc Định, chết ở Rạch Giá (được tha về chết);
4. Nguyễn Văn Tập chết ở Gia Kiệm (tha về mới chết);
5. Trần Văn Thành chết ở trong tù.

Khoảng cuối tháng 5/72, hơi chéo phía trước trại giam K3 đã dựng rất nhanh 4 cái nhà con, do nhóm làm nhà của Vòng A Cầu làm. Mỗi cái chiều rộng chừng 3m, chiều dài khoảng 4m; đề những con số to 1, 2, 3 và 4 mầu đen, phía ngoài vách nứa. Chúng tôi trong trại nhìn ra, cũng như khi đi làm

qua, không hiểu chủ trương 4 căn nhà đó để làm gì? Chừng vài ngày sau, khi đi làm ở lán thủ công, lại nhìn thấy ở sân ban giám thị K3, có một chiếc xe bus rất to và dài. Có nhiều người mặc thường phục, ra vào mấy cái nhà to, của khu giám thị.

Ngày hôm sau, khu F3 tập họp đi lao động, cán bộ trực trại gọi 4 người ở lại để gặp cán bộ là

- Đặng Công Trình,
- Thân Văn Kính,
- Lê Văn Bưởi,
- Lý Văn Chung tức Ngô Quốc Chung.

Chúng tôi đi làm, ai cũng băn khoăn không hiểu thế nào? Mãi trưa hôm ấy đi lao động về, tôi tìm mọi cách để hỏi thăm các anh. Anh Ngô Quốc Chung, rất kín đáo, ngại ngần. Anh nói cán bộ dặn tuyệt đối về trại, không được nói với bất kỳ ai, buổi gặp cán bộ hôm nay : không nói một điều gì với bất cứ ai đến thăm hỏi, nếu không anh sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Cuối cùng tôi không hề biết một tí gì. Những ngày sau đó, tôi tìm hiểu được biết sơ lược về anh.

Anh bị mất một mắt ở điểm nhẩy ngày 4/ 7/1963, anh là toán trưởng toán PACHER. Địa bàn hoạt động thuộc Lào Cai. Toán anh gồm 5 người :

1. Lê Văn Can, hiện nay không biết;
2. Phạm Quang Cảnh, ở lại miền Bắc;
3. Vàng Văn Chương, không rõ từ 12/72;
4. Đỗ Văn Thảo, không rõ từ 12/ 72;
5. Riêng anh Ngô Quốc Chung, sau này do giấy tờ lằng nhằng, ghép chuyện vợ con nên phái đoàn Mỹ từ chối, không thể đi HO. Hiện nay anh vẫn ở VN, không rõ sống hay chết. (Mới đây, đầu 2004, tôi được biết anh Chung đã được đến Mỹ, nhưng tôi chưa có dịp nói chuyện với anh).

Tôi thăm hỏi với anh Thân Văn Kính cũng nhã nhặn từ chối (anh Kính chết 3/5/2000 do bệnh ung thư ở Atlanta). Mãi tới hôm đó tôi mới gặp được anh Đặng Công Trình, anh đã hiểu tôi nên anh tin, mới cho tôi biết :

- Họ có vẻ là cán bộ của bộ, rất hoà nhã, lịch sự, mời thuốc lá uống trà; đàm đạo như bạn bè. Cán bộ chỉ hỏi thăm sơ về toán ra Bắc bao giờ, nhẩy ở đâu v.v… Đặc biệt họ rất quan tâm : ở những trại nào? Bị cùm kẹp ra sao? Có cán bộ nào ức hiếp? Hiện giờ có khỏe không? Có bệnh tật gì không v.v…

Anh Trình có cảm tưởng cán bộ đó là người của phía bên mình, tức là của chính quyền miền Nam.

Sơ lược tôi biết về toán anh Trình : tên toán SCORPION. Toán của anh gồm 7 người :

1. Nguyễn Xuân Phương, toán trưởng không rõ từ 12/72;
2. Nguyễn Văn Chỉnh, toán viên hiện ở TX Hoa Kỳ;
3. Nguyễn Văn Khải, toán viên không rõ từ 12/ 72;
4. Vũ Đình Nghị , toán viên chết ở trong tù trại QT;
5. Nguyễn Văn Thưởng, toán viên, hiện ở TX Hoa Kỳ;
6. Đinh Quý Mùi, anh này không về K3 phố Lu, Lào Cai.
7. Đặng Công Trình, toán phó, án chung thân. Anh đã chết ngày 21/8/1996 lúc 11 :30 AM tại Cali, do bị tai biến mạch máu não. Toán anh ra Bắc ngày 17/6/1964, địa bàn hoạt động thuộc Yên Bái.

Còn anh Lê Văn Bưởi, cũng nói như anh Đặng Công Trình, anh Bưởi là người đi lẻ (điệp viên) như tôi. Tôi đã trình bày chi tiết về anh ở tập 3 Thép Đen. Một điều đau lòng là, anh Bưởi đã chết ở NY (Hoa Kỳ) ngày 27/ 10/ 1995, sau khi anh sang Mỹ diện HO được 3 năm. Tôi đã đến thăm mộ anh ở NY năm 1999. Anh Lê Văn Bưởi chết vì bệnh ung thư màng óc. Vợ con anh còn ở Đà Nẵng, VN.

Cuộc đời đã thể hiện như Cụ Nguyễn Công Trứ hiểu: **Rút cục lại mỗi người, riêng mỗi kiếp!**

Rồi từ đấy, buổi sáng, buổi trưa, mỗi ngày 2 lần, họ lần lượt gọi các anh ở F3; cũng có khi gọi F1, F2 có cán bộ vũ trang đi kèm sát ra tới các buồng con. Mục đích họ không cho F1, F2, có thể liên lạc được với F3 phía bên ngoài.

Một buổi chiều chủ nhật, chúng tôi đang ngồi tụm ba, tụm năm, ở hội trường, vừa hóng thở một chút không khí trong lành, vừa chờ kẻng cơm chiều. Bỗng nghe thoáng mấy tiếng gào thét, phía căn nhà số 3 bên khu hình sự. Nhiều người chúng tôi, đều tiến ra cổng khu F3 nhìn sang. Cửa nhà số 3 vẫn khóa, bên ngoài cửa, ngay ở dưới sân có 2 em hình sự chừng 18, 20 tuổi bị trói giật 2 tay ra sau lưng, đang lăn lộn khóc, rên la. Hai tên công an thỉnh thoảng lại đá rồi đạp cả hai em hình sự nằm dưới sân, các em kêu gào thảm thiết. Trong khi còn một tên CA nữa đang cầm một đoạn gỗ như cái cán xẻng, thẳng tay giáng xuống 2 cái tay, thò ra ngoài chấn song của cánh cửa, bị khóa cái còng số 8. Tiếng hét ré lên :

- Gẫy, đứt tay của con rồi! Con lậy ông cán bộ!

Những tháng trước đây, nhiều ngày, tôi cũng có nghe thấy những tiếng la thét phía bên hình sự, đêm cũng như ngày, nhưng tâm trạng của tôi khi ấy : chính mình cũng chưa biết khi nào về lòng đất, huống chi chuyện thiên hạ, chuyện của đời, xin mặc cho đời; tôi không còn quan tâm. Nhưng hôm nay, đứng nhìn cảnh này, dạ tôi xót xa đầy vơi, tâm tư triền miên trong niềm sầu tê tái. Tôi chợt nhìn thấy mầu đỏ ối ở đôi tay bị khóa ở cửa, mầu đỏ loang lổ cả dưới đất. Ba tên công an VC tụm lại nói gì với nhau, rồi cùng hè nhau đá, đạp túi bụi vào 2 em đang nằm dưới sân, một giọng khàn khàn rên rỉ thốt ra ngay trong đám anh em :

- Đừng đánh nữa! Người ta chết mất!

Rồi một người nữa, nói như than van trong nghẹn ngào :

- Cùng đồng bào, sao mà ác nghiệt thế!

Tôi quay lại, ra bác Dâng, mặt bác mếu xệu như khóc. Trong khi một tên CA, hung hãn một chân đứng trên ngực, một chân gi gi trên mặt một em nằm dưới đất : Không còn tiếng rên la, tôi đã thấy mầu đỏ, chảy ra loang lổ. Một tên CA quầy quả vào phía trong, rồi y cùng với tên Đại y tá trở lại, khênh cả hai em khuất về bệnh xá. Hai tên CA còn lại, mở cửa buồng, mở khóa tay, em hình sự cũng đã bị ngất xỉu, chúng khênh em ra để ở sân. Một tên khóa cửa buồng, rồi cùng đi theo, khi chúng khênh em bị xỉu dưới sân, khuất vào phía trong.

Tất cả chúng tôi, mặt người nào cũng buồn rười rượi, tôi kéo tay anh Bưởi đi vào buồng. Cả đêm hôm ấy, tôi cứ thao thức mãi về một cảnh đời thương đau, tôi chứng kiến. Chỉ hai ngày sau, F3 chúng tôi được tập họp lại, bốn, năm tên cán bộ của Bộ vào tuyên bố : Từ nay chúng tôi được ăn chế độ bồi dưỡng, riêng về gạo tất cả đều ăn mức 18 kg. Từ đấy sáng cũng như chiều, ngày nào bữa cơm cũng có đủ thịt cá. Lại còn được tuyên bố : cứ 5 ngày lại có một bữa liên hoan, có kẹo bánh, thịt cá ê hề.

Từ buổi chúng tôi chứng kiến cảnh CA đánh các em hình sự (không biết vì lý do gì), mấy ngày sau, tôi tìm cách đến thăm hỏi chuyện bác Dâng. Không ngờ đây là nhóm thủy thủ Hải Thuyền đầu tiên bị bắt ở miền Bắc. Nhóm của bác gồm 10 người bị bắt ngày 14/ 1/ 1962. Như thế nhóm của bác đã bị bắt trước tôi 5 tháng, khi ấy tôi còn ở Sài Gòn. Tôi tò mò để hỏi những người trong nhóm là đưa ai (điệp viên) đi, nhưng các bác chỉ nói một người chừng 4 chục tuổi. Tôi hiểu và thông cảm, làm sao các bác biết được tên tuổi người mà các bác đưa đi, cũng như tôi. Nhóm thủy thủ này gồm 10 người :

1. Bác Vy Văn Dâng, thuyền trưởng, đã đến Mỹ, chết ở Sacramento.
2. Trần Văn Cương, Hiện nay (16-03-2004) ở San José.

3. Nguyễn Xuân Đình ở Los Angeles.
4. Lê Văn Đức, không rõ từ 12/ 72.
5. Nguyễn Xuân Hạ, chết ở Cali tháng 12/ 1995.
6. Trần Văn Nhung ở Sacramento.
7. Hoàng văn Sỏi ở Sacramento.
8. Đỗ xuân Thành ở Sacramento.
9. Nguyễn Văn Trình, không rõ từ 12/ 72.
10. Nguyễn Quốc Tuấn , không rõ từ 12/ 72.

Sau nhiều hiện tượng, thái độ của các cán bộ của Bộ, của trại và trao đổi một số anh em Biệt Kích, đã nhiều lần được gặp cán bộ của Bộ; rồi chính bản thân tôi đã phải gặp họ 2 lần, tôi đã dự đoán được ý đồ và chủ trương của họ. Vì chưa đủ yếu tố để khẳng định, cho nên tôi phải dùng từ "Có Thể": có thể họ đang chuẩn bị để rồi sẽ ký hiệp định Paris đã dằng dai mấy năm rồi, nên họ dành quyền chủ động trước.

- Những đám BK gián điệp này họ không hề muốn trao đổi, hay trao trả cho phía Mỹ và VNCH. Như thế có khác gì thả hổ về rừng, để rồi phải lo hậu họa? Với những điều khỏan của Hiệp nghị, có thể họ không thể lắt léo, chuyển đổi lập lờ, đánh lừa nhiều khâu theo bản tính của họ (CS) được. Vạn bất đắc dĩ phải trao trả những Biệt Kích gián điệp này, CS phải nghiên cứu sao, để coi như đã cắt gân chân hết. Chúng có được về rừng, thì cũng chả còn làm gì được phiền toái, cho họ sau này.

Nguyên tắc bản chất của CS là : bất kể kẻ thù nào, nếu ai hiểu được những hiểm độc, lật lọng, tráo trở của chúng, hiểu đến chừng mực nào; CS nham hiểm, qủy quyệt là 10. A hiểu cái đó đến 4, B hiểu đến 3, C hiểu đến 7.Tùy theo để chúng có kế sách đối xử với từng loại. CS kỵ nhất là ai hiểu hết cái tẩy đen của chúng.

Tướng, tá, chính khách, hay học giả uyên bác mà chưa hiểu hết tẩy của CS. Không những chúng coi thường, mà còn tìm cách lợi dụng những điều chưa hiểu chúng. Nhưng một anh địa phương quân, một ông cha, một ông sư, hay một người bình thường dân dã, mà lại hiểu hết tim độc của CS, thì chúng thấy nguy hiểm hơn, chúng kỵ nhất. Nó sẽ tìm đủ mọi cách để tiêu diệt, hoặc hoá giải. Nếu không được thì chúng tìm cách hạ uy tín, hoặc mượn tay của kẻ khác giải quyết v.v… CS có trăm phương ngàn kế cuối cùng sao cho, ai chúng kỵ, cũng trở thành vô hiệu hóa.

Những người bộ gọi lên, bộ hành xử mỗi Biệt Kích mỗi kiểu, mỗi cách, mức độ khác nhau. **Cá nào thì mồi nấy**. Cán bộ hết sức nhã nhặn, bắt tay, vỗ vai coi như anh em một nhà, người cùng một nước. Nhẹ nhàng, khoét sâu những nhược điểm của Biệt Kích, gián điệp, của xã hội miền Nam, của Mỹ

(xã hội nào, cá nhân nào chả có nhược điểm, chỉ ít nhiều và loại nhược điểm khác nhau).

- Anh bị cùm kẹp, tù đày bao nhiêu năm? Như thế thật tội nghiệp cho anh!

- Anh mất hết cả tuổi trẻ, tuổi hoa mộng! Anh thật may mắn, được sống sót đến ngày nay.

Y hỏi với thái độ và đôi mắt thật thương cảm; rồi y nhấn mạnh :

- Người đau khổ hơn cả là cha mẹ anh, vợ con anh v. v… Có khi nào, anh suy ngẫm, truy nguyên là do đâu không? Anh có biết hiện nay, những tên đã dạy anh, cấp chỉ huy của anh, chúng nó bây giờ ra sao không? Không những họ đã quên các anh rồi ! Họ đào tạo xong một người, đẩy sang khỏi vĩ tuyến là lĩnh thưởng, lĩnh lương, hết trách nhiệm!

Trong khi Mỹ vẫn đài thọ lương năm, lương tháng của các anh, nhưng chúng đã lắt léo, tìm cách ăn chặn hết. Bố mẹ, vợ con của các anh vẫn khổ cực, lầm than. Vẫn phải chạy chọt cuộc sống, miếng ăn hàng ngày kết hợp với niềm thương nhớ, cùng với bao nhiêu nước mắt vì anh. Nói đến đây, thì hẳn anh đã nhận ra, cái nguyên nhân rồi?

Nếu chính quyền miền Nam, cán bộ miền Nam không hề ăn chặn lương của Biệt Kích gián điệp. Sự khêu gợi này đã làm cho chúng tôi phải suy nghĩ nhiều rồi. Huống chi, trong muôn một lại có hiện tượng, một số cán bộ ở Long Thành hoặc ở khâu khác, tìm cách ăn chận. Thậm chí còn lường gạt những người vợ trẻ, khi đi lĩnh lương của chồng là Biệt Kích, mới cưới bị bắt ngoài Bắc. Đem vợ con của người ta đi hết khách sạn này đến khách sạn khác. (Sự việc này có thật, người thực, việc thực, tôi chưa muốn nêu tên) .v. v… Sự khích lệ này càng càng hữu hiệu thần kỳ. Chúng biết chỗ mạnh của chế độ tư bản, tự do; chúng cũng biết và biết rất rõ những cái nhược của chúng ta.

Cái nhược điểm nội tại, nghĩa là có cái chế độ dân chủ tự do dân quyền, là có cái nhược điểm đó rồi. Nhất là tính giác ngộ về dân chủ, của người Việt chúng ta chưa cao đầy đủ như dân các nước, đã văn minh. Tính kèn cựa, bè phái, cá nhân, đố kỵ. Cái tôi to tướng, trâu buộc ghét trâu ăn, cục bộ, mầu cờ sắc áo, tín ngưỡng v.v. . . Đám BK gián điệp này, bất đắc dĩ bất khả kháng, chúng phải để họ về miền Nam. Họ không quậy phá, trở thành cái nạn kiêu binh, mới là lạ.

Chưa hết, CS còn phòng hờ nhiều tầng, nhiều khâu. Gần về cuối, những tên cán bộ của bộ, còn có cái trò:

- Anh đã thấy được cái tồi tệ của những kẻ tay sai cho đế quốc, thực dân mới. Vậy anh phải có trách nhiệm với dân tộc Việt Nam, với cách mạng. Nó tìm một vài cái ưu của mình để lôi mình vào cái thế không đồng ý, không gật đầu không được. Khi ấy cán bộ của bộ, mới đi vào chi tiết:

- Như anh đã đồng ý (nó coi như mình đã thỏa thuận), khi anh về với gia đình, về tới miền Nam; anh phải có trách nhiệm giúp đỡ nhân dân, giúp đỡ cách mạng. Vậy bất cứ sau này (không kể thời gian nào) có một người đến với anh thì anh phải giúp đỡ? (Tất nhiên, lúc ấy anh nào cũng phải đồng ý).

Bấy giờ cán bộ mới nói:

- Làm sao khi ấy, để người cán bộ đó biết anh và để anh biết người cán bộ đó là người của nhân dân, của cách mạng? (đến đây, ai chẳng ngắc ngư, lúng túng).

Lúc đó y mới nói, cứ như vừa tìm ra một cách:

- Anh hãy viết vào một mảnh giấy này bất cứ điều gì, rồi anh ký tên. Sau này, bất cứ ai cầm mảnh giấy này đến gặp anh, thì đó là người của cách mạng. (lại lúng túng, không biết viết gì).

Cán bộ lại gợi ý như:

- Chẳng hạn anh viết: Hẹn anh ngày 20, hoặc tôi vẫn nhớ đến anh v.v. . . Rồi anh ký vào. Mục đích sau này, anh vẫn nhận ra đó là mảnh giấy, của chính tay anh đã viết.

Tôi hiểu, CS cũng hiểu, với đám BK gián điệp này không phải ai cũng tin, cũng mắc. Dù rằng CS đã lấy cứu cánh là phương pháp ngăn cách ra, hỗ trợ:

- Tuyệt đối anh không được nói với ai, chỉ có anh và tôi, nếu sau này không đúng, anh sẽ phải ***chịu hoàn toàn trách nhiệm***. (Khi còn trong tay chúng, thì 5 cái từ này có uy lực ghê gớm).

Nhưng *"Nó lú lại có chú nó khôn"*, phòng hờ có những tên biết rõ âm mưu của chúng đi nữa. Nhưng qua thăm dò (do những tên chó săn) đã thấy hữu hiệu, khi BK còn trong đang nhà tù. Thực thế, nó úp úp, mở mở, anh nào cũng lên gặp riêng cán bộ, có người nó đưa cho cả bao thuốc lá, gói trà thơm v.v. . . Thậm chí cả tiền: 5, 3 đồng bạc, nó gây ra ngay trong anh em BK gián điệp đã nghi ngờ lẫn nhau. Còn ở trong trại giam đã thế huống chi, khi về miền Nam tha hồ tố khổ nhau v.v. . . Những gián điệp biệt kích, khi đó quay ra chống nhau, làm rối loạn, phá ung thối xã hội miền Nam.

Nhất cử lưỡng tiện, không những không phải lo chúng thu tập những kinh nghiệm đã có với lòng căm thù cao hơn gấp bội, so với ngày chúng ra Bắc trước đây (ý này của Lê nin) một kẻ thù sau khi bị bắt xổng ra, nó sẽ căm thù ta, lên nhiều lần hơn.

Mới chỉ hơn một tháng bồi dưỡng ăn uống, tuy không nói là đầy đủ, nhưng không còn đói nữa. Hằng ngày, nhìn nhau anh nào cũng lên cân, lại sức trông thấy. Cũng như một cái cây, lâu ngày cằn cỗi vì thiếu nước, giờ đây tưới bón đầy đủ thì nó lớn trông thấy. Hơn nữa, cái tinh thần mới quan trọng, mỗi người biết bao nhiêu hy vọng, huy hoàng mơ mộng, xây đắp mộng ngày mai, cho nên trông ai cũng mắt sáng long lanh, da dẻ hồng hào trở lại. Cụ thể nhất là Lầu Chí Chăn (Người Nhái) hay Đèo văn Bạch anh nào cũng to lớn khác thường.

Qua phương cách bí mật liên lạc với trong F1 và F2 chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng có phần khác với F3, chúng tôi được biết, trong F1 và F2 mỗi người được phát một cái khăn mặt, một bàn chải và một tuýt thuốc đánh răng. Trong khu lại có lược, kéo, dao cạo, tông đơ để cắt tóc cho nhau. Bên F3 hoàn toàn không có những thứ đó. (Hẳn ai cũng biết vì sao rồi).

Chiều hôm qua Chăn gọi tôi ra hội trường F3 nói chuyện, tâm sự (hai người chuyện trò, không còn ai để ý nữa). Từ cái buổi sinh hoạt toàn buồng để tố Chăn và tôi. Cũng có thể là do đúng lúc tuyên bố chế độ bồi dưỡng, nên mới cởi mở thế chăng? Chăn và tôi đang nói chuyện, Nông văn Hính cũng kéo đến rồi cả Lưu Nghĩa Lương nữa. Chúng tôi pha trà để câu chuyện thêm ấm cúng, Lầu Chí Chăn hỏi nhỏ :

- Tại sao F1, F2, lại có chế độ bồi dưỡng khác chúng ta? Anh có đoán ra không?

Đắn đo một lúc rồi tôi cũng nói :

- Chăn hỏi thế thì tôi cũng tịt thôi, nhưng tôi cứ dự đoán, chả biết có đúng hay không?

Chăn, Hính, Lương đều khích lệ :

- Cứ nói đi! chả đúng cũng không sao?

Thấy anh em ủng hộ, khích lệ tôi cũng nói đại :

- Đã gần một tuần nay, tôi cứ suy nghĩ về điều này mãi, lối nào cũng có mâu thuẫn, nên lại phải gạt đi. Chỉ còn hướng này có khả dĩ tạm thời chấp nhận. Hầu hết anh em Biệt Kích ở F1, F2 so với chúng ta đều là người mới.

Họ ra Bắc từ 1965 trở đi, thậm chí có toán mới năm 1967 vừa đây. Như chúng ta đã biết mánh khoé CS : *"cá nào, mồi nấy"*. Những người ra sau, mới tù ít, chưa hiểu hết cái đểu giả, độc hiểm, trắng trợn, muôn mầu đổi thay của CS, như chúng ta nên họ mua kiểu khác. Người nào hay loại nào đã hiểu hết cái độc hiểm của chúng, thì chúng không cần mua nữa, chỉ có thủ tiêu hay giết.

Cả 3 người đều gật gật đầu, Hính nói :

- Anh Bình nói có lý đấy! Nhưng tại sao nhiều người cứ bị lừa mãi?

Nói về sự nham hiểm, lừa lọc của người CS; tôi nhớ đến lời của Đức Khổng Phu Tử xưa có nói với học trò : *"Lý luận mà không giản đơn, hoặc phải lấy thí dụ cho người khác hiểu, thì chính người đó không có khả năng".*

Vậy tôi xin trình bày thế này :

- Nói về cái tài lừa lọc gây chia rẽ, chọc vào những huyệt mâu thuẫn, của từng loại người thì không ai bằng VC. Nó nguy hiểm ở chỗ; người bị mắc lừa ở mức độ, khác nhau mà vẫn không biết.

Tôi xin thí dụ :

Ngay cá nhân với cá nhân, giữa anh A và B, do mồm mép, tâm lý thu phục tình cảm. Nghĩa là do cái tài che giấu của anh A đã làm cho anh B thương cảm, tin tưởng để rồi A đã làm một cú lừa ngoạn mục đối với B. Như vậy sau này, đừng hòng bao giờ dùng miệng lưỡi, dùng phương pháp này nọ mà anh A lừa anh B lần thứ hai.

Thế mà, xin các anh hãy nhìn bằng sự thật, việc thật, hãy nhìn ngay vào quê hương đau khổ, mộc mạc của chúng ta :

Từ cái thời Sô Viết Nghệ Tĩnh 1930, thời mặt trận Bình Dân, với tờ báo Le Travail ở Hà-Nội, ta cũng không bàn đến vì xa quá. Hãy nói từ cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám 1945, chính phủ liên hiệp với bao nhiêu thành phần quốc gia. CS gây mâu thuẫn xúc xiểm giữa những thành phần quốc gia với nhau. Phần khác, chúng bí mật thủ tiêu, nhưng nó lập lờ đánh lạc, để rồi những đảng phái, đoàn thể nghi ngờ lẫn nhau. Cuối cùng CS đã lừa được biết bao nhiêu người. Rồi diễn tiến cho tới hội nghị Genève 20-7-54. Một nửa nước bị lừa, điển hình là ông Thẩm Hoàng Tín, dược sĩ, đương kim thị trưởng thành phố Hà Nội. (xin xem TĐ 3, tôi đã trình bày).

Rồi qua trình diễn tiến đến hiệp nghị Paris 27-1-1973, cho tới khi mất nước, thì lại cả nước bị lừa. Đến bây giờ đây (tháng 10-2004) ở hải ngoại,

(mỗi lần lừa để có lý do mới, nào là những thành phần bảo thủ đã chết hết rồi. Ngày nay có nhiều thành phần trẻ, tiến bộ v.v…) hẳn quý vị đã thẩm nhận, ở mức độ khác nhau như thế nào rồi?

Như thế mà nhiều người vẫn coi thường cái tài lừa lọc, khích động, chia rẽ, gây mâu thuẫn, mua chuộc ở mọi thành phần của cS. Không thấy: về lọc lừa, nham hiểm, sắt máu thì CS là sư tổ. Hơn nữa, thế giới tự do của chúng ta lại có quá nhiều **cái nhược điểm nội tại.**

(Cũng đã nhiều lần tôi đặt dấu hỏi: Mỹ, Pháp bị cho ăn mắm ngoé vì tiểu nhân với quân tử nên thường bị thiệt đã đành. Tại sao, cũng là người Việt mà chúng ta bị VC lừa nhiều thế, mà vẫn cứ bị lừa? Suy nghĩ mãi, chỉ có tạm thời chấp nhận: Thiên tính tự nhiên của người Việt dễ tha thứ, dễ quên hận thù, truyền thống "dĩ hoà vi quý". Nhưng VC mang ý thức hệ CS sắt và máu, ràng buộng trong một cái tập thể, chỉ có máu và máu, không có tình người)

- 5 -

CON ĐẺ CỦA NHÂN DÂN

Trời đã bắt đầu vào Thu, tiếng ve sầu nỉ non ở những đám cây rừng, chung quanh trại đã thưa dần. Cái mầu vàng ươm ươm của trời Thu làm cho cảnh vật sạm lại, như chiếc đỉnh đồng hoen rỉ. Dăm chiếc lá vàng rời cành sớm, la đà, chao đảo, lửng lơ như nhõng nhẽo với nàng Thu, cả một năm mới mò về. Một buổi trưa tôi đang thơ thẩn một mình ở hội trường để chào đón cô Thu đã trở lại; để hít thở cái hơi nồng nàn của nàng Thu đã đến thì.

Những tiếng xôn xao ở phiá cổng của F3, đã kéo tôi về trại tù K3. Đã từ hơn một tháng nay, thường buổi trưa có các em phía bên tù hình sự, kéo sang phía cổng khu F3, để xin cơm và những thức ăn thừa. Tuy chẳng có đâu mà thừa. Có thể các anh, các bác khu F3 do tình thương yêu, lá rách ít, đùm bọc lá rách nhiều, nên đã cố dành lại ít cơm canh, có thể được để chia xẻ với các em bên đó.

Chính tôi và Chăn cũng có một buổi trưa mang cho một em ghẻ, lở, lại què chân, và một em cụt tay, hai suất cơm không, như một sự cảm thông nỗi bất hạnh của nhau.

Đặc biệt trưa nay có đến hơn một chục em, có cả một vài người lớn tù hình sự đứng phía ngoài cổng F3, thò những bàn tay gầy, khẳng khiu ghẻ lở vào xin ăn. Cũng hơn chục anh Biệt Kích, người thì bát cơm, bát rau; người thì vài miếng thịt với tí nước, miếng bánh mì chưa ăn hết, khúc xương heo còn chút thịt gân chưa gặm, đều đưa ra cho các bạn tù hình sự. Các em và các anh tù hình sự đã tranh giành nhau, cãi nhau như mổ bò, để rồi tên cán bộ trực trại phải đến quát tháo, đuổi đi. Tự nhiên một anh hình sự, đứng ở giữa sân gào lên :

- Sao các ông nói, bọn Biệt Kích gián điệp là ác ôn, hay ăn gan, uống máu đồng bào, mà bây giờ các ông lại cho họ ăn thịt cá ngon thế? Còn chúng tôi là con đẻ, của nhân dân thì khổ thế này?….

Tiếng gào của anh tù hình sự, làm cho chúng tôi và cả tên trực trại ớ ra… ngỡ ngàng. Tên trực trại sạm mặt lại mấy giây, rồi y quay ra phía tên hình sự quát rổn rảng :

- Họ, bây giờ khác; rồi đây đảng còn cho họ ăn không hết, đổ đi nữa đó. Các anh cũng không được phân bì!

Thấy những chuyện khó nghe, khó nhìn, tôi kéo tay Hính và Chăn đi vào buồng. Buổi tối hôm ấy, sau khi cán bộ trực vào buồng điểm xong bước ra, anh Nguyễn văn Tâm kỹ thuật tổ may, đứng giữa buồng nói to :

- Tôi được lệnh của cán bộ, xin các anh vui lòng lần lượt đến tôi để đo, sau này cắt may quần áo!

Cả buồng xôn xao suy đoán, là sắp được trao trả rồi. Nhất là, từ ít tuần nay, ra đường chúng tôi được gặp cán bộ trại, nam cũng như nữ cho đến cả anh Đại y tá, thái độ tình cảm, niềm nở khác thường. Thậm chí bà Hoàng cán bộ y tế của trại, khi bất ngờ gặp tôi trước khu ban giám thị, đã cong cớn chì chiết :

- Về miền Nam, thì đừng quên miền Bắc nhé!

Tôi chỉ cười, mà không nói gì; tôi hiểu chuyện đời không đơn giản như 2 + 2 = 4.

Nhưng nhìn lại mọi vấn đề, từ hiện tượng, đến thái độ lời nói của cán bộ của Bộ, của trại kể cả giám thị trưởng là ông Nguyễn Thành Cửu cũng thế. Một hôm tôi ở ngoài lán mộc, ông ghé qua xem cái giường đôi, tôi và Chăn đang làm dở. Trong một câu chuyện vui ông vồn vã nói :

- Sau này, anh còn làm gì đến cái nghề này nữa?

Tôi coi như ông ta nói đùa nên trả lời :

- Thưa ông, đây là nghề kiếm cơm của tôi, Đảng và nhà nước đã giáo dục dậy cho tôi cái nghề này, làm sao tôi bỏ được!

Tóm lại với cái nhìn và cái hiểu của tôi, từ cán bộ Bộ, cán bộ trại họ đều đinh ninh, tin tưởng là số Biệt Kích gián điệp này, sẽ được trở về với gia đình ở trong Nam. Đến ngay bản thân chúng tôi, hầu như ai cũng nghĩ như thế (Họ làm sao hiểu được chủ trương, thâm mưu của bộ chính trị?). Riêng tôi, nhiều đêm ngày nghĩ suy, qua sách vở, qua phim ảnh kết hợp với kiến thức của mình. Rất nhiều sự việc trong thế chiến I và II, chuyện cổ, chuyện kim cho tôi hiểu đừng thấy đỏ mà kết luận là đã chín. Ông bà mình vẫn thường ca thán : Leo cây đã đến buồng rồi, mà vẫn không được ăn v.v…

Có những chuyến tàu trao trả tù binh; ra tới giữa biển thì nổ tan tành, chìm mất tiêu cả người áp tải, đến tù binh. Vậy phải thận trọng tối đa, với điều kiện có thể. Suy nghĩ như vậy, một buổi tối cuối tuần, tôi đã gọi Nông văn Hính và Lầu Chí Chăn; những hạt nhân đã được tôi luyện, thử thách. Sau khi tôi đưa ra ý kiến, và trình bày chung quanh sự việc; các anh đều

thấy cái nguy hiểm : Có khi ở tù mãi không sao, nhưng phút cuối cùng tưởng chim đã xổ lồng, sẽ thực hiện những mộng đẹp, đã xây từ bao ngày tháng trước đây, lại trở thành Zêrô vào gió bụi.

Nghe tôi đưa ra sự việc như vậy Chăn và Hính đều có nét tư lự, suy tư. Thấy vậy, tôi cười kể cho Hính và Chăn nghe một sự việc người thật, việc thật như sau :

- Quá lâu ngày tôi không còn nhớ rõ do ai và bao giờ, nhưng có một anh ở trong tù bị bắt về tội vượt tuyến kể lại. A! Tôi nhớ ra rồi, anh ta là Nguyễn Chí Sơn, tình báo đặc công cấp huyện, tập kết từ trong Nam ra Bắc của CS. Năm 1964 anh ta muốn vượt tuyến (qua giới tuyến 17) vào miền Nam. Sau nhiều những chuẩn bị, luồn lọt, lắt léo, công phu, anh mò vào đến bờ sông Bến Hải.

Cái đêm hôm ấy, ra tới bờ sông, anh nhìn giòng nước lững lờ chảy ra phía cầu Hiền Lương, tâm hồn anh thanh thoát lâng lâng, với bao nhiêu mộng đẹp ngày mai. Anh nghĩ, biết bao nhiêu gian nan, khổ cực anh đã trải qua, chỉ còn một giòng sông này nữa và anh đã trườn nhẹ xuống nước, để bơi sang kia bờ.

Khi tới bờ bên kia, tuy mệt, nhưng sự sung sướng đã làm anh, quên cả mệt. Để thưởng nhận cái phút linh thiêng ban đầu của tự do, anh đã giang tay nằm xấp, ôm lấy mảnh đất tự do, qúy yêu của miền Nam. Ở giữa đám cây rừng, miệng anh gào to cho thỏa, cái sướng vui trong lòng :

- Ôi! Tự do đây rồi! Ta đã được tự do rồi!

Ngay lúc đó, hai tên CA thường phục, bẻ giật hai tay anh ra sau lưng khóa lại. Chỉ vì giòng Bến Hải, chỗ đó có một giòng nhánh, mà theo vĩ tuyến 17 thì nó vẫn còn thuộc bờ Bắc khu phi quân sự.

Trong niềm hưng phấn, lẫn lộn nỗi ưu lo, tôi hay thơ thẩn một mình ra những chỗ vắng vẻ trầm ngâm suy tư. Tình cờ tối hôm qua ở ngoài hội trường, nhìn thấy anh Tarzan dễ mến. Người thợ máy trên con thuyền định mệnh đã đưa tôi ra Bắc năm 1962, mừng rỡ, tình thâm tôi bắt tay anh mà giữ mãi chẳng muốn rời. Thấy anh đang chuyện trò với một người nữa, tôi chỉ mỉm cười, anh Tarzan (Nguyễn Phương) vẫn cầm tay tôi, hất hàm về người đó :

- Đây là anh Hưng 10 năm xưa, cũng là thủy thủ đưa anh đi chuyến đó!

Tôi mừng rỡ ra mặt, cũng bắt tay, nhưng không thể nhận ra anh; làm sao mà nhớ được! Nhân dịp này tôi tíu tít hỏi hai anh về chuyến đi, bị bắt của

các anh; đồng thời tôi mong muốn được gặp lại bác thuyền trưởng già ngày ấy. Anh Hưng rối rít chạy vào buồng, rồi cùng ra với 2, 3 người nữa, anh Hưng chỉ một bác đã có tuổi nói nhè nhẹ :

- Đây là bác Vy Tiến An thuyền trưởng!

Câu chuyện hàn huyên rôm rả, nhưng cũng có nhiều tiếng thở dài. Nhóm thủy thủ do bác Vy tiến An làm thuyền trưởng, gồm 11 người bị bắt ở ngay bên ngoài cửa sông Gianh, ngày 28/ 6/ 1962. Như thế chỉ đúng một tháng sau (ngày tôi ra Bắc 28/5/1962), các anh đã bị bắt rồi ở một chuyến khác. Thương các anh, các bác và, tôi cũng thương tôi nữa. Cho đến nay (tháng 3-2004) tôi được biết 11 người Hải thuyền đó :

1. Vy Tiến An. Thuyền trưởng chết ở trại tù Thanh Phong Thanh Hóa 1981.
2. Hoàng Bài, Thủy thủ hiện ở California.
3. Hoàng Cung, Thủy thủ hiện ở California.
4. Nguyễn Hưng, Thủy thủ chết ở trại tù T52 Hà sơn Bình.
5. Nguyễn Phương (Tarzan) thợ máy, hiện ở Tortine Cali.
6. Hoàng Thêm, Thủy thủ hiện ở Cali.
7. Hoàng Thủ, Thuỷ thủ hiện ở Cali.
8. Hoàng Xuân Tình, Thủy thủ, hiện ở Cali.
9. Nguyễn Hòa Thủy thủ, hiện ở Cali.
10. Trịnh văn Truyện, Thủy thủ, hiện ở Florida.
11. Nguyễn Thiện, Thủy thủ, chết ở trại tù Cổng Trời, Quyết Tiến.

Ngay buổi tối, đến lượt tôi được đo giầy, đo quần áo, tôi tần mần cứ nhìn anh chàng Tâm đo chiều này, chiều kia. Đầu lại suy nghĩ về cái toán Người Nhái của anh, vụ án sông Gianh, tôi đã tường thuật ở tập 3 Thép Đen. Ra Bắc 26/ 6/ 1962. Vụ của anh có 4 người là :

1. Lê văn Thảo, chết ngay khi bấm nút mìn, nhầm từ 2 giờ thành 2 phút.
2. Nguyễn văn Tâm, Toán phó, hiện ở Cali.
3. Nguyễn văn Chuyên, Toán trưởng, không rõ.
4. Lê Văn Kinh, hiện ở Florida.

Khi Tâm đo gần xong, đột nhiên tôi hỏi :

- Anh có biết anh Chuyên sống chết ra sao không?

Anh chỉ nhìn tôi, như ngỡ ngàng rồi lắc đầu.

Trong đầu tôi lại loé lên một ý nghĩ : Không biết có liên quan gì, giữa chuyến của Lê Văn Kinh, toán Người Nhái (Frogman), và của bác thuyền trưởng Vy tiến An hay không? Tôi chưa có điều kiện hỏi.

Đã hơn một tuần rồi từ cái hôm Hính, Chăn và tôi bàn đến sự an nguy của chuyến tàu về Nam. Hôm nay, tôi có ý định gặp lại hai anh, thấy hai anh không có ý kiến gì; tôi đành phải thong thả trình bày :

- Vì sự sống còn của bản thân chúng ta, phải cần ít nhất 5, 7 người, tương đối bén nhậy tinh nhanh, phân công đều khắp những nơi cần thiết của con tầu, nâng cao cảnh giác tối đa : Mọi hiện tượng không bình thường, bất kỳ của thủy thủ đoàn, cũng như những thành phần của đối phương liên hệ. Tóm lại, không bỏ qua bất cứ một hiện tượng nào nghi ngờ, thái độ, ánh mắt của họ nhìn nhau v.v… Chúng ta đều ít nhiều có một chút chuyên môn, về mìn và chất nổ.

Hính và Chăn đều đưa ra ý kiến là phải có một người, chịu trách nhiệm điều hành, và đặt tên là gì? Tôi cũng lúng túng, xưa nay mình có quen kiểu đó đâu, nên nói đại : Hay là cứ tạm thời đặt là "Ủy ban hành động". Lúc này chỉ cần 3 chúng ta, sau này diễn tiến tới đâu, mỗi người chúng ta đều nhắm, dự trù 2 người, như tiêu chuẩn đã nói. Khi gần cuối chúng ta mới báo, đưa họ vào ủy ban. Giữa 3 người (ý kiến 2 anh), tạm thời tôi làm tổ trưởng điều hành.

Buổi tối, khi sinh hoạt tổ, toán xong, Chăn ghé tai tôi :

- Anh Bình có muốn gặp mấy anh bộ đội miền Bắc, bây giờ là Biệt Kích không?

Tò mò, tôi nhận lời ngay, cuối cùng tôi đã gặp 3 anh :

1) Nguyễn Thế Hiên, Tiểu đội trưởng bộ đội Việt cộng.

2) Lò Khâm Thái, bộ đội VC.

3) Nguyễn Đình Linh, Đại đội trưởng bộ đội VC.

Ba anh này đều là bộ đội của CS, đóng quân ở Hòa Bình đã đào ngũ, trốn sang Lào rồi vào Sài Gòn. Sài Gòn đã tuyển mộ để huấn luyện tình báo, trở thành Biệt Kích. Ba anh đều đi bổ sung, cho một toán Biệt Kích đã hoạt động ở miền Bắc, các anh bị bắt ngày 9/ 9/ 1962.

Điều đáng đau lòng, với những tiếng thở dài cho tới nay, tôi được biết cả 3 anh đều đã sang bên kia thế giới. Riêng anh Nguyễn Thế Hiên, một lần đã

cướp súng của một tên công an võ trang ở trại tù Thanh Phong Thanh Hóa, chạy vào rừng. Bị chúng truy đuổi theo và đã bị bắn chết đầu 1980. Giờ đây, tôi được biết 2 anh Thái và Linh cũng bị chết do cùm kẹp ở trại Thanh Phong. Tôi xin kính cẩn thắp nén hương lòng, cầu chúc cho linh hồn, các anh với lòng kính trọng, và biết ơn của tôi.

Đến đây, lòng tôi cũng nhiều day dứt không thể ghi nhớ được nhiều sự việc một cách rõ ràng. Nguyên nhân chính từ dạo đó (1972), tôi có nghĩ đâu sẽ có một ngày, được ngồi viết lại chi tiết những sự việc đã trông thấy, đã trải qua?

Buổi sáng ngày 20- 11-1972, khi F3 tập họp để đi làm như mọi ngày, tên trực trại đọc 3 tên ở lại trại :

Lưu Nghĩa Lương.

Lê Văn Bưởi.

Đặng Chí Bình.

Cả 3 chúng tôi đều nghĩ, lại sẽ lên gặp cán bộ của bộ. Sau khi F3 đã xuất trại gần 1 giờ, tên trực trại lại vào F3, y chỉ tay vào chúng tôi, cao giọng rõ ràng :

- Hai anh hãy chuẩn bị tất cả công tư trang của 2 anh, 15 phút nữa ra chờ phía cổng F3.

Chúng tôi nhớn nhác, vừa buộc gói chăn màn xong thì một tên cán bộ đi vào; thì ra là tên Bùi Huy Tập, cán bộ giáo dục của trại; chúng tôi đã nhẵn mặt. Hôm nay y rất lạnh lùng :

- Các anh ôm chăn chiếu theo tôi!

Tôi quay lại nhìn anh Bưởi, vừa như chào, vừa ngỡ ngàng không biết thế nào? Khi chúng tôi ra tới cổng trại, có một tên công an võ trang từ cổng tách ra, đi sau chúng tôi. Tên Tập đi trước rẽ về phía đường ra trại 1 (Dù đi tỉnh nào, cũng phải đi ra trại 1 rồi qua phố Lu).

Loay hoay hơn 3 cây số đường rừng, dù trời đã vào chớm Đông mà tôi và Lương cũng toát mồ hôi, vì đi bộ và ôm, vác. Nhưng cái làm chúng tôi mệt hơn cả là lòng hoang mang, không biết chúng đưa chúng tôi đi đâu, rời chỗ đang ăn uống no nê bồi dưỡng v.v…?

Khi tới cổng trại 1, tên Tập ra hiệu tay cho hai chúng tôi đi vào. Lại một bất ngờ nữa, có trời mới hiểu, chúng định làm gì? Rồi y chỉ tay tiếp, rẽ vào ngôi lán ở sát cổng. Đây là toán lâm sản, của những người tù chính trị địa phương. Nghĩa là chúng tôi lại trở về tù, như mọi khi, ăn chế độ 12 đồng. Phần vì mệt, nhưng cái chính là nỗi buồn hoang mang. Đời lại rơi xuống hố đen thẳm, như trước đây; vì thế cả Lương và tôi đều vất chăn màn vào chỗ chỉ định rồi nằm vật ra, im lìm như ngủ. Đến bữa, mấy anh toán lâm sản giục đem bát ra chia cơm, cả Lương và tôi chẳng còn thiết ăn uống gì, nên đều nói :

- Xin mời các anh chia cả cho toàn mâm, hôm nay chúng tôi không ăn!

Nằm im như ngủ, nhưng lòng tôi đang nghĩ lại trong đó, K3 đang ríu rít anh em ăn uống thịt cá, còn chúng tôi thì hết rồi! Nhìn sang Lương nằm bên cạnh, tôi đoán chắc Lương cũng chẳng hơn gì tôi.

Khoảng 2 giờ chiều, lại thấy anh Lê văn Bưởi, mặt cũng dài và nhăn như cái giẻ, ôm chăn chiếu bước vào. Thủ đoạn gớm thật, một chút cũng thủ đoạn, chỉ có một con đường ngắn, từ K3 đến K1 hơn 3 cây số, ba chúng tôi chúng phải đưa làm 2 lần.

Tôi tin rằng tất cả các anh em Biệt Kích, ở F1, F2, F3 không một ai biết là ba chúng tôi, đang ở ngay K1 này. Đúng như thế, cụ thể mới đây trong một lần, tôi đi Cali để tìm tòi lại những dữ kiện, chuẩn bị viết cuốn Thép Đen 4, là cuốn cuối cùng cho xong món nợ nhỏ nữa, với quê hương.

Một bữa có 7 người ngồi ở phòng khách của nhà anh Hồ văn Sinh, trong đó có 5 người là Biệt Kích, có cả bác Hà văn Chấp, toán trưởng của toán Biệt Kích đầu tiên ra miền Bắc. Trong tù chúng tôi đều gọi là bác, năm nay bác đã 85 tuổi.

Tên toán của bác là CASTER (Mỹ là CASTOR), gồm 4 người ra Bắc ngày 27- 5-1961, do Nguyễn Cao Kỳ lái, địa bàn hoạt động thuộc Sơn La, Lai Châu.

1. Hà văn Chấp Toán trưởng, hiện nay ở Cali.
2. Đinh văn Anh, truyền tin trưởng, hiện nay ở Cali.
3. Lò văn Piếng, truyền tin phó. Tôi nghe loáng thoáng đổi hay ghép người, phái đoàn Mỹ phỏng vấn, anh bị từ chối, nên vẫn còn ở VN.
4. Quách Thức, hiện nay nghe nói đã chết ở VN.

Đúng một tháng sau, chuyến bay C47 (Cò trắng) do Phan Thanh Vân lái ra để tiếp tế ngày 2/7/1961, bị hạ ở Cồn Thoi, Ninh Bình. Tôi đã tường thuật ở Thép Đen III. (Hiện nay, tôi có bản viết như hồi ký ” Người về từ cõi chết”.

Ký tên ”Cò trắng Phan Thanh Vân”. Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ in nó vào phần cuối tập này).

Trở lại ngôi nhà anh Hồ văn Sinh, tôi nhớ hôm đó là 16-11-2003. Có 7 người gặp nhau họp mặt, 5 Biệt Kích là.

1. Hà văn Chấp. (Đã nói ở trên)
2. Đinh văn Anh. (Đã nói ở trên)
3. Lưu Nghĩa Lương. Đã nói về Lương trong tập 2 Thép Đen.
4. Đặng Chí Bình.
5. Phạm Ngọc Ninh.

Trong toán Hadley, 11 người do Lê Văn Ngung làm toán trưởng, bị bắt 26-1-1967. Còn hai người không phải Biệt Kích là anh Phan Nhật Nam và anh Nguyễn Chí Thiện.

Trong một câu chuyện, đề cập đến buổi VC gọi đưa anh Bưởi, tôi và Lương đi, anh chàng Ninh phát biểu, như khẳng định.

- Khi đó và ngay cả bây giờ chúng tôi cứ nghĩ, nó (CS) đưa các anh ra để tha trước!

Anh Bưởi thì chết ở NY rồi. Tôi và Lương ngồi đấy, đều cười và nói :

- Nó chuyển ra ngay K1 rồi đưa sang trại Phong Quang.

Nhưng Phạm Ngọc Ninh vẫn cho là chúng tôi nói đùa chứ anh tin là CS đã tha chúng tôi rồi. Dù chuyện của 3 người, mà 2 người ngồi đấy là hai chúng tôi đều khẳng định, VC đưa chúng tôi vào tù trở lại. Ninh vẫn cứ tưởng chúng tôi nói vui đùa. Thấy vậy, tôi nghiêm mặt hỏi Ninh :

- Em nghe ai nói thế? Khi đó em đang ở trong F1, F2 mà. (vì Ninh nhỏ hơn tôi hàng chục tuổi, nên tôi vẫn gọi thế từ khi biết nhau).

Ninh thẳng thắn trả lời ngay :

- Khi họ đưa các anh đi tha, F3 ai cũng biết, kháo nhau ầm lên, hai ngày sau tin đó mới vào F1, F2 chúng em!

Tôi trình bày chi tiết một sự việc để thấy rõ cái thủ đoạn lắt léo, lừa lọc của CS. Sự việc của 3 người, mà 2 người còn sống ngồi ngay đấy, Ninh còn không tin. Nếu 1 hoặc cả 2 chúng tôi đều chết, thì ai mà thanh minh? Ngay buổi tối, khi ở nhà anh Sinh về Lưu Nghĩa Lương, đã hỏi thẳng tôi :

- Em vẫn chưa hiểu hoàn toàn, CS lắt léo vụ 3 anh em mình ở K3 ngày ấy, thì họ có lợi gì?

Tôi nhìn Lương bằng đôi mắt nheo nheo như cười; như muốn nói với Lương : Tôi biết Lương cũng hiểu nhưng, muốn thử xem trí của tôi, còn xài tạm được hay không mà thôi; hay đã lú lẫn, lẩn thẩn rồi; dù thế tôi cũng nói:

- Do anh em mình mỗi người đều phải mưu sinh; không có điều kiện chuyên trách ngồi nghiên cứu, đào sâu, xét kỹ những thủ đoạn lắt léo, lừa lọc của CS, cho nên chúng ta khó thể quán triệt. Tuy thế trong trường hợp này, anh cũng thấy CS có 3 điểm lợi chính :

1/ Bọn Biệt Kích gián điệp này chúng không muốn trả về miền Nam. Như một con nợ không muốn trả, mà người đòi lại lịch sự, hòa nhã, tư cách kiểu salon, bàn giấy thì chúng giấu bớt đi. Trước hết là những thành phần đi lẻ, không là một tập thể như một toán Biệt Kích, có sự ràng buộc liên đới với nhau. Chúng có muôn ngàn lý do nói về những cá nhân này : Anh ta đã chết bịnh ở một trại nào đó, năm nào đó. Ở trại X, anh ta đã trốn vào rừng, nghe đâu đã chết rồi v.v…

2/ Đây là những anh đã thực sự cải tạo tốt nhất; đã tố cáo mọi sai trái, để giúp đỡ những người chung quanh tiến bộ, vì thế Đảng và nhà nước đã tha, cho các anh ấy về với gia đình trước v.v… Niềm khích lệ, niềm cổ vũ cho những ai còn mơ hồ.

3/ Trong đám Biệt Kích còn lại, có những người sâu sắc suy đoán : Có thể chúng đem 3 người đi vào rừng thủ tiêu; chứng cớ chúng đưa đi 2 đợt, dù chỉ có 3 người. Gây ra những áp lực ngầm lo sợ cho bản thân mỗi người, hãy ngoan ngoãn yên lành, chịu đựng như thế.

Nói về cái thủ đoạn lọc lừa của CS thì nói mãi cũng không cùng. Tôi nhớ lại một sự việc ở Hội Nghị Genève 20-7-1954. CS đã làm cho thế giới, trắng mắt ra mà nhìn. Hội Nghị Genève có Ủy hội Quốc Tế 3 nước, một nước trung lập là Ấn Độ làm Chủ Tịch, còn 2 nước ở 2 phe : CS có Ba Lan, tự do có Canada.

Uỷ hội QT này có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, xem xét 2 phía, thực thi những điều khoản của hội nghị. Riêng điều khoản, dân chúng 2 miền Nam Bắc vĩ tuyến 17 được toàn quyền, ở lại hay sang phía bên kia sống, tùy theo ý muốn.

Đối với dân chúng miền Bắc thì Ủy hội và thế giới khỏi lo : Vì chính phủ VC đã tuyên bố rõ ràng : Chính quyền của chúng tôi từ dân mà ra, cho nên mục

tiêu là phục vụ người dân. Nếu dân muốn, không những chúng tôi làm theo mà còn tạo mọi điều kiện thuận tiện dễ dàng, cho họ làm theo ý muốn.

Đến giai đoạn các điều khoản bắt đầu có hiệu nghiệm thực thi. Trong hội nghị, những buổi liên hoan tiệc tùng, họp hành CS cũng đã tuyên bố rõ, nhất là với phái đoàn Canada : Trên miền Bắc các ông có toàn quyền đi bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm để thăm hỏi dân chúng, có muốn di cư vào miền Nam.

Nhưng xin các ông cũng thông cảm cho chúng tôi. Mới tiếp nhận, chúng tôi chưa đủ khả năng kiểm soát được hết.

Chiến tranh vừa xong, súng ống, đạn dược đây đó còn nhiều, chúng tôi chưa thể quán thấu. Do đấy, nếu các ông muốn đi đến vùng nào, huyện nào xin các ông cho chúng tôi biết nơi và thời gian chính xác, chúng tôi có trách nhiệm giữ an toàn bảo vệ cho các ông. Các ông không còn lạ gì nữa, dân chúng mà mình chưa kiểm soát được, do những căm thù riêng rẽ cá nhân. Họ dùng súng chỗ nào đó ”đoàng” một phát thì nguy hiểm, chúng tôi cũng có phần trách nhiệm v.v…

Mấy ông tư bản của chúng ta, cũng hiểu CS có nhiều độc hiểm. Mình đi làm đây lương năm, lương tháng lo cho vợ, cho con, cho bố, cho mẹ v.v… Xông xáo, xục xạo lắm, chẳng giải quyết được cái gì, nhỡ không may thì khổ vợ, khổ con v.v… Vậy để an toàn cứ nên làm theo họ (CS). Vậy bạn đến một vùng nào đó, thậm chí một xứ đạo nào đó, để thăm dò dân chúng. Bạn cứ yên trí là sẽ có những cuộc biểu tình phản đối, nếu không là cà chua, trứng thối đón tiếp bạn.

Với những lời lẽ hợp lý, chính danh:

- Các ông mơ hồ quá, nước chúng tôi đã độc lập tự do, bao nhiêu xương máu mới giành được lại muốn chúng tôi đi đâu v.v…

Tóm lại điều khoả đó của hiệp nghị đã vô hiệu hóa với CS.

Xin trở lại trại trung ương số 1 phố Lu, Lào Cai.

Giai đoạn này chúng tôi tất cả gồm 3 người tâm trạng chán chường, lo âu, trước mắt lại ăn đói, lại lầm than khổ cực.. Vì thế ngay khu A chính trị, cách cái sân trại phía hàng rào bên kia, chúng tôi cũng chả cần biết, còn các anh em tù chính trị miền Bắc nữa hay không?

Chừng hơn một tháng sau, gần Tết âm lịch, chúng tôi cũng tưởng sẽ ăn Tết ở K1. Chắc giai đoạn này, diễn tiến ở bàn hiệp nghị Paris, chúng đã thấy

có chiều hướng chắc chắn, giấu bớt tù được. (Điều đương nhiên, chúng liên lạc chặt chẽ, thường xuyên giữa phái đoàn CS ở Paris với trong nước)

PHƯƠNG TRỜI GẬP GHỀNH

Một buổi sáng khoảng 8 hay 9 tháng 1-1973 tên Tập vào bảo chúng tôi, mang hết chăn màn v.v… Ra tới cổng đã có một công an võ trang với một cán bộ lạ; họ đưa chúng tôi lên một chiếc xe tải không có mui. Họ khóa tay cả 3 người lại với nhau, chỉ định tôi ở giữa anh Bưởi và Lương. Có nghĩa anh Bưởi và Lương còn một tay, riêng tôi cả hai tay đều bị còng, vì ở giữa hai người. Trên con đường gập ghềnh, chiếc xe lắc lư, chao đảo như trong cõi lòng héo úa, của chúng tôi.

Khoảng hơn 3 giờ chiều, tôi nhìn về phía trước là một khu có nhiều nhà tre nứa, nhất là lại thấy một khu rộng có hàng rào nứa dựng đứng thật cao. Chúng tôi đều hiểu đấy là một trại giam. Xe đi tuột vào trong khu hàng rào nứa; khi xe ngừng tên cán bộ vẫy tay bảo, chúng tôi xuống. Phần tôi, cả hai tay đều lẳng nhẳng, với anh Bưởi và Lương, nên loay hoay mãi 3 chúng tôi mới xuống đất được.

Tên cán bộ mở khóa cho chúng tôi, ra hiệu tay, hãy ngồi tại chỗ, ngay sân trại. Y quầy quả đi ra khỏi cổng, vào một căn nhà ngay trước cổng. Tôi đưa mắt nhìn vào phía trong, rất nhiều nhà lán sàn, lại chia ra làm nhiều khu. Một tên công an lạ, tay cầm miếng giấy từ cổng đi vào, mắt y lừ đừ nhìn chúng tôi, rồi lạnh lùng :

- Ba anh là ĐCB, Lưu Nghĩa Lương và Lê Văn Bưởi phải không?

Chúng tôi đều "dạ" nhè nhẹ.

Y cộc lốc :

- Bỏ tất cả đồ đạc, chăn màn ra, khám!

Cũng lúc đó một tên tù từ phía trong đi ra, ôm theo một chiếc hộp hắc ín. Sau này tôi biết tên là Bằng, trật tự của trại. Anh Bằng lục lọi quần áo, chăn màn chúng tôi. Bằng thấy có dấu đầy đủ nên khẽ hỏi :

- Các anh ở trại nào chuyển đến :

Tôi cũng nói nhỏ :

- Trung ương số 1 phố Lu, rồi hỏi lại – Đây là trại gì thế anh?

Bằng nói vừa đủ để 3 chúng tôi nghe :

- Trung ương số 2 Phong Quang, Yên Bái.

Theo lệnh của tên trực trại, Bằng dẫn cả 3 chúng tôi vào một cái lán ở gần đấy, ngay ngoài sân trại. Qua Bằng, tôi biết tên trực trại là Hường, y chỉ định cho chúng tôi 3 chỗ nằm, rồi ngắn gọn :

- Sáng mai sẽ được phân bổ tổ, toán!

Nhìn thoáng cả một căn lán dài, cũng giống như những lán tù bên trại 1, có hai, ba, người đang nằm, chắc là bịnh. Như tôi đã nói, phần vì mệt, phần khác cũng là phần chính, lòng đang ôm một mối sầu rười rượi, nên mỗi người đều về chỗ nằm, cho hồn dập dềnh vào biển đen, vùng Địa Trung Hải.

Những tiếng ầm ầm xôn xao, tôi bò dậy, các toán đi làm về, đầy buồng ồn ào cơm nước. Cho tới tối, ngồi nói chuyện với một anh chủng sinh tu sĩ bên cạnh, là Trần thế Khải người Hà Nội. Anh cho biết, cha anh là Trần tứ Hải cũng bị bắt và cũng ở trại này, nhưng ở toán khác, khu II ở bên kia. Qua anh Khải tôi biết sơ : Đây là phân trại B của trại Phong Quang, phân trại A xây, là trại chính ở phía ngoài cách đây hơn 5 cây số.

Ngồi nói chuyện với anh Khải, tôi để ý cách tôi mươi mét, phía chéo sàn bên kia có một bác già, từ nãy cứ ngồi yên xếp chân bằng tròn nghiêm trang; thỉnh thoảng làm dấu thánh giá. Anh Khải cho biết đấy là bác Túy, chánh trương một xứ đạo, bác chẳng nói chuyện với ai, chỉ thường ngồi một mình đọc kinh lần hạt. Như thế trong buồng hơn 100 người, hầu hết là tù chính trị ở miền Bắc, 1/ 3 là công giáo hoặc tu sĩ chủng sinh.

Sáng hôm sau, còn đang chia sẳn sáng, một tên cán bộ lạ đi vào buồng, đi theo có tên Bằng trật tự. Tên cán bộ lạ có đôi mắt tí him nhập nhèm. Y chẳng đeo lon lá gì, chẳng hiểu y có một uy lực như thế nào, khi y bước vào buồng, tiếng râm ran chuyện trò im bặt, ai cũng nem nép khác thường. Y đến thẳng chỗ anh Bưởi và tôi, cười nửa miệng nhìn chúng tôi, giọng Thái Bình rang rảng :

- Anh nào là ĐCB?

Tôi nhổm lên trả lời nhè nhẹ :

- Thưa ông tôi!

Cái cười nửa miệng ngậm lại, rồi y nghiêm giọng :

- Anh đi làm theo toán mộc!

Y nhìn sang anh Bưởi :

- Anh là Lê Văn Bưởi? Lưu Nghĩa Lương đâu?

Cũng là lúc Lương đang lách khỏi 2 người, đến trước tên cán bộ.

- Thưa ông tôi là LN Lương!

Y nhìn Lương vài giây, rồi rành rọt :

- Anh theo trật tự về toán 5; còn anh Bưởi về toán 10.

Nói xong, lật đật y ra khỏi buồng, bấy giờ buồng mới râm ran, ồn ào trở lại. Qua anh Khải tôi được biết, y tên là Tằng, anh em vẫn gọi là Tằng toét. Y là cán bộ giáo dục, nhưng là một tên Hung Thần của trại Phong Quang này. Người ta vẫn thì thầm, thuật lại : Y đã cùm chết chú ruột của y, gần 2 năm trước đây.

Đến giờ trại tập họp đi làm, tôi theo toán ra ngoài sân trại. Trời ! Một cái sân trại to như thế mà ngồi che kín khắp, toàn là tù; có lẫn 3, 4, toán là tù hình sự vì tôi thấy mấy cậu trẻ, rách rưới lau nhau; có cậu đi chân đất.

Toán của tôi chỉ gọi là toán mộc, có chừng hơn 20 người do anh Ngô Xuân Hòa làm toán trưởng. Khi toán xuất trại, toán rẽ phía trái rồi tiến dần lên một cái đồi con, trên đó có một cái lán mộc nhỏ, chừng hơn hai chục cái cầu bào. Chắc trong hồ sơ của tôi có ghi về tay nghề, nên được cán bộ toán phân công làm cửa chớp. Tên y là Nguyễn Đức Khẩn, đeo lon trung sĩ.

Buổi trưa toán về, vào đến trại, thấy một nhóm gần 60 người ôm đồm chăn chiếu ở sân; hỏi ra là ở trại Tân Lập chuyển đến. Mấy ngày sau, tôi gặp một anh ở Tân Lập tên Thành. Tôi được biết trại Tân Lập có rất nhiều Biệt Kích, cũng mới chuyển đến. Họ được ăn bồi dưỡng, chuẩn bị, để trao trả trong hội nghị Paris.

Có thể do ảnh hưởng những diễn tiến của hiệp nghị Paris, không khí trong trại có một chút cởi mở. Cụ thể những ngày cuối tuần, đã có một vài anh tù mở đường, mò từ khu nọ sang khu kia chơi. Vài ngày sau, lại có một nhóm tù, từ trại Vĩnh Tiến chuyển về, rồi lại một nhóm tù từ trại Nam Hà chuyển lên. Phần tôi tinh thần và thể xác cứ như con gà rù, bao nhiêu diễn tiến của sự việc chung quanh, tôi nhìn như những áng mây trôi trên trời. Tôi nhớ rõ, vào ngày 30 hay 31 tháng 1 năm 1973, ba chúng tôi đã chuyển sang trại Phong Quang khoảng hơn 2 chục ngày. Một buổi sáng sớm, tiếng loa ở cổng trại nheo nhéo những điệu nhạc, cũng khuôn khổ các tiết mục của mỗi ngày

như mọi khi (Hầu hết tù nhân chả còn để ý đến); bỗng một bản tin đặc biệt là hội nghị Paris đã được 4 bên long trọng ký kết ngày 27-1-1973 v.v…

Một tia sáng loé lên trong đầu, tôi xốn xang muốn xông xáo, chỗ này, chỗ kia để trao đổi sự kiện này, với các anh em quen biết; nhưng tia sáng đó chợt tắt ngủm trong lòng tôi. Họ đưa chúng tôi đến trại này, tức là họ đã giấu chúng tôi đi. Với sự hiểu biết của tôi, về ý thức và cách làm việc của Mỹ và chính quyền miền Nam, tôi chẳng có một chút hy vọng gì.

Tuy thế, khi tập họp trại đi lao động sáng hôm nay, thái độ của các cán bộ có khác thường; mặt người nào cũng trầm ngâm ít nói hẳn đi. Ngay không khí thái độ, của đám đông tù ngồi ở sân, cũng trầm lắng khác mọi khi. Như vậy hiệp định Paris đã ký 27-1-1973, mà mãi hôm nay ngày 31 đài mới nói tới.

Không hiểu đến bao giờ chúng tôi mới có báo Quân Đội Nhân Dân và tờ báo Nhân Dân của Đảng để đọc, biết qua những điều khoản, trong Hiệp Định. Tôi tin rằng toàn bản hiệp định, sẽ được đăng trên 2 tờ báo này; trường hợp này công khai mà. Vả lại CS đã chủ động, thì họ phải có lợi rồi.

Kế sách giằng co của chúng, đã có kết quả (Hầu hết các bàn cãi để ký, một hợp đồng hay hiệp nghị nào. Kế sách của chúng là lì…. cò cưa). Từ trước đến nay, hầu như chúng ta đều thua, vì chúng ta không có lòng nhẫn nại, cứ bàn cãi những cái cũ nhàm chán mãi, mỗi ngày; có khi cả tháng, cả năm v.v… Sốt ruột, thôi phiên phiến cho xong! Thế là lại rơi vào cái chủ trương, của chúng.

Chiều nay là thứ sáu, tôi sẽ tìm cách lỉnh sang mấy khu 1 và 2. Thật là bao nhiêu người mới, sự việc mới, đặc biệt được gặp lại một số anh em tù chính trị địa phương (Miền Bắc) cũ ở trại phố Lu. Những người của muôn năm cũ, tưởng đã xa rồi…. không còn gặp lại nữa như : Bác Nguyễn văn Tiến, Lê Phiến, Lê Liễu, bác Lẫm, Bùi Tâm Đồng, Trần Nhu, Kiều Duy Vĩnh, Nguyễn Chí Thiện. v.v… Anh Vĩnh là một đại úy thời Liên Hiệp Pháp, đã một lần tôi ngồi uống trà với anh. Anh Thiện ở toán già yếu do tên cán bộ Khê phụ trách. Chiều chiều hoặc thứ Bẩy, Chủ Nhật, nhìn dáng anh Thiện cao gầy, xách lon guigoz trà cáu ghét, đi đôi guốc lộc cộc ngoài sân. Mấy anh Lê Văn Bưởi, Trần Nhu, Nguyễn Chí Thiện và Phùng Cung hay túm tụm chuyện trò ngoài sân, tôi cũng mặc. Tâm trạng của tôi vẫn chui rúc trong sương mù dầy đặc, như gà rù gặp chướng khí, nên chẳng muốn tiếp xúc tâm tình với ai. Hôm qua tình cờ có một chút niềm vui, tôi mới quen được 4 anh :

- Nguyễn văn Đẳng,
- Hoàng đình Vinh,
- Tiệp và Thuần .

Hai anh Tiệp và Thuần (mấy năm lục lọi cái trí óc cằn cỗi của tôi mà không thể nhớ, được họ của các anh). Tôi nói về 4 anh này vì có nhiều lý do. Các anh là tù ở bên trại tù quân đội (những người bị bắt ở miền Nam, rồi bị bí mật đưa ra Bắc). Ở trại tù quân đội, hầu hết tù chưa hiểu CS mấy, nên có quy chế tốt hơn.

Các anh lập kế vượt ngục, chúng ráo riết truy lùng, nên đã bắt được. Để kỷ luật, chúng cho các anh vào trại tù của CA, ở miền Bắc như chúng tôi, đã hơn một năm rồi.

Do quan hệ cá nhân, tình người nên các anh và tôi rất qúy mến nhau. Sau đó, các anh và tôi qua lại chuyện trò thường xuyên hơn. Cá biệt, cậu Tiệp và tôi mỗi ngày mỗi tin tưởng nhau hơn, để có thể nói với nhau những chuyện, không thể nói với nhiều người.

Tiệp khoảng chừng 26, 27 tuổi, là thông dịch viên trong quân đội (VNCH). Qua 4 người này, tôi biết thêm trại Phong Quang này có hàng trăm Biệt Kích gián điệp. Sáu, bảy tháng trước họ chia làm 2, một nhóm chuyển về trại Tân Lập, một nhóm về phố Lu, mà tôi đã trình bày ở trên (52 Biệt Kích).

Vào khoảng giữa tháng 2, ban thi đua, đưa vào mỗi khu một tờ báo Quân Đội Nhân Dân và tờ Nhân Dân : Đúng là cá đói lâu ngày được ăn, chen chúc, giành giật tờ báo, châu đầu vào đọc ngấu nghiến. Tôi liếc sơ qua thấy có toàn bản các điều khoản của hiệp nghị Paris. Để cho mọi người đọc, tôi trở về lán.

"Muốn ăn két thì phải đi đào giun", tôi mò lên phòng trật tự thi đua. Chỉ là một phòng xép ở trong, đầu hội trường, chừng 2 x 3 mét, kê vừa một cái bàn với mấy cái ghế. Thoáng nhìn thấy anh Bằng trật tự đang cắm cúi đọc tờ Nhân Dân; tôi chào rồi lách cửa bước vào. Do thái độ tự trọng, nhã nhặn của tôi, anh đã niềm nở tiếp chuyện. Chúng tôi đã quen nhau và ngay chiều ấy, tôi đã mượn được tờ ND rồi mang sang lán bác Tiến ở khu 2, để cùng đọc. Trên đường về lán, nhớ đến lời anh Bằng trật tự dặn khi nãy :

"Anh hay vào các khu khác chơi, nếu gặp ông Tằng, đừng để ông ấy bắt gặp, hơi phiền đấy!"

Ông Tằng thì ai mà chả ngán! Anh Bằng là trật tự thi đua, mà tỏ ra một người có tư cách. Nhiều tên trật tự mặt cứ câng câng, thái độ như một tên ác ôn hay sừng xộ, với mọi người.

Hôm nay tôi đã miệt mài đọc tờ báo mãi, có văn kiện Hiệp nghị Paris lập lại hoà bình, ở Việt Nam. Tôi nhớ hình như có 9 chương và khoảng 22 hay 23 điều khoản. Tôi tìm ngay đến chỗ trao trả tù binh, ở chương III. Trong

chương này, tôi đọc kỹ điều 8a/ Trao trả nhân viên, quân sự và dân sự cho 4 bên.

Mãi trưa hôm sau, thứ Bẩy tôi mới thuận tiện sang thăm bác Tiến. Chỗ bác có Lê Phiến và Nguyễn quốc Anh đang chuyện trò. Giở tờ báo tôi chỉ vào mục trao trả, những thành phần tù nhân của 4 bên. Để cho bác yên tĩnh đọc và suy ngẫm, tôi liếc nhìn một tấm hình ở trang 3, trang phụ có 3, 4 thanh niên trẻ, mặt tươi hớn hở, đến ghi tên xin nhập ngũ ở bàn giấy thuộc huyện (không nhớ) tỉnh Hà Tây. Với dòng chữ to dưới tấm hình : Hoan nghênh tinh thần xung phong, gia nhập bộ đội của đoàn viên, thanh niên Huyện (Thanh Chương).

Chúng tôi nói chuyện với nhau một lúc, bác Tiến bỏ báo xuống, rồi dịu dàng như nói chuyện với các cháu con :

- Nội dung của bản hiệp định này, không thể mổ xẻ một lúc mà sáng tỏ. Bác chỉ muốn nói những sự việc chung quanh, nhưng nó lại không kém phần quan trọng, đối với CS. Kế sách của chúng là lắt léo, tráo trở, chúng phải tìm mọi kẽ hở, mọi mắt lưới, để chúng đạt những kết quả, có lợi cho chúng. Dùng những câu văn, những từ ngữ lập lờ, lắt léo, để có thể hiểu theo nhiều hướng.

Chúng nghiên cứu kỹ từng dấu phẩy, dấu chấm; chấm chỗ nào và phẩy chỗ nào. Sau hết, bác muốn lưu ý với các cháu, điểm này : Từ thế chiến I, II cho đến bây giờ, hầu hết các chính khách, các nhà quân sự, đều có ý niệm chung về một hiệp nghị hòa bình (đình chiến), là giai đoạn nghỉ ngơi, để lại sức rồi lại tiếp tục chiến tranh (đánh nhau). Đấy là những người có đầu óc cảnh giác, lo xa, nhưng với CS thì phải nhớ điều này : Đình chiến là giai đoạn nỗ lực, đẩy mạnh, xúc tiến cho chiến tranh cao nhất.

Nghe bác Tiến nói tới đây, đúng vào một mối đang băn khoăn trong lòng tôi, cho nên tôi tỏ thái độ muốn nói. Bác hiểu ý, nên nhìn cả 3 chúng tôi, hòa nhã :

- Bác cháu mình gặp nhau là để đổi trao bổ sung, những kinh nghiệm và hiểu biết, cho nên các cháu phải nói, phải hỏi, phải đặt vấn đề.

Tôi cầm tờ báo, nhìn Quốc Anh, Lê Phiến rồi nhìn bác Tiến, mở trang 3, chỉ vào mấy tấm hình đoàn viên :

- Bác ơi! Cháu nhìn tấm hình từ hôm qua, cháu cứ thấy một cái gì nó hơi không bình thường. Hiệp định Paris vừa ký, mà CS vẫn tuyển quân, rồi cháu lại vừa nghe bác lý luận về hiệp nghị hòa bình. Từ chỗ băn khoăn lạ lùng, dần dần đến lo lắng bác ạ. Qua lời bác nói, cháu cứ hình dung ở miền Nam,

cuộc chiến vừa qua đã tạo thành những khu vực, bản làng xen kẽ giữa 2 bên. Hầu hết bên phiá VNCH từ trên xuống dưới, hành chính cũng như quân sự; dù người có lòng cảnh giác cao nhất thì cũng phải nghỉ ngơi 1 tuần, mươi ngày, sau một cuộc chiến dằng dai hơn 15 năm. Nhưng với CS chúng chủ động ký bản hiệp nghị này, chúng đã chuẩn bị hàng nhiều tháng, nếu không nói là hàng năm. Cứ nhìn cái đám tù Biệt Kích gián điệp, chúng đã chuẩn bị hàng năm trước, trước khi ký.

Các lãnh vực khác, nhất là quân sự, có những sự việc do những ngăn chận đối đầu của VNCH và của Mỹ, chúng không thể chuyển hàng (vũ khí) chuyển quân theo yêu cầu, theo ý muốn của chúng. Giờ đây là một giai đoạn, một thuở ngàn năm. Về quân sự : Sư đoàn này, binh đoàn kia, vũ khí lương thực… Chúng cho lệnh bên Paris kéo dài, giằng co điểm này, ý kia v.v… Khi tất cả các nơi, các chỗ tiếp ranh, các binh đội, súng ống, xe cộ chuẩn bị xong chờ sẵn, bấy giờ CS mới cho lệnh bên Paris ký.

Lúc đó là hàng sư đoàn, hàng trăm xe cộ ào ạt tiến. Trong khi các nơi, các quân binh chủng của VNCH, cũng đang chờ giờ ký, giờ hiệp nghị Paris có hiệu nghiệm. VNCH chuẩn bị chờ ký để làm gì? Tiệc đã nấu sẵn; hoa, pháo và cả súng (bắn chào mừng) nữa đã sẵn sàng. Khi giờ G đến, họ đều nhẩy lên, hoan hô, reo hò, mừng rỡ, cắm hoa đầu súng, thì cũng là lúc phía bên CS ngược lại. Để rồi… sẽ mang hận…. ngàn đời.

Chính tôi một buổi khác đã nói trước bác Tiến và Trần Nhu (tù miền Bắc, hiện đang ở Wichita KS) : "Có thể vì hiệp nghị Paris này, miền Nam sẽ mất!" Tôi không nói theo ngẫu hứng, mà phải dựa trên những cơ sở cụ thể".

Sáng hôm nay, cũng như mọi buổi sáng, sân đầy tù đang chờ cán bộ gọi xuất trại, bỗng có tiếng nói trẻ và rất trong :

- Bác Thiệu ơi ! Chúng cháu mong bác ra Hà-Nội lắm!

Mấy tiếng cười rộ lên của mấy cậu choai choai phía bên 4 toán hình sự, nhiều người tù chính trị, cả mấy tên cán bộ đứng gần đấy, đều quay ngoắt sang đám tù hình sự. Nhưng rồi lại chìm vào cái im lặng, với những nét mặt trầm ngâm.

Có lẽ còn rơi rớt cái dư âm, của cái hiệp định Paris vừa ký chăng? Một luồng liên tưởng đã xông vào giòng suy tư của tôi : "Bác Thiệu"! Nghe thật lạ! Có thể trong cái khuôn thước bác Hồ ở miền Bắc, mà lũ trẻ đã bị ấn, nhét vào đầu từ khi còn ấu thơ? Bây giờ chán chường, ghê sợ, kinh tởm bác này, thì tìm một cứu cánh là một bác khác, ở miền Nam? Trong những cái đầu còn nhiều mầu hồng, mầu xanh của các em, chỉ biết nhìn lên mây trời rồi gọi đại; chứ bác Thiệu làm sao xứng! Có chăng là cụ Diệm, một người ít ra có

khí phách cương cường, có lòng tự trọng dân tộc. Thà chịu chết nhất định không thể chấp nhận, chủ quyền quốc gia bị xâm phạm. Một người có ý chí, đứng thẳng bằng chính đôi chân của mình, dù rằng cụ cũng còn một số điểm, phải sửa đổi.

HUNG THẦN TẰNG TOÉT

Chiều nay tôi đang lửng lơ, khệnh khạng (buồn chán không muốn làm gì cả) lắp ghép một cánh cửa chớp trên lán mộc, thì có tiếng ồn ào ở phía dưới chân đồi, nơi có toán 4, đa số là tu sĩ chủng sinh, trong đó có bác Túy, một ông Chánh Trương thường ngồi một mình đọc kinh, lần hạt, mà buổi đầu tôi đến trại đã thấy. Toán đang đào một chiếc ao ngay phía trái của trại, hàng tháng nay rồi, toán này bị hành, làm bùn đất.

Tuy đã giáp Tết nhưng trời vẫn còn lạnh buốt, với những cơn gió mùa Đông Bắc, về muộn. Từ chỗ lán mộc của toán tôi, trên một cái đồi con gần khu ban giám thị, nhìn xuống chỗ đào ao xa, khoảng 6, 7 chục mét. Từ dưới ao chuyển đất lên bờ, tù đứng thành mấy dây, để chuyền đất.

Qua dáng dấp, rõ ràng bác Túy, có thể vì tuổi già, hơn nữa bác đã ốm bịnh mấy ngày ăn cháo, nên không chuyển kịp đất. Tên Tằng (toét) từ cổng trại đi ra, đứng nhìn một lúc, rồi tay y khua khoắng chỉ trỏ gì đó, tôi không nghe rõ; đột nhiên tôi thấy tên Tằng đạp cho bác Tuý một cái, bác ngã sóng soài ra. Mấy anh chủng sinh chạy lại đỡ bác dậy, nhưng tên Tằng không cho một ai đỡ bác; y bắt bác đứng vào đường dây. Tên cán bộ toán, tên công an võ trang đứng gần đấy cũng không có thái độ gì. Bác Túy lặc lè, xớ rớ vừa đứng dậy được; tên Tằng xông đến đạp một cái nữa. Bác lộn từ ở trên bờ cao, lao xuống chỗ đất bùn, đầu cắm ngập xuống bùn. Chân tay bác giẫy chới với ở trên không, mấy người chạy xô xuống định kéo bác lên, nhưng tên Tằng quát to :

- Cấm không anh nào được mó vào người anh ta!

Chúng tôi ở lán đứng nhìn, cùng kêu giổ lên! May quá, đúng khi ấy Tôn đại úy (người miền Nam tập kết chừng hơn 50 tuổi) giám thị phân trại B, từ trên khu giám thị đi ngang thấy thế, ông ta quát :

-Ai kéo anh ta lên, không thì chết!

Tên Tằng chạy lại kéo tay tên đại úy Tôn (nói gì nhỏ, xa nghe không rõ), rồi một tay y chỉ về phía cổng trại. Giữa lúc ấy tên Hòa, cán bộ toán mộc ra đuổi chúng tôi về chỗ làm.

Tan tầm, toán mộc của tôi về ngang cổng trại. Bác Túy đang bị treo ngoài hè nhà trực trại, như cái trống. Đầu và chân bác thõng xuống, không động đậy, hai tay bác bị bẻ giặt phía sau lưng, treo lên mái. Những toán đi lao

động về ngang đều nhìn thấy, tù nhân chỉ lấm lét, nhìn nhau! Người tôi như đờ đẫn, tôi ghé vào tai Phùng Văn Tại :

- Nó sẽ hành bác Túy, chết mất!

Mãi hơn 7 giờ, cơm nước đã xong, tên Hường trực trại vào gọi toán trưởng của toán 4 (đào ao) ra nhà trực. Hai mươi phút sau, Bằng trật tự và toán trưởng 4, khênh bác Túy về chỗ của bác. Một số các anh chủng sinh và quen biết, xúm lại lau bớt bùn đất, đắp chăn bỏ mùng cho bác. Bác không nói năng gì được nữa. Dưới ánh đèn không đủ sáng, tôi thấy tay và mặt bác sưng tấy lên nhiều chỗ. Vài người có một số thuốc riêng, cố cho bác uống. Nghe mấy anh lau rửa cho bác nói, ngực bác tím bầm sưng to ở phía trên mỏ ác. Tôi cũng được anh em toán thuật lại : Ông Tôn giám thị ở chỗ đào đất, bảo mấy người kéo bác Túy lên, nhưng tên Tằng toét đã hẩy tay ông Tôn và nói nhỏ :

- Ông hãy về làm việc của ông đi! Để tôi giải quyết!

Tên Tằng toét, có người nói y chỉ có cái lon thượng sĩ thôi, thấy lạ, tôi mò mẫm tìm hiểu. Chính anh Bằng trật tự đã cho tôi biết : Tằng chỉ là thượng sĩ, cán bộ giáo dục nhưng y là bí thư đảng ủy. Ông Thích, thiếu tá Giám thị trưởng của trại Phong Quang này, mà vẫn còn phải nể. Nhiều sự việc, tai nghe, mắt thấy để sự hiểu biết của tôi, được nới rộng.

Tôi cũng lấy làm lạ, không hiểu vì sao tên Tằng lại hành động dã man, với bác Túy như thế? Nghe dư luận, hơn một tháng trước, khi bác Túy (Lâm Đình Túy), từ trại Vĩnh Quang chuyển đến, cùng hơn một chục người tù khác. Trong lúc khám tư trang ở cuối hội trường, chăn màn quần áo của bác Túy còn để đấy, nhưng không thấy bác đâu. Chính tên Tằng, vào hội trường thấy bác Túy đang ngồi khoanh chân một mình dưới đất trong một góc, mắt nhắm nghiền, miệng lẩm nhẩm đọc kinh. Y quát và kéo bác ra sân.

Đột nhiên bác Túy tát cho tên Tằng một cái. Vì bất ngờ, tên Tằng bị một cái tát như trời giáng. Mọi người tù có mặt đều choáng hồn, xanh mắt, một việc chưa thấy ở nhà tù Việt Cộng. Tên Tằng hùng hục đấm đá, rồi sai trói bác Tuý treo ngay ngoài nhà trực trại.

Sáng mồng một Tết, tôi dậy sớm ngồi trong mùng, đầu óc mông lung, rồi rũ rượi. Chợt một ý thơ xưa (tiền chiến) chẳng nhớ rõ của ai, tôi xin phép cứ đổi đại, để phù hợp với lòng tôi lúc này, miệng lẩm nhẩm cóc rỉ :

Xuân đã sang rồi… ai có hay?
Tình xuân chan chứa… ý xuân đầy.

Trại giam buồn lắm… xuân không đến.
Chỉ đứng bên ngoài… ngắm vào đây.

Xuân về mà lòng buồn rười rượi; bao nhiêu điều ngược, xuôi trong đầu. Tôi có ý định bàn với anh Bưởi và Lương, khi Tết xong, cứ lên cán bộ hỏi đại : "Bây giờ đã có hiệp nghị Paris thì giải quyết chúng tôi thế nào?" Xem họ trả lời sao? Bật dậy, gấp chăn màn, rửa mặt rồi lỉnh sang anh Bưởi và Lương.

Đầu tôi chợt lóe một tia sáng! 4 anh chàng : Tiệp, Đằng, Vinh và Thuần có liên hệ, đến trại tù quân đội; vậy thì biết đâu! Họ sẽ được về? Tôi phải thăm… hỏi!

Làm sao tôi quên một sự việc : khoảng 10 giờ tên Tằng vào trại, hôm nay y gọi trật tự hô hào các buồng ra sân trại chơi vui ngày Xuân (có thể y cũng vui vì Đảng của y đã ký được hiệp nghị Paris có lợi). Y cố khích lệ, đem vào một quả volley, bảo anh em chăng lưới. Rồi sai Bằng lấy một sợi dây thừng to, giở trò thi các toán kéo co.

Có thể tâm trạng của đa số tù nhân, ngày Xuân dân tộc mà! Ủ rũ trong buồng thì buồn quá! Gia đình, cuộc đời, đất nước, trăm thứ nó xé óc mình ra. Thì cứ vui đại cho quên đời v.v… Cho nên anh em cũng ra đông, hò reo, chạy nhảy, chuyện trò. Tôi nhớ nhất về cái vụ kéo co : 17, 18 toán toàn trại, thi kéo co với nhau. Cho tới chiều, toán thợ xẻ là vô địch.

Toán này có mấy cái ưu thế : kéo xẻ, việc nặng thường ăn mức 18 kg gạo, hai cánh tay chỉ có cò cưa suốt ngày. Tên Tằng cũng tỏ vẻ bực bội với toán xẻ. Y nghĩ thế nào không biết, y lấy chùm chìa khóa trong túi, lạch cạch mở cổng khu kiên giam hình sự : toàn những tay đầu gấu anh chị, võ biền. Đội xẻ kéo co có 16 người, y vào khu kiên giam hơn nửa giờ. Chả biết y kích bác ra sao ở trong đó, y chọn được 16 anh trẻ, ngổ ngáo, tay chân xâm vẽ rồng, phượng, trông gớm ghiếc.

Y dẫn 16 cậu ra sân; tinh thần thể thao của trại càng được khích lệ. Mấy chỗ bóng chuyền cũng dẹp, để tụ tập vây quanh đám kéo co. Phần thưởng là 3 cái bánh chưng; với những tiếng hò reo cổ vũ cho mỗi bên, cũng làm cho lòng ai, vài giờ quên đi… *Cái sầu vạn cổ, chất trong hồn chiều nay… Chất trong hồn… chiều nay. Nhớ nhà châm điếu thuốc… Khói vàng bay lên mây…* (Hồ Dzếnh).

Điều này cho tôi hiểu : Cái hệ thống uy lực của đảng CS! Thông thường, khu kiên giam chỉ có lệnh trực tiếp của Ban giám thị trại, mới được mở cửa, thế mà tên Tằng, đã chả coi BGT ra cái gì, do một cái hứng cá nhân ! Một ông đại úy giám thị một trại, mà một tên thượng sĩ coi như cái móng tay, chỉ vì đảng.

Cuối cùng chức vô địch trại, không một toán nào lấy khỏi tay toán cò cưa. Anh chị võ biền, ngổ ngáo mà đói meo thì cũng đành nhìn mấy anh già toán xẻ, mà lồi mắt ra. Tên Tằng cũng ứ ruột, máy tốt mà không có xăng thì cũng chào thua!

Như đã hẹn hôm mồng một Tết với Đằng, Tiệp, Vinh và Thuần, chiều nay tôi ghé sang nhà A khu II. Ngày Xuân còn rơi rớt, cũng có ca trà với mấy chiếc ly nứa con con, anh em hàn huyên cho niềm Xuân trong tù bớt phần nào da diết. Hỏi thêm một vài chi tiết liên quan, tôi gợi ý; nhìn các cậu, mắt ai cũng sáng dần ra. Anh Thuần tương đối lớn tuổi, khoảng 44, 45, tỏ ra chững chạc, điềm đạm. Nhưng, hầu như anh chỉ thể hiện, tình thương nỗi nhớ, vợ con là chính. Sau buổi nói chuyện, cả 4 người đều dạt dào hy vọng. Phần tôi, với những điều tôi hỏi các anh từng chi tiết sự việc, tôi cũng tin tưởng rất nhiều là 4 người sẽ về miền Nam.

Dù tôi hiểu họ cũng có nhiều tính toán trong lòng, tôi vẫn nói đại ý: Dù sắp tới suy nghĩ một chuyện gì thì cũng nên phòng hờ cả 2 trường hợp: tốt và xấu! Xấu là không được về thì sẽ tính sao? Còn nếu tốt là được về thì sẽ làm gìÉ Làm gì cũng phải phòng hờ 2, 3 hướng! Bây giờ trước mắt, trong vòng một tháng kể từ hôm nay, chúng ta đều nghe ngóng, từng hiện tượng xem động tĩnh ra sao. Tùy theo tình thế diễn tiến thế nào, bấy giờ bàn tính thảo luận mới thích ứng.

Riêng Tiệp, tôi hẹn một ngày sang tôi, anh em mình sẽ nói tiếp, hiểu ý tôi nên Tiệp nhẹ gật đầu mà mấy anh em kia không để ý thấy. Vả lại tôi và Tiệp cũng thường xuyên gặp nhau từ trước, không như ba người kia. Khoảng 10 giờ tôi đang lơ mơ đi vào giấc ngủ, bỗng nghe tiếng sang sảng, giọng Nghệ An rủng rẻng, xoáy vào đêm rừng, rõ như hát :

- Nói dối trở thành công khai, hợp pháp! Thầy nói thầy thương yêu trò lắm! Trò nói trò kính yêu thầy lắm! Cả thầy lẫn trò đều hiểu là nói dối, nhưng cả hai bên đều chấp nhận và nó trở thành hợp pháp, công khai!" Rồi có tiếng cười ròn sằng sặc…..như nắc nẻ.

Thấy anh Trần Thế Khải dậy đi đái qua, ngồi trong màn tôi hỏi với ra :

- Sao lạ vậy! Ở đâu, ai mà dám nói thế?

Anh Khải ngập ngừng đứng lại, thì anh Khẩn toán trưởng cũng nằm trong màn nói vọng ra :

- Cái anh chàng Bổn đó mà! Ở ngay đầu lán A khu 1, nghe đâu anh ta bị bắt từ giữa 1954, đêm tối thỉnh thoảng anh ta cứ hay lảm nhảm như vậy!

Nhẩm tính, anh này đã tù 18 – 19 năm rồi còn gì! Chẳng hiểu anh ta tội tình gì? Gợi trí tò mò, định tâm sẽ tìm hiểu nếu có dịp, trong những ngày tới.

Ngay phía sau lán mộc của tôi, chỗ vẫn thường đi tiểu tiện; cạnh đó có một cây trò cụt. Cứ mỗi lần đứng tồ, mắt tôi lơ đãng nhìn cây trò cụt; không hiểu vì sao nó cụt lưng chừng, từ gốc tới chỗ cụt, chỉ chừng 1m50. Sau nhiều những trận mưa rừng rả rích, mãi trong một góc khuất, sáng nay nó nảy ra 3 – 4 cái nấm trắng hồng ngồn ngộn, non hơ hớ. Đúng là nấm mèo, loại nấm ở trại I tôi đã ăn nhiều năm, nhiều lần. Của núi rừng tặng thưởng, mình phải biết nhận chứ!

Nghĩ như thế, tôi cố tìm cách lại ra "tồ" lần nữa. Mắt trước, mắt sau tôi hái hết, giấu trong miếng giẻ, đem vội vào cầu bào cất kỹ. Như "buồn ngủ gặp chiếu manh", cả một buổi làm, thỉnh thoảng như tôi muốn cười với gió núi, cây rừng; hứa hẹn sẽ có một bữa ngất ngây tuyệt cú mèo. Tôi nghĩ đến chiếc ca tráng men đã cũ mèm, vẫn đun pha trà 6, 7 nước, đến khi trà đã nhừ nát mới thôi! Nồi đấy, và đống lửa kia, ôi sao cuộc đời hậu hĩnh!

Gần tới giờ chiều thì chiếc ca nấm nóng hổi, đã sôi nhiều lần. Tôi đã lau chùi sạch sẽ, thương mến, nâng niu như một cô nàng, ngọc ngà mỹ miều, đang nằm khuất trong góc cầu bào rồi. Dù mùi thơm của nàng xì ra đã ngứa cả mũi, nhưng tôi cương quyết không nếm, hay ăn thử. Chế ngự sự ham muốn của lòng mình, để mang về trại (tin tưởng anh Bằng và khả năng ứng xử của mình). Chờ khi nào điểm xong, bỏ mùng, bấy giờ ta mới mở nàng ra mà thưởng thức. Chỉ mới suy nghĩ thế mà cái tay bào thẳm thấy khỏe hẳn lên, đẩy xoèn xoẹt phoi bào chạy ra văng tứ tung, như pháo bông ăn mừng đêm dạ hội.

Tối đến cơm nước cũng như mọi khi, đã vào nằm yên một chỗ trong dạ dầy. Tất cả đều diễn tiến, như đã dự trù. Bỏ mùng sớm, từ nãy tôi vẫn ủ kỹ nàng trong người, bây giờ tôi mới êm ái lôi tuột nàng ra chiếu. Sờ vào nắp ca vẫn còn âm ấm tay, chẳng cần ly bát, thìa đũa làm quái gì, có phải mỡ, mắm đâu? Mắt liếc nhìn bóng người qua lại lờ mờ phía ngoài mùng, tay tôi khe khẽ thò vào, lại thấy hơi nhơn nhớt. Nhón lẹ một miếng, tôi ngửa hẳn mặt lên, há hốc miệng ra từ từ sẽ đưa miếng nấm vào…… Nhưng mà ngọt quá, thơm quá! Ôi! Nấm mèo Yên Bái sao mà thơm ngon thế, hỡi núi rừng! Tôi ngấu nghiến nhai, rồi cầm cả ca uống ừng ực.

Chỉ một phút đã sạch trơn, sạch khô không còn một tí nước. Mặc cuộc đời, mặc thiên hạ tôi nằm đổ vật ra, để thưởng thức cái của hiếm, của núi đồi sơn cước; để cho con tì, con vị nó nhẩy nhót tự do, như chưa bao giờ nó hiểu thế nào là tự do. Nằm tơ mơ lòng vần thầm nhủ : Xin cảm tạ rừng thiêng Yên Bái đã ban đặc ân cho tôi!

Nhưng cũng đất trời hỡi, tự nhiên nhà cửa, đất trời quay như chong chóng, người tôi cứ giật lên từng cơn, cả tay chân cũng giật. Tôi chỉ kịp nhấc được cái mùng rồi tôi nôn thốc, nôn tháo xuống đất. Tôi chả còn biết ngượng ngùng, hay xin lỗi ai. Dưới đất chỉ có một đống lá rau cải bắp già và nước đen đen, vàng vàng. Từng sợi nhớt kéo dài từ đống nôn, nối dài tới miệng tôi, tôi không còn biết ngượng nữa, và tôi cũng không biết gì nữa.

Mãi khi tôi lơ mơ nhìn thấy ánh nắng, và bóng anh y tá đẩy cửa bước vào. Anh y tá này tên là Kiệt người miền Nam, anh nói nhưng mặt lại lạnh lùng :

- Đù mẹ, tôi tưởng đêm hôm qua anh chết rồi chứ!

Quá nhiều nỗi niềm trong lòng, nên tôi im luôn, chả nói năng gì! Tôi muốn hỏi anh vì sao tôi lại ở đây, mà bây giờ tôi đã biết đấy là buồng y tế, ở mãi gần nhà kỷ luật. Thấy thái độ của anh ta như vậy, tôi đành nuốt mọi thắc mắc vào trong lòng. Anh ta cũng đóng, rồi khóa cửa đi luôn. Mãi hơn 1 giờ sau, Y trở lại với tên Hường trực trại, bảo tôi hãy đi về lán. Do lòng không vui nên tôi cố gắng kéo người ngồi dậy, để chân xuống đất tìm dép nhưng chợt hiểu, nên tôi gắng đứng dậy, tập tễnh chân không đi về lán. Phải đến hơn 100m, lưng chừng có anh Bằng trật tự ghé đến, dắt tay tôi.

Về đến lán chưa nằm ấm chỗ, khoảng hơn 10 phút thì ông Tôn giám thị, đi theo có tên trực trại Hường bước vào lán. Nghĩ đến tấm lòng của ông Tôn hôm sự việc bác Túy, tôi cố bò dậy thể hiện một thái độ nhỏ với người có lòng. Yên lặng 5-10 giây, y liếc khắp lán một lượt quay lại, vẻ trang trọng :

- Anh phải thành khẩn biết ơn Đảng và nhà nước, đã cứu sống anh đêm qua!

Tôi tỏ ra thành khẩn, nói trong niềm xúc động :

- Tôi xin cảm tạ Đảng và nhà nước đã đặc ân cho tôi!

Trong lòng tôi lại nghĩ thầm : "Như tôi đã thành khẩn cám ơn rừng thiêng Yên Bái, đã ban đặc ân cho tôi." Trước khi ra, y còn nói :

- Anh hãy nằm xuống đi, phải nhớ chú ý, cẩn thận ăn uống sau này!

Như tôi đã có chủ trương từ trước, sẽ lên hỏi thẳng cán bộ, Hiệp định Paris đối với chúng tôi thì sẽ như thế nào? Tôi cũng có nhiều lần bàn với anh Bưởi và Lương rồi; nhưng cứ lần lữa, rụt rè ngày này qua ngày khác. Bây giờ đã giữa tháng 3, từ ngày ký hiệp nghị Paris đã một tháng rưỡi rồi, mà không ai nói gì đến chúng tôi cả.

Trong dạ chúng tôi đều đinh ninh, những anh em Biệt Kích ở trại trung ương số 1, đã được về miền Nam rồi. Không do dự ngần ngại nữa, một buổi sáng tôi thấy ông Tằng (tôi đã biết là bí thư Đảng, ông Tôn Đại Úy giám thị không quan trọng). Tôi xông thẳng vào cửa chính, hỏi ngay tên có quyền, tôi tiến lên tới chỗ ông Tằng. Y quay lại tôi, mặt hơi ngạc nhiên.

- Thưa ông, tôi muốn gặp ông; khi nào thuận tiện ạ?

Mặt y tươi hẳn, nói nhè nhẹ :

- Anh về chỗ, hôm nào tôi sẽ gọi! Anh tên gì?

- Thưa ông tôi là ĐCB, người của VNCH bị bắt!

Ngay chiều hôm ấy, sau khi anh Khẩn toán trưởng đến cán bộ toán báo cáo công việc thường lệ. Anh quay xuống hàng toán đang ngồi, đến chỗ tôi :

- Anh Bình ở lại, gặp cán bộ!

Về lán, cũng hơi hồi hộp, nhưng lại nghĩ tới nguyên tắc : "Không liều không có cái gì cả!" Bây giờ hãy cứ xông đã!

Xuất trại xong chừng nửa giờ, anh trật tự Bằng vào buồng gọi tôi ra cổng trại. Tôi ra đến nơi, cán bộ trực trại Hường, đứng từ nhà trực trại, chừng 15-20 mét vẫy tay. Chắc có sự hợp ý trước, tên công an võ trang gác cổng chỉ nhìn tôi gật đầu. Tôi tưởng gặp trực trại Hường, nhưng khi tới nơi, y ra hiệu tay, tôi đến cửa một gian buồng, ngăn đôi với phòng trực trại. Bên trong, có tiếng nói lão Tằng :

- Cứ mở cửa vào!

Phòng rất đơn giản, chỉ có hai cái bàn to và nhỏ, tên Tằng cầm bút ngồi ở cái bàn to, trước mặt cũng có một ghế đẩu cho bị can ngồi, như phòng hỏi cung. Trong góc có chiếc bàn con và chiếc ghế, chắc cho tù ngồi viết báo cáo hay kiểm điểm. Mắt tên Tằng có cái lẹo, thành ra mắt lão nhìn như chỉ mở một nửa, hơi nhếch mép cười hỏi tôi :

- Anh muốn gặp tôi làm gì?

Trong túi tôi đã mang sẵn tờ báo ND có đăng bản Hiệp nghị Paris; nhưng tôi chưa lấy ra tôi hỏi thẳng :

- Thưa cán bộ, bây giờ có hiệp nghị Paris, nhà nước sẽ giải quyết tôi thế nào ạ?

Tên Tằng toét đứng xổ dậy, thái độ vẻ hùng hổ, mắt y càng nhắm lại. Y tiến đến chỗ cái bàn con trong góc, lật mấy tờ báo rồi lôi tờ ND, ném xuống bàn trước mặt tôi, giọng như riễu cợt :

- Đâu chỗ nào, nói trao trả các anh?

Mở tờ báo, liếc nhìn điều 8a, tôi chỉ vào giọng tin tưởng :

- Thưa ông đây ạ! Điều 8a đã nói rõ ràng : Trao trả lại người của 4 bên!

Mặt vênh lên, mắt y càng nhắm lại :

- Đọc kỹ lại đi! Anh là người Việt Nam hay là người nước ngoài?

Tôi hơi chột dạ, tuy vậy vẫn cúi xuống đọc : Nhân viên quân sự, dân sự nước ngoài bị bắt…. Tôi hơi đờ ra vài giây, vì bất chợt, nhưng tôi đã nói ngay :

- Thưa ông, theo công pháp quốc tế thì VNDCCH và VNCH là 2 chế độ chính trị khác nhau là 2 nước khác nhau!

Tôi mới nói tới đây y dõng dạc gạt ngay :

- Hội nghị Paris để giải quyết cho người nước ngoài, không phải giải quyết cho người VN. Thôi anh hãy về suy nghĩ cho nó kỹ! Anh không hiểu biết gì cả! Đừng có suy nghĩ viển vông!

Nói rồi, thái độ của y như muốn đuổi tôi về. Tôi không thể quên được một việc này. Khi tôi đã bước ra cửa, để về trại, y gọi giật lại rồi chỉ vào tờ báo :

- Có mục giải quyết cho người Việt Nam, đây này!

Tôi cắm cúi đọc điều 8c : Về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam, bị bắt và giam giữ ở **miền Nam Việt Nam**, sẽ do hai bên miền Nam, giải quyết.

Không biết rằng các ông ký hiệp nghị kể cả Mỹ, có hiểu rằng làm sao tù, dám cãi lý tay đôi với cán bộ giam giữ?

Các ngài, các qúy vị có biết rằng với VC : Cũng cùng một sự việc! Qúy vị thảo luận, bàn cãi thêm bớt điều này, khoản kia, qúy vị nói chuyện với chúng ở đâu? Ở ngoại quốc, ở nước các qúy vị, ở VN hay ở trong tù, là hoàn toàn khác nhau. Tôi xin tường thuật lại một sự việc cụ thể, mà tôi là nhân chứng cho sáng tỏ : Vụ việc của anh Trần Thế Khải. Anh là một chủng sinh

tu sĩ, bố là ông Trần Tứ Hải cùng ở Hà-Nội. Cả hai bố con đều bị bắt, từ đầu năm 1964. Khoảng năm 1974 – 1975, tôi gặp hai cha con đều tù ở phân trại B Phong Quang. Sau khi VC cướp được miền Nam, thì chúng thả ông Hải về cuối năm 1975, anh Khải thì vẫn còn ở tù.

Đầu năm 1976, anh gửi một lá thư lén lút (qua những người đi tiếp tế), về cho ông bố là Tứ Hải. Thư hợp pháp, là thư tù viết mỗi tháng một lần, gửi cho thân nhân. Với điều kiện, thư viết xong để vào bì thư, không được dán. Đưa cho cán bộ duyệt xét, rồi cán bộ gửi đi. Tù nhận thư gia đình, cán bộ cắt ra, duyệt xét. Lá thư chui, anh Khải đã nói ý với bố, hãy hỏi cho ra nhẽ. Hiến pháp của VC có ghi rõ ràng, quyền tự do tôn giáo. Muốn tu hay tôn thờ đạo nào, là quyền của mọi người; vậy tại sao, anh chỉ đi tu dòng thôi, anh đã tự hiến dâng mình cho Chúa, mà Đảng và nhà nước đã bắt giam giữ anh, hơn 10 năm rồi?

Không biết vì sao lá thư chui của anh Khải, bị ban giáo dục phát hiện. Trước 4, 5 toán trong toàn khu II, phân trại B. Ban giáo dục do Tằng Toét triệu tập, để tố anh Trần Thế Khải đã vi phạm nội quy, trầm trọng.

Trong buổi truy ép này, anh Khải phải đứng riêng một chỗ, cho mọi người "nhằm" để truy ép, phát biểu. Có thể kỳ này VC đã chiếm được miền Nam, những kìm kẹp, o ép trong xã hội đã có phần lới lỏng, (trước đây, nó cứ đưa đi cùm, chẳng cần sinh hoạt) anh Khải phát biểu, rất hùng hồn :

- Thưa cán bộ : Hiến pháp của nước nhà, Đảng và nhà nước đã công nhận, quyền tự do tín ngưỡng; vậy tôi đi tu thì có tội gì?

Lời phát biểu rất lạ ở trong tù tôi chưa được nghe, trong khu này có hơn 1 chục tu sĩ chủng sinh, đang ngồi như : anh Phạm Sĩ An, Nguyễn Thanh Đương, Phùng Văn Tại, Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Xuân An, Phạm Xuân Thi.v.v… Mặt ai cũng hồng lên như thêm khí thế mới! Tên Tằng Toét, dõng dạc, bước đến gần anh Khải, rồi quay lại anh em, y khoắng tay gằn giọng :

- Đúng! Đúng chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, nguyên tắc sống, một triệu lần ưu việt hơn bất cứ một chế độ nào : mọi người không ai ăn bám ai!

Ngừng lại một tý, rồi y quay lại, cao giọng hỏi cả buồng :

- Các anh có đồng ý như vậy không?

Cả buồng ồn ào lên tiếng : "đồng ý ạ"

Y quay lại anh Khải, nhấn mạnh lần nữa :

-Anh có đồng ý cái nguyên tắc, đó không?

Anh Khải cũng dõng dạc trả lời :

- Tôi rất đồng ý!

Tên Tẳng cười nửa miệng, y tiến sát anh Khải hơn, cầm cái ve áo của anh, y hằn học :

- Anh có làm được, cái áo này không?

Mặt anh Khải vừa đỏ mặt lên,vừa lắc đầu. Y lại chỉ đôi dép râu, anh Khải đang đi :

- Anh có làm được, đôi dép kia không?

Anh Khải lại lắc đầu! Y quay lại nói giọng đều đều.

- Cái kính anh đeo, bát cơm anh ăn, anh đều không làm được. Người khác đã làm cho anh! Vậy anh cũng phải có trách nhiệm, với người khác. Nghĩa là, anh cũng phải như mọi người dân, cũng phải đi nhân công, thủy lợi. Anh cũng phải đi nghĩa vụ quân sự, như mọi người!

Hầu hết anh em, trong đó có tôi đều ớ ra. Tôi định giơ tay phát biểu. Nhưng tôi chợt tự hiểu, tôi đành nuốt xuống, rồi ngồi yên. Tôi tin hầu hết anh em khác, cũng tự hiểu như tôi, kể cả anh Trần Thế Khải.

Nếu được tự do bàn cãi tranh luận thì ai cũng thấy : Trong vấn đề liên đới xã hội, không một ai có thể làm hết mọi nhu cầu của mỗi người. Vậy người làm cái này, người làm cái kia tác động qua lại vậy thôi, chứ từ xưa có ai ăn bám ai đâu? Cho nên, người nào đặt câu hỏi như vậy, là không hiểu gì về sự tương quan của xã hội, nếu không nói là ngu! Nhưng đấy là tự do bàn cãi. Chứ anh là người dân trong chế độ VC, nhất là tù nữa thì phải biết điều, nó khác hẳn nhau đấy. Không biết thì ráng mà chịu, đừng có kêu trời! Kết quả buổi truy ép anh Khải : Anh nhận vi phạm nội quy đã viết thư thắc mắc điều sai trái. Anh phải nhận 2 tuần kỷ luật, 6 tháng không được viết thư và nhận quà tiếp tế, của gia đình.

Do những chồng chéo liên hệ, để chế độ Độc Tài CS còn duy trì, do đó chúng bị một số sức ép bên ngoài nên khoảng 1981 – 82 đa số các tu sĩ chủng sinh còn sống, được tha về. Người lập gia đình lấy vợ con, có người vẫn lén lút, tận hiến mình cho Chúa. Để rồi phải luồn lách, dưới nhiều hình thức, cuối cùng thụ phong linh mục "chui" được một số vị.

Phần anh Trần Thế Khải, 1982 anh được về nhà ở đường Ngô Thời Nhiệm, anh tiếp tục tu ở nhà thờ Hàm Long. Rồi được thụ phong linh mục chui do Đức Giám Mục Nguyễn Kim Điền. Sau đó được chính thức, về làm cha xứ ở nhà thờ cửa Bắc. Hai năm trước đây, đầu 2002, linh mục Khải bị " stroke" liệt hết nửa người, linh mục đã trở về nhà chung của nhà thờ lớn để dưỡng bệnh. Bố của anh, là ông Tứ Hải đã chết từ năm 1985.

Xin trở lại chuyện của tôi, với Tẳng Toét. Trên đường vào trại, tôi vừa buồn vừa ức. Buồn vì sự việc đã rõ ràng, họ giấu mình, họ không muốn trả mình! Ức vì **"Con dại cái mang"** Bố mẹ có tài có của, thì con cái được nhờ! Ngược lại bố mẹ đã không khôn lanh, hiểu được kẻ thù, lại vô trách nhiệm, thì con cái ráng mà chịu. Nhất lại là những đứa con, đã bị bỏ rơi như tôi!

Tuy vẫn đi làm (không đi làm không được) nhưng lòng buồn rã rượi. Trong lòng lại cứ hình dung, các anh em Biệt Kích ở trại 1 bây giờ, đang tíu tít chìm ngập vào một trời mầu sắc huy hoàng, của miền Nam. Tôi cũng đã cho anh Bưởi và Lương biết sự tình. Chúng tôi cùng nhìn nhau, bằng đôi mắt đờ đẫn, không còn sinh khí.

Mới được 3 – 4 ngày, một buổi sáng, Hường trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu, chuyển về toán 6 (toán rau xanh). Tôi ôm chăn chiếu đi, và tự hiểu : Họ không cần nghề nghiệp gì cả, dù tôi có nghề mộc vững. Họ đầy ra chỗ cứt đái, đất cát, để tự ngẫm, tự thấy vì sao? Tôi ngồi đăm chiêu một lúc, rồi lòng như cứng lại : Không sao cả! Hãy gồng mình lên, đón nhận những trái đắng, mà mình đã tự nguyện gieo!

Toán rau, do một cán bộ tên Mão phụ trách, dáng y lùn lùn nhà quê đặc sệt. Tôi được phân công tưới, tiêu một số vườn cà, đậu, gánh gồng cứt, nước đái, ruồi, bọ tiếp xúc hàng ngày.

Có những buổi tôi đứng giữa trời bao la, bên cạnh những hố phân và nước tiểu, nghĩ suy : Một đời người của bất cứ ai, đều phải có những giai đoạn khó khăn, và những giai đoạn thuận tiện. Điều quan trọng khi gặp giai đoạn khó khăn, hãy vận dụng trí óc tìm ra phương cách, để chuyển đổi thành giai đoạn thuận tiện. Bây giờ, theo họ là tôi đang bị hành! Tại sao tôi không biết thưởng thức, cái tuyệt vời của thiên nhiên? Bình minh và hoàng hôn diệu kỳ? Mây chiều, gió núi và những sinh hoạt của sinh vật của đất trời, dù cho là con bọ, con bướm, con sóc, con trùng?

Rồi những ngày sau, tôi đã tìm ra những phương cách cải thiện : Cà luộc, cà nướng, đậu luộc, đậu nướng, mùa nào thức ấy, tôi qua mặt hầu hết! Khéo léo tôi kết hợp với anh Vàng Dơi, một người dân tộc Mèo, trong toán chúng tôi lại được về một tổ, cùng làm một công việc, thật là hết ý.

Đã có những con Cuốc gọi vào Hè; hàng ngày tôi chỉ đánh có cái quần đùi, còn trần trùng trục, ngoài vườn rau. Giữa thanh thiên bạch nhật, cán bộ, công an võ trang ngồi gác cả các khu vườn rau rộng. Tôi nằm ngửa, trườn vào giữa vườn ớt, vườn cà, (nếu ngồi sẽ thấy đầu nhấp nhô) tha hồ với tay chọn những quả, ưng ý nhất.

Tôi chỉ mặc mỗi cái quần đùi, có 2 lý do :

1) Mọi người từ cán bộ trại, toán trưởng tự hiểu, tôi không thể giấu đút được, một cái gì; mà lại ra vẻ chịu khó lao động.

2) Tôi khâu một cái túi nhỏ dài chừng 18 – 20 phân, rộng 6 – 7 phân, miệng túi khâu liền vào cạp quần phía trong. Cái túi lủng lẳng, khoảng giữa "tổ chim". Thôi thì thượng vàng, hạ cám, toàn những thứ quốc cấm đầu mùa, vừa non, vừa ngon, kể cả ban giám thị cũng chưa có ăn, như ớt, cà, đậu v.v… Tôi cho vừa đủ vào túi, nhìn bên ngoài không có một hiện tượng khả nghi. Khi về cổng trại, cán bộ, cũng như trật tự thường chú ý khám xét, những anh quần áo rườm rà, ôm xách lềnh khềnh. Tôi chỉ mặc cái quần đùi, tay cầm một cái ca uống nước cũ mèm, nhiều khi tôi để vài cái rau già, có khi mở nắp đường hoàng v.v…

Tóm lại, giai đoạn này tôi không còn đói như trước đây, cơ thể của tôi còn được bồi dưỡng. Rau, trái ngon đầu mùa, thứ mà hơn một chục năm, cơ thể tôi không có (chỉ ăn muối rang là nhiều). Tôi cũng muốn cho, những bạn bè thân quen được hưởng ít nhiều, nên mới có cái túi bí mật trên. Một buổi vào giữa hay đầu tháng Tư, Tiệp sang tôi với đôi mắt long lanh, ghé tai tôi thì thầm :

- Anh nhận định rất đúng, hôm qua cán bộ gọi chúng em, họ chuẩn bị trao trả về miền Nam. Cán bộ căn dặn tuyệt đối không được nói, với bất cứ ai.

Tôi đờ người suy nghĩ : vui, buồn, lẫn lộn. Bốn người được về, thì mừng cho anh em rồi, nhưng điều đó càng khoét sâu những nỗi niềm riêng, trong lòng mình.Tôi đề nghị hôm sau gặp lại Tiệp, rồi chuẩn bị, trang bị, tư tưởng, quyết tâm, phương cách kỹ thuật v.v…

- 8 -

H Y V Ọ N G T R E O T R O N G M Ư A

Sau những thăm dò, gợi ý, tôi và Tiệp đã bí mật thỏa thuận một kế hoạch, do khả năng vận động điều hành của Tiệp là chính.

Để vớt vát phần nào danh dự cho vụ cướp phi công, ở Sơn Tây 11/1971 Mỹ đã thất bại chua cay, để cổ vũ khích lệ cho những người có tinh thần chống đối, trong chính quyền cũng như, ngoài nhân dân. Chuẩn bị, dự trù, sơ lược :

Phương tiện : Chỉ cần 3 máy bay trực thăng, loại cơ biến tối tân nhất, bất ngờ đột nhập từ phiá Lào sang.

- Hai cái, có nhiệm vụ bắn phá, kìm hãm mấy cơ sở bộ đội và Công An Nhân Dân, trong bán kính 5 km.

- Một cái, sẽ đáp xuống sân trại tù Phong Quang, Yên Bái để giải cứu chừng 8 – 12 người tù.

Thời gian quy định tối đa 30 phút (từ lúc đến tới lúc đi) vào đêm, từ 1 – 3 giờ ngày 15 mỗi tháng. Tám đến mười hai người này, dấu hiệu : Khăn trắng buộc cánh tay trái. Khẩu hiệu : Hỏi : Đi đâu? Đáp : Hải Phòng!

- Tám đến mười hai người này, ngoài những nhiệm vụ thức đêm của ngày 15 mỗi tháng, từ 1- 3 giờ, cùng hô hào, phá vách, phá cửa. Tùy mỗi người tù, tự ý giải quyết đời mình. Ngăn chặn bất cứ ai không đúng mật khẩu quy định, xông vào máy bay.

Mục đích chính : Cổ vũ khích lệ cho những người có tinh thần chống VC, trong chính quyền cũng như ngoài nhân dân.

Nếu thành công, 8-12 người tù thì nhỏ, nhưng về chính trị sẽ to lớn đến trăm, ngàn lần. Cuối cùng, tôi còn nhắc Tiệp : Về tới miền Nam, phải nỗ lực xúc tiến, nỗ lực ưu tiên cho kế hoạch.

Sáng ngày 20-5-1973, trước sân trại đông đầy các toán. Đông đủ cán bộ trại, có mấy cán bộ lạ, họ đã đọc tên 4 người : Đằng, Vinh, Tiệp, và Thuần được tha về miền Nam, theo hiệp nghị Paris, để hoà giải dân tộc. Bốn cậu đều được mặc quần áo nâu mới, một túi xách, tôi chỉ kịp thời nói riêng với Tiệp một câu :

- Tháng 7 bắt đầu!

Một chiếc comanca đã đợi sẵn ngoài cổng trại, phần tôi với bao công trình bí mật, chuẩn bị với các buồng. Những ai là hạt nhân, cốt cán đã được tôi luyện, thử thách.

Sau khi 4 người đi cũng có nguồn tin, có khi ra ngoài kia (cách trại 5 – 7 cây số) đã có xe khác đón đi. Hoặc chính chiếc comanca đó, ở cổng trại sẽ đưa các cậu, về một trại giam khác (Điều này trước đấy, đã xẩy ra nhiều ở các trại). Có những người tù được tuyên bố tha ở trại này, dăm ba năm sau lại gặp ở một trại khác.

Chừng 5 tháng sau ngày Tiệp về, có một em hình sự bí mật cho tôi biết : Do gia đình tiếp tế nghe đài ở Sài Gòn, Tiệp có họp báo ở SG, Tiệp được thăng cấp là trung úy. Nhưng còn chúng tôi, từ tháng 7-1973 cứ mòn mỏi, khắc khoải băn khoăn mãi, cho tới khi mất miền Nam, mới hiểu được gần đúng cái nguyên nhân tại sao!

Bây giờ đây (March 04) anh chàng Tiệp ở nơi nào, còn sống hay đã đi về với gió bụi? Ở nước ngoài hay còn ở trong nước? Tại sao ngày ấy lại lơ là, bỏ quên hở Tiệp? Lý do nguyên nhân thì nhiều lắm! Nhưng tôi vẫn mong ước, muốn nghe đích xác vì sao? Để phần nào lấp đi những nỗi niềm, gần 2 năm vò xé khắc khoải của cõi lòng, của mỗi đêm ngày 15 mỗi tháng?

Dù ở cảnh ngộ nào, khi trong lòng có niềm hy vọng, thì tinh thần sảng khoái, nét mặt sẽ lộ đầy sinh khí. Tôi vẫn đi lao động hằng ngày, nhưng với một tinh thần năng nổ, lạc quan khác mọi khi.

Sáng nay, trời trong xanh, không một vẩn mây; ngước mắt nhìn khắp bầu trời, lòng tôi nao nao yêu trời, yêu đất, yêu thiên nhiên lạ thường. Bên cạnh một hố phân to, với những phân đánh đống trên bờ. Hôm nay tôi và anh Vàng Dơ, thay phiên nhau anh đi tưới, còn tôi đảo phân dưới hố, và đắp che lại những đống phân, ở trên bờ.

Trời cao lồng lộng, rừng rộng, núi cao, chỉ một mình tôi với trời. Đột nhiên nghe vi vu, re re như một tổ ong bị vỡ; rồi ríu rít, vù vù, một đàn sáo sậu đến 3, 4 chục con, bay sà đến đậu ở cây muồng mun, duy nhất của vườn rau, cạnh hố phân. Chẳng biết chúng có phiên họp, hay những cuộc hẹn hò gì, mà cứ như cái chợ.

Chúng nhẩy nhót lung tung, chuyền cành, mỏ thì ríu ra, ríu rít. Lại một đàn sẻ, cũng từ mãi phía căn nhà con, của cán bộ Mão, rào rào bay đến. Tôi vẫn cắm cúi giấn sâu cái cần đảo, xuống giữa hố, để đẩy những đống phân đóng cục lâu ngày. Chưa được mươi phút, một đàn sáo đá đến hơn chục con ở đâu cũng lướt đến.

Thấy khác thường, những ngày trước cũng có những đàn chim, mò đến cây muồng này, nhưng không nhiều như hôm nay. Ở trên cây, chúng nó cãi cọ nhau như mổ bò, nhưng dù sẻ hay sáo hầu hết chúng cứ chằm chằm, nhìn tôi đang đảo phân. Tôi có cảm tưởng, như chúng nó muốn nói gì với tôi. Nhìn những con bọ đang lềnh bềnh, bơi trên hố phân. Lại nhìn một đống bọ trắng hếu, chảy dài như một giòng suối con, từ trong đống phân chảy ra, tôi chợt hiểu, chính vì những chú bọ này. Tôi phải biết điều, nhìn lên cây muồng chỗ đám chim, như tôi muốn nói với chúng :

- Xin mời các qúy vị, tôi thật là dốt, tôi có biết đâu!

Tôi bỏ cần đảo phân, rồi chạy chui vào vườn ớt, ngồi im. Đúng như rằng, sau vài phút nghe ngóng, chúng rào rào chúng bay xuống hố phân, đống phân trông cứ như… một đàn chim rừng nhiều loại!

Thiên nhiên cũng lạ lùng! Đàn nào nó ra đàn nấy, không hề lẫn lộn, để ý nhìn, tôi chưa thấy con sẻ lại nói chuyện với con sáo. Hoặc ngay sáo sậu với sáo đá, chắc cũng cùng họ hàng giòng giống với nhau, vậy mà tôi cũng không thấy chúng hỏi han tâm tình với nhau, dù chỉ là lịch sự, xã giao. Anh Vàng Dơ đã quang gánh trở về, đàn chim vù vù tán loạn bay đi, sau khi đã làm sạch bữa tiệc thịnh soạn, do tôi mời.

Nhìn hai con chim Di bé tí đang luồn lách trong mấy cây ớt tìm sâu, tôi nghĩ tới tối hôm qua. Vì ở nhà B trong khu 1 tôi chợt nhớ chuyện của anh Bổn hôm nọ đã hô hoán trong đêm : "Nói dối được công nhận hợp pháp trong xã hội".

Do muốn tìm hiểu sự việc, nên phải qua một số anh, cuối cùng phải có anh Bằng trật tự, tôi đã một lần trực tiếp nói chuyện với anh Bổn, nên đã hiểu sơ về anh. Anh là Trần Phú Bổn, trung đội trưởng du kích, đặc công của huyện Nghĩa Đàn (Quê của HCM), tỉnh Nghệ An. Anh cũng là phó bí thư chi đoàn thanh niên CS (sau này mới đổi thành đoàn thanh niên HCM).

Trong đợt chống phá ngăn chặn, "đồng bào di cư vào Nam, theo Mỹ Diệm" (1954), anh là trưởng đoàn đặc công của Huyện. Nhiệm vụ của đoàn là tìm mọi phương cách ngăn cản (tuyên truyền, phao những tin thất thiệt, kể cả bạo động : đốt nhà, bắt cóc trẻ con, thủ tiêu v.v…). Làm sao thực hiện hữu hiệu ngăn chận, những người công giáo, "theo Mỹ Diệm vào Nam".

Anh tâm sự :

- Trong quá trình thực hiện công tác, anh ra lệnh cho từng tổ, đôi khi chính anh dẫn một tổ đi làm nhiệm vu, vì lòng hăng say phục vụ công tác khi ấy.

Anh nói như than thở những câu :

- Chỉ vì khi ấy, tôi cũng như nhiều thanh niên khác quá tin vào cái bánh họ vẽ ra! Không những họ nói láo, nói bịp với người dân, họ còn bịp cả nhau nữa : Bàn giấy này bịp bàn giấy kia; cơ quan này bịp cơ quan kia; tổng bí thư bịp bộ chính trị, bộ chính trị bịp ủy ban trung ương, trung ương bịp tỉnh, giám đốc v.v… Nghĩa là cả một xã hội nói láo, ai cũng biết, nhưng không ai thắc mắc. Tôi đã hăng say đốt nhà, có khi phải thủ tiêu người để lập công với Đảng!

Cuối cùng anh nói :

- Rồi đây, tôi sẽ phải làm một cái gì để đền tội, của tôi! Tóm lại, anh và cả tổ 3 người bị bắt đêm 29-3-1955 (Hãy còn khu vực 300 ngày Hải Phòng). Do ông cha và đám thanh niên công giáo một họ đạo… Họ trói chúng tôi cho tới sáng.

Cơ quan của huyện xuống, tôi và đồng chí huyện ủy đã nháy nhau. Tôi tưởng họ sẽ dẫn về huyện là xong, nhưng họ đã dẫn vào trại giam. Chúng tôi chờ ở trại giam cả tuần không thấy gì. Tôi gọi lão trực trại vào, bảo y mở cửa để chúng tôi ra, y cứ lừ lừ nhìn, tôi tức mình chửi cho một chập, rồi cứ thế chúng đưa hết trại này đến trại kia.

Ở trong tù, tai nghe, mắt thấy rồi có điều kiện ngẫm suy, tôi đã sáng mắt ra hiểu được nhiều vấn đề trong bóng đêm của địa ngục, tôi điên, tôi đã chửi ráo. Hai người kia cùng tổ, bây giờ không biết ở đâu, tôi bị đưa về trại này hơn 5 năm rồi.

Sau khi nghe hiểu biết về anh Bổn, tôi nghĩ anh đã phạm vào một cái tội quá nặng nề, trong tay CS. Đó là cái tội "không thể tha!" Trong xã hội CS, có một loại người bị cái tội này. Nếu không tha Bổn chỉ có một mình anh ta khổ cực, gia đình vợ con anh ta nhớ thương khổ đau. Tha anh ta thì mất chính trị (đảng sai làm, rồi bỏ tù) thiệt hại cho Đảng. Chưa nói, nếu anh ta lại đem cái hiểu biết đó cho nhiều người biết, thì còn bị thiệt hại nguy hiểm đến chừng nào.

Kỳ này lại càng có nhiều trại chuyển tù về đây; trại thì mươi người; trại thì vài chục người v.v… Tôi có cảm nghĩ CS đã ký hiệp nghị Paris, chúng suy đoán có thể rồi đây có các phái đoàn Quốc Tế sẽ đến quan hệ, xem xét, du lịch, tham quan v.v…Vậy phải dẹp bớt trại giam. Lọc lõi những trại nào, thành phần, tội lỗi xét ra không nguy hại lắm thì cho về. Bởi vì có cho về cũng chỉ là cho chúng ra cái lồng lớn hơn, mà thôi. Khi tình hình cần thiết thì lại bắt vào, chứ chúng chạy đi đâu được! Còn những tên nào xét ra không

thể tha, chưa thể tha v.v… Hãy dồn chúng vào một số trại đặc biệt, còn thì phá bỏ bớt trại giam đi.

Trưa hôm qua, tôi đang nằm nghỉ mươi, mười lăm phút để chiều đi làm, thì nghe mấy người ở cổng khu hô hoán :

- Các anh ơi! Có ra xem vua tù không?

Nghe lạ tai, tôi cũng mò ra. Ở sân trại chính có hơn chục người ôm chăn chiếu : Họ chỉ một anh tóc đã có sợi bạc, gọi bằng bác thì quá trẻ, vì cái mặt chỉ hơn 5 chục. Họ bảo anh đó là Tôn Thất Tần người tù từ 1945. Nghĩ mình đã tù 11 năm, đã thấy là lâu, anh Bổn 18 năm rồi. So với một đời người đã thấy ghê sợ; nhưng Tôn Thất Tần 28 năm mà vẫn còn ở trong tù, thì đáng là vua rồi. Khó có ai hơn, vì có ai đó, thì phải chết rồi còn đâu! Nghĩ như vậy, tôi định có bữa nào sang làm quen.

NHẠC VÀNG QUÊ HƯƠNG

Nhiều chuyện quá, sáng nay lại nghe bên khu 2, có nhóm nghệ sĩ nhạc vàng đồi trụy của Hà Nội, mới chuyển đến. Rồi còn nghe nói có một tướng phỉ, khỏe như con gấu là Lý Cà Sa cũng mới chuyển về v.v… Từ từ tôi sẽ tìm cách đến thăm hỏi, khi có điều kiện sau này. Chỉ vài ngày sau, tôi đã mò sang chỗ nhóm "nhạc vàng" ở nhà B khu 2. Có thể vì 2 lý do:

1. Cùng dân 36 phố phường mí nhau.
2. Cùng một quan điểm yêu nhạc tình êm dịu, quê hương; trữ tình pha chút lãng tử, hải hồ cho nên tôi và nhóm "nhạc vàng" dễ thân nhau. Nhóm này gồm có 4 cậu, tên mỗi cậu đều có một đặc danh đi theo:

    - Toán Xồm (Nguyễn Thắng Toán, Guitar kèn),
    - Đắc Sọ (trống),
    - Thành Tai Voi (kèn),
    - Lộc Vàng (Nguyễn Văn Lộc, ca).

Nhóm "nhạc vàng" bị bắt năm 1967 cũng là năm có vụ án "xét lại hiện đại". Toán Xồm là đầu vụ, một phiên tòa ở Hà Nội đã xử năm 1969, CS gọi là nhóm "nghệ sĩ nhạc vàng đồi trụy". Kết quả Toán Xồm 15 năm, Đắc Sọ 12 năm, Thành Tai Voi 10 năm và Lộc Vàng 10 năm. Toán người nhỏ tí, có cái mũi như lai Tây, Toán học trường Tây, nhưng vì yêu văn nghệ, thích đàn hát nên học hành chẳng ra sao. Vì vậy, bắt đầu khoảng 57 – 58 một số cậu choai choai không có tiền, đàn đúm, còn đói ăn nữa nên đã tụ tập một nhóm nhỏ yêu nghệ thuật, yêu ca nhạc. Lúc đầu chỉ hát "nhạc xanh" là nhạc của các nước XHCN phương Tây. Ban nhạc của các cậu thường vào chơi trong những buổi tiệc tùng, liên hoan ở các sứ quán Ba Lan, Tiệp Khắc, Liên Sô v.v… Được vài năm, nhưng cũng đói rách. Khoảng 61- 62 lũ choai choai Hà Nội có phong trào bí mật nghe đài Sài Gòn. Bài hát nào mới ở SG, chỉ vài ngày sau chúng đã lén lút, ca cho nhau nghe ở Hà Nội rồi như: *Đời là vạn ngày sầu…. biết tìm vui chốn nào… Ta yêu nhau đi thôi!…. Duyên tình ta xé… làm đôi…*

Hoặc: Tầu Đêm Năm Cũ… Thực ra dạo ấy và cho tới cả bây giờ tôi cũng không biết những bài hát đó tác giả là ai? Nhưng ngay trong trại Phong Quang vào những ngày thứ Bẩy, Chủ nhật một ấm chè rẻ tiền (chè cám) 5, 7 người có chút tâm hồn văn nghệ tụ tập (lén lút) ca hát, với một cây đàn tự chế. Khi thấy "áo vàng" vào khu, các cậu đổi "gam" ngay, thành những bài hát VC.

Như tôi đã nói, do cùng Hà Nội, lại có "gu" giống nhau nên bất cứ có buổi ca nhạc "bỏ túi" ở buồng nào các cậu thường báo trước, tôi là một khán, thính giả nhiệt tình. Tôi đã được nghe nhiều bài hát của Sài Gòn ở trại Thanh Phong. Thời gian ấy, một vài sự việc cho tới bây giờ, vẫn hằn vào lòng tôi.

Toán Xồm có cái tài bắt chước, khi ấy gọi là "bắt vở". Bất cứ một cán bộ lạ hay quen, từ trên bộ về nói chuyện với toàn trại, những ngày sau khi về trại, có khi đang lao động, có khi ngồi uống trà v.v… Toán Xồm bất ngờ làm một động tác, lột tả lại để ai cũng hiểu, Toán Xồm muốn nói đến cán bộ nào rồi, kể cả giám thị, cho đến ông cục trưởng Cục Lao Cải (giai đoạn ấy). Buồn cười một cách ý nhị, tôi phải thừa nhận là một cái "tài" không phải ai cũng làm được. Chỉ một cái "nháy mắt", "nhếch môi", "giọng khạc", "mắt liếc", "tay vẫy" mỗi khi nói v,v… Nghĩa là ai có cái tật gì Toán Xồm làm đúng như thế. Không hề nói trước, nhưng những người chung quanh đều hiểu Toán Xồm muốn nói đến ai. Vì thế, mọi người đều cười thoải mái!

Sự việc thứ 2 Toán Xồm kể lại, khi còn ở Hà-Nội, trong thời gian nhạc xanh, nhạc vàng, nhóm cũng "rách" lắm (cả xã hội cùng đói rách, chứ riêng gì ban nhạc), bàn nhau mới nghĩ ra, đành phải sắm thêm vài chiếc kèn đám ma, kiếm gạo cơm trong những người chết, để cứu cuộc sống của nhóm. Nhóm đã hành nghề mấy năm của cái đất Thăng Long dưới cái chế độ "Xếp Hàng Cả Ngày" thời gian ấy, thì cũng thêm cho bát cơm đầy.

(Đến đây tôi xin thưa quý một chút: Câu chuyện của Toán Xồm kể có hơi một chút "thô tục", nhưng nếu tôi không tường thuật mọi chi tiết sư việc thì còn đâu là hồi ký? Vì thế kính xin quý vị tha thứ)

Nghĩa là ngoài ca nhạc, nhóm còn đi thổi kèn, đánh trống cho đám tang nữa. Đã nhiều lần, nhiều nhà, nhưng có một đám ấy tương đối khá giả. Một gia chủ bị chết làm tang 3-4 ngày, bốn cậu trong nhóm kèn trống, ngồi 4 góc của chiếc quan tài thân chủ.

Vợ con, họ hàng trừ khi ăn cơm hay sinh hoạt cá nhân, còn hầu như ngày đêm phục tang, khóc than chung quanh quan tài. Trong tiếng trống, tiếng kèn vẫn đều đều nỉ non đêm ngày, phụ hoạ với tiếng khóc than của thân nhân. Chỉ có tiếng kèn của một cậu hơi lạc giọng, chỉ trong nhóm mới biết:

- Tò……Tí …….Te …….

Nhóm hiểu ngay là Thò…..Tí…….Ghe ….!…….

Nhìn vào đám thân nhân đàn bà con gái, các cậu nhớn nhác tìm tòi. Một cậu ở góc khác thổi dóng lên tiếng kèn:

…….Ò……í……e…….(Ở ….. đâu…..nào?…….) Nhớn nhác không biết của quý chỗ nào nên thổi kiên hỏi. Anh chàng Đắc Sọ đánh trống đã nhìn thấy! Đắc Sọ vội đập trống điệu riêng:

……..Bốp…..bình….bình (…….Góc……trong…….cùng…….)

Thành Tai Voi, cũng trống, đang ngồi sát đấy, cúi xuống nhìn cho kỹ, rồi đập trống:

……Binh…… bùng……binh…… (Tinh …..mùi …..tương……)

Do cái tài thuật chuyện hóm hình có duyên của Toán Xồm chúng tôi ngồi nghe trong tù, cùng cười như nắc nẻ. Rất tiếc, tôi không đủ khả năng diễn đạt, theo ý muốn.

Về anh Tôn Thất Tần, giai đoạn 73 – 74 anh được làm vệ sinh tự giác trong trại, tương đối nhàn hạ, có thể vì công việc dễ chịu như được chiếu cố nên anh dè dặt nói chuyện, để bảo vệ cái "job" thơm? Tôi và anh đã đánh cờ tướng 3, 4 lần, trí óc của anh còn minh mẫn lắm! Tôi chỉ biết một chút về anh: Bị bắt ngày 24 – 9 -1945. Anh là Đổng Lý Văn Phòng, đã kịch liệt phản đối Vĩnh Thụy (Bảo Đại) trao ấn tín cho Trần Huy Liệu của Việt Minh. Hơn một tháng sau, của ngày 19 – 8 -1945, Việt Minh truy ép anh mấy lần không được, nên họ đã bắt (Anh nói với tôi như vậy, thực hư tôi không rõ.)

Một buổi sáng, đầu tháng 7 – 1974, tên Hường trực trại đọc tên tôi trước hàng tù, đợi xuất trại đi làm. Tôi được chuyển về toán 7 làm nhà, tôi bàng hoàng ngẩn ngơ tiếc nuối toán rau của ông Mão, được hơn một năm trường (ra toán rau là đi đày, ý chí chuyển đổi khó khăn ra thuận tiện của tôi có hiệu lực. Có thể chúng thấy, hơn một năm đầy tôi ra cứt, đái, nắng mưa ở toán rau, chắc tôi đã biết thân rồi!

Cũng có thể chúng xem hồ sơ của tôi; tên này ở trại trung ương số 1 đã là kỹ thuật xây dựng nhà cửa; cũng là kỹ thuật hàng ngang (mộc), vậy hãy cho nó về toán làm nhà xem sao? Hẳn nó đã tự biết thân! Chúng có biết đâu rằng, con người cái chính là khâu tư tưởng! Tôi đang mang tâm trạng, bao nhiêu anh em Biệt Kích khác đã được về miền Nam tự do, còn tôi chúng giấu đi, nhét trở lại tù ngục, lam lũ đói khát.

Về toán làm nhà do tên trung sĩ Đạo phụ trách; toán trưởng là anh Nguyễn Trí Viên (tù chính trị địa phương). Khi ra hiện trường anh Viên phân công, cho tôi làm vì trưởng một căn nhà gỗ 5 gian. Năm gian thì có 10 vì, tôi đã trả lời anh Viên là tôi không biết làm! Viên chạy đến cán bộ Đạo, một lúc sau cả Đạo và Viên xồng xộc đến chỗ tôi. Tên Đạo sừng sộ :

- Tôi còn lạ gì anh nữa! Ở trại 1 anh đã dựng cả một công trình!

Tôi nói dịu dàng :

- Thưa ông, đầu óc tôi không biết làm sao, tôi chả còn nhớ gì ở trại 1.

Không nói gì thêm, y bỏ đi! Anh Viên lấy một cái đục 2 phân với một cái bướm đưa đến, rồi chỉ cho tôi một cái lỗ đục ở cây cột cái để "Xàm" xà. Tôi suy nghĩ: Mình vẫn là tên tù, không nên làm quá; cái gì quá đều không tốt! Hãy theo cái thuyết của Albert Einstein; nghĩa là tương đối, trung dung, vừa phải thôi. Rồi tùy từng sự việc, tùy từng giai đoạn để xê dịch, trung dung ở chỗ nào cho thích hợp.

Theo qui định thời gian ấy, 12 lỗ đục cột, một công khoán, vậy tôi cứ tà tà đục chừng 9 hay 10 lỗ một ngày, không cần kỹ thuật. Để nhắm mắt qua cầu, cho đầu óc còn làm nhiều việc khác! Cái thích thú của tôi là, trong toán làm nhà này lại có Lý Cà Sa, tôi đang muốn làm quen, tìm hiểu. Lý Cà Sa là người duy nhất ở trại Phong Quang được ăn 21 kg. Thông thường, người tù nào làm khỏe, năng suất cao, thì cũng chỉ được ăn mức 18 kg là mức cao nhất, theo quy định của Cục Lao Cải.

Anh em trong toán kể lại: Một buổi ngoài hiện trường lao động làm nhà, cây cột cái thường phải 4 người khỏe khiêng; thế mà Lý Cà Sa một mình vác. Tên Tằng và nhiều cán bộ chứng kiến, vì thế tên Tằng ký giấy đặc biệt cho Cà Sa ăn mức 21 kg. Về tâm lý, hầu hết mọi người đều trầm trồ ca ngợi, có thiện cảm với một người khỏe mạnh khác thường như thế. Trần Định toán trưởng, cũng như anh em trong toán nhà bếp. Mỗi khi Cà Sa mang soong xuống bếp lấy cơm (lấy riêng), nhà bếp cứ ang áng xúc cho một xẻng cơm, có khi còn hơn cả mức 21kg nữa. Vì vậy Cà Sa cũng lén lút cho chác, những ai Sa mến.

Cũng là một đặc biệt, Cà Sa lại thích đùa bỡn với mấy cậu nho nhỏ, be bé. Luật bù trừ của tạo hóa cũng kỳ diệu! Người to lại thích người nhỏ, gầy thích mập, cao thích lùn và ngược lại. Không biết người thông minh có thích người đần không? Hoặc người vui tươi, nồng nhiệt có thích người sầu buồn như gà rù không? Cái này xin để quý vị thẩm định.

Cũng vì thế Toán Xồm (bé tí) rất thích Lý Cà Sa, nên hằng ngày thường sang chỗ Cà Sa. Tất nhiên Cà Sa cũng thích Toán Xồm và hay đần mặt ra, nghe lời ca tiếng nhạc của nhóm "nhạc vàng".

Con người của Lý Cà Sa cũng khác thường, chân tay mình mẩy rất nhiều lông, mà lông lại dài nữa. Mặt anh ta, tôi có cảm tưởng hơi giống như con khỉ đột, đôi mắt sâu, lông mày rậm. Tôi cũng đã được nhìn thấy nhiều người

to khỏe rồi, nhưng phải thừa nhận Cà Sa có một sức khỏe lạ thường trời cho. Chắc chắn Cà Sa không phải là người to, cao nhất, anh ta cao chừng 1m 83 đến 1m 85 (xin quý vị tín nhiệm mắt của một người thợ kim hoàn, một kỹ thuật nhà, mộc!. Cụ thể tôi đã vẽ kích thước cái cùm Hỏa Lò bằng trí nhớ, ở tập 1 Thép Đen, đã không sai với hình chụp hiện nay). Còn Cà Sa cân nặng bao nhiêu tôi xin chịu (nhà tù chưa bao giờ có cân).

Nhớ lại Tết vừa qua, trong vấn đề kéo co, cũng tên Tẳng Toét và cả anh em tù, cũng muốn thử xem sức khỏe của Cà Sa như thế nào? Bữa hôm Tết, y cho 6 người của toán cò cưa và Lý Cà Sa ăn no; buổi chiều y cho 6 người này, kéo dây ” kéo co ” với Cà Sa. Trước sự cổ vũ của anh em tù cũng như cán bộ toàn trại, cuối cùng Cà Sa đã thắng!

Một buổi uống trà cám, Cà Sa đã kể lại thời kỳ anh ta bị bắt. Trước 5 – 6 người, có Toán Xồm và tôi, Cà Sa nói:

- Hàng mấy năm trường vùng vẫy trong vùng Hoàng Su Phì Hà Giang. Việt Minh không thể làm gì y được. Sau VM dùng trò mua chuộc, dụ dỗ sẽ cho làm tướng vùng dân tộc thiểu số, sẽ cấp dinh thự, kẻ hầu người hạ v.v… Cuối cùng đã bắt được Cà Sa.

Cà Sa kể tiếp:

- Trong thời gian khai thác, thẩm cung luôn có 6 CA võ biền, to khỏe canh gác. Chân tay Cà Sa lúc nào cũng bị xiềng xích ngày đêm, vậy mà khi Cà Sa đi cầu cũng 4 người đứng canh. Khi Cà Sa biết bị lừa, y gầm thét phá phách dữ dội, có lần y vớ được một tên CA, y ném qua một bờ suối rộng 3m. Việt Minh phải trị bằng cách cho ăn đói nhiều ngày. Ăn được 5 phần thì chỉ cho 1 phần thôi “Thà không cho ăn để chết, không ác độc, thâm hiểm bằng cho ăn ít như thế!” Đấy là lời nói của Lý Cà Sa.

Đêm qua bên nhà A khu 1 có một chuyện không bình thường: Nghe đâu cũng lại ăn nấm độc, 6 người bị nặng nhất đang đêm phải đưa đi nhà thương Yên Bái, nhưng 4 người đã chết. Sáng ngày ra, trong trại xôn xao, bàn tán như sau: Một cặp tù xẻ gỗ thuộc loại tự giác.

Những cặp loại này không cần phải công an võ trang đi kèm, cứ 2 người đi thăm thưng trong rừng cây, thấy cây nào đáng xẻ, gỗ thuộc loại nào về báo với cán bộ toán. Khi đã được chấp thuận, cho chỉ thị xẻ theo quy cách, kích thước, ngày tháng mức ấn định v.v… Do đấy, có cặp xẻ phải làm tại chỗ hàng tuần, hàng tháng, cứ sáng sớm xách cơm nước đi, tối phải về trại trình diện.

Hôm qua, một cặp xẻ: Hoàng Điềm và Ngô Thanh (tù chính trị địa phương, tức miền Bắc) những cây gỗ gần chỗ các anh xẻ, sau những trận mưa rừng rả rích, cũng mọc lên rất nhiều những loại nấm mèo. Ngay từ chiều 2 anh đã nấu thử tại chỗ để ăn (những người khác trong toán kể lại). Các anh về khoe là :

- Thịt gà phải trả về tiền! Ngon quá! Lại nghĩ đến những bạn bè thân của mình, các anh đã mang về một ống Guigoz và một cà men con. Tối các anh về trại, vào buồng chia ra làm 5 phần, anh thì có 3 người thân, anh thì có 2. Các anh đã lén lút đưa cho người thân, để cùng thưởng thức.

Nghe bạn thân là anh Điềm với anh Thanh ca ngợi hết lời, lại thấy 2 anh đã ăn rồi mà có sao đâu. Vả lại, đang đói thiếu, của thơm ngon như thế mời gọi, của qúy dành cho người thân! Bởi vậy các anh đều nhiệt tình thưởng thức, còn không cho ai biết nữa chứ. Chỉ có một người là anh Hoè của toán nhà bếp (bạn của anh Điềm) bị đau bụng từ chiều, nên anh để dành lại, sáng mai khỏi đau bụng sẽ ăn.

Buổi trưa hôm đó, sau khi đã có 4 người chết ở nhà thương, còn 2 người ngắc ngoải. Tên Tằng Toét đã lấy cái phần của anh Hoè đau bụng chưa ăn, chừng 1 phần 3 chiếc ca nhỏ uống trà. Y bắt con Vện của cán bộ trực trại ăn thử; nửa giờ sau con chó sùi bọt mép, giẫy lên rồi nằm luôn.

Vấn đề kỳ lạ để lại trong lòng nhiều người: Tại sao anh Điềm và anh Thanh đã ăn tại chỗ từ chiều, cho tới khi về trại không sao cả. Hai anh đã chết rồi, thì ai trả lời được cho mọi người khỏi băn khoăn? Theo tôi, chỉ có một cách giải thích hợp lý: Vì lý do, nguyên nhân gì đó, buổi chiều hôm ấy anh Điềm và anh Thanh chưa hề ăn nấm mèo ấy. Hoặc, các anh đã ăn nấm khác, không phải cùng nồi, đã múc đưa về trại.

Gần 3 tháng trời họ chuyển tôi về toán ông Đạo làm nhà, thấy tôi không chuyển biến tư tưởng, chẳng chịu làm ăn cái gì cho ra hồn. Thật không ngờ, đầu tháng 2- 1975 họ lại chuyển tôi về toán mộc để làm hàng ngang. Lán mộc bây giờ ở ngay phía trước cổng trại, ngay sau phòng trực trại của tên Hường.

Toán mộc cũng vẫn là cán bộ Hòa và toán trưởng vẫn là anh Khẩn, như khi tôi mới chuyển về trại này. Họ phân công cho tôi đóng giường đôi, và làm ghế. Quan điểm của tôi đã nói ở trên, tôi chỉ làm cầm chừng, "nhắm mắt qua đò". Kỳ này tôi lại đốc tật là thích uống trà đêm, trong buồng cũng có một vài anh cũng thích uống trà ban đêm. Ngồi một mình trong mùng, nhấm nháp ly trà (ly nứa) để cho lòng lâm ly, để cho óc trầm ngâm suy tư chuyện Đông, chuyện Tây, chuyện trong, chuyện ngoài, nghĩa là chuyện đời.

Những người uống trà đêm, "muốn ăn thì phải lăn vào bếp". Họ phải lo chuẩn bị đóm nứa khô. Nội quy cho mỗi tù nhân, chỉ được mang một cái đóm vào trại, để hút thuốc.

Tùy theo khả năng, tài ba của mỗi người, có gia đình tiếp tế, có tiền thì uống trà ngon, trà búp. Kém khả năng thì uống trà cám loại bẹt, một gói giá 1 hào 50, uống được một tuần. Nhấm nháp một tí đặc chát, để cho đời lên men.

Thường thường 11- 12 giờ đêm, người ta ngủ yên ắng, mình khe khẽ bò dậy, vào nhà xí chừng 3, 4 cái đóm nứa, đã có thể sôi nước trong một cái ca con. Sau khi đã đun trà xong, chuẩn bị cái giẻ rách lau cho ca sạch trắng. Một cái giẻ dùng hàng tháng. Cứ đêm lau, sáng ra lán giặt phơi, nó cũng là một cái thú ở trong tù.

Thấy cứ phải lau chùi ca, chạy vào, chạy ra trong nhà xí. Một đêm, tôi chợt nghĩ ra một cách, theo điều kiện cho phép của tôi. Đã cuối tháng 2 đầu tháng 3, sắp hết Xuân vào Hè, tôi lại dùng cái quần đùi thời gian ở toán rau. Chỉ khác đi là lần này đựng than, loại than gỗ cứng qúy. Ở ngoài lán mộc luôn có đống lửa, hút thuốc, đun trà v.v… Tôi chọn những gỗ cứng, tốt đốt cháy đến đâu, tôi nhúng vào nước. Có một loại than thật cứng, giữ được lửa lâu. Mỗi ngày tôi mang về 6 cục, mỗi buổi tôi mang về 3 cục. Đêm có thể tôi đun 2, 3 lần trà, than vẫn còn đượm. Chỉ ngồi một mình trong màn, lại không có khói, ấm cúng, chủ động, không phải lấm lét canh công an võ trang.

Tôi làm ở lán mộc này được hơn một tháng, một buổi tôi ra chỗ góc lán đi tiểu, chỗ tôi trồng mấy ngọn lang để cải thiện. Thoáng bóng một chú gà giò, chừng 2 vụm tay, chú gà cứ tẩn mẩn mổ mấy loại côn trùng, ở đám dây khoai lang. Tôi chợt lóe một ý nghĩ: Hàng chục năm không có mùi thịt gà! Dịp may trời cho, tại sao không liều? Chắc chú gà này của vợ chồng lão Tôn đại úy giám thị trại, ở phía bên kia hàng rào với lán mộc.

Phải liều, cứ cái câu "không liều thì không có cái gì cả". Nhìn trước nhìn sau, tôi lựa thế le con gà vào một cái góc. Như một cái máy, tôi chộp lẹ.

Có lẽ vì là chú gà giò chưa lớn bao nhiêu, nên không hề kêu gì cả. Bóp cổ 2 phút là chú giẫy chết! Tôi thành thật xin chú mày tha lỗi! Vì tôi đói và thèm quá! Vùi đất ngay tại chỗ, vì đi tiểu đã lâu. Tôi vào cầu bào, không ai để ý gì, tuy vậy trống ngực tôi cũng đánh liên hồi.

Cắm cúi cưa, cắm cúi bào, nhưng đầu tôi tính một cách, sao mang về lọt qua cổng trại! Đi tiểu lần sau, chỉ kịp vặt hết lông. Mười lăm phút tôi lại đi lần nữa, đã chuẩn bị, mang theo một cái chàng sắc bén, vội vàng mổ ruột

vất hết, chỉ gan và mề để lại. Quá 5 phút lại phải vào, liệu chờ người đi tiểu ra, tôi lại đi. Nếu ai để ý sẽ thấy lạ, có thể đoán tôi hôm nay bị đi đái rắt. Đã tính rồi, tôi ra cắt béng đầu và 2 chân gà đi, con gà bây giờ chỉ còn khoảng 2, 5 đến 3 lạng là cùng. Tôi mang vào giấu ở cầu bào.

Cứ có điều kiện không ai để ý, tôi lại cắt con gà thành những miếng nhỏ, sao cho cả con gà càng thu nhỏ lại, càng tốt. Gần giờ thu quân, tôi dồn hết vào cái túi bí mật ở trong quần. Nếu ai tinh ý sẽ thấy cái chỗ đi tiểu của anh chàng này, hôm nay hơi to. Tôi phải cố thót bụng lại, để đánh lạc hướng trật tự và trực trại. Tay tôi cầm 4, 5 cái đóm hút thuốc, với cái ca con, đựng tí bã trà.

Khi toán về tới cổng trại, ngay từ xa tôi đã thoáng nhìn thấy dáng dấp tên Tẳng Toét, tôi cũng hơi chờn. Có Tẳng đứng đấy, trực trại, trật tự phải nghiêm khắc xét, khám kỹ hơn. Tôi băn khoăn, vài phút rồi quyết định: Đã tính rồi, cứ tiến!

Sau khi anh Khẩn đứng nghiêm báo cáo con số toán, tên trực trại nhìn 5 cái đóm trên tay tôi, y quát :

- Anh kia mang nhiều đóm thế!

Tôi nói cố hết sức dịu dàng:

- Thưa ông, có 2 anh bị ốm ở nhà, nói với tôi mang hộ!

Y gằn giọng :

- Không được!

Tôi bỏ lại 3 cái, y cũng không nghe (vì có tên Tẳng đứng đấy) đúng nội quy chỉ được mang một cái mỗi người. Tôi chỉ cầm một cái đi vào, còn bỏ lại hết. Khi đi qua tên Tẳng và tên Hương, tôi có cảm tưởng chúng cứ nhìn tôi mãi. Không biết mũi của chúng có ngửi thấy mùi thịt gà tươi, ở trong quần của tôi không? Thế là nhiệm vụ hoàn thành!

Cái đêm hôm ấy, hầu như tôi thức cả đêm! Sau khi điểm xong, cho tới kẻng cấm, tuy nằm mà bao hy vọng chờ đón, lẫn với tính toán đến 12 giờ đêm, chả làm sao ngủ được. Nghe ngóng yên ắng, có nhiều tiếng gáy, tôi mới bò dậy xuống sàn, vào nhà xí nhóm than cho cháy. Chỉ nửa giờ sau đã có già nửa cái lon Guigoz, là thịt gà giò chín thơm lừng. Mở cửa nhà xí, ngó ngấp, nghe ngóng, bấy giờ mới rón rén khe khẽ trèo lên sàn, chui vào mùng, để mà hưởng thụ.

Thành thực mà nói, 13 năm tôi đã hoàn toàn quên béng cái mùi thịt gà giò đi rồi. Cũng xin thành khẩn nhận lỗi, đêm hôm đó tôi đã quên hết… Một câu thơ con cóc: *Cái đêm hôm ấy, đêm gì? Gà non, nhóp nhép….gầm ghì cả đêm*! (Cho đến khi tôi viết mấy dòng này, tôi hơi một chút băn khoăn, có nên cảm ơn vợ chồng ông đại uý Tôn, của trại Phong Quang ngày ấy? Chỉ vì Tôn có chút tình người.)

Sáng hôm sau, trong khi ngồi xếp hàng chờ cán bộ vào điểm, bỗng anh Bùi Tâm Đồng nói to bâng quơ:

- Đêm qua tôi nằm mơ được ăn thịt gà, sáng ra vẫn còn mùi thơm của thịt gà!

Có mấy anh nữa rống lên phụ họa :

- Tôi cũng ngửi thấy mùi thịt gà thơm phức!

- Tôi thấy thơm lừng trong buồng, vào nhà cầu đi đái tôi còn ngửi thấy!

Chỉ có một mình tôi biết, mùi thịt gà đó do đâu ra, và nó còn nằm trong bụng của ai bây giờ, mà thôi!

Những tháng năm lang thang trên xứ người, có nhiều lúc tôi nhớ lại con gà giò "ăn cắp"của ông bà Tôn năm ấy. Tôi có ý nghĩ: Nếu có thể được, bằng cách nào đó, trong điều kiện nào đó, tôi sẽ xin trang trải món nợ của ông bà Tôn ngày ấy, cả vốn lẫn lời. Cũng như tôi đã trả được món nợ cả vốn và lời, 4 đồng của Phan Thanh Vân ở phân trại E, phố Lu năm 1969 (năm Hồ già về với Karl Marx). Hiện nay Vân đang ở Washington DC.

Nói về ông đại úy Tôn này, tháng trước (10/04) chính Lưu Nghĩa Lương ở toán 5 đã kể cho tôi nghe (Lương hiện ở CA.). Tay Tôn này tập kết, chả hiểu trong Nam có vợ con hay chưa? Cơ quan, ban giám thị có một cô loại thanh niên xung phong, chừng 22 – 23 tuổi. Dáng quê, không đẹp vẫn hàng ngày phục vụ dọn dẹp, lau chùi, giặt giũ v.v… Ông Tôn đã làm cho cô ta có bầu. Đảng, cơ quan bắt y phải cưới làm vợ. Rồi Đảng cho vợ chồng một căn nhà con, phía bên kia hàng rào lán mộc của chúng tôi. Lương còn nói: Có lần Lương gặp đại uý Tôn đi trên chiếc cầu con (từ cổng trại ra lán thủ công, và nhà ông Tôn có một cái suối nhỏ) Lương vừa chào lại có ý móc máy, đùa cợt :

- Chào ông ạ! Thưa… bà đẻ con trai hay con gái ạ?

Tôn quay hẳn lại nhìn, xem thằng nào biết mà lại hỏi thế? Dù vậy y vẫn trả lời như vui, như đùa :

- Theo Đảng mấy chục năm, bây giờ mới có cái "thằng".

Qua cách trả lời Lương, ta đã thấy phần nào con người của "ông" Tôn rồi!

Sau cái đêm chén con gà giò, ngay ngày hôm sau đi làm ngoài lán mộc. Mỗi lần tôi đi tiểu, đều nhìn sang phía nhà vợ chồng ông Tôn nghe ngóng động tĩnh, có hiện tượng tìm tòi, kêu ca mất gà hay không?

Nhưng tôi vẫn thấy im lìm. Trong khu hàng rào, có căn nhà nhỏ của vợ chồng ông Tôn, chung quanh tôi thấy có một số cây rừng nho nhỏ. Sát phía căn nhà có một cái chuồng gà, bằng tre và nứa. Chừng gần 2 chục con gà lớn bé, hàng ngày ra lang thang trong khu vườn con đó. Chúng tìm những con sâu, bọ, côn trùng, ngoài một bữa ăn duy nhất khoảng 4 giờ chiều. Từ cái lỗi lấy trộm gà của tôi đối với gia chủ là ông Tôn, dần dần tôi càng để ý nhà ông ta kỹ hơn.Tôi làm mộc, cứ mỗi buổi chiều nghe thấy 3 tiếng phạch, phạch, phạch, của một cái que đập vào một cái phên liếp là tôi chạy vội ra chỗ đi tiểu, ghé mắt sang bên kia phía hàng rào nhà ông Tôn.

Một bà chỉ 26, 27 tuổi, tôi đoán là vợ ông Tôn nên gọi là bà, mang một cái rá con lẫn lộn ngô xay với cám gạo, bà rắc vãi ra phía trước mặt. Rào rào từ khắp các ngõ ngách, các chú gà lớn nhỏ chạy bổ, chạy đáo về chỗ bà chủ. Có con vội vàng quá, vấp vào những cành cây, ngã lăn lộn mấy vòng nhưng cũng cố vội vàng, bò dậy chạy về chỗ ăn.

Nhìn cảnh này, óc tôi liên tưởng suy ngẫm: Những con gà trong khu vườn này, đã được thả ra khỏi chuồng từ sáng sớm. Lang thang kiếm ăn cả ngày trong vườn, ngày nào cũng thế nên những con côn trùng không còn bao nhiêu, cho nên, chúng đói lắm.

Vì vậy khi nghe 3 tiếng hiệu lệnh bằng mọi giá, chúng phải chạy về ăn, nhất là phần ăn chỉ có hạn. Nếu trong khu vườn con ấy, gia chủ lại phơi vài chiếu thóc, ngô, đậu hay gạo v.v… Những con gà kiếm chác được ít nhiều, đôi khi còn no nê nữa. Chắc chắn chúng sẽ không chạy bán sống, bán chết khi nghe 3 tiếng lệnh gọi về ăn, như tôi đã thấy. Hoặc gia chủ, cho ăn thả cửa hai, ba bữa ê hề ngô thóc, thì cũng không còn cái cảnh tôi đã nhìn thấy ở đàn gà.

Suy ra xã hội CS: Từ mấy con cá dưới sông, con chim trên trời; cành khô, củi mục, tất cả mọi nguồn lợi kinh tế của quốc gia, CS phải quản lý hết, quản lý nghiêm ngặt. Dù có thừa, vựa lúa gạo của miền Nam từ ngàn xưa bao giờ cũng thừa, bây giờ lại cải tiến tăng vụ nữa. Chúng phải cất đi, phải giấu đi, phải cho đi v.v… Thậm chí thà để mốc đổ đi, chứ không thể để, cho dân chúng no nê đầy đủ. Của thừa, không tiếc! Nhưng cho ăn đầy đủ thì lại

lắm chuyện, không quản lý được. Còn lý do thì nhiều lắm, nào thiên tai, dịch hoạ v.v…

Tất cả để phục vụ cho một mục tiêu chính: Quản lý con người, quản lý xã hội. Đặc biệt về vấn đề an ninh nhà nước, tức cho ngay bản thân chúng, đó cũng là một cái khóa an toàn vạn năng.

Cũng từ đấy ta suy ra, nền công nghiệp quốc phòng của chúng thì vô cùng hiện đại, để chống với nước khác là phụ. Cái chính là để trấn áp, tiêu diệt mọi mầm mống nổi dậy, của dân chúng trong nước của chúng. Sao cho bảo vệ cái chỗ ngồi của những tên lãnh đạo, được vững chắc ngàn thu.

Cho nên nếu chúng ta viết bài, nhận định về vấn đề này, về vấn đề kia là chúng ta bàn cãi, lý luận về cái ngọn: quả này sâu, hoa kia thối, cành này gẫy mà thôi. Tất cả từ cái gốc quản lý xã hội, quản lý con người của chúng.

CS đã nhìn thấy: Con người khi có cuộc sống đầy đủ, thừa thãi thì không thể quản lý được (như đàn gà nói trên). Cho nên ai cũng nhìn thấy rõ ràng như ban ngày: Dưới chế độ CS bất cứ ở đâu, đã qua, bây giờ và sau này, không bao giờ người dân trong chế độ đó được tự do, dân chủ, dân quyền, no ấm, thừa thãi v.v… Còn như cái thế giới Đại Đồng "làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu" v.v…

Tất cả đều là bịp bợm, bánh vẽ. Nhìn một cách biện chứng khoa học: Không bao giờ cái chế độ Đại Đồng đó hiện thực, mà chỉ là không tưởng. Tôi trình bày, đây chỉ là cái gốc, có nghĩa dưới chế độ CS hay biến xác là XHCN ngày nay, còn vài cái gốc nữa: những thiên tới, chúng ta sẽ nói đến.

- 10 -

SẦU LẮNG MÊNH MÔNG

Dư âm của bữa ăn con gà giò hãy còn rơi rớt trong cảm giác, hãy còn làm cho lòng tôi lâng lâng nhìn cuộc đời. Sáng sớm hôm nay, trong buồng hãy còn tối, tôi giật mình thức giấc vì chiếc loa ở cửa buồng nheo nhéo loan báo: Ngày 13 – 3 đại quân CS có xe tăng đại pháo đã bất ngờ mở trận tấn công vào thị xã Buôn Mê Thuột ở cao nguyên miền Nam, chúng đã chiếm được thị xã Buôn Mê Thuột. Hôm nay là ngày 15-3, như thế đã 3 ngày chúng mới loan tin trên đài. Tình hình phải chắc ăn chúng mới loan tin, chúng rút kinh nghiệm năm Mậu Thân 1968.

Người tôi tự nhiên đờ ra, tôi đã ngồi dậy rồi, lại nằm xuống lịm đi, phải chăng mối ưu lo của tôi hơn 2 năm xưa bây giờ đã ló ra? Tôi nhớ thời gian ký hiệp nghị Paris, nhìn một tấm hình chúng đang tuyển quân, tôi đã lo có khi vì hội nghị Paris này rồi sẽ mất miền Nam!

Cả ngày hôm ấy, người tôi như mất hồn. Ngồi xếp hàng với các toán chờ xuất trại, tôi liếc nhìn mãi sang phía bác Tiến, anh Bưởi và các toán chung quanh. Mọi người nhìn nhau bằng những đôi mắt trắng nhờ nhờ. Ngay xa xa chỗ mấy toán hình sự, hôm nay cũng không còn ồn ào cãi cọ nhau, như mọi khi.

Từ tối hôm qua, lòng tôi đã nhẩm tính dự trù cho đêm nay (15-3) như mỗi tháng. Từ cái tháng 7/1973 cho tới bây giờ niềm hy vọng mòn mỏi đợi chờ cứ mỗi tháng, mỗi bé dần, bé dần cho đến đoạn chót chỉ còn bé một tị. Cũng như đêm nay, niềm mong chờ, hy vọng của chúng tôi cũng còn bé, chỉ còn chút síu.

Bản tin buổi chiều, lại thêm: Đại quân hàng 5- 6 sư đoàn đã vượt sông Bến Hải, bất ngờ thần tốc tiến chiếm Cổ Thành và thị xã Quảng Trị. Đại quân đang trên đường tiến vào cố đô Huế. Từ nay chúng không để hai, ba ngày sau mới đưa tin tức nữa. Có lẽ riêng về trận đầu, trận mở màn ở Buôn Mê Thuột chúng thận trọng, nghe ngóng trong nước ngoài nước nên chúng mới chậm trễ, đưa tin cho nhân dân miền Bắc như vậy. Còn bây giờ thì đài, báo, cứ ra rả từng bước tiến, từng trận đánh của đại quân mà chúng đã tuyên bố là chiến dịch tổng tấn công toàn diện, lấy tên là Hồ Chí Minh.

Đất nước miền Nam thương yêu ơi! Ông bà tổ tiên ơi! Có chứng giám lòng con lúc này! Vì tôi hiểu, tôi nhìn vào bản chất của cuộc chiến, hoàn cảnh, điều kiện nên tôi mới buồn héo hắt, rũ rượi như thế này!

Đúng như ông bà mình dạy: "Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí". Đêm ngày 2-4 khoảng 10 giờ; kẻng cấm 9 giờ vừa xong một lúc; bên ngoài cổng và sân trại rầm rập í ới tiếng của công an võ trang và cán bộ. Nhìn ra về phía lán thủ công có ngọn lửa sáng, biết là có cháy nhà, nhưng chúng tôi không biết cháy ở đâu, phía ngoài cổng trại. Nửa giờ sau, ngọn lửa đã được dập tắt, một đoàn cán bộ và công an võ trang lại vào mở khóa, ngay lán của chúng tôi. Thoáng nhìn tôi thấy cả Tôn, Tằng, cán bộ toán tôi và trực trại, tên Hường đứng trước cửa cầm tờ giấy dõng dạc :

- Anh ĐCB nghe đây: Anh giấu than trong cầu bào, than đã ngún lửa, cháy cầu bào. Lệnh của ban giám thị, ĐCB bị kỷ luật một tuần, hạ mức ăn 13 kg.

Không ngờ nguyên nhân vụ cháy lại là do chính tôi, chỉ vì kỳ này tâm hồn "bay lên cây" cả rồi. Tôi đã cập rập, vội vàng, lú lẫn giấu than như mọi khi trong cầu bào, nhưng hôm nay đã không coi kỹ, than hãy còn tí lửa, ngún dần đến 10 giờ thì cháy lên.

Tôi ôm chăn chiếu vào nhà kỷ luật, trong đó đã có 2 – 3 cậu hình sự cũng đang bị cùm. Loại cùm suốt, giống như ở trại giam Hà Tĩnh tôi đã bị cùm. Cùm loại này chỉ là hàng cháu, hàng chắt của cái cùm Hỏa Lò. Hạ mức ăn 13 kg, chứ dù 7.50 kg một tháng, đối với tôi cũng chẳng nhằm nhò gì lúc này. Cái quan trọng, cái làm tan nát lòng tôi bây giờ là, tình hình chiến sự ở miền Nam.

Tôi bị cùm chừng 5 ngày, một hôm một em tù hình sự cùng suốt cùm với tôi, đưa cho tôi một miếng giấy cuộn tròn nhỏ xíu:

- Chú ơi! Có một chú ở gian đầu nhà kỷ luật này, bảo cháu trao giấy này cho chú! Cháu nghe nói chú ấy là Nguyễn Hữu Luyện, Đại Úy Biệt Kích trong Nam ra Bắc hoạt động. Chú ấy hiện giờ mức ăn kỷ luật, nhưng không bị cùm.

Trong bóng điện mờ mờ, Tôi mở miếng giấy ra; chữ viết bằng bút chì nguyên văn: *Chào anh Bình! Anh hãy yên tâm! miền Nam của chúng ta sẽ không sao cả! Ít ngày tới anh sẽ biết!*

Tôi đọc miếng giấy ân tình, đăm chiêu một lúc! Trước hết tôi xúc động, cảm ơn anh Luyện, tôi chưa hề biết gì về anh, thế mà anh đã gửi lá thư động viên cho tôi. Bình thường như mọi khi, trường hợp này là tôi đôn đáo, xúc tiến để liên lạc với anh. Anh không tìm tôi, tôi cũng tìm đến anh. Nhưng bây giờ cơ thể tôi như con gà đang bị "dịch", tinh thần của tôi thì đã bay lên cây mất rồi, nên tôi chả muốn gì hết! Tôi chả cần hỏi em hình sự bằng cách nào và đường dây nào, để mảnh giấy này đến tay tôi? Hẳn anh Luyện nghĩ anh là

Đại úy, lại mới ra Bắc sau này, anh nắm vững được tình hình hơn, nên anh có trách nhiệm, làm yên lòng anh em đã từ lâu, không thể biết hiện tình.

Tôi hiểu thế, và lòng tôi vẫn xúc động biết ơn anh vì tình chiến hữu, cùng mầu cờ sắc áo, cùng không may đã rơi vào tay kẻ thù. Cũng mừng cho anh, một mình ở trong một gian nhỏ, không bị cùm xích, như một hình thức kiên giam. Anh đã viết thư an ủi, động viên tôi nhưng anh Luyện ơi! Tôi còn hiểu, không phải anh mà cả những vị lãnh đạo ở miền Nam cũng chưa nhìn từng điều kiện, hoàn cảnh của mỗi giai đoạn, cho nên còn mơ hồ là Mỹ, sẽ mang quân vào cứu.

Chúng ta gạt bỏ một điều khách quan: Với cái điều kiện cuộc chiến ở VN vừa qua, dù Mỹ có bom, nguyên tử, khinh khí cũng không bao giờ dám dùng. Nếu Mỹ khùng, Mỹ dốt, Mỹ kém mà dùng là Mỹ tự sát. Không những cả nhân dân thế giới ngăn chặn, mà chính ngay nhân Mỹ, trong chính quyền Mỹ sẽ sớm muộn giải quyết, kẻ nào quyết định dùng bom nguyên tử. Vậy chúng ta chỉ bàn về chiến tranh thông thường, với những vũ khí thông thường.

Nếu chịu khó suy sâu, nhìn kỹ tình hình miền Nam từ 1965 (Mỹ mang quân đầu tiên) cho đến 1971 -1972, trận Nam Lào, trận Khe Sanh v.v. . . Nói theo lối bình thường dân gian: Có "các vàng Mỹ cũng không dám " mang quân trở lại miền Nam nữa. Mỹ mà không dám thì không có một nước nào khác, một khối quân sự nào khác lại dám xông vào.

Xin hãy khách quan để xét vấn đề: ở đây chúng ta không nói hay chưa nói về chính trị, mà chỉ đơn thuần về quân sự. Xin hãy tìm đọc lại những báo chí, những bài nhận định, bình luận của những giai đoạn chiến tranh ở miền Nam. Ngay của phe ta (thế giới tự do) hay những nước trung lập, thành phần thứ 3 dân tộc chủ nghĩa phân tích, nhìn nhận.

Tổng quan:

- Phong cách chiến đấu.
- Phương tiện chiến đấu.
- Tinh thần chiến đấu.
- Phục vụ một người quân nhân.
- Nhu cầu của một quân nhân v.v. . .

Rất nhiều những nhà bình luận quân sự, những chiến lược, chiến thuật gia đều đánh giá chung để tương quan ngoài chiến trường.

Nếu bên CS là 1, thì Mỹ đồng minh phải 12.

Nghĩa là :

Nếu cộng sản có một khẩu súng, Mỹ và đồng minh phải có 12 khẩu.
Nếu CS có một xe tăng, Mỹ và đồng minh phải có 12 xe tăng.
Nếu CS có một viên đạn, Mỹ và đồng minh phải có 12 viên.
Kinh phí CS đài thọ cho một bộ đội, kinh phí Mỹ phải có 12 lần hơn v.v. . .

Tôi không rõ họ đánh giá có chính xác hay không? Họ nhìn tổng quan, mặt này bù mặt kia chăng? Chứ tôi cứ xét một quân nhân, về lương lậu đài thọ: Mỹ không phải 12 lần hơn mà mấy chục lần hơn phía CS.

Một tên Việt Cộng chiến đấu, có khi chỉ một cái quần đùi, một áo cánh nâu. Đâu họ cũng nằm được, chướng ngại hoàn cảnh nào cũng tích cực chiến đấu được, chui rúc chỗ nào cũng xong. Họ ăn uống thì nếu cần vài nắm gạo rang, với nước ao hay nước sông.

Ngược lại phía Mỹ, tôi nghe nói: Đi trận phải mang theo giấy toilet , đầy đủ tiện nghi cá nhân, thậm chí còn đem theo cả nước tắm nữa (sợ tắm nước Đông Á không hợp), nghĩa là quá kềnh càng. Một tiểu đoàn chiến đấu phải có 2 tiểu đoàn phục vụ. Thành ra vừa phí phạm vô ích, lại vừa hạn chế tính năng cơ động, của một người chiến binh.

Không chính xác nhưng cứ ang áng chiều hướng đó, ta suy ra Mỹ là siêu cường, chứ có là siêu siêu cường, cứ dần dần sẽ không thể chịu nổi, theo lũy tiến cuộc chiến này. Cho nên ông Nixon, ông Johnson hay bất cứ ông nào, Đảng Dân chủ hay Cộng Hoà thì rồi cũng phải tìm cách rút khỏi cuộc chiến hiện nay. Hơn nữa nước Mỹ còn hàng trăm thư lo cho mình,còn áp lực phản chiến của nhân dân Mỹ nữa. Cuộc chiến ở Đông Nam Á xa xôi, có phải là sống còn của Mỹ đâu? Vậy nếu chúng ta chửi là Mỹ đểu, Mỹ bỏ bạn chiến đấu Mỹ v.v… là trách oan.

Phải nói cuộc chiến ở Miền Nam là Mỹ không thể chịu nổi nữa, nên phải tìm cách rút chạy trong điều kiện đỡ mất mặt mà thôi.

Cái điều đáng nói và cần nói là: Tạo Hoá sinh ra con người, Ngài đã tạo ra cho mỗi người có 2 cái chân. Trừ trường hợp tật nguyền bẩm sinh hay không may trong quá trình sống. Mỗi một người phải có ý chí tự cường, tự túc, đứng thẳng bằng đôi chân của chính mình. Không dựa dẫm bất cứ cái gì, bất cứ ai, đương nhiêu không dựa được thì đổ. Một nước cũng thế! Chứ như tuyên bố của một vị tổng thống:”Viện trợ 700 triệu thì đánh theo 700, viện trợ 300 triệu thì đánh theo lối 300”. Nếu sự việc này có thật, nó nói lên nhiều vấn đề lắm!

Đúng bẩy ngày tôi được tha kỷ luật, lại trở về lán làm mộc. Tôi phải tiếp tục lao động hàng ngày, nên trừ lúc tôi còn trong kỷ luật ăn 9 kg, bây giờ tôi lại trở về mức ăn bình thường 15 kg. Những điều này làm sao tôi còn quan tâm đến. Hàng ngày những tin tức miền Nam đã làm lòng tôi thiu sượng, rữa ra rồi. Hôm nay đã 9/4 quân dân miền Nam thương yêu của tôi, đã rơi vào cái thế "cuốn chiếu". Lúc này dù bất cứ ai, dù có tài thánh cũng không thể còn cứu giúp miền Nam, được nữa. Trừ trường hợp dùng bom nguyên tử, cái mà tôi đã gạt bỏ đi rồi.

Với sự xét luận của mình, tôi đã thấy trước, thấy đã từ gần 2 năm xưa. Thế mà sao lòng tôi vẫn rách nát, vặn vò nghe những sự việc diễn tiến từng ngày, ở miền Nam ruột thịt lúc này. Tôi nhìn những cây "bàng lăng" vô tri bên cạnh lán mộc, cành lá vẫn vung vẩy với gió. Nhìn cả mấy con chim câu đang đùa bỡn rúc mỏ vào nhau, trên nóc nhà trực trại, lòng tôi như muốn hỏi chúng:

"Chim ơi! Cây ơi! có hiểu lòng tôi đã ung thối thế nào không?"

Hôm nay đã 20/4 tôi chẳng còn muốn chạy sang bác Tiến, anh Bưởi và nhiều bạn tâm hồn khác, cả Lý Cà Sa, Lưu Nghĩa Lương v.v… để bàn luận tình hình nữa. Tôi chỉ muốn không biết gì nữa! Tôi cố không muốn rơi vào những chuyện bình thường của cuộc đời: Khi vui, khi thắng, khi thành công, thì tay bắt mặt mừng, liên hoan, chúc mừng v.v… Nhưng khi hư hỏng, thua lỗ, thất bại thì quay ra vặc nhau, hết đổ lỗi cho người này, lại người kia của bất cứ một đoàn thể, một công ty, hay một nước nào.

Có thể vì tôi kỳ này ít ăn, nên sức yếu hoặc ít ngủ hay bị cơn gió không lành. Chiều hôm qua tôi đang đứng nói chuyện với mấy chủng sinh: bỗng hoa mày chóng mặt rồi tôi không biết gì nữa. Khi tôi tỉnh dậy; các anh Nguyễn Thanh Đương, Nguyễn Quốc Anh và Phùng Văn Tại đang xoa dầu, nắn bóp tay chân của tôi. Các anh nói, tôi ngất xỉu té xuống sân trại, các anh đã kịp đưa vào trong buồng xoa dầu, cao. Dù thế nào tôi cũng xin cảm tạ Chúa cho tôi sống, cảm ơn các anh, bạn bè đã tương trợ, cưu mang.

Rồi cái ngày 30/4/1975 phải đến…. và đã đến. Cái ngày mà cả miền Bắc cũng như miền Nam, không ai là không biết đến. Trong chốn ngục tù tăm tối, cái ngày 30/4/1975 đến với tôi, như một mốc nghiệp của đời. Xoá đi hết những hy vọng, những mộng mơ, những viễn tưởng. Đồng thời những cùm kẹp khổ đau của tôi, những đói khát đọa đầy, cả tuổi xuân hoa mộng của tôi đều trở thành con số Zêrô to lớn.

Tôi nghĩ đến đoạn chì mật duy nhất, tôi còn cất giấu. Tôi cứ tưởng, cứ đinh ninh đã phòng hờ cả 2 hướng tốt và xấu. Tốt là nếu có điều kiện sẽ dùng nó, để hoạt động trở lại. Xấu là tôi quyết đem theo nó, về lòng đất với

tôi. Ai ngờ đâu, lại có hướng thứ 3. Tôi đã moi đoạn chì mật trong riềm gấu, của chiếc áo soọc tù đã cũ rách, và tôi đã tự hủy nó. Bây giờ:

Với tôi… tất cả… đều vô nghĩa
Tất cả…. không ngoài nghĩa… khổ đau!

(Chế Lan Viên)

Nhưng sau cái ngày đen tối ấy đến, một đêm tôi chợt lóe lên một ý niệm: Sống, tôi cần phải sống, can đảm nhận lãnh cuộc sống này để…. sám hối…. Để chuộc cái lỗi lầm, tội lỗi với những thương đau, khốn cùng của đồng bào từ đây, và cho những ngày tới, mà chính tôi đã góp phần gây ra. Không làm tròn một trách nhiệm nhỏ, được đất nước trao cho.

Sau cái ngày 30-4-1975, cái ngày Dương Văn Minh đại diện quân nhân miền Nam, tuyên bố đầu hàng CS vô điều kiện. Dù tâm niệm là cần phải sống, nhưng con người tôi như không còn hồn, vẫn như một cái xác biết đi. Đã giữa tháng 5, đã có những chú ve sầu rả rích, nỉ non than vãn trong những cây rừng chung quanh trại. Tôi vẫn đội một chiếc mũ dạ rách vá 2 – 3 mầu, trùm đầu, trùm tai chẳng còn muốn nói chuyện với ai. Râu ria, tóc tai không cần cắt, không cần cạo, lang thang một mình, miệng luôn lẩm bẩm một câu duy nhất: *Riêng tôi một mình… tâm tư sầu lắng đi trong… bùi ngùi…*

Khoảng gần cuối tháng 5, họ chuyển tôi về toán làm gạch. Theo cái hiểu biết của mọi người tù, toán gạch là một toán làm nặng, bùn đất, nắng mưa; cho nên phải về toán gạch có nghĩa là bị phạt, bị trừng giới trong tù. Tôi được chuyển vào khu II ở nhà A. Cán bộ phụ trách toán gạch là trung sĩ Hoàn người lùn tịt nhưng thuộc loại hắc ám, ác ôn. Địa điểm làm việc của toán gạch thật xa trại đến hơn 2 cây số.

Làm gạch có nhiều khâu: Khâu lấy đất, nhào đất, khâu đóng khuôn, phơi gạch, khâu vận chuyển về lò nung v.v… Vì tôi là lính mới, chưa biết cách làm ở các khâu khác, nên họ phân công vào một nhóm hơn chục người vận chuyển, gạch thô về lò. Gạch thô là gạch chưa nung, còn ở sân phơi, mỗi một viên nặng gần 2 Kg.

Mỗi người quang gánh với 2 cái sọt, người gánh yếu nhất cũng phải mỗi bên sọt 5 viên, như vậy cũng 2 chục kg trên một đoạn đường gần 1000m. Người trung bình mỗi bên sọt 10 hay 15 viên gạch. Trong tổ, cá biệt có anh Thanh, do "tinh thần phấn đấu thi đua", gánh mỗi bên 20 viên, như thế cũng gần một tạ rồi. Gánh gạch hay làm ở các khâu, có tổ trưởng ghi đếm từng ngày. Về toán gạch, tôi cũng có một chút vui vui. Một buổi tôi thoáng thấy bóng Nguyễn Chí Sơn, anh chàng đầu 1972 đã trốn tù ở trại trung ương số I Lào Cai, thế mà bây giờ 1975 lại thấy lao động ở khâu đóng gạch này.

Tôi nhớ Chí Sơn, tập kết ra bắc theo đảng VC. Năm 1964 Sơn đã thấy được bộ mặt thật của con Hồng Tuộc, nên đã vượt tuyến vào Nam (Thép Đen III). Ngay trong nhóm vận chuyển gạch này lại có cả Lưu Nghĩa Lương, chắc cũng bị đầy ra toán này. Lúc đầu về toán gạch tâm trạng "mũ ni che tai "để qua cầu, nên tôi gánh mỗi bên sọt 5 viên gạch. Được 2 – 3 ngày cái vai nó sưng, đau nhức lòng tôi càng bế tắc, bi đát.

Tôi đã hiểu và hiểu đến đáy, càng chán chường, sầu não càng chóng tàn lụi; nhưng lúc này tôi không còn quan tâm đến bất cứ thứ gì. Hôm sau tôi khai bệnh nghỉ, không đi làm. Chúng không cho nghỉ, chúng bắt trật tự, toán trưởng lôi kéo.

Thậm chí có ngày chúng được lệnh lôi tôi xềnh xệch, từ trong sân ra ngoài cổng trại, để theo toán. Ra ngoài hiện trường, tôi liều lĩnh muốn ra sao thì ra, mỗi bên sọt tôi để 1 viên gạch, rồi gánh theo nhóm. Tên Hoàn tức ứ ra mặt, đã mấy lần lão định đến đấm đá tôi, chắc y đã báo cáo về giám thị nhiều lần và chắc giám thị cũng xem hồ sơ của tôi. Tôi là dạng tích cực lao động, một con người năng động cải tạo tiến bộ, mà bây giờ lại như thế, chắc họ đã đoán ra ngày 30-4 miền Nam mất đi, phải có liên quan!

Một buổi nhóm gánh gạch chúng tôi sắp về tới lò nung, phải đi qua chiếc nhà con, của cán bộ toán. Xa xa ở một cái lều con, ngay cạnh đường, tôi thấy 5 – 6 cán bộ áo vàng, các anh em đã nhìn thấy đều lộ vẻ nghiêm trang lo lắng. Có cả thiếu tá Thích, giám thị trưởng của trại trung ương số 2, Phong Quang!

Tôi đoán, tên Thích này đã nghe báo cáo: Tên ĐCB gánh mỗi bên chỉ có một viên gạch; hôm nay lão thân chinh ra tận hiện trường xem thực hư? Phần tôi, nếu bây giờ quá sợ sệt, tôi xin anh em vài viên gạch bỏ thêm vào sọt, thì cảm thấy hèn quá! Dứt khoát, dù có bị bắn vẫn tiến bước! Khi nhóm đi qua 5, 6 tên cán bộ, chúng đều quay ra gườm gườm nhìn. Tên Thích đeo chiếc lon thiếu tá, hai tay chống cạnh sườn tiến ra chỗ tôi, anh em đều cúi đầu chào: Thưa ban!

Tôi không nhìn y, nhưng cũng làm theo! Mắt y quắc lên, trắng như mắt cá mè. Khi tôi đi ngang qua, y gọi giật lại :

- Anh Bình đứng lại!

Tôi gánh 2 viên gạch đứng im. Bước lại gần, y cầm hai viên gạch đưa sát mặt tôi, nói như quát :

- Anh vất mẹ cái quang gánh đi! Hãy cầm mỗi tay một viên này, mà đi!

Hai tay tôi đỡ hai viên gạch từ tay y, rồi lại cắm cúi đi theo tổ, trước hàng chục con mắt tưởng phụt lửa của lũ áo vàng và gần 2 chục con mắt lấm lét của anh em tù.

Vắng lặng, ngột ngạt căng thẳng, tôi biết tên Thích đã kìm chế mạnh lắm. Tôi đã chuẩn bị đón nhận, một trận cuồng phong của y. Khi tổ trở lại thì đám áo vàng đã đi đâu hết, chỉ còn một tên vũ trang đeo súng, đứng lơ ngơ bên ngoài văn phòng, của tên cán bộ toán. Tôi tự hiểu, chiều nay và những ngày tới tôi sẽ gánh những hậu quả của việc làm này.

Trong một nhà tù kín mít hàng ngàn tù nhân, trưa và chiều hôm ấy, cái chuyện ĐCB gánh mỗi bên quang một viên gạch, làm đầu câu chuyện, để nhiều anh em bàn tán kháo nhau. Ngày hôm sau, chiều tan tầm, đoàn tù của toán gạch lếch thếch uể oải, trên đường về trại như mọi ngày. Khi toán đến một khúc quành, đột nhiên có 3 tiếng súng phiá hàng đầu. Hai tên công an vũ trang cầm ngang, 2 khẩu CKC và tên cán bộ Hoàn nhớn nhác, hùng hục quát tháo ầm ĩ :

- Cả toán tập trung lại, anh Dậu điểm con số toán!

Chúng tôi phải xếp hàng đôi, vón lại cho anh Dậu điểm người, và đã biết là Nguyễn Chí Sơn. Chí Sơn đã làm cho tên vũ trang đi cạnh mất cảnh giác, trong một khúc quẹo, anh đã lỉnh nhanh vào một vạt rừng giang.

Tôi nhìn vào cánh rừng trong chiều muộn, khoảng 3 chục mét cách đường đi. Một vài đống giang chặt từ tuần trước, còn xếp đấy. Khi đã biết rõ là Nguyễn Chí Sơn, mấy tên vũ trang và tên Hoàn, bắt toán nghiêm chỉnh xếp hàng đôi, tiếp tục đi về trại.

Những lần khác tôi không biết, cụ thể tại trại Trung Ương số 1, Sơn đã trốn ở thùng phân nhà cầu, hơn bốn năm trước. Anh chàng Nguyễn Chí Sơn này cũng như Lê Sơn ở phân trại E, đều là người của họ, đã có nhiều công lao trước đây với chúng. Vì thế chúng đã không hành hạ tới chết, chứ loại chúng tôi, mà chúng bắt được, thì khó mà tồn tại.

Tôi đang miên man về hai anh chàng Sơn, tiếng chó cắn ở một khúc khuất vắng, văng vẳng đến. Sáu, bẩy tên công an vũ trang với ba con chó to, cao, lo le ba cái lưỡi đỏ lòm, rầm rập chạy ngược từ phiá trại ra. Gặp đoàn tù đang líu ríu về trại, chúng hội ý với mấy tên cán bộ của toán, rồi dắt chó chạy xô toả vào rừng giang. Nhìn cảnh bố ráp săn đuổi của lũ áo vàng, tôi rất lo lắng cho Sơn.

Tôi biết Sơn đã từng là đặc công khu Ba Lòng, vừa lanh lẹ vừa tinh khôn, nhưng vẫn phải cần những may mắn, của đời hỗ trợ. Cả trại chiều hôm ấy đều được lệnh ăn cơm sớm, vào buồng điểm số ngay.

Trăn trở tâm tư khắc khoải, trong lo âu lẫn chán chường cả ngày, nên tôi nằm xuống là đi ngay vào một giấc mịt mùng vô thức. Tiếng ồn ào ở trong buồng, rồi tiếng giật giọng của ai: "Chí Sơn"! Tôi bò nhổm dậy. Qua lỗ vách nứa đan, bẩy, tám tên áo vàng, quần ống cao, ống thấp. Một tên cầm một sợi thừng, đang kéo Chí Sơn bị trói giật cánh khỉ, đi ở giữa. Hơi ngạc nhiên, ở phân trại E hoặc phân trại A trại tù Trung Ương số 1, đã mấy lần tôi nhìn thấy cảnh lũ áo vàng bắt được tù trốn, thường nằm trên mấy đòn cây rừng mang về.

Bởi khi bắt được tù trốn, chúng thường phì nỗi bực tức căm giận, vì mệt nhọc lùng xục tìm tòi, qua những cẳng chân, nắm tay hay những chiếc gậy vào người tên tù, thì còn làm sao mà đi được. Nhưng Chí Sơn chỉ bị trói dong về trại, chắc rằng chúng đã được lệnh nghiêm ngặt không được đánh, vì Sơn chỉ là đối tượng, mâu thuẫn nội bộ?

Ở trong trại, những ngày cuối tuần hay những giờ không đi lao động, anh Bưởi và Lương thấy tôi buồn ít nói, nên hay rủ tôi tới thăm uống trà, với anh này anh kia như: Kiều Duy Vĩnh (nghe nói là một đại úy thời Liên Hiệp Pháp) hay anh Nguyễn Chí Thiện, hoặc anh Phùng Cung v.v… (những thi nhân phản kháng trong nhân văn giai phẩm). Tôi đều từ chối, tránh xa những chỗ đông người. Tuy ra vào khu có nhìn thấy nhau, nhưng chưa hề tâm sự với ai, vì giai đoạn này tôi có còn hồn đâu!

Trưa hay chiều, tôi hay lang thang một mình ra phía sau lán, ngồi vắng lặng đăm chiêu, cho hồn lửng lơ hay đi chơi đây đó! Một buổi trưa mắt tôi lững lờ, lần theo một bóng người với chiếc cần câu, phải nói là một chiếc que nứa dài hơn 1m. Bóng đó cứ loay hoay, thả câu trong một cái ao con. Phải nói là cái rãnh con, đầy bèo tấm, nước đen ngòm. Tôi đoán chiếc ao con này, (bên trong hàng rào trại) khi làm trại người ta đào lấy đất đắp, mấy cái nền của lán trại. Do năm tháng, và mưa nắng thành một rãnh nước tù, như những người tù trong trại.

Thỉnh thoảng tôi cũng thấy có tiếng động trong đám bèo tấm. Chắc chỉ là mấy con ngóe, con ễnh ương chứ không phải là cá. Cá ở đâu vào đây? Và nếu có do trời mưa, thì lấy cái gì để mà ăn, nước lại đen thẫm như vậy!

Bỗng bóng người đó giật mạnh chiếc que nứa! Rõ ràng một chú cá trê đen thẫm, như mun tung lên cao, ngọ ngoạy mấy cái rồi lại rơi tõm, xuống chiếc rãnh màu đen mất tiêu. Tôi chạy bổ đến, ra là anh Bùi Tâm Đồng, anh đang

ngẩn ngơ nhìn xuống chiếc ao đen, tay mân mê chiếc lưỡi câu. Tôi háo hức vồn vã:

- Tiếc quá! Tôi cũng tiếc cho anh!

Anh xòe tay rồi đưa cho tôi một chiếc xương hàm trên, của con cá còn dính ở lưỡi câu :

- Đây anh xem, nó đã bị xứt hàm rồi, chắc chả bao giờ còn dám cắn câu nữa.

Rồi anh nói thêm như giãi bầy :

- Tôi đã rình và chuẩn bị hơn 2 tháng nay, qua hiện tượng động tĩnh sau những trận mưa, tôi xác định chiếc rãnh này có một con cá, mà tôi còn đoán được là cá trê nữa! Tôi phải tìm thép, chặt ngạnh uốn thành một lưỡi câu, rồi tôi phải hy sinh một miếng tóp mỡ, mẹ tôi hồi tết mò mẫm lên tận đây tiếp tế. Cũng hàng tuần lễ nay, hôm nay nó mới cắn, thì chỉ được mỗi cái hàm trên của nó.

Để cho câu chuyện tôi và anh gần gũi nhau hơn, và cũng để khích lệ, tôi động viên :

- Yên chí anh Đồng ơi! Nó vẫn là một sinh vật, đói phải ăn, hãy kiên trì!

Và rồi mãi hơn một tháng sau, một trận mưa đêm thứ Bẩy, ngày Chủ nhật tôi và anh Đồng đã lại câu được chú cá trê ngày ấy. Hàm trên của chú cá đã thành sẹo, trông chú giẫy như một người bị tật méo mồm. Nhìn con cá trê gầy nhẳng, tuy không to nhưng tôi chắc nó đã già lắm rồi!

Không phải nó không biết, nó không rút kinh nghiệm, có khi nó đã tự thề hứa là không còn bao giờ cắn những cái loại vớ vẩn ấy nữa! Đã làm mình mất cả xương hàm trên, lại còn bay lên trời như pháo thăng thiên nữa. Thà đi kiếm chác con sâu, con bọ ở mé bờ, cùng lắm thì mấy cánh bèo mà sống. Nhưng….. Như tôi đã nói chữ "nhưng" ở đời, con cá cũng không thoát khỏi chữ "nhưng". Đói quá! Chẳng có con sâu, con bọ nào cả, suốt ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác chẳng có một cái gì, ngoài những cánh bèo. Thôi thì, nếu có phải "đớp" vào là sẽ chết, thì cũng xin một lần, vì thế cậu cá trê ngày ấy lại sơi nữa. Và bây giờ chúng tôi: Anh Đồng và tôi, chạy chọt ngoại giao được tí muối với một cái lon Guigoz. Chiều nay sẽ có một bữa tơi bời hoa lá cành, với chú cá trê này.

Chúng tôi xốn xang tất bật chuẩn bị nhiều mặt; lửa đóm canh gác, bí mật chỉ có 2 người thôi. Khi cắt đôi con cá, thấy ruột nó ngắn một tị chừng 2

phân toàn đất thôi. Lá gan và tim của nó cũng tí tẹo, khác hẳn với một con cá to bằng thế, mà ở điều kiện bên ngoài. Chưa nói, khi mỗi người có một phần, bắt đầu thưởng thức thì ôi thôi! Thịt của nó như mùi con bọ xít của cây bí ngô, bí đao, nó vừa khăn khẳn lại vừa nồng nồng. Tuy thế chúng tôi cũng vui vẻ và nhăn mặt, trợn mắt chén hết!

Ngày 19/2/76, buổi sáng, tôi đang ngồi trong hàng chờ toán xuất trại như mọi khi, tên Hường trực trại đọc tên tôi ở lại, chuẩn bị công tư trang, chuyển trại.

Đã từ lâu tôi xác định, mình bây giờ như một món đồ vật, vậy tùy chúng muốn đưa đi đâu thì đi, muốn để ở đâu thì để. Không đâu xa, chúng chuyển tôi ra phân trại A.

Đây là trại chính của trại Phong Quang, trung ương số Hai Yên Bái có tên tổng giám thị là thiếu tá Nguyễn Trọng Thích trực tiếp phụ trách. Chung quanh trại có tường xây như bên trại chính phố Lu, Lào Cai. Bên trong có 7 – 8 ngôi lán tù cũng bằng tre, nứa, gỗ như trong phân trại B, tôi vừa chuyển đi.

- 11 -

CŨNG MỘT KIẾP NGƯỜI

Sau mấy ngày, tôi đã biết phân trại A này có khoảng 7, 8 trăm tù, hầu hết là hình sự: tham ô, trộm cắp, giết người. Chỉ có một toán tù chính trị địa phương, duy nhất hơn 4 chục người, làm mộc và làm nhà do tên cán bộ Tý phụ trách, anh Ngô Đạo làm toán trưởng.

Lán mộc cũng là tre nứa, gỗ trống trếnh 4 gian ở ngay cạnh đường cái. Gọi là đường cái chứ cũng là đất, đôi khi có một vài chiếc xe cổ lỗ hoặc là xe bò của trại đi qua. Hàng ngày toán tù chính trị chúng tôi xuất trại ra khỏi cổng, rẽ tay phải theo đường cái chừng 200m, là đến lán mộc thủ công. Ở lán mộc tôi được phân công trong tổ làm cửa và một vài ngày lại đóng quan tài, gọi là quan tài cho nó sang, vì bên hình sự này chết hơi nhiều (chết đói và kiết lỵ). Chúng tôi được lệnh chỉ cần rọc 4 tấm ván thô (không bào), rồi đóng đinh là xong.

Từ lán mộc, sáng, trưa, chiều, tôi vẫn nhìn thấy những toán hình sự rách rưới, gầy yếu, ghẻ lở đi qua lại. Có hôm anh Ngô Đạo toán trưởng, nhìn những đoàn tù hình sự đi qua nói chuyện với tôi. Anh chỉ tay xa xa, phía trước mặt :

- Anh Bình có biết không? Chúng nó đói quá, trên đường đi lao động về mấy cái nhà tư của cán bộ có mấy giậu dâm bụt và thài lài phía sát đường. Họ vặt sạch, đút ngay vào miệng nhai ngấu nghiến, về sau trên đường đi về, hai bên đường, bất cứ cành cây rừng nào chĩa ra, họ cũng vặt lá đút vào mồm, dù bị công an võ trang dùng báng súng thúc, đánh, đá tơi bời.

Nghe anh Đạo nói chuyện, lòng tôi vặn vò như xát muối. Tôi thầm nhủ trong lòng, nỗi thương đau này của họ, có một phần do tôi gây ra!

Một sự việc buổi chiều hôm qua, vẫn còn chèn ứ chật cứng lòng tôi: Tôi đang làm việc với tổ mộc làm cửa ở lán, một số người láo nháo, rầm rì chỗ căn nhà con của cán bộ Tý, mé sau của lán mộc. Căn nhà con này trên một khu đất cao. Tò mò, tôi lách lên nhìn vào chiếc sân con, trước mặt căn nhà: à, anh Lộc Mù, đang nằm xấp dưới đất, tay chân đều xuôi thẳng! Tên cán bộ Tý đang trợn mắt nhìn anh Tuấn Nguyệt, cầm một chiếc roi tre, quát :

- Đánh mạnh vào, đúng 10 roi! Cho chừa tội ăn cắp sắn!

Trước 7, 8 người trong tổ làm nhà, anh Lộc Mù, mọi người gọi anh như thế. Mắt anh bị bệnh mắt đỏ, nên không mở to được. Anh Lộc chừng 45 tuổi, người Hà Nội cùng quen biết với ban nhạc vàng của Toán Xồm. Sau 10 roi,

anh Lộc lồm cồm bò dậy. Đến lượt anh Tuấn Nguyệt, lại nằm xuống và anh Lộc lại cầm roi. Tên Tý mắt gườm gườm, gằn giọng :

- Trước mặt tôi, các anh không đánh thật, đánh mạnh, tôi sẽ ngồi đây, bắt các anh thay nhau đánh tới khi trại về.

Tôi bàng hoàng, ngẩn người ra! Tôi nhẹ nhàng lủi xuống chỗ làm. Tôi ngồi nhắm mắt lại cho hồn lẩn trốn vào mây đen, của cuộc đời. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cảnh này trong tù! Phải rồi, trước đây còn miền Nam, còn một nửa nước nữa VC chưa chiếm được, chúng còn che giấu để bịp bợm tuyên truyền. Bây giờ, chúng đã nuốt xong miền Nam rồi, không cần phải che đậy nữa.

Tên Tý chừng 30 tuổi, anh Lộc 45 tuổi, anh Tuấn Nguyệt khoảng 40 tuổi đều là dân ăn chơi, của đất ngàn năm văn vật. Tôi đã quen biết các anh hơn một năm trước trong trại B, ở những buổi nhạc vàng bỏ túi, lén lút cuối tuần. Tuy đánh không đau lắm, vì có quần áo, nhưng mà nhục. Có lẽ tên cán bộ Tý mục đích, cũng chỉ muốn làm nhục là chính. Tất nhiên tôi hiểu, phải có chủ trương từ trên, thì tên Tý mới dám làm như vậy.

Ít ngày sau, một buổi tối cán bộ trực trại vừa vào điểm xong ra khóa cửa buồng, lại thấy mở khóa nữa. Tên trực trại, tên Tý cán bộ toán nói gì với anh Đạo toán trưởng. Anh Đạo quay lên sàn trên nói to :

- Anh Bình và anh Tuấn Nguyệt khẩn trương theo cán bộ ra lán, đóng 2 chiếc quan tài có bồi dưỡng 1 kí sắn luộc, cho 2 anh.

Tôi và anh Tuấn Nguyệt đều vội vàng leo xuống, theo một tên công an võ trang ra lán thủ công. Trời đã tối đen, chỉ có một ngọn điện 40 Watts treo giữa lán. Ít khi nào tù làm đêm, vì thế bóng đêm phủ căn lán gần hết. Trên đường vào lán mộc, trong bóng tối mập mờ, tôi thấy một chiếc xe ba gác trên có 2 xác người, với 4 anh tù hình sự đang ngồi gục đầu ở mé đường. Một tên công an võ trang đeo súng, miệng lập lòe điếu thuốc đứng bên cạnh, với tên Thông y tá hình sự của trại. Như vậy gồm có mười người: Hai tên công an võ trang, tên cán bộ trực trại, Tuấn Nguyệt và tôi, y tá với 4 anh hình sự, không kể 2 cái xác.

Trong bóng đêm rừng, ngọn điện chỉ khoét ra một lỗ sáng méo mó, còn đều đen ngòm. Phần vì gió lộng thêm, sương núi lại tỏa ra nhiều như mưa phùn, nên cả 4 anh hình sự và 3 tên cán bộ, đều vào trong chỗ chúng tôi làm. Tiếng rọc cưa xoèn xoẹt rù rì, vài tiếng cú rừng the thé vọng về, càng khoét sâu lòng mọi người, ai cũng câm nín. Bỗng tên trực trại ghé về phía anh y tá hình sự, giọng thắc mắc :

- Làm sao, chúng chết nhanh như thế?

Dưới ánh đèn, hai con mắt tên y tá trắng dã như mắt cú mèo, lấm lét nhìn mấy tên áo vàng, rồi lắc đầu chậm chạp :

- Thưa cán bộ, cháu cũng không biết, khi khênh ra khỏi buồng, thì chúng đã chết rồi!

Tên trực trại, thái độ có vẻ ấm ức, tò mò. Y dõng dạc ra lệnh cho 4 tên hình sự, đang ngồi như 4 con gà rù, ở mé cầu bào bên kia :

- Bốn anh ra mang một cái, vào đây cho tôi!

Nói xong, y quay lại tên y tá hình sự, nhưng nói với tôi :

- Anh hãy cho anh y tá mượn cái chàng, hay cái bướm một tí!

Tôi và Tuấn Nguyệt cũng muốn biết ra sao, nên đã đưa một cái chàng, tôi mới mài.

Tên Thông y tá đã chỉ một cái cầu bào trống bên cạnh, cho 4 tên hình sự đặt cái xác lên. Dưới ánh đèn mập mờ, tôi thấy cái xác chừng 20 tuổi quần áo rách tả tơi. Cái mặt xám đen, đặc biệt là cái bụng phình to tướng. Tên Thông cầm cái chàng, rạch mạnh cái bụng to ấy, nó phì ra thành tiếng, như chiếc lốp xe đạp bị xì hơi. Tên trực trại ra hiệu tay, cho tên Thông :

- Rạch nữa, cho rộng ra! Rạch cả cái bọc dạ dầy kia kìa!

Tôi chạy sang liếc nhìn, chỉ có một tí máu đen bên ngoài, trong dạ dầy, chỉ có vỏ sắn và lá cây, thành một màu xam xám xanh xanh.

Tôi và Tuấn Nguyệt nhìn nhau, rồi đều quay về chỗ đóng đanh ghép cho xong 2 chiếc quan tài. Vừa mệt vừa đói, tôi và Tuấn Nguyệt cũng đều không ăn được kí sắn luộc, cuộn trong chiếc lá đu đủ để đấy. Được sự đồng ý của Tuấn Nguyệt tôi mang cả gói sắn luộc, đưa cho 4 cậu hình sự, vì họ cứ liếc nhìn trộm, gói sắn từ sớm tới giờ. Chúng tôi cũng là tù đói, vậy mà thấy vậy chẳng muốn ăn. Chỉ trong một phút, cả 1 kí sắn 4 cậu chia nhau, ngốn hết chả, còn tí sơ nào!

Tôi hỏi ra, các cậu đi chôn, mỗi người chỉ có 2 lạng sắn bồi dưỡng, đã ăn ngay hơn một giờ trước rồi. Tôi và Tuấn Nguyệt vội vàng thu dọn dụng cụ, để tên vũ trang dong về trại. Trên đường vào trại tăm tối gập ghềng, tôi liên tưởng cảnh vừa qua. Tôi nhớ đến một ý thơ :

Không kèn, không trống, không ai tiễn
Chẳng khói, chẳng nhang, chẳng nguyện cầu.

Chỉ có bạn tù, khiêng lặng lẽ,
Vùi nông một lỗ, kiếp người ơi!

Chừng hơn 2 tháng sau, được lệnh của tên cán bộ Tý, anh Đạo chuyển tôi sang tổ làm nhà. Tôi ở tổ này khoảng hơn 3 tháng. Tôi nhớ vào đầu 1977, một hôm tên Thành, cán bộ giáo dục của phân trại A, gọi tôi. Gần một năm ra trại này y mới gọi. Y gợi ý và bơm cho tôi như sau: Sớm muộn Đảng và nhà nước sẽ tha cho tôi, về một công nông trường nào đấy. Nhưng có điều, nếu cho tôi ra nông trường, công trường, thì không còn thợ làm nhà, ở trong trại giam. Vì thế tôi phải có ý thức đào tạo, dạy cho các cậu bên khu hình sự án dài, biết làm nhà để thay thế các anh, các bác bên chính trị, chết hoặc được tha v.v…

Tôi hiểu, chẳng qua đây cũng chỉ là một cách khích lệ, dụ tôi dậy hết nghề, cho đám trẻ hình sự mà thôi. Hiểu như vậy, nhưng là tù, thì cứ tà tà mà làm, rồi đến đâu hay đến đó.

Ba ngày sau tên Tý dẫn đến 3 cậu chừng 19 – 20 tuổi. Ngay nơi sân sau của lán mộc, tôi đang chuẩn bị để làm một căn nhà 3 gian. Tôi chỉ biết, chịu trách nhiệm làm theo kích thước đã vẽ sẵn, còn họ dựng ở đâu thì tôi không biết. Ba cậu đều là dân ở khu Hoàn Kiếm Hà Nội. Lúc đầu các cậu tỏ ra thái độ ngang tàng, bất cần đời, nhưng sau những thăm hỏi, trao đổi tâm tình, các cậu lại tỏ ra sốt sắng, ân cần ngoan ngoãn và vui vẻ làm theo, những lời tôi chỉ dậy.

Hơn 10 năm xưa tôi đã có một số kinh nghiệm sống với biết bao nhiêu các cậu "cháu ngoan của bác Hồ" ở Hỏa Lò. Thậm chí, cả những loại là giới anh chị của các cậu nữa, nên điều hành 3 cậu này, chẳng khó khăn gì.

Cậu Nguyễn Đắc Dũng 20 tuổi, cậu Phan Hà 19 tuổi cùng một vụ ở Ngõ Huyện Hà Nội, đầu năm 1976. Cậu thứ 3 là Hoàng Văn Nô ở một vụ khác, các cậu đều mới lên trại được 5 tháng. Về vụ việc của cậu Dũng và Hà, tôi xin sơ lược như sau: Vào cái dịp Tết (âm lịch) của năm 1975 đầu 76. Có lẽ vừa cướp được miền Nam béo bở, VC hơi lơ là vấn đề quản lý xã hội ở miền Bắc nói chung, và Hà Nội nói riêng. Nhóm Ngõ Huyện gồm 5 cậu Dũng, Xuân, Hà, Kỷ, và Thái. Các cậu lêu lổng không chịu học hành, và cũng không theo một cái khuôn khổ của Đảng, là gia nhập đoàn thiếu nhi, hay đoàn thanh niên CS.

Một đêm 2 cậu Dũng và Thái, đi chơi la cà ra khu bờ sông gần nhà Bác Cổ. Trong bóng đêm 2 cậu thoáng thấy một cô gái đang ngồi ủ rủ ở một bậc hè, của một ngôi nhà trên đường phố. Nháy nhau 2 cậu đều quay xe đạp trở lại, vì đoán là "bò lạc" các cậu vẫn thỉnh thoảng vớ được. Được biết cô này tên là Hồng, 16 tuổi lên Hà Nội để chăm sóc bố bị bệnh lao xương, nằm ở Việt Đức.

Thấy Hà Nội phố phường có nhiều cửa hàng, cửa hiệu, cô cứ đi, rồi bị lạc không biết đường về, nhà thương. Cô đã đi mỏi cả chân, lại còn bị đói từ sáng, chưa ăn uống gì.

Hai cậu dụ Hồng đi ăn phở, cô Hồng lên xe cho Dũng đèo đi. Hai cậu đưa Hồng ra phía sau, đầu nhà thờ lớn rồi đè Hồng ra làm bậy, vừa đói, vừa không chăn chiếu, ở ngay sàn gạch. Sau khi 2 cậu làm xong, bỏ mặc Hồng nằm đó khóc, các cậu về nhà vì đã 11 giờ đêm rồi.

Nhưng nằm không yên, nghĩ đến mấy thằng bạn ở Hàng Trống và Hàng Gai, các cậu đã xách xe đến tìm. Cậu này gọi cậu kia thay nhau tất cả 5 cậu. Riêng cậu Dũng và Thái, gần sáng còn trở lại làm thêm lần nữa. Tuy các cậu đã dặn kỹ Hồng, không được nói với ai, nhưng có lẽ phần vì đói, phần vì đau, nhục, nên cô đã bò về phía Hàng Trống, rồi đến được đồn cảnh sát thì bị ngất.

Lần lượt các cậu đều bị bắt, sáu tháng sau đem các cậu ra tòa xử: 3 cậu Dũng, Hà, Thái, mỗi cậu 20 năm; hai cậu Kỷ và Xuân mỗi cậu 18 năm vì các cậu đã từ chối không muốn đi, nhưng Hà, Thái, Dũng cứ lôi kéo. Cái điều đáng trách nhất của các cậu, là cô Hồng đã đói từ sáng, mà không cậu nào kiếm cái gì, cho cô đó ăn. Tôi có hỏi thì Dũng, Hà đều nói trong niềm xúc cảm, đau đớn ra mặt :

- Khi ấy chúng em cũng đói, mà không đứa nào có tiền cả!

Gần một thế kỷ tù, trong một vụ án vẩn vơ không tên tuổi. Năm cuộc đời hay cả sáu cuộc đời sẽ đi vào khổ đau, tàn lụi. Nghe chuyện các cậu tôi hiểu, cái chính là các cậu gặp lúc không may nữa. Chính trị cũng như hình sự, CS hay lấy một sự việc trị đến nơi đến chốn, trị nặng gấp đôi gấp ba. Vì chúng muốn trị người chưa, vi phạm hoặc mới vi phạm, không dám vi phạm nữa. Có thể đám anh chị Ngõ Huyện (khu nhà thờ lớn Hà Nội) làm nhiều chuyện đã từ lâu, nhưng CA không tìm bắt được. Bây giờ vớ được một vố chúng xử làm gương, cho giới bụi đời, anh chị Hà Nội?

Làm nhà với các cậu còn trẻ, cái khó nhất là chữ Nho: Tiền hậu, thượng, hạ v.v… Tôi thay vào bằng chữ in và số La Mã. Các cậu đều học lớp 7, lớp 8 (hệ 10 năm) nên tôi áp dụng công thức, của tam giác vuông góc Pythagore, cho các cậu tìm đường chéo v.v… Có thể do sự thông minh của các cậu, hoặc do sự pha trộn nhuần nhuyễn giữa: nghề nghiệp, kiến thức, lý tình của người hướng dẫn. Chỉ ba tháng sau, các cậu không những đã xàm được các xà thượng, hạ, đúng qui cách kỹ thuật, mà còn có thể đứng làm vì trưởng. Như vậy có thể tạm gọi là một thợ làm nhà, được rồi.

Một buổi chiều tôi theo toán đi làm về; ra khỏi lán mộc, toán rẽ trái để về trại. Từ xa (200 m) trước cửa căn nhà trực trại, đối diện với cổng trại. Có 6 – 7 cán bộ áo vàng lố nhố, tôi thoáng thấy một bóng người cao cao, đúng là hung thần Hoàng Thanh.

Tôi hơi choáng khi bất chợt nhìn thấy y, nhưng lòng cũng một chút vui vui, gặp lại một người quen biết đã lâu không gặp. Dù sao 7, 8 năm xưa, một lần tôi và y đã có một buổi ở phân trại E phố Lu, đàm đạo về một số loài hoa của quê hương. Có thể y đã quên tôi rồi, một người tù trong hàng chục ngàn người tù khác. Tôi nhìn đi nơi khác, khi toán đi qua mặt y. Nhưng y đã tiến ra sát mé đường, gần hàng toán mộc đang đi. Tôi quay lại nhìn y, và hơi gật đầu miệng nói nho nhỏ: "Chào ông!" Cổ áo y thường không đeo lon, mắt y sáng lên rồi vồn vã :

- Anh có khỏe không? Cắt tóc và cạo cái râu đi! Trông yếm thế quá!

Anh em trong toán và cả tên Tý cán bộ toán, cũng hơi ngạc nhiên. Có thể là một thứ giác quan đặc biệt của một người với một người? Về trại anh em nói Hoàng Thanh hiện nay là cán bộ cao cấp trên bộ nội vụ; ông Thích tổng giám thị vẫn phải nem nép nể vì.

Bốn ngày sau, buổi sáng cán bộ trực trại, đọc tên tôi ở lại trại để gặp cán bộ. Khi trại đã đi lao động hết, tên trực trại sai trật tự vào gọi tôi. Tên trực trại dẫn tôi đến một căn nhà nhỏ, ở trên một khoảnh đồi con, phía trái của trại.

Đến cửa, tiếng nói phía trong rất mềm dịu nhã nhặn :

- Anh mở cửa vào đi!

Một cán bộ lạ cũng không đeo lon, chừng 40 tuổi. Sau khi tôi lễ phép chào theo thủ tục, y chỉ chiếc ghế đối diện :" Anh ngồi đi! Tôi là cán bộ của bộ, hôm nay tôi muốn hỏi lại anh một số sự việc"- trong khi tay y đặt một cái tách trên bàn rồi rót trà. Điều tôi chú ý nhìn là bao thuốc lá Điện Biên giấy bạc thò ra hai, ba, điếu ở góc bàn. Có lẽ y cũng nhìn thấy thái độ của tôi, nên y cầm bao thuốc, rút thò ra một điếu thuốc, rồi giơ về phía tôi :

- Anh có hút thuốc lá không? Mời anh!

Tôi đường hoàng rút một điếu, y còn lịch sự bật quẹt ga cho tôi hút! Tôi vừa cám ơn y, vừa nhìn mấy sợi khói nho nhỏ của tách trà. Chúng đang uốn éo cong queo bỗng duỗi thẳng ra, rồi cùng chui vào đám khói thuốc lá, tôi vừa thở ra. Hồn tôi cũng đê mê, đờ đẫn vì lâu ngày mới được dầm mình, vào cái không khí thuốc thơm, trà ngon.

Hơn một tiếng đồng hồ, y hỏi lại một vài sự việc mà tôi đã khai báo trước đây ở Hỏa Lò. Tôi thận trọng trả lời những câu hỏi của y, lòng cũng hơi lo lắng, vì bây giờ chúng đã chiếm được miền Nam rồi. Có thể một số hồ sơ riêng về vụ án của tôi, chúng phát hiện được, những điều khác thường?

Nhưng qua nghe ngóng từng lời nói, từng hiện tượng, tôi yên lòng, vì y chỉ hỏi lại những điều cũ, trước đây mà thôi. Tuy thế, tôi cũng phải kính nể, cho sự dè dặt thận trọng của chúng. Vụ án của tôi, đã có gần 6 năm khai thác. Đã đem ra tòa xử gần 10 năm xưa, thế mà bây giờ chúng còn hỏi lại sự việc.

Tên cán bộ đột nhiên cúi xuống mở chiếc cặp ở dưới chân, lấy ra một bao thuốc lá lạ, đã bóc dở. Nhìn thoáng bao thuốc, tim tôi như ngừng hẳn lại hai, ba, giây. Nhìn lá cờ vàng 3 sọc đỏ, người tôi đờ ra. Cảm giác như nhìn thấy một cái gì cao qúy thiêng liêng, của đời tôi. Thoảng mấy giây, tưởng như nhìn thấy người yêu lý tưởng 15 năm mới gặp lại. Từ đầu 1962 bây giờ là giữa năm 1977. Tôi ngẩn ngơ đến nỗi, tên cán bộ nói gì đó, tôi phải hỏi lại. Y mới nhắc lại :

- Anh còn nhớ loại thuốc này không?

Tôi hổn hển ngắt quãng, ngập ngừng :

- Thưa ông…. thuốc của quân đội miền Nam, Quân Tiếp Vụ, đã lâu lắm rồi ạ!

Có thể y cũng thấy cái lúng túng, khác thường của tôi. Y chỉ bao thuốc, miệng cười nhã nhặn: "Anh có muốn hút thử lại không?"

Như vồ lấy bao thuốc, có lá cờ vàng 3 sọc đỏ, miệng tôi lắp bắp :

- Thưa ông có ạ!

Trong bao thuốc còn 2 điếu, tôi rút 1, mới thoáng ngửi mùi thuốc Quân Tiếp Vụ. Một mùi hương thoang thoảng nhè nhẹ, ngọt lịm như cam thảo, như đường phèn, cái mùi của gần gũi thân thương! Tôi không thể chịu được nữa, tôi đưa đại bao thuốc lên mũi. Hà hít cho đã niềm thương, nỗi nhớ của 15 năm dài đằng đẵng, y nhìn thái độ lính quýnh của tôi, vẫy tay :

- Còn 2 điếu, anh 1 tôi cũng muốn hút lại một hơi. Ba tháng trước tôi vào Sài Gòn công tác, tôi mua thử một bao. Về Hà Nội tôi cũng cho mấy người quen, và mấy đồng chí hút thử. Nó cũng có mùi thơm lạ, khác với Điện Biên và Tam Đảo. Hôm tôi được lệnh lên gặp anh, tôi nghĩ nếu anh hút thuốc, chắc trước đây đã hút thuốc này. Tôi lục lại, thấy bao chỉ còn 2 điếu, tôi mang đi.

Tôi mừng vui quá, nên bộc phát thành lời :

- Xin cảm ơn và nhớ ông nhiều lắm! Tôi tìm lại được một dư vị cũ, ngày xưa!

Xem ra, y cũng chẳng để ý những gì tôi nói, tôi đánh bạo :

- Ông cho tôi cái bao này, để nhớ ngày tôi được gặp ông?

Y cười rất tự nhiên :

- Anh lấy thì lấy, không thì vất đi chứ làm cái gì!

Cái điều tôi phải ngổ ngáo, thô lỗ chỉ vì "lá cờ vàng 3 sọc đỏ" như một thứ cao qúy, linh thiêng của đời tôi. Tôi muốn ôm ấp lá cờ thiêng liêng ấy, ép vào trái tim thương yêu, nhưng đã lâu ngày bầm tím của tôi.

Tôi vẫn để bao thuốc lá Quân Tiếp Vụ, cố gấp nhỏ giấu đút vào một chỗ kín và qúy nhất, trong những vật dụng của tôi. Tôi chủ trương là, sẽ giữ mãi bao thuốc lá cao qúy này, cho tới khi tôi mang theo về lòng đất. Nhưng… lại chữ "nhưng" quái ác, chữ "nhưng" độc địa….. Tôi đã bị…. không thể thực hiện được chủ trương, dù nhỏ nhặt của tôi…. Vì sao? Xin sẽ trình bày ở những chương tới.

Hơn một tháng sau, ngày 7/8/1977, một buổi sáng, trước toàn phân trại A, có mấy tên cán bộ lạ. Có cả tên thiếu tá Thích tổng giám thị. Tên cán bộ giáo dục đọc một bản tuyên bố, nội dung: Do sự tích cực lao đông cải tạo của trại viên, và do lòng nhân đạo của Đảng và Nhà nước, nay tuyên bố tha cho các anh có tên sau đây về công trường Hồng Thắng, phố Lu Lào Cai. Vẫn dưới sự quản lý, của bộ nội vụ (bộ công an trước đây).

Đọc 12 – 13 tên, đặc biệt trong đó có tên ĐCB là tù chính trị duy nhất, còn lại hầu hết là hình sự. Có thể trong toán tù chính trị địa phương, ai cũng có gia đình, quê quán, thân nhân, nên nếu được tha, đều được về nhà. Chỉ có mình tôi, là loại "tứ cố vô thân" ở miền Bắc.

Tất cả 13 người được tha, về trại công nhân Hồng Thắng này, đều được phát một bộ đồ nâu. Chiều hôm đó tập họp lại ở hội trường, cán bộ vào tuyên bố nội dung: Tuy được ra công nhân, nhưng vẫn dưới sự quản lý của Bộ nội vụ, cho nên các anh phải tuyệt đối chấp hành nội quy của công trường.

- 12 -

RA CHIẾC LỒNG TO

Tôi hiểu đấy cũng chỉ là một sự chuyển đổi, xả hơi cái nồi "súp ze". Chẳng có thể giết sạch những người tù này! Nếu giết mà êm thấm, thì chúng tôi chẳng còn ai! Chẳng lẽ cứ giam tù mãi, lại còn phải bắt nữa, dài theo năm tháng, như thế sẽ có rất nhiều trở ngại.

Vậy thì đây cũng như một chỗ tạm thời mở nút. Vả lại, ai cũng đã hiểu dưới chế độ VC, nếu có phải tha một người tù, cũng như mở cửa cái lồng nhỏ, cho tù ra một cái lồng lớn mà thôi khi anh đã có cái gốc là đã đi tù, trong chế độ.

Sáng hôm sau, một chiếc xe Camion thời Tây chở cả 13 chúng tôi đi. Gần chiều xe đưa tôi trở về phố Lu, nhưng ở một khu vực khác; vẫn hàng rào nứa cũng như trại tù. Trong khu này có 3 cái lán dài, cũng có cổng nhưng không có công an võ trang gác. Khi xe chúng tôi vào cổng, trong một cái lán cũng râm ran tiếng người. Chúng tôi được dẫn vào một căn lán cạnh đấy, bên trong đã có 3 – 4 chục cậu, cũng toàn là hình sự ở các trại khác về.

Sáng sớm ngày hôm sau, trời hãy còn tối đất, tôi đã nghe thấy tiếng xe Camion rình rình chạy vào trại. Tiếng xe Camion rọt rẹt như tiếng than thở của một ông già ốm yếu, phải làm việc nặng nhọc cả cuộc đời. Tôi và mấy cậu, chạy vội ra ngó ngấp, thấp thoáng bóng người đang trèo xuống trên 2 chiếc Camion thời Tây, một niềm hưng phấn ùa vào lòng tôi.

Rõ ràng chiếc bóng cao lớn của Lê Văn Kinh Người Nhái, vụ sông Gianh đã hơn 5 năm, bây giờ gặp lại. Tôi chạy bổ ra, lại thấy La Văn Thịnh trong toán Biệt Kích của Nông Quốc Hải, cũng hơn 5 năm gặp lại.

Nhìn gần 4 chục anh đều là Biệt Kích. Lòng tôi lúc này lại vừa vui nhưng lại vừa buồn. Niềm vui như những cánh bèo bập bềnh trôi nổi trên mặt nước; được gặp lại một số anh em quen cũ ngày xưa; và anh em Biệt Kích cũng không được trao trả theo hiệp nghị Paris như mình. Nỗi buồn như cả một làn nước ao tù, suốt ngày và suốt đời hẩm hiu quanh quẩn với bùn lầy hôi thối. Thương mình, lại thương anh em. Ai cũng tự hiểu đều là những kẻ khốn cùng, hãy yêu thương nhau, đùm bọc nhau mà sống.

Vài ngày sau lại có hơn một chục anh em Biệt Kích ở trại trung ương số I phố Lu đến, trong đó có Lý Giòng Lau (Người Nhái) Vòng A Cầu, Lê Trung Tín v.v… Trước sau đã có hơn 6 chục anh em Biệt Kích đến trại công nhân Hồng Thắng, với hơn 100 là hình sự do một tên trung úy Tô Bá Oanh làm giám

đốc. Một đêm lại có mười mấy anh em Biệt Kích, ở trại Tân Lập Vĩnh Phú, cũng đến Hồng Thắng.

Cuối tuần có một buổi tập trung "công nhân" anh em từ Biệt Kích đến hình sự đều gọi như thế. Gần 200 người được chia làm 3 đội: Đội mộc, xẻ; Đội làm đồi: Trồng dứa và sắn khoai. Đội linh tinh: Làm nhà, lấy gỗ, đan lát v.v… Mỗi đội có một anh đội trưởng, do Ban Gíam Đốc chỉ định và một cán bộ áo vàng phụ trách (cũng giống như của tù). Tôi thuộc về đội mộc, hàng ngày đóng gường, bàn, tủ, ghế v.v… Do tên cán bộ trung sĩ Nguyễn Ngọc Thành phụ trách. Công nhân làm theo mức khoán sản phẩm, và công việc chỉ định.

Trong buổi tập họp toàn công trường, có 3 – 4 tên cán bộ áo vàng phụ trách các đội lăng xăng chạy ra, chạy vào chỉ cho các đội kê bàn, kê ghế! Mãi khoảng gần 10 giờ, tên trung úy Gíam Đốc Tô Bá Oanh đến. Mặt y cố tươi roi rói, miệng luôn nở nụ cười tuyên huấn, mầu mè. Y khoa tay như tập thể dục buổi sáng, y hồ hởi cao giọng, nội dung:

Y hân hoan chào mừng toàn thể các anh em công nhân, y được Đảng và nhà nước, giao cho trách nhiệm giúp và tạo điều kiện cho các công nhân, nhìn rõ tương lai mở rộng của mỗi người. Y đề nghị các anh em công nhân, cùng với y quyết tâm trong 2 năm, tức là tới năm 1979 sẽ biến nơi này, thành một thị trấn trù phú, của miền núi! Sẽ có một ngày Hồng Thắng muốn ăn kem thì mua kem ăn, muốn ăn bánh mì thì mua bánh mì ăn. Y đang vẽ ra những chiếc bánh tưởng tượng, đó là phương cách chung của CS, ở đâu và bao giờ cũng thế. Thôi kệ chúng!

Tôi chỉ chú ý nghe, những điều kiện sinh hoạt ra sao. Nội dung y nhấn mạnh: Tuy là công nhân, nhưng là tạm thời bước đầu, vì thế mọi công nhân phải chấp hành, một nội quy nghiêm ngặt.

- Dù làm gì hay đi đâu, đến 9 giờ tối, phải có mặt ở công trường như một hình thức tự gíac, ở trong trại tù trước đây. Có hơn những tự giác ở trong tù, những mặt sau:

. Nếu lao động tốt, có năng suất, giữ gìn nội quy đúng, cuối năm sẽ được đi phép, về thăm gia đình.

. Mức ăn đồng đều 15 đồng (tù có 12 đồng), Ban Gíám Đốc công trường đã nghiên cứu thí điểm, nên sát nút: Nếu công nhân nào chịu khó lao động, đều có thừa thãi 5 – 7 đồng, trong một tháng, để tiêu xài cá nhân như trà, thuốc.

Cuối cùng Tô Bá Oanh rành mạch kết luận do những quy định như trên, các anh nên nhớ rõ: có thể một giờ trước các anh là công nhân, nhưng một giờ sau các anh đã là tù rồi.

Mặc cho y nói, mấy điều chính tôi đã nắm được. Tâm tư của tôi mấy ngày nay, đang tập trung tâm tình trao đổi, thăm dò với các anh em Biệt Kích ở các nơi về, để biết rõ những diễn tiến. Tôi có một chút khái niệm, hiểu biết tình trạng thê thảm, bất hạnh của những đứa con, bị bố mẹ bỏ rơi. Mà lại bỏ rơi trong tay kẻ địch, kẻ thù của mình.

Qua nhiều nguồn tin từ các anh em tôi được biết: gần thời gian CS chủ động ký hiệp định Paris, tất cả Biệt Kích gián điệp trong mặt trận tình báo giữa Bắc và Nam gần 20 năm, đã bị CS bắt, chúng tập trung thành 3 nơi để bồi dưỡng, học tập chuẩn bị nếu có phải trao trả, như tôi đã trình bày ở trên.

1) Ở trại Hoành Bồ thuộc tỉnh Quảng Ninh, hơn một trăm Biệt Kích gián điệp.

2) Trại Tân Lập thuộc tỉnh Vĩnh Phú, hơn một trăm Biệt Kích gián điệp.

3) Trại trung ương số I phố Lu thuộc tỉnh Lào Cai, khoảng 160 – 170 Biệt Kích gián điệp.

Có lẽ phố Lu, CS tập trung Biệt Kích nhiều nhất. Trước đây trong hội nghị Genève 20/7/1954 CS chỉ có kinh nghiệm với Pháp thôi. Mà Pháp thì chúng đã qua mặt, được rất nhiều sự việc nghiêm trọng. Ngay trong việc trao trả tù binh, hiện nay (1977) còn hàng trăm Maroc, Algérie, thậm chí cả người Pháp, vẫn còn sống ở mạn Ba-Vì, những người tù ở miền Bắc vẫn gặp.

Nhưng bây giờ là Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa. Vì cũng là người Việt Nam, nên chúng ta cũng biết những cái quái qủy, lọc lừa của cộng sản, vì vậy chúng ta cứ phải chuẩn bị, phòng hờ trước. Còn CS, chúng muốn chủ động, thì phải chuẩn bị; càng chuẩn bị kỹ, tính chủ động càng cao (tôi đã trình bày ở những chương trên). CS đã chuẩn bị cho Biệt Kích gián điệp gần một năm, trước khi CS ký hiệp định.

Tôi đã trình bày rồi, CS như một con nọ không hề muốn trả nợ. Người đòi nợ như ông Trần Văn Lắm, ông Kissinger, là những người lịch sự nhã nhặn nên hỏi, đòi con nơ cũng lịch sự, nhã nhặn như ngoại giao, phòng khách. Nếu hiểu con nợ như trên thì phải nghiêm túc sống sượng đập bàn, đập ghế:"Anh có trả cho tôi không? Khám túi, khám ví, đến nhà bắt đồ đạc, bắt vợ, đợ con để trừ nợ. Khi ấy con nợ nào cũng phải trả, chỉ trừ con nợ thực sự không có tí tiền nào cả. Cho nên chúng (CS) nghe ngóng dọ dẫm thấy Mỹ chỉ là anh chàng "hổ giấy". Còn VNCH thì chỉ nặng về tham nhũng, ăn

chơi, mua quan, bán chức chứ họ có còn quan tâm gì đến những tên BK gián điệp này đâu. Bởi vậy CS đã ra mặt ngừng không cần bồi dưỡng bồi dung gì nữa, cho đám của nợ này làm gì. Thậm chí các anh ở Hoành Bồ cho biết:

Khoảng tháng 10-1973, chính tên Hoàng Thanh đại diện bộ CA (sau nầy là nội vụ), mặt Hoàng Thanh rầu rầu, nói trong nỗi niềm buồn bực, tức tối trước tất cả anh em BK ở Hoành Bồ:

- Tôi suy nghĩ thấy thương các anh lắm! Cùng là người Việt, là đồng bào ruột thịt của mình! Do trước đây chưa hiểu rõ Cách Mạng nên đã nghe theo lời lường gạt dụ dỗ của Mỹ-Ngụy ra Bắc phá hoại nhân dân, phá hoại CM, nhưng trước sức mạnh của chính nghĩa, của toàn dân, trăm tai nghìn mắt của cách mạng, các anh đã bị bắt và đã bị trừng phạt. Ngày nay Mỹ đã bỏ dã tâm biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới, phải ký vào hiệp nghị hoà bình Paris ngày 27-1-1973.

Như thế các anh phả được về với gia đình, bố mẹ, vợ con. Nhưng khi chúng tôi đưa vấn đề này ra thì Mỹ và Sàigon đã chối và nói không hề biết các anh là ai cả! Chúng tôi còn căm giận cho dã tâm của chúng, đối xử với những người đã làm việc cho chúng!

Nói chung CS đã lợi dụng kẽ hở nầy để làm cho BK gián điệp đau lòng thêm.

Tôi cũng được anh em cho biết: do sự dùng dằng trở mặt của CS, không chịu nghiêm chỉnh thi hành hiệp nghị hoà bình Paris, nên anh em BK gián điệp ở phố Lu, cũng như ở Tân Lập đều tuyệt thực tập thể, đấu tranh đòi CS thực thi những điều khoản của Hội Nghị Paris. CS đã khôn khéo lắt léo dàn xếp, rồi chúng từ từ phân tán mỏng BK gián điệp, đưa đi trừng trị những BK nào đã tự đóng dấu mình, trong những đợt đấu tranh trước đây. Kết quả có nhiều BK gián điệp chết hoặc bị thương tật, trong dịp CS trả thù này.

Tôi cũng biết trại Hoành Bồ, không có đấu tranh nghiêm trọng như phố Lu và Tân Lập. Đặc biệt nhiều anh em BK nói: Ngay cán bố CS cũng rất ngạc nhiên vì sao mà đợt đấu tranh tuyệt thực tập thể giữa trại Tân Lập và Phố Lu lại cùng xẩy ra trong một ngày, dù không hề có điều kiện nào liên lạc với nhau?

Nghe nhiều anh em nói, tôi xin tường thuật lại chứ tôi cũng thấy khó có cơ sở, có chăng là một sự trùng hợp kỳ diệu thì tôi không rõ.

Sau mươi ngày, tạm thời ổn định chỗ ăn, chỗ làm, tôi và Lê Văn Kinh định cuối tuần làm một cú xuất hành, đầu tiên ra chợ Bắc Ngầm. Một ngôi chợ

Huyện của miền Núi (một tháng mới họp một lần). Cả Kinh và tôi ở những đường hướng khác nhau, nhưng có nhiều những cái chung, nên đồng cảm nhiều vấn đề.

Cách nhau vài tháng, nhưng Kinh và tôi đều bị bắt vào giữa năm 1962. Và bây giờ cùng ở một cái trại công nhân "đểu" này. Hai người đều có cái cảm gíac: đã 15 năm tù, cùng không vợ con, vậy sẽ đi hưởng tự do một chuyến, xem nó ra làm sao?

Cái ngày thứ Bẩy năm xưa ấy, vẫn hằn nét trong lòng tôi. Tôi chắc chắn Lê Văn Kinh (hiện ở Florida), cũng không thể phai mờ trong tâm tưởng hình ảnh ngày thứ Bẩy, của buổi ban đầu, sau 15 năm bị buộc kín trong chuồng.

Vào một sáng thứ Bẩy của tháng 10/1977, tôi không thể nhớ ngày. Trời Lào Cai, từ mấy ngày trước đã có những con nhạn trắng, dài mỏ ra réo gọi mùa Thu về. Hôm nay tôi mới lục dưới đáy chiếc hòm con (rương), cái quần Tergal mầu vàng, chiếc áo sơ-mi ca-rô xám mà các cậu Tiến Ga, Thọ Lột đã trang bị cho tôi từ dưới Hỏa Lò ra mặc, chỉ có đôi giầy "ba-ta" mầu xanh là mới. Từ hôm đến trại Hồng Thắng, tôi đã quen với một cậu hình sự tội tham ô, tên là Nguyễn Trọng Phú. Tuổi chừng 30, người Sơn Tây, trắng trẻo, thư sinh, học hết lớp 10 hệ 10 năm. Phú tỏ ra rất mến tôi, thấy tôi chỉ đi một đôi dép râu hoài, cậu lục va li lôi ra đôi "ba-ta" và niềm nở :

- Em tặng anh đôi "ba-ta" này, mẹ em năm ngoái mới đưa lên tiếp tế cho em!

Thật bất ngờ, tôi xúc động ra mặt! Ở miền Bắc không còn cái kiểu chơi "ân tình" như thế này. Tôi đã ôm lấy Phú như một sự chấp nhận, không nói thành lời.

Lính quýnh trong bộ đồ, tâm trạng như đứa trẻ "mặc manh áo mới ngày Tết". Anh em nhìn tôi với những đôi mắt, đượm mầu xanh chia xẻ!

La Văn Thịnh đã thốt lên :

- Ông anh còn phong độ lắm!

Tôi quay lại nhìn Thịnh, dịu dàng: "Em lại cho anh đi "trực thăng giấy" rồi!" Trong bụng của tôi lại lẩm bẩm: Có "quê một cục" thì có!

Tôi và Kinh mới bước xuống sân, ngước nhìn lên trời tôi đã gặp cụ Nguyễn Khuyến: *Trời xanh cao ngất mấy tầng cao…*

Hình như hôm nay, cảnh và vật phố Lu có vẻ hưng phấn hẳn lên, cứ như chào đón chúng tôi. Từ những ngọn núi xa xa mầu xanh thẩm, đến những cánh rừng bạt ngàn xanh lam chung quanh, như đang mỉm cười với chúng tôi. Nhìn những cành thông gió đẩy đưa, nhấc lên, nhấc xuống ở bên đường, tôi còn có cảm tưởng như những bàn tay của núi rừng, đang vẫy chào chúng tôi. Trên một đoạn đường rừng gần 5 cây số dẫn đến chợ Bắc Ngầm, chúng tôi sóng bước đi bên nhau, đã nhiều lần ngoảnh lại phía sau rồi cùng nhìn nhau mỉm cười, với đôi mắt nhấp nháy như cùng hiểu: Chả thấy một tên công an võ trang nào đeo súng, đi "hầu" phía sau như mọi khi!

Phải rồi đã 15 năm, chưa bao giờ chúng tôi đi mà lại không có một vài tên công an võ trang cắp súng theo sau. Hôm nay mới thực sự là "tự do" trong cái lồng to!

Đã 40 tuổi rồi, đi trên đường chân tôi cứ thỉnh thoảng nhẩy "cẫng" lên như một cậu bé 14 – 15 tuổi. Không biết do đôi "ba-ta" mới xỏ, hay trong lòng tôi? Chẳng biết được! Cứ cho là cả hai đi, có ảnh hưởng sai lầm gì đâu? Nhìn cheo chéo trên một hẻm đồi cao, trong đám rừng cây rậm xì, có một giòng suối con đang róc rách chảy đều đều, tôi chợt liên tưởng đến bài "Suối Mơ" ngày xưa:

Suối ơi!… Bên rừng Thu vắng…. Giòng nước trôi lững lờ ngoài nắng!

Tôi không thể kìm hãm lòng mình được nữa! Tôi đã rủ Lê Văn Kinh đến tận bên con suối, để ngắm nhìn cho đã! Biết đâu lại chả có những cô Thiên Nga, đùa giỡn đang tắm phía sau đồi! Một ngày quá đặc biệt, tôi đã thả lỏng hồn tôi tự do lang thang đây đó! Tôi còn định kéo tay rủ Kinh vào gặp cụ Văn Cao trong Thiên Thai nữa chứ! Nếu Lê Văn Kinh không phản đối tôi kịch liệt…

- Thôi! Tôi không vào trong ấy đâu! Tại sao Bình lại cứ ngẩn ngơ, với những vật vô tri ấy như vậy?

Tôi đành dịu dàng năn nỉ :

- Kinh ơi! Một chiếc cầu ao, mái nhà tranh, một ngọn cỏ, một lũy tre làng, một ánh trăng, một giòng suối, một cây rừng v.v… Đúng là những vật vô tri theo bạn. Nếu bạn biết "xuất hồn "cảm nhận, thì những vật vô tri ấy đều có "hồn" cả. Chúng cũng biết giận hờn hay mừng vui chào đón bạn, chia xẻ với bạn nhiều lãnh vực, khi bạn vui cũng như lúc bạn buồn.

Tôi đã tha thiết vận dụng, cái óc nhiều "bã đậu"của tôi để nói nhiều. Nhưng nhìn đôi mắt mầu nhờn nhợt nâu nâu, của Lê Văn Kinh, tôi cũng đành ngừng lại. Kinh chẳng chiều, chẳng thông cảm cho tôi, thì tôi phải chiều Kinh

vậy. Tôi kéo Kinh ra đường, tiếp tục đi, và chỉ nói những chuyện về chấp hành nội quy của Hồng Thắng. Đóng giường, tủ ghế, sao cho nhanh và đẹp. Chốc nữa đến chợ, mua được cái gì tươi để cải thiện cái dạ dầy v.v…

Từ xa, kia rồi, tôi đã thấy một đám đông người trên ngang lưng một ngọn đồi, cạnh đường đi. Những chiếc lều trống trải, một vài con bò, con trâu gầy, không phải để bán mà là những vật dụng, chuyên chở trên đường rừng. Trong đám đông hàng trăm người ấy, chỉ có dăm, mười người là Kinh, hầu hết là bán hàng, còn hầu như toàn là người dân tộc thiểu số. Tôi chẳng biết họ thuộc những sắc tộc gì; nhưng chắc chắn họ đều là người VN. Nhìn từ xa, ngôi chợ chỉ là một mầu nâu, hay xám. Bước vào chợ, có một cái mùi ngai ngái của phân trâu, phân bò, lẫn mùi cây rừng và đá núi, thành một cái mùi giản dị, mộc mạc thô kệch mà chất phác, của quê hương.

Cũng có vài tấm phản, trên có vài mảnh thịt của những con thú rừng như nai, hoẵng, gà Gô. Đa số là thịt khô đã treo trong bếp, ám mồ hóng lâu ngày. Tuyệt đối không có thịt trâu, bò, lợn, gà, vịt, gạo, đậu v.v… Những thứ này nhà nước đã quản lý chặt, phải đến cửa hàng Quốc Doanh, mua theo tem phiếu cố định, ở những thị trấn, thị xã.

Cảnh chợ hầu như người ta chỉ bán bằng thúng và mẹt, chỗ này một ông dân tộc, để trên cái mẹt vài cái nhạc ngựa bằng đồng, vài cái vòng tay, vòng cổ, hay giây chuyền của phụ nữ bằng bạc đã cáu ghét, đen xỉn lại. Chỗ kia mấy bà bày mấy quả cây rừng, vài cái lược, cặp tóc v.v… Đồ dùng của phụ nữ, miền sơn cước.

Có 2 – 3 anh mặc quần áo xám bộ đội, tay đeo chiếc băng đỏ. Một hình thức như cảnh sát, giữ trật tự ở dưới xuôi. Một anh chừng 25 tuổi, nhìn tôi và Kinh bằng đôi mắt màu thiên lý thiện cảm, rồi cười. Chúng tôi cũng cười đáp lại và tôi đã làm quen. Anh tưởng chúng tôi là nhà báo, hay cán bộ miền xuôi, của nhà nước. Tôi đã nói thẳng, thật, chúng tôi là tù đã gần 2 chục năm rồi, bây giờ là công nhân ở Hồng Thắng. Có lẽ vì tôi tỏ ra thành thật chân thành, nên anh càng có thiện cảm hơn. Anh là dân tộc Thổ, tiểu đội trưởng du kích ở Bắc Ngầm. Anh chỉ tay về phía cuối đường, chừng nửa cây số, có mấy căn nhà lá con :

- Nhà tôi nớ!

Chiều tan chợ, tôi định ghé thăm nhà anh, tên anh là Sín Lồ hay Sín Lò tôi không còn nhớ rõ. Tôi và Kinh mua được mấy bắp ngô luộc, ăn thay bữa trưa. Mới khoảng hơn 2 giờ chiều, chợ đã vãn người, có lẽ miền núi họ phải về bản làng xa chăng? Nhìn ngôi chợ miền Núi về chiều, tôi chợt nhớ đến Bà Huyện Thanh Quan *"Qua Đèo Ngang".* Rồi lại nghĩ đến Hoàng Thanh trong *"Bát Cảnh Danh Họa"* đời Đường: *"Sơn Thị Tình Lam"* ở phân trại E. ngày

nào! Tôi và Kinh còn mải mê ngắm nhìn con trâu gầy ở góc chợ, đang nhai cỏ, thì chính Sín Lồ đến. Anh muốn rủ chúng tôi trên đường về Hồng Thắng, ghé vào chỗ anh.

Khoảng 3 giờ, tôi và Kinh lang thang, thảnh thơi trên đường trở về Hồng Thắng. Đặc biệt là chúng tôi mua được 10 bắp ngô sống, định mang về công trường, ngày mai luộc ăn thêm.

Khi đi qua xóm nhỏ của Sín Lồ, chính anh lại ra đường vẫy chúng tôi vào, tôi kéo tay Kinh cùng đi vào! Thoáng bên trong có một cái chõng tre đã lên mầu thời gian; có hai thanh niên nữa. Sau khi chuyện trò được biết cả 3 anh đều là bạn và cũng là du kích của Bắc Ngầm, chúng tôi cũng chuyện trò xã giao. Tôi không thể quên được một sự việc trong lúc ngồi hút thuốc lá Hoa mai, uống trà chuyện trò, tôi nhìn lên vách thấy tấm hình của HCM bị lệch. Để tỏ cái "mắt thợ" của mình, và cũng để nghe xem sao, lòng của người dân Bắc Ngầm. Tôi chỉ tấm hình, nói như nhắc nhở :

- Tấm hình của bác Hồ, bị lệch kìa!

Cả 3 anh quay lại nhìn tôi, nửa như ngạc nhiên, nửa như thăm dò; Sín Lồ chậm rãi :

- Lệch đã lâu rồi! Có rơi cũng không sao?

Tôi nhìn Kinh rồi ngừng lại đấy, và chuyển đề tài :

- Các anh có hay ra thị xã Cốc Lếu chơi không? Và cách đây bao xa?

Sín Lồ lại vồn vã trả lời :

- Một, hai tháng mới ra một lần! Xa lắm! Đi xe đạp cũng hơn 2 tiếng, mới tới!

Thấy hôm nay, buổi đầu; như vậy là tạm đủ. Hơn nữa thái độ mấy cậu có vẻ bồn chồn, như sắp phải đi đâu, hay làm gì. Tôi nhìn Kinh như ra ý rồi quay lại từ giã ra về, hẹn một ngày thuận tiện sẽ gặp lại. Cả 3 cậu đều niềm nở tiễn đưa, chúng tôi ra đầu ngõ.

Vừa bắt tay với Sín Lồ, quay ra, tôi bàng hoàng giật mình, như có một gáo nước lạnh bất ngờ dội vào người. Một nàng tiên của núi rừng; phải nói là một sơn nữ, từ ngoài đường đang đi vào. Da cô trắng mát, ngược lại với mái tóc đen huyền, thò ra trong chiếc khăn vuông mầu xanh xanh đo đỏ. Lưng đeo một chiếc gù mây, chẳng biết đựng gì chỉ thấy một bông hoa rừng trắng toát lắc lư, nhô cao hơn miệng gù. Một bàn tay như thỏi sáp, hờ hững cầm vào

một chiếc quai gù phía trên ngực, làm cho ngực của cô càng giồ lên. Đôi mắt của cô cũng đang mở to nhìn chúng tôi, như của một con nai tơ mới trong rừng sâu đi ra, bất chợt gặp bóng người.

Tôi ngây người ra đờ đẫn, chân không thể nhắc lên để bước đi. Mặt cô đỏ lên, rồi nhìn vào phía trong khu nhà, một giọng oanh vàng ré lên, như cầu cứu :

- Sín Lồ Cố!

Lê Văn Kinh đã kéo tay tôi đi, mà đầu tôi còn ngoảnh lại, cô sơn nữ cũng ngoảnh lại nhìn chúng tôi. Tôi ngoảnh lại vì tôi đang lục lại, và so sánh nàng sơn nữ đã từ lâu; qua văn, thơ vẫn êm đềm, nằm trong trí, hình dung tưởng tượng của tôi: *Sơn Nữ ơi!…. Hoàng hôn xuống dần…. chờ đợi ai? Làm chi…. cho đớn đau lòng… Trong một thời gian rồi thương…. rồi nhớ…* Sơn nữ ơi! Với cô sơn nữ tôi vừa gặp, khác nhau như thế nào!

Còn cô ngoảnh lại, tôi chắc cô ta cũng băn khoăn, không hiểu tại sao lại có một anh chàng, mặt lại đần ra như ngỗng ị thế? Trên đường về Hồng Thắng, Kinh nói những chuyện gì tôi chẳng hiểu và cũng chẳng còn nhớ gì hết.

Hôm sau chủ nhật, tôi nhớ đến anh chàng y tá Vũ Mạnh Tâm, khu tập thể công nhân xã hội (công nhân này không phải là tù như chúng tôi). Có khoảng hơn 100 người cả nam lẫn nữ, hầu hết từ thanh niên xung phong tuyển vào. Họ ở cách chúng tôi hơn 2 cây số, đang xây dựng mấy căn nhà "kiến thiết cơ bản" bên cạnh con đường ra phố Lu.

Tuần trước, tôi lang thang tò mò đã vào khu của họ và đã quen anh y tá tên là Tâm, chịu trách nhiệm y tế của khu. Anh ta khoảng hơn 4 chục tuổi có vợ con ở Bắc Ninh, tôi và anh đã hẹn nhau chủ nhật này để chuyện trò, quen biết bạn bè. Tôi cũng đã nói thẳng, vả lại đám công nhân này cũng biết Hồng Thắng có một trại công nhân "rởm".

Tôi tính lại rủ thêm Lê Văn Kinh, cùng là Biệt Kích Gián Điệp (Biệt Kích GĐ) ở Sài Gòn, đi chơi thuận tiện hơn.

Tôi lại đóng bộ quần áo hôm qua đi Bắc Ngầm, đó cũng là bộ đồ duy nhất để diện. Ngoài một bộ đồ nâu và mấy bộ sọc (của tù) tôi vẫn thay đổi để đi lao động. Những ngày cuối tuần, trên đường đi rải rác đây đó, đã có những bóng dáng những anh chàng công nhân "rởm" của Hồng Thắng.

Tôi và Kinh đi đến một đoạn vòng cung của một ngọn đồi, thoáng thấy một bóng áo vàng đi ngược chiều. Đến gần ra là chính Tô Bá Oanh, như thế

anh chàng này cũng thích trầm tư lang thang một mình. Mới chỉ một vài lần trao đổi tiếp xúc, khi ông ta vào lán mộc như quan sát, nhìn, xem xét của một ông giám đốc công trường. Nhưng tôi đã thấy Tô Bá Oanh, tuy mang cái lon trung úy và chừng khoảng gần 4 chục tuổi như tôi, nhưng tôi cảm thấy tay này cũng khôn, quái và nhiều tham vọng lắm!

Chúng tôi đều cúi đầu chào theo thủ tục, mắt y lại sáng lên, tiến sang hẳn bên này đường, phía chúng tôi, tươi mặt vồn vã :

- Trông xa tôi lại tưởng là khách lạ, ở dưới xuôi lên!

Y nói, nhưng mắt chằm chằm nhìn quần áo của Kinh và tôi. Nhìn sang Kinh cũng bộ quần áo bộ đội hôm qua đi chợ, Kinh vẫn đi đôi dép râu "Bình Trị Thiên" như nhiều công nhân của Hồng Thắng. Chỉ có tôi mang đôi "ba-ta" mới, nên hơi khác một chút, ở nơi núi rừng. Tôi cười và nói cho qua chuyện :

- Thưa ông! Bộ quần áo này tôi mua rẻ lại của các cậu bên hình sự!

Nói rồi chúng tôi chào, và rút lui ngay.

Vào khu công nhân xã hội, tìm đến buồng y tá của anh Tâm. Nhìn chung một vài nét, tuy ở nhà xây (cơ bản) những ngôi nhà, chính họ đã xây, tạm thời họ ở, để xây những cái tiếp. Hai khu Nam, Nữ ở hai nhà khác nhau.

Thoáng một số nét sinh hoạt, họ cũng nghèo nàn lạc hậu, chả hơn gì chúng tôi bao nhiêu, đặc biệt là tinh thần, họ rất lười. Với cái năng suất lao động như vậy còn kém chúng tôi hàng nửa, thời gian cả về mặt kỹ thuật. Họ lơ là, đàn đúm chơi đùa là nhiều.

Anh Tâm ở một mình, trong một căn phòng con chật hẹp của y tế. Bốn chục tuổi mà có vẻ trầm lắng, không giao thiệp nhiều với những công nhân khác. Quan điểm của tôi lúc nào cũng thể hiện chân thành trước, tôi cũng đã nói thẳng, nói thật chúng tôi là loại Biệt Kích GĐ từ trong Nam ra Bắc v.v… Anh Tâm vui ra mặt, anh lăng xăng hoạt bát hẳn lên.

Tôi có cảm tưởng cuộc sống của anh bị buộc kín theo xã hội. Ở *"bầu thì tròn ở ống thì dài"* hôm nay anh gặp được mấy người thể hiện *"tình người là chính"* nên anh đã hưng phấn như thế?

Tôi đã được nghe nhiều sự thật, của cái hệ thống công nhân này. Như làm ít báo cáo nhiều, làm xanh lại báo cáo đỏ. Anh ở trong Đảng Ủy của công trường, anh đã lập gia đình 5 năm rồi. Vợ anh cũng là đảng viên, trong một xí nghiệp may ở Bắc Ninh. Vợ chồng anh có một đứa con trai 4 tuổi.

Tôi luôn mang một ý niệm: Mình có thật sự, như vậy đường mình đi là chính thống, vậy chỉ cần khéo léo trong hành xử, chắc chắn mình có tính hơn hẳn. Vậy thì bất kể với ai, dù chung quanh toàn là kẻ thù, nham hiểm là người của đối phương, ta vẫn mở cửa. Không phải chỉ có máy nhìn, mà có cả máy ngửi. Dù anh có bọc bao nhiêu lần vỏ, pha trộn bao nhiêu màu, ta tin tưởng sẽ nhìn vào cái nhân, vào bản chất của con người và sự việc. Rồi tùy theo, sẽ giải quyết theo chiều hướng ta muốn,

Có một chuyện vui mà tôi chưa quên: Sau khi Tâm biết chúng tôi là tù nhân 15 – 16 năm rồi, một loại tù phải chịu những hình thức khai thác ngặt nghèo, khác thường. Nghèo thôi, nhưng chân thành, chỉ có đậu phụng rang và ổi xanh với rượu trắng, mỗi người góp một đồng là có một bữa say, đầy nghĩa tình người.

Trong lúc bên trong là say, bên ngoài là tỉnh, rồi lẫn lộn: Tâm rất băn khoăn thắc mắc: Tại sao tôi và Kinh đã trên dưới 40 tuổi, Tâm mới 35 tuổi lại già hơn, cằn cỗi hơn? Trong khi Kinh và tôi phải ở trong tù, khổ đau như vậy?

Chính Lê Văn Kinh cũng không thể giải lý rõ vì sao, mà chỉ quy cho là có người trẻ hơn tuổi; có người già trước tuổi là do trời, do máu, do giòng họ của mỗi một người.

Tôi đồng ý, chúng ta không thể phủ nhận được yếu tố đặc biệt này, nhưng nếu ta xét, ta nhìn cái chung: Một chục người cùng tuổi ấy, điều kiện ấy mà ở trong tù cách biệt kiên giam. Và một chục người cùng tuổi ấy, điều kiện ấy ở ngoài đời có vợ, có con thì sẽ thấy yếu tố trên, không còn đúng hoàn toàn nữa.

Tuy đầu tôi nghĩ thế, nhưng tôi vẫn ngồi im lặng; mãi cho tới khi cả Kinh và Tâm bắt tôi phát biểu ý kiến. Cũng đã gặp cụ Lưu Linh rồi, nên tôi mạnh bạo trình bày, dù tự biết đầu óc của mình có nhiều "sạn, sỏi". Nhưng phải cởi mở lòng mình, phải chân thành như lòng mình đã, nên tôi đã mạnh dạn phát biểu :

- Tôi suy nghĩ thế này: Phật và Chúa nói theo từng tôn giáo, nói chung là đấng tạo hóa sinh ra con người. Ngài ban cho mỗi người kể cả đàn ông, lẫn đàn bà, một bọc, một cục sống. Nói một cách giản dị là tạo hóa ban cho mỗi người 1000 đồng chẳng hạn. Bằng nhau, ai cũng như ai. Nếu anh phung phí tiêu nhiều, về cuối anh còn ít. Ngược lại thì anh còn nhiều, đó là hình dung theo toán.

Bây giờ ta hình dung có vẻ theo kiểu văn chương: Tạo hóa ban cho loài người đồng đều, mỗi người một sợi tơ đồng, để hưởng một thời hoa mộng.

Nói chung, từ khoảng 20 tuổi đến 40 tuổi, cái dây tơ hồng đó, có qúy vị gẩy nhiều, người gẩy ít tùy theo. Bình thường trong 20 năm gẩy, thì sợi tơ đồng đó đã dão ra rồi, nên khi gẩy thì tiếng kêu của nó đã rè, đã đục. Các qúy vị cứ nhìn các ông Cha, ông Sư. Các ông ấy thường trẻ hơn, với những người cùng tuổi ở ngoài đời, đấy là cái chung.

Chứ tôi hiểu cá biệt có những ông Cha, những ông Sư (nhất là ở Việt Nam hiện nay) các ông ấy không những vẫn gẩy đàn, mà còn gẩy hơi nhiều, gẩy hơn một người bình thường nữa. Như vậy thì ai cũng đã thấy, nếu đem cái dây tơ đồng của một ông 40 tuổi ra gẩy, nếu nó không rè rè thì nó cũng kêu bùng bục. Ngược lại, Lê Văn Kinh và tôi không gẩy và chưa hề dùng đến cái dây tơ đồng ấy. Nếu bây giờ đem gẩy thì nó vẫn thánh thót, du dương như thưở ban đầu vậy.

Tâm và cả Kinh đều cười ngặt nghẽo, cười bò ra, tay ôm bụng. Nỗi hưng phấn của Vũ Mạnh Tâm, càng được đẩy cao; anh chạy đến chiếc tủ con, mở lấy ra một chiếc máy ảnh nhỏ, quay lại nói rổn rang :

- Đây là chiếc máy ảnh của ông anh trung tá sư phó, mới mua ở Sài Gòn tháng trước, cho tôi mượn một tuần. Hôm nay anh em ta ghi một tấm hình, để kỷ niệm.

Truyện trên trời rơi xuống! Chụp ảnh ngoài xã hội lúc này còn khó, huống chi lại ở trong tù. Tôi nhoài người đến cầm chiếc máy, ngắm nghía. Máy ảnh của Nhật, TENKA II có automatic nữa. Ra ngay ngoài hè, Tâm chụp mấy tấm, trong đó có riêng một tấm Kinh và tôi. Có lẽ đó là một tấm hình đặc biệt duy nhất, của Kinh và tôi, chụp để kỷ niệm trong giai đoạn ở tù.

Buổi chiều trở về, mới bước chân vào đến cổng của Hồng Thắng, tôi mừng quá! Lý Cà Sa to lớn tiến lại bắt tay tôi, có một số công nhân mới chuyển đến, có thêm mấy anh Biệt Kích nữa trong đó có cả Nguyễn Cao Sơn (một chuẩn uý của Thủ Đức).

Trên đường vào chỗ của mình, đầu tôi suy tư: Lý Cà Sa mà được ra công trường HT, cũng là một sự khác thường. Tôi xách gầu và quần áo ra sau giếng tắm một cái, sau 2 ngày ngược xuôi quanh vùng.

Trong hàng chục người chung quanh giếng, có một cậu hình sự chừng 20 tuổi cứ liếc nhìn tôi, thái độ khác thường. Xong xuôi, tôi vừa rẽ về đến ngôi nhà số 2, thì cái cậu liếc nhìn tôi khi nãy, đã đón đường. Thái độ cậu ta hơi ngập ngừng, hai tay xoa xoa vào nhau; rồi giọng như được tăng số :

- Em hỏi thực anh, có phải anh là một điệp viên cừ khôi được đào tạo công phu ở Nhật, về Hà Nội hoạt động phải không?

Tôi còn ngạc nhiên, đắn đo quan sát thái độ của cậu, cậu ta lại nhấn mạnh :

- Anh cứ nói thật với em đi!

Một chút băn khoăn, tôi khẽ để một tay lên vai cậu :

- Trước khi anh trả lời, hãy cho anh biết do đâu em lại hỏi anh như thế?

Cậu này tỏ ra hơi bộp chộp, nên trả lời ngay :

- Nhiều bạn bè em chỉ anh, nói với em như vậy!

Tôi vẫn đặt tay lên vai cậu, dịu dàng nói với cậu :

- Cám ơn em đã hỏi anh như vậy, anh xin nói ngay là những lời đồn đó, là không đúng sự thật. Tên em là gì?

Cậu trả lời tên là "Công" còn gặn lại :

- Hãy tin em! Nếu thật em sẽ xong ngay!

Tôi thấy không giải quyết cái gì, cũng chả cần hiểu "xong ngay" là "xong"gì? Tôi đập vào vai cậu, như đẩy đi :

- Thôi chào em Công nhé!

Quay vào buồng tôi nghĩ: tiếng đồn thì thường hay phóng đại!

Đã có một số cậu hình sự xin đi phép, cả một vài Biệt Kích cũng đã xin đi phép vào miền Nam 2 tuần, 1 tháng. Để nghe ngóng, để thử, tôi cũng dần đánh tiếng qua tên cán bộ trực của công trường là Đỗ Nhận. Nghe đồn tên này là trung sĩ cán bộ trên trại Quyết Tiến (Cổng Trời) về đây.

Ra vào qua ánh mắt; tôi thấy y có chút thiện cảm cá nhân với tôi, nên một buổi thuận tiện gặp y, trên một quãng đường từ cơ quan vào Hồng Thắng. Nghĩ đến Hà Nội, còn mấy người em ở Hàng Bột con bà dì, em ruột của mẹ tôi. Tôi còn một bà dì họ ở Lương Ngọc Quyến. Thì cứ thử xin 2 tuần, xem họ có cho đi không đã. Nhưng tên Nhận đã nhìn tôi, rồi nói rõ ràng :

- Anh Bình cứ thử làm đơn lên Ban Giám Đốc! Theo tôi đã có 2 người (Biệt Kích) đi phép vào Nam, nếu họ không trở lại thì không phải là dễ.

- 13 -

THỦY CHUNG – CHÍNH CHUYÊN

Thực sự ra, anh em Biệt Kích ai cũng sẽ như tôi, cũng ray rứt khắc khoải nhớ thương bố mẹ, vợ con, anh chị em, và miền Nam trong tim, trong máu. Nhưng tôi phải thử xem sao. "Dục tốc bất đạt" ông bà đã dậy mình.

Mấy ngày trước, có vợ của anh Đoàn Phượng (cưới được một tuần, trước khi anh ra Bắc) ra mãi Hồng Thắng để thăm chồng sau 15 năm xa cách. Thoáng nghe mà lòng tôi đã háo hức muốn gặp, muốn nhìn thấy chị Phượng, một người con gái Việt Nam đã cho tôi được hưởng nét tự hào của dân tộc tôi. Anh Đoàn Phượng là một Biệt Kích ra Bắc từ mồng 7 tháng 6 năm 1963. Toán của anh là Tellus, gồm 4 người. Anh là truyền tin trưởng của toán. (Chương trước tôi đã trình bầy)

Khi một toán Biệt Kích hay đi lẻ như tôi, nếu theo những quy định thời gian đưa và đón, mà không về thì thường được kết luận là mất tích. Cái từ "Mất tích" bao hàm rộng: có thể chết, bị bắt, trốn chạy v.v… Coi như không có ngày về, thế mới thấy rõ tấm lòng của chị Phượng. Tôi chưa hề thấy mặt, nhưng lòng tôi đã dạt dào ngưỡng mộ. Tôi đã sang buồng của anh Đoàn Phượng gặp anh, tôi đề nghị :

- Đây là một sự cao đẹp của tình người, đề nghị anh Đoàn Phượng, một buổi để chị vào hẳn công trường, gặp luôn một số Biệt Kích của chúng ta, và cũng để anh em Biệt Kích được nghe, được nhìn tận mắt sự sắt son của một phụ nữ Việt Nam. Cũng để cho cán bộ CS, nhìn thấy cái truyền thống, của tình tự dân tộc thiêng liêng, cho lòng người nở hoa như thế nào.

Ngày hôm sau, anh Phượng cho biết được cán bộ trực, cho phép sáng thứ Bẩy, chị Phượng và bà mẹ sẽ vào công trường. Anh em Biệt Kích ai cũng nức lòng, chúng tôi tạo mọi điều kiện có thể, cho buổi trùng phùng cảm động này.

Giản dị mộc mạc như cuộc đời của chúng tôi, một gian nhà trống không có đủ bàn, chỉ có mấy cái ghế dài kê chung quanh sát vách. Một cái bàn mộc con ở giữa, với một tích trà (mượn được của ông cán bộ trực), hai bao thuốc lá Trường Sơn.

Hơn 2 chục anh em Biệt Kích quần áo nâu sồng, ngồi kín những chiếc ghế dài. Gần 10 giờ, anh Phượng dẫn chị ấy và bà cụ trên 60 tuổi chậm chạp đi vào. Chúng tôi không ai bảo ai nhưng đều đứng hết cả dậy, mặt hớn hở, mắt long lanh, tay vỗ đôm đốp, như hoan hô, chào đón.

Căn buồng tuy bé nhỏ, nhưng đã tràn ắp tình người, làm cho anh Đoàn Phượng, bà cụ và chị ấy cũng lúng túng. Tôi và mấy anh đã Sấn đến, đỡ bà cụ vào ngồi một chiếc ghế độc nhất, dành cho bà cụ. Nhiều anh em, râm ran ríu rít thăm hỏi bà cụ và chị Phượng. Lưng bà cụ hơi còng một chút, tóc đã "muối nhiều hơn tiêu" nhưng tinh thần của cụ còn tỏ ra rất nồng nhiệt. Không nồng nhiệt mà thân già, còn lẽo đẽo theo con gái lên mãi miền sơn cước này, để thăm một "chàng" con rể tù có cái dấu "*không có ngày về*".

Chị Phượng chừng hơn ba chục, rất ít nói, không hiểu sao tôi nhìn đôi mắt của chị, nó ánh lên cái mầu của lá bưởi non. Cái màu của thủy chung, của nghĩa tình.

Chẳng được anh em chỉ định, nhưng có lẽ từ hôm qua, anh em thấy tôi lăng xăng nhiều, trong việc đón rước chị Phượng và người mẹ yêu qúy của chị. Vả lại, nhìn toàn bộ anh em, không thấy ai tỏ vẻ muốn phát biểu một vài lời, với cụ và chị Phượng. Thôi thì từ lòng ngưỡng mộ của mình, tôi nhìn anh Phượng rồi đứng ra nói đại, dù đã biết mình không có khả năng ăn nói. Lâu ngày tôi không còn nhớ được nguyên văn nhưng nội dung như sau :

- Thưa cụ và chị Phượng, cháu chỉ là một trong những anh em Biệt Kích như anh Phượng, do lòng ngưỡng mộ cụ và chị Phượng, nên cháu nói vài ý kiến. Đêm qua, cháu cứ khắc khoải mãi mà không ngủ được, nếu cháu không nhìn thấy, nghe thấy bằng tai, bằng mắt thì cháu không thể tin, trong cuộc đời ngày nay, còn những tình nghĩa sâu nặng như thế này. Cụ và chị đã làm cho cháu yêu thương cuộc đời này nhiều hơn, vì nó vẫn còn nhiều tình sâu nghĩa nặng mà cháu chưa, hoặc không hiểu được!

Tôi quay hẳn về phía chị Phượng :

- Thưa chị, trước đây các bậc cha, anh đã viết, đã nói nhiều về sự thủy chung, của người phụ nữ Việt Nam. Xin chị cho tôi hỏi chị một câu, cứ sự thật nghĩ sao chị trả lời vậy…

Thấy chị Phượng gật đầu, tôi hỏi ngay điều tôi muốn :

- Biết bao nhiêu Biệt Kích đã chết rồi, nếu anh Đoàn Phượng đã chết, thì chả lẽ chị chờ mãi ư?

Chị quay lại nhìn anh Phượng rồi nhìn tôi, chị nói bình thản :

- Tôi không có chờ anh Phượng!… Mà tôi đã xác định ***"Nếu anh Phượng sống trở về thì tôi có đôi, nếu anh chết thì tôi ở một mình".***

Một hơi lạnh chạy lên gáy của tôi! Tôi quay về chỗ ngồi, hút hết hơi thuốc Trường Sơn, khi nãy còn bỏ dở. Anh em tiến đến thăm hỏi cụ và chị Phượng được biết thêm, khi nhận được thư anh Phượng gửi về, chị Phượng muốn ra Bắc ngay, nhưng vì thân gái một mình, chưa hề biết gì về miền Bắc cả. Để rồi bà cụ thương cảnh hẩm hiu, của con gái và người con rể. Anh đã chẳng vì hạnh phúc của mình, mà dấn thân vào chỗ chết! Ra đi không hẹn ngày trở lại! Nên dù tuổi già sức yếu, cũng quyết một lòng dẫn con gái đến một miền, mà chính cụ cũng chưa hề biết.

"Các quý vị chính trị của đảng CSVN có nghe thấy không?

Một phụ nữ vô danh, trong hàng triệu những phụ nữ tầm thường vô danh khác, đã thể hiện, đã nói lên cái từ tự hào thiêng liêng truyền thống của dân tộc, là *thủy chung, chính chuyên*. Sự kiện này đã diễn ra ngay trong lòng bàn tay của quý vị.

Tôi cũng là một người Việt Nam tầm thường vô danh, tâm thành thưa với quý vị: Ngày nay, quý vị đã có tất cả, những điều của một con người mong có. Quý vị còn hiểu quán triệt hơn tôi: Muốn được hạnh phúc thanh nhàn miên viễn, thì phải biết tự chế.

Hẳng các vị cũng đã tự thấy: Thủy chung, chính chuyên là một khái niệm trong xã hội Việt Nam hiện nay; nếu không nói là không còn nữa, thì cũng đã bị chuyển đổi nội dung. Với riêng cá nhân tôi, đã qua, hiện nay và sau này, quý vị chủ trương ngược xuôi thế nào là quyền của quý vị, nhưng quý vị không thể phủ nhận được: Qúy vị và tôi cũng là người Việt Nam.

Kính chào quý vị"

Xin phép quý vị độc giả (Để giải lao vài chục phút)

Cũng trong một lúc giải lao tình cờ khi ngồi viết, tôi rút một cuốn sách trong tủ sách. Mở đọc một trang. Tôi đọc, càng đọc, một sự ngờ vực đã cuộn lên trong lòng, chỉ cần thay đổi một vài tên nhân vật, cơ quan thì rõ ràng đây là của Thiệu + Kỳ, của một chính quyền mà các "ông" VC vẫn gọi à Ngụy quân, ngụy quyền tay sai bán nước v.v…

Tôi xin phép ông Bùi Tín, trích nguyên văn một đoạn tang 78-79 của Hoa Xuyên Tuyết:

"Bộ Chính Trị được họ xí những nhà sang trọng nhất ở TP HCM, Đà Lạt, Vũng Tàu, Nha Trang ….họ dành những biệt thự loại A1 cho Bộ Chính Trị, thường là cho từng ủy viên Bộ Chính Trị. Đó là nhà của anh Ba, anh Năm,

anh Sáu… thường là đóng im ỉm, có người quét dọn, trông coi quanh năm, những "ông chủ" chỉ dạo qua vài ngày trong cả năm!

Ở khu vực Quảng Bá bên Hồ Tây, nhà họp con Rùa (mái nhà hình mai rùa) với hơn một chục biệt thự vây quanh là một khu cấm, canh ác cẩn mật. Nhà họp Con Rùa ấy trên công văn của văn phòng Trung ương mang tên nhà họp của Bộ Chính Trị. Mỗi biệt thự đều mang những tên ông chủ của nó: 12 hay 14 ủy viên BCT đương chức. Từ năm 1988, nó đã được chuyển thành cơ sở kinh doanh du lịch của Công Ty Hồ Tây do Ban quản trị Tài chính trung ương Đảng quản trị để kiếm lời.

Phía Bắc thành phố HCM, vùng Tân Uyên thuộc tỉnh Sông Bé có một khu rừng cao su rộng xen với những bãi đào lộn hột. Đây là khu săn bắn rất được ưa thích của các quan chức cơ quan thành ủy TP HCM. Mỗi khi có khách trung ương vào hay ở thành phố lên là cả vùng nhộn nhịp hẳn lên . Giám đốc nông trường cao su phải huy động từ hai đến bốn đội sản xuất bỏ công việc của mình đi lùa thú rừng vào "bẫy" cho các cụ bắn. Các quan chức cấp cao ngồi trong những ngôi nhà nhỏ lợp tranh chống nắng, giương súng giữa những quay rượu qúy và những làn khói thuốc lá thơm để hạ thú: lợn rừng, nai, chồn, cầy hương, kỳ đà…Quanh những ngôi nhà ấy là suối tự nhiên. Chiếc cầu gỗ nối liền căn nhà được kéo lên để bảo đảm an toàn khi các nhà "thiện xạ" đã yên chỗ. Một kiểu đi săn quý tộc. Qúy vị đâu có cần biết anh chị em công nhân nông trường vất vả ra sao, nông trường bị lỗ lãi thêm như thế nào do phải phục vụ những "đầy tớ của nhân dân" theo kiểu như thế, giữa sự đói nghèo đến cùng cực của đồng chí, đồng bào. Lại có kiểu đặc quyền đặc lợi do dưới thực hiện với trên đã thành nếp. Trước khi đoàn của Tổng Bí Thư và gia đình rời Đà Lạt, tỉnh ủy Lâm Đồng tặc cho tất cả các thành viên của đoàn hơn 30 người, mỗi người một gói quà khá lớn, có chè Bảo Lộc, cà-phê Buôn Mê Thuột, rượu bổ cùng mấy gói cao ác-ti-sô. Phu nhân, con trai, con gái cho đến cháu nội, cháu ngoại … mới 3,4 tuổi của lãnh đạo đều có phần của mình như nhau. Các cậu ấm, cô chiêu vừa ngỏ ý muốn nếm thịt rừng là ngay đêmấy Văn Phòng Tỉnh Ủy cử ngay một số đi săn, băng rừng lợi suối cố lôi về một con hoẵng."

(xin trở lại Thép Đen)

Trong hơn 2 chục anh em Biệt Kích cùng tiếp đón bà cụ và chị Đoàn Phượng, có một cậu mặt còn non choẹt "búng ra sữa". Thấy hơi khác thường tôi đã gọi em ra riêng, lúc buổi gặp chị Phượng đã vãn. Em đã ngập ngừng, ngượng nghịu đỏ mặt, trong khi truyện trò, ân cần thăm hỏi của tôi. Em tên là Lê Trung Tín, khi gia nhập và được huấn luyện trở thành một Biệt Kích nhẩy Bắc em mới có 17 tuổi, hiện nay em đã 27 tuổi rồi. Sau buổi tâm tình với em, tôi biết sơ lược toán của em là *Red Dragon* gồm 7 người:

1. Phạm Ngọc Anh, được tha về, đã chết ở Sài Gòn.
2. Phạm Xuân Kỳ. Toán phó truyền tin. Hiện nay ở tiểu bang Texas.
3. Nguyễn Thái Kiên. Hiện nay ở Atlanta.
4. Phạm Ngọc Khánh. Hiện nay ở Boston MA.
5. Vũ Sử. Hiện nay ở Washington.
6. Nguyễn Hữu Tấn. Hiện nay ở California.
7. Lê Trung Tín. Mới nhất hiện nay (2004) nghe nói đã đến Colorado.

Ra Bắc ngày 21-9-1967. Địa bàn hoạt động tại Hà Giang. Dù toán của em ra Bắc muộn, nhưng cũng đã ở tù hơn 10 năm rồi. Em rất thân với Vòng A Cầu.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, cân nhắc, hơn nửa tháng trước tôi đã làm một lá đơn xin đi phép 2 tuần về Hà Nội thăm bà Dì và mấy người em. Tôi đã nộp đơn lên Ban Giám Đốc của công trường, cũng đã hơn nửa tháng mà đơn vẫn chưa được trả lời, là được chấp nhận hay không? Qua nghe ngóng Giám Đốc T.B. Oanh đã công tác về Hà Nội.

Tôi nghe một vài nguồn tin của người dân Bắc Ngầm: trong Nam CS đã đuổi và cho người Hoa trở về Trung Quốc. Rồi khoảng đầu tháng 2-1978, chính cậu Lê Trung Tín và Vòng A Cầu đã đi đâu, 9 giờ tối cũng không có mặt, theo nội quy của công trường. Một buổi chiều, sau giờ lao động ở lán mệt nhọc, tôi trở về công trường, vừa tắm rửa xong. Một em hình sư, đến bên tôi nói nhỏ :

- Bẩy giờ tối nay, anh ra chỗ gốc cây Sồi ở ngã ba, có người muốn gặp anh.

Phần vì vừa tắm đang vội về, để ra chỗ anh Tâm y tá công trường xã hội (CTXH) đã hẹn từ hôm qua. Phần khác trời đã hơi cập quạng, nên tôi đã không nhìn rõ cậu em hình sự đã nói với tôi. Tôi thấy dù sao cũng không thể ra gặp Tâm (chuyện trò bình thường). Hôm nay phải ra xem ai cần gặp tôi lúc 7 giờ tối nay? Nhiều băn khoăn cũng không thể dự đoán được, vậy chỉ còn cứ đi sẽ biết. Cũng chẳng xác định được hướng lành dữ ra sao! Nhưng bản tính, dù ngược hay xuôi thì chỉ thêm cho sự kích thích, của lòng tôi hơn.

Trời tối, tôi đánh bộ đồ nâu sồng công nhân, mò ra chỗ hẹn. Chủ trương của tôi là ra sớm, ra trước giờ hẹn, rồi tìm vị trí thích hợp kín đáo ngồi chờ, chủ động quan sát để biết người muốn gặp mình là ai?

Không có đồng hồ, nên chỉ dự đoán theo giờ của cái đồng hồ ở công trường, có thể sẽ sai, đúng 5-10 phút. Tôi ngồi đã ê cả chân trong một bụi cây con, xa chỗ gốc cây Sồi đến gần 100 mét. Trong ánh sáng cập quạng của núi rừng tối muộn, tôi vẫn còn nhìn thấy gốc cây Sồi sơn mầu trắng,

theo quy cách của thời Pháp thuộc. Chừng mươi phút sau, có bóng một người đi xe đạp từ phía Bắc Ngầm đi tới. Cũng may, từ công trường ra, tôi đã đi qua cây Sồi mới ngồi chờ, tôi cố nhìn theo bóng người đi xe mà tôi đã hơi ngờ ngợ. Đúng như rằng, người đó dựng xe đạp vào gốc cây rồi bước ra giữa đường. Tôi hơi giật mình, vì bóng đó ra giữa đường nên tôi thoáng qua dáng dấp quen quen. Ồ…. Sín Lồ! Sao lại kỳ lạ như thế! Sín Lồ là tiểu đội trưởng du kích của Bắc Ngầm, tuy có hiện tượng là câu chuyện tấm hình của HCM bị lệch. Nhưng có gì đến nỗi hôm nay đến hẹn gặp tôi như thế này? Đã quan sát rồi, chỉ có một mình Sín Lồ.

Tôi chờ anh ta quay mặt về phía công trường, tôi lách vội ra đường, như một người đang đi trên đường. Coi như không để ý đến người đứng ở một gốc cây, mặt tôi nhìn chéo với gốc cây 45 độ, theo dõi thái độ của Sín Lồ. Cậu ta đã nhìn thấy tôi, và tiến ra, vậy thì tôi tiến vào, và vồn vã :

- Sao lạ thế! Có cái gì mà phải hẹn ra đây? Cậu chỉ cần nhắn là tôi sẽ ra tận…

Cậu ta đã ngắt lời tôi, ra hiệu tay nói nhỏ! Rồi cậu ghé gần tôi vẻ thân mật :

- Anh có đi TQ không? Sẽ đi với một người nữa cũng ở công trường.

Tôi đã chợt thấy có vấn đề, tôi định hỏi với một người nữa là ai ở công trường? Thì Sín Lồ đã nói vẻ vội vàng :

- Nếu anh đồng ý đi, từ 9:30 đến 10 giờ tối mai, anh ra đây sẽ có người đưa đi!

Nói rồi, Sín Lồ đập nhẹ vào vai tôi như từ giã. Cậu ta nhẩy xe đạp đi ngược, về phía Bắc Ngầm.

Tôi bần thần cả người trên đường đi về công trường. Không biết người kia là ai, để từ đấy phần nào thấy về hướng nào? Là chính trị hay hình sự? Nếu chính trị thì Biệt Kích hay chính trị địa phương? Và điều quan trọng nhất: Sự việc này thật hay giả? Có bàn tay đen nào nắm trong vụ này không?

Đêm hôm ấy và ngày hôm sau, trong lòng tôi như có một trận bóng đá Quốc Tế, với những cú lách, lừa nhè nhẹ, nhưng có những cú "sút" sấm sét như "căng chỉ" làm bàn. Bao nhiêu phán đoán, bao nhiêu giằng co, bao nhiêu rụt rè e sợ, nhưng cũng bao nhiêu liều lĩnh coi trời "bằng vung".

Có những lúc tôi đi thơ thẩn, lang thang ở cả hai căn nhà. Nhìn người này, rồi nhìn người kia để từ đấy có cảm nhận một hiện tượng gì làm cơ sở. Tôi đã

nhìn thấy cả cái cậu tên Công, đã có lần hỏi tôi, nếu tôi nhận thì cậu sẽ "xong ngay"

Nhưng quan sát hàng chục bộ mặt đã thấy không phải đối tượng, mà tôi đang cần tìm. Tôi cũng muốn tìm lại cái cậu hình sự đã hẹn cho tôi gặp Sín Lồ. Nhưng như tôi đã nói rồi, chiều hôm qua tôi thật vô tâm, không còn nhớ được dáng dấp và hình hài bộ mặt chút nào.

Để rồi thật buồn cười như câu chuyện "mất búa" trong "Đắc Nhân Tâm" của Dale Carnegie. Xin phép quý vị, (tôi đọc trước khi tôi bị tù), khi ấy tôi 19 hay 20 đã đọc rồi. Tôi xin sơ lược lại cho những vị chưa đọc. Nội dung như thế này:

"Có một ông chăm chỉ làm ăn, một hôm có một cậu bé hàng xóm sang chơi đùa với con ông. Nhưng ngày hôm sau, ông có cái búa con, ông vẫn thường dung hàng ngày để đóng đinh, bây giò không tìm đâu ra cho thấy. Suy nghĩ hết mọi lẽ, chỉ thấy có cậu bé hàng xóm hôm qua sang chơi, là đáng nghi ngờ hơn cả. Ông đã tìm, đã hỏi tất cả người nhà của ông rồi.

Ông cũng thấy cậu bé hàng xóm đó lanh lẹn và đôi mắt sáng lắm! Hôm nay cậu bé lại sang chơi! Đã có chủ trương rồi nên ông để ý mọi vấn đề. Từ nét mặt, từ dáng đi, từng cử chỉ chạy ra chạy vào trong nhà ông, nét nào của cậu bé cũng là nét của thằng ăn cắp. Nhất là đôi mắt, sao mà gian xảo thế, liếc nhìn ông nhanh như cắt. Ông càng khẳng định hơn, chờ dịp ông bắt quả tang mà thôi. Ngày hôm sau, ông có dịp với tay lên nóc tủ áo của ông để lấy một đồ vật, ông đã sờ thấy cái búa mà ông đã tưởng cậu bé hàng xóm lấy mất.

Trở lại buổi hẹn với Sín Lồ, cho đến chiều ngày hôm sau (cái buổi chiều có cái hẹn tối 9:30 đến 10 giờ). Tôi đã xác định như sau: Với cái tuổi của mình thì việc gì cũng còn dài, sự việc nào không rõ ràng, nhiều mơ hồ thì đừng có vội vàng hấp tấp, và tôi đã bỏ buổi hẹn. Cho tới bây giờ, tôi vẫn chưa quên buổi hẹn ngày ấy.

- 14 -

VÀO LỒNG NHỎ

Sáng ngày hôm sau, thì thấy mất Lý Cà Sa. Và ngay chiều ngày hôm ấy; gần giờ tan tầm, tên cán bộ Thành phụ trách đội mộc của công trường đến ngồi nói chuyện với tôi. Y nhìn tôi đang thao tác lắp cái giường đôi, cho vợ chồng một tên cán bộ khác, ở bên trại tù. Chuyện trò cười nói rôm rả, đến chỗ cắt 5 cái thang giường, để 2 cái vỉ giường, cho giải chiếu. Công việc cắt cái đầu thang giường này không phải thợ học nghề, mà ai cũng có thể cắt được. Nhưng, có thể do đầu óc tôi quá nhiều sự việc căng thẳng từ hôm qua, hoặc có thể mải vui câu chuyện với tên cán bộ của đội mộc. Tôi cắt hụt chừng 3 phân một cái thang giường, tên Thành đứng dậy gào to :

- À anh Bình, muốn phá hoại tài sản công trường, của nhà nước à?

Tôi ngửng lên nhìn y, tôi còn tưởng y nói đùa; nhưng nét mặt của y đã trả lời là nói thật. Thấy thế, tôi cười nói như diễu cợt :

- Cắt cái thang giường mà ông cho là phá hoại, nó chỉ…..

Y đã đứng dậy ra phía ngoài cửa, một tên công an võ trang đeo súng theo y tiến vào.

Tên cán bộ nói líu nhíu :

- Anh bị bắt sang trại tù! Anh theo vũ trang về trại.

Như thế là họ đã chuẩn bị sẵn từ trước, chỉ có tôi mới "tồ" nên bất ngờ mà thôi! Tôi theo tên công an vũ trang ra cổng lán mộc, trước những con mắt mở to của các anh em Biệt Kích khác. Đúng như lời dậy của cổ nhân: Chỉ có chữ "bất ngờ" cho tới già vẫn chưa ai học hết được!

Đã rõ như ban ngày là họ có chủ trương bắt tôi trở lại tù, dù tôi chẳng có vi phạm điều khoản nội quy nào của công trường, mà chính họ đã đặt ra, như Hiến Pháp của họ, cho đất nước. Tên công an võ trang dẫn tôi về công trường lấy chăn màn, quần áo để sang trại tù. Khi bước vào cổng trại tù, đã thấy tên cán bộ trực trại chờ sẵn ở căn buồng con, cạnh cổng vẫy tay. Tôi ôm chăn màn và chiếc hòm con đi theo, y bắt tôi mở hòm ra, lục tung khám xét mọi thứ. Tất cả thư từ, hình ảnh của cá nhân, hay bất cứ giấy tờ gì, y giữ lại hết, tôi phản đối :

- Thưa ông, thư từ hình ảnh là của thân nhân tôi, ở các trại tù khác, các cán bộ đã duyệt xét rồi!

Qua một vài nét tôi hiểu: đây không phải do y, mà y chỉ thừa lệnh; vì thế y chỉ cộc lốc :

- Không được! Phải duyệt xét lại!

Y ra hiệu tay, tôi ôm vật dụng theo y vào một căn lán trại tù. Y chỉ tay lên một chỗ ở sàn trên :

- Chỗ anh nằm đó!

Đây là khu hình sự, trại chưa đi lao động về; chỉ lèo tèo vài người ốm bệnh ở nhà. Tôi còn đang sắp xếp lại quần áo của tôi, sau khi đã bị lục tung, thì trại ầm ầm huyên náo. Tù đã đi lao động về.

Cái đêm hôm ấy trời lại mưa to tầm tã, sấm chớp ầm ầm. Nằm nghe sấm sét, gió mưa gào thét ngoài núi rừng, hình như cũng có một trận gió mưa tầm tã khác, đang diễn ra trong lòng tôi. Rũ rượi rồi tôi lịm dần vào giấc ngủ muộn, đầy khắc khoải. Gần sáng, giòng tư tưởng của tôi chợt ghé đến cụ: Tam Nguyên Trần Bích San với tư tưởng khích lệ, trác tuyệt của cụ:

Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí.
Nhân bất phong sương, vị lão tài.

Xin phép tạm chuyển dịch: (Đất mà không có núi, có sông thì đâu có lạ kỳ, đâu có đẹp. Con người mà không từng trải thăng trầm gió, mưa thì làm sao có chí lớn, tài cao?) Có lẽ vì trong lòng tôi đã nhão nhoẹt nhiều quá, nên tôi tìm đại câu trác tuyệt của ông cha làm "cứu cánh" để tự an ủi mình, trong lúc buồn nản này. Tuy thế, tôi cũng tâm thành cảm tạ cụ Tam Nguyên Trần Bích San.

(Đến đây tôi xin phép quý vị độc giả năm, mười phút để nói về cụ Tam Nguyên Trần Bích San. Cũng là thể hiện sự tôn trọng các quý vị)

Từ một tâm niệm học hỏi, những kiến thức hữu ích, của nhân loại, tôi đọc bất kỳ một tư tưởng, một phát kiến uyên bác ở sách nào, báo nào, tôi đều thường ghi nhận. Tôi là thế hệ con cháu được thừa kế, ứng dụng, trong cuộc sống. Cái câu thâm thúy: *"Địa vô Sơn Thủy, phi kỳ khí. Nhân bất phong sương, vị lão tài." tôi đọc được trong một tờ báo, khi tôi còn ở trong tù. Tờ báo đó ghi tác giả là Tam Nguyên Trần Bích Lan. Câu nầy thật là thần kỳ, đã an ủi, thúc đẩy tôi khi lòng tôi nhão nhẹt, ủ rũ, vì VC bắt tôi vào tù trở lại.*

Ngày nay tôi viết hồi ký TĐ, tôi chợt nhớ thầy Trần Bích Lan (nhà thơ Nguyên Sa) đã dạy tôi nhiều giờ Việt văn ở năm Đệ Nhị chuyên khoa 1958, trường trung học Nguyễn Bá Tòng Sàigòn, như vậy phải chăng có hai ông

Trần Bích Lan? Tôi không có điều kiện tra cứu ở các thư viện, tôi phải thăm hỏi những bạn già trên 70 tuổi ở nhiều nơi, cả ở Pháp và Úc. Tất nhiên những bạn ấy, đều ít nhiều có Hán học chứ không phải mấy anh Tiến sĩ Tây học hay Mỹ học. Các anh đều lơ mơ nhưng đều xác quyết như tôi, là dứt khoát không phải của ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa). Bởi vì từ khi Pháp đô hộ, thì còn làm gì có thi Hương, thi Hội, thi Đình để có cái Tam Nguyên như của cụ Tam Nguyên Yên Đổ?

Tôi đã định sửa lại chung chung là :"một câu trác tuyệt của người xưa", nhưng tình cờ nói chuyện với một anh bạn già nữa là anh Nguyễn Văn Vĩnh, cùng khoá 11 Thủ Đức ở TX (anh cũng là một cây Nho xanh rờn). Anh hứa sẽ hỏi ông anh ruột (cụ Đào Nguyên Nguyễn Văn Nguyện) có quen với ông Trần Bích Lan (Nguyên Sa) và tôi đã được chi tiết rõ ràng:

Cụ Tam Nguyên Trần Bích San biệt hiệu Mai Nham, danh sĩ triều Nguyễn (1839-1977) là con của cụ Phó Bảng Trần Doãn Đạt. Cụ người làng Vị Xuyên (cùng làng với cụ Trần Tế Xương), Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Cụ đỗ đầu khoa thi Hội ở Huế 1865. Vua Tự Đức rất thương mến ban cho biệt hiệu là Trần Hy Tăng (Vương Tăng, Trung Quốc). Về sau cụ được thăng tri phủ Thăng Bình năm Tự Đức 20. Năm 1870 cụ đi sứ Trung Hoa, rồi được cử đi sứ nước Pháp. Khi cụ trở về được thăng tuần phủ Hà Nội. Cụ cũng để lại cho đời tập Mai Nham Thi Khảo (Xin các quý vị có tư liệu về cụ Tam Nguyên Trần Bích… chỉ giáo. Xin cảm ơn quý vị và trở lại Thép Đen)

Tinh thần của tôi như vừa được uống một liều thuốc tăng lực, để tỉnh táo xét suy: Chắc chắn họ không để tôi ở khu hình sự này lâu. Có lẽ vì họ được lệnh bất chợt, sợ đưa tôi vào khu Biệt Kích (khu Biệt Kích chỉ cách một hàng rào nứa) sẽ làm hoang mang, ảnh hưởng đến tinh thần của họ? Hay vì lý do khác, làm sao tôi biết được?

Đêm qua nằm nhẩm tính, tôi ra khu công nhân Hồng Thắng, chừng hơn 5 tháng đã lại bị bắt vào trại tù rồi. Đúng một tuần sau, tên trực trại vào gọi tôi ôm chăn chiếu sang khu Biệt Kích bên cạnh. Y chỉ cho tôi một chỗ cũng ở sàn trên và cũng câu nói của tuần trước, y đã nói với tôi bên khu hình sự :

- Chỗ anh nằm đó!

Tôi đã suy đoán không sai, lại được về tù chung với anh em Biệt Kích, như hơn 6 năm xưa.

Buổi trưa, trại về anh em chạy đến thăm hỏi tíu tít. Toán trưởng vẫn là Trương Bá Ngữ, toán phó là Nguyễn Xuân Sang. Quách Rạng đã ghé tai tôi nói nhỏ :

- Chúng tôi đã biết anh sẽ về đây, 2 ngày rồi!

Tôi còn đang ngạc nhiên, chưa kịp hỏi: Sao mà biết? Thì Rạng đã nói như trả lời :

- Lê Văn Kinh cũng đã bị bắt vào 2 ngày trước! Cả Nguyễn Cao Sơn cũng mới vào hôm qua. Cả hai còn nằm rũ ra kia kìa!

Có Kinh và Sơn cũng bị bắt vào, tôi hơi suy đoán ra: Đây là 3 tên (theo cái nhìn của CS) nguy hiểm hơn, so với một số anh em Biệt Kích ở công trường. Tình hình, có biến chuyển thế nào cứ "vồ" 3 tên này trước đã.

Vụ việc của Lê Văn Kinh Người Nhái phá tầu ở sông Gianh 1962 tôi đã tường thuật rồi, còn toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn. Tôi nhớ trước đây có tìm hiểu về toán này, tôi chỉ biết sơ lược, bởi vì toán Biệt Kích này có một vài sự việc không bình thường, cho nên anh em trong toán đó không muốn nhắc lại, vì thế nên ít người biết chi tiết.

Tên toán là STRATA 120. Toán Biệt Kích của Nguyễn Cao Sơn tên là STRATA 120. Ra Bắc ngày 14- 5-1968, toán gồm 6 người.

1. Nguyễn Đình Lánh một chuẩn úy là toán trưởng (đã chết).

2. Trần Quốc Quang, toán viên.

3. Trương Nàm Tráng toán viên (người Việt gốc Tàu).

4. Nguyễn Ngọc Anh,

5. Nguyễn Như Ánh hiện nay ở Chicago.

6. Nguyễn Cao Sơn cũng là một chuẩn úy của trường Thủ Đức.

Chính vì một toán Biệt Kích lại có 2 chuẩn úy nên mới xẩy ra nhiều chuyện đáng tiếc sau này, khi vào vùng hoạt động mà đã bị lộ. Hiện nay, Nguyễn cao Sơn đã tới Mỹ, nhưng tôi không rõ tiểu bang nào.

Mấy ngày nói chuyện với Quách Rạng tôi cũng có hỏi sơ sơ được biết: Toán của Quách Rạng là GRECO ra Bắc ngày 14-11-1964. Toán gồm có 7 người:

1. Đinh Công Bích, Toán trưởng. Dân tộc Mường. Bích là Trung úy (xuất thân trường Võ Khoa Đà Lạt, rớt ra chuẩn úy). Chết năm 1979 tại trại Tân Lập (vợ có được lĩnh tiền của bộ quốc phòng ở Mỹ).

2. Bùi văn Cởi (chết trận).

3. Quách Hinh, truyền tin phó, hiện ở Atlanta, Hoa Kỳ.

4. Đinh thế Hùng, Truyền tin (chết ở trại Vĩnh Quang 1968).

5. Đinh công Ngọc, Truyền tin trưởng. Hiện ở Chicago.

6. Quách Rạng hay Quách Thái Bằng, phụ tá toán trưởng. Hiện ở Atlanta.

7. Quách Công Tiếng (Hạ), toán phó phá hoại. Hiện ở Atlanta.

Gần một tháng sau, những tin rỉ ra từ hướng này, hướng kia tôi biết là Vòng A Cầu ở toán Biệt Kích CANCER đã rủ Lê Trung Tín của toán RED DRAGON chạy sang Trung Quốc. Rồi sau đó kéo thêm Lý Cà Sa nữa.

Sau này nghe dư luận Lý Cà Sa có cầm quân Trung Quốc đánh sang tỉnh Lào Cai, trong đợt Trung Quốc vượt biên giới tấn công VN để dậy cho CSVN một bài học 17/2/79. Còn Vòng A Cầu, nghe đâu vẫn còn ở bên Trung Quốc thuộc tỉnh Quảng Đông? Riêng Lê Trung Tín hiện nay đã ở Mỹ nhưng tôi cũng chưa rõ ở tiểu bang nào? Mới đây, 12/2004 tôi nghe nói loáng thoáng: Tín đã từ Trung Quốc vượt trở về Việt Nam, rồi đi HO. sang Mỹ. Ở Colorado.

Bản thân tôi cũng đã nhiều đêm ngày tâm tư bị bóp nặn, giằng co: Nếu buổi hẹn 9:30-10:00 tối hôm ấy ở ngã ba cây Sồi, tôi thực thi lời hẹn thì sao? Thì có muôn ngàn tình huống tôi không thể biết. Nhưng có một tình huống tôi biết chắc: Tôi không được cái vinh dự, ngồi viết những dòng tường thuật này, để các qúy vị độc giả nhìn lại một vài góc cạnh của một cuộc chiến **"nồi da, nấu thịt"**. Và một góc đen tối, ở phía Bắc quê hương thương đau của chúng ta.

Tôi bị bắt trở lại chừng gần 2 tháng. Một buổi sáng sớm khoảng 4 giờ, trật tự và cán bộ đã mở cửa vào buồng. Tuyên bố tất cả mọi người chuẩn bị công tư trang để chuyển trại. Mười lăm phút sau tất cả tù đều phải ra ngoài. Như một đàn gà được chuyển chuồng, rầm rập chạy lên, chạy xuống, chạy ngược, chạy xuôi, đôn đáo ai cũng tự lo cho mình. Cán bộ lại mở cửa, lần lượt hàng đôi ôm đồm chăn chiếu tiến ra sân.

Trời còn tối đen, ở sân đã có 2 chiếc xe chở khách đã tã, mầu sơn long lở. Cán bộ nhà bếp, trật tự và một anh bếp hình sự gánh đến một gánh bột mì luộc, lần lượt phát theo hàng mỗi anh một miếng mì luộc, chừng gần 2 lạng trong miếng lá chuối. Hơn 8 chục Biệt Kích chèn nhét lên hai chiếc xe thời cà cộ.

Chẳng một ai biết là sẽ chuyển đến trại tù nào? Riêng tôi cứ băn khoăn ngẩn ngơ. Như thế là tất cả: hình ảnh, thư từ, giấy tờ đã bị họ tịch thu khi bị bắt vào, bây giờ chuyển trại là coi như mất tiêu hết.

Tiếc nhất mấy tấm hình anh Tâm y tá chụp cho. (Sau này không ngờ Lê Văn Kinh, lại không bị tịch thu, Kinh còn giữ được, ở Florida, Kinh đã gửi cho tôi). Chả cần tường thuật lại cái cảnh 2 người một khóa của cuộc chuyển tù, biết bao khó khăn, khổ cực trong những sinh hoạt cá nhân. Tâm trạng người nào cũng ngơ ngác như đi giữa sa mạc, chẳng biết một hướng nào và về đâu?

Tôi cố căng mắt nhìn cảnh vật, vận dụng cái trí óc của người rừng dân tộc để suy đoán. Quá trưa, chúng tôi đã xác định xe ngắc ngư bò về miền xuôi. Tôi cũng thấy hơi lạ, đã từ hàng chục năm xưa tù chỉ có chuyển về miền ngược, miền núi rừng, giờ đây lại chuyển tù xuôi về đồng bằng. Do đều không biết nên anh em suy đoán linh tinh, tỉnh nọ, tỉnh kia, trại nọ, trại này v.v…

Gần chiều muộn hai xe ngừng lại trên một con lộ ở giữa cánh đồng lúa. Nhìn xa xa chung quanh là những xóm giềng của những nhà tranh và những lũy tre làng. Mươi phút sau, hai xe lại bắt đầu chuyển bánh. Đến một ngã ba, có một con đường đất rẽ vào làng, xe tiến vào. Đã có nhiều kinh nghiệm ở những nhà tù miền Bắc. Miền xuôi, thì phải có tường xây cao kiên cố, như Hỏa Lò chẳng hạn. Vì thế khi được lệnh của các cán bộ, có súng có ống bảo, tất cả xuống xe. Chúng tôi hầu hết đều ngỡ ngàng e ngại, chẳng lẽ họ cho chúng tôi đi ngủ, ở giữa cánh đồng này?

Tay bị khóa, và ôm vác trong cánh đồng chiều, theo các ông súng ống. Đi hàng đôi, chừng 5 – 600 mét, chúng tôi đã nhìn thấy những bức tường xây ẩn trong những lũy tre cao. Càng gần đến, càng thấy cái bề thế, của một trại tù lớn trong lũy tre, lại ở giữa một cánh đồng lúa đã chín vàng. Văng vẳng tiếng ễnh ương, tiếng côn trùng nỉ non, của đồng nội quê nghèo.

Vào đến trong trại, khi đã được mở còng tay, mới càng thấy qui mô của cái trại. Rất nhiều khu nhà xây, tường xây cao với những mảnh chai, dây điện chăng, cắm phía trên. Chúng tôi được dẫn vào một khu phía trái, trong một căn nhà xây, cũng sàn trên, sàn dưới bằng gỗ như của một trại tù miền ngược.

Điều đặc biệt vui là gặp lại mấy chục anh em Biệt Kích, ở trại I Lào Cai từ đầu 1972, chuyển đi trại Hoành Bồ Quảng Ninh. Anh chàng Nguyễn Huy Lân "mều" và Hoàng Mạnh Hùng cứ nắn, bóp tay tôi ríu rít. Lân Mều mở to mắt đập tay vào vai tôi :

- Sao chúng mày lại về đây?

Chẳng ai trả lời! Vả lại làm sao biết mà trả lời. Chỉ một lúc sau, chúng tôi đã biết: Đây là trại T 52 Hà Sơn Bình. Có rất nhiều quân cán của chính quyền VNCH bị giam giữ tại đây. Hàng chục năm mới gặp lại nhau, với bao nhiêu diễn biến của quê hương: Hội nghị Paris, Sài Gòn bị "đứt phim", rồi mỗi cảnh đời tù của mỗi phía để trao đổi, hàn huyên. Xin xếp lại đấy, hãy nói những điều hiện tại và phía trước đi tới.

Tôi, Kinh và mấy anh em nữa được phân về đội mộc của anh chàng Lân "Mều". Kể cũng lạ, hàng chục năm, ngay từ đầu 1968 đến giờ 5 lần, 7 lượt chạy nhiều hướng tù, mỗi người mỗi lối, cuối cùng vẫn anh chàng "Mều" này làm đội trưởng.

Trước đây gọi là toán, bây giờ đổi là đội. Chuyện lớn đổi thay, chuyện nhỏ cũng thay đổi. Đổi thay luôn luôn, tên nước, tên Đảng, tên cơ quan, tên tổ chức, kể cả hiến pháp. Từ đấy, bây giờ họ đặt là thành phố HCM, rồi đây ai cũng thấy một ngày nào đó, sẽ đổi thành một cái tên khác.

Cho nên ví tượng trưng **chế độ CS = con Bồ Nhông** thì cũng không sai. Con Bồ Nhông luôn luôn thay đổi mầu, theo thời tiết và ánh sáng. Sáng, trưa, chiều, tối, nắng, mưa v.v…

Vì sao và mục đích nó phải thay đổi mầu, để làm gì? Hỏi để mà hỏi, chứ ai cũng trả lời được, vì ai đã ở nhà quê hay miền rừng núi, cũng ít nhiều thấy nó rồi.

Con bồ nhông phải thay đổi mầu của nó, chỉ vì muốn làm mờ mắt:

1/ Đối thủ: Thằn lằn, tắc kè, bọ cạp, rắn mối v.v… (Những nước nào? Những đối tượng nào? Tự suy).

2/ Kẻ đại thù, kẻ muốn xơi thịt nó: Diều hâu, cú mèo, quạ đen, hải âu v.v… (Nước nào, người nào. Tự thấy).

3/ Con mồi: Cào cào, dế, bọ xít, bọ ngựa v.v… (Nước nào, đối tượng nào. Tự suy ngẫm).

Không những làm mờ mắt các đối thủ, kẻ đại thù mà còn làm mờ mắt các con mồi của nó. Con nào nó đang ăn và sẽ ăn, chính con mồi cũng không hề hay biết. Cho nên, xin đừng coi thường, để rồi quên đi: dù nó có thay đổi như thế nào, nó vẫn là con bồ nhông mà thôi.

Tôi theo đội mộc của Nguyễn Huy Lân đi làm. Ra khỏi cổng trại rẽ về phía trái chừng 250 mét là tới lán mộc. Lán mộc ở đây cũng lợp ngói kiểu nhà "kiến thiết cơ bản" nhưng vách, tường không có. Toàn bộ lán chừng 2 chục cái cầu bào, cho những người thợ chính.

Cán bộ đội mộc, tôi đã thấy từ khi y vào khu Biệt Kích trong trại. Da y trắng trẻo, tôi cứ có cảm tưởng y là loại "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) vậy mà y lại có cái tên là Hồng Thắng Tài. Ngay cái tên y cũng đã thấy khái niệm. Không biết do bố mẹ y đặt, hay y tự chọn lấy sau này? Đầy nịnh bợ và cũng tràn ắp lòng tin vào "chiếc bánh vẽ" của CS. Một lòng theo Đảng, thì còn hơn là người có tài. Lân đã biết khả năng nghề nghiệp của tôi, và đã trình bày với tên Tài. Tên Tài đã phân công cho tôi, đóng một chiếc ghế lệch kiểu Đức.

Ngay buổi chiều hôm ấy, đội mộc ra khỏi lán trở về phía trước cổng trại. Một cảnh tượng đã hằn vào lòng tôi, đã cuốn chặt vào hồn tôi cho tới bây giờ, vẫn chưa lơi lỏng. Cả một cái sân lớn phía trước cổng trại, ngồi kín những binh lính của VNCH, quần áo rằn ri hoặc xám, chỉ có khác là không có súng ống. Lẫn vào đây đó có những tên áo vàng (cán bộ) và mầu xanh đeo súng là những tên công an võ trang. Nhìn chéo ra những cánh đồng lúa, trên những con đường đất dẫn về cổng trại, thỉnh thoảng một đoàn quân đội VNCH xếp hàng đôi tiến về cổng trại, theo sau có một tên công an võ trang "oắt tì" đeo súng áp tải.

Bây giờ đọc đoạn này, có còn ai thấy lòng dạ thế nào không? Chứ khi ấy, giai đoạn ấy ruột gan của tôi như vặn vò, rướm máu. Nhất là lại là buổi ban đầu sau 16 năm, nằm trong ngục tù. Hôm nay tôi mới nhìn thấy, những chiến hữu ruột thịt nhớ thương, khao khát của mình.

Hơn một tuần sau, tôi đã có một chút khái niệm về cái trại giam đặc biệt, Hà Sơn Bình này. Khoảng trên dưới 900 tù nhân, hầu hết là quân cán của chính quyền miền Nam. Đặc biệt là có 2 đội, VC gọi là "bò lục" chừng hơn 9 chục, toàn là đại tá của VNCH. Cứ sau khi toàn trại đi lao động, hai đội này mới được ra quét dọn, nhặt cỏ, những công việc vặt vãnh không cần chuyên môn.

Anh em cho biết đã có lần, 2 ông đại tá trong những ngày nghỉ, đã trèo vào khu Biệt Kích lén lút chuyện trò, có Biệt Kích "ghếch" áo vàng. Đặc biệt hơn nữa, cũng anh em cho biết: trong một khu đối diện phía bên kia, kiên giam toàn là tướng và hàng bộ trưởng, không có ra làm việc bên ngoài. Lòng tò mò tìm hiểu của tôi được khích lệ, lòng tự nhủ lòng: Được! Tôi còn ở đây rồi sẽ biết!

Cũng nguồn tin từ các ông "bò lục", khi VC chiếm được miền Nam, nhiều kho vũ khí, và quân nhu còn lại, ta chưa kịp phá hủy. Bây giờ chúng lấy

những bộ đồ đó, đành rằng chúng có thể đổi chác với các nước chung quanh, dân chúng của VC còn thiếu quần áo mặc, nhưng bao giờ chúng vẫn dành ưu tiên cho tuyên truyền. Bắt những tù VNCH mặc quần áo mới đó, CS có những điều lợi: Càng khoét sâu, làm thối ruỗng ý chí của những người tù, mà đàng nào cũng phải cung cấp quần áo tù lao động, cho họ (nhất cữ lưỡng tiện). Những cán bộ, những người dân qua lại, chứng kiến càng nức lòng hồ hởi tung hô tài ba vô địch của chủ nghĩa CS chuyên chính, (nhất cử, tam, tứ tiện). Tại sao chúng không làm?

Từ khi còn mồ ma HCM, VC luôn luôn kêu gọi đồng bào miền Bắc thắt lưng, buộc bụng để chi viện cho đồng bào miền Nam đang bị đói khổ, lầm than trong tay đế quốc và tay sai. Nhưng sau khi chúng cưỡng chiếm được miền Nam, không những nhân dân miền Bắc đã bật ngửa ra, mà ngay cán bộ của CS cũng không thể ngờ. Cụ thể tên bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh (giai đoạn ấy) đã thốt lên: "Không ngờ, đời sống của miền Nam trù phú thật". Tôi đã đọc được câu nói của y trong một bài báo "Đảng ta thắng lớn" trên tờ QĐND cuối năm 1975.

- 15 -

GẶP LẠI NGƯỜI XƯA

Được hơn một tháng, qua một vài hiện tượng, một vài nét chúng tôi đều nhìn anh em bên Z. (Giai đoạn ấy VC gọi những người tù của VNCH sau 1975 là Z), các anh có vẻ quá lịch sự, trở thành lễ phép khác thường, với tụi cán bộ áo vàng. Những ngày nghỉ các anh bách bộ, hay chuyện trò với nhau, trong sân trại. Bất ngờ có một tên áo vàng đi vào, dù các anh đang tụm 5, tụm 3 nói chuyện, các anh đều quay lại, hai tay đan ngón lại, đầu hơi cúi :

- Xin chào cán bộ ạ!

Tôi hiểu VC đã nghiên cứu ra những nguyên tắc tinh vi như: 4 tiêu chuẩn cải tạo, 8 điều nếp sống văn hóa mới v.v… Chúng nhấn mạnh nhất là vấn đề lễ phép: **"Tiên học lễ, hậu học văn".** Chúng cố ý mập mờ cho những quân cán VNCH bị tù, tự thấy: Được tha về sớm hay muộn, ở trên xét để các anh được về với gia đình vợ con, làm lại cuộc đời. Yếu tố đầu là hạnh kiểm: Ngoan ngoãn và lễ phép.

Các anh em Z không đáng trách một chút nào, các anh mới bị bắt 1- 2 năm. Trong khi ngay những Biệt Kích chúng tôi đã tù 16 – 18 năm rồi, cá biệt có những anh còn nghĩ: Phải lễ phép với cán bộ thì mới sớm được về!

Một sự việc cũng hơi buồn cười: Hai, ba đội trong khu Biệt Kích xuất, nhập trại thường báo cáo như hàng chục năm trước, ở các trại tù khác. Nhưng không hiểu sao buổi chiều hôm ấy, Nguyễn Huy Lân dẫn đội mộc, về tới cổng trại. Như mọi khi Lân điểm sơ lại số tù của đội, rồi tiến lên trước cổng đứng nghiêm :

- Báo cáo cán bộ, đội mộc xuất 43, nhập 43 đủ!

Tên cán bộ trực trại cầm sổ đứng một bên, tên thiếu úy vũ trang cầm sổ đứng một bên vẫn đứng yên, không bảo hay ra hiệu tay cho toán vào. Đội mộc cứ đứng giữa cổng, cán bộ cũng không nói năng gì. Hai bên đứng yên thi gan đến 2- 3 phút, trong khi các đội bên Z đang túa từ các ngả về cổng trại. Tôi đã thò một ngón tay, kết hợp với mắt ra hiệu với Lân: Dứt khoát, thà chết "cứ đường cũ mà đi".

Rất nhiều đội Z chứng kiến, vì họ cũng đang chờ đến lượt, báo cáo vào trại. Cuối cùng tên trực trại và tên vũ trang đưa tay ra làm hiệu, gạt đội mộc dẹp vào mé tường xây bên cạnh. Tên Tài cán bộ của đội, và tên vũ trang đều vào cổng. Chúng bàn luận với nhau thế nào không rõ, chúng tôi 43 người đều ngồi xuống. Từ nãy, Lân đã giải thích cho anh em :

- Tất cả các đội Z, sau khi đội trưởng báo cáo xong số tù, phải nói một câu: "Xin cán bộ cho vào!"

Mấy đội Biệt Kích thì không chịu nói, 5 cái từ đó, mà từ trước chẳng trại nào có.

Tâm trạng của mọi người tù, đi lao động cả buổi về, vừa đói vừa mệt nhọc, ai cũng muốn về sớm để tranh thủ lo chuyện cá nhân của mình. Ngay trong đội đã có một vài anh muốn tỏ ý: Thôi hãy chịu thua đi! Hãy vào, biết phép đứng nghiêm nói: Xin cán bộ cho vào! Nhưng hầu hết anh em quyết tâm, dù có phải ngủ ngay chân tường của trại, cũng sẵn sàng.

Bao nhiêu đội Z, cả những đội về muộn họ đều nhìn đám Biệt Kích này. Kẻ đứng người ngồi như những đám tù "đoàn tù lê thê cất bước đi trên đường".

Trời thẫm dần, đã nghe những tiếng rên rỉ của đám côn trùng từ đồng ruộng vọng về. Những hơi rơm nồng và rạ ẩm luồn vào trong gió, từ ngoài đồng lách vào mũi của những anh tù Biệt Kích. Tôi ngồi dựa vào vai anh Quách Thức, mắt hết nhìn những đám mây vừa đen vừa xám đang vần vũ trên trời, lại nhìn 3 tên vũ trang uể oải, thỉnh thoảng lại dậm chân, khua tay cho đỡ mỏi người, vì không được ngồi như chúng tôi. Ba tên này là thiệt nhất, vì cứ phải đứng và phải coi đám tù "mất dậy" này. Trong khi gần 2 chục tên áo vàng, đủ loại bàn tán trong cổng trại.

Chúng tôi nắm được cái thế: Chúng tôi đã làm đúng như các trại tù khác! Đồng thời chúng tôi hiểu rằng: Có cho thêm vàng, những tên loe ngoe ở cổng trại, cũng không dám để chúng tôi ở ngoài. Bậc thầy của chúng, cũng chả dám để loại tù này, ở ngoài trại suốt đêm.

Đúng như nhận định của chúng tôi. Hơn một giờ sau, tên trực trại được lệnh trực tiếp của Tổng gíam thị, phải để tụi tù Biệt Kích vào trại, không phải nói: Xin cán bộ cho vào!

Vào tù mà lại phải xin vào là thế nào?

Trời đã cập quạng, gà đã lên chuồng, đoàn tù Biệt Kích chúng tôi qua cổng vào trại, trước những con mắt màu nâu xám của đám cán bộ ở cổng. Chắc chúng đã họp hành, trao đổi với nhau. Từ hôm ấy tụi cán bộ áo vàng, áo xanh nhìn chúng tôi với những con mắt, con ngươi mầu đỏ quạch, khác thường.

Chẳng bao lâu, lại xẩy ra một chuyện nhỏ khác nữa. Hơn một tuần sau, tôi được lệnh của cán bộ đội mộc, về cổng trại để đo chính xác cái bàn của trực trại (thay cái bàn khác). Trên con đường trở về lán mộc (hơn 200 mét),

từ xa thấy một tên trung úy áo vàng đi ngược chiều. Để tránh khỏi phải chào thưa lôi thôi, tôi vờ nhìn cái chòi gác của công an võ trang trên tường của trại giam, phía trái. Khi tôi đi qua tên trung úy, gọi giật lại vẻ hách dịch :

- Anh kia, anh tên gì, ở đội nào?

Tôi quay lại, như bây giờ mới thấy y. Tôi tỏ thái độ nhã nhặn :

- Cán bộ hỏi gì, tôi chưa nghe rõ ạ?

Hằn học, y cộc lốc :

- Đội nào, tên gì?

Tay trái đang cầm cái thước gỗ, tôi chuyển sang tay phải. Thái độ của tôi cố như tỏ ra, muốn quật cho y một cái, làm cho y hơi như lùi lại thủ thế, nhưng mặt tôi lại tỏ ra thản nhiên lễ phép :

-Thưa là ĐCB, đội mộc ạ!

Y rút cái bút và một cuốn sổ nhỏ ở túi áo ngực ra ghi vào, rồi y đi luôn vào cổng trại, không nói thêm một lời.

Tôi biết sẽ có vấn đề, nhưng tôi chấp nhận.

Về lán mộc, tôi đã nói cho Lân nghe sự việc, tôi yêu cầu ủng hộ. Từ lâu, tôi và Lân vẫn có hiểu ngầm nhau đặc biệt. Tôi cũng định nói trước toán, nhưng tôi hiểu có những đường giây riêng với cán bộ, nên tôi chỉ nói nhỏ với Hoàng Mạnh Hùng, và Lê Văn Kinh.

Cả buổi trưa, cho tới khi đội đi làm, cũng không thấy gì. Chiều hôm ấy, sau khi khu Biệt Kích cơm nước xong, có 3 tên cán bộ đi vào, đi đầu là Hồng Thắng Tài, cán bộ đội mộc, rồi đến tên trung úy tôi đã gặp buổi sáng, và tên thiếu úy trực trại.

Tên trực trại (sau tôi biết là Toàn) gọi cả 3 toán trưởng Biệt Kích là Nguyễn Huy Lân (Mộc), Trương Bá Ngữ (may) và Nguyễn Xuân Sang (đan lát, rèn). Tên Toàn cho lệnh tập họp toàn khu Biệt Kích.

Giữa cái sân con của khu, có một cái bàn với 3 cái ghế để tụi cán bộ ngồi, sau khi tù đã ra đầy đủ gồm hơn 130 Biệt Kích, xếp hàng thành 3 đội. Hầu hết toàn khu Biệt Kích không ai hiểu vì sao lại tập họp như thế, chỉ có vài người chúng tôi biết nguyên nhân. Phần tôi đã chấp nhận, dù có phải bị cùm, kỷ luật.

Tên Tài giọng lẫn đờm gọi to :

- Anh ĐCB!

Tôi giơ tay và ra khỏi hàng, đứng phía cuối. Y vẫy tay, giọng khàn, tiếp tục :

- Anh lên trên này!

Khi tôi đến gần, y chỉ tên trung úy hỏi :

- Anh có biết ông cán bộ này, là ai không?

- Thưa, tôi không biết ạ!

Tên Toàn trực trại, gằn giọng hách dịch :

- Đây là ông trưởng ban giáo dục của trại này, thế mà sáng nay anh gặp ông, anh lại quay đi không chào phải không?

Đã suy nghĩ và đã có chuẩn bị, tôi nhìn thẳng tên trưởng ban gíao dục, rồi nhìn tên trực trại :

- Đúng, tôi không có chào, thưa ông, nhưng ông có cho phép tôi nói lý do tại sao không ạ?

Cả 3 tên đều nhìn tôi chằm chằm, với thái độ trấn áp ra mặt :

- Được! Cho anh nói!

Lối nào thì cũng dẫn đến một kết quả, tôi đường hoàng, dõng dạc :

- Trước hết tôi xin cảm ơn các cán bộ, đã cho tôi được nói hôm nay. Tôi đã được chuyển về trại này gần 2 tháng, đã từ lâu quan điểm của tôi là: Bất cứ ai, cuộc sống của mỗi người đều có những khó khăn riêng. Vì thế, nếu gặp nhau nên hòa nhã cởi mở, để cho phần nào vơi đi những nỗi niềm trong lòng. Tuân theo lời ông bà dậy: "Lời nói chẳng mất tiền mua, liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau".

Vì mang quan điểm ấy, nên bất cứ ai tôi gặp, nhất là cán bộ của trại, những người trực tiếp gíao dục, dậy bảo mình nữa. Tôi gặp, tôi thường nhã nhặn chào, nhưng cũng nhiều lần, tôi về buồng, bực tức và buồn vời vợi. Cán bộ không nói thì ít ra cũng gật đầu, để tôi biết là ông ấy đã nghe thấy tôi chào. Ở đây, hầu hết đều yên phăng phắc, không tỏ một thái độ gì, để rồi tôi vừa đi, vừa mang một nỗi buồn và tiếc.

Tôi buồn: Vì mình là tù nên các cán bộ không thèm trả lời mình, tiếc là mình đã mất công chào vô ích.

Nỗi buồn tiếc ấy thường theo tôi về đến buồng tù. Đã có lần tôi cũng đã thổ lộ với anh Lê Văn Kinh, có khi cậu Hoàng Mạnh Hùng. Cũng đã có lần tôi ca thán cả với anh Nguyễn Huy Lân là đội trưởng như: Buồn quá anh Lân ơi! Hôm nay mình gặp một ông cán bộ, mình lễ phép chào mà ông ấy chẳng nói năng hay gật đầu! Lần khác và lần khác nữa, để rồi một lần tôi tự nhủ: Thôi, từ nay hãy biết thân phận là tù, đừng có với cao nữa, và từ đấy, mỗi khi bất ngờ gặp cán bộ, tôi tránh hoặc nhìn đi nơi khác.

Tôi nhìn cả 3 tên, nói cao giọng hơn :

- Bất ngờ nhất, ngay bây giờ các cán bộ gọi những anh tôi vừa nhắc tên, cán bộ sẽ biết rõ.

Tôi vừa nói tới đó, thì có mấy tiếng nói to ở dưới hàng, đội đứng :

- Thưa cán bộ, anh Bình đã nói đúng ạ!

- Thưa cán bộ, tôi cũng bị như anh Bình, nhiều lần như thế ạ!

Mặt cả 3 tên cán bộ như bị hụt hẫng; không còn cái khí thế hừng hừng, như lúc mới vào. Tên trung úy Trưởng ban giáo dục (sau này tôi mới biết tên là Thông), khoát tay nhìn tôi :

- Cho anh về chỗ!

Rồi y tiến dần đến các đội, hai tay y giơ cao, giọng ôn tồn :

- Đây là một sự hiểu lầm đáng tiếc! Tôi cũng vui thấy các anh có ý thức hòa nhã giữa người với người. Các anh cũng phải luôn xác định: Chúng tôi là những cán bộ của nhà nước, đang thực thi trách nhiệm giáo dục, uốn nắn những sai trái trước đây của các anh. Phần chúng tôi, sẽ nhắc nhở cán bộ nâng cao ý thức về thái độ, vai trò của mỗi người. – Miệng y nở một nụ cười hài lòng, hai tay y lại hất lên – Cho các anh giải tán!

Anh em quay lại nhìn tôi, đa số đều cười bằng mắt!

Qua sự việc này đã củng cố cho tôi thêm 2 điều, tôi đã học:

1) Phương pháp quan trọng hơn nội dung.

2) Hãy đứng thẳng và đứng vững, bằng chính đôi chân của mình.

Đội mộc kỳ này lại nhận một kế hoạch hơi đặc biệt. Đóng 200 chiếc hộp, theo quy cách độc đáo từ trước đến giờ. Bằng những miếng gỗ rời, dầy 2, 5 phân, dài 1m60, rộng 0m15. Không cần bào, đóng thành những chiếc hộp 1m60 x 1m20 x 1m00, đóng bằng đinh 5 phân, đóng những miếng gỗ hở cách nhau một phân. Điều khác thường là, sau khi làm xong, tất cả đều sơn, quét hắc ín.

Để thực thi kế hoạch này, cho kịp thời gian 10 ngày cả đội mộc đều ngưng công việc đang làm, để cùng làm 200 chiếc hộp này. Không một ai suy đoán ra đóng hộp như vậy để làm gì? Dù chính trị địa phương (miền Bắc) hay Biệt Kích đã tù lâu. Ai cũng tự hiểu, những việc như thế này, để khỏi lo âu hậu họa, tốt nhất là đậy cho kỹ cái miệng mình lại. Tôi cũng hiểu vì có những đường giây ngầm, nên cán bộ chuyên trách, sẽ biết tù bàn tán, suy đoán ra sao?

Đóng những chiếc hộp được khoảng 5 ngày. Một buổi tối, sau khi sinh hoạt đội xong, tôi đến chỗ Lân Mều, ngoài những câu chuyện thông thường, tôi nhẹ giọng hỏi Lân :

- Lân có biết họ đóng hộp này, để làm gì không?

Tôi và Lân đã có nhiều chuyện không thể nói với nhiều người, Lân liếc nhìn một anh nằm cạnh rồi nói khẽ :

- Tao cũng lạ! Suy đoán mãi mà chưa ra! Có lẽ mày đã đoán ra rồi phải không?

Tôi cười nhẹ và cũng nói nhỏ :

- Cứ làm như tôi có "bửu bối" không bằng! Tôi cũng đã suy luận mấy ngày rồi! Rõ ràng là hộp này di chuyển trong đêm tối. Tôi đã nghĩ tới vũ khí, nhưng miền Nam đã xong rồi, chả lẽ Miên, Lào, hay Thái Lan? Để giữ an ninh cho mình, có thể họ sẽ chơi Miên. Từ ít lâu nay biên giới Miên, miền Nam nhiều lộn xộn những vụ "Cáp Zuồn". Đài và báo chí đã nhiều lần phản đối. Bí mật chuyển vũ khí, đạn dược, làm hộp này không có đâu kín được bằng trong trại tù, có tên nào được ra ngoài đâu!

Mười ngày sau, chúng tôi đã làm đúng theo chỉ tiêu. Chúng tôi cũng phải khuân xếp ra đường đi phía trước lán. Tay chân anh nào cũng đen nhẻm, xà phòng rửa cũng không đi. Cán bộ phải cho người về trại xin được nửa lít dầu hỏa, mới giải quyết được. Nửa đêm chúng tôi nghe nhiều tiếng xe cam nhông, chạy rầm rì. Sáng chúng tôi ra lán, thì những chiếc hộp đã được chuyển đi hết rồi.

Có những sự việc đã nhiều lần tôi không muốn tường thuật lại. Đó là sự tiếp tế quá dồi dào của các gia đình Z ở miền Nam. Có lẽ vì mình chả bao giờ có tiếp tế, nhưng phải nói, cái chính là tôi có một chút lòng tự trọng lẩn quẩn trong đấy. Mãi hôm qua, khi đội đi làm trưa, về qua cổng trại tôi thấy hai chiếc xe ba gác đầy đồ tiếp tế, ì – ạch hai người đẩy. Mỗi xe một người kéo, một người đẩy, mì gói, lạp xưởng, bánh kẹo, thịt quay v.v… Không những đã làm phiền mắt và phiền lòng chúng tôi, mà còn khiến mọi người bàn tán nhiều, dai dẳng đến cả tuần. Huống chi lũ cán bộ, cả đời chưa bao giờ nhìn thấy, nên trố mắt thô lố ra nhìn theo.

Giai đoạn này, khu Biệt Kích được lệnh ra hẳn ngoài sân trại chung, để xuất trại đi lao động. Ba đội Biệt Kích được xếp hàng ngay trước cổng của khu, cái sân trại quá rộng lớn, thế mà đầy là tù Z. Từ chỗ Biệt Kích ngồi xếp hàng đến chỗ các đội Z khoảng cách đến 40 – 60 mét, nhưng cũng nhìn tương đối rõ mặt. Chứng cớ thỉnh thoảng có anh Biệt Kích hoặc một anh Z, đã giơ tay vời chào nhau, vì gặp lại. Do đấy sáng, trưa khi xếp hàng đi làm, bên khu Biệt Kích cũng như bên khu Z đa số đều dõi mắt về phía nhau.

Có thể vừa tò mò, vừa muốn tìm người quen. Riêng với tôi và một vài anh nữa đã bị nằm ấp từ 1961- 1962 đến nay, đã 16 – 17 năm rồi. Ngay ngoài đời gặp nhau cũng khó ai nhận ra ai, huống chi ở trong tù. Chẳng có một dịp ngồi với nhau, rồi cùng nói về một chuyện, từ đấy mới có thể nhận ra. Đa số các anh Biệt Kích ra sau từ 1964- 1968, nhiều cậu Biệt Kích kể lại, đã nhìn thấy ông Thiếu tá A, ông Đại úy B v.v… ngày xưa đã chỉ huy cậu ta, hoặc có quen biết.

Một hôm ở ngoài lán mộc thủ công, sau khi chúng tôi lao động được một lúc. Bỗng thấy có 2 toán Z từ cổng khu thủ công đi vào. Vì thấy có nhiều cái đầu muối tiêu hoặc, muối nhiều hơn tiêu nên tôi xin gọi là các anh, các bác. Vì đã ở cùng trại mấy tháng, nên hẳn đã đều nghe nói về nhau. Như thế, hẳn các anh, các bác cũng biết chúng tôi đã tù hơn chục năm rồi, cá biệt có anh 16- 17 năm đã trôi qua cửa sổ. Hai bên nhìn nhau đều có thiện cảm đặc biệt. Chúng tôi qúy mến các anh, như tôi đã có lần trình bầy rồi. Các anh, các bác nhìn chúng tôi có chút thương cảm, mình mới tù đây mà đã thấy khổ, họ (Biệt Kích) đã tù từ lâu. Khi miền Nam hãy còn phây phây, thì họ đã tù rồi. Hơn nữa, cái tù của họ, phải bị hành hạ nhiều hơn.

Các anh, các bác rải rác nhặt cỏ ngoài sân của khu thủ công. Tuy có cán bộ và công an võ trang coi mỗi đội, nhưng phần vì trời nắng, phần khác chả lẽ đứng giữa sân mãi sao, nên các bác vào những gốc cây, hoặc mái hiên hút thuốc. Chúng tôi cắm cúi bào, đục, cưa, thỉnh thoảng nhìn ra các anh, các bác, hai bên đều cười với nhau.

Tay tôi vẫn thao tác theo nghề nghiệp, nhưng giòng tư tưởng của tôi cứ chảy ra lênh láng, nhiều sự việc. Lòng tôi đã lạnh mấy tháng rồi, giờ nhìn những mái đầu đều bạc, cặm cụi ngoài sân mà vẫn còn xót xa thương các anh, các bác. Tôi hiểu, hai đội của các bác, các anh đều là Đại Tá mà tôi đã nghe, đã nhìn từ những ngày đầu đến trại này. Chợt nghĩ đến tuổi thanh xuân của tôi, hoa mộng của một đời người, đã tan theo mây chiều mất hút. Một luồng hơi nóng, từ trong trái tim đang rỉ máu, bốc lên đầu.

Tôi không kìm được nữa, liếc nhìn mấy tên áo vàng đang cười nói, ở một mái hiên phía bên kia. Tôi làm như đi tiểu, chỗ quây tấm cót dành cho đội thủ công, không cao hơn đầu người. Tôi đi qua giữa sân để qua, gần sát các bác, các anh. Đi ngang, mấy bác đều ngửng lên cười như chào, tôi cũng cúi đầu như chào các bác, các anh. Tôi nhẹ nói nhưng rất rõ ràng :

- Tôi thương các anh, các bác lắm! Nhưng các bác, các anh giờ đây có tư cách như thế này cũng xứng đáng lắm!

Nói rồi tôi bước lẹ vào chỗ tấm cót. Tôi còn xúc động chưa đi tiểu được, thì có 2 anh đầu cũng đã muối tiêu cũng đi vào đi tiểu, một anh để một tay lên vai tôi rồi dịu dàng :

- Anh thông cảm, tụi Mỹ nó đã bỏ mình!

Một luồng hơi nóng khác, lại xộc lên từ trái tim cằn của tôi. Tôi đã cầm lấy tay của bác đó, nhưng mắt tôi không còn dịu hiền :

- Tại vì mình đã không đứng bằng đôi chân của mình!

Liếc nhìn mấy tên áo vàng, từ xa đang nhìn chúng tôi. Tôi phải vào trước, vì ra đã lâu. Đấy là 2 câu đối đáp duy nhất trong những năm tháng thương đau của tôi, với những chiến hữu cùng phụng sự, một lá cờ vàng 3 sọc đỏ.

Cho tới bây giờ tôi đang ngồi viết những dòng chữ này, tôi vẫn chưa được biết hai anh đó là ai? Một chút khao khát trong lòng! Ước gì bây giờ ở trên xứ người này, tôi được ngồi với 2 anh để uống một ly nước, như uống ly nước mắt của quê hương, chẳng biết hai anh còn trên dương thế? Vì tôi cũng đã về chiều rồi.

Dù cho các anh ở cảnh ngộ nào, mà không đến tôi được, nếu tôi có địa chỉ của các anh, dù bất cứ ở đâu (trừ ở Việt Nam), tôi sẽ tìm cách mò mẫm đến, để thỏa lòng khao khát của tôi, và cho tình người, tình đồng bào thêm hoa, thêm trái.

Chiều hôm qua có anh Cao Văn Gion bị ngất ở trong buồng. Anh em một mặt ra cổng gào, báo cáo với trực trại, một mặt lo lấy dầu nóng tíu tít xoa bóp, làm hồi sinh cấp cứu cho anh. Thật là may! Cho tới khi bà y tá trung sĩ đến. Theo sau có một ông cao cao, đầu đã bạc bưng khay thuốc, thì anh đã tỉnh lại. Thấy một ông đầu đã có nhiều sương trắng, lại đi theo một trung sĩ y tá. Anh em cho biết: Cái ông đầu có nhiều sương trắng ấy là bộ trưởng y tế của chính quyền VNCH khi đứt phim. Được làm vua, thua làm tay sai! Đời là thế!…. Ngày xưa…. Một cô y tá, làm sao đến gần được, một ông bộ trưởng?

Tối hôm đó tôi đã đến thăm hỏi để chia xẻ với anh Cao Văn Gion. Tôi được biết sơ lược: Anh trong một toán Biệt Kích, đa số là người Lào. Tên toán là EASY gồm 7 người nhẩy ở dẫy Fan- si – Pan (Hoàng Liên Sơn), ngày 9 – 8-1963:

1. Vàng Cha,

2. Vàng Giơ,

3. Vàng Vàng (ba người Lào, của tướng Vàng Pao)

4. Cao Văn Gion đã chết cuối 1978 trong tù

5. Lầu Chí Lù hiện nay không rõ

6. Đèo Văn Luyện Truyền tin (Mất tích)

7. Đèo Văn Tuyển Toán trưởng (Hiện nay ở Atlanta).

Toán này cũng bị phản gián (sau đây, những chương tới, tôi sẽ trình bày về các toán BK bị phản gián).

Anh Luyện là truyền tin, bị áp lực đầu súng dí vào lưng. VC bắt anh gọi vào Nam, báo là toán đã bình yên, xin tiếp tế và gửi tiếp các toán khác ra tăng cường v.v… Lợi dụng một lúc mấy tên VC sơ hở, anh Đèo văn Luyện, đã cướp súng rồi chạy vào rừng, chúng bắn theo và truy nã gắt gao. Buổi chiều, chúng tuyên bố là anh Luyện, đã "đền tội".

Một ngày cuối tuần, gần cuối tháng đó, buổi chiều muộn, cô Văn Thư Trung Sĩ ôm hai cuốn sổ rất dầy, đi vào khu Biệt Kích. Chúng tôi hơi lạ, biết đấy là cô văn thư của trại. Mọi khi chúng tôi là những người từ trong hiệp nghị Paris (Chắc là Mỹ thỏa thuận, có quỹ đài thọ) mỗi Biệt Kích được lĩnh 3 đồng một tháng. Chúng tôi vẫn cứ lần lượt ký vào cuốn sổ, do cô văn thư chỉ

từng chỗ, và ngồi chứng kiến. Sau khi ký xong; một vài ngày sau anh đội trưởng lấy tiền âm phủ (tiền trại) về, theo danh sách phát cho mỗi người.

Sau này, tôi được biết cô văn thư có cái tên rất là mộng, tên cô là Mơ. Cô Mơ vào nói gì với đội trưởng Nguyễn Huy Lân, cô đưa một cuốn sổ dầy cho Lân, rồi tất tả đi ra.

Được Lân giải thích: Cô Mơ đi phép về trễ 2 ngày nên không kịp, cô đưa sổ cho anh em ký, sáng sớm mai cô sẽ đến lấy. Anh em vây lấy Lân Mều, tranh nhau ký. Mãi gần cuối, tôi mới đến ký. Tôi lật cuốn sổ cả mấy trăm trang, nhiều những tên ký nhận nhập, xuất tiền tiếp tế, tiền gửi v.v… Hầu hết là của bên các anh Z. Đặc biệt tôi giở đến một chỗ, thoáng thấy cũng ký nhận 3 đồng như chúng tôi. Thì ra toàn của các ông bộ trưởng, tướng tá, ở trong khu kiên giam, mãi phía bên kia sân trại. Không hiểu sao, các ông này cũng được lĩnh 3 đồng như chúng tôi? Tôi và Lân nhìn những chữ ký của các ông:

Trần Trung Dung,
Lý Trung Dung,
Nguyễn Hữu Có,
Lê Minh Đảo,
Nguyễn Vĩnh Nghi,
Lam Sơn Phạm Phú Thứ,
Lý Tòng Bá,
Lê Trung Tường v.v…

Tôi chợt có một ý nghĩ, tôi ghé vào tai Lân :

- Tao cần ghi toàn bộ 42 vị này. Đêm nay khi anh em ngủ, mày canh cho tao ghi nhé!

Lân khẽ gật đầu. Tôi lợi dụng ngay bút mực của cô Mơ, nhưng còn giấy? Tôi đã định tìm cách xé một tờ trong cuốn sổ, nhưng đều đã có chữ, hơn nữa đã đánh số từng trang. Tôi vắt óc suy tính, nghĩ đến mấy cái riềm, của tờ báo Nhân Dân và Quân đội Nhân Dân. Khéo léo, tôi đã có những miếng giấy dài mà nhỏ để ghi tên, tôi nháy mắt với Lân là đi ngủ sớm để đêm dậy. Tôi hiểu đây là một việc làm nguy hiểm, ghi những bộ trưởng, tướng tá, mà VC đang giấu để làm gì? Đầu 1978 không ai biết, các vị lãnh đạo của chính quyền VNCH, Việt Cộng giam giữ bí mật ở đâu? Tôi không nghĩ gì cả! Điều kiện đến thì tôi cứ làm, biết đâu ngày mai? Điều này thì không thể một ai biết được! Những người trong Nam ra tiếp tế v.v…

Cái danh sách bí mật này, Nguyễn Huy Lân là người canh gác, chứ cũng chưa đọc đến. Mãi đầu năm 1980, do một dịp cùng nghỉ bịnh, tôi đã "ghếch"

cho một người duy nhất, đọc cái danh sách này ở trại Thanh Phong, Thanh Hóa. Đó là anh Nguyễn Hữu Luyện, hiện nay anh cùng ở Boston với tôi.

Tôi còn đang cắm cúi thẳm một cái vai của một cái bàn gỗ "gụ" thì Lân Mều, từ buồng ông cán bộ Tài chạy đến. Mắt Lân lóe lên long lanh, vẻ hớn hở :

- Chiều nay đội mình được cải thiện bồi dưỡng!

Mấy cầu bào bên cạnh cũng bu lại, với những bộ mặt phởn phơ như mẹ sắp cho kẹo, ngày xưa. Từ cái ngày đội mộc nỗ lực làm đạt thành tích, 200 chiếc hộp. Ban giám thị trại đặc cách, thưởng cho đội mộc, 4 kg ngô đã xay. Nếu đem bung hay hấp, chia cho 43 người thì chả được bao nhiêu. Chủ trương của cán bộ Tài, đã bàn với Huy Lân, trại kỳ này thiếu rau, thường chỉ ăn với muối rang, ai cũng khao khát thèm rau. Ông Tài đã ngoại giao với cán bộ đội rau từ lâu, hôm nay đội rau thu hoạch rau muống, cho cán bộ và công an võ trang của trại. Cán bộ đội rau đã đồng ý tặng đội mộc, một sào gốc rau muống trại vừa thu hoạch rau xong, trước đây là phần của khu chăn nuôi, cơ quan (cho lợn, gà, vịt).

Cả đội rầm rầm vỗ tay ngay ở lán mộc, làm cho tên Tài cũng phải thò cái mặt hưng phấn lây, ra ngó. Ngay khi đó chỉ định 2 anh, theo cán bộ ra đội rau, là anh Hứa Viết Khìm và anh Vương Văn Can. Gần trưa các anh về cho biết cái công đào gốc rau muống thì nhanh, nhưng cái công xuống suối rửa cát đất ở gốc rau, thì không thể mau được. Phải để buổi chiều ra sẽ tiếp tục, rau còn đang ngâm ở suối cho đất cát rời ra, dễ rửa.

Do đói, và quá thèm khát chất rau, nên chỉ là gốc của rau muống, cũng làm cho anh em đội mộc tinh thần hưng phấn hẳn lên. Thế mà cũng ngót nghét 2 gánh rau muống, sau khi đã luộc rồi, với một sọt con ngô xay bung, để ở góc lán. Từ đám gốc rau luộc này, khói hương bay nghi ngút, anh em cả đội mộc tâm trí buổi chiều ấy, bị 4 sọt rau muống luộc hút hết vào. Chúng cũng kéo mắt của các anh phải luôn luôn ngắm nhìn chúng. Chúng cũng phì hơi thơm ra, như khao khát, được vinh hạnh chui vào lòng, của những người thương. Tên Tài ra đứng ngoài cửa gian buồng con của y, nét mặt y đăm chiêu nhìn, niềm hưng phấn của đội mộc, trong đầu óc của y nghĩ gì thì làm sao tôi biết. Hẳn có lúc y phải nghĩ: Niềm vui hân hoan của 43 tên tù này, có bàn tay ban phát của y.

Đội có 3 anh bịnh ở nhà, 40 người đi lao động, nhưng anh em nhất trí sẽ chia đều cho cả 3 anh bịnh. Nhìn mấy sọt gốc rau muống, nếu chia đều mỗi anh cũng được ngót nghét 2 lạng chứ không ít đâu. Còn sọt ngô xay bung, phải mỗi người cũng gần một lạng. Điều chắc chắn chiều nay đội mộc sẽ "bành" hả hê rồi.

Gần lúc đội về lại có ý kiến: Đây là một đặc ân của trời ban cho, nên hãy chia đều cho cả khu Biệt Kích gồm 132 người. Nghe như vậy, hầu hết đội mộc đều sôi nổi đồng ý, làm cho tên cán bộ Tài mở to mắt. Y không tin được, trong lúc thiếu đói của đôi mộc, mà y là chứng nhân? Vì y không tin! Cho nên, tới khi đội mộc vào trại, y rủ theo một tên thiếu úy vũ trang, vào trong khu Biệt Kích. Chúng muốn chứng kiến cảnh chia rau, chia ngô cho đều 132 suất, mỗi suất chỉ còn hơn 1 lạng cả gốc rau lẫn ngô xay. Trước khi tên Tài và tên thiếu úy quay ra cổng, tên Tài nhìn khắp lượt, lắc đầu nói :

- Tôi không hiểu nổi các anh!

Đặc biệt, một sự việc hãy còn hằn vào lòng tôi, vẫn chưa phai. Ngoài sân, trong đội còn đang ồn ào với ngô xay, với gốc rau muống luộc, thì anh Hứa Viết Khìm đã mang suất của anh lại chỗ tôi, nói giọng nồng nàn :

- Anh Bình hãy ăn thêm suất này! Tôi, hôm nay khó chịu không muốn ăn!

Tôi ngạc nhiên, anh và tôi đã nói chuyện với nhau một vài lần, nhưng chưa thân lắm, tôi nhìn anh dịu dàng :

- Cảm ơn anh Khìm! Anh cũng đói như tôi vậy!

Anh quay lại tôi, giọng khẳng khái:

- Nói thực với anh, ở ngoài đồng, do vô ý chúng tôi làm đổ mấy lọn rau xuống đất. Cán bộ không cho đưa vào sọt rau, ông ấy bảo "hai anh xuống suối rửa cát đi mà ăn". Tôi và anh Can đã ăn mỗi người, hơn một bát.

Thấy anh nhiệt tình, và không để anh nói nhiều, tôi cầm bát rau nhưng dứt khoát không nhận bát con ngô xay. Buổi tối, tôi đến chuyện trò và cảm ơn anh Khìm, tôi được biết sơ lược về toán biệt kích, của anh ra Bắc:

Toán của anh là EAGLE ra Bắc ngày 28- 6- 1964, nhảy ở Lạng Sơn. Toán anh gồm 6 người:

1. Hứa Viết Khìm toán trưởng, kiêm truyền tin trưởng, 1982 anh đã được tha về Sài Gòn. Anh bị bịnh chết năm 1992.

2. Bế Viết Quang đã chết ở Sài Gòn năm 1995.

3. Lã Văn Hoàng hiện ở Hoa Kỳ.

4. Đàm văn Phình chết ở trong tù năm 1967.

5. Lý A Phổ 79 tuổi (2004) hiện đang ở Malden, tiểu bang MA. Anh vẫn thường đến tôi chơi.

6. Nguyễn Viết Dũng toán phó hiện ở TX.

Một chuyện cũng hơi riêng biệt của anh Hứa Viết Khìm. Trần Văn Mạo tức Mạc trong toán KERN ra Bắc 4- 3-1966. Khi được tha về Sài Gòn ở nhà anh Khìm, rồi nên duyên chồng vợ với người con gái lớn của anh Hứa Viết Khìm. Hiện nay hai vợ chồng Mạc đã ở Hoa Kỳ (April 2004).

Chiều nay lại có một nguồn tin mới, tối mai thứ Bẩy, trại có buổi văn nghệ đặc biệt do anh em bên Z trình diễn. Chúng tôi cũng khao khát và háo hức lắm! Muốn thưởng thức phần nào cái hơi hướng của VNCH đã lâu ngày, đã chôn sâu vào cái hố quên lãng. Tâm trạng của chúng tôi khác hẳn với những buổi văn nghệ trước đây, chúng tôi phải đi tham dự như một sự bắt buộc. Nếu không đi sẽ bị quy vào tội tư tưởng, không muốn tham dự vào mạch sống cách mạng, của một xã hội mới của Đảng.

Đặc biệt buổi văn nghệ này, lại có dân chúng và những cơ quan địa phương, cũng được mời vào tham dự. Nơi trình diễn lại ở một bãi rộng, cách xa cổng trại giam gần một cây số.

- 16 -

YÊU LẦM, CHỘT MỘT ĐỜI

Khi chúng tôi từ khu biệt kích ra tới cổng trại; xa xa trong đám tối của những mái nhà tranh, của những lũy tre làng, có một khoảng sáng bật lên. Từ chỗ vùng ánh sáng đó, tiếng trống, tiếng kèn, đã văng vẳng nhào qua những cánh đồng, mời gọi khách lãm du, hãy rảo bước. Lòng chúng tôi cũng dấy lên một chút xốn xang. Dù đã tối, tôi vẫn thấy cái mênh mông, của đất trời rộng mở. Từng làn gió nhẹ, khe khẽ đưa cái hơi nồng của ruộng đồng, đến từng mũi mọi người.

Công An Vũ Trang với súng ống kè kè sau lưng, hôm nay cũng được tăng cường thật dầy. Tù nhân được lệnh tuyệt đối không được di chuyển, phải ngồi tại chỗ trong đội của mình theo nơi đã được quy định. Chỗ đi tiểu tiện, đã được quây cót, ở ngay phía sau mỗi khu.

Sau những thủ tục khai mạc của một trại tù như trước đây, đến phần trình diễn văn nghệ. Tôi đã hiểu đó là điều tất yếu của một trại tù trong chế độ VC. Chính tù, được xem anh em trình diễn, vừa được nghỉ ngơi mà vẫn còn, thấy ngán ngẩm. Hết ca ngợi quê hương 5 tấn, lại thúc giục xây dựng nhà máy, công nông trường.

Mãi gần về cuối, có một tiết mục hơi lạ. Hợp ca của khoảng 6 – 7 chục người. Các anh Z khéo chọn lựa, có đến 5 – 6 bè rõ rệt. Bè thì ồ ồ như tiếng xe cam – nhông đang chạy, bè thì nghe róc rách như nước suối chảy lưng đèo, bè nghe như tiếng chim non kêu gọi mẹ, vì đói ăn. Có bè réo rắt như Tiếng Sáo Thiên Thai của Văn Cao thời tiền chiến. Không những làm cho chúng tôi say mê đờ đẫn, mà còn làm cho lũ cán bộ và những người dân quanh vùng, mắt thao láo, mồm há hốc ra, như miệng của những con ếch đang gọi mưa.

Cả một đám đông hàng ngàn người, mà tôi còn nghe được tiếng quang quác, của những đàn ngỗng trời bay ngang. Một sự việc cũng qúa đặc biệt, trước đây tôi chưa từng thấy. Theo lời người điều khiển chương trình, là ông phó chủ tịch Huyện, muốn có vài lời với mọi người.

Một ông chừng 50 tuổi, người bé nhỏ, nhưng nước da như người Ấn Độ, ông nói rất từ tốn và rõ ràng:

- Thưa các đồng chí! Do một sự may mắn, tôi được thay đ/c chủ tịch Huyện đi công tác. Tôi được dự một buổi văn nghệ ngoài trời, của trại viên trại T52 này. Phải nói tôi chưa bao giờ được thưởng thức, một ban hợp ca

đầy sáng tạo nghệ thuật mới lạ như hôm nay, tôi xin cám ơn các anh trại viên.

Những tiếng vỗ tay râm ran, dai dẳng làm cho lòng tôi cũng cuộn lên một chút tự hào, về cái miền Nam thân yêu đã mất của mình. Những ngày sau, tôi đã tìm mọi cách chuyện trò với tên cán bộ Hồng Thắng Tài để biết tên, hoặc một chút gì về cái ông Phó chủ tịch huyện, tối văn nghệ hôm ấy. Nhưng đành thất vọng, cho tới ngày biệt kích, rời khỏi trại T 52 Hà Sơn Bình này, vào mùa Đông 1978.

Vào khoảng gần cuối tháng 11 năm 1978. Tất cả 132 biệt kích lại được chuyển về xuôi phía Nam nữa. Hai chiếc xe tải dài ọp ẹp, chắc từ thời tôi còn chưa được mặc quần, khò khè nặng nề nhét chặt 132 anh chàng biệt kích chỉ còn da bọc xương, vào lòng mình. Chúng mò mẫm bò về phía Nam. Nhiều lúc, chắc vì nặng qúa, vì phải đèo thêm hơn chục tên áo vàng và công an võ trang, chúng xịt cả khói đen ra đầy đường. Mấy bác nông dân gồng gánh đi đường, cũng phải bịt mũi, quắc mắt nhìn theo hai chiếc xe chết tiệt. Tay của tôi nối chặt với Quách Nhung, bởi một cái còng số 8. Xế trưa, qúa mỏi và đau tay, tôi ra hiệu kéo Nhung ra sát cửa sổ nhìn xuống đường, thoáng thấy một cột cây số sơn trắng, đầu đỏ đề: Thanh Hóa 59 cây số. Như thế đây là Quốc Lộ I. Từ thời Tây, ở miền Bắc các cột cây số trên đường lộ, đều sơn trắng. Đầu đỏ là Quốc Lộ; đầu xanh là Tỉnh Lộ.

Xe bắt đầu rẽ vào Tỉnh Lộ, bóng chiều đã ngã muộn, gà bắt đầu lên chuồng. Xe leo qua một cái dốc dài rồi ngừng lại, ngay giữa rừng già Thanh Hóa. Nhìn theo một con đường nhỏ dài hơn 2 chục mét, chỉ có 3 mái nhà tranh dài, rào vây quanh cũng là tre với nứa. Rõ ràng là một trại giam mới chưa làm xong, còn 2 – 3 cái nhà nữa, mới chỉ có cái khung. Điều này đã nói lên, VC đã phải vội vàng đưa, những đám biệt kích này đến, không có dự trù trước. Đúng như vậy, vài ngày sau chúng tôi đã biết: Đây là trại Thanh Phong, tên một huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa, chỉ là một trại giam nhỏ của Huyện, với hơn 100 tù hình sự.

Những ngày sau, tất cả chúng tôi đều phải làm thêm và làm tiếp những căn nhà lán tù, chưa làm xong. Lúc đầu trại chỉ có một cái giếng nhỏ đủ nước cho bếp nấu ăn. Tắm rửa, mỗi buổi chiều công an võ trang phải dẫn từng toán tù (đến đây lại gọi là toán) xuống hết một cái dốc đồi, dài hơn một cây số. Ở đấy có một giòng suối rộng có chỗ đến hơn 10 mét, với những tảng đá lớn lổm ngổm, ở giữa giòng. Tôi chưa biết giòng suối này tên là gì, nhưng ở các trại giam trên miền ngược, chưa bao giờ tôi được nhìn thấy một cái suối nào, to và đẹp như vậy.

Nhìn cheo chéo phía bên kia suối, có một cái guồng to tròn, như một cái bánh xe khổng lồ bằng gỗ. Hỏi những tên công an võ trang coi toán, tôi được

biết đó là những cái guồng nước ở miền núi. Người ta dùng để lấy nước, từ dưới suối lên dẫn nước đi xa, có khi cho cả một xóm dùng.

Thời tiết đang ở giữa mùa Đông, nên trời còn lạnh ngóm. Tuy trong trại không có nước, nhưng rất nhiều anh, cả các anh dân tộc vẫn còn sợ nước. Các anh chỉ ở cạnh bờ suối, thò những miếng giẻ rách to, nhỏ nhúng nước thay cho khăn mặt, rồi lách vào trong áo, trong quần để lau người.

Ngược lại, Lê Văn Kinh, Quách Nhung, tôi và gần chục anh em nữa thì như "cờ gặp gió, cá gặp nước". Giữa trời, mây với cây rừng đá núi, chúng tôi đều trở lại thời tiền sử của loài người. Cả một lũ tồng ngồng, nhẩy xuống nước nhào lộn, vẫy vùng. Không những làm cho mấy tên công an võ trang (3 toán thì 3 tên) cũng lác cả con ngươi.

Tôi cũng thấy lạnh tê cả đầu, và cứng cả người, nhưng có lẽ qúa thèm khát nước lâu ngày. Cái từ bơi lội suốt 16 năm, coi như chúng tôi không còn hề nhắc đến. Ngay cái anh chàng Kinh là người Nhái mà cũng lạnh thun "gân" lại còn bé tí tị. Lên bờ rồi, nhìn người nhau còn bốc khói! Tôi cũng lấy làm lạ, tuy lạnh nhưng có lạnh qúa như trên Lào Cai, Yên Bái đâu? Có lẽ cái chính là vì qúa đói, cơ thể không có và không còn nhiệt để chống đỡ, với cái lạnh ở bên ngoài.

Những ngày sau, chúng tôi phải làm một căn lán thủ công 5 gian, cạnh con đường chính ra suối. Lán thủ công cách trại khoảng 300 mét. Tối hôm qua lại có 2 xe chở biệt kích đến Thanh Phong. Thật vui, gặp lại hầu hết anh em trước đây, ở các trại trên miền ngược.

Trại Thanh Phong bây giờ, riêng biệt kích cũng trên dưới 250 người. Lán mộc hoàn thành, toán mộc hàng ngang, cũng được thành lập. Toán mộc kỳ này tương đối là đông gồm 44 người, do tên Lê Xuân Hoàn, trung sĩ phụ trách. Tên này người miền Bắc, cái mặt xám xịt, tỏ ra rất nghiêm khắc. Toán trưởng toán mộc lần này lại là một anh chính trị địa phương. Anh là Trần Bá Đôn, một tu xuất, đã có vợ con. Anh đã từng là tổ trưởng mộc, của một cơ sở sản xuất, huyện Kim Anh.

Toán mộc lại tiếp tục những giường, bàn, tủ, ghế gọi là hàng ngang, khác với mộc làm nhà cửa. Tôi vẫn phụ trách tổ kỹ thuật, chuyên đóng hàng kỹ cho các cán bộ của trại. Tổ kỹ thuật chỉ có 3 người: Lầu Chí Chăn, Vũ Viết Tinh (Tinh Còi) và tôi.

Vì là một trại mới trở thành quy mô, khi bất ngờ là nơi Cục Lao Cải chọn để quy tụ biệt kích gián điệp của VNCH cũ. Rất nhiều vấn đề thiếu thốn ở nơi giữa rừng già, cái thiếu bình thường nhưng lại trở thành nguy hiểm, là rau xanh. Với một số tù nhân đủ loại, trên dưới 500 như thế, mà lại không có rau

xanh. Ngay tụi cán bộ, chừng gần 4 chục tên và khoảng hai đại đội công an võ trang, cũng còn thiếu rau xanh nữa là tù. Bởi thế nếu có chuyến xe con rau nào, tụi cán bộ phải bí mật lén lút, giấu để dùng dần. Còn mặc kệ tụi tù, làm sao quan trọng bằng cán bộ?

Chính vì lý do này mà trại tù Thanh Phong, đã nổi bật hơn các trại tù khác, ở một sự việc độc đáo: Hàng tháng không hề có rau, mà chỉ có toàn muối rang, hết pha thành nước, lại rang. Chung quanh không hề có những loại rau dại, như ở miền xuôi, hay nơi đã có giai đoạn, có người ở hay qua lại. Cho dù là người dân tộc, ở đây hoàn toàn giữa rừng già. Nhiều lúc tôi suy ngẫm, do luật bù trừ huyền bí của tạo hóa, thiên nhiên, nếu không có con suối trên tôi đã nói, thì rồi không biết sẽ ra sao, khi tù phải sống ở cái vùng khắc nghiệt, khác thường này?

Đầu tiên là đám tù hình sự, do còn trẻ, bản tính bất cần đời nên không có ý chí chế ngự, chịu đựng, ăn bậy bạ nhiều. Do những mánh lới chuyên nghiệp (lưu manh) đã kiếm được lá sắn, đôi khi kiếm được củ, thì xơi cả ruột lẫn vỏ. Một sự không may, có thể do những vườn sắn mới trồng, đất chưa thuần, còn hơi hướng, gốc rễ của những cỏ gianh (Tôi đã có kinh nghiệm hàng chục năm, ăn sắn). Cây sắn nào mà củ chui vào rễ cỏ gianh, ăn vào là say, nhức đầu nôn mửa, hay té re, tháo tỏng, nặng có khi là tử.

Một loạt các cậu tù hình sự bị nhức đầu, nôn mửa (hầu hết các em còn trẻ 18 đến 20 – 25). Tên cán bộ y tế của trại, lại chưa có kinh nghiệm, với loại say sắn! Y thấy hàng mấy chục người nôn mửa và nhức đầu. Y quýnh qúa, lấy Aspirin cho mỗi cậu 2 viên uống, để rồi sáng hôm sau chết một lúc 13 – 14 người. Chắc là cán bộ đảng ủy của trại thấy trầm trọng, vội ưu tiên lập 3 đội, phá bỏ những loại cây trồng khác, chỉ chuyên đề trồng rau xanh. Ý muốn thì nhanh, nhưng hiện thực phải qua nhiều khâu. Phải cho cán bộ về thành phố kiếm tìm hạt giống, chuẩn bị đất để trồng v.v… Cho tới khi có rau ăn, cũng phải mất hàng nửa năm.

Riêng với khu biệt kích, dù sao đã là những người lớn, và tương đối có ý chí tự tồn, trong những điều kiện ngặt nghèo. Một đoạn đường rừng hơn một cây số, từ trại tù ra tới con suối (khi mới đến chúng tôi chưa biết tên, bây giờ chúng tôi biết đó là con sông Tràng. Con sông sau này đã gây ra nạn lụt 1981, trôi cả lán trại, trâu bò). Dù đã biết đó là con sông Tràng, nhưng chúng tôi vẫn gọi đó là con suối Tiên. Vì nó đã góp phần duy trì sự sống, sự tồn tại của anh em biệt kích. Đoạn đường này, hai bên đường là những cây rừng, hàng ngày các toán chúng tôi đều qua lại để ra suối, rửa ráy, tắm rửa sau một ngày lao động cực nhọc.

Qua mùa Đông 1978 để vào mùa Xuân 1979, những cây rừng cũng nẩy lộc, đâm chồi. Cũng giai đoạn này, qua những tin đồn người tiếp tế ở trong

Nam, VN đã đánh chiếm Campuchia, tôi chợt nhớ đến 200 chiếc hộp hắc ín, ở trại T52.

Những chồi lộc của những loại cây rừng, mỗi ngày mơn mởn mỗi lớn, mỗi xanh tươi. Không biết là do ai? Trong anh em biệt kích, có thể là những biệt kích người dân tộc. Có lẽ các anh, cũng cùng tâm trạng như mọi người, nhưng do sáng kiến (Cùng thì phải tắc, tắc thì phải thông). Một anh đã hái một ít đọt lá non, của một cây rừng.

Hôm sau ra nơi lao động anh cho vào bô tôn, thùng thiếc, đổ nước, luộc rừ rồi ăn thử. Lúc đầu là thử nếm rồi nghe ngóng cơ thể, thấy không sao. Thế là cái loại cây đó được phổ biến cho bạn thân, mà đã ra người thứ hai, thì cả biệt kích đều biết, và ai cũng thấy. Các loại lá cây ấy, trên con đường từ trại ra "Suối Tiên" hết dần, và càng gần cuối thì tốc độ hết, càng nhanh. Để rồi ra cái chồi hay lá non nào, đều bị vặt hết, vặt cả ngọn.

Hết loại cây ấy, con người lại phải thực nghiệm sang một loại cây khác. Cuối cùng chỉ gần 3 tháng, từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 3 năm 1979, cả 2 bên triền rừng, từ đường lấn sâu vào rừng chừng 15- 20 mét, đa số lá cây rừng sạch trơn, như có thỏ hay hươu cao cổ, ăn lá cây vậy.

Từ cán bộ hay công an võ trang nào cũng thấy chính mình, mà còn không có rau. Vả lại, tụi nó nằn nì (cả toán ai cũng nằn nì) chỉ tranh thủ vặt những lá cây rừng. Cán bộ chỉ mất 5- 10 phút, đã ban cho những thằng tù một đặc ân, mà chúng chả có mất cái gì cả. Chúng được những tên tù khẩn khoản, nhìn với những con mắt ân huệ, biết ơn.

Không những là khu biệt kích rồi lan dần ra khu hình sự, cụ thể là khu biệt kích gần 300 người, nếu có người chết là rất cá biệt. Nếu không nói là không một ai bị chết, vì thiếu chất rau xanh, ở giai đoạn ấy. Cả một mùa Xuân, của cây rừng 2 bên đoạn đường ấy, không còn khoe hương, khoe sắc với chúa Xuân như mọi năm. Nhưng, chúng đã làm được một việc thiết thực hơn nghệ thuật. Chúng đã cưu mang, giúp đỡ bọn biệt kích sống còn. Chúng đã phục vụ, nhân sinh.

Có lần chân tôi bước theo hàng đôi của toán trên con đường "huyết mạch" đó, óc của tôi miên man chạy ngược về những năm tháng trước đây. Khi ấy CIA và Cục Trung Ương tình báo của VNCH, dạy tôi trong giai đoạn thực tập "mưu sinh" sống trong rừng, mà không có lương thực. Ngoài những chuyện bẫy, bắt cá và thú rừng, củ, rễ cây rừng v.v… Từ trong trí óc đã đẩy ra miệng tôi thành cười mỉm: Có thể rồi đây, các cơ quan tình báo nổi tiếng, Quốc Tế như CIA, Hắc Long của Nhật, I S của Anh, Gestapo (Đức), KGB, RU, Liên Xô v.v… cần phải nghiên cứu bổ sung, trong bài học "mưu sinh".

Tối hôm qua về trại, tôi nghe loáng thoáng Trung Quốc lại đem quân vượt biên giới, đánh VN. Tôi bí mật tìm hiểu, nguồn tin là do anh Hoàng Tồn được ra tự giác, từ mấy tháng trước. Anh có một chiếc xe ba gác, thường chở những đồ tiếp tế cho gia đình của các anh em biệt kích, từ trong Nam ra tiếp tế. Tôi đã đến anh Tồn để biết sơ qua, có tính cách khái niệm. Một vấn đề tương đối lớn, tương đối sâu trong nội bộ của Đảng CS Quốc Tế.

Việt Nam đánh Cam-pu-chia (7/1/79), rồi bây giờ Trung Cộng lại đánh Việt Nam (17/2/79). Có thể đây là những tiền đề, cho những bước kế tiếp của các Đảng CS. Cũng có những dư luận về Lý Cà Sa. Từ nhiều nguồn tin, LCS có cầm quân trở lại Lầu Cai, là đúng!Cầm bao nhiêu quân, đánh ở đâu, mức độ? v.v… Ta không bàn ở đây, các chi tiết ấy dành cho các nhà chuyên môn.

Chỉ vì tôi có một chút xíu dây dưa liên quan với Cà Sa về không gian, và thời gian mà thôi! Sáng hôm nay khi toán chúng tôi ra tới lán thủ công, anh Đôn toán trưởng đã đến tổ kỹ thuật gọi tôi:

- Bình ơi! Ông Hoàn kêu anh vào ông ấy gặp!

Ít khi cán bộ toán gọi, nên tôi vội vàng đi về phòng cán bộ toán. Thấy tôi vào, y chỉ tay vào chiếc ghế trước bàn:

- Anh ngồi đi!

Tuy y chỉ nói như thế! Nhưng thái độ và cách nói tỏ ra rất thân tình. Thấy thân tình, tôi lại phải cảnh giác, nên tôi vẫn ngồi yên chờ.

May qúa! Y đã vào đề ngay, y nói:

- Ông Giám thị đại úy Hà Văn Nho, muốn đóng một cái tủ lệch, kiểu Đức bằng gỗ lát!

Đến đây tôi đã hiểu, chỉ là vấn đề nghề nghiệp, thì có gì cần nói đâu. Tôi xuống tổ cũng nói sơ qua cho Chăn và Tinh, để sắp xếp những công việc đang làm, v.v… Đóng đồ cho ông Giám thị trại, cũng chẳng có cái gì hơn. Nhưng, tâm lý ai cũng vậy, nhất là ở một cái xã hội bao cấp, thì càng phải quan tâm nhiều đến những cái, riêng tư. Nghĩa là nếu muốn cái tủ gỗ tốt, đóng cẩn thận thì ít nhiều phải làm cho người thợ đó vui lòng, dù không phải nói ra bằng lời, khi y ở một cương vị là thủ trưởng, của cái khu vực đó.

Tổ kỹ thuật lại ở ngay đầu lán thủ công, từ đây nhìn ra đường chỉ 2 chục mét, vì thế đã nhiều ngày Lầu Chí Chăn và Vũ Viết Tinh đã đổ xô ra, khi có một đoàn người trong Nam ra tiếp tế. Tâm trạng của Chăn và Tinh như vậy

cũng là đương nhiên, vì hai người đã nhận được quà của gia đình, từ trong Nam gửi ra. Chỉ có tôi, tôi có một chút ý nghĩ hơi lẩm cẩm, nên tôi chả mong ngóng? Dù rằng:

Biết đâu… trong đám người đi ấy!
Lại chẳng có người của… chính tôi?

Đúng như tôi đã suy ngẫm, từ những ngày đầu vào trong nhà tù VC. Bản tính tạo nên cuộc đời, nói khác đi chính bản tính của mình đã tạo ra cuộc sống của mình. Bản tính lại không thay đổi được. *Giang sơn thì dễ chuyển, nhưng bản tính thì khó dời.*

Tôi đã mang một quan điểm: Cái gì đẹp, tốt, hay, hãy mang đến cho bố mẹ, họ hàng, người thân của mình cùng hưởng. Ngược lại những sự đau thương bất hạnh, thì hãy kiên trì chịu đựng, đừng bắt người thân chịu lây với mình. Chính vì những ý nghĩ lẩn thẩn ấy, từ khi miền Nam bị mất, tôi nhất quyết không viết thư về Nam dù cho nhiều cán bộ gíao dục đã khích lệ cổ vũ anh em biệt kích, hãy viết thư thăm hỏi và báo tin cho thân nhân ở miền Nam, biết về mình. Tôi hiểu trước đây Biệt Kích GĐ (biệt kích gián điệp) khai báo với chúng, chúng chưa có dịp xác minh. Bây giờ là lúc chúng đến từng địa phương, từng gia đình để kiểm tra lại sự việc. Vì thế về một mặt, không những chúng khích lệ, mà còn tạo điều kiện cho Biệt Kích GĐ viết thư, về cho gia đình thân nhân. Mãi chúng cũng không thấy tôi viết một lá thư nào về miền Nam. Chúng đã hỏi thẳng tôi, tại sao? Tôi cũng đã thẳng thắn trả lời chúng:

- Thưa các ông, 17-18 năm xưa tôi đã bất ngờ ra đi bố mẹ anh em không hề biết. Chắc rằng bố mẹ, anh em tôi đã đau đớn, khóc thương nhiều. Do thời gian nỗi niềm thương đau ấy, chìm dần vào quên lãng, như một đống tro đã tàn. Bây giờ báo tin cho bố mẹ biết, là lại bới cái đống tro tàn đau thương đó ra. Bắt người thân lại khóc lóc nhớ thương, thậm chí phải chạy vạy tiền nong, mò mẫm ra thăm chồng, con vẫn còn ở trong tù ở ngoài Bắc, chẳng có ngày về. Như vậy là càng làm cho gia đình, thân nhân buồn khổ thêm. Cho nên, trừ phi khi tôi được tha, tôi mới báo cho bố mẹ, thân nhân tôi biết mà thôi.

Thậm chí tôi đã viết thư hộ, cho những anh em người dân tộc và có khi còn được hưởng những quà cáp của gia đình một số anh BK, từ trong Nam gửi hay trực tiếp ra Bắc. Nhưng tôi vẫn một lòng đè niềm thương, nỗi nhớ vào sâu kín trong lòng. Tuy niềm khắc khoải giằng xé lòng tôi, tưởng như nhiều khi không thể kìm chế được: Bố mẹ, các em, họ hàng, bạn bè trong bao nhiêu năm? Bao nhiêu những biến thiên, chìm nổi trong khói lửa, của quê hương. Ai còn, ai mất, ai sẽ như thế nào?

Nhìn lên bầu trời của Thanh Phong hôm nay, tôi cứ đê mê ngắm mãi, cái màu xanh hy vọng của da trời. Những lọn, những cục bông gòn trắng nõn nà, ai để vương vãi lung tung rải rác khắp trên miếng thảm, màu xanh thương yêu? Những miếng bông gòn vương vãi ấy, từ chân trời phía Tây đang từ từ chậm chạp tiến về Đông.

Vài tiếng quang quác thanh thanh của một đàn cốc bay ngang, như nhắc nhở tôi đã bắt đầu vào Hè. Mấy cô nàng én của mùa Xuân, đã vội vàng gọi những chàng cốc, đến thay phiên trực, mà tôi đâu có hay. Chỉ vì kỳ này tâm hồn tôi, đã nhờ gió đưa về miền Nam thương yêu của tôi, hơi nhiều.

Thoáng bóng ông cán bộ toán, đang lững thững tiến về chỗ tổ kỹ thuật của chúng tôi. Đây là ông Lê Hoài Lĩnh (trung sĩ) mới thay tên cán bộ Hoàn, 2 ngày hôm trước. Những tên cán bộ khác, tôi đều gọi là " y " hoặc " tên ". Nhưng với ông Lĩnh, tôi đã phân biệt đối xử, chỉ vì, mới qua lại vài câu nói và cách hành sử tôi đã thấy ông cán bộ Lĩnh có cái " máu lính và bụi đời " nên tôi khoái mà thôi!.

Ông Lĩnh đã bước vào, chúng tôi chưa kịp chào, thì ông ta đã niềm nở vừa như hỏi, vừa như chào chúng tôi trước:

- Các anh có thèm rau lắm không? Buổi họp hôm qua ban giám thị đã quyết định, chiều nay sẽ có một bữa rau cải đầu mùa của trại, cho các anh!

Nói rồi ông ta lại tất tả tiến sang phía nhà kho của trại. Nguồn tin " bữa rau cải đầu mùa " từ tổ kỹ thuật phát ra, đã nhanh chóng lan tràn khắp cả toán. Mặt chúng tôi người nào cũng phơi phới, cứ như mới nhận được tin người yêu của người mình "ghét" đi lấy chồng!

Nếu biết rằng tôi đi lấy chồng,
Trời ơi! Người ấy (kẻ thù của người yêu) có cười không?

Hoan hô anh em các toán rau! Vì chủ nghĩa xã hội đã nỗ lực thi đua phục vụ anh em tù, trại Thanh Phong có "bữa rau cải đầu mùa". Hai toán rau: Quý Chổi, toán rau xanh, chung cho cán bộ và trại Hoàng Ngọc Chính, toán rau cải thiện riêng cho tù. Không biết toán nào thực sự được niềm vinh dự, nhận những tiếng hoan hô, của tù Thanh Phong chúng tôi?.

Cũng qua ông cán bộ Lĩnh " máu lính " này, những ngày sau đó tôi biết được một số tin, mà bình thường tôi không thể biết:

- Kỳ này cán bộ các trại giam chuyển vào trong Nam rất nhiều, ông Lĩnh cũng muốn lắm, nhưng không được bình bấu hay chỉ định.

- Trung Quốc đánh sang 6 tỉnh phía Bắc của ta. Chúng đã rút về nước 5/3/79. Điều đáng nói là, khi chúng kéo quân về nước, chúng đã cho di chuyển các cột mốc biên giới vào trong đất của ta hàng 4, 5 chục cây số.

- Tên chánh giám thị Nguyễn Huy Thùy (thiếu tá) đi Liên Xô dự lớp học đặc biệt, về quản lý trại giam. Tên Đại úy Hà văn Nho, mới lên làm quyền Giám thị. Chúng tôi (tổ kỹ thuật) đang đóng cái tủ gỗ lát (tủ lệch kiểu Đông Đức) cho tên Nho này.

Thấy y rất săn đón cái tủ của y, tôi càng bầy ra nhiều kiểu bàn ghế về gỗ lát. Tôi biết gỗ lát là loại gỗ qúy, loại quốc cấm của XHCN. Loại gỗ này rất quý ở trong rừng Thanh Hóa, các nơi khác rất hiếm. Đã có lệnh cấm từ trung ương là không được khai thác. Nhưng tôi nghĩ đối với công an, nhất là CA quản lý trại giam, còn ai là người kiểm soát? Vì vậy tôi càng đưa những "miếng mỡ " ra trước miệng "con mèo" xem nó ra làm sao?

Tôi đã ra chỗ Quách Nhung, mới được làm toán trường toán xẻ. Được Quách Nhung cho biết, toán xẻ được lệnh của giám thị, dành riêng ra hai cặp xẻ, chuyên xẻ gỗ lát cho tên Nho. Toán lâm sản do Nguyễn Huy Lân, cũng được chỉ định 4 người, hàng ngày vào rừng sục xạo, lên núi xuống vực tìm cây gỗ lát, để hạ v v .

Tối hôm qua đã khuya muộn, kẻng cấm 9 giờ tối đã lâu lắm rồi, một giọng miền Nam khàn khàn ểu ợt, gần như hết hơi:

- Theo tên "Bịp" tập kết ra Bắc! Nay nó đã chết xanh mồ rồi! Miền Nam cũng được " giải phóng " rồi, mà còn không cho tao về ……..

Đêm rừng khuya, nghe tiếng chửi bới thều thào, gần như không còn hơi thở, đã làm não ruột lòng tôi, và chắc cũng làm "héo úa " nhiều người tù khác.

Tiếng chửi bới, tiếng nỉ non như không còn sinh khí, nhưng phát ra ngay ở bệnh xá, phía bên kia sân trại (15m). Tôi đã biết đó là của bác Đặng Minh Chánh. Tôi làm sao quên được bác! Ngay từ đầu năm 1968, khi tôi mới bắt đầu từ Hỏa Lò lên trại trung ương số I vào phân trại E, tôi đã gặp bác, một cán bộ huyện ở Bến Tre (quê hương đồng khởi) tập kết ra Bắc năm 1954.

Ba năm sau (1957) đã bị bắt vào với cái tội: Không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách, của Đảng. Người bác thật cao ráo, bộ mặt quắc thước với hai cái tai thật to. Nếu gặp thời, thì cũng đôn hậu " cha già dân tộc " như ai. Nhưng đã không gặp thời, lại bất hạnh nữa, nên bác đã phải chuyển đổi bao nhiêu trại tù. Bây giờ 1978 tôi vẫn gặp bác ở đây, bác đã tù 21 năm rồi.

Sáng hôm sau, tôi gặp anh Mai Nhuệ Anh BK, làm y tá trưởng (phụ tá là Lê Ngung cũng là BK) của trại. Tôi được anh Anh cho biết bác Chánh đã tuyệt thực 2 ngày rồi, bác nhất định không ăn uống gì cả. Ngày đêm, khi nào tỉnh ra là chửi CS không tiếc lời. Tôi dự định trưa nay không ngủ trưa, sẽ sang thăm bác.

Sau khi cơm nước xong, tôi lỉnh sang bệnh xá. Gọi là bệnh xá mà chỉ có 4 cái gường cá nhân. Mai Nhuệ Anh rất từ tốn và có nhiều tình người, tỏ ra một người có lòng tự trọng cao. Anh chỉ vào trong góc, một cái mùng rách vàng khè, càng làm cho chỗ góc đó tối hơn:

- Bác Chánh nằm kia!

Nhấc cánh màn, tôi đờ người, tim tôi như bị bóp nhẹ ! Bác Chánh đây ư? Một người da xám ngoét, cái mặt bé choắt, chỉ còn 2 cái tai to, tôi mới nhận ra bác Chánh. Tôi cầm nhẹ tay bác, đôi mắt của bác lờ đờ nhìn tôi, như chợt nhận ra tôi, mắt bác như có một luồng sinh khí mới, miệng bác mấp máy phều phào, rời rạc:

- Bình ……hả? Cố ….gắng …….cho.. quê…..hương……!

Bác nấc lên, rồi bác nằm yên! Mai nhuệ Anh đã nhè nhẹ nghẹn ngào:

- Bác đi rồi!

Tôi chả hiểu bác bảo tôi cố gắng cho quê hương, điều gì? Trong khi ….tôi vẫn trong tù.. ! Rồi đây tôi cũng sẽ như bác mà thôi?

Chạnh nỗi niềm riêng của mình, lòng tôi lại càng thương bác. Mắt tôi đã mờ đi, trong niềm xúc động dâng lên đầy lòng! Dù gì tôi cũng phải tôn trọng một người, đã cả một đời không những đã khổ đau về vật chất, mà còn khổ đau về tinh thần. Cái khổ đau giằng xé, nội tâm bác cho tới lúc lìa đời, chỉ vì đã lầm. Bác đã lầm tin theo một con Chằn Tinh, đóng vai là một Quan Thế Âm Bồ Tát. Bác đã phải trả một cái giá cho sự lầm lỡ, dại khờ của bác là một cuộc đời.

Tin bác Chánh ra đi, Lê Ngung và một số người chạy bổ vào. Cũng là lúc kẻng đi làm chiều rống lên, tôi ghé vào tai Ngung:

- Ngung đặc biệt lo cho bác Chánh nhé! Tôi sẽ tình nguyện đóng cho bác một cỗ quan tài, hết điều kiện của tôi.

Ngay chiều hôm ấy, khi ra lán, tôi đã khẩn khoản nói với ông Lĩnh cán bộ toán: Tôi và Chăn tình nguyện làm thêm giờ, đóng quan tài cho bác già

Đặng Minh Chánh. Ông Lĩnh hơi ngần ngừ, vì sợ chúng tôi làm chậm cái tủ cho giám thị, Chăn và tôi đã dõng dạc:

- Thưa cán bộ, cỗ quan tài chúng tôi chỉ làm trong 2 giờ, vì thế sau giờ giải lao, chúng tôi mới bắt đầu làm quan tài?

Ông Lĩnh không nói gì, nhưng nhìn qua ánh mất, tôi đã biết là chúng tôi đã được sự chấp nhận.

Chúng tôi đã lựa loại gỗ tốt, chịu nước, lâu mục. Chúng tôi bảo nhau thẳm khít, bào kỹ. Chúng tôi làm cỗ quan tài với tâm trạng: Làm đẹp, làm tốt như một nén hương lòng, của những người Việt lầm than. Chào mừng một người CS (ở phân trại E phố Lu, bác Chánh đã nói với tôi, bác có 5 tuổi Đảng) đã sớm quay về với dân tộc, trước khi chết.

Đúng lúc kẻng tan tầm chiều, chúng tôi đã làm xong cỗ quan tài. Chúng tôi còn định lấy vẹc-ni quét một lượt, nhưng anh Trần Bá Đôn, toán trưởng nói không nên. Vì chưa có quan tài tù nào, được sơn quét cái gì.

Khi toán vào tới trại, được biết: Lệnh của cán bộ trực trại, không một ai được vào bệnh xá, nếu không được phép của cán bộ. Y là chuẩn úy tên Hòa Ba Tai, y được tù gọi là "ba tai". Tai phải của y rách thành hai mảnh, vì y hắc búa và ác ôn, nên tù mới gọi y như vậy.

Điểm xong, tù vào chuồng. Bấy giờ mới có 4 cậu hình sự tự giác khênh bác Chánh ra nghĩa địa tù. Chẳng biết bác có họ hàng, con cháu gì ở trong Nam không? Có khi họ còn trách bác, đi theo bác Hồ từ ngày ấy, chắc bây giờ làm to lắm nên đã quên cả bà con, bạn bè?

Cả cái đêm hôm đó, tôi cứ quằn quại trằn trọc mãi, cũng không chớp mắt được. Câu chuyện của đời bác Đặng Minh Chánh, cứ quấn mãi vào lòng tôi. Ngày hôm sau, buổi đi làm trưa về, tôi lại lén ra buồng y tá, để nói chuyện với Mai Nhuệ Anh và Lê Ngung, biết thêm được vài chi tiết về bác Chánh. Cũng qua dịp này tôi có điều kiện chuyện trò, với Ngung và Anh một chút về quá trình: Lê Ngung bị bắt từ 1967 trong một toán BK tên HADLEY, tôi biết thêm cậu Vũ Viết Tinh trong tổ kỹ thuật của tôi, cũng cùng toán với Ngung.

Toán HADLEY gồm 11 người. Ra Bắc ngày 26- 1- 1967. Nhẩy ở vùng Hà Tỉnh.

1. Toán trưởng là Lê Văn Ngung, hiện ở Baltimore, Maryland.
2. Vũ Hình chết ở Missouri 2001, do ung thư phổi.
3. Nguyễn Thế Khoa, truyền tin trưởng. Tha 1982, hiện ở VN.

4. Nguyễn Huy Khoan, vì trốn trại nên là người duy nhất của toán, mãi tới 28-12- 1984 mới được tha từ trại Tân Kỳ, Nghệ An trong khi hầu hết toán Hadley được tha năm 1982.
5. Lê Văn Lào, hiện ở Chicago.
6. Phạm Ngọc Ninh, hiện ở CA.
7. Phạm Viết Phúc, Truyền tin phụ, đã chết ở Sài gòn.
8. Trần Văn Quy, Toán phó, hiện ở Minnesota.
9. Lương Trọng Thương, chết 1970 tại trại tù Phong Quang.
10. Vũ Viết Tinh, hiện ở Indiana.
11. Vũ Như Tùng, hiện ở Chicago.

Còn Mai Nhuệ Anh lại ra Bắc trước Ngưng gần một năm. Toán của Anh là HECTOR BRAVO B. Ra Bắc ngày 13-9-1966, gồm 12 người. Địa bàn hoạt động tại tỉnh Quảng Bình, gần đường mòn HCM. Do một Thiếu úy: Đặng Đình Thúy của trường Sĩ Quan trừ Bị Thủ Đức, làm cố vấn hiện ở San Jose.

1. Mai Nhuệ Anh ,Toán trưởng, hiện ở Wa. State
2. Vũ Văn Chí ,Toán phó, hiện ở Louisiana
3. Nguyễn Văn Đình, Truyền tin trưởng, hiện nay ở Cali
4. Nguyễn Văn Độ, hiện ở Cali.
5. Hà Trung Huấn, truyền tin phụ, chết trận ngày 13-9-66.
6. Hoàng Đình Khả, cũng chết khi chiến đấu 13- 9- 1966
7. Lê Ngọc Kiên, hiện ở Cali
8. Trần Trọng Nghĩa, hiện ở Cali
9. Âu Dương Quy , hiện ở Cali
10. Tống Văn Thái, Truyền tin phó, hiện ở Cali
11. Nguyễn Văn Dũng, hiện ở Cali

Sáng hôm nay, tôi đang cắm cúi lắp cái ngăn kéo cho cái tủ gỗ lát của Hà văn Nho, nghe ồn ào léo nhéo ở phía nhà kho. À thì ra toán nông nghiệp của Phạm Ngọc Ninh (Ninh côi) đang ôm, vác vận chuyển những bao tải lạc củ (đậu phụng) vào kho . Tôi, Chăn và Tinh liếc nhau, nhưng như cùng hiểu; "làm sao kiếm được một ít lạc bây giờ, thì đúng là chúng ta được vào Thiên Thai".

Tên cán bộ toán nông nghiệp trông rất còn trẻ, chỉ 27- 28 là cùng. Y nhìn qua lán mộc, chân y tiến bước sang, tiến vào ngay tổ kỹ thuật của tôi. Hơi gật đầu chào y theo xã giao và theo thủ tục. Y cũng hơi gật đầu, đáp lễ lại chúng tôi. Y sờ tay, quan sát cái tủ tôi đang làm, rồi ra vẻ trầm trồ:

- Cái tủ đẹp và gỗ cũng đẹp!

Thời cơ đến! Mặc cho y ngắm nghía cái tủ, tôi quan sát loáng một cái, hiện trường. Tôi khẽ bảo nhỏ, Chăn và Tinh:

- Tôi sẽ nói chuyện với tên cán bộ này! Các cậu tính sao để kiếm tí chút!

Tôi liếc nhanh tên CAVT, đang cầm khẩu AK đứng gần nhà kho. Tinh kiếm cớ ra hỏi chuyện tên đó cái gì, để che mắt. Chăn làm hiệu sao với toán trưởng Ninh (côi) (Phạm Ngọc Ninh) mở sẵn một bao lạc ra. Chăn chỉ việc vào xúc, chừng 1 kg là được rồi .Làm lẹ !

Tuy tôi quay lại tán chuyện, với tên cán bộ nông nghiệp về chiếc tủ v.v. . .nhưng mắt tôi không bỏ qua một hiện tượng nào, của hiện trường. Tôi đã thấy Chăn, Tinh, và Ninh Côi đã nhịp nhàng, tiến hành từng động tác. Tới chỗ Tinh tiến đến tên CAVT, Chăn lỉnh vào nhà kho. Tôi choáng cả hồn, làm câu chuyện tôi đang nói với tên cán bộ, bị ngắt quãng. Nếu y tinh ý, y sẽ thấy bất thường. Lầu Chí Chăn ôm luôn cả một bao tải lạc, lủi ra phía sau toán mộc, khuất chỗ 6 -7 cái giường đóng rồi, đang để chồng lên nhau. Anh chàng Người Nhái này liều thật! Tôi cứ tưởng kiếm được một vài kg lạc, là đạt yêu cầu rồi !

Chính Ninh Côi và cả toán nông nghiệp, những cậu nhìn thấy cũng hết cả hồn. Sau này tôi được biết Ninh Côi đã mở sẵn một bao tải lạc, cho Chăn lẹ vào xúc. Thế mà Chăn lại ôm ngay một bao tải khác, nặng hàng 40 kg.

Một kỷ niệm không quên. Bây giờ ở Mỹ (2004) Chăn chạy xe tải, Ninh Côi chạy Taxi ở Cali và tôi. Qua điện thoại, đôi khi còn nhắc lại cái buổi " chôm " bao tải đậu phụng ngày ấy, ở trại Thanh Phong.

Chiều hôm ấy, ông Lĩnh và tên CAVT cho toán mộc ra Suối Tiên (hay sông Tràng) tắm giặt như mọi khi, mỗi tuần. Tâm hồn tôi như bay lượn, với khung trời suối Tiên. Cũng 2 cái guồng nước, chéo 2 phía, ở bên kia giống suối như mọi khi. Hôm nay dưới ánh nắng chiều xiên khoai, nửa sáng, nửa tối. Tôi cổ cảm tưởng hai guồng nước, như 2 con mắt của một ông thần khổng lồ, đang nhìn chúng tôi tắm rửa ở dưới dòng suối. Ở một cành cây rừng cạnh bờ suối, một con chim cánh chả xanh biếc, lao vụt xuống suối để bắt cá, như chiếc " Thần Sấm " từ trên trời lao xuống Hà Nội rắc bom năm xưa, từ cửa sổ xà-lim I Hoả Lò, tôi đã chứng kiến.

- 17 -

T Ự T H Ắ N G G I Ả H Ù N G

Nhìn anh em toán mộc, kỳ cọ đùa vui với dòng Suối Tiên, tôi chợt nghĩ, biết đâu ở ngay phía đầu nguồn bên kia, lại chả có vài nàng sơn nữ cũng đang tắm rửa, kỳ cọ như chúng tôi trong buổi chiều tàn của núi rừng? Nghĩ như vậy, tôi lấy hơi, lặn sâu xuống đáy suối, và ngâm ở dưới ấy một hơi dài, cho lòng đê mê, cho võng đời đong đưa.

Tôi trèo lên chỗ Khánh Lèo (Phạm Ngọc Khánh) đang ngồi trên một hòn đá to, trồi lên giữa suối. Dựa lưng vào Khánh, tôi đưa mắt nhìn khắp núi đồi, của vùng Suối Tiên. Tai nghe tiếng chim rừng líu lo, hoà với tiếng réo roàn roạt của dòng nước , xoáy quanh mấy hòn đá nằm giữa dòng, thành một điệu nhạc nghê thường của Thiên Thai. Phải rồi! Suối Tiên thì phải ở cõi tiên! Mình cứ hình dung tưởng tượng đây là cảnh tiên, cảnh của Thiên Thai mà cụ Văn Cao thời tiền chiến, đã khảm (phổ) nhạc vào:

Thiên Thai…. chốn đây… Hoa Xuân … chưa gặp bướm … trần gian….
Có một mùa đào…dòng ngày tháng… chưa.. tàn qua … một lần…
Thiên Thai … chúng em xin dâng.. cho chàng … hai trái… Đào thơm…
Ái ân thiên tiên.. em không ngờ phút mê cuồng… có một lần…
Ánh trăng … tan thành suối… trần gian….

Anh chàng Khánh thật là bất lịch sự, cậu ta dịch mạnh chiếc lưng ra, làm cho tôi ngã "tỏm" xuống nước. Tan biến một giấc mơ tiên của tôi, chỉ có . . . . . một lần !

Trên đường theo toán về trại, tôi cứ luẩn quẩn suy nghĩ mãi: Nguồn vui nào đã đẩy tôi vào một giấc mơ tiên vừa qua? Đúng rồi! Chính do bao tải lạc 40 kg, của buổi sáng hôm nay. Cơm nước chiều vừa ăn xong, là tôi chuẩn bị hưởng thụ mấy phút hạnh phúc, một ngày của tôi.

Tôi mà không trình bày lại sự việc, để cho nhiều người cùng biết thì "mấy phút hạnh phúc" của tôi sẽ giảm "sướng" đi rõ rệt.

Xin thưa sự việc như sau:

Hơn 20 ngày trước, do một sự may mắn, tôi và Quách Nhung đã "móc ngoặc" mua được hai bao thuốc lá Điện Biên. Sau những thảo luận cân nhắc, ý kiến của tôi đưa ra đã được Quách Nhung đồng ý "ngoắc" ngón tay út.

- Khổ đau, nặng nhọc làm càng nhanh, để rút ngắn thời gian khổ cực lại

- Hạnh phúc, nhàn hạ phải biết kìm hãm, chế ngự để kéo càng dài, không thể kéo được nữa, mới chịu thôi.

Do điều kiện khó khăn ở trong tù, chúng ta có hai bao thuốc. Mỗi một ngày, sau khi cơm nước buổi chiều, mỗi người chỉ kéo một hơi thôi, như thế chỉ hết nửa điếu thuốc. Kiên trì, cương quyết chỉ một hơi! Vừa không hại sức khỏe, không tốn tiền, vừa ngon, say sưa vì 24 giờ mới hút có một lần. Dù ngày vui, hay ngày buồn cũng không thay đổi. Điều này duy trì được, cũng nói lên bản lĩnh chế ngự của một người. Chúng tôi học theo một ý tưởng trác tuyệt, đã trở thành danh ngôn của cụ Dương Hùng, đời Hán:

Tự tri giả anh... tự thắng giả hùng.

(Tự kìm chế, tự biết được chính mình, đã là giỏi, là anh hùng rồi).

Rất buồn cười, Quách Nhung cũng như tôi, mỗi lần hút đều phải cố thở hơi ra hết, để lấy sức kéo vào. Hút xong, mặt anh nào cũng đê mê, đờ đẫn, mắt lờ đờ. Mặt đực ra, như mặt ngựa mót đi cầu. Như thế một điếu thuốc lá Điện Biên, chúng tôi chỉ kéo được bốn hơi là hết.

Ngày hôm qua (May 5- 04), gọi điện thoại sang Atlanta. Quách Nhung đã nói nguyên văn: "ở Mỹ bao nhiêu thuốc ngon mà em vẫn thèm, một hơi thuốc lá Điện Biên ngày ấy!"

Quách Nhung đã xấp xỉ lục tuần, được ra tù 1983. Lập gia đình, đã có bốn con, ba gái một trai. Đứa gái lớn đã vào Đại học và đứa con trai, nhỏ 15 tuổi. Hiện nay Quách Nhung sống, hạnh phúc với gia đình ở Atlanta.

Toán BK của Quách Nhung hơi đặc biệt (toán gồm 5 người), nhưng hiện nay (12/2004). Chỉ duy nhất Quách Nhung còn sống. (những người khác chết, nhưng không phải là chết trận).

Tên toán là Horse, ra Bắc ngày 10/5/1965. Địa bàn hoạt động thuộc tỉnh Sơn La.

1. Đinh Thế Chân, toán trưởng, bị cùm chết ở trại Phong Quang, Yên Bái.
2. Quách Nhung, toán phó, hiện ở Atlanta Mỹ.
3. Bùi Văn Ơn, nghe miền Nam mất. Anh buồn, không chịu ăn uống, rồi mang bệnh chết 3/1976 tại trại Hoành Bồ, Quảng Ninh.
4. Đinh Công Sửu, bị ung thư chết 6/1980 tại trại Thanh Phong, Thanh Hoá .
5. Nguyễn Quốc Thắng, chết vì sốt rét 3/1986 tại tỉnh Đồng Nai, VN.

Tôi nhớ lại một buổi, hôm đó là sáng Chủ nhật, sau khi làm vài động tác thể dục như mọi lần, tôi quay vào nhà. Thoáng thấy bóng bác Chấp đang đứng trầm ngâm một mình, ở một góc sân. Đã từ lâu, tôi muốn dành một buổi thăm hỏi bác về toán Castor của bác.

Hàng chục năm nay, từ ngày gặp bác. Qua các anh em BK, tôi đã hiểu toán của bác là toán BK đầu tiên, nhảy ra Bắc bằng máy bay. Và cũng là toán khởi đầu bị phản gián, giống như một chuyện đã xẩy ra giữa 2 cơ quan tình báo IS (Intelligence Service) của Anh và Gestapo của Đức trong thế chiến II. Sau này đã đóng thành phim "Đây Luân Đôn gọi Bắc cực" (Londre appel pole Nord), tôi đã được xem. Hôm nay có dịp, tôi đã kéo, mời bác vào một chiếc ghế vắng, trong hội trường.

Bác rất vui và niềm nở, nhưng khi tôi đề cập tới toán Castor, thì bác tỏ ra uể oải, lờ đờ như không muốn nhắc lại. Gặp nhau từ hàng chục năm, qua nhiều các trại tù, tôi rất quý mến bác, và tôi cũng được lòng mến thương của bác. Lúc đầu, tôi chưa hiểu nên rất ngạc nhiên, sau tôi hiểu dần tâm trạng của một người cảm thấy một chút sượng sùng, vì công việc của mình đã làm. Cho nên, buổi nói chuyện ấy, tôi chỉ biết sơ lược về toán Castor.

Toán Castor nhẩy ra Bắc ngày 27/5/1961. Địa bàn hoạt động thuộc Mộc Châu, Sơn La (Bắc Thái). Toán có 4 người:

1. Hà Văn Chấp, toán trưởng, hiện ở CA. (2/05).
2. Lò Văn Piếng, truyền tin, hiện ở VN, do lẳng nhẳng ghép người, phái đoàn Mỹ từ chối, nên không thể đi Ho.
3. Quách Thức, toán viên. 1982 được tha về lấy vợ, vết thương cứ loét dần, 1987 đã chết ở VN.
4. Đinh Văn Anh, toán phó, hiện ở CA. (2/05)

do Nguyễn cao Kỳ lái máy bay thả toán, lại thả vào một bản làng. Quách Thức đã bị thương do đạn du kích, ngay khi toán đổ bộ. Kiện hàng rơi mãi cuối làng.

Tôi vẫn gặp cả 4 anh ở trong tù. Rồi dòng đời đẩy xô, xê dịch, chìm nổi của mỗi người, với hoàn cảnh nghiệt ngã của quê hương, để rồi tôi đã gặp lại bác Chấp và Đinh Anh mấy lần, mỗi khi tôi có dịp ghé đến CA. Dù chuyện trò, ăn uống khi gặp lại, nhưng chẳng ai hỏi lại nhau những chuyện thuộc quá trình. Hơn nữa bác Chấp đã 84- 85 tuổi rồi, tâm trí của bác đã bị thời gian hút hết mầu mỡ, chỉ còn lờ mờ xộc xệch trong quãng đời cập quạng, để chờ đi về cõi vĩnh hằng.

Giai đoạn này, do tôi cần một số dữ kiện cho tập cuối cùng của TĐ. Mới hôm qua (25-2-05) tôi đã gọi nói chuyện với anh Đinh Văn Anh gần 2 giờ

liền, để biết thêm những chi tiết ngộ nghĩnh của toán Castor, tưởng như nếu phải viết một bài báo mấy kỳ mới tạm đủ. Những chi tiết tưởng như không thể tin được nhưng tôi đối chứng với Phan Thanh Vân (vừa tròn thất thập) hiện ở Washington DC, Đinh Văn Anh 74 tuổi ở CA và với những BK khác, tôi phải tin:

- Nguyễn cao Kỳ phải lái máy bay ra Bắc lần thứ 3, mới thả được toán Castor.

- Từ sự quan hệ thân mật giữa ông Trần Khắc Kính và Nguyễn Cao Kỳ, đã chuyển đổi được cuộc đời Nguyễn Cao Kỳ.

- Phan Thanh Vân phải lái chuyến bay định mệnh 2-7-1962, để rồi bị tên lửa tầm nhiệt của CS chờ săn hạ ở xã Tô Hiệu, Cồn Thoi, giữa ranh giới Thanh Hóa và Ninh Bình.

- Đinh Văn Anh, VC không khai thác được khóa an toàn (security), chúng phao tin ĐA xuống dù vào cây, đã chết.

- Điều trùng hợp lạ lùng là lại có 3 anh chàng Lò Văn Piếng. Cùng là người Thái trong, lại cùng gia nhập biệt kích, nhẩy ra Bắc ở 3 toán khác nhau, nhưng chỉ có LVP của toán Castor làm truyền tin. Để rồi chính Việt Cộng cũng bị lầm, chúng chủ trương tha một người, lại tha một người khác.

Cái người đối với chúng có công, là Lò Văn Piếng (Bẩy Tá) cùng với Hà Văn Chấp gọi báo về cho tình báo miền Nam, sắp xếp cho chuyến bay tiếp tế của Nguyễn Cao Kỳ, vẫn còn trong tù. Chúng lại gọi tha cho Lò Văn Piếng (Bằng) mới bị bắt sau này ra công trường. Còn một Lò Văn Piếng (Duy) nữa, những tiếng ” lóng ” ghép theo, chỉ những BK người Thái mới phân biệt v.v.

Vì không phải chủ trương của người viết, nên xin không trình bầy tiếp.

Sáng hôm nay, một tin bất ngờ làm rúng động anh em BK, cũng làm rúng động cả trại tù Thanh Phong luôn. Một sự việc từ trước, chưa bao giờ xẩy ra với Biệt Kích, Gián Điệp. Bộ Nội Vụ (bộ CA) đã gọi tên, tha cho về với gia đình ở miền Nam 3 BK:

- Đèo Văn Bạch là trường truyền tin của toán Dauphine, án tù 18 năm. Như vậy anh Bạch chỉ ở tù 16 năm.

- Thân Văn Kính án chung thân, toán trưởng của toán PEGASUS bị bắt 20-2-1963. Như vậy anh Kính cũng chỉ tù hơn 16 năm.

- Anh Đinh Văn Lâm án chung thân,toán trưởng của ATILLA, ra bắc ngày 25-4 -1964. Như vậy anh Lâm chỉ ở tù 15 năm.

Toán DAUPHINE và toán PEGASUS tôi đã nêu ở trên rồi. Dưới đây là toán BK ATILLA ra Bắc 25-4 -1964. Toán gồm 6 người, do anh Đinh Văn Lâm làm toán trưởng, nhảy ở vùng Thanh Chương, Nghệ An.

1. Đinh Văn Lâm toán trưởng, hiện ở NJ (Mỹ) án phạt chung thân.
2. Nguyễn Văn Sửu án phạt 20 năm, hiện ở Atlanta (Mỹ)
3. Nguyễn Văn Hình án phạt 16 năm, truyền tin trưởng, hiện ở Australia.
4. Nguyễn Văn Thi án phạt 18 năm toán phó. Đã chết 27-8-1964 trong trại tù số 3, ở Nghĩa Đàn, Nghệ An.
5. Nguyễn Văn Kế án phạt 8 năm, hiện ở Cali (Mỹ)
6. Nguyễn Văn Hữu án phạt 6 năm, truyền tin phụ, hiện ở NY (Mỹ). Một điều hơi khác thường, với Nguyễn Văn Hữu.

Án phạt của Nguyễn Văn Hữu chỉ có 6 năm, nhưng mãi tới 7-1982 mới được tha. Như vậy, Hữu đã ở tù 18 năm. án nhẹ nhất, lại ở lâu nhất, của toán ATILLA. Toán nhẩy xuống, trong vòng một tháng sau là bị bắt.

Ba anh BK có án được tha, lại là loại có án nặng. Điều này làm xôn xao, cho toàn thể anh em Biệt Kích Gián Điệp. Mỗi người đều suy đoán, theo sự chủ quan của mình, cuối cùng chẳng có một cơ sở nào, để kết luận.

Đến cuối tháng 1-1980 gần Tết âm lịch lại gọi tên tha cho 2 anh nữa là :

- Hoàng Văn Vân, án chung thân thuộc toán Pégasus (tôi đã tường thuật). Như thế anh Vân cũng chỉ ở tù gần 17 năm. Hiện nay, anh Vân đang ở Atlanta.

- Đặng Công Trình án phạt chung thân. Anh Trình ở trong toán SCORPION (tôi đã tường thuật), nhẩy ra vùng Yên Bái ngày 17-6-1964, như thế anh Trình chỉ ở tù 16 năm rưỡi.

Qua 2 lần tha biệt kích, gián điệp của miền Nam trước hội nghị Paris. Mỗi lần tha như vậy, đều có 5- 7 anh tù hình sự cũng được tha. Nhìn vào từng cơ sở, hiện tượng, so sánh, cọ sát, tình hình trong cũng như ngoài nước. Rồi những dư luận của những thân nhân gia đình, của anh em BK ra thăm trong dịp tết âm lịch, tôi cũng nhận định suy đoán, theo sự hiểu biết chủ quan của tôi:

Có những điểm chung:

- Thành phần, hầu hết các anh được tha đều có án, và cùng chưa hết án.

- Không kể cái gọi là ” cải tạo ” tốt hay xấu.

- Phải còn khỏe mạnh, tỉnh táo.

- Những người có án nhưng đã ở quá án, lại không được tha.

- Những người không phải ra tòa xử, chỉ có cái án “cao su ” là tập trung cải tạo, thì hãy còn nằm yên đấy.

- Thời gian tù đầy hầu hết 15 – 18 năm, tuổi đã lớn, già, biết bao nhiêu bệnh tật, hiểm nghèo của những anh tù Biệt kích gián điệp Thậm chí có những toán BK được xử công khai có báo chí nội, ngoại tham dự. Tòa đã xử trắng án như toán Boone của Nguyễn Huy Lân. Tất cả các anh cũng tù 15-16 năm rồi, bây giờ cũng cứ nằm đấy.

Như thế rõ ràng ai cũng thấy:

Việt Cộng tha những anh BK này là vì chính trị, là vì họ chứ không phải vì cá nhân, những biệt kích này. Qua tin đồn của những người ra tiếp tế, tổng hợp rồi suy ra:

- Những người di tản (30 – 4 -1975). Những người vượt biên của miền Nam họ có những thân nhân, chồng, cha, anh em phải vào cái gọi là ” trại cải tạo ” của Việt Cộng đặt ra.

Đầu tiên, nhà nước cách mạng ra thông báo:

Các hạ sĩ quan, binh lính đem cơm gạo, thực phẩm sinh hoạt trong 3 ngày. Gọi là đi học tập 3 ngày, mà như đi liên hoan. Mỗi ngày vài giờ lên lớp giải thích về hòa hợp dân tộc, về trách nhiệm của mỗi người dân với tổ quốc, quê hương. Còn thì chỉ ca, hát vui cười, để hưởng cái không khí mới của cách mạng.

Đúng 3 ngày, dự một bữa tiệc liên hoan, rồi ra về. Mặt ai cũng hồ hởi, vui tươi để rồi làm cái loa tuyên truyền. CS không phải trả tiền, không phải chỉ dẫn, mà chúng không thể làm được.

Chừng một tuần sau, để cho sự tuyên truyền đó đã đủ ngấm, mới có lệnh mời các vị sĩ quan cấp úy, cấp tá v.v. . . đi học tập để thấm nhuần đường lối của Nhà nước Cách mạng. Nhà nước CM nghèo, các anh hãy mang cơm gạo, thực phẩm, quần áo sinh hoạt trong 10 ngày (rất biện chứng và hợp tình, lý).

Các vị sĩ quan cứ rầm rập, hớn hở mà đi, dặn vợ con, bạn bè những công việc trong 10 ngày nữa. Thậm chí, có rất nhiều chuyện, hiện nay nghĩ lại còn phải buồn cười. Có vị đã đặt tiệc ở nhà hàng, đến ngày đó mang đến số nhà ấy v.v. . . Để rồi các vị đi luôn, bây giờ đã 5 năm rồi, mà cứ đi . . . đi . . . . mãi không chịu về .

Ở ngoại quốc, ở Mỹ có hội ân xá Quốc Tế sờ sờ ra đấy. Đa số thân nhân của các vị sĩ quan đó, đã làm đơn đến cơ quan ân Xá Quốc Tế, của Liên Hiệp Quốc để khiếu nại, để complain. Cơ quan ân Xá Quốc Tế của LHQ (VC đã là thành viên) chắc cũng đã nhiều lần bực bội phản kháng VC.

Chúng ta đã không lạ: VC lắt léo giải thích lẳng nhẳng, để kéo dài . . . . Nhưng những Biệt Kích, Gián Điệp này cũng có những thân nhân, vượt biên. Bây giờ họ đã biết chồng, cha, anh, em của họ đã đi tù, từ những năm 1960 – 1964-1965 cho tới nay 1980. Họ đã ở trước cả hội nghị Paris 27- 1-1973 không những đã không được trao trả, mà còn giam giữ ở các trại tù miền Bắc, cho đến ngày nay v.v. . .

Hội Ân Xá, hay LHQ không thể tin được! Nhưng đơn từ, tên, tuổi, người thật, việc thật, không muốn tin, cũng phải tin. Họ ngạc nhiên hỏi VC, không còn thái độ lịch sự ngoại giao nữa. Tụi VC cũng không còn cái lý cù nhầy, lắt léo nào cho ổn. Cho nên, chúng đành vội vàng tìm những tên BK (như trên) tha về, (cho ra cái lồng lớn). Để những tên này, chống đỡ với dư luận, trong và ngoài nước, dùm cho chúng. Việt Cộng rất biết: Đành rằng mỗi một tên BK về miền Nam được bồi dưỡng hàng tuần, phải ký cam đoan một điều kiện: Khi về với gia đình ở miền Nam, tuyệt đối không được nói bất cứ một chuyện gì, về tù đày cùm kẹp ở các trại tù v.v. . . Nếu không giữ đúng thì anh sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Năm cái từ "hoàn toàn chịu trách nhiệm " này. Bất cứ ai còn ở trong tay của VC (ở trong nước, cũng là trong tay VC) thì phải khiếp sợ 5 cái từ này: VC có thể bắt, giết bất cứ lúc nào, không cần phải có lý do.

Chúng ta cứ hình dung: Một anh BK như trên, về miền Nam gặp gia đình: Anh tương đối khỏe mạnh, tỉnh táo. Bố mẹ, hay vợ con hỏi:

- Án của anh bao nhiêu?

- Chung thân.

- Anh ở tù bao lâu?

- 16, 18 , 15 năm!

Như thế, ai cũng thấy nhà nước VC nhân đạo quá!

VC thừa hiểu dù bắt anh viết cam đoan, nhưng chúng biết chắc, sớm muộn anh sẽ nói rõ với bố mẹ, vợ con, bạn bè của anh. Nào VC cùm kẹp, bắt ăn ngô, khoai, sắn, đói khổ lắm v.v…

Bấy giờ ngay vợ con anh, bố mẹ anh nghe anh nói, nghe anh kể, những nỗi đói khát cùm kẹp, của anh sẽ bằng một ánh mắt: Anh tả oán như vậy để cho bố thương, vợ thương, chứ đâu mà Việt Cộng lại như vậy? Cụ thể nhất, là anh vẫn khỏe, hoạt bát, chưa hết án, đã được về ! Không những chính người thân của anh, mà còn không tin anh, mà còn tự nguyện sẽ làm một cái loa tuyên truyền rất hữu hiệu, mà VC tuyên truyền thì không hữu hiệu được như thế!

Thực tế có biết đâu, Việt Cộng đã tuyển chọn hàng trăm Biệt Kích tù đày, gầy ốm yếu, bò lê, bò càng, ho hen què quặt. Những anh tốt đẹp nhất do phấn đấu riêng, hay trời cho cơ thể người đó v.v . :

Sáng hôm nay xếp hàng theo toán ra lán thủ công như mọi ngày, cảnh vật chung quanh làm tôi hơi băn khoăn. Bây giờ đã giữa tháng tư, tôi đã nghe thấy những tiếng cuốc của cụ Nguyễn Khuyến, gào gọi mùa Hè về từ hơn một tháng rồi. Sao hôm nay còn có sương mù? Nhìn chiếc lán thủ công, nhà máy phát điện con con của trại ở cạnh chiếc đồi trọc, phía bên kia con đường dẫn ra Suối Tiên, mờ mờ trong sương đục. Làm tôi lại nhớ đến bác Hàn Mạc Tử:

Ở đây sương khói… …mờ nhân ảnh….
Ai biết tình ai……có……đậm đà?

Tôi và Lầu Chí Chăn đang thao tác kỹ thuật đặc biệt, cho cái bàn kiểu, gỗ lát, cũng cho ông giám thị Nho, thì có bóng tên Thượng úy Hoàng Duyên vào cửa lán thủ công. Y lại tiến đến tổ kỹ thuật, chúng tôi chào lấy lệ, rồi lại cắm cúi vào chiếc bàn. Y tiến sát gần, thấy thái độ của y ngập ngừng, tôi lên tiếng trước:

- Cán bộ có muốn đóng một cái bàn, thế này không ạ?

Mặt y tươi hẳn lên, rồi vồn vã:

- Tôi sợ anh không còn thời gian, để đóng bàn cho tôi!

Tôi và tên Duyên này cũng đã đôi lần chuyện trò quan hệ, giữa một người với một người, chứ cũng chưa hề có thân tình. Vả lại kỳ này có thể nói, là giai đoạn thoải mái nhất từ khi tôi ở tù.

Rất nhiều cán bộ, hoặc bộ đội (CAVT) Thiếu uý, trung sĩ, đã móc ngoặc với tổ kỹ thuật chúng tôi, để làm lén lút đồ tư. Cái hòm gỗ mỡ (2 cân gạo), cái bàn con uống trà (3 kg gạo) v.v… Chúng tôi hiểu nếu họ cứ xin cơ quan để làm đồ tư, giá cao hơn đến 8-10 lần, lại còn phải xét, duyệt, bình bầu lôi thôi. ở đây chỉ mất một phần 8 hay I phần 10 mà lại còn được gỗ tốt, làm kỹ. Hai bên cùng có lợi. Thỏa thuận 2 bên những quy định, chúng tôi làm xong, giấu ở đống vỏ bào nào, ở lán. Họ để gạo ở chỗ nào v.v…

Vì thế khi nghe tên Duyên nói: "Tôi không còn thời gian để đóng bàn cho y". Tôi lại hiểu là: "Tôi làm đồ tư nhiều quá, còn thời gian đâu?" Thấy tôi như chưa nắm được câu nói, y đã nói rõ hơn:

- Anh đã có lệnh tha rồi !

Tôi cười, nhớ lại ngày Tết âm lịch vừa qua, đúng sáng mồng một Tết, một số chúng tôi ra ngoài sân trại gặp nhau chúc Tết, chuyện trò tâm tình của một ngày đầu Xuân ở trong tù. Có những anh trầm tư, cúi đầu một mình lê những bước chân chậm chạp, trong những góc vắng vẻ của cái sân. Thả lỏng cho dòng tư tưởng, đi theo những tuyến đường riêng của nó. Bỗng tên Hoàng Duyên, đeo chiếc hàm thượng úy đỏ chói, hớn hở đi vào cổng trại.

Một vài anh em, đã xô đến để chúc mừng buổi đầu Xuân. Tên Duyên cũng vồn vã chúc Xuân, với mọi người tù. Trong các buồng anh em càng kéo ra đông, nhiều anh em ca hát, thậm chí Toán Xồm còn mang cả chiếc đàn guitar chế biến đặc biệt ở trong tù, ra gẩy. Không khỉ ngày Xuân như được hâm nóng dần, tên Duyên quay lại mặt như hoa nở, cũng nhún nhẩy theo điệu đàn của bản nhạc vàng: ***Xuân này con không về***

Con biết bây giờ mẹ chờ tin con
Khi thấy mai đào nở vàng bên nương…..
……
Mẹ thương con xin đợi ngày mai . . . .

(Hình như của Trịnh Lâm Ngân.)

Tên Duyên còn vẫy tay, thúc giục một số anh, vẫn còn dè dặt đứng nhìn:

- Các anh hãy nhẩy và hát lên đi, cho vui ngày Xuân!

Tôi, Quách Nhung, Quách Rạng cũng nhún nhẩy với cô nàng Xuân, của khung trời Thanh Phong. Tôi biết tên thượng úy Hoàng Duyên này, hiện là chỉ huy của CAVT (gồm 2 đại đội), của trại tù Thanh Phong. Hôm nay y ra lán mộc, lại nói đùa với tôi , tôi cũng đùa lại chứ có ngán gì. Nghĩ thế, tôi cười nói:

- Bây giờ chỉ có một người nói tôi "được tha" tôi mới tin!

Mấy anh em chung quanh, đều quay lại mở to mắt nhìn tôi. Tên Duyên, cũng hấp him đôi mắt tò mò, ngước lên nhìn chằm chằm vào tôi:

- Ông Trung tá chánh giám thị, Nguyễn huy Thùy hả?

Tôi cứ nói thẳng, cái đùa bỡn trong lòng:

- Bây giờ chỉ có ông Trần Quốc Hoàn, (bộ trưởng bộ nội vụ) xuống cầu bào này nói: "ĐCB! Hôm nay ta tha cho ngươi!"

Làm gì có cái chuyện, ông Trần Quốc Hoàn xuống cầu bào, nói như thế? Nhưng qua buổi đùa bỡn này, tôi biết tên Thùy đi học Liên Xô về, đã lên Trung tá.

- 18 -

CHIM VỀ TỔ

Chuyện khó tin, mà lại có thật! Chỉ hai ngày hôm sau, một buổi trưa toàn trại đang ngồi xếp hàng chờ, để đi lao động như mọi khi, có mấy cán bộ lạ đã đọc tên tha 7, 8 người. Sáu, bảy người là tù hình sự, hai người tù chính trị là :

- Phan Thắng Toán (Toán Xồm)

- Đặng Chí Bình

Không những anh em bàng hoàng, mà chính tôi cũng bàng hoàng, đờ đẫn. Tám người vừa được đọc tên ở lại trại, không đi làm. Với bao nhiêu cặp mắt ngoái nhìn lại nhau, như muốn nói ngàn câu, tâm tư nhiều ngả. Đã có kinh nghiệm, trời đã chiều, còn phải làm nhiều thủ tục v.v. . . Chắc đêm nay chúng tôi còn phải ngủ lại trại, được tha hồ hàn huyên với các anh em. Đúng như thế! Chúng tôi được phát mỗi người một bộ đồ nâu mới, và được gọi ra hội trường để được lên lớp, giáo dục, làm giấy cam đoan v.v. . . Cái đêm hôm ấy:

Thâu đêm, suốt sáng xầm xì
Ngàn xưa, xin để chút gì ngàn sau.

Tôi đã mang nhiều những cánh thư, chứa đựng nhiều những nhắn nhủ nhớ thương, về cho một số gia đình anh em BK, ở phương trời phía Nam. Sáng hôm sau, một chiếc xe cam-nhông ọp ẹp chắp vá, từ cái thời (Bảo Đại mới lên ngôi) chờ ở ngoài cổng trại. Vì tôi về Sài Gòn nên được phát cho 48 đồng (tiền xe lửa) và một tuần, tem phiếu lương thực.

Cùng đi trên chiếc xe ra ngã ba Chòm Chuối, rồi ra ga tầu, có hai tên CA cũng đi phép. Chiếc xe bắt đầu từ giã trại Thanh Phong, cuốn bụi đường đất, tiến về phía Chòm Chuối. Nó lắc lư, nghiêng ngả, như vừa được nhắp mấy chén rượu nồng. Trên xe tôi ngước mắt nhìn trời xanh, với những đám mây vàng ửng hồng phía sau. Một đàn vạc hình cánh cung, đang sải cánh bay theo chiếc xe, miệng chúng kêu quang quác, như hoan hô chào mừng, tôi nghe như:

"Hôm nay, các anh mới thực sự được ra chiếc lồng to! "

Những nét trầm tư, những cử chỉ lúng túng, xốn xang của những tên tù mới được tha, đã bị niềm phởn phơ hưng phấn quấn quít, làm cho hai tên CA cũng vui lây. Đến ngã ba Chòm Chuối, tôi đã có chủ trương từ đêm qua,

thay vì lấy vé tầu xuôi về Nam, tôi lại trở ngược ra Hà Nội. Tôi đã có ý nghĩ rằng, phải về thăm Hà Nội sau 18 năm ở trong tù, vừa thực hiện được ý định, khi còn là công nhân "ểu', hơn hai năm trước. Vả lại, tôi có linh cảm, nếu không nhân cơ hội này, tôi khó có ngày trở lại đất Văn Vật mến yêu.

Toán Xồm và 5 cậu hình sự, không thích mặc bộ quần áo nâu. Các cậu tuy có những quần áo tư, nhưng đều đã đóng dấu của trại Riêng tôi, từ trong trại tôi vẫn mặc chiếc áo sọc tù có chữ "cải tạo" to tướng, ở trước ngực và sau lưng. Không những tôi không ngượng ngùng như các cậu hình sự, mà tôi vẫn thấy phảng phất niềm tự hào, của con đường tôi đi. Tôi đã bán ngay bộ đồ nâu cùng với các cậu, lấy 7 đồng. Thế là chỉ có mình tôi duy nhất vẫn mặc quần áo tù. Tôi đường hoàng, mặc bộ quần áo này về lại thủ đô Hà Nội.

Ở Chòm Chuối hai tên công an, 5 cậu hình sự, Toán Xồm và tôi cùng ngồi uống nước ở một căn lều bán cơm. Hai tên CA về mãi Phú Thọ, chỉ có hai cậu hình sự về Phủ Lý. Vì tôi cũng về Hà Nội, nên tất cả định đưa tiền cho hai tên CA, cùng lấy vé luôn. Mười hai đồng một người về Hà Nội, 9 đồng vé về Phủ Lý. Qua vài câu chuyện thấy hai tên CA chừng 26, 27 tuổi có vẻ " cả đẫn một cục ". Tôi hỏi:

- Các ông cũng phải lấy vé à ? Có được giảm giá không?

Hai tên là Thái và Diệu đều lắc đầu!

- Nếu đi công tác, thì không phải mua vé!

Thấy hai tên trả lời như thế, chợt óc tôi lóe ra một mưu kế. Tôi quay ra hỏi Toán Xồm, và cả mấy cậu hình sự:

- Chúng ta 9 người đều về Hà Nội, lại có 2 anh CA (bây giờ gọi là anh), tôi có một cách để không phải mua vé. Các anh có đồng ý không ?

Mắt ai cũng sáng lên, đồng ý (nhưng không tin tưởng lắm). Tôi phải nói sơ: Bẩy chúng ta cứ lên tầu, tìm một hàng ghế, rồi cùng ngồi tụm lại. Khi người soát vé đến, hai anh CA mặc quần áo vàng và đeo huy hiệu, mặt nghiêm đứng hai đầu ghế. Bẩy chúng ta không nói chuyện đùa bỡn, coi như chúng ta vẫn là tù, có CA dong tù v.v. . .

Cuối cùng cả bẩy người, đều về Hà Nội không mất tiền, hai cậu hình sự xuống ga Phủ Lý cũng thế. Tên CA Thái cũng đóng đạt vai trò. Ở nhà ga Nam Định, tên soát vé đi đến, tên Thái hất hàm chỉ bẩy chúng tôi mặc áo tù:

- Tôi đưa đám phạm này về Hỏa Lò.

Cái uy lực của "áo vàng", người dân vẫn nem nép. Đến ga Hàng Cỏ thì chia tay, mỗi người mỗi ngả đời. Chẳng hiểu những người muôn năm cũ ấy, có còn một chút nào mờ nhạt, nhớ đến chuyến tầu năm xưa? Họ ở đâu bây giờ?

Mười tám năm tròn, hôm nay tôi lại được vinh dự nhìn lại bộ mặt của mảnh đất "Ngàn năm văn vật".

Từ ga Hàng Cỏ, tôi vẫn mặc bộ quần áo tù, vai đeo một cái tay nải mầu xám đã cũ mèm, với đôi dép Bình Trị Thiên. Tôi lang thang về phía Hàng Bột, tìm về nhà người em gái họ: Nguyễn thị Quy, con gái của bà dì ruột. Năm 1978 tôi ở trại T 52 Hà Sơn Bình, đã nhận được lá thư duy nhất trong 18 năm tù, của vợ chồng em Quy. Đây, chính là nửa lý do, để tôi quyết định trở lại Hà Nội, trước khi về Sài Gòn.

Ngay từ lúc con tầu gần đến bến xe Kim Liên, lòng tôi đã bồi hồi xúc động, như tôi đã thoảng thấy cả hơi thở, của Hà Thành dấu yêu. Cái mùi pha trộn giữa hoa Sen, hoa Ngâu và hoa Đào đã nồng nàn, luồn trong gió.

Hà…Nội ơi……..Hướng về thành phố xa xôi…… Ánh đèn giăng mắc…….muôn nơi. ….

Tôi xa Hà Nội năm tôi 18 khi vừa …….biết nhớ……biết ….yêu ….một..mình……

Ga Hàng Cỏ đây rồi, vẫn chiếc đồng hồ năm xưa, vẫn những mái dài, mái cong ẻo lả. Ngày xưa thì dòng người đầy mầu sắc sinh động, xôn xao chen chúc qua lại. Còn nay, nhìn ga Hàng Cỏ, tôi có cảm tướng chiếc áo ngày xưa, thời mới lớn đã bị sờn vai, rách cổ, chằng đụp nhiều chỗ vá, do cảnh sống bần hàn tất tả ngược xuôi, cũng chẳng khác gì chính bản thân tôi. Mắt tôi đờ đẫn nhìn những cảnh chen chúc, gánh gồng của phố ga, để rồi mọi người đã bắt tay tôi từ giã, mà hồn tôi vẫn còn lảng vảng bên ngoài. Toán Xồm cũng đã chào tôi, đi từ lúc nào.

Như đã có chủ định từ trước, tôi sẽ tìm về Hàng Bột, về nhà người em gái bé tị, ngày xưa ấy. Chân cứ bước, dòng tư tưởng đi riêng từng ngóc này, nẻo kia, của "ngày xưa thân ái", để rồi dưới ánh nắng chiều, tôi đã thấy bóng Tháp Rùa từ xa. Lạ thật, tôi có định ra thăm hồ Hoàn Kiếm, hôm nay đâu? Dự trù là ngày mai, nhưng chân bước đã ra tới đây, thì làm sao tôi còn quay gót được?

Trời xanh thẳm, không một gợn gió, mặt hồ im lặng như một tấm gương, đăm đăm nhìn trời. Hồ Gươm thiên nhiên đẹp lộng lẫy . Hà Nội có hồ Gươm như một mỹ nữ đeo chiếc vòng ngọc quý.

Ngược dòng lịch sử, đầu thế kỷ 15, nhà Tiền Lê đại thắng quân Minh. Trong một buổi bơi thuyền, rùa thần đã nổi lên. Vua Lê đã trả kiếm lại cho thần Kim Quy, và từ đấy hồ được mang tên: Hồ Hoàn Kiếm.

Hồ có tháp rùa (từ hố sâu thẳm của ký ức). Trước đây, thỉnh thoảng những con rùa ngàn năm lên phơi nắng trên miếng đất dưới chân tháp. Đền Ngọc Sơn được xây trên một nền đất, như một hòn ngọc nổi trên mặt hồ. Đền thờ nhiều vị thần linh, chánh thần là Văn Vương, coi về văn học. Sau này thờ thêm một vị tướng "Trần Triều Hiển Thánh" là Hưng Đạo Đại Vương.

Cổng chính quay về hướng Đông, một chiếc cầu cong sơn đỏ, bắc vào đền gọi là cầu Thê Húc (nơi tụ ánh sáng ban mai). Tôi đã thấy rõ nhà bưu điện, tháp bút với 3 chữ lớn lồ lộ: Tả Thanh Thiên".

Đền Ngọc Sơn, Trấn Ba Đình và cả ngôi nhà Thủy Tạ trắng toát, ánh nắng phản chiếu đều lộn ngược đầu xuống hồ. Thậm chí tôi còn nhìn rõ, những tàng Phượng vĩ đỏ chót, cùng với 2 toa của chiếc xe điện thời Tây, ở dưới đáy hồ.

Chân tôi đã tiến đến 2 hòn đá tảng, nơi tôi đã ngồi câu tôm hàng giờ với thằng Long Ngõ Huyện, thời trước 1954. Hai hòn đá như có hồn, như chúng muốn nói với tôi: *"Chào anh Chúng tôi vẫn còn đây, mời anh ngồi đí!"*. Một không khí ấm áp tình cố tri quen thuộc, như len lén vào lòng.

Cũng nơi đây 18 năm xưa, thân phận tôi như một con mồi. Năm, sáu người thợ săn, của phản gián Hà nội, chĩa những con mắt cú vọ nhắm vào tôi (xin đọc Thép Đen I). Dòng tư tưởng đó đến, đã bắt tôi phải ngoái đầu lại, xem có cái đuôi nào bám theo mình? Như một phản ứng, tự nhiên. Nó cũng làm tan biến cái khung trời, đầy mầu sắc trước mặt, và trong hồn tôi

Ánh nắng đã xiên khoai, tôi phải tìm về Hàng Bột đã. Nhìn căn hẻm tồi tàn, đã nói lên cảnh sống của các chủ nhân. Một người phụ nữ chừng ba chục tuổi, ra mở cửa. Bốn mắt nhìn nhau đến ngỡ ngàng vài giây. Tôi phải lên tiếng trước:

- Xin lỗi, đây có phải nhà của Nguyễn Thị Quy?

Người phụ nữ càng mở to mắt, rồi ngập ngừng:

- Thưa …..ông là …….

Tôi nói luôn :

- Đặng Chí Bình!

Cô ấy ôm chầm lấy tôi. Vai cô run lên! Phía trong nhà có hai đứa con trai nhỏ chừng ba và sáu tuổi, đứa ngồi trên chiếc ghế con, đứa đang nằm bò ra nền gạch. Tôi xúc động không nói lên lời. Câu đầu tiên cô em nói, trong nước mắt đoanh tròng:

- Anh gầy quá!

Tôi hỏi:

- Chú ấy đâu?

Cô em chậm rãi:

- Nhà em đạp xích – lô, có khi tới khuya mới về.

Sau những hàn huyên nghẹn ngào, xúc động, tôi được biết sơ lược: Quy năm nay 28 tuổi, lập gia đình lúc 21. Như thế 1954 cô ấy mới 2 tuổi. Thế mà nghĩa tình của cô em, thắm đậm như anh em ruột thịt. Tôi xin cảm ơn và xin ghi nhận, nghĩa tình của cô. Hiện nay cô có hai con nhỏ ba và bẩy tuổi, chú ấy trước đây là công nhân ở khu ” Cao Xà Lá ” (Cao su, xà phòng, thuốc lá). Thất nghiệp hơn 3 năm nay rồi, bây giờ chú phải đạp xích-lô để nuôi vợ con.

Khi quyết định trở ra Hà Nội, tôi định nếu thuận tiện, sẽ ở lại 2, 3 ngày, rồi mới vào Nam. Nhưng tình cảnh nghèo nàn này, tôi chỉ muốn gặp chú ấy nữa thôi, tên chú là Tỉnh. Những người nghèo mà có lòng! Tôi không có gì để giúp đỡ cô chú ấy. Thật là may! Không biết do linh tính hay cô ấy đã nhắn bạn đạp xích lô ngay 8 giờ tối hôm ấy chú đã về nhà. Con người của chú Tỉnh, khi gặp và tiếp xúc tôi lại càng thương mến hơn. Cô chú ấy cứ nằng nặc mời tôi, ở chơi Hà Nội vài ngày. Như tôi đã trình bày, nhìn hai đứa cháu nhỏ, nhìn cảnh sống của cô chú ấy, ruột tôi xót xa và hận cho tôi bất tài, không có khả năng nào để giúp đỡ người thân. Thì còn vui gì mà ở lại!

Có một điều trùng hợp trong buổi gặp cô chú Tỉnh, cả hai phía, tôi lẫn cô em đều muốn biết tin tức về bố mẹ tôi ở Sài Gòn. Những năm, 1956 – 1957 còn gửi thiệp Bắc Nam, nhưng đến 1958-1959 và sau này, thì thiệp thư Bắc Nam đều đã ngừng. Thế là cả hai bên mong ngóng, nhưng cả hai đều không biết gì.

Một bữa cơm gia đình sum họp, dù chỉ có rau, dưa và mấy quả trứng vịt tráng, nhưng đầy nghĩa tình không thể quên. Buổi tối, tôi dứt khoát xin nhờ chú ấy, 5 giờ sáng mai đưa tôi ra ga Hàng Cỏ về Nam. Nước mắt của cô Quy đã chảy nhiều, nhưng tôi vẫn duy trì ý định.

Đêm hôm ấy, cô chú và cả tôi cứ trằn trọc thấp thỏm, ngủ không yên. Mới 4 giờ sáng cô em đã dậy lục đục nấu cơm, rồi nắm cho tôi một nắm cơm với muối vừng. Từ chối thì cô chú ấy sẽ buồn, tôi đành nhận nắm cơm, nhưng tôi dứt khoát không ăn sáng, lấy lý do bụng hãy còn no và không quen ăn sáng sớm. Tôi muốn dành lại cho hai cháu nhỏ.

Hai đứa nhỏ còn ngủ, cô ấy cứ nằng nặc đòi đi theo tôi ra ga để tiễn chân. Tôi hiểu đêm qua, cả cô chú ấy đều thiếu ngủ, chú ấy còn phải đạp xích lô cả ngày kiếm ăn, vì thế tôi giao hẹn, cô chú chỉ đưa tôi đến ga rồi phải về ngay, nếu không đồng ý, tôi sẽ đi bộ ra ga một mình.

4: 30 đã ra tới ga Hàng Cỏ, cô ấy ôm lấy tôi, nước mắt lại đầy vơi còn giúi vào tay tôi 20 đồng. Tôi có là người mất trí, mới nhận 20 đồng này. Cô chú ấy đã làm cho chính tôi, nước mắt cũng vòng quanh.

Một mình tôi khoác chiếc tay nải, lủi thủi bước vào trong ga, thất thểu, ngơ ngác nhìn cuộc đời, nhìn dòng người lạ lẫm. Một lúc sau, nhìn sang phía góc trái, một hàng dài đến 4 – 5 chục người xếp hàng, đợi mua vé. Tôi hỏi và được biết, đúng là chỗ mua vé tầu đi vào Nam.

Đứng xếp hàng một lúc, nhìn thấy hàng còn dài quá. Tôi nghĩ, cứ như thế này, phải 2- 3 giờ nữa mới đến lượt mình. Tôi cũng thấy hơi là lạ, là ai cũng chăm chú nhìn tôi. Đứng một lúc, tôi chợt hiểu, họ nhìn chỉ vì bộ quần áo tù của tôi và cái dáng dấp gầy xanh, như người có bệnh lâu ngày. Tôi nghĩ, cứ lên thẳng chỗ cô mặc bộ đồ vàng, đang bán vé hỏi xem, may ra được chiếu cố vì mới ở trong tù ra. Nghĩ như thế, tôi lấy tờ giấy tha ra tù, đi lên chỗ cô bán vé. Tay cầm giấy, tiến dần đến chỗ cửa sổ bán vé, cả giòng người xếp hàng đều bàn tán nhìn theo tôi. Mặc, tôi đến trước quầy vé:

- Thưa cô, tôi vừa ở tù ra, tôi muốn mua vé đi Nam, cô có thể thông cảm bán ưu tiên cho tôi không?

Cô ta ngẩng mặt nhìn tôi, cả mấy người xếp hàng đều quay lại nhìn tôi. Cô ta giọng hách dịch:

- Cho tôi xem giấy của anh!

Cô cầm tờ giấy ra trại, cắm cúi xem, quay ra nhìn tôi, rồi nói to với những người, đang xếp hàng:

- Đây là một anh đã ở trong tù 18 năm, anh mới từ trại giam ra ngày hôm qua, đồng bào có đồng ý bán vé cho anh ta trước không?

Ồn ào nhiều tiếng nói:

- Đồng ý, bán vé cho anh ấy trước!

- Hãy bán vé cho anh ta đi !

- Chúng tôi hoàn toàn đồng ý ! Cô hãy bán vé cho anh ta trước!

Mặt cô bán vé tươi hẳn ra, và tôi cũng xúc động không ngờ. Cô bán vé ngước lên hỏi tôi giọng dịu đàng, khác hẳn khi nãy:

- Anh muốn đi ngày nào?

Niềm hưng phấn của tôi, hãy còn đầy ắp:

- Tôi đi ngay hôm nay ạ !

Mọi người đều ồ.. ồ lên. Cô bán vé mở to mắt nhìn tôi, rồi từ tốn:

- Mọi người xếp hàng ở đây, mua vé cho thứ Hai tuần sau mới đi !

Có một bà đứng gần đấy, nói rõ ràng rành mạch:

- Anh ở trại lâu nên không biết! Bây giờ xếp hàng mua vé phải hàng tuần lễ nữa mới đi, làm gì có kiểu mua vé đi ngay?

Như trên trời rơi xuống, tôi buồn và ngơ ngác, tay cầm tờ giấy ra trại (do cô bán vé đưa lại), tay xách chiếc tay nải tiến ra giữa sân ga, lòng chưa biết tính sao? Tiền đâu để ăn cả tuần lễ? Lại về làm phiền cô chú em ư?

Trời sáng dần, nhiều người vây quanh lấy tôi, bỗng có một bà cụ chừng ngoài 60, tay cụ như cầm cái gì đút vào túi áo tù của tôi. Tôi đang thò tay vào để xem cái gì, lại một ông dáng nông dân đút vào túi kia. Bà cụ đút vào túi tôi năm đồng, ông nông dân cho ba đồng. Tôi còn đang lúng túng thì một cô chừng 20 tuổi tóc ngắn đưa cho tôi hai ổ bánh mì có nhân. Đồng bào vây chung quanh tôi đến hàng chục người. Tôi bàng hoàng bất ngờ, ai cũng nhìn tôi bằng những đôi mắt thương cảm, ái ngại.

Mười tám năm xưa, khi tôi ra Bắc, rồi bị bắt, người ta đã xô đến ném đá, chửi bới tôi là biệt kích, gián điệp, ăn gan, uống máu nhân dân ra phá hoại miền Bắc, như ở Hà Tĩnh. Mười tám năm sau, tôi ra tù thì đồng bào đã đối xử với tôi như thế này. Đồng bào đã thể hiện tình thương yêu chân chính, của những người cùng một nước. Như thế đường tôi đi, đường tôi chọn là đúng, con đường thực sự mang lại dân chủ, tự do, cơm no, áo ấm cho mọi người. Tôi cảm thấy thật gần gũi, trong tình đồng bào.

Trời càng sáng dần, khi tôi còn đang đứng trong vòng vây của nhiều người tò mò, thì có một ông chừng 44, 45 cao lớn, mặc quần áo bộ đội, không đeo quân hiệu, quân hàm nhưng đeo khẩu súng ngắn, trễ bên hông. Ông ta rẽ đám đông đến bên tôi, ôn tồn:

- Anh cho tôi xem, giấy tờ của anh?

Giấy ra tù tôi đang cầm ở tay, tôi đưa luôn, mình thực thì có gì phải ngại ngần. Ông ta đọc xong, nhìn tôi rồi dõng dạc:

- Tôi cùng gia đình đi chuyến tầu vào thành phố HCM lúc 7: 30 , gia đình tôi có một người em bị bệnh không đi được, anh có muốn đi thay, thì đi theo tôi.

Đúng là nắng hạn lại gặp mưa rào! Tôi mừng quá. Có mấy người cũng thúc hối. Một bà chừng hơn bốn chục, nét mặt rất đôn hậu đẩy vai tôi:

- Anh đi theo ông ấy đi, may quai Tôi cũng yên lòng!

Tôi chào mọi người, rồi vội vàng theo cái ông đeo súng! Tôi tưởng như mình đang từ giã những người ruột thịt. Ông ta trả lại giấy cho tôi, rồi căn dặn:

- Anh đứng đây chờ tôi một chút nhé !

Đi chừng hai chục phút, quay lại, ông vồn vã kéo tay tôi lên một toa tầu. Đến một khoang ông mở cửa, bên trong có 2 cái giường sắt to và nhỏ. Cái to có một chị chừng 30- 35 tuổi với một đứa nhỏ 2, 3 tuổi. Ông đeo súng quay lại tôi, nói với người phụ nữ đang ngồi ôm con trên giường:

- Đây là anh Bình, anh đã nói với em. Còn đây là nhà tôi!

Tôi hơi cúi đầu ngập ngừng:

- Xin chào chị ạ !

Ông đeo súng chỉ tay vào chiếc giường con, sốt sắng:

- Đấy, anh sử dụng chiếc giường đó, thay chú em tôi.

Tay tôi đang ôm 2 ổ bánh mì, 2 cái bánh bao, và 2 cái bánh giò của đồng bào cho. Tôi nhìn em bé nhưng nói với chị phụ nữ:

- Anh chị giúp tôi, cho cháu ăn hộ bớt, tôi làm sao ăn hết!

Nói rồi, tôi chỉ cầm một ổ bánh mì, còn đặt hết xuống chiếc giường to. Đúng là tác phong quân sự, anh cười, bảo:

- Cứ để đấy.

Thực là một sự may mắn kỳ diệu. Chuyến tầu xuôi Sài Gòn 7:30 chuyển bánh. Anh chị Thanh, (tên anh đeo súng là Thanh) chuyển công tác vào Nam mang theo cả gia đình. Anh Thanh vội vàng ra sân ga mua ít bánh trái để ăn dọc đường. Anh đã đọc giấy ra trại của tôi, đã biết tôi là gián điệp của VNCH, nhưng thái độ của anh tỏ ra "không thành vấn đề" giúp người không may là chính. Tôi hiểu, thời gian còn dài, từ từ tôi sẽ tâm tình chuyện trò.

Ánh nắng ban mai như dát lụa, ẻo lả luồn qua cửa sổ trải dài một mảnh vuông lung linh, giữa khoang tầu. Tầu bắt đầu chuyển bánh, bất chợt anh Thanh chạy bổ ra phía cửa sổ, đầu và hai tay anh cúi ra phía ngoài, người anh cứ như cái máy, cứ kéo lên, giật xuống liên hồi. Quá bất ngờ tôi và cả chị Thanh chưa kịp có phản ứng, thì hai tay anh kéo lên một cái túi lưới nylon xanh, có hai ba con tôm càng khô. Anh Thanh đỏ mặt, tía tai, hổn hển quát:

- ĐM! Tao mà rút được súng ra, tao bắn vỡ đầu chúng mày!

Tầu bắt đầu chạy nhanh! Tôi đã hiểu: Nắng sớm, anh Thanh có 2 kg tôm he khô (tôm biển), hơi bị ẩm, anh sợ bị mốc, anh định treo phơi ngoài cửa sổ. Không ngờ tụi lưu manh chờ tầu chạy, chúng giật. Tôm đó là quà của anh mang vào Nam tặng bạn bè .

Qua việc này, tôi đã hiểu cảnh sống của XHCN hiện thực hơn. Người tôi rung rinh theo con tầu đang chạy xuôi Nam. Lòng tôi phơi phới mở rộng thênh thang, mắt tôi lững lờ nhìn qua cửa sổ những hàng cây trên đồi núi chạy vùn vụt về phía sau. Con tầu ré lên một hồi tu hu . . . . . tu hu . . . . . rồi hồng hộc chui vào một vùng ngát đẫm mùi hoa soan, chính chị Thanh cũng đập vai anh Thanh hỏi thương yêu:

- Cái mùi gì mà thơm thế hở mình?

Anh Thanh miệng thì ừ. . . .ừ. . . .nhưng đầu lại lắc lắc:

- Anh cũng chả biết mùi gì mà thơm thực!

Để dự phần vào cái hạnh phúc gia đình của anh chị Thanh, tôi quay lại:

- Mùi hoa soan của quê hương đấy! Tôi cũng hơi lạ, bây giờ mới giữa Hè mà sao lại có mùi hoa soan?

Nói rồi, tôi tiến ra sát cửa sổ con tầu, mặt trời đã lên cao đến hai con sào. Cả một vùng thiên nhiên mầu trắng sậm lẫn với mầu xanh của lá non đầu mùa. Hoa soan trắng, nhị và yếm mầu tím, hoà thành một mầu trắng sậm. Tôi cứ hóng cái mũi ra để hít, để nuốt vào cái mùi đậm đà chất phác, mộc mạc của quê hương tôi. Đột nhiên anh Thanh thốt lên:

- Tầu đã đến Phủ Lý rồi!

Tôi hiểu anh Thanh và tôi ở hai chiến tuyến đối đầu. Do những đẩy xô của hoàn cảnh, của dòng đời gặp nhau ở một tình huống: kẻ được người thua, nhưng cả hai phía đều đã thể hiện là những người có hồn "tình tự quê hương, người cùng một nước". Phần tôi, phần của kẻ "chiến bại" tôi luôn luôn, kè kè đeo trên vai một cái "túi to lòng tự trọng". Chỉ cần anh Thanh biểu lộ một vài hành xử, một vài lời nói, thở ra cái hơi của người "chiến thắng" thì ai cũng hiểu là tôi sẽ phải làm gì rồi.

Anh chị Thanh cũng hỏi han nhiều sự việc, để biết chính xác về tôi. Từ quan điểm chân thành, tôi nói lên lòng tự trọng và liêm sỉ của một người. Hơn nữa sự thật thì trường tồn, dài lâu nên tôi cứ thành thật tiếp chuyện anh chị. Tôi cũng hiểu sự thật nhiều khi thô lỗ, gồ ghề nhưng cuối cùng người nghe vẫn thích hơn là đánh bóng, hay sơn phết.

Tôi đã xác định, nhìn và hiểu thấu con đường tôi đang đi, dù có lúc bị ngăn sông, cách núi, có khi phải chui vào hầm tối lầy lội, nên tôi đã nói cho anh chị Thanh rõ vì sao tôi nhận một nhiệm vụ ra ngoài Bắc, và một vài nét chính trong tù mà tôi đã nhìn, đã nghe, đã trải qua. Anh chị Thanh tỏ ra qúy mến tôi hơn, mà lúc đầu anh chị chỉ muốn giúp đỡ một người bất hạnh, không may đang gặp khó khăn, thế thôi. Tôi nói thế vì chứng cớ là anh chị cũng cho tôi biết những nét chính, của cuộc đời anh chị.

Chị Thanh là giáo viên cấp hai ở Hà Đông. Anh Thanh quê ở nông trường vải (quả vải) gần chùa Trầm, Hà Đông. Anh là cháu gọi tướng Lê Trọng Tấn bằng cậu. Anh đã công tác bốn năm trong ngành hoa tiêu, ở sân bay Nội Bài. Anh vừa được đi học hai năm ở Liên Xô. Hiện nay anh là Thượng úy chuyển công tác vào Nam, ở Đài kiểm soát không lưu trường bay Tân Sơn Nhất. Anh chị Thanh chưa hề vào Sài Gòn hay miền Nam bao giờ. Phần tôi chỉ biết Sài Gòn, hay miền Nam của gần hai chục năm trước.

Tôi kéo anh chị Thanh trở lại túi tôm bị giật lúc sáng, cứ nói những ý nghĩ trong lòng, tôi thành thực:

- Anh chị đã biết, gần hai chục năm ở một chỗ sâu nhất của một nhà tù, tôi không hề biết một chút gì về cảnh sống xã hội của miền Nam, cũng như miền Bắc.Tôi rất ngạc nhiên với việc sáng nay. Qua dư luận, hình như ở khắp

nơi, cả ở miền Nam nữa có quá nhiều cảnh cắp, trộm, trấn lột, cướp giật v.v. . . Chả lẽ ngành cảnh sát, công an không giải quyết được

Nghe tôi nói và hỏi như thế, cả hai anh chị tỏ ra đăm chiêu mấy giây. Anh Thanh nhìn tôi, nói như giải nghĩa, giáo dục:

- Tiếc rằng bác Hồ mất sớm quá! Vả lại, anh tính, kẻ thù, đế quốc nó bao vây kinh tế như thế, nên nước ta mới nghèo túng !

Tôi biết không phải anh chị Thanh, mà hầu như đa số, nếu không nói là hầu hết nhân dân miền Bắc, đều sẽ trả lời như vậy, hoặc tỏa tựa như thế! Cũng có một số người hiểu rõ cái nguyên nhân, cái sự thật, thì đa số đã phải vào trong cái ” lồng nhỏ ” rồi. Người nào còn ở ngoài là do khéo đậy miệng, hoặc mũ ni che tai, hay quần quật đêm ngày lo kiếm miếng cơm cho mình và gia đình, thời gian nào đâu mà đi chuyện trò.

Anh chị Thanh mãi không thấy tôi nói gì, nhưng chắc nhìn nét mặt, anh Thanh đã đoán ra là tôi không thỏa, khi nghe anh trả lời. Tôi nghĩ đây đâu có phải là một buổi tranh luận, hơn nữa anh chị ấy cũng như mọi người dân khác mà trung ương đảng CS, đã đội cho cái ” mũ ngựa ” che tai, che mắt chỉ còn được nhìn về phía trước mà thôi.

Tôi chỉ hỏi nhẹ một câu như thế, để rồi tự anh chị sẽ suy nghĩ. Tuy vậy, cũng bằng những câu hỏi, tôi quay sang sốt sắng:

- Anh Thanh đã được sang Trung Quốc bao giờ chưa?

Cả hai anh chị đều trả lời với nét mặt tự hào, dù tôi chỉ hỏi anh Thanh:

- Năm 1976 chúng tôi còn là ” nghiên cứu sinh ” đều được tham quan Bắc Kinh một tuần.

Tôi hỏi tiếp với vẻ trầm trồ ca ngợi:

- Thế anh chị có được đi Bắc Hàn chưa?

Cả hai anh chị đều lắc đầu, tôi lại hỏi:

- Thế còn Cu Ba và các nước Đông Âu?

Anh Thanh nhanh nhẩu:

- Kỳ hè năm đầu tôi đi Rumanie, kỳ hè năm ngoái tôi đi Albanie một tuần.

Tôi ôn tồn, từ tốn như muốn để anh chị Thanh cùng chia sẻ :

- Anh chị đã biết, cả cái tuổi trẻ của tôi nằm im một chỗ, ngay Hà Nội và Sài Gòn tôi còn không biết gì! Nhưng vì lòng quý mến anh chị, anh chị cho tôi hỏi một sự thật, có nghĩa là chính anh chị nhìn bằng mắt của mình, và suy nghĩ bằng óc của mình, chứ không phải vì theo suy nghĩ của người khác. Tôi không cần phải đến Bắc Kinh, Moscova, Albanie, Rumanie, dù là một tuần hay ở Liên Xô gần hai năm như anh. Anh có nhìn thấy từ cán bộ đến người dân ở các nơi ấy, đều làm ăn ngược xuôi vất vả? Xã hội không thiếu những cảnh cấp trộm, lừa lọc, giả dối. Nói không đúng sự thật, là chuyện thường xuyên, phải không anh?

Mặt anh Thanh đực ra suy nghĩ, đầu anh gật gật, rồi mở to mắt nhìn tôi:

- Sao anh biết rõ thế?

Anh hỏi tôi, nhưng cũng là câu trả lời rồi! Tôi nhìn anh chị nói tiếp:

- Không nói những nước anh đã đến, mà tất cả các nước CS hay XHCN cũng sẽ đều như thế, và sẽ như thế mãi mãi. Những nước ấy chả có bác Hồ. Và như Liên Xô, Trung Quốc thì đừng hòng Đế quốc nào bao vây kinh tế, nếu không nói là chính những nước ấy đang đe dọa, o- ép nhiều nước khác. Những lúc thanh vắng, ngồi một mình, anh chị hãy chịu khó suy nghĩ mọi sự việc, bằng chính bộ óc độc lập của mình. Tôi tin anh chị sẽ nhìn rõ nhiều vấn đề, của thời đại chúng ta.

Khi thì trò chuyện, khi thì gửi hồn vào những chuyện không đâu để rồi con tầu Thống Nhất đã đi mấy ngày đêm, tôi cũng không hay, cho tới khi tầu ngừng ở ga Bình Triệu. Khi đó đã 11 giờ đêm, tôi và anh chị Thanh vội vàng lấy địa chỉ của nhau.

Lúc này mới đẻ ra một trở ngại: Phía tôi, địa chỉ của bố mẹ không biết có còn như xưa không? Phía anh chị Thanh, mới vào, chưa nhận công tác. Tôi đành đưa cho anh chị Thanh hai địa chỉ ngày xưa, của bố mẹ tôi và của vợ chồng người em gái, nếu có duyên thì sẽ tìm gặp lại nhau.

Tôi và anh chị Thanh cũng không biết tại sao xe hỏa cuối năm 1980 chỉ ngừng ở Bình Triệu, mà không vào thành phố HCM? Anh chị Thanh, cháu nhỏ và tôi đã chia tay nhau ở ga Bình Triệu. Phần tôi, vai vẫn khoác cái tay nải cũ, dép râu và bộ quần áo tù mầu xám. Tôi có hai bộ quần áo tù, một sọc, một xám. Bộ xám thì có dấu hắc ín, chữ "Cải Tạo" to tướng trước và sau lưng.

Trên tầu bước xuống đường nhựa, đèn điện đêm sáng trưng. Tôi ngơ ngác nhìn xa lộ rộng thênh thang. Tôi không xác định được phương hướng, phía trái hay phía phải về Sài Gòn? Một chàng trai Hà Nội, một chàng trai Sài Gòn

và còn là một điệp viên nữa, thế mà lại "ngố rừng" như vậy, thật là chuyện cười đáng buồn. Tôi định hỏi thăm, nhưng lòng cũng hơi ngượng ngùng, nên miệng khó mở ra. Giữa hàng chục phút "ngắc ngư con tầu đi", có một cậu xích lô còn trẻ, chừng 16 -17 tuổi quành xe lại hỏi:

- Chú đi bộ à, chú có đi xe không?

Tôi đã có chủ trương là sẽ dùng đôi chân lang thang, đi những bước đầu tiên trên Thành Đô xưa cũ của tôi, nhưng thái độ ngộ nghĩnh của cậu xích lô, làm tôi đổi ý. Tiền bạc không có bao nhiêu trong túi, nên tôi phải hỏi:

- Từ đây về đường Bắc Hải, khu ông Tạ thì cậu lấy bao nhiêu?

Đã không trả lời trực tiếp, cậu ta còn ríu rít hỏi lại:

- Chú mới ở trại cải tạo ra ư ? Hơn một năm trước, ba cháu cũng được tha ra !

Tôi biết cậu đã nhìn rõ cái áo tù của tôi. Mặc thái độ đon đả của cậu này, tôi vịn tay vào thành xe, dịu dàng nhắc lại câu tôi đã hỏi. Cậu ta nhẩy xuống xe, vừa kéo ngay lại chiếc đệm xe, tay đập đập như phủi bụi, vừa như thúc giục:

- Chú cứ lên xe ngồi đi, rồi chú cháu mình nói chuyện.

Đường khuya, phố vắng, cái phút ban đầu gặp lại Thành Đô yêu dấu, thương nhớ đã êm ái, ấp ủ trong lòng tôi gần hai chục năm, hôm nay mới nhìn thấy mặt.

Sài Gòn ơi! Người là viên ngọc quý trong lòng tôi?!

Giọng cậu xích – lô đã làm ngắt quãng dòng tư tưởng của tôi:

- Ba cháu bị cải tạo hai năm, còn chú chắc phải ba năm, nên bây giờ mới được tha ra?

Cái giọng nhè nhẹ reng rẻng của miền Nam; chất phác ngọt ngào như trái dừa nước của Bến Tre, Định Tường. Một nguồn hứng cảm đã bừng dậy trong lòng, tôi khoắng tay, ý muốn ngừng xe lại:

- Chú cháu mình hãy hút một điếu thuốc, cho hồn mình lang thang đã !

Nhanh nhẩu, tôi lấy bao thuốc Trường Sơn đập điếu thuốc cho ló khỏi bao, đưa lại phía cậu. Cậu bé tên Dân, nhẩy xuống rút điếu thuốc rồi bật diêm cho cả cậu và tôi. Cậu bé ngửa cổ thở khói rồi hỏi ngay.

- Thuốc gì mà cái ” gu” lạ thế?

Tôi không ngờ khi ấy Cộng Sản chưa đưa thuốc này vào miền Nam, nên tôi ôn tồn giải thích:

- Thuốc Trường Sơn là loại phổ biến ở Hà Nội, cũng như ở cả miền Bắc lâu rồi!

Dân mở to mắt hỏi ngay:

- Vậy chú ở ngoài Bắc vào ư?

Tôi đành phải nói sơ sơ vài nét để cậu bé này đỡ băn khoăn, tò mò. Xe đang đạp ngon trớn, chuyện trò rôm rả, từ xa có mấy người quần áo xam xám đeo băng đỏ, dựng hai khẩu CKC ngồi, nằm chắn ngang ngay mặt đường. Gần đến nơi, cậu Dân đã phải ngừng xe lại.

Bốn, năm cậu đồng phục xanh xám, băng đỏ tiến lại, sau một lúc trao đổi, và nhất là sau khi các cậu băng đỏ xem giấy ra tù của tôi, một cậu là tổ trưởng cái tổ Thanh Niên Xung Phong đó, đã vồn vã :

- Trời ơi ? Sao chú ở tù lâu thế? 12 giờ tất cả thành phố đều giới nghiêm, chúng cháu có để cho chú đi, vào tới trong kia chú cũng không đi được. Chú hãy đến chỗ chúng cháu uống nước, hút thuốc, nói chuyện cho chúng cháu nghe, rồi 3 giờ cháu sẽ để chú đi sớm nhất !

Nhìn lên, đây là đường Hồng Thập Tự, tôi quay ra nói với cậu Dân, và hỏi hết bao nhiêu tiền, vì cậu còn phải trả tiền mướn xe để chạy. Cậu nhất định không lấy tiền, và nói một câu vẫn còn hằn trong lòng tôi, từ buổi đầu hôm ấy:

- Dù cháu có đưa chú tới nhà, cháu cũng không lấy tiền, huống chi đang giữa đường. Cháu đạp xe cho chú, cũng như đạp xe cho ba cháu!

Tôi không thốt ra lời, vì xúc động. Tôi lấy một bao Trường Sơn mới (tôi có một ” túi “, mua theo anh chị Thanh ở Vinh để làm quà) rồi ôm lấy cháu Dân:

- Rồi đây, dù chú cháu mình không gặp lại, nhưng chú sẽ ghi hình ảnh buổi hôm nay, chú cháu mình gặp nhau!

Ngồi vây quanh lấy tôi, bốn năm cậu thanh niên xung phong say xưa tò mò nghe bao nhiêu chuyện, mà trước đây chưa bao giờ nghe. Thuốc lào, thuốc lá, thậm chí cả bánh kẹo các cậu ấy nồng hậu mời mọc, để cuối cùng chớm 3 giờ sáng với những cái bắt tay, những cái ôm chân thành lưu luyến, chúng tôi từ giã nhau.

Một mình tôi sải bước về phía Hòa Hưng. Vừa đi, đầu óc tôi lảng vảng về các cậu thanh niên xung phong, vừa qua. Ngay ở miền Bắc, những thanh niên đã được thâm ý dầy công trồng người của lão “cáo” mà tôi tiếp xúc còn thiện mến, huống chi ở miền Nam. Tôi vẫn tin tưởng: Mình có sự thật là chân lý, biết ứng dụng nhuần nhuyễn với kinh nghiệm bản thân, thì thường hơn hẳn.

Nhìn đường phố trong ánh đèn đêm, tuy là “đường xưa, lối cũ” nhưng tôi vẫn cảm thấy một cái gì là lạ trong lòng. Nó không còn trọn vẹn cái thân thương, gần gũi tôi vẫn ấp ủ trong tâm tưởng bấy lâu. Gần 4 giờ, tôi đã đi qua nghĩa địa Đô Thành, với cái định vị trong đầu thì đây phải là đường Bắc Hải, nhưng sao đã thay đổi hết rồi.

Tôi nhớ ngày xưa, hầu hết các nhà trên con đường này đều lợp tôn, nhà gỗ. Hồi ấy một bên là tường xây của nghĩa địa, một bên là những ngôi nhà sàn, phía nửa sau nhà trên nước, nhưng bây giờ thì cả hai dẫy phố, nhà cửa hai ba tầng lầu. Chân cứ bước dần vào phía Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa và xứ Nam Hòa, mà lòng ngẩn ngơ như đi vào xứ lạ . Không còn một hình ảnh nào, để tôi nhận ra ” cảnh cũ người xưa.”

Tôi đã nhìn thấy ngôi nhà thờ Nam Hòa, xưa làm bằng gỗ, lợp tôn, nhưng bây giờ là một nhà thờ tân kỳ, kiểu mới. Tuy không có đồng hồ, nhưng qua dáng trời và ước định thời gian, tôi đoán có thể khoảng 4:15 hay 4:30 sáng. Tiếng chuông sớm của nhà thờ ngoáy thánh thót vào khung trời đêm Nam Hoà, cũng làm rung rinh hổn hển lòng tôi sắp gặp lại đấng sinh thành. Chợ Nam Hòa, xưa là những căn lều bốn cọc trống trải, giờ đây là những gian hàng xây ngăn nắp. Tôi còn đương ngơ ngác, ngỡ ngàng, thì thoáng có tiếng người nói chuyện từ một hẻm, rồi bóng dáng của ba người mặc áo dài trắng đi ra, đoán là những người đi lễ sớm, tôi tiến ra đón đường lễ phép:

- Xin vui lòng chỉ nhà của cụ Phúc (bố mẹ tôi) ở phía nào dùm?

Cả ba người phụ nữ đều kéo nhau chạy về phía nhà thờ! Tôi bàng hoàng, không hiểu vì sao. Hay cụ Phúc không còn, hay không có ở đây? Xác định vị trí các ngõ, đường ngày xưa, tôi quyết định vào một đường hẻm. Trong tâm tưởng của tôi, ngôi nhà của bố mẹ tôi tường xây, lợp tôn. Trước nhà có một cây trứng cá, mà thỉnh thoảng tôi còn hái quả chín ăn và cho em Lý và em Thu ngày ấy.

Tất cả nhà cửa, phố, đường đều đã đổi thay. Nhưng với óc định vị của nghề nghiệp, tôi xác định được một ngôi nhà. Đó là ngôi nhà hai tầng lầu. Cái ngõ ngày xưa đất cát đỏ, giờ đây là ciment bê tông, xe tắc – xi đi vào được. Tôi lần bước tiến đến ngôi nhà cửa đóng, nhòm vào tối sáng lờ mờ, không thể nhìn rõ vật dụng. Thoáng thấy căn nhà ba lầu trước cửa, trong bóng "cửa chớp", có bóng người tóc quăn vì ánh đèn mới bật, chiếu ra, tôi tiến sang, nhã nhặn:

- Thưa, cho tôi hỏi thăm một chút ạ !

Bóng tóc xoăn biến mất tiêu!

Đành trở lại ngôi nhà, tôi xác đoán là ngôi nhà của bố mẹ. Trời sáng dần, nhìn vào một lần nữa. Một chiếc ghế bành trong bộ ghế ngày xưa đã phòi bông gòn ra ngoài, chiếc giường gỗ của bố ngày ấy, bỏ màn nhưng không có người. Đúng rồi, ngay cái mùi quen thuộc thương yêu ruột thịt của bố mẹ, đã tràn cả ra ngoài cửa sổ. Tôi đoán, có thể là các người đi lễ sớm! Tôi quay lại, thoáng thấy những bóng người trên ban công ở các nhà đối diện chạy vào trong nhà, rồi những bóng người thập thò trong các cửa sổ những nhà phía trước cửa. Trời càng sáng rõ. Trầm ngâm, tôi nhìn xuống đôi dép râu, rồi chiếc quần, tôi chợt hiểu. Chính vì cái dáng dấp và quần áo, không giống ai của tôi (trong giai đoạn cuối năm 1980), đã làm người ta tránh xa. Bây giờ thì mấy ban công đối diện, họ bảo nhau bước ra nhìn xuống tôi, thì thào bàn tán.

Cũng đúng khi ấy, thì lễ sớm nhà thờ tan. Từ xa, phía nhà thờ, có một cụ già tóc bạc phơ, với dáng gầy gầy, cao cao, đôi mắt lờ đờ, đang chống gậy lần bước tiến về. Mắt tôi tự nhiên mờ đi, niềm xúc động ứ lên làm run rẩy cả người, tôi tiến đến cầm vào tay người, miệng tôi thều thào:

- Thầy?.. .. …. ..

Thầy tôi ngơ ngác.

Tôi nghẹn ngào nói lại:

- Thầy ơi ! con đây !

Tay thầy tôi run run để lên vai tôi, giọng hổn hển:

- Con là . . . . . người, hay . . . . . là ma?

Nước mắt tôi đã chảy xuống má, cả hai tay tôi cầm nhẹ vào tay chống gậy của thầy. Trong niềm xúc động ứ tràn, miệng tôi nói ngập ngọng trong cái mằn mặn của nước mắt:

- Con là người đây . . . . . .Thầy ạ !

Miệng thầy tôi nói thều thào không thành tiếng. Thầy tôi rời tay khỏi vai tôi, run run móc trong túi, rút ra một chiếc chìa khóa đen và dài. Tay tôi đỡ chiếc chìa khóa, nhưng mắt tôi nhìn những bóng người phía sau thầy tôi, đang túa ra từ phía nhà thờ:

- Mẹ đâu ……..hở thầy?

Tôi đỡ tay, dẫn người đến cửa. Thầy tôi hơi ngoái đầu lại phía nhà thờ, giọng hãy còn thều thào, hổn hển:

- Mẹ mày……..về ……sau …….?

Tôi đút chiếc chìa vào lỗ, tay run hay vì nước mắt mà mãi không được Một ông đã đỡ chiếc chìa khóa mở hộ. Lúc này hàng chục người vây chung quanh, cả những người hàng xóm thập thò trên ban công từ sớm cũng kéo xuống, vào đầy nhà từ trong đến ngoài. Tôi vội vàng vắt chiếc màn lên rồi đỡ thầy tôi ngồi xuống giường. Thầy tôi cứ lảm nhảm điều gì tôi không nghe rõ, dần dần tôi đã nghe ra:

- *Nhà ……hết ……gạo ……..rồi……!*

Nước mắt của tôi càng trào ra, vì tôi biết thầy tôi đã lẩn thẩn rồi! Để thầy tôi ngồi đấy, tôi chen ra phía ngoài để ngóng mẹ tôi. Vừa ra khỏi cửa, giữa đám đông người, tôi đã nhìn thấy một cô gái chừng 15 – 16 mặc áo dài trắng, đang dẫn một bà cụ lòa cả hai mắt, lần từng bước. Mẹ của tôi đấy ư! Một tiếng kêu rên trong đáy lòng ? Tôi chạy bổ đến, hai tay ôm lấy mẹ ! Tôi không nói thành lời :

- Mẹ ơi !

Một tay người cầm nhẹ cánh tay tôi, một tay xoa xoa lên đầu tôi, hai giòng nước mắt từ đôi mắt lòa chảy xuống má. Trong lúc tôi dẫn đưa người vào trong nhà, người hỏi tôi rõ ràng:

- Có phải thằng Bình thật không?

Tôi chợt hiểu, chắc rằng trước đây trong những lúc kêu gào khóc thương tôi, đã có nhiều người đến nhận là tôi, để giúp mẹ, tôi một cụ già mù lòa quay quắt thương nhớ người con. Mẹ tôi đã bị lừa nhiều lần rồi!

Tôi đã ôm chặt lấy mẹ tôi rên rỉ nói trong nước mắt:

- Con là Bình đây . . . . . mẹ ơi !

Mẹ tôi rời cả hai tay sờ cổ, sờ mặt tôi, rồi khuỵu xuống!

Tôi bế vội, nhấc bổng mẹ tôi, mọi người tránh ra để tôi đưa người vào chiếc giường phía gian trong, có những tiếng hối hả :

- Ai có dầu nóng không? Bà cụ ngất rồi ! . . . . . .

Người đầy nhà, nhưng tôi chả còn nhìn thấy ai. Tôi đặt mẹ tôi ngay ngắn, đắp nhẹ chiếc chăn ngang bụng người. Một bà giúp tôi xoa bóp và gọi tên người. Hai, ba, người nữa đưa dầu nóng, giữa những tiếng gọi tên người và tên thánh:

- Cụ An na Nguyễn thị X!

Một giọng hách dịch dồ lên:

- Anh nào là Đặng Chí Bình?

Tôi đang ngồi gục đầu ủ rũ trên giường, bên cạnh mẹ tôi, ngửng lên là một tên công an áo vàng, đeo súng ngắn chừng 27-28 tuổi. Tôi đứng hẳn lên, giọng còn xúc động trả lời ” tôi đây”, Tên CA quắc mắt gằn giọng:

- Anh cho tôi xem giấy tờ?

Mọi người trong nhà đều nhớn nhác nhìn tôi lo sợ. Tôi mở cái ví con rách của một cậu hình sự, đã cho ở trại tù T 52 Hà Sơn Bình ba năm trước, rút tờ giấy ra trại đưa cho y. Khệnh khạng y cầm tờ giấy ra trại do Bộ Nội Vụ cấp, mở ra đọc, trước sự lấm lét lo lắng của hàng chục người trong nhà. Thầy tôi lúc ấy ở gian ngoài lại chống gậy lần bước vào, giọng đã khàn khàn:

- Nhà hết gạo ……..rồi!

Tôi hiểu, thấy tôi về mà không có gạo để nấu cơm cho tôi ăn! Tôi cố ngăn mà nước mắt của tôi cứ trào ra ! Hình như mấy chục năm khổ đau, cùm kẹp,

nước mắt tôi không hề chảy, tích tụ lại cho ngày hôm nay. Chính tôi cũng ngạc nhiên, sao mà tôi nhiều nước mắt như thế!

Nét mặt của tên CA đọc giấy, tỏ ra không hiểu đầy đủ, y khoát tay, nói như ra lệnh:

- Anh theo tôi ra phường!

Nhìn mẹ còn đang nằm ngất, không biết ra sao, nhìn mọi người âu lo cho hoàn cảnh gia đình tôi, tôi thấy một luồng hơi nóng ran truyền lên đầu tôi! Một vài giây ngập ngừng, tôi bước xuống đất. Mấy người cũng hẩy tay tôi ra phía cửa, bảo tôi:

- Anh cứ đi đi !

Nhìn mọi người rồi nhìn mẹ tôi còn nằm yên trên giường, tôi nói tha thiết:

- Xin bà con giúp đỡ.

Đi qua, tôi đặt tay vào cánh tay thầy tôi, cố nói to cho mọi người và tên CA cùng nghe:

- Thầy ở nhà, con về ngay?

Đi qua những con đường ngoắt ngoéo ra phường, liếc tên CA phía sau, lòng tôi nghĩ: ” Lại có một tên đeo súng đi theo hầu “. Chừng 400 mét ra tới phường, nhìn tấm biển đỏ treo trước cửa, thì ra là Phường 6 thuộc quận Tân Bình.

Bước qua mấy bàn giấy, đến một chiếc bàn có một tên Trung úy chừng 35- 40 đang hách dịch ngồi, tên CA theo tôi đưa trình miếng giấy ra trại của tôi. Tên Trung úy cắm cúi đọc rồi ngẩng lên, chỉ tay một chiếc ghế trước bàn, ra oai:

- Anh ngồi đó !

Lưỡng lự một hai giây, tôi ngồi nhìn thẳng y. Để ” bắt mạch” món hàng buổi đầu, y nghiêm giọng:

- Từ Thanh Hóa về đây chỉ 3- 4 ngày, hôm nay đã 7 ngày, vậy còn 3 ngày nữa anh đi đâu?

Tôi hơi nhếch mép. Y phải nhìn thấy cái nhếch mép của tôi.. Đến những bậc thầy của y tại phòng phản gián, và chấp pháp của Hà Nội, tôi còn đối

ứng được, huống chi là một tên công an phường. Điều quan trọng là phải quán thấu tình trạng, điều kiện cái quyền có thể của mình. Trong hoàn cảnh tầu, xe Bắc Nam hiện nay, những chuyện trục trặc, trở ngại là chuyện thường xuyên, không ai định trước được, vả lại có điều khoản nào trong giấy tờ ấn định ngày, giờ phải có mặt tại nhà đâu? Nghĩ như thế, tôi nhìn thẳng vào mắt y, thủng thẳng, ôn tồn nói:

- Tôi bị trở ngại tầu dọc đường!

Tên này cũng rất nhạy cảm, tuy tôi chỉ nhã nhặn nói như vậy, nhưng y đã thấy tôi không phải là loại trộ nạt được. Sơn ăn từng mặt! Mềm nắn, rắn buông! Y dịu giọng:

- Anh được Đảng và nhà Nước tha cho về địa phương, anh phải chấp hành mọi đường lối, chính sách của địa phương. Hơn nữa, anh còn đang ở dạng quản chế!.

Lại gặp những "con vẹt " và "loài nhai" lại, tôi đứng thẳng lên, nhưng vẫn rất lễ độ, ôn tồn:

- Hôm nay buổi đầu được gặp các ông, chắc rằng tôi còn được gặp ông nhiều lần nữa. Hiện giờ mẹ tôi đang bị ngất ở nhà, xin phép ông tôi về xem mẹ tôi sống, chết ra sao!

Nói rồi, tôi hơi nghiêng người như chuẩn bị trở về. Tên Trung úy, sau này tôi biết y là Mậu, trưởng CA Phường 6, cũng đứng lên dõng dạc:

- Sáng thứ Hai, anh lên đây nhận chỉ thị!

Hôm nay là thứ Sáu. Tôi quay lại tỏ ra đường hoàng, nhưng rất nhã nhặn:

- Xin cảm ơn. Tôi sẽ lên gặp ông sáng thứ Hai!

Tôi trở ra ngay, trước sáu, bảy tên CA đứng phía trong nhìn theo. Tôi rảo bước nhanh chân, gần về tới nhà thì có một cô gái tóc dợn sóng chừng ba chục tuổi, đang hối hả đi ngược chiều tôi. Cô ta đi qua, còn ngoái lại. Tôi cũng vậy. Cô đó hơi ngượng ngùng quay lại nhìn tôi ngập ngừng:

- Xin lỗi có phải anh là…….

Niềm xúc động của tôi lại cuộn lên, tôi chộp lấy tay cô và kêu lên:

- Thu à ?

Nước mắt của em túa ra, miệng méo xệch. Đè nỗi thổn thức vào lòng, tôi hỏi ngay:

- Mẹ sao rồi?

Em Thu đã cầm cả hai tay tôi kéo về phía nhà, miệng còn hổn hển vì xúc động:

- Mẹ tỉnh rồi, không sao cả anh ạ ! Mẹ và bà con bảo em ra phường xem anh ra sao?

Hơi yên lòng, tôi dắt tay Thu, và nhìn em. Khi tôi rời xa, em là một cô bé 13 tuổi, thế mà bây giờ . . . . . Mới nghĩ tới đấy, tôi và em đã bước vào nhà, vẫn còn bốn, năm bà và một ông trong nhà. Thầy mẹ tôi đang ngồi cạnh nhau, trên chiếc giường của mẹ tôi phía trong. Thấy tiếng tôi về, mẹ tôi quay ra, nhưng . . . . . .mẹ ơi ! Mẹ đâu có nhìn thấy con ? Tôi chợt nghĩ đến đứa em trai tên là Công Lý, khi tôi rời xa, em Lý 17 tuổi đang học Đệ Tam trường Hồ Ngọc Cẩn. Từ sáng tôi về chỉ thấy hai ông bà già, đã làm rối loạn lòng tôi, nên chẳng còn tâm trí nghĩ về em Xuân, em Lý và em Thu. Tôi quay lại hỏi thầy mẹ tôi, nhưng trong nhà ai cũng nghe:

- Thầy mẹ ơi! Em Lý ở đâu?

Mẹ tôi lại gục xuống gào lên:

- Nó chết rồi . . . . . con ơi !

Như một hơi ép nén ngược lại, làm cho tôi không thở được, tôi phải để tay lên ngực và một bà đỡ cho tôi ngồi vào một chiếc ghế. Trong khi thầy tôi cứ nấc lên rồi lại kêu rồ …. rồ như vướng cái gì trong cổ họng, còn em Thu đứng dựa, gục đầu vào tường vai run lên không nói ra lời. Tay tôi vẫn đè ở ngực, một nỗi đau như xé tim tôi, mà không hề chảy một giọt nước mắt. Thầy bố mẹ và em Thu thì nước mắt chảy ra không kịp lau, nghe tin em trai duy nhất chết lại chỉ có đau mà không có nước mắt. Có thể hạch nước mắt của tôi đã hết nước, hay nỗi đau đã dồn vào tim, vào óc? Tâm tư của tôi lại chảy ngược về em Xuân, cô em lớn sát tôi, em đã có hai con trước ngày tôi ra Bắc. Tôi đã góp phần giới thiệu để chú ấy làm công nhân, ở Công Binh Xưởng Hải Quân Ba Son.

Tôi quay lại, hỏi nhỏ em Thu:

- Vợ chồng chú Tuất, cô Xuân thế nào?

Có lẽ vì còn đông các bà, nên em Thu chỉ vắn tất:

- Anh chị ấy vẫn ở bên Lăng Cha Cả!

Thấy hai giòng nước mắt vẫn chảy ra từ hai con mắt loà nhắm nghiền của mẹ, tôi lại trèo lên giường ngồi bên mẹ, thì thào vào tai mẹ, nũng nịu như ngày còn bé:

- Sao mẹ còn khóc nữa hở mẹ?

Mẹ tôi nấc lên liên hồi, vừa nói, vừa khóc:

- Mẹ thương …… thằng Lý ……quá!

- 19 -

TRỞ VỀ THÀNH ĐÔ

Chúa ơi! Con nhìn chỗ nào gia đình con cũng thương đau cả! Nhìn đôi mắt loà của mẹ, lòng tôi như mềm nhão ra. Tôi muốn biết nguyên nhân vì sao mẹ tôi bị loà, và loà từ bao giờ, nhưng mẹ tôi đã bẻ quay hồn tôi về phía em Lý. Tôi định cất tiếng hỏi vì sao Lý, em trai độc nhất thương yêu của tôi chết? Và từ bao giờ? Một số các bà kiếu từ, để cho chúng tôi trao đổi chuyện riêng tư gia đình. Họ đồng loạt chào bố mẹ tôi. Tôi đến từng bà, với đôi mắt còn ướt sũng thương đau:

- Những ngày tới cháu sẽ đến kính chào và thăm hỏi gia đình. Hôm nay cả gia đình cháu đã đón nhận lòng nhân hậu đùm bọc người hoạn nạn của quý bà.

Tôi quay vào thì em Thu đang ngồi bóp vai cho mẹ. Thầy tôi sau khi hút điếu thuốc lào đã bỏ vào mùng nằm yên rồi. Tôi sà đến bên mẹ, cầm lấy bàn tay nhăn nheo của mẹ, và khẽ hỏi em Thu vì sao mẹ bị loà?

Từ khi tôi lớn lên biết cuộc đời, tôi đã thấy mẹ bán vải tấm từ ngoài Bắc. Trước hội nghị Genève 1954 người cũng chỉ bán vải. Người đã tần tảo ngược xuôi để nuôi bốn anh em chúng tôi, và tạo lập một gia đình. Như tôi đã trình bày trước đây, bố tôi là một võ sư về môn quyền thuật phái Thiếu Lâm, đến nay bố đã 76 tuổi rồi. Tôi đâu có ngờ một người võ sư quắc thước của 18 năm xưa, bây giờ là một cụ già chống gậy, tâm thần đã lẫn lộn. Khi tôi nhận một nhiệm vụ nhỏ bé vào đất thù, bố mẹ tôi không hề biết như tôi đã trình bày chi tiết ở Thép Đen I.

Mẹ tôi vẫn bán vải ở chợ Nam Hòa, tôi là con trai cả, đột nhiên đi đâu mất tiêu, mẹ tôi đã chảy nhiều nước mắt trong bao đêm ngày, cho đứa con hẩm hiu xấu số để rồi mấy tháng sau, mắt của người sưng lên. Theo em Thu nói, có lần mắt mẹ chảy máu, đã chạy chữa nhiều thuốc, nhiều thầy nhưng không khỏi. Ngồi nghe em Thu thuật lại nỗi niềm, tôi cầm tay mẹ và nhìn mắt mẹ.

Dòng suy tư của tôi cuồn cuộn, cái nguyên nhân đã có phần của tôi, do người khóc nhiều, mắt người sưng lên, rồi có vi trùng xâm nhập, nếu chữa thuốc và ngừng khóc thương thì sẽ khỏi như nhiều người. Nhưng nỗi nhớ thương người con trôi nổi nơi đâu, còn hay đã chết, đã cuộn chặt trong lòng người, để rồi nước mắt của người vẫn chảy và chảy nữa. Kết quả là hai năm sau, đôi mắt của người đã lòa. Lúc ấy là năm 1964.

Như thế tôi đi tù 18 năm, mẹ tôi cũng không nhìn thấy cuộc đời 16 năm mà tôi đâu có biết. Cũng qua em Thu, tôi được biết về em Công Lý. Lý có vợ từ năm 1964, do ở trong quân đội VNCH nên đã di chuyển cùng vợ xuống miền Hồng Ngự, Đồng Tháp. Cho tới khi miền Nam sụp đổ, em tôi đã có sáu đứa con nên không di tản. Rồi do oán thù cá nhân, đã bị một tên Trung đội trưởng du kích bắn chết khi em tôi đang ngủ. Bắn một người đang ngủ không những là hèn, mà còn khiếp sợ người mình bắn. Riêng phần em Hoài Thu, cô em út của tôi, bây giờ đã có ba đứa con. Người chồng vì trốn học tập nên hiện nay, đang ở trong trại giam Chí Hòa.

Tôi nhìn cô em gái út, khi tôi rời xa còn là cô bé tí 13 tuổi, đúng là :

Anh đi em mới mười ba.

Anh về em đã thành bà, ba… …. Con

Tôi đang ngồi dựa vai mẹ, nghe em Thu kể những chuyện trong 18 năm xa nhà của tôi, bỗng nghe tiếng khóc nỉ non phía phòng ngoài:

- Anh ơi!.. …… .Anh.. …đâu rồi!

Tôi bước vội xuống đất, một bà . . . . . .à em Xuân của tôi, nước mắt dầm dề, mặt mày méo xẹo ôm chầm lấy tôi, rên rỉ:

- Anh ơi!…..!

Phía sau em Xuân, một người cao lớn, chú Tuất (chồng Xuân), tuy mặt chú đã nhiều vết nhăn, tôi vẫn nhận ra, hai anh em ôm lấy nhau. Câu nói đầu tiên của chú:

- Anh gầy. …. .. …..ốm quá!

Xuân sà đến chỗ mẹ, anh em tôi hàn huyên những ngày xa cách. Tôi hơi ngạc nhiên, quay hỏi cô Xuân:

- Làm sao vợ chồng em biết là anh về?

Em Xuân đã nói trong nét mặt thiểu não:

- Do bà Chức, tôi chả hiểu bà Chức là ai – đi xe đạp sang nhà em sáng nay, báo anh đã về. Em bận coi năm, sáu đứa nhỏ, phải đợi chiều nhà em đi làm về, cho nên bây giờ vợ chồng em mới đi được

Chú Tuất nhìn xuống bếp, rồi nhìn tôi, nói vội:

- Để em chào thầy đã !

Nói rồi chú cúi đầu vào sát màn:

- Con chào thầy ạ ? Thầy khó ở hay sao mà đi nằm sớm thế ạ ?

Chỉ nghe tiếng ậm ừ của thầy tôi, vẻ mệt nhọc, tôi ra hiệu tay, nói khẽ:

- Hãy để cho thầy nghỉ, từ sáng thầy đã mệt!

Anh em tôi xuống chỗ cái sân con nhà bếp nói chuyện. Nhìn chiếc sân bé tí chỉ 3, 4 mét một bề. Thoáng nhìn vào trong bếp, hai chiếc kiềng sắt đã lâu ngày, tro than lạnh ngắt, nói lên sự heo hút trong cảnh sống của bố mẹ tôi.

Sau bao nhiêu những câu chuyện ngược xuôi, chú Tuất cứ nằng nặc mời tôi ra một quán ăn, khu Lăng Cha Cả gần nhà chú. Ý của chú muốn tôi được thường thức cái "gu"của Sài Gòn, sau nhiều ngày xa cách.

Chú Tuất đi một chiếc xe mobylette, đèo cô ấy sang đây, cô ấy lại cần về vì mấy đứa nhỏ, cô không yên lòng. Giản đơn và thuận tiện nhất, tôi bảo hãy đèo cô ấy về trước. Tôi sẽ thủng thẳng đi bộ ra Ngã Ba Ông Tạ, theo đường tôi rẽ sang phía Lăng Cha Cả. Chú Tuất sẽ quay xe lại đón tôi. Tôi cũng muốn nhìn thấy khu vực Ông Tạ giờ đây ra sao.

Loay hoay, lợi dụng chú Tuất xuống bếp, Xuân đã đút vào túi tôi 20 đ. Tôi không thể quên được, điều này đã nói lên nhiều khía cạnh của người em gái, lo lắng cho người anh trai.

Một mình lang thang ra phố phường, đường xưa . . . . . lối cũ , nhưng cảnh cũ . . . . . .người xưa hầu như không còn. Trời đã cập quạng, phố xá đã lên đèn. Tôi ngắm nhìn cảnh sinh hoạt của phố phường, dòng xe cộ và con người ngược xuôi đi lại. Tôi hiểu, sau khi chiếm được miền Nam, một vùng giầu sang, mầu mỡ, để quản lý con người và an ninh xã hội, Cộng Sản sẽ tìm mọi cách, "biến" Sài Gòn nói riêng, miền Nam nói chung giống như Hà Nội và miền Bắc. Hiện nay do một số yếu tố khách quan, chúng đang bị trở ngại.

Chúng đang và sẽ nỗ lực tìm mọi " mưu ma chước qủy" để đạt được mục tiêu tối hậu, nói trên. Có như vậy, chỗ ngồi của chúng mới ổn, mới duy trì được "muôn năm trường trị ".

Khi tất cả miền Nam đều đổi thay vũng thành đồi, mình không thể bàn tính những chuyện cao xa. Trước hết hãy đi từng bước đầu, tôi tự nhủ. Tôi phải làm sao tìm mua được một chiếc xe đạp phương tiện không thể thiếu

trong cảnh sống của tôi lúc này. Cho nên khi gặp chú Tuất trở lại đón, tôi đã nói, trong khả năng và điều kiện của chú, xin chú tìm mua cho tôi một chiếc xe đạp cũ càng sớm càng tốt. Chỉ ngày hôm sau, tôi đã mua được chiếc xe đầm "cà là cộ", có một thắng trước thôi, nhưng thật vừa ý, với giá 90 đ.

Vào quán, chú Tuất gọi cho tôi một bát bún bò giò heo đặc biệt, thật to! Tôi hiểu, thấy tôi gầy ốm, chú Tuất muốn bồi t dưỡng đặc biệt cho tôi. Nhưng khi người phục vụ mang bún ra, tôi đã ngập ngừng không muốn ăn. Tôi chợt nhớ đến thầy mẹ tôi đang ngồi âm thầm trong căn nhà vắng! Thâm ý của tôi, sẽ tự mua thêm một suất nữa, rồi mang về nhà cùng ăn với bố mẹ cho nó trọn cả ngon, cả nồng. Có thể chú Tuất đã đoán ra phần nào nỗi niềm trong lòng tôi, nên chú đã sốt sắng:

- Em đã mua thêm hai suất, chút nữa mang về cho thầy mẹ !

Trong bụng như mở cờ, tôi nói thẳng ý nghĩ trong lòng:

- Chú có đồng ý là không có gì vui thỏa cho bằng, mình làm được cái mình muốn? Vậy, nếu chú muốn cho tôi vui sướng nhất bây giờ, chú hãy đèo tôi trở về, để tôi ăn bún bò với thầy mẹ ngay tối nay. Hôm khác anh em mình sẽ nói chuyện?

Chú Tuất cũng nồng nhiệt:

- Em sẽ theo ý của anh. Em cũng đã mua thêm ba suất, đem về cho nhà em và các cháu, không kể hai suất của thầy mẹ.

Sự việc này tôi không thể quên, buổi ăn đầu ở Thành Đô, khi tôi trở lại. Bữa bún bò ấy thầy mẹ tôi cũng không ngờ, các người vui và cảm xúc ra mặt. Các người không nghĩ rằng tôi đã không ăn ở hiệu, mà lại về ăn chung với các người. Khi chào thầy mẹ và tôi chú Tuất còn nhắc lại:

- Anh nhớ nhé ! 6 giờ sáng Chủ Nhật, em sẽ sang đón anh!

Tôi gật đầu. Nhớ lại, khi còn ngồi ở quán bún bò bên Lăng Cha Cả, chú Tuất có cho biết, cơ quan của Ba Son sẽ tổ chức cho công nhân, ra Cấp chơi và tắm biển ngày Chủ Nhật này. Thường sáu tháng, mới tổ chức một lần. Đúng dịp tôi về, chú ấy muốn mời tôi cùng đi.

Tôi cũng hơi đắn đo ngại ngần, vì mình mới ở tù ra, cái gì cũng xa lạ. Tôi phải hỏi kỹ chú Tuất để phòng hờ những trở ngại như: Tôi đi có thuận tiện không? Những buổi thế này trước đây, người nhà của công nhân có đi không, có đòi hỏi giấy tờ gì không? v.v. . . Chú Tuất cho biết, mỗi công nhân có thể mang một người nhà. Hơn nữa chú Tuất là công nhân lưu dụng của

chế độ cũ, chú ấy đã làm việc gần hai chục năm rồi, hiện là tổ trưởng của một dây chuyền sản xuất, nên chú ấy cũng có chút uy thế. Chú nhấn mạnh:

- Anh yên trí, em quen biết ở trong ấy nhiều.

Cũng vì phần bản tính vẫn còn thích những chuyện bất ngờ, mới lạ, nên tôi đã đồng ý.

Để chuẩn bị cho tôi, thầy tôi mở mấy cái vali cũ, người còn nhiều quần áo thời xưa người chưa, hay ít khi mặc. Thậm chí, trong góc cái tủ cũ, tôi còn thấy một chiếc sơ mi ngày trước của tôi. Chỉ vì tính các cụ thường hay giữ những cái xưa để kỷ niệm, vả lại các cụ chẳng có thời gian nom dòm đến.

Giữ đúng lời hẹn, sáng Chủ Nhật ấy, tôi và chú Tuất đã đèo nhau đến Công Binh Xưởng Hải Quân Ba Son. Sau khi ăn sáng, ở phía bên ngoài cổng tuy có một tên lính gác, tôi cứ đường hoàng theo chú Tuất đi vào. Mãi trong giữa những khu nhà nhiều máy móc, trên một chiếc xe buýt riêng của công nhân Hải Quân mầu xanh, đã có một số người ngồi. Dõi nhìn vào phía trong, tôi thấy một vài khẩu cao xạ, chắc để trình diễn vì không có người ở đó.

Tôi để chú Tuất chuyện trò vì họ là công nhân quen biết nhau. Có một anh, chừng 35 – 36 đeo lon trung úy Hải Quân đến. Qua một lúc, tôi biết tên Trung úy này là trưởng đoàn của chuyến đi.

Đã ăn ý trước, chú Tuất giới thiệu tôi là ông anh họ, mới ở Bắc vào Sài Gòn thăm họ hàng, với tên Trung úy là Quỳnh người Long Xuyên. Tên Trung úy nhìn tôi với một thái độ tôn trọng nhã nhặn. Đoàn đi hơn ba chục người. Xe chạy hướng sang Gia Định rồi lên Thủ Đức. Cảnh vật đường xá đã thay đổi thật nhiều, nếu không chịu khó nhận xét thì nhìn không ra. Tên Quỳnh từ ghế trên quay xuống lịch thiệp:

- Thưa . . . . . .anh công tác ngành gì?

Tôi không nghĩ là y lại hỏi chuyện tôi. Ngước lên nhìn y, tôi thấy y có bộ mặt cũng sáng sủa, và đôi mắt thật sáng. Để khỏi lôi thôi trong chuyến đi, tôi trả lời một cách bất đắc dĩ

- À, tôi công tác . . . làng nhàng, trong ngành báo chí ?

Tôi nói như thế, phần vì biết giọng tiếng Bắc của tôi rất đậm, và ngành báo chí thì ít lề thói, chuyên môn. Hơn nữa, tôi cũng hiểu biết một chút về ngành này ở miền Bắc. Không ngờ tên Quỳnh lại càng tỏ ra săn đón. Y rót trà, thuốc lá đầu lọc mời tôi một cách trang trọng. Chắc y suy đoán, một người nói tiếng Bắc ” rặt ” tương đối đứng đắn thì cũng phải có cỡ, nhất là

dưới chế độ cộng sản, như người cỡ của Đảng không chừng. Phần tôi, tôi chẳng có gì và cũng chẳng có một chủ trương gì, tôi chỉ cần chuyến đi này, đừng ai đụng chạm đến tôi là vui rồi. Mới về miền Nam ngày thứ ba đã ra Cấp chơi, không phải là một chuyện thú vị sao?

Xe đi qua chợ Thủ Đức, nhà cửa san sát khác hẳn ngày xưa, vẫn cái mùi nem chua của Thủ Đức phảng phất giàn trải trong không gian. Một vài cụm mây trắng nằm xếp lớp, trải dài phía trời Đông. Ánh dương lấp ló trong màn mây dầy, đôi khi quắc mắt thò mặt ra như giận dữ, nhìn chiếc xe mầu xanh sậm đang bò trên quốc lộ I .

Xa xa nhìn sang phía phải, ngọn Châu Thới xưa, vẫn đội trên đầu ngôi chùa cũ năm ấy, như nhắc nhở tôi một quãng đời niên thiếu đã qua rồi. Những ngọn dừa ngả dài, ngúc ngắc, như muốn dụi đầu thầm thì chuyện lứa đôi với " sóng nước Đồng Nai ", ưỡn ẹo nằm dài cạnh thành phố Biên Hòa. Hai con cuốc đen nhánh, dài cổ ra, cánh khỏa vội vàng từ dưới lòng sông, như cố đuổi theo chiếc xe của chúng tôi, đã rẽ ra phía Vũng Tầu. Một câu nói không thốt thành lời, êm ả vấn vít trong đầu tôi: "Quê hương tôi, nơi nào cũng đẹp!"

Cái mùi nhằng nhặng mằn mặn của khí trời, làm mọi người đều ngoái cổ nhìn ra. Kia rồi Trời cao lồng lộng , biển rộng mênh mông, sóng réo rì rào. Xe đỗ dưới một lùm cây, hồng hộc lên rồi khò khè . . .tắt thở. Một bãi cát trắng phau nằm tênh hênh dưới ánh mặt trời đúng Ngọ. Bên ngoài từng đợt sóng, trắng đầu đang lần lượt rủ nhau từ ngoài khơi chạy vào bờ. Trông xa xa như muôn ngàn bàn tay đang vẫy gọi, mời đoàn người trong xe, hãy mau mau xuống đây tâm tình, chuyện trò, chúng tôi đã chờ các ngài lâu rồi!

Tiếng nhí nhéo, rồi một giọng cười ré lên như chiếc mobylette rồ ga, phía cuối xe. Có hai cô tóc dài và một bà tóc quăn cũng đi theo, chẳng hiểu là công nhân hay là thân nhân của đoàn?Đúng là phiên phiến cho qua, chúng ta chủ nghĩa xã hội, mỗi người tự xoay xở, thay quần áo ngay trên xe, rồi đều túa ra mép nước.

Đã lâu ngày nhớ nước…..nhớ biển, tôi chỉ đánh cái quần cộc theo đoàn người nhào xuống nước. Có thể lâu ngày, dư âm sót lại của một thời "vang bóng", và cũng do "ca lo ri" bồi dưỡng hàng tuần nay, tôi xông ra, vẫy vùng với lớp sóng bạc đầu, "sải " ra ngoài khơi. Cuối cùng có ba bốn người theo nhau ra khơi, trong đó có tên Quỳnh (Trung úy Hải quân) trưởng đoàn.

Bơi biển khác với bơi sông hay bơi hồ. Bơi sông, bơi hồ, khi mệt thì cố sang bờ bên kia ! Biển phải biết dự trù trước, để bơi trở vào, nếu không có kinh nghiệm, nhiều khi có chuyện buồn xảy ra.

Về cuối chỉ còn lại ba người, ra khơi chừng khoảng năm, sáu trăm mét rồi đều quay vào vì sóng hơi lớn. Nhiều người nằm dài, phơi mình trên bãi cát. Tôi đang nằm ngửa, dõi mắt theo một cánh chim trời, lạc lõng chống với gió ngược, lướt mình ra phía ngoài khơi xa thẳm. Phải rồi, phía chân trời bên ấy, bên kia đại dương, mới thực sự là khung trời của tự do! Một tia ước mơ như một sợi chỉ đang luồn lách trong tâm tư, thì bóng của anh chàng Quỳnh tiến đến. Y nói còn trong hơi thở chưa, được bình thường:

- Trông anh ốm nhom, mà anh bơi khoẻ he!

Ngồi dậy, hơi thở vẫn chưa đều, tôi cười vả lả:

- Tôi sinh ra nơi đồng chua, nước mặn, quen rồi!

Tất cả đều lần lượt trở ra xe, theo quy định l: 30 chiều sẽ có một bữa cơm ở quán ” Mười Lãnh ” phía Bãi Sau, do qũy của cơ quan đài thọ.

Một chiếc quán bình thường ở Bãi Sau, nhưng rất rộng rãi, ngay sát gần biển. Tôi và chú Tuất tìm một chiếc bàn con khuất nẻo, cạnh một chậu cảnh hoa nhài, để gửi hồn về Thăng Long xa xôi. Tâm hồn của con người nghĩ cũng lạ, khi ở ngoài Bắc thì ngày đêm cứ hướng lòng mình về Thành Đô của phương Nam. Về Sài Gòn với cha mẹ anh em rồi, lại thấy nhớ nhung xứ “ngàn năm văn vật “. Tuy có mấy món ăn đặc biệt, nhưng cũng chỉ có bia hơi, hạn chế mỗi người chỉ một ly.

Vừa lúc chú Tuất chạy sang bàn bên, anh chàng Quỳnh từ một bàn phía trong, cầm một ly bia tiến đến chỗ tôi ngồi, y vồn vã:

- Anh cụng với em một hơi!

Thấy tên này có vẻ mến tôi, có hơi men, tôi nổi hứng lên cơn, cụng ly, uống một hơi. Tôi nghiêm giọng, bất ngờ:

- Mấy tuổi Đảng rồi?

Y nhìn tôi, ngập ngừng vài giây, rồi trang trọng nói nhè nhẹ:

- Em mới được vinh hạnh tuyên thệ tháng 6/1978 .

Y nói rồi ngồi yên, hơi cúi đầu, cái làn ” vi ba ” giác quan thứ sáu của hai người gặp nhau cũng kỳ diệu. Y xưng em ngọt sớt, tôi cứ lên “cương” vô thưởng, vô phạt:

- Hãy nhớ một điều của tôi: Luôn luôn coi Đảng như một tôn giáo, là thần, là thánh. Mọi Đảng viên bắt buộc phải tin ở những nguyên lý và những tín điều, không được phép hoài nghi.

Vẫn còn nhìn xuống ly bia cầm tay, y khe khẽ:

- Thưa anh, em sẽ nhớ !

Chú Tuất trở về thì tên Quỳnh hơi cúi đầu chào tôi, chậm chạp trở về bàn. Thái độ của tên Quỳnh làm cho nhiều người cũng có vẻ nể tôi. Riêng chú Tuất cũng ngạc nhiên, ghé gần tôi nói nhỏ :

- Anh làm gì, ông Quỳnh có vẻ trọng, thích anh thế?

Vì chỉ muốn giải quyết buổi đi chơi hôm nay ” bình yên “, tôi căn dặn chú Tuất:

- Chú nhớ, chú còn gặp Quỳnh nhiều, đã giới thiệu tôi là anh họ từ Bắc vào. Nếu Quỳnh có hỏi thì nói anh ấy đã về Bắc và luôn nói là không rõ, không nói thêm một cái gì khác về tôi.

- 20 -

5 NĂM, MẤT QUYỀN CÔNG DÂN

Sáng thứ Hai, tôi lên Phường 6 theo lời của tên Mậu. Y yêu cầu tôi phải lên Thành Phố trình diện ngay buổi sáng nay. Sau khi hỏi kỹ về nơi chốn, và cách thức, tôi đạp xe đến đường Trần Hưng Đạo.

Nhìn từ xa, trong một góc sân của CA Thành, tôi thấy hơn một chục người, người mái tóc còn xanh, nhiều người đã muối tiêu hoặc tiêu nhiều hơn muối. Qua dáng dấp đứng ngồi, nét mặt, tôi đã thấy cũng là dạng như tôi hôm nay. Thấy tôi đạp xe vào sân, còn đang ngơ ngác, một anh nhanh nhẩu, có lòng giúp người:

- Vào nộp giấy ở trong trước, rồi chờ!

Hơi cúi đầu, cười tỏ ra cám ơn, tôi tiến vào trong. Trên một chiếc bàn giấy có hơn một chục tờ giấy, tôi đoán là cũng giống của tôi "giấy ra trại ". Sau khi tôi xếp giấy lên bàn, liếc qua một khung cửa rộng, tôi thấy một gian lớn, với nhiều hàng ghế dài, 'đã có sáu bảy người ngồi. Để tâm hồn được lắng đọng suy tư, tôi xuống phía cuối, ngồi một mình. Gần 9 giờ, các anh ngoài sân cũng lần lượt kéo vào các hàng ghế, ngồi chờ. Trên dưới ba chục người, những người ngồi gần nhau, châu đầu thì thầm chuyện trò.

9 giờ, một tên đeo lon thượng úy từ phía trong tiến đến chiếc bàn có chồng "Giấy ra trại" lật xem từng tờ một lúc. Y ngẩng lên nhìn khắp lượt, cao giọng:

- Anh nào là Đặng Chí Bình?

Hơi bất ngờ, tôi đứng dậy, nhiều anh em cũng thấy lạ, quay lại nhìn tôi. Tên thượng úy vẫy tay:

- Anh lên đây tôi gặp!

Lách ghế, tôi tiến lên gần bàn y, đứng lại. Mặt y tươi lên làm tôi ngạc nhiên. Y nói tiếng Bắc "sệt ":

- Không ngờ, tôi lại gặp anh!

Hơi choáng hồn, tôi nghiêm trang chờ đợi. Y niềm nở, cứ như quen biết cũ :

- Anh không nhớ, và biết tôi đâu vì vụ án của anh ngày ấy, tôi chỉ là một hạ sĩ chạy giấy tờ.

Tôi tươi hẳn mặt, nhìn y. Lúc đầu y gọi tên tôi, giọng Bắc, tôi đã không ưa, vì mang một định kiến, những tên "ăn cướp" nắm hết những cơ quan chủ chốt, còn người miền Nam chỉ là tượng trưng làm "vỏ bọc" tuyên truyền. Bây giờ, tôi có phần nào thiện cảm, vì y tỏ ra chân thành.

Tôi là người y làm việc đầu tiên, mà không một ai thắc mắc. Ở giai đoạn ấy, chế độ ấy cũng chả một ai dám thắc mắc, kể cả tôi. Nội dung buổi đó là:

- Ngay chiều hôm ấy, tôi phải về trình diện "Phòng Quản Lý Những Người Học Tập Được Về " của quận Tân Bình.

- Đầu mỗi tháng phải lên trình diện CA thành. Đầu mỗi tuần phải ra trình diện CA phường.

- Phải có một cuốn vở, ghi rõ hàng ngày: Sáng làm gì, gặp những ai; chiều cũng thế. 7:OO chiều phải đưa cho CA khu vực ký tên mỗi ngày (Vợ tôi sang Mỹ sau, đã mang theo hai cuốn vở này).

Tôi được một đặc ân: Sau khi tên Thượng Uy đọc kỹ giấy hộ khẩu của bố mẹ tôi. Mắt y đăm chiêu nhìn tôi, như một sự cảm thông chia sẻ:

- Xét hoàn cảnh, bố anh 76 tuổi, đã lẩn thẩn. Mẹ anh 73 tuổi, đã bị loà cả hai mắt 16 năm rồi. Đảng và nhà nước chiếu cố cho anh, được tạm trú ở nhà bố mẹ 3 tháng. Cứ ba tháng, anh phải đem tờ hộ khẩu này đến "PQLNNHTĐV" xin gia hạn.

Thật cũng lạ đời! Tôi là con trai cả, cũng là người con trai duy nhất của bố mẹ tôi. Mà lại được phép tạm trú nhà bố mẹ của mình chỉ ba tháng? Tôi định thắc mắc hỏi cho rõ, nhưng tôi chợt nhớ, 18 năm ròng rã tù đầy, đã hiểu, người dân của chế độ này, sống trong một cái khuôn, chỉ biết cúi đầu nghe đảng: Đảng đã phán, đã bảo, thì không bao giờ sai cả. Mọi người phải coi như một tín điều của một tôn giáo. Đạo Phật thì có Niết Bàn, đạo Công Giáo thì có Thiên Đàng. Không được băn khoăn thắc mắc, hoài nghi. Nên tôi cố nuốt những niềm u-uất xuống tận đáy lòng.

Nhưng có lẽ y nhìn nét mặt trầm buồn của tôi. Y đã chỉ vào giấy tha của tôi: án phạt 18 năm, mất quyền công dân trong năm năm. Về một phía tôi thấy mình còn bị o-ép, thắt buộc chặt hơn ngày ở trong tù.

Như thế bản án của tôi không phải 18 năm, mà là 23 năm. Tôi sẽ không tiếc công sức, đem tâm trí, khả năng của mình để quyết tâm chuyển đổi. Tôi

cầm tờ giấy tha tù, chậm chạp đi ra. Có mấy anh hất đầu, vẫy tay làm hiệu, các anh muốn hỏi tôi điều gì tôi chỉ cười, gật đầu như chào, rồi ra chỗ chiếc xe đạp.

Gò lưng, tôi đạp về đường "Cách Mạng Tháng Tám". Cảnh phố phường ngang, dọc của Sài gòn là đây! Nhìn Thành Đô kính yêu và thương nhớ của tôi, nhưng, giờ đây tôi thấy xa lạ. Cái gì cũng xa lạ, như ở một nước khác, tôi đang đi nhờ trên đường. Cũng chợ Bến Thành, cũng đường Lê Văn Duyệt của Sài gòn, của miền Nam trước đây:

Tình miền Nam như … Hoa lan đầy hương …

Nhạc dịu êm vang … Dư âm ngàn hướng … Đây đó … Vui ca …Tiếng hát … Chan hòa … Dựng một mùa hoa …

Nhưng giờ đây, tôi thương tôi … Thương Sài gòn … Thương miền Nam và thương cả … Đất nước tôi.

Có đau cũng không dám khóc … Có vui cũng không dám cười ! Tư tưởng của tôi chợt loáng về hai ý thơ trào phúng của cụ Uy Viễn tướng công, thời quân chủ phong kiến:

Khi vui … muốn khóc … Buồn tênh … lại cười …

Nếu cụ sống lại thời nay … chắc chắn cụ ở trong nhà tù CS.

Cái tâm trạng của tôi xa lạ, như 18 năm xưa ở Hà nội, khi ấy tôi ở nhà trọ khu Ngã Tư Sở. Ở Sài gòn hôm nay cũng thế! Nhìn những con chim sẻ đậu trên mái nhà, những hàng me ngoài đường phố, tôi có cảm tưởng như chúng cũng đã bị tiêm nhiễm cái chất độc CS. Chúng cũng ngày đêm, rình rập soi mói, nhòm ngó lẫn nhau. Cuộc sống của chúng cũng không còn có thể yên lành.

Tôi có một người bạn thân là Nguyễn Hữu Lợi: Đầu 1955, tôi chạy khỏi Bình Xuyên lên khu định cư Hố Nai Biên Hòa, tôi và Lợi biết và quen nhau từ đấy (xin xem Thép Đen I). Do những sự kiện và thời gian, chúng tôi càng ngày càng thương mến nhau. Để rồi, Lợi trở thành người bạn thân thương nhất của đời tôi. Khi tôi nhận một nhiệm vụ ra Bắc, không nói với bố mẹ, nhưng tôi đã nói sơ qua cho Lợi. Vì thế Lợi là người bạn duy nhất, biết tôi ra Bắc.

Những tháng năm quằn quại trong nhà tù CS, tôi đã nhớ đến người bạn này nhiều lần. Bây giờ trở về, ngoài những chuyện bắt buộc tôi phải làm trước, tôi phải tìm mọi cách để biết về Lợi. Giữa bao nhiêu biến thiên của

miền Nam, Lợi còn hay mất, hay như thế nào? Tôi hiểu Lợi là một người có ý chí, lập trường, chống ai thì có phần hơi quá khích. Khi tôi ra đi, nó đang là Tỉnh Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, tỉnh Phước Thành (chiến khu D của CS).

Bố mẹ của Lợi còn lại Hà Nội, Lợi di cư vào Nam cùng với gia đình một bà bác. Do liên đới, tôi đã quen và thân với Nguyễn Vĩnh Lý, là con bà bác ấy và cũng là anh họ của Lợi. Lý và tôi cùng vào lớp tình báo ở số 2 Jean Jacques Rousseau (Thép Đen I). Vì cùng ở Sài Gòn đi học, nên Lý và tôi vẫn thường xuyên gặp nhau ở nhà Lý, tại khu Đa Kao, Phú Nhuận- Sài Gòn. Do đấy, tôi phải đến nhà Lý mới biết tin về Nguyễn Hữu Lợi được.

Sáng ngày hôm sau, lọc cọc đạp xe đến vùng Tân Định, tâm trạng của tôi cũng bồi hồi xúc động không ít. Tất cả mọi tình huống không thể đoán trước được. Cứ theo định vị trong đầu, ngoằn ngoèo vài ngõ hẻm. Vùng này chẳng khác xưa bao nhiêu, không như những vùng khác.

Tôi đã đến một ngôi nhà, có lưới thép chống ruồi, muỗi. Một bà cụ già đang chậm chạp đu đưa, trên một chiếc võng. Tôi hồi hộp ngó nghiêng để định hình. Rõ ràng bộ mặt hiền, đôn hậu mẹ của Lý. Tôi mở móc cửa, bước vào đến bên bà cụ. Thấy động bà cụ ngồi lên, nhìn tôi đăm đăm. Tôi biết bà cụ chưa nhận ra tôi, phần vì gầy ốm, phần vì đã không còn là một cậu thanh niên tươi trẻ ngày xưa. Không thể kìm hãm được lòng mình, tôi ngồi xuống đặt nhẹ một tay vào tay bà cụ, nghẹn ngào:

- Cụ còn nhớ con không?

Bà cụ lại mở càng to mắt hơn, rồi như chợt nhận ra, vì nước mắt cụ đã chạy vòng, cụ nói thều thào:

- Anh Bình?

Rồi nước mắt của cụ đã tràn xuống má, cụ bóp nhẹ tay tôi. Tôi hỏi trong nỗi lắng lo:

- Thằng Lý bây giờ ở đâu, cụ?

Nước mắt bà cụ lại dàn ra nữa, cụ không nói ra lời, cái miệng của cụ méo xẹo đi, tay của cụ chỉ xuống nền nhà. Người tôi như đang đu võng, tôi hỏi dồn dập:

- Thằng Lý làm sao hả cụ?

Bà cụ nấc lên, rồi cố gắng nói trong cuống họng:

- Nó chết 6 năm rồi!

Tôi định hỏi, nó chết vì sao thì tiếng chân người trên gác đi xuống. Qua tấm màn "sáo" tôi đã nhìn ra chị Thọ. Mắt của chị sững lại nhìn tôi chằm chằm, giọng của chị vẫn còn trong suốt như xưa.

- Cậu Bình hãy còn sống ư?

Rồi chị rút khăn ra lau mắt, còn tôi cũng không thốt ra lời!

Sau những phút hàn huyên của những tháng năm dài xa cách, tôi được biết sơ lược: Bà cụ Lý có sáu người con, ba người con trai và ba người con gái, chị Thọ là cả.

Nguyễn Vĩnh Lý, đã chết từ 1974.

Nguyễn Đức Lập, đã vào trường Sĩ quan Thủ Đức và đã chết trận, để lại vợ và hai con.

Nguyễn Thành Phong, người em út cũng đã chết do vượt biên đường bộ sang Căm – Pu – Chia, (cuối 1976).

Tôi bàng hoàng, bao nhiêu người đã chết, cả cậu em trai của tôi. Còn tôi, tôi đã đi vào chỗ "thập tử nhất sinh" lại sống trở về đúng là lẽ đời thật huyền diệu!

Tôi đã vội hỏi đến Nguyễn Hữu Lợi. Được biết Lợi hiện nay khá giả, đã có bốn con, đang ở phía bên Cầu Kinh, Gia Định. Tôi và chị Thọ hẹn nhau, sáng mai chị sẽ dẫn tôi sang nhà Lợi. Trên đường đạp chiếc xe "cà cộ" về nhà, chân tôi nhiều lúc như rời ra, không muốn đẩy vào bàn đạp nữa, chỉ vì dòng tư tưởng của tôi nhiều lúc như xoắn lại, co kéo nhẩy ra nhiều lần, về thân phận của con người trong một đất nước gặp phải " Vấn Nạn ". Bất cứ nước nào gặp phải cái " vấn nạn " này, dân chúng cũng đều điêu linh cả. Gặp ít thì dân khổ ít, gặp nhiều thì dân khổ nhiều, khổ lâu.

Ban đêm, bố mẹ tôi ngủ ở dưới nhà, bố một giường ở gian ngoài, mẹ một giường ở gian trong. Một mình tôi thênh thang trên gác, sàn gỗ, không có giường, bàn, tủ, ghế. Tôi trải một chiếc chiếu, với một cái màn cạnh chiếc cửa sổ, tôi nằm giạng chân, giang tay, tưởng như trên trái đất này có mỗi một mình tôi. Để bù lại những ngày tháng trong tù, nằm nêm, ép chật chội. Tôi tưởng sẽ đánh một giấc Nam Kha ngon lành, sáng mai theo lời hẹn với chị Thọ, dẫn đến nhà thằng Lợi.

Một mình mà cứ lăn lộn, trở mình hoài, không ngủ được. Quá nửa đêm, một âm thanh rất lạ, rù …rì …vi …vu, tôi tưởng là tiếng "gáy gỗ" của thầy tôi ở dưới nhà vẳng lên, có lúc nghe như bên hàng xóm nhà ai đang đẩy, kéo giường hay tủ trên sàn gỗ. Bây giờ thì nghe rõ là tiếng sấm ở xa xa, nghe như tiếng xay lúa của một cụ già trong làng quê rời rạc, hổn hển đẩy cái cần của chiếc cối xay ọc ạch, cũng như tuổi đời của cụ.

Bỗng nhiên gầm, rú lên như có nhiều chiếc cối xay của những chàng thanh niên lực lưỡng, thi nhau đẩy cần. Tiếng sấm của Thành Đô nghe thật lạ, có thể do khí quyển miền nhiệt đới, hay lý do nào khác tôi không rõ. Tôi nghe tiếng sấm của Sài Gòn, khác hẳn tiếng sấm của miền Bắc.

Đã có những hạt mưa long tong, lách tách. Lúc đầu, tôi tưởng là tiếng chuột, đang gặm gỗ làm tổ ở trong vách nhà. Rồi như một đàn chuột chạy đùa, đuổi nhau trên mái tôn. Một tiếng nổ to tôi giật mình, làm cả căn nhà như rung lên, một làn chớp xanh lè nhánh lên làm sáng cả căn gác. Thế rồi, như nước ở trên trời đổ xuống.

Mưa của Sài Gòn cũng khiếp thật, khác với mưa Hà Nội, nó nhè nhẹ lả lơi như hơi thở của một thiếu nữ thanh tân, nồng giấc trưa hè. Nằm mãi nghe âm thanh của một đêm mưa, những giọt tong tong của một chiếc máng, rơi vào bể nước phía sau nhà. Dòng nước xối xả, chảy từ mái nhà bà Cần xuống hè đường, phía đối diện.

Tiếng rọc rạch, rổn rảng của chiếc máng nhà cụ Thanh bên cạnh, nghe như một đàn cua rốc chạy trên một cái mâm đồng.. Tiêng gió lắt lay, lồng lộn đập vào tấm phên trước cửa nhà ông già Tấn. Tất cả, như một buổi hòa âm của một tụ điểm nhạc thính phòng, đã khắc ghi vào lòng tôi một đêm Sài Gòn mưa rơi. Rồi tôi đi vào giấc ngủ muộn đêm hè lúc nào không hay.

- 21 -

NGHĨA BẠN BÈ

Sáng hôm sau tôi đến, chị Thọ đã sẵn sàng. Chiếc xe đạp nó cũng mệt mỏi, ốm yếu như tôi, nhưng nó và tôi vẫn còn đủ sức đèo thêm chị Thọ phía yên sau. Theo sự chỉ dẫn của chị Thọ, tôi đi qua Lăng Tả Quân Lê văn Duyệt, rồi ghé sang ngã ba Hàng Xanh, tiến về phía Cầu Kinh. Trên đường đi, chị Thọ và tôi trao đổi nhiều chuyện về thằng Lý, thằng Lợi và những sự việc liên quan.

Đến một ngôi nhà cửa sắt, ba tầng lầu, tường xây granito có một cái cổng bên hông, cửa đóng im ỉm để xe ô-tô ra vào. Chị Thọ nói, đây là ngôi nhà của cậu Lợi, (Lợi là em họ của chị). Đã thỏa định trước với chị Thọ, khi đến nhà Lợi, chị cứ nấp vào một chỗ, để tôi bất ngờ gặp thằng Lợi, xem nó có nhận ra tôi không?

Một thoáng trở về ngày tôi từ giã Thành Đô, để đi vào vùng bão lửa. Khi ấy tôi và Lợi đều là trai độc thân, nhởn nhơ giữa chợ đời, thế mà giờ nó đã trở thành một nhà ” tư sản ” của đất Sài Gòn. Tiến đến cái cổng sắt to, rộng, tôi nhẹ tay đè vào núm chuông điện. Một luồng xúc cảm đẩy ngược xuống tim, làm lòng tôi hồi hộp. Chừng năm phút sau, cánh cửa sắt cổng đẩy hé, một đứa bé khôi ngô, trắng trẻo chừng 9, 10 tuổi thò mặt ra nhìn tôi, ngập ngừng:

- Thưa ông hỏi ai ạ?

Đoán ngay là con thằng Lợi, tôi chậm chạp nói như hết hơi:

- Tôi muốn gặp ba của cháu!

Nó đóng cửa lại, cũng không nói tôi chờ, nhưng tôi biết người ra bây giờ phải là ba của nó. Năm ba phút sau, cánh cửa lại hé ra, thằng Lợi nhìn tôi một vài giây, rồi cất tiếng hỏi:

- Thưa ông … hỏi cái gì ạ?

Đè sự hồi hộp xuống, tôi rành rọt:

- Tôi muốn mua của ông … cá i máy ?

Quá xúc động, nên tôi nói đại. Cũng lạ kỳ, giai đoạn cuối 1980, nhà nào ở Sài Gòn cũng đều thận trọng lo lắng, nhất là những nhà có của. Thế mà một người lạ, hỏi mua một cái máy, chưa biết là máy gì, nó cũng không nói với ai

là bán, vậy mà nó dám mở cổng cho tôi vào? (Sau này, nó cũng bảo thật là kỳ lạ). Mặc chiếc quần đùi trắng, sơ-mi trắng, tay cầm chùm chìa khóa, nó lui cui dẫn tôi đi vào. Gần đến cây ổi to giữa sân, nó chợt ngừng, quay lại mở to mắt hỏi rời rạc:

- Tôi … có máy … gì bán đâu?

Vì bất chợt nó đứng lại, thành ra tôi đã sát gần mặt nó, nhìn đlôi mắt mở to của nó chằm chằm vào mặt tôi, tôi không thể chịu được nữa rồi. Tôi tát cho nó một cái! Mắt nó lại càng mở to, tưởng đến rách ra. Một giây như một luồng điện, nó chợt hiểu. Nó chỉ một ngón tay vào sát mặt tôi, thảng thốt:

- Thằng Bình hả !

Tôi và nó đã ôm chầm lấy nhau ở giữa sân, trước con mắt đờ ra của đứa con lúc đầu ra mở cổng. Nó líu ríu kẻo tôi vào phòng khách. Tôi thoáng nhìn lên gác, thấy những khuôn mặt của vợ con nó, mấy người cũng đang theo dõi từ nãy những gì giữa tôi và thằng Lợi. Cũng lúc đó, chị Thọ đẩy cổng dẫn chiếc xe đạp đi vào. Chị Thọ, thằng Lợi và tôi đã ngồi vào ghế salon. Trên gác lục tục kéo xuống, nhìn thoáng một người mũi cao như lai Tây, tôi đã nhận ra vợ thằng Lợi, chính là cô Duyên ngày ấy!

Tôi nhớ vào khoảng giữa năm 1961, giai đoạn ấy tôi đang ở số 62 đường Trần Hưng Đạo Sài Gòn. Buồng tôi ở tương đối là sang, có đèn chùm, ghế bành bọc nhung đỏ, có máy đun nước nóng, và có máy điều hòa không khí. Khi đó, Brown và Dale đang hàng ngày, huấn luyện tôi. Người Mỹ ra vào một chỗ phải như vậy nó mới hợp lý, không làm ngạc nhiên những người tò mò, nhất là phản gián của đối phương. Phan, Brown, Dale đã căn dặn tôi, không được cho ai biết nơi tôi ở đó, thế mà tôi đã phá luật chỉ vì thằng Lợi.

Khi ấy, nó làm Tỉnh Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa tỉnh Phước Thành. Nó kiếm được một "cô em" rất đẹp, cuối tuần thường đèo Lambretta mang em về Sài Gòn. Một buổi nó ghé tai tôi khẩn khoản:

- Em là loại hoa khôi của tỉnh Bình Dương, gia đình nho giáo, không có cách nào mời em vào khách sạn cả, em chỉ đồng ý vào nhà bạn bè v.v. . .

Vì bạn bè, mình có thiệt thòi cũng sẵn sàng nên tôi đã đưa chìa khóa phòng tôi cho Lợi với những lời căn dặn cần thiết.

Tôi không cần biết, tôi ra quán Anh Vũ ngồi tới 1 giờ đêm mới về, theo qui định với Lợi. Khi tôi về mới thấy thoáng qua ở cửa, khi "anh chị" đi ra, và thằng Lợi đã lí nhí giới thiệu cô Duyên này. Sau đó, chẳng bao giờ tôi gặp cô Duyên nữa cho tới ngày, tôi đi " mất tiêu ".

Để tôi trong ý thức và thời gian, thằng Lợi vẫn ngồi ở salon nó gọi đứa con gái đầu lòng tên là Mỹ Linh:

- Con lên gác, vào buồng ba, lấy cái quần ba vẫn mặc xuống đây?

Vợ chồng Lợi đã có bốn con:

- Nguyễn thị Mỹ Linh 17 tuổi

- Nguyễn Hữu Lực 15 tuổi

- Nguyễn Hữu Lượng 11 tuổi

- Nguyễn Hữu Luyện 9 tuổi

Trong cái thế này, các cháu đều phải coi tôi như một ông chú "cò bơ, cò bất ", " tiểu tốt, vô danh" vậy!

Khi cháu Mỹ Linh đưa chiếc quần tây mầu nâu xuống, thằng Lợi đã móc chiếc ví da đen, túi quần sau, lôi ra một tấm hình của tôi chụp 20 mươi năm xưa. Thằng Lợi bảo:

- Tao tin là mày đã chết rồi! Tao là bạn thân, nên tao hiểu mày. Mày đã không làm thì thôi, chứ đã đảm trách một việc gì thì mày không có cái kiểu đấm vào vai, vào tay, vào lưng mà mày sẽ đâm vào tim cho đúng huyệt, chứ không chơi vơi, với kẻ thù. Vậy mày ra miền Bắc, mà không về thì hầu như tao coi như đã chết rồi, huống chi CS đã cướp được miền Nam từ 1975. Đã năm năm không hề có tin tức của mày, thì điều tao suy đoán càng chính xác.

Vì thế tao có gặp mày ở ngoài đường, tao cũng không nhận vì tao đinh ninh mày đã chết rồi. Tấm ảnh của mày tao vẫn mang theo trong ví, để chứng tỏ mày luôn luôn ở trong lòng tao, dù mày đã về với Chúa.

Còn một sự việc nhỏ nữa bây giờ tôi vẫn nhớ như vừa mới xẩy ra. Cô Duyên (xin lỗi chị Lợi) đã xấp xỉ 40 tuổi, tuy vẫn còn đẹp. Hôm đó, cô ấy đi ra, đi vào, dáng đi õng ẹo, cứ nói đi nói lại một câu:

- Bây giờ tôi già và xấu qua rồi !

Phải rồi khi ấy cô đang 18 – 19 cái tuổi của " nhựa sống căng tròn, nghe cô "Duyên". Thấy chị Lợi, than vãn hai, ba lần như tiếc nuối tuổi xuân, tôi đã phải đứng dậy để tay vào ngực:

- Chị Lợi ơi ! … .Chị hãy nhìn tôi đây này, ngày xưa tôi như thế nào. Bây giờ tôi sống sót trở về là công dân hạng hai, của 'HXHCN ốm o, già lão phải đến CA trình diện hàng ngày đây này. Chị hãy nhìn tôi, mà vui trong hạnh phúc gia đình, mà Chúa đã ban cho anh chị và các cháu.

Cả ngày và đêm hôm đó, tôi đã ở lại nhà anh chị Lợi. Thôi thì thượng vàng, hạ cám chuyện lớn, chuyện nhỏ tích lũy trong hầu bao, lâu dài, chúng tôi đã cùng nhau dốc hết. Vì chị Thọ còn mỗi bà cụ ở nhà, nên đã dùng chiếc xe " mịn- lớp – sằng Bảo Long ra đời " (khi Bảo Đại đẻ Bảo Long) của tôi, để trở về khu Đa Kao.

Do yêu cầu chủ trương thứ hai của tôi: Ngày mai, tôi và cả gia đình Lợi sẽ đến bà cụ và chị Thọ, để cùng ra mộ thằng Lý. Vì nó nằm có một mình, ngoài nghĩa địa. Hơn nữa, tôi cũng còn cần trao đổi với nó, một vài chuyện ân tình.

Thằng Lợi mà để làm việc xã hội, nó sẽ phát huy được "sở trường", nó chu đáo cả những chuyện tôi không ngờ. Nó bảo:

- Ông bà cụ và mày bây giờ gặp khó khăn, trách nhiệm của mày là …….. Và ngay buổi chiều, nó một chiếc xe đạp, tôi một chiếc, đèo một túi gạo chừng 20 kg, do chị Lợi đã chuẩn bị sẵn.

Hai chúng tôi lại nhởn nhơ, thung thăng, song song trở xuống khu Ông Tạ, Hòa Hưng. Có lúc nó và tôi cùng đăm chiêu, không nói với nhau một lời, mỗi người mỗi dòng tư tưởng, nhưng tôi chắc phải có lúc nó có dòng "xuân non" như tôi. Nhớ quá! Cái ngày hai thằng cũng đạp xe song song trên đường phố Sài Gòn , để mài đũng quần trên ghế nhà trường.

Cũng là một điều khác thường, từ ngày còn niên thiếu tôi có một nhược điểm, là lòng tự ái và tự trọng cao. Thế mà, tôi mang gạo của thằng Lợi về nhà cho bố mẹ, lại không thấy lòng mình bị tổn thương?

Mẹ tôi đã phải lau nhiều lần nước mắt, khi tay cụ run run cầm tay thằng Lợi. Cụ xúc động cho tình nghĩa bạn bè còn áng đỏ tươi lên, giữa cái nền xám xịt của tình người trong xã hội ngày nay. Theo như đã dự trù chiều theo ý kiến của tôi, sáng hôm ấy, trừ cháu Mỹ Linh và cháu Luyện phải ở lại coi nhà. Tôi, vợ chồng Lợi, cháu Lực và Lượng ba chiếc xe đạp đèo nhau đến nhà cụ Lý. Chị Thọ đèo thằng Lượng, còn tôi mang cụ Lý.

Một đoàn xuôi xuống khu Tân Chí Linh vùng Ông Tạ. Tôi không ngờ ở đấy lại có một nghĩa trang thật rộng. Ngôi mộ của Nguyễn Vĩnh Lý, đã được xây cất đàng hoàng. Chúng tôi hì hục dọn dẹp làm cỏ. Niềm cảm xúc đã làm cho bà cụ, chị Thọ và Lợi nước mắt đoanh tròng. Theo thủ tục tôn giáo, tất cả

chúng tôi thắp nhang, nến và đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn của Lý.Tôi nhìn tấm hình của Lý gắn tại mộ bia, đôi mắt của Lý cũng đăm chiêu nhìn tôi. Một cơn gió rì rào lướt nhẹ qua, như tôi nhìn ” thấy làn môi của Lý mấp máy, tai tôi nghe cả giọng nói của Lý ngày xưa:

- Mày đã trở về đấy à?

Tôi nhìn cái nốt ruồi dưới mũi của Lý, tự nhiên một hình ảnh nhỏ ngày xưa của Lý, đã ùa về trong tâm tường của tôi. Buổi ấy khoảng 1957, ngày Tết của dân tộc, Lý, thằng Phác (bạn học Chasseloup Laubat của Lý) và tôi đều đóng bộ. Duy nhất có cô Mỹ Huyền (Trưng Vương) chưa là bồ của ai đi theo. Giữa dòng người ” ngựa xe như nước, áo quần như nêm ” ấy của ngày Xuân quê hương, khi chúng tôi đi qua chợ Bến Thành, bước chân lên đường Bonard, có hai cậu 15- 16 đuổi theo kéo áo Lý lại, vồn vã :

- Cậu ơi! Nốt ruồi trên miệng của cậu, làm mất đẹp trai đi?

Giơ ra cái khay nhiều chai lọ, miệng chúng lại ríu rít:

- Loại thuốc mới này của Nhật, chúng cháu chỉ làm mười phút sau, nốt ruồi của cậu sẽ biến mất?

Vì có bóng Mỹ Huyền giai nhân đi bên cạnh, chúng tôi bất ngờ, đều đỏ mặt, lúng túng. Thằng Lý cũng đỏ mặt , nhưng nó quay lại, dõng dạc với hai cậu nhỏ:

- Ơ hay! Tôi vừa ” cấy ” được mấy ngày, mất hàng trăm bạc! Sao lại tẩy đi?

Hai cậu bé đực mặt ra, chả nói ra lời. Chúng tôi đều cười, thở phào và không thể quên được cái ” nhanh trí ” của Lý.

Sau 18 năm ” Bác và Đảng ” đã đào tạo tôi thành một người thợ có tay nghề về cả hàng ngang (giường, bàn, tủ, ghế) lẫn hàng dọc (xây dựng, sửa chữa nhà cửa). Nhà thằng Lợi cao và rộng, nên tôi có nhiều việc làm, do đấy tôi thường xuyên ở nhà thằng Lợi, chỉ chiều tôi phải về trình diện công an khu vực. Một điều băn khoăn nhiều của tôi về thằng Lợi, từ khi về gặp lại nó, nên tôi đã hỏi thẳng nó:

0 Tại sao lại không đi di tản?

Nó đã trả lời tôi, hai ý chính:

1) Gia đình phía bên vợ nó, có nhiều người ở phía bên kia (CS)

2) Tao ở lại, để sẽ chơi với tụi này về kinh tế.

Ngay khi còn trên con tầu " Thống Nhất " trên đường xuôi Nam, tôi đã có ba chủ trương, khi về tới Sài Gòn sau gần hai chục năm xa cách:

1) Tìm về bố mẹ, anh em, họ hàng.

2) Tìm lại hai thằng bạn thân Lý và Lợi.

3) Tìm mọi cách để thăm mộ ông Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu. Tư cách, lòng tự trọng dân tộc và ý chí của hai người, tôi coi trọng.

Hai điều trên đã tạm ổn, còn điều thứ ba, lòng tôi thì muốn thằng Lợi cùng đi, nhưng tôi nhìn thấy nó phải lo toan nhiều công việc tối ngày cho vợ con nó. Phần khác, đây là quan điểm tư tưởng của mỗi người. Hơn nữa tấm lòng của mỗi người thì không bao giờ nên gò, ép, kéo lôi. Nếu không nói là làm giảm ý nghĩa, có khi còn làm mất cả cái đẹp của sự việc. Tốt nhất, hãy một mình tự mò mẫm lấy, cho riêng một mình.

Tên công an khu vực của tôi chừng 22- 23 tuổi, độc thân tên là Huỳnh Lộc, người Long Xuyên. Lúc đầu, y cũng tỏ uy quyền của một CA đối với một phó thường dân như tôi, đang trong tay của y. Qua thời gian và sự việc, y đã thấy càng phồng mang, trợn mắt thì thiệt hơn nhiều, vả lại chỗ đứng của y quá nhỏ, y lại còn có quá nhiều nhược điểm. Chỉ vài lần tiếp xúc, đổi trao một vài vấn đề, cũng là thăm dò, bắt mạch, để rồi càng ngày y càng có thiện cảm với tôi hơn. Như tôi đã xác định ở những phần trên, mình đã có sự thật, nếu có thêm chút khả năng vận dụng, ứng dụng đúng lúc, đúng chỗ thì tính hơn hẳn của ta càng thấy rõ.

Dần dần Lộc tỏ ra nhiều việc làm quá lố. Có lần ở trên Thanh Đa, Cầu Kinh về tới, tôi thoáng thấy bóng Huỳnh Lộc, ngất ngưởng cầm một chai rượu trắng trong một căn nhà ngoài đường Cách Mạng Tháng Tám. Vì khu xóm và chính vì tôi, nên một buổi tối, tôi đưa Lộc vào một hiệu uống nước chanh, để nói chuyện.

Tôi biết, nếu Lộc không thay đổi cảnh sinh hoạt, sớm muộn nó sẽ bị cho về đuổi gà; đôi khi còn mang họa. Kinh nghiệm nhiều năm đã cho tôi biết , anh phụ trách khu vực, một thời gian, không đạt những yêu cầu của họ, họ đã đặt anh trong danh sách loại. Bây giờ Lộc lại có những hiện tượng tiêu cực, rượu chè, hút thuốc lá vàng cả ngón tay. Sau khi nghe tôi tận tình vạch ra từng sự việc, Lộc giật mình, tái mặt ! Y tỏ ra rất ăn năn, thành khẩn:

- Em sẽ cam đoan với anh, từ nay em sẽ chấn chỉnh lại.

Tôi và khu xóm muốn duy trì sự thoải mái tương đối như hiện nay, thì phải khéo léo " sửa sai " cho Lộc. Rất rõ ràng, vì Lộc tiêu cực, mềm yếu, lỏng lẻo, chúng sẽ đưa một tên " hóc búa" đến thay. Do nhiều bà con ta chỉ nhìn có một mặt, nên đã cố mời mọc, lôi kéo công an khu vực bằng những bữa tiệc ngon lành. Thậm chí rộng rãi cả về tài chính nữa, để rồi Huỳnh Lộc chỉ giữ được không đến một tháng, y trở lại đường cũ.

Đến cuối tháng đó, một công an nữ người Quảng Bình thay thế, tên CA nữ này là Mỹ Lệ. Y thị đi từng nhà trong khu vực tra xét xem sổ hộ khẩu, với số người hiện diện. Mặt của y thị tái ngoét như quả cà ghém luộc. Sáng ngày thứ Bẩy y thị yêu cầu tôi , một chàng Thiếu úy Hải Quân tên là Từ và một chuẩn úy Thủ Đức tên là Qúy (mới ra trường 1974), ra chợ Nam Hòa quét dọn, làm vệ sinh. Tôi hiểu mục đích của y thị là hành hạ, làm nhục những người của chế độ cũ mà thôi.

Giữa chợ búa đông bà con qua lại, y thị tay cầm cuốn sổ con đứng coi chúng tôi làm việc. Mặt cứ câng câng lên, chỉ chỗ này, nhắc chỗ kia để thị oai.

Y thị chừng 21- 22 tuổi, chả biết có chồng con gì chưa. Chắc y thị được ý kiến của Đảng ủy Phường hay Quận, để hành chúng tôi, y thị còn bắt chúng tôi móc, khều rác rưởi ở dưới các cống rãnh chung quanh chợ.

Chủ nhật lên nhà thằng Lợi. Tôi kể lại sự việc, thằng Lợi đã nháy mắt bảo tôi:

- Hãy nghe tao, mày phải cho cô ả lên "đỉnh vu sơn ". Nếu không mày sẽ còn khổ, nó còn hành!

Tôi biết thằng "chó chết" này! Nó thấy tôi bực bội, nó nói để cho vui !

- Ngán gì! Tôi cũng đùa lại – Nhưng cái mặt của "ả" như rau muống xào …!

Vừa lúc đó, chị Lợi trong buồng đi ra, chỉ nghe được mấy tiếng: "Rau muống xào!" Chị Lợi nhanh nhẩu:

- Anh Bình thích ăn rau muống xào, chiều nay tôi sẽ làm món "Rau muống xào tỏi ", các anh thử xem có kém gì nhà hàng Đồng Khánh xưa?

Thứ Hai tuần trước, tên Trung úy Mậu, phường trưởng đã yêu cầu tôi theo lệnh của Quận, tôi phải gia nhập "Tổ mành trúc19/5" làm việc hàng ngày, ngay cạnh ủy ban Phường 6. Như thế, hàng ngày 7 giờ tối, tôi phải trình diện để lấy chữ ký của công an khu vực, chúng vẫn chưa yên lòng, chúng còn bắt tôi mỗi ngày ở bên cạnh chúng nữa.

Điều đặc biệt hơn nữa mà tôi biết: Giai đoạn ấy, ở phường 6 có khoảng hơn ba chục người đi học tập về. Cấp bực từ Đại tá trở xuống, hầu hết trình diện tháng một lần, có 5 người trình diện tuần một lần, trình diện ngày một lần chỉ có một mình tôi. (Do Huỳnh Lộc cho biết)

Tôi lần mò xem là có phải chúng còn nghi ngờ tôi, nên phải quản lý chặt chẽ, tôi như ở tù vậy? Hay khi đó, tôi là loại tù từ miền Bắc về, lại mang cái tội Gián Điệp thường gây mạng lưới bí mật, nên chúng cảnh giác? Thời gian sẽ giúp tôi để trả lời, hai câu hỏi trên.

Tác giả và bạn thân Nguyên Hữu Lợi (1961)
trước ngày tác giả vào Bức Màn Sắt năm 1962

Tác giả sang Úc thăm bạn Nguyễn Hữu Lợi
(tháng 3/2000)

- 22 -

THĂM MỘ CỤ NGÔ

Tôi đã vận dụng lý do: Mẹ tôi vừa ho ra máu, bố tôi đêm qua đã té ở dưới bếp, chảy máu mũi. Tôi phải lo cơm nước, thuốc men cho hai cụ, và tôi phải thu xếp nhiều chuyện trong nhà v.v. . . Thứ Ba tuần tới tôi mới có thể đi làm việc ở tổ Mành Trúc, trong khi chúng bắt tôi đi làm Thứ Hai. Phải dùng nhiều cách để hỗ trợ nhau, tên Mậu mới đồng ý.

Như thế phải tranh thủ ngày mai, tôi thực hiện cái chủ trương thứ ba, là thăm mộ Cụ Ngô. Những ngày trước, tôi lựa lời thăm hỏi, không ngờ người cho tôi tin tức tương đối đáng tin cậy, là ông Trùm Lộc. Ông là công giáo được phường chỉ định làm tổ trưởng khu phố của tôi. Tối thứ Năm hàng tuần, tôi vẫn phải đến nhà ông để sinh hoạt tổ dân phố với bà con, đọc báo và nghe thông báo điều này, khoản kia của Phường, của Quận. ông Trùm Lộc, hơn sáu chục tuổi tỏ vẻ lấm lét, ghé vào tai tôi thì thầm:

- Mộ của Cụ Diệm và ông Nhu được ông bà Trần Trung Dung (là cháu), chôn ở nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi.

Tôi hiểu một mình tôi vào thăm mộ hai người, là không tiện lắm! Tôi biết tụi CS vẫn rải những công an chìm, lẫn vào những người ra vào nghĩa trang. Như chúng sẽ bí mật chụp hình, hoặc để ý những ai còn tư tưởng hướng về một người mà chúng kình địch. Những tổng thống, hoặc các vị lãnh đạo khác chúng chẳng phí thời gian làm như vậy.

Tôi đã hẹn trước với cháu Thanh Lan, con của cô Xuân cũng đã 19 – 20 tuổi rồi. Điều tôi không thể quên, là cái tên "Thanh Lan" này lại chính tôi đã đặt cho cháu, khi vào thăm mẹ nó sinh ở nhà thương Từ Dũ. Hơn một năm trước ngày tôi đi Bắc, bố nó là công nhân ở Ba Son, đẻ con đầu lòng chưa kịp đặt tên. Bấy giờ anh trai vào thăm, nên mẹ nó nhờ tôi đặt tên cho cháu luôn. Đi với cháu gái, cho có vẻ gia đình, nếu biết khéo léo ứng xử có thể qua mặt, những con mắt cú vọ của CA chìm.

Hai bác cháu đã mò mẫm đến được mục tiêu. Lúc đầu, tôi còn ngồi xa xa cạnh những ngôi mộ khác, để quan sát theo dõi toàn bộ hiện trường. Tôi hơi ngạc nhiên, nhìn hai bó huệ còn tươi và một bó to bạch hồng, ở mỗi ngôi mộ. Hơn một chục cây nhang đang nghi ngút tỏa mùi hương, luồn vào trong gió của mỗi ngôi mộ.

Tôi bần thần, ngước mắt nhìn lên mây trời , lòng tôi rung rung mở dần ra như một sự cảm ơn không bằng lời. Những ai đã vừa tặng hoa, thắp nhang cho hai ngôi mộ đặc biệt này? Phải chăng cũng là những người dân vô danh

như tôi và cháu Lan? Chỉ vì lòng ngưỡng phục một người đã dám gạt bỏ tiền tài và danh vọng, chọn cái chết dứt khoát, không chịu để chủ quyền Quốc Gia bị xâm phạm, không những người dân ngưỡng phục, kẻ thù cũng không thể coi thường.

Thấy không có gì trở ngại, tôi và cháu Lan trang trọng thắp nhang và đặt một bông hoa hồng nhỏ (tôi không đủ tiền mua một bó), như tỏ tấm lòng của một người, đã nhận một nhiệm vụ trong thời của cụ, ra Hà Nội nhưng bất tài, kém khả năng hiểu biết, nên đã rơi vào tay kẻ thù. Nay sống sót trở về, tôi xin cúi đầu tạ tội với cụ, với đồng bào lầm than khổ đau hiện nay, và sau này.

Tôi nhìn kỹ từng phần nhỏ của hai ngôi mộ, rồi tôi lại nhìn lên trời. Mây đen trắng lổn nhổn trên nền xanh mát của bầu trời. Tôi ngắm một đám mây to, đang đùn lên về phía Đông. Tôi chợt thấy- có thể từ lòng thành mong ước, hay trí tưởng tượng- rõ ràng tôi nhìn thấy nét mặt một bà cụ già tóc trắng phau, bộ mặt hiền từ đôn hậu. Mắt Cụ đang đăm đăm nhìn tôi, cháu Lan và hai ngôi mộ. Một luồng lạnh từ trong xương sống đi dần lên đầu tôi, phải chăng là hồn thiêng của dân tộc, linh khí của sông núi và của Sài Gòn đã bốc lên, kết tụ lại? Đó là Người Mẹ Hiền Việt Nam. Miệng của Mẹ mấp máy tôi nghe rành rọt:

Các con thương yêu của mẹ! Với ý chí rắn chắc, bền bỉ chịu đựng, các con hãy đứng dậy bằng chính đôi chân của mình, mẹ luôn luôn đứng bên cạnh và độ trì cho các con.

Tôi bàng hoàng thảng thốt, quay lại cháu Lan đang quỳ bên cạnh, mắt cháu Lan cũng đang ngước nhìn lên trời. Không biết cháu có nghe thấy những lời, của Mẹ Việt Nam như tôi không?

Kính thưa quý vị độc giả ! Hiện giờ tôi đang viết hồi ký tường thuật lại những cảnh đời tôi đã trải qua! Theo sự hiểu biết của tôi, hồi ký là tường thuật lại những sự việc gì tai tôi nghe, mắt tôi thấy, những sự kiện tôi đã phải trải qua và những gì chính tôi cảm nghĩ ở trong trại tù, không thể nhìn được trong buồng xà- lim này với trong buồng xà-lim kia. Ngoài trại chung không thể chứng kiến buồng này, nhìn sang buồng khác, càng không thể biết được cảm nghĩ của người khác. Viết như vậy là tưởng tượng, tưởng tượng là hư cấu, hư cấu là viết tiểu thuyết. Tôi luôn luôn tôn trọng sự hiểu biết rộng rãi, sáng suốt của quý vị.

Có một chuyện nhỏ, nhưng buồn cười, tôi xin trình bày, như một thể hiện lòng tôn trọng của tôi về sự sáng suốt của quý vị. Khi cháu Lan và tôi dắt hai

chiếc xe đạp vào nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, mấy bà, mấy cô bán nhang, nến, hoa xông ra mời chào:

- Mời cậu mợ mua hoa đi!

- Mời cậu mợ mua nhang, nến này!

Tôi đã nghiêm mặt nói rõ ràng:

- Đây là cháu của tôi! Tôi là bác của nó !

Mấy bà xin lỗi, nhưng có cô lại buông một câu cộc lốc:

- Thế mà !

Do sự mời chào, lôi kéo khách mua hàng, nhưng cũng nói lên một điều: Vì tù lâu, nằm yên một chỗ, nên tôi không già lắm! Lòng tôi cũng ” rổn ” lên một niềm vui, hy vọng sẽ lấy được vợ, không sợ ở ” giá “

Cháu Lan hiện nay đã có ba con, người cháu rể tên là Mão, hai vợ chồng mở một hiệu phở khá đông khách, ở Ông Tạ Sài Gòn.

Buổi chiều, tôi và bố mẹ vừa ăn xong, thì có tiếng gõ cửa, tôi lại tưởng CA. Nhưng thật vui, đó là anh Đèo Văn Bạch, anh được về trước tôi 7- 8 tháng, anh đã đến thăm tôi hơn tuần lễ trước. Nhà anh ở phía trước hồ bơi Cộng Hòa, tôi lại phải nhớ để ghi vào sổ trình diện, anh Bạch trình diện tháng một lần. Sở dĩ tôi tưởng anh Bạch là CA, vì mới đêm qua CA phường, CA khu vực một giờ đêm, đập cửa nhà tôi rầm rầm. Chúng bắt mở cửa ngay, cửa vừa mở chúng gạt tôi ra, chen lấn vào trong nhà. Đèn pin chiếu loang loáng khắp trên gác, dưới bếp, xoi mói, chúng bắt đưa sổ hộ khẩu, sổ trình diện. Tôi còn thoáng thấy một vài tên áo vàng nữa, phía sau nhà. Cảnh giác của chúng thật cao và kỹ thuật cũng thâm hậu.

Chúng suy đoán, bất ngờ ban đêm đột nhập vào khám nhà, nếu trong nhà có người lạ, không hợp pháp thì sẽ chạy chuồn ra ngoài, nên chúng đã phòng sẵn bên ngoài. Tôi thì chẳng ngán ngẩm gì, nhưng thầy mẹ tôi mù lòa, già yếu, các người hốt hoảng đờ người ra.

Tôi không nhìn rõ, nhưng chắc mặt các người phải tái đi, chúng kéo hất tung cả mùng mền của thầy mẹ tôi.

Tôi cảm thấy, tôi có lỗi với bậc sinh thành lắm, không những làm các người lo lắng, mà ngay giấc ngủ của các người cũng không yên. Sau khi

chúng rút đi rồi, không một lời chào thầy mẹ tôi, tôi đã quỳ xuống, gục đầu vào đầu gối mẹ tôi, mắt tôi mờ đi, nói trong nghẹn ngào:

- Xin thầy mẹ, tha lỗi cho con!

Mẹ tôi đưa bàn tay run rẩy vuốt đầu tôi, từng dòng nước từ đôi mắt loà chảy xuống má, mẹ tôi không nói ra lời, bố tôi đã vào màn, chỉ nghe những tiếng thều thào mệt nhọc:

- Lậy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi!

Tôi không hiểu thực dân Pháp ngày trước có làm như thế với người dân không?

Sáng hôm sau tôi đã đến tổ mành trúc, với cái tên: "Mành Trúc Xuất Khẩu 19 tháng Năm". Đây là một khu thủ công chuyên sản xuất mành trúc của Phường, chừng gần hai chục người, năm sáu cậu 15- 16 tuổi, bẩy tám bà xồn xồn 30- 35 tuổi, vài thanh niên, mấy ông nhơ nhỡ như tôi. Tổ mành trúc do một bác chừng 50 tuổi, tên là Bằng làm tổ trưởng, các công nhân kể trên toàn là thường dân, chỉ có tôi là đi tù về mà thôi. Thấy tôi có vẻ nhanh nhẹn, nên ông Bằng phân công tôi ở khâu cắt trúc, bằng một chiếc máy cưa con con.

Sản xuất tính theo giờ và mức khoán, hình thức thì có vẻ nền nếp, nhưng thực tế thì không phải như thế. Chỉ thoáng qua thái độ làm việc của mọi người, qua các khâu tôi đã thấy, cũng như cái chung của công nhân dưới chế độ ưu việt XHCN dân chủ gấp triệu lần các chế độ dân chủ, của các nước tư bản. Trên sổ sách ghi 7 đồng một ngày, nhưng riêng tôi cuối tuần lãnh lương chiều thứ Sáu, ông Bằng đã khất lại, để tuần sau. Chỉ hơn một tuần tôi đã biết ông Bằng là một cán bộ của phường. Từ đó, trừ thứ Bẩy, Chủ Nhật cuối tuần, hoặc những ngày đặc biệt tôi phải lên Thành xuống Quận, ngày nào tôi cũng phải đi làm ở tổ Mành Trúc.

Một buổi chiều tôi cà rịch, cà tàng đạp xe đến đường Phan Đình Phùng để mua thuốc đau mắt cho mẹ tôi, thoáng một bóng người quen quen, anh ta đang định trèo lên một chiếc xe Buýt. Tôi dẫn xe đến, người đó cũng quay lại. Ô! Tôi không thể tin ở mắt mình, Lộc, Lộc Vàng! Tôi và Lộc Vàng đã ríu rít như "mít quậy sinh tố với dứa", vừa ngọt vừa thơm ngát. Lộc Vàng trong vụ nhạc vàng " đồi trụy " của Hà Nội năm 1967 (tôi đã tường thuật), tôi siết chặt tay Lộc vồn vã:

- Sao lại ở đây? Sao lại ở trong này? Vào đây bao giờ và ở đâu?

Lộc không trả lời, mà cũng cuống quít hỏi tôi tới tấp:

- Anh về bao giờ? Nhìn anh mà em không nghĩ là anh? Vì em không tin được !

Nhớ lại những ngày cuối tuần buồn lê thê, trong trại tù Thanh Phong muốn tìm những giờ phút trầm lắng để gửi hồn chơi vơi về những nơi mình muốn. Cái thú nhất giai đoạn ấy với tôi là ngồi năm bẩy người, những người cùng " gu " phóng đãng chơi vơi tâm hồn, với một ca trà rừng đặc, nhấm nháp bằng những chiếc ly nứa con tự chế.

Sắp xếp người " ghếch " (tiếng trong tù) áo vàng. Nếu có áo vàng vào trại thì người gác ra hiệu, trong này lời ca tiếng nhạc, bất đầu đổi " gam " từ nhạc xanh ra nhạc " đỏ ". Toán Xồm đàn, Đắc Sọ đập sàn nứa thay trống, Lộc Vàng ca Nhạc " tiền chiến, như những bài: Thiên Thai, Đêm Đông, Suối Mơ, Cánh hoa duyên kiếp v.v. . . Hay nhạc " vàng ": Mưa Rừng, Tầu Đêm Năm Cũ v. v… Thậm chí cả những bài của Sài Gòn sau này (tôi chưa biết) Đời Là Vạn Ngày Sầu, Xuân Này Con Không Về, Áo Lụa Hà Đông v.v. . .

Giọng ca của Lộc Vàng nổi tiếng của đất Thăng Long. Bây giờ trong một bối cảnh lâm ly ngục tù, ngồi lim dim đôi mắt, mặc cho lời ca, tiếng nhạc tỉ tê rót vào tai, thì còn cái thú nào hơn?

Sau khi miền Nam bị " cướp giật " CS chuyển tôi ra trại xây. Nhóm " nhạc vàng " Toán Xồm, Đắc Sọ, Thành Tai Voi và Lộc Vàng, tôi không còn gặp nữa. Cho tới ngày tôi được ra từ trại Thanh Phong (Thanh Hóa) giữa năm 1980 cùng với Toán Xồm, tôi không có thời gian để hỏi về những người trong nhóm đó.

Hôm nay, bất chợt gặp lại Lộc Vàng ở Sài Gòn. Lộc Vàng đã được tha từ 1977, như thế Lộc đã có hơn hai năm ở ngoài chiếc lồng to, cuộc sống tần tảo, Lộc đã xoay sở đủ nghề: quét vôi, làm thuê, gánh nước v.v. . .

Hiện nay, Lộc tìm vào Sài Gòn " phe phẩy" vặt vãnh, tìm nơi " đất lành chim đậu ". Gặp tôi, Lộc tưởng là một dịp may, Lộc có biết đâu, tôi còn bị o-ép, đè bóp hơn ở trong tù. Ngồi ở một quán nước mía, hai anh em tâm tình, đều tắc tị. Trong những câu chuyện lan man, đến những người đã đi tù về, hiện đang ở Hà Nội, chợt Lộc nói như khoe thành tích:

- Em mới gặp ông Võ, bây giờ về hưu, ông buồn lắm! ông ấy muốn về Nam mà không có tiền!

Đầu óc tôi lơ mơ, chưa nhớ rõ " Võ " nào? Thấy mặt tôi ngẩn tò te, Lộc đã hỏi, như giải thích:

- Anh không biết ông Võ, chánh giám thị ở Hỏa Lò à ?

Tôi chợt nhớ, ông Võ đó đã có ” ân ” với tôi, đã cấm CAVT đánh tôi, trong buổi tôi trốn tù ở Hỏa Lò 1964. Tôi săn đón hơn:

- Ủa, em gặp trong trường hợp nào? ông ta có khỏe không?

Lộc vẫn vồn vã:

- Em mới ngồi uống cà phê với cụ ấy ở Hàng Trống, cụ ấy bây giờ hom hem, bé tí, em cũng gặp cô Vân y tá nữa!

Như một luồng điện, tôi vội vàng cầm tay Lộc, vồ vập:

- Em biết cô Vân ư? Em gặp cô ấy ở đâu?

Lộc lại lơ đãng vô tình, không thấy sự mất bình thường của tôi, Lộc trả lời một cách rời rạc:

- Em đang ngồi với ông Võ, thấy cô Vân đi với một đứa nhỏ, em hỏi luôn ông Võ, là cô Vân có con lớn thế?

- Ông Võ trả lời em sao?

Bây giờ Lộc đã thấy thái độ không thường của tôi, Lộc còn cười, nói như đùa trêu tôi:

- Mặt anh làm gì mà thất sắc thế! Làm như cô Vân là bồ của anh không bằng?

Tôi đứng dậy trả tiền, kéo Lộc ra mé đường, tôi muốn rủ Lộc về nhà tôi chơi để hỏi thêm chi tiết, phần vì cũng gần tối đến giờ trình diện, và còn phải mua thuốc kịp cho mẹ. Lộc nói là Lộc về Bắc chuyến tầu Thống Nhất chiều mai, Lộc hiện đang ở nhà một người quen bên Khánh Hội. Tôi cứ khẩn khoản bảo Lộc ngồi lên yên, tôi ” đèo ” đi mua thuốc cho mẹ. Chơi với tôi, khoảng 9 giờ tôi sẽ mang Lộc về Khánh Hội.

Tôi ngấu nghiến đạp xe, mua thuốc rồi về, mới 6: 30 đã tới nhà. Trên đường tôi đã cho Lộc biết sơ qua cảnh sống của tôi. Lộc lại tỏ ra thương cảm, chia xẻ với tôi hơn, tôi chỉ có 4 đồng, trả tiền nước mía hết 2 đồng chỉ còn 2 đồng, tôi đành mua hai quả trứng vịt 1đồng 50 để bác, có rau muống luộc nữa, thế là hơn trong tù rồi. Bố mẹ tôi đã ăn cơm từ chiều. Tôi chỉ cho Lộc bếp núc, rồi tôi lấy cuốn vở sang nhà cô Mỹ Lệ ở xóm bên, trình diện. Gạo hãy còn nhiều, hai chục ký, thằng Lợi cho đã ăn hết đâu.

- 23 -

NGƯỜI ẤY ĐÃ SANG ĐÒ

Trên đường đi xe, tôi đã được biết sơ lược: Vì Lộc không biết gì giữa tôi và cô Vân, nên cũng chẳng hỏi kỹ ông Võ. Chỉ biết cô Vân đã lấy chồng cuối năm 1969, HCM chết xong thì cô Vân đám cưới với một Trung úy bộ đội đi B. Hiện nay cô đã có một con trai 6 – 7 tuổi, Lộc cũng không nói chuyện với cô Vân, ngay ông Võ, Lộc cũng không biết địa chỉ.

Tôi trình diện CA về, thì Lộc cũng đã nấu xong cơm, tôi hì hục bác trứng và luộc tí rau muống, đã mua từ hôm qua. Hai anh em ăn cơm ở sàn trên gác, chỉ có trứng bác và rau muống luộc, nhưng thật đậm đà nghĩa tình trong khó khăn cuộc sống, của những người đi tù về.

Phần tôi vẫn thèm, nhớ tiếng hát của Lộc vàng nhất là lòng tôi đang nát nhão, như dưa khú lâu ngày. Tôi đã cho Lộc biết sơ sơ một chút sự liên hệ giữa tôi và cô Vân. Sau khi cơm nước xong, Lộc đã nho nhỏ hát tặng tôi một bài trên căn gác trống, không có đàn, trống. Tôi đã nằm lịm đi để mặc cho giọng hát truyền cảm của Lộc, chui luồn vào cơ thể, rúc vào hồn tôi. Theo Lộc, đây là bài: Lá Đổ Muôn Chiều:

Thu đi cho lá vàng …….bay….
Lá rơi…….cho đám cưới về……..
Có những đêm về sáng……..
Đời . buồn…..chi mấy cố nhân ơi…..
Đã vội chi……men rượu…. nhấp đôi môi…..
Mà phung phí…..đời em…..không tiếc nhớ… …
Lá đổ muôn chiều…..ôi lá úa…..
Phải chăng . . . . . là nước mắt người đi . . .
Em ơi…..đừng dối lòng……
Dù sao chăng nữa…….không nhớ đến tình đôi ta……..
Thôi thế đây……anh cố đành quên ….rằng có người ……
Cầm bằng……như không biết ……mà thôi…….
Lá Thu…..còn lại……đôi ba cánh…..
Đành lòng….cho nước cuốn…….hoa trôi…..
Thôi thế từ nay…….như vàng bay…….
Làm lòng anh …….nhớ mãi…… người ơi……
Nhớ nhau …….từ làn môi ……đôi mắt……..
Đời vắng em rồi…….vui với ai?……

(Đoàn Chuẩn, lời Từ Linh)

Lộc vàng đã đập vào chân tôi, dù tôi không ngủ, nhưng tôi như vừa ở một vùng đầy sương khói chui ra. Một ý thơ của T.T.KH hãy còn già một nửa ở trong đầu:

Nếu biết rằng tôi….. đã ……..lấy chồng!
Trời ơi!…….người ấy có ……buồn không?…..

Bao nhiêu ngược xuôi, ngang dọc rối rắm trong đầu, tôi thừa nhận cô Vân lấy chồng là đúng, là hợp lý, vậy mà tại sao, tôi vẫn buồn? Lộc nói, mà mắt nhìn tôi như nài nỉ:

- Anh đưa em về đi, kẻo khuya!

Tôi muốn Lộc ngủ lại với tôi đêm nay, nhưng Lộc cũng đã hiểu. Bất ngờ lũ Nặc – Nô CA lại vào khám nhà. Hai bên đều tự hiểu, tôi đứng dậy đưa Lộc về Khánh Hội. Bố mẹ tôi đã nằm yên ở trong màn, tôi cũng cần về sớm, sợ chúng vào lúc tôi không có nhà. Chiều theo ý của Lộc, tôi đạp xe theo đường Công Lý để Lộc nhìn Dinh Độc Lập một lần. Mới khoảng hơn 9 giờ mà Sài Gòn đã đìu hiu vắng vẻ.

Bao nhiêu năm xa vắng, tôi nhìn Dinh Độc Lập tận mắt, niềm ước mơ, niềm khắc khoải nhớ thương, thế mà tâm trạng của tôi chỉ thấy dửng dưng, quấn quít một chút xót xa. Nhìn tòa nhà từ xa, dưới ánh đèn đêm của thành phố, tôi có cảm tưởng như nét mặt của thầy tôi. Chiếc cửa sổ chiếu ánh đèn lờ mờ như đôi mắt kèm nhèm, cửa to phía dưới như cái miệng của thầy tôi méo xẹo, trong đêm CA vào khám nhà. Đã đạp xe qua rồi, mà đầu tôi còn ngoái lại; đúng nét mặt thiểu não của thầy tôi, cụ cũng đã lẩn thẩn rồi !

Đến một xóm nghèo phía bên kia cầu Khánh Hội. Một cái ôm khắng khít chia tay với Lộc, không hẹn ngày gặp lại. Nét mặt của Lộc, cũng thiểu não như nét mặt của thầy tôi khi nãy đi qua, Lộc đã giúi vào túi tôi 10 đồng. Tôi hiểu Lộc muốn chia xẻ với cảnh đời rách mướp của tôi lúc này, nhưng tôi đã cương quyết không nhận! Phần vì chính cảnh sống của Lộc cũng chỉ là một cái " sơ mướp ", phần khác, dù tôi đang gặp khó khăn thế này, hay rồi đây sẽ hơn nhiều thế nữa, tôi vẫn đứng bằng chính đôi chân của tôi. Tôi đã trả lại Lộc, những người cùng khổ có lòng và một cái ôm chặt nữa, để chia tay.

Hôm sau, buổi sáng tôi không làm sao bò dậy được, miệng khô đắng như cho giấy vào thấm, đã đến giờ ra tổ Mành Trúc, nhưng tôi cố mãi vẫn chưa ngồi được lên. Phải ra báo và xin phép nghỉ một ngày, nhưng tôi đành nằm liệt. Thế mà khoảng 9 giờ, cô ả Mỹ Lệ đã mò đến gõ cửa. Tôi nghe tiếng của thầy tôi nói, không thành câu:

- Thằng Bình ốm. . . . . .trên gác !

Tôi nghe tiếng chân khe khẽ, nhè nhẹ bước lên thang gác! Cô "ả" này liều thật? Nếu mặt cô "ả" không phải là quả cà ghém luộc? Và nếu tôi không có định kiến " ghét rồi " từ hôm đầu gặp "ả" thì cơ hội này, sẽ có một câu chuyện của cuộc đời.

Một giọng êm nhẹ, khác với mọi khi:

- Anh Bình!

Tôi cứ nằm im trong màn, xem sao?

Tiếng bước chân nhè nhẹ trên sàn gác, rồi chiếc màn tôi nhúc nhích: Đúng là coi " trời bằng vung ". Cô ả lưỡng lự, dùng dằng một lúc, rồi cô bước chân rón rén đi xuống nhà. Cho đến khi nghe tiếng chốt cửa của thầy tôi, một ý tưởng không thực tế len lỏi vào đầu: Giá đấy là cô Vân. Tôi cong hai chân bật người dậy theo thói quen, xuống đến dưới nhà nghe tiếng mẹ tôi ở trong màn:

- Con đã uống thuốc gì chưa?

Thầy tôi cũng đã chui ra khỏi màn. Để thầy mẹ tôi yên lòng, tôi nói cố ra vẻ bình thường:

- Con không có sao đâu!

Mấy hôm trước cô Thu, đã đưa sang hơn một chục ký gạo và một nải chuối. Tôi phải sắp xếp dọn dẹp trong nhà. Khi còn ở trong tù, tưởng như không có ngày về thì mơ ước, thèm khát được làm những công việc này, để phụng dưỡng đấng sinh thành. Bây giờ có, lại coi thường! Không thấy đó là một điều may mắn, sung sướng! Tâm lý của con người cũng kỳ lạ !

Tôi chợt nhớ đến thằng Đạt, từ cái dạo tôi mới về thằng Lợi đã cho tôi biết sơ về Đạt. Tôi cũng xin sơ lược về Đạt.

Thời gian 1955-1956 tôi chạy Bình Xuyên, lên sống ở trại định cư Hà Nội Hố Nai Biên Hòa. ở đây, tôi đã quen Nguyễn Hữu Lợi và Nguyễn Đức Đạt. Tôi với Đạt cũng chơi thân, nhưng không thân bằng Lợi với tôi. Bố của Đạt làm về bưu điện ở ngoài Bắc, bây giờ di cư vào Nam, già yếu về hưu.

Một số cậu thanh niên Hà Nội ở trại chơi với nhau, trong đó có Lợi, Đạt và tôi. Khi tôi đi Bắc, cậu nào cũng còn độc thân. Khi tôi trở về thì Nguyễn Hữu Lợi (tôi đã tường thuật trên), còn thằng Nguyễn Đức Đạt, nghe vợ chồng Lợi nói: Thằng Đạt có cái tú tài đôi đã theo nghề bố, thi vào ngạch bưu điện. Thời gian Mỹ ồ ạt vào miền Nam, Sài Gòn cũng " cuốn theo chiều gió" thằng

Đạt nghe đâu đã làm trưởng phòng nhân viên ” bở béo ” ngay bưu điện trung ương ở Sài Gòn (cạnh nhà thờ chính tòa). Hiện nay vợ con gia đình Đạt đang ở Trương Tấn Bửu, còn vì sao gia đình nó lại không đi di tản, tôi sẽ đến thăm gia đình, và hỏi trực tiếp nó.

Lợi dụng ngày hôm nay (không đến tổ mành trúc), tôi chuẩn bị lo nhà cửa và cho bố mẹ xong, xách xe đạp, tôi sang tìm nhà thằng Đạt. Sau một lúc mò mẫm, tôi đã đứng trước nhà của Đạt, thoáng qua một vài nét bên ngoài cũng là loại khá giả, nhưng không bằng thằng Lợi. Tôi bấm chuông đứng chờ, qua vợ chồng Lợi, nên Đạt và tôi không có cái bất ngờ gặp lại. Ngày xưa cậu trưởng phòng này, nọ; giờ đây đang ngồi đút cơm cho đứa con út, giúp vợ, giữ nhà.

Đạt rất vui, gọi cả vợ con trên gác xuống giới thiệu. Anh chị Đạt được năm sáu đứa con, đứa con gái lớn cũng 17 tuổi, con trai kế tiếp là Nguyễn Vạn Thắng 15 tuổi. Vợ chồng Đạt cứ ríu rít định làm cơm ăn bữa chiều. Tôi đã hiểu dưới chế độ ” tem phiếu ” nên tôi dứt khoát từ chối, lý do phải về trông nom ông bà cụ v.v. . . Ngay từ ngày tôi chưa đi Bắc, Đạt vẫn mến nể tôi, nhất là về mặt ngang tàng coi nguy hiểm là chuyện bình thường.

Do đấy, khi ở phòng khách chỉ có Đạt và tôi, tôi đã hỏi Đạt, có rào đón. Chính tôi cũng muốn biết tâm trạng, sự hiểu biết của một người có tú tài đôi, đã từng là một trưởng phòng ở Sài Gòn, cũng đã tiếp xúc nhiều với bạn bè Mỹ, Việt v.v. . . nên tôi đã ngửng lên hỏi:

- Đạt ơi? Bây giờ tao hỏi mày, với lòng tự trọng, trả lời những suy nghĩ thực mày đang nghĩ. Mày có đồng ý như thế không?

Mặt Đạt ngẩng lên tỏ ra, rất chân thành:

- Mày hỏi gì tao cũng nói sự thật?

Thấy đã đủ để biết rõ vấn đề, tôi hỏi ngay:

- Lý do chính, vì sao gia đình mày không đi di tản?

Thằng Đạt, cái mặt chảy dài, đứng hẳn dậy, nói như còn phẫn uất :

- Cái số của tao, chỉ vì vợ tao khi đó đang chửa đứa thứ tư, bố tao lại đang ốm nặng. Ngày 27-4, thằng Ted Folk, trung uý Hải Quân, quen thân gia đình tao, nói hai ba lần, tao vẫn dứt khoát không đi.

Ngập ngừng một chút, nhìn qua cửa sổ rồi quay lại, tỏra thành khẩn:

- Thực sự khi ấy tao còn tiếc cái nhà này, và đi như vậy, sẽ không biết như thế nào. Người ta bảo: ” xẩy nhà ra thất nghiệp “.

Để cho cạn lý, tôi gặng hỏi tiếp:

- Mày nghĩ kỹ lại đi, còn một lý do nào nữa, để mày không đi?

Nó nhìn tôi chăm chú, và lấc đầu. Vào thời gian ấy (1980-1981), vượt biên bị lừa lọc, bị chết cao nhất. Tôi nhớ có một chiếc tầu ở ngoài Cấp bị vỡ, đắm chết hơn 300 người. Khu Ông Tạ, Tân Bình hầu như nhiều nhà phải để tang ngầm. Tôi thấy thằng Đạt cứ lúng túng, tìm nhiều lý do để bảo vệ. Đạt chưa nhìn thấy cái nguyên nhân chính, vì thế tôi đặt một câu hỏi nữa cho sáng vấn đề. Trước khi hỏi, tôi vẫn phải ràng lại:

- Bây giờ tao hỏi thật mày một câu, mà cũng nói thực lòng mày: “Nếu bây giờ có một chiếc tầu của Mỹ đến cảng Bạch Đằng, mày phải bỏ hết tất cả, cả vợ con, nhà cửa, bố mẹ, chỉ được mặc một chiếc quần đùi, tầu sẽ đón đi, mày có đi không?”

Đạt tươi hẳn mặt, nói như quả quyết :

- Đi, đi chứ! Tao đi ngay?

Tôi thong thả nói rành rọt:

- Như thế, tất cả những lý do mày nói, đều là sai cả ! Cái nguyên nhân chính mày không nhìn thấy, hoặc chỉ nhìn thấy mập mờ, để mày và gia đình không đi di tản ngày 30/4/1975 là khi ấy mày chưa nhìn rõ CS. Mày không ngờ CS đểu ra, sắt thép, nham hiểm như bây giờ!

Mặt thằng Đạt lại đực ra, đầu gật gật, miệng còn nói như nhắc lại:

- Tao không ngờ nó độc hiểm, sắt máu như vậy!

Tôi phải nói chút nữa cho trọn ý:

- Mày nhớ, ông cụ (bố của Đạt) và mày, đã từng ở khu 3 (Việt Minh) về thành 1950 (vào Hà Nội). Đã di cư vào miền Nam 1954, mà còn mơ hồ, chưa nhìn rõ sự việc. Huống chi hầu hết đồng bào ở miền Nam. Chưa một ngày sống với CS, và nếu có biết về CS cũng chỉ qua sách báo, thì làm sao hiểu được cái tim đen của họ. Anh còn vũ khí, anh còn tiền, anh còn bên ngoài vòng kiềm tỏa của họ, anh đừng vội vỗ ngực, tự đắc: Tao còn đi guốc vào những lừa lọc, thủ đoạn của CS. Chưa đâu! Khi nào anh đã hạ vũ khí cất đi, anh hết tiền, anh đã vào trong sự kiềm tỏa của CS. Khi đó anh mới hiểu

tim đen của CS, mà một khi anh đã hiểu, đã đủ hiểu thì anh không còn, làm gì được CS nữa.

Chị Văn Cao tặng hoa cho Lộc Vàng khi anh hát bản THIÊN THAI, trong buổi lễ 100 ngày của Cố Nhạc Sĩ Văn Cao tại Hà Nội

- 24 -

GIĂNG LƯỚI BẮT TÔM

Đã chiều muộn, tôi từ giã anh chị Đạt để về nhà, chuẩn bị đi trình diện CA. Về đến nhà, ngạc nhiên, tôi thấy một chiếc xe đạp dựng khóa phía ngoài cửa, thì ra anh chàng Lê Văn Bưởi, cũng là điệp viên ra Bắc cá lẻ như tôi (Thép Đen III). Anh bị án 20 năm, nhưng lại được về trước tôi. Anh ở trên khu Đắc Lộ; tôi và anh đã gặp nhau một lần, giống như anh Bạch. Anh Bưởi đang sống nhờ, tạm trú một gia đình có cái xưởng lán làm gỗ, anh sống lai rai giúp việc nhà cho một người, còn có chút tấm lòng bao dung những kẻ khốn cùng.

Ngoài những chuyện bình thường, anh ghé vào tai tôi thì thầm: "CIA đã bắt mối liên lạc với anh, có thể họ sẽ đón anh đi một ngày gần đây".

Hoàn cảnh của tôi như một người sắp chết đuối, không có điều kiện nào để bơi nữa, thấy bất cứ vật gì nổi cũng đều bám, hy vọng sống được.

Một chút mặc cảm vấn vít vào vị thế nhỏ bé của mình, anh Bưởi đã tâm sự với tôi từ buổi đầu gặp nhau ở phân trại E, phố Lu Lào Cai 1968. Anh là loại tình báo chiến lược, loại cấp cao của VNCH. Mình chỉ là loại tép riu chiến thuật, nên Mỹ đâu có để ý gì đến! Lòng nghĩ như thế, nhưng cuộc sống của tôi bị nhiều dồn ép, nghẹt thở quá nên tôi đã xuống nước, nói với anh Bưởi:

- Nếu anh đi được, nhớ đừng quên tôi đang bơi lội, trong sình lầy nhé !

Anh Bưởi nhìn tôi với ánh mắt chia xẻ:

- Bình yên tâm, tôi không thể quên Bình đâu!

Tuy nghe anh Bưởi nói thế, nhưng đầu tôi lại lóe lên một ý:

Biết đâu, đây chỉ là một đòn hiểm của CS? Mình là loại do áp lực của Quốc Tế, của dư luận. CS thả về để làm chiếc loa "không công " cho CS, chứ cộng sản không tha do thực lòng họ. Như vậy sớm muộn, nó sẽ cố tìm cớ để bắt lại, hoặc sẽ tạo điều kiện, bầy ra một hình thức khác, để bắt mình về tội hình sự. Có khi còn làm mai một hết những năm tháng tù đày, về chống Cộng Sản của mình. Nghĩ như thế, tôi quay lại tỏ ra bình thường nói chuyện, hơi một chút trầm trồ:

- Làm sao anh lại biết đấy là đường dây của CIA? Họ là loại người nào? Họ đến với anh ra sao?

Anh Bưởi đã biết tôi, không có cơ sở thì làm sao tôi tin, mắt anh liếc nhìn hai phía, rồi ngồi gần lại tôi:

- Là một anh Xích-lô bình thường, họ còn hỏi tôi: Cuộc sống có khó khăn lấm không? Có thể lần gặp tới, họ sẽ cung cấp một hai cây vàng!

Tôi hỏi liền:

- Khi nào lần gặp kỳ tới?

- Sáng thứ Tư này !

Vì có chủ trương nên tôi hỏi rõ:

- Mấy giờ và ở đâu?

-10 giờ sáng ở bùng binh, chợ Bến Thành!

Để biết rõ sự thật, và cũng để một con mắt cho sự việc của anh Bưởi có an toàn không? Ngày mai tôi sẽ ngoan ngoãn đi làm tổ mành trúc, chiều mai (Thứ Ba) sẽ báo cáo ông Bàng, tôi xin đi khám bệnh nơi một ông lang trên Ngã Bẩy sáng thứ Tư, tôi sẽ đi làm buổi chiều.

Hôm sau tôi dậy thật sớm, từ 6 giờ, tôi đã có quán tính, nếu không làm thì thôi, nếu đã định làm thì đừng tiếc công, dù có thiệt thòi hay mệt nhọc hơn, tôi chấp nhận. Để đạt những điều mình muốn, để không than trách tiếc nuối bỏ lỡ công việc này do mình lười, lỗi chính do mình.

Tôi tính anh Bưởi có hẹn 10 giờ, có thể anh Bưởi từ nhà đi sớm từ 9 giờ, nhỡ đi việc khác nữa, anh rời nhà ngay 8 giờ sáng thì sao? Vậy phòng hờ cao, là 7 giờ tôi đã có mặt ở phía trước cửa nhà anh rồi.

Tôi đứng từ một chỗ xa, cách cái cửa lán mộc nơi anh Bưởi đang ở hơn 100 mét. Trong một chỗ khuất nẻo thuận tiện, để nếu anh Bưởi ra, tôi phải biết. Lấy một nắm cơm nếp đã từ hôm kia cô Xuân mang biếu thầy mẹ, chưa ăn hết trong túi. Miệng nhai miếng cơm nếp vừa cứng, vừa hơi có mùi, mắt nhìn lên bầu trời sớm mai của khu Đắc Lộ. Mãi phía Tây, phía có dòng sông Sài Gòn, hơn một chục con hải âu, hay vịt trời cứ vòng quanh chao đảo đuổi nhau, không hiểu chúng đùa vui, hay đang săn đuổi bắt những côn trùng trong không khí?

Mặt trời còn chưa bò dậy mà da trời đã như một cánh buồm xanh mát mắt, chỉ có ba cụm mây nhỏ trăng trắng, cảm tưởng như một bà tiên vừa

bưng một rổ bông gòn đi qua để vương vãi. Nếu ở gần, tôi chẳng tiếc công, đến nhặt hết cho cái màu xanh dịu êm ấy, nó êm dịu hơn.

Mãi 9:15 anh Bưởi, mới xách chiếc xe đạp đàn ông (chắc mượn của anh chị chủ nhà) lò cò trong cổng đi ra. Tôi giữ một khoảng cách, tùy theo trên dưới hàng trăm mét, trong dòng người ngược xuôi mỗi lúc càng đông. Tôi không để mất " con mồi " là anh Bưởi, và cũng không để anh Bưởi biết là tôi đang theo anh. Bất chợt tâm tư của tôi lại trở về với tháng Năm, tháng Sáu ở Thăng Long thành 1962. Tôi lại là " con mồi " và thường có năm cái đuôi của phản gián CS đi theo. Khác nhau hoàn toàn về ý nghĩa, bây giờ tôi lại đang dõi theo một đồng chí, một người bạn của tôi. Điệp viên về vườn, theo dõi một điệp viên hết thời. Vì muốn biết sự thật và cảnh giác cho bạn mình, cũng là cho mình. Từ hè của một ngôi nhà có cửa vòm phía gần rạp ciné Lê Lợi ngày xưa, tôi nhìn ra anh Bưởi đang ngồi một mình hút thuốc, trên chiếc ghế ciment ở công viên Quách Thị Trang. Từ 10 giờ kém 10, tinh thần tôi căng thẳng hơn vì điều tiết của mắt. Cả một hiện trường rộng với đầy người, xe cộ qua lại. Không những để ý người sẽ đến với anh Bưởi, mà còn phía sau và chung quanh người đó, từ những hiện tượng, thái độ để mình thẩm định.

Hai mươi phút sau, tức 10 giờ 10, một anh xích – lô, gác xe ở chỗ quán nước phía bên kia bùng binh, anh ta đội chiếc mũ vải tai bèo như nhiều xích – lô khác, che sụp gần kín mắt, thái độ quan sát của anh ta, tôi nghi có thể là đối tượng. Quả như rằng, anh ta vượt những dòng xe để tiến sang bùng binh, mà anh Bưởi vẫn chưa thấy, nhưng anh ta đã nhận thấy anh Bưởi rồi.

Khi anh Bưởi đã nhận ra, anh ta ra hiệu tay để anh Bưởi theo, thái độ anh này rất tháo vát, nhanh nhẹn. Chừng 35, 36 tuổi, mặc chiếc quần short mầu vàng nhạt đã tã. Chiếc áo màu cứt ngựa, rách cụt cả hai tay. Họ đã theo nhau trở về đường Cách Mạng Tháng Tám, vào một quán nước chéo vườn Tao Đàn.

Nửa giờ sau hai người ra hè phố còn bắt tay nhau, một người ra xe đạp, một người đến xích lô và đi về hai ngả khác nhau. Người tôi cần biết là tên xích lô này sẽ đi về đâu, làm gì? Trước khi y rẽ về đường Võ Tành, y còn ngoái lại nhìn về phía sau, sợ có anh Bưởi theo.

Y lách vào mấy phố vắng rồi trở ra đại lộ Trần Hưng Đạo. Điều làm tôi càng đặt vấn đề, khi y đạp xe qua nhà thờ Huyện Sĩ có một bà dẫn tay một đứa nhỏ năm, sáu tuổi vẫy xích – lô, y đã xua tay từ chối. Cuối cùng, y đã đến một ngôi nhà sang trọng, ngay phía trái trước thành CA, nơi hơn ba tuần trước tôi phải đến trình diện, y lái tuột xích – lô vào trong sân. Tôi chờ đến 11:30 không thấy y ra, tôi phải về cơm nước và chuẩn bị đi làm chiều.

Trên đường về nhà, tôi chưa thể có một kết luận rõ ràng, phải sau giờ làm chiều lên nhà anh Bưởi gặp anh đã, nhưng tôi cũng hơi phân định được chiều hướng. Khả năng hãn hữu, nếu không nói là không có cái kiểu CIA lại đặt nơi liên lạc ở trước Thành công an của Cộng Sản. Kể cả phương châm: nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất. Vậy chỉ có thể của Cộng Sản mới hợp tình, hợp lý.

Chiều hôm đó, tôi gặp lại anh Bưởi, tôi muốn đến anh trước rồi về trình diện sau. Anh Bưởi đang hì hục hót đống mùn cưa (cưa máy) trong lán mộc. Tôi cũng loay hoay làm với anh để nói chuyện. Tinh thần thái độ anh Bưởi tỏ ra phấn chấn rõ rệt. Tôi hỏi anh đã gặp người xích lô lần trước hẹn chưa? v.v. . . Anh Bưởi tươi tỉnh trả lời là họ còn xem cả giấy ra trại nữa và tôi cũng đã nói sơ, gợi ý về Bình. Họ nói còn phải xin ý kiến, và dặn tuyệt đối không được mở rộng thêm. Tôi hỏi anh Bưởi một vài việc, cho sáng tỏ thêm như: Gặp họ có lâu không? Họ có mời ăn uống gì không? Phương cách đi như thế nào? và vào khoảng bao giờ? Còn chuyện cây vàng thì sao?

Tất cả anh Bưởi chỉ được biết lờ mờ, thường lấy chữ ” bí mật”, chờ, để trả lời nhiều vấn đề v.v. . . Tôi đã ngửi thấy cái hơi ngược hay xuôi rồi. Trước khi tôi có ý kiến, tôi vẫn hỏi để biết về sự tinh tế, của anh Bưởi:

- Anh Bưởi ơi: có lúc nào anh nghĩ đây là một đường dây của CS? Và có khi nào anh thử lại chưa? Như thử một cái máy, xem còn tốt hay hư rồi ấy mà !

Anh Bưởi đã trả lời tôi một cách tin tưởng:

- Họ tư cách, đúng mực lắm !

Không do dự, tôi nói luôn, còn về. Gần đến giờ trình diện và còn sinh hoạt cá nhân:

- Bây giờ anh hãy nghe tôi, anh hãy tìm cách từ chối không giao thiệp nữa. Phần tôi, tôi nói rõ ràng, tôi sống đến bây giờ là vì bố mẹ tôi, bởi vậy tôi chẳng ra đi, khi bố mẹ tôi chưa “mãn phần “.

Thấy anh Bưởi mở to mắt nhìn tôi như không hiểu, tôi cầm tay anh Bưởi bóp nhẹ nói:

- Chiều nay sáu bẩy giờ tối, đến tôi. Rất cần đấy!

Từ lâu, anh Bưởi đã hiểu tôi, khi tôi nói như vậy là có việc cần nói thật.

Vội vàng đạp xe về tới nhà, tôi khẽ mở khóa vào nhà mà, thầy mẹ tôi không biết. Thầy tôi hôm nay chưa ăn cơm, và từ trong màn người cứ rên, nghe não ruột. Mẹ tôi đang lần mò ra chỗ ấm tích, tay sờ miệng chén để rót nước. Tôi cứ đứng yên theo dõi, một tay mẹ tôi cầm một viên thuốc, một tay cầm chén nước, chân chậm chạp tiến về phía giường thầy tôi. Nhưng người không có tay sờ, nên lại đi ra phía cửa để rồi xô vào chiếc xe đạp tôi dựng sát cửa sổ, rơi cả thuốc, đổ cả chén nước, tôi không nhanh tay đỡ ôm lấy người thì người đã ngã xuống nền nhà.

Mắt tôi lại mờ đi, ôm mẹ mà lòng tôi như quắt lại, vặn vò xót xa. Miệng tôi gọi mẹ chỉ còn thều thào. Tôi đỡ mẹ tôi đến giường thầy tôi, thầy tôi kêu đau bụng từ chiều, mẹ tôi đã mò mẫm kiếm được viên thuốc, rồi rót nước cố đưa đến cho thầy tôi. Cầm tay thầy, tôi còn hổn hển:

- Thầy đau ở đâu?

Thầy tôi không nói, mà chỉ run rẩy chỉ tay xuống bụng, tôi chỉ biết cho người uống thuốc, rồi xoa bụng cho người. Tôi vo gạo, gầy nồi cơm, nhìn trong chạn chỉ còn hai miếng đậu rán, lúc trưa còn lại, trong khi chờ cơm chín, tôi tranh thủ cầm sổ chạy sang cô CA Mỹ Lệ ở xóm trong.

Đi qua nhà bà Lân phía cuối nhà thờ, nhìn trên cái sạp bán những thứ lặt vặt của bà, một hũ cà ghém nén trắng phau, quyến rũ tôi đã từ lâu. Trình diện xong trở về phen này quyết tâm mua một đồng cà, để cho đời lên hương và thỏa lòng thèm muốn của mình. Cứ nghĩ đến câu: *Canh đay, chan đẫm… Quả cà cắn ngang* là nước miếng của tôi đã rỉ ra cuống họng rồi. Lần trước em Thu đã đút vào túi tôi mười đồng, hôm nay còn ba đồng trong túi, nên khi trở về tôi đã thực hiện được cái hạnh phúc đó. Tuy chưa tròn, chưa có canh rau đay, điều này phải chờ khi nào em Xuân hay em Thu, vì tôi chưa biết nấu, nhưng từ quan điểm: **Hãy thích những cái gì mình đang có**, lòng tôi vẫn thấy xởi lởi mang gói cà về.

Thầy tôi chắc đã đỡ đau, nằm im, mẹ tôi đã về giường, tôi trang trọng nhè nhẹ chuẩn bị một bữa cơm thịnh soạn, để cùng hưởng với thầy mẹ tôi.

Khi cơm đã đầy đủ trên chiếc bàn con góc nhà, tôi vào đỡ thầy tôi ngồi dậy, và dẫn thầy tôi xuống bếp đi tiểu với lời khích lệ:

- Hôm nay con thổi cơm rất dẻo, vì thầy đau bụng!

Tôi đã đỡ mẹ tôi ra ngồi một ghế, mẹ tôi hãy còn tinh tế thật! Tôi chưa nói gì thế mà cụ chỉ ngồi một tí đã hỏi:

- Tao ngửi thấy mùi cà ghém nén phải không?

Tôi đã vồ lấy hai tay cụ, trầm trồ:

- Mẹ của con giỏi lắm! Con vừa mua cà ở hiệu bà Lân.

Mâm cơm chỉ có đĩa đậu (hai miếng nhỏ) và một bát cà ghém nén, một bát con mắm tôm (không có chanh). Tôi đã có chủ định: hai miếng đậu để dành cho song thân, mỗi người một. Tôi đã có cà và thêm thắt chút mắm tôm.

Nghiệm ra rằng cứ hình dung, như những ngày còn ngồi trong xà- lim ở Hỏa Lò, hạnh phúc cuộc đời lại ùa về tràn ấp lòng tôi. Ngày ấy làm gì có cà ghém mắm tôm, làm gì có bát cơm đầy, và làm gì được ngồi với đấng sinh thành?

Tôi xin cảm tạ Chúa, cảm tạ cuộc đời thật nhiều, đã ban cho tôi niềm hạnh phúc này. Nhìn ba bát cơm còn khói bay lên, nhìn thầy tôi nhìn mẹ tôi, rồi tôi nhìn lên bàn thờ Chúa. Đức Mẹ Maria giang tay, nhìn gia đình tôi bằng đôi mắt bao la dịu hiền. Mẹ tôi làm dấu nguyện kinh theo thủ tục tôn giáo, tôi làm theo thủ tục gia đình là mời thầy, mời mẹ xơi cơm. Tôi đã gắp hai miếng đậu vào bát hai người, riêng mẹ tôi có thêm một quả cà .

Nhìn đôi mắt của mẹ tôi lòa hõm vào, nhưng khi người cắn quả cà, tôi cảm thấy nét hân hoan của mẹ tôi. Tôi phải xuống bếp lấy chiếc quạt nan, khi nãy nấu cơm tôi đã mang xuống, bây giờ nhìn mồ hôi đã lấm tấm trên mặt mẹ tôi, tôi phải quạt cho người.

Khi trở lại bát cơm của tôi lại có hai miếng đậu, tôi không muốn, mà nước mắt tôi cứ tràn ra, làm sao tôi ăn được hai miếng đậu này. Tôi gắp lại bát thầy mẹ, mà tay tôi còn run rẩy vì tấm lòng thương con, lồng lộng như đại dương của các người (bây giờ ngồi viết lại mấy dòng này mắt tôi lại mờ đi).

Tác giả đến New York thăm mộ anh Lê Văn Bưởi, Anh là Thiếu Tá Điệp Viên ra Bắc 1962 .
Anh đi H.O., mất ngày 27/10/1995

LOẠI NGƯỜI BỆNH TÂM THẦN

Trong khi dọn dẹp, rửa chén bát, tôi chợt nhớ cái hẹn sáng mai thứ Bẩy với Hoàng Ngọc Quang. Tôi xin phép sơ lược về Quang:

Khi được ra khỏi tù về Nam, tôi có mang lén giúp mấy cái thư gửi cho gia đình, của mấy anh BK còn ở lại. Trong đó có một thư của anh Hoàng Ngọc Chính (anh là tu xuất), anh ở trong toán Remus. Ra Bắc ngày 20-1-1965, địa bàn hoạt động tại Điện Biên, Lai Châu. Toán của anh gồm có bốn người:

1. Hoàng Ngọc Chính, Toán trưởng. Được về, năm 1984 vượt biên, mất tích. Cho tới nay (12/04), vẫn chưa có tin.
2. Nguyễn Văn Hiếu, đã đến Mỹ.
3. Nguyễn Văn Lực, Toán phó. Hiện ở Australia, Melboume
4. Trần Quang Toản, chết ở Atlanta. 4/1997, Ung thư phổi.

Lá thư của anh gửi cho người anh ruột ở khu Sơn Tây (sau bưu điện Chí Hòa). Tôi đã đến khu Sơn Tây, nhà của anh Thăng trong một khu xóm giữa những ruộng rau muống xanh tươi, phía sau đường Bắc Hải, Ông Tạ.

Đương nhiên nhà anh Thăng đều sinh sống bằng nghề trồng rau xanh, chung quanh nhà thờ Sơn Tây. Anh Thăng có mấy con trai, con gái, trong đó có người con trai là Hoàng Ngọc Quang. Quang khi ấy khoảng 26 – 27 tuổi đã tốt nghiệp Cử nhân Sư Phạm năm 1977. Vì tốt nghiệp ở chế độ mới nên Quang học tiếp, khi tôi gặp Quang đã là phó tiến sĩ (Master) đang là giảng viên phụ của một trường đại học bên Chợ Lớn.

Quang là cháu của Hoàng Ngọc Chính thì vai vế phải gọi tôi là chú. Phần vì tôi không vợ con, phần khác vì kiến thức và vì muốn tình thân tươi trẻ nên Quang và tôi đã coi nhau như anh em. Do hợp tính nên Quang và tôi thường đi chơi với nhau. Quang cũng đã sang nhà tôi nhiều lần, những ngày nghỉ hay những ngày cuối tuần, tôi và Quang hay lang thang đây đó bằng hai chiếc xe đạp, tuổi đời của chúng như nhau.

Tôi mến và quý Quang là một thanh niên có cái nhẫn nại và thông minh khác thường. Có những lần tôi và Quang đi trên đường Thống Nhất, gặp một đám thanh niên nam nữ 20 đến 25 tuổi, chúng đều cúi đầu lễ phép chào Quang và tôi, đó là những đám sinh viên mà Quang đã dậy. Trông thầy và trò lẫn lộn với nhau.

Quang mến và quý tôi là một người không may ở tù CS khá lâu mất hết cái tuổi hoa mộng đẹp nhất của một đời người, như chú của Quang. Mấy

hôm trước Quang sang tôi chơi, Quang nhìn cái sân con con ở bếp, gạch tung lên từng mảng.

Nhà bố mẹ tôi có người đàn ông nào, hay có ai đâu để trông nom. Tôi và Quang đều đồng ý ngày thứ Bẩy này, sẽ sửa sang lại cái sân 2×3 mét. Một bể nước mưa đã chiếm 2 mét vuông rồi, chỉ còn cái sân 4 mét vuông mà thôi.

Sáng thứ Bẩy, Quang sang sớm, tôi đã chuẩn bị vôi gạch, dụng cụ v.v. . . từ hôm qua. Tôi không hề biết về thợ nề, nhưng dưới chế độ ưu việt XHCN, cái chuyện "không có trâu, bắt nghé đi cầy" , là chuyện thường tình. Hai anh em hì hục, lóng ngóng thao tác, cũng phải hoàn thành cái sân. Có một chuyện tôi không thể không nói: Trong khi tôi đang ngọ ngoạy lát gạch, cái vòi nước máy ở góc bể nước, cứ nhỏ giọt. Tôi quay lại Quang, đưa cái kìm con và chỉ vòi nước:

- Em cầm kìm này, vặn chặt lại cho anh, để nó khỏi ướt sân!

Quang vội vàng nhận cái kìm từ tay tôi. Tôi làm một lúc lâu, quay lại, nước vẫn nhỏ giọt như cũ. Quang cầm cái kìm cứ xoay ngược rồi xuôi, mở ra lại đóng vào, tay chân của Quang lóng nga, lóng ngóng làm tôi ngạc nhiên. Tôi phải đỡ cho Quang, vì thấy Quang tỏ ra khổ tâm quá, không làm được một việc nhỏ, như vậy.

Về lãnh vực học hành Quang là người thông minh ít ai bằng. Như thế đã cho tôi càng hiểu rõ: Không được coi thường bất cứ ai! Ngược lại cũng không quá trọng phục với bất cứ người nào. Mỗi người đều có ưu và khuyết, chỉ có mức độ ưu khuyết nhiều ít khác nhau, và loại ưu khuyết gì? Một ông Thạc sĩ, một nhà Bác học, thậm chí cả một nhà thông thái mà người đời thường ca tụng, họ cũng có nhiều khuyết điểm, nếu không nhìn thấy là vì chúng ta chưa tìm hiểu kỹ, hoặc không có điều kiện để chúng ta nhìn thấy mà thôi. Như thế cũng rõ ràng ngược lại, dù là một bác dân cày, một người thợ mỏ ở dưới hầm sâu, một người đạp xe xích – lô, một người nông dân ở nông thôn hay rừng núi, họ đều có những hiểu biết đặc biệt, nếu chúng ta chưa thấy thì cũng như trên của các nhà thông thái. Chúng ta chưa tìm hiểu kỹ, chưa có điều kiện để nhìn, để chứng kiến mà thôi.

Tóm lại: Tôi không dám coi thường bất cứ một ai, trừ nhân cách. Có những sự việc họ chậm hiểu thôi, nhưng rồi họ sẽ hiểu. Nói cách khác: Nếu ai nham hiểm, thủ đoạn, lừa lọc, miệng và lòng khác nhau, sớm muộn, chung quanh người ta sẽ biết. Ai hiền lành, không có ý hại ai, chân thật, có thể do những thế lực, do bè phái bị che đi, bị oan khuất nhưng rồi mọi người đều nhìn rõ bản chất sự việc, và con người.

Viết đến đây tôi lại chợt nhớ đến thuyết ” tương đối ” của Albert Einstein. Thành ra, người này có hiểu biết hơn người kia là do hoàn cảnh, và điều kiện. Tôi lại chợt thót người lại, do hoàn cảnh và điều kiện nên hiểu biết hơn nhau. Có nghĩa người này hơn người kia rồi còn gì nữa? Như vậy, tôi lý luận loanh quanh, rồi tôi lại trở về điểm khởi đầu!

(Tôi hiểu thuyết Tương Đối của Albert Einstein là về vật lý, chuyển động của không gian 3 chiều, 4 chiều. Tôi thấy cũng có ý nghĩa trong xã hội và tư tưởng của con người, cũng như thuyết Trung Dung của Đức Không Tử).

Thật nguy hiểm? Trong đời sống của chúng ta, hẳn mỗi người đã thấy, đã gặp một hay vài người. Do hoàn cảnh và điều kiện họ có nhiều hiểu biết về nhiều lãnh vực, chuyện ngược, chuyện xuôi, chuyện ngang, chuyện dọc. Nếu họ không có ý chí chế ngự mạnh, không có một đạo đức tâm linh, trong một lúc nào đó, chừng mực nào đó, những sự hiểu biết ấy, đã làm cho đầu óc người ấy quay cuồng, sùng sục trở thành bịnh tâm thần, hay khùng điên.

Nếu họ có quyền thế, họ sẽ làm ra những chuyện hàng trăm, hàng triệu người chết như: Tần Thủy Hoàng, Staline, Hitler, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và hiện nay là Kim Chính Nhật v.v. . . Giống như trong chuyện võ hiệp (của ông Kim Dung), cá biệt một vài cao thủ, họ thiếu điều hành bởi tâm linh, đạo đức nên những bí kíp cao siêu, kỵ nhau, hóa giải nhau rồi anh chàng cao thủ đó bị ” tẩu hỏa nhập ma “.

Không được! Phải có sự nhiệm mầu, kỳ diệu trong cuộc đời ! Nghĩa là có một đấng tối cao như tạo hóa, điều hành mọi sự việc, tùy theo không gian, thời gian, dân tộc. Con người đẻ ra văn hóa, quan điểm khác nhau, nên có tôn giáo này, tôn giáo kia, chứ chỉ có một đấng uy quyền tối cao duy nhất. Như thế xã hội loài người bây giờ, và sau này mới yên lành, mới bớt loại khùng điên, tẩu hỏa nhập ma.

Đi làm cho tổ mành trúc, tuần thứ hai lại khất không trả lương, nên tôi chỉ làm vừa phải phất phơ. Đến nay đã gần hai tháng, mà vẫn không có gạo, cũng không có tiền. Hôm nay sửa chữa cái sân sau, cho mình, tôi mới làm cật lực. Bốn giờ chiều đã hoàn thành theo yêu cầu của chính chúng tôi, để rồi thầy tôi ra nhìn. Người đã nói một câu, quá kỳ lạ và đặc biệt đối với tôi:

- Con của thầy giỏi nhỉ!

Trí nhớ của thầy tôi đã lẫn lộn, nhưng người vẫn không quên hút thuốc lào, mỗi ngày ba điếu. Hôm nay, thầy tôi nhìn cái sân, người lại nói thế! Đó là một phần thưởng vô giá với tôi, như một hành trang thiêng liêng (thầy tôi đã mất) tôi sẽ mang theo trọn đời.

Khi tôi đi trình diện về, nhà tôi lại có khách, bà này đang ngồi nói chuyện với mẹ tôi , dáng mặt tôi đã nhìn thấy hai ba lần. Mẹ tôi bảo:

- Hôm con mới về, chính bà Chức này đi xe đạp sang gọi con Xuân đấy!

Tôi đã nói lên sự biết ơn của tôi:

- Bố mẹ của tôi, mù lòa già yếu, nhà lại neo người, chỉ biết nhờ xóm giềng, tôi xin biết ơn bà !

Bà Chức đôn hậu, hiền lành, bà gọi thầy mẹ tôi là hai cụ. Gia đình của bà, ở ngay phía sau nhà tôi, chỉ cách có một cái giếng.

Thằng Lợi đã hẹn từ một tuần trước, ngày mai chủ nhật tôi sẽ lên nhà của Lợi. Thằng Lợi đã cho tôi một tin bất ngờ, một nguồn hy vọng, từ khi về tôi chưa dám nghĩ tới. Nó đã bỏ tiền để chung với một người, bên cầu chữ Y để đóng hay mua, một chiếc thuyền vượt biên. Tính thằng Lợi tôi đã biết, nó đã chuẩn bị hàng tháng, hôm nay mới cho tôi biết . Nó đã nói rõ:

Trước đây nó không hoặc chưa nghĩ tới ra đi vì nhiều lý do, chính nó đã nói, nó ở lại để chơi với tụi này (CS) về kinh tế. Nhưng tôi đã trở về, nói cho nó nhiều chuyện về CS. Những thủ đoạn sắt máu, lật lọng, nham hiểm của CS từ ngày thành lập Đảng (3 – 2 – 1930) diễn tiến cho tới ngày nay. Tôi cũng nhấn mạnh: Tuy tao biết khả năng của mày, nhưng mày chơi với chúng về kinh tế, mà mày vẫn nằm trong sự kiềm tỏa của chúng thì rồi sớm muộn, cuối cùng mày sẽ thua.

Không những mất hết, mà còn nguy hiểm đến cả tính mạng nữa. Tôi đã đưa ra những dẫn chứng bằng người thực, việc thực từ thời Pháp, Nhật, chính phủ liên hiệp, Quốc gia, ngoài Bắc trong Nam v.v. . . Nó đã phải suy ngẫm và chắc nó đã chuyển đổi chủ trương, nên mới có quyết định ra đi .

Theo như kế hoạch dự trù của nó, chuyến đi sẽ vào khoảng đầu 1981. Vì tôi không có tiền, hơn nữa tôi mới ra tù, tôi có biết gì về Sài Gòn đâu? Cho nên tất cả mọi vấn đề đều mặc cho Lợi lo toan, tính toán. Tôi cũng chẳng có thời gian để đi tìm hiểu đây đó, vì phải đi làm mành trúc và trình diện CA hàng ngày.

Buổi chiều, từ trên thằng Lợi về tới nhà, thoáng trong nhà qua cửa sổ thấy một cậu bé 15- 16 tuổi đang loay hoay ở dưới bếp với mẹ tôi. Vào tới cửa, nghe thầy tôi nói ngắt quãng:

- Thằng…… Khanh! Thằng……. Khanh!

Tôi chả hiểu thằng Khanh nào, thì cậu nhỏ từ bếp đi lên, nó và tôi đều nhìn nhau trân trân, tôi hỏi ngập ngừng:

- Cháu là ai?

Nó chạy đến ôm chầm lấy tôi, miệng mếu máo:

- Bác Bình phải không? Bố mẹ cháu là Lý ạ !

Tôi chợt hiểu, càng ôm chặt rồi bế bổng, cháu Khanh lên! Miệng líu ríu:

- Cháu lên bao giờ?

Mẹ tôi cũng đang lò dò từ dưới bếp đi lên nhà. Sự việc sơ lược về người em trai duy nhất của tôi là …Công Lý: Vào khoảng cuối 1963, em tôi theo chúng bạn gia nhập binh chủng Thiên Thần Mũ Đỏ. Là một trung sĩ đã chiến đấu tung hoành ở nhiều vùng chiến thuật, để rồi cuối 1964 lấy vợ. Cuộc sống và di chuyển thế nào tới hội nghị Paris, em tôi đã mang cả gia đình về sống ở Hồng Ngự, thuộc tỉnh Đồng Tháp, tới cuối 1976, chăm chỉ làm nông nghiệp ở địa phương.

Hai vợ chồng đã có sáu mặt con, thằng Khanh là đứa con trai cả, năm nay đã 16 tuổi. Vào một đêm rằm trăng sáng, em Lý của tôi vẫn ngủ trong một căn nhà lá nhỏ, ở giữa cánh đồng để coi ruộng lúa. Em bị một tên trung đội trưởng du kích xã Tam Nông, bắn vỡ bọng đái chết khi đang ngủ. Do tư thù từ trước, bây giờ thời thế có súng trong tay, nên y đã hạ thủ, để trả thù.

Tôi ngồi nghe mẹ tôi và cháu Khanh thay nhau tường thuật lại người tôi cứ lịm dần, nhưng ngực của tôi nóng như có lửa đốt. Dựa lưng ghế, mặt tôi ngửa lên nhìn trần nhà, nhưng chả nhìn thấy cái gì, óc của tôi thì căng ra xoay lộn: Thằng Khanh khi ấy 12 tuổi, mẹ tôi đôi mắt đã lòa ngồi một chỗ, sự việc rất lơ mơ, chưa có gì rõ ràng cụ thể. Tôi sẽ thăm dò lại cô Xuân, cô hu và chính tôi sẽ lên Hồng Ngự, gặp vợ chú Lý với đàn cháu nhỏ, và phải thăm mộ người em trai duy nhất của tôi, (dù em tôi đã nằm yên ở trong mồ). Tôi được biết khái niệm, tên sát thủ đó chỉ bị bắt vài tháng, và hiện vẫn ngông nghênh sống ở địa phương, với nhiều thế lực.

- 26 -

THĂM MỘ EM TRAI

Tôi hiểu sự việc này giải quyết phải có "điểm " và có "thời ", điểm "nút" lại chính ở nơi tôi. Tôi đang ở cái thế "trên đe, dưới búa" cả ngày lẫn đêm, vậy hãy "nuốt sâu" vùi lấp nó lại .

Trước mắt hãy đến mộ thăm em tôi một lần, không phải là không có nguy hiểm, nếu tôi không dự trù ứng đối chuẩn bị trước. Tôi chỉ có ngày thứ Bẩy và Chủ Nhật cuối tuần. Tôi viết tờ giấy báo cáo cho phường và CA khu vực: Thăm các cháu, thăm mộ người em, thăm bà chị con ông bác ruột v.v . . . Đi sáng thứ Bẩy, Chủ Nhật trở về.

Ông Trung úy Mậu ngoài phường chấp nhận, nhưng CA khu vực lại không đồng ý, vì thứ Bẩy đó tôi phải đi hót rác, dọn dẹp chung quanh khu vực chợ Nam Hòa. Cách một thứ Bẩy, phải đi lao động buổi sáng, do Mỹ Lệ đứng điều hành.

Tôi đã đề nghị, sẽ đi lao động vào thứ Bẩy tới, nét mặt cô "Ả" , cứ câng câng, lắc đầu không đồng ý ! Nhìn quả "cà ghém luộc" , lòng tôi hơi tiêng tiếc cái hôm " ả " mò lên căn gác vắng, của tôi! Tôi cứ đi, đâu có " ngán " gì, khi tôi đã có phường chấp thuận.

Xe đò đi Long Xuyên, Hồng Ngự chật như nêm cối. Đất nước tôi từ Bắc chí Nam đều khốn khổ như nhau. Từ xưa, trên sách báo tôi đã nghe, đã đọc về vựa lúa của đồng bằng sông Cửu Long. Đến nay, cái đồng bằng đó, đang ở ngay trước mặt tôi. Nó rộng và bằng phẳng đến nỗi đứng ở bên đường, tôi có thể nhìn thấy trái đất tròn.

Tôi hơi ngạc nhiên, nhìn trải dài ra cánh đồng ruộng lúa chín vàng, những làn sóng từng hàng lần lượt đuổi nhau nhấp nhô như sóng biển ngoài khơi, chỉ có khác là mầu xanh (của nước) và mầu vàng (của lúa). Trên chiếc xe chật, mùi "mồ hôi " lẫn vào mùi lúa chín, thành một cái mùi riêng biệt của Đồng Tháp. Để rồi sau này ở xứ Cờ Hoa, tôi ngửi thoáng thấy mùi giò lụa, tôi lại nhớ đến Đồng Tháp Mười ngày ấy.

Cả một cái vung khổng lồ mầu xanh lam của bầu trời, úp chụp lấy mầu vàng óng của lúa chín. Xa xa dưới chân, riềm là một vạch ngang, mầu xám xám của nhà cửa, cây cối. Ngoài miền Bắc, tôi chưa hề nhìn thấy cảnh này, cái vựa lúa vĩ đại của quê hương yêu dấu đã quấn, hằn vào tâm tưởng. Thật là lạ kỳ ! Sau này, khi tôi được may mắn chiêm ngưỡng bức tranh "Đất, Trời" của Van Gogh, trong bảo tàng viện thành Trier, dịp tôi đến thăm nhà lưu

niệm của Karl Marx, bên Tây Đức 1992, hồn tôi lại trở về vựa lúa vĩ đại của dân tộc.

Xe chỉ đến Long Xuyên, từ Long Xuyên về Hồng Ngự phải đi bằng xe lôi, trên con đường huyện lồi lõm do phục vụ cuộc chiến lâu dài, đào xới, phá đường, chôn mìn v.v. .. Để rồi nắng mưa đã góp phần, làm cho con đường giờ đây như một cánh tay gầy, đầy ghẻ lở, hắc lào. Chiếc xe lôi nhún nhẩy lắc lư như lên đồng. Nét mặt bác tài xế hằn những vết nhăn trên trán, và quấn quanh miệng, môi bác mím lại, mỗi khi chiếc xe giẫn xuống một ổ gà, như nói lên sự an phận, chịu đựng thân phận một người công dân của một chế độ "vì dân và do dân".

Ngôi nhà sàn thương yêu của em tôi, một nửa ghé ra mặt đường, một nửa nằm gác lên con sông Hồng Ngự đầy mầu mỡ phù sa. Con sông thật là rộng, nhìn sang phía bên kia bờ lau sậy, xa hàng hai ba trăm mét, thỉnh thoảng có những chiếc tầu nhỏ, hay ca- nô xì khói chạy ngược dòng vào phía trong hay ra phía ngoài. Nhìn thím Lý chừng 35-40 tuổi nhẫn nhục, ngồi võng đút cơm cho đứa con gái chừng bốn năm tuổi, nhìn ba bốn đứa con trai trần truồng đang nô đùa trên mặt sàn, nhìn căn nhà nửa gỗ, nửa tre, lợp tôn nó đã ôm ấp người em trai độc nhất của tôi bao nhiêu tháng ngày. Bây giờ nó vẫn trân quý nâng niu, những giọt máu còn để lại cho đời của đứa em. Tiếng nhóp nhép của sóng nước phía dưới sàn vẳng lên, tiếng ò e cọt kẹt của những rui mè trên mái như tiếng nỉ non thầm thì, của người em bạc mệnh:

- Anh ơi! Hãy thương đàn con của em!

Tôi quay ngoắt lại gọi tất cả các cháu lại cho tôi ôm từng đứa, và hỏi từng tên:

Hoài Khanh 16 tuổi, đã về Sài Gòn thăm ông bà nội và đón tôi,
Chí Trung 12 tuổi,
Chí Tuấn 1 tuổi,
Chí Dũng 10 tuổi,
Chí Bảo 8 tuổi,
và cháu Hồng Trang 5 tuổi.

Như thế gồm 6 đứa, năm trai và một gái. Trừ thằng Khanh con cả, bốn đứa con trai sau đều lấy đệm là "Chí ". Kết hợp với tấm hình của tôi 1959 thấy trong cuốn album của chú Lý. Tấm hình tôi mặc sơ- mi trắng ngắn tay, chụp ở giai đoạn trong trại học sinh di cư Pavie Lamothe Phú Thọ. Lật phía sau tấm hình nét chữ riêng biệt của em Lý còn ghi: *"Đặng Chí Bình. Người anh đáng kính của mình!"*.Tôi không thể hiểu lời ghi chú trên của em tôi trong tình huống nào, vào giai đoạn nào. Vì ý nghĩa ấy, tôi đã lấy và in tấm hình đó ở tập I Thép Đen.

Từ tấm hình của tôi, đến lấy đệm "Chí " của tôi đặt cho các con của chú, đã như một dấu ấn trong lòng tôi. Trừ thằng Khanh, bác cháu đã có nhiều chuyện ở trên đường, tôi lục túi cho mỗi đứa một đồng, mua kẹo, bánh theo ý của mỗi đứa. Tôi cũng nói rõ với các cháu, tôi đi làm ba tháng nay không có gạo và cũng không tiền, tôi cũng xin lỗi các cháu, tôi xin lỗi cả thím Lý, đời các cháu lầm than nheo nhóc có phần của tôi góp vào.

Thím Lý nói một câu vẫn còn buộc túm trong lòng tôi:

- Nếu anh Lý biết anh còn sống trong tù ngoài Bắc, thì anh Lý đã ra Bắc rồi! Nếu anh Lý ra Bắc 1976 thì anh ấy lại không …….." nói đến đây thím Lý nấc lên, không nói ra lời nữa. Lại chữ "nếu' cái chữ mà một văn hào người Pháp đã dùng nó một cách điển hình nhất: ***Chữ "nếu"có thể đút cả thành phố Paris vào một cái chai nhỏ*** (Avec un "si", on mettrait Paris en bouteille).

Lúc đó đã ba giờ chiều, trời tối sầm lại rồi chuyển gió lộng, con sông Hồng Ngự cũng bị đất trời làm nó ngứa ngáy dộp hết cả người. Người nó như khúc mình con rồng giương hết cả vẩy lên. Do hoàn cảnh và điều kiện, thằng Khanh sáng mai phải lên thị trấn Hồng Ngự, nó đang làm thuê cho một ông chủ "đít mới đỏ" do nhuộm sau 30-4-1975, nó đã xin nghỉ một tuần về Sài Gòn. Tôi, sáng mai cũng phải về lại Sài Gòn trình diện với CA khu vực Hôm nay đã "cương ẩu" với cô nàng mặt "quả cà ghém luộc" rồi. Vậy, dù cho có mưa gió bão bùng, bằng mọi giá, hôm nay phải ra đồng gặp người em của tôi. Tôi, thằng Khanh, Trung, ba bác cháu chạy đến một cửa hàng bách hóa mua nhang và nến. Trên đường, qua các cháu, tôi được biết tên "sát thủ" ở một xóm phía bên kia cũng, có một vợ và hai con. Tôi đã quan sát, qua những tình huống sinh hoạt, của dân trong vùng.

Tôi đã đưa giấy chấp nhận của Phường 6 cho tôi lên Hồng Ngự cho công an địa phương để ngủ lại đêm nay. Chính tôi luôn có một con mắt "cảnh giác", dù rằng tôi không có một chủ trương gì cả, nhưng chữ "ngờ" thì đã ai học được?

Trời có thể mưa to, hơn nữa thím Lý ở nhà với cháu Hồng Trang, nấu cơm. Tôi và tất cả năm đứa cháu trai lách lau sậy tiến về một nghĩa địa cách nhà gần hai cây số, cỏ dại mọc um tùm che khuất cả ngôi mộ. Tất cả sáu bác cháu cùng dọn sạch. Một con dao quắm tôi vùng vẫy, một ý nghĩ chợt đến tên "du kích" thật hèn! Hạ thủ một người đang ngủ, y sống kiếp của con rùa, con thỏ lén lút không những sợ ngay cái bóng của mình mà còn sợ cả ánh sáng. Là rùa, là thỏ mà có thời vẫn áo mũ nghênh ngang, xe mã; ngược lại tướng mà hết thời, thì cũng chỉ mòn mỏi chết dần.

Mùi cỏ dại bị phát, bị nhổ hăng lên trong gió, nó nồng nồng, hăng hăng, cái mùi chất phác, mộc mạc của máu xương tiền nhân quyện vào trong đất.

Một làn chớp nháng lên xanh lè cả nghĩa địa, rồi những tiếng ùng ục . . . . . .ùng ục phía chân trời. Những đám mây đen vần vũ trên bầu trời sũng những nước, mấy đứa nhỏ lấm lét nhìn lên trời sợ mưa ở giữa cánh đồng, tôi muốn nói với thằng Khanh, Trung, Tuấn mấy đứa lớn:

- Các cháu hãy thắp nhang, đốt nến rồi bác cháu ta sẽ đọc một số kinh, cầu cho linh hồn bố các cháu? Bác cũng chẳng thuộc kinh nhiều, chúng ta hãy cầu nguyện giản đơn, điều quan trọng là phải có lòng thành.

Bất chợt một tiếng nổ như xé màng tang, ngay ở trên đầu, cả năm đứa đều ôm chầm lấy tôi. Các cháu nhỏ, như muốn tìm sự bảo vệ, chở che của một ông bác.

Nhìn ngôi mộ đất thấp lè tè của em Lý, tay tôi ôm và vỗ nhẹ các cháu, tôi như muốn nói: Bác của các cháu đã tài hèn sức mọn, lại không có thời, cũng đành tàn lụi dần theo vận nước, bác xin các cháu tha lỗi cho bác! Nhưng không thể thết ra thành lời.

Để xóa đi những nỗi niềm đầy vơi yếm thế trong lòng, tôi nhìn lên mây trời xám đen đang quay lộn, nói với các cháu:

- Bác hỏi cả năm cháu! Nếu bác cháu mình đang đọc kinh cho bố các cháu, trời có mưa to, gió lớn, bác cháu mình vẫn cương quyết đọc cho xong buổi kinh, các cháu có dám không?

- Chúng cháu "dám"! Không sợ trời mưa!

Mưa bắt đầu rơi, rồi như tháo cống, nước đổ xuống ầm ầm xối xả các cháu đã được khích lệ trang bị ý chí chịu đựng. Mưa rơi, mặc mưa rơi, bác cháu chúng tôi vẫn đọc kinh đều đều, mưa tầm tã rắc đổ lên đầu chúng tôi. Từng dòng nước chảy luồn vào cơ thể, thỉnh thoảng một đứa đưa tay lên vuốt mắt. Không biết chúng vuốt nước mưa hay nước mắt, khóc thương cho người bố hẩm hiu, nằm dưới mộ một mình đơn độc, cô liêu?.

Tiếng réo rột roạt của nước mưa chảy chung quanh, lẫn với tiếng mưa gió như giọng nói em Lý ngày nào:

- Anh ơi? Hãy cưu mang các con của em!

Bụng của tôi sôi lên ọ . . . . . ẹ như muốn nói : Nút đầu tiên phải cởi là anh ra được nước ngoài, em hãy hỗ trợ anh! Một tiếng sấm gào lên ở chân trời phía đông như lời khẳng định của em Lý :

- Lúc nào em cũng ở bên anh!

Trên đường bác cháu trở về, óc tôi vẫn vấn vít cảnh ngoài mộ chú Lý vừa qua, dù chỉ là những dòng hình dung, tướng tượng trong tâm tưởng nhưng có một sức thúc đẩy mãnh liệt trong lòng tôi, để thể hiện ra trong cuộc sống.

Sáu bác cháu về đến nhà, mưa vẫn còn rơi nhì nhẹt.Nhìn dòng Hồng Ngự cuộn đỏ phù sa, tôi rủ cả năm cháu nhào xuống vẫy vùng. Cháu Dũng và Bảo nhỏ nhất, cũng bơi lội ra trò. Hầu như những đứa nhỏ được sinh ra bên bờ sông nước, đều chẳng lạ gì lội với bơi. Từ dưới dòng nước, qua màn mưa thưa, trời lại sáng dần, tôi nhìn lên nhà em Lý, rõ ràng có hai người phụ nữ.

Một người chắc là thím Lý, còn người nữa là ai? Khi bác cháu vừa lên đến cửa thì "người ấy "đã chạy ra, cầm cả hai tay tôi, nói trong nước mắt đoanh tròng:

- Cậu Bình! Chị tưởng cậu đã chết rồi !

Tôi nghẹn ngào ôm chầm lấy chị, không nói ra lời, chị là chị Công, con của bác Hạnh là anh ruột của thầy tôi. Bác của tôi có ba người con, chị Công là cả, chí cùng tuổi với tôi. Thời 1945 chị xuống phố ở với bố mẹ tôi. Tháng ba Ất Dậu 1945, nạn đói khốc liệt của quê hương đã làm chết hơn hai triệu người, cả gia đình bác Hạnh ở trên quê đã góp phần bốn người, chị Công ở dưới phố với bố mẹ tôi nên còn sống và chúng tôi đã gặp nhau hôm nay.

Tôi nhớ trước khi tôi ra Bắc chị đã có chồng, chị không có con, nhưng không rõ người chồng của chị ngày ấy là anh Ký bây giờ ra sao, tôi cũng lơ mơ không hỏi được để biết. Chỉ vì giai đoạn từ trại tù về miền Nam này tôi bị Công An Thành, CA Quận, CA Phường, CA khu phố và phòng Quản lý những người học tập cải tạo được tha về, ràng bố, ép đè vây hãm mê tơi. Không gạo, không tiền mà vẫn phải đi làm hàng ngày.

Một điều khi còn trong tù tôi thường thấp thỏm, nếu được về Nam, cần biết rõ: Sau khi tôi ra Bắc bị mất tích, bố mẹ tôi có được đền bù phần nào, do chính phủ VNCH hay không? Cho tới lúc tôi đang ngồi viết những dòng này, tôi cũng không hề có một manh mối nào giải đáp rõ ràng cho câu hỏi trên của tôi. Tôi muốn biết để cho niềm ẩn ức ở trong lòng đậy lại, hay xóa đi, chứ chuyện đó đã "over" rồi.

Chị Công, vùng này hiện nay Huyện Tam Nông Đồng Tháp gọi chị là bà Hai Bắc, ở một gian nhà tranh vách đất nhỏ với một đứa con gái nuôi tên là Ngọc (đầu 1981). Bữa ấy, bằng mọi giá chị Công bắt tôi phải đến nhà chị ngủ đêm và sẽ ăn một bữa cơm nghèo với chị. Nghĩa tình chị em và những kỷ niệm ngày ấu thơ, tôi đã làm theo lời chị.

Sau bữa cơm sáng với chị Công của tôi, một mình rong ruổi về Sài Gòn. Tiễn tôi ra đến cửa, chị Công còn cầm tay tôi như ngày còn bé:

- Cậu về có biết đường thăm hỏi ở các bến xe?

Vỗ vai chị tôi nói cười, như còn ngây thơ lắm:

- Chị quên rằng khi còn "bức màn sất"1962, chỉ một cái địa chỉ, một mình em đã mò mẫm tới chỗ em cần đến trong khi ở miền Nam giai đoạn ấy, đã biết gì bên trong " bức màn sắt ", kể cả CIA?

Về đến nhà, tôi thưa trình sự việc lên Hồng Ngự với thầy mẹ tôi xong, là đến gặp cô công an Mỹ Lệ ngay. Mặt của cô "ả" , đang có chút máu mặt, thoáng thấy tôi đẩy cửa vào, mặt ả lại xám đi để tỏ ra ta oai nghiêm mới càng giống quả "cà ghém luộc". Cô ả hạch sách, bất tôi phải viết bản kiểm điểm, tại sao đã không nghe lời CA? Tôi nói là tôi không sai, nên tôi không làm kiểm điểm.

Tuy vậy, sáng hôm sau tôi đã đến gặp tên trung úy Mậu, đã chấp thuận cho tôi đi Hồng Ngự để thăm mộ em trai, và các cháu nhỏ con của em trai. Tôi trình bầy lại sự việc, rồi chỉ khẽ chêm một câu:

- Từ trước tôi cứ tưởng CA khu vực, phải dưới quyền của Phường !

Tôi không hề có chủ trương gì, nhưng lại gặt hái được kết quả. Hai ngày sau, có một CA khu vực khác về thay cô Mỹ Lệ hắc búa, đó là Ngọc Anh.

- 27 -

CÁI "CÒNG" CỦA QUẢN CHẾ

Cái mặt của cô CA mới, cũng vàng vàng xạm xạm, hình như toàn do từ thanh niên xung phong trong chiến tranh, ngớ ngẩn đã nghe lời thúc giục, khích lệ của những con cáo già CS. Các cô các cậu đã xông vào rừng núi, nơi đèo heo, hút gió, nằm bờ, nằm bụi nơi ám khí của rừng già, mặt cô cậu nào cũng có vấn đề. Bây giờ Đảng trả công cho làm chức này, khung kia. Tôi cứ nhìn thấy nước da và cái mặt hơi rô rỗ của cô CA này là tôi lại nghĩ ngay đến cái "bánh xèo", nó cũng vàng vàng lom lõm sần sùi.

Tuy vậy cô Ngọc Anh này lời nói lại dịu và niềm nở một chút, không nhấm nhẳn, cộc cằn như cô Mỹ Lệ. Nhất là đôi mắt của cô Ngọc Anh, dù rằng lấp lánh ở giữa cái "bánh xèo" nhưng đôi con ngươi óng xanh, vo lại hơi ướn cong ra mỗi khi cô cười. Tối nay, tôi phải phóng xe sang thằng Lợi, không ngờ nó cũng đang cần gặp tôi, nó cho tôi biết chuyến đi sẽ vào đầu tháng một, như thế chỉ còn gần một tháng để chuẩn bị, nó yêu cầu tôi về chuẩn bị với gia đình, với khu phố. Phần tôi, tôi lo. Phần nó, nó lo. Phần chung, cuối tuần sẽ bàn bạc với tôi. Trên đường đạp xe về nhà, thấy giấc mơ có chiều hướng hiện thực, tôi suy nghĩ rất nhiều về bố mẹ già, ngổn ngang nhiều ngả: Đất nước, bố mẹ, cuộc đời, ba đối thể này cọ xát, giằng co, to nhỏ, nặng nhẹ cả mấy đêm ngày tôi trăn trở không yên. Đêm thứ ba, tôi trèo vào mùng mẹ tôi, bóp đầu, đấm lưng cho người, lựa trong câu chuyện rồi tôi tự than:

- Mẹ ơi! Chúng nó o-ép con quá, mẹ ạ !

Thực sự, tôi không muốn mẹ tôi buồn, nhưng lòng tôi rối quá! Thân tôi không đáng kể, nhưng vì bố mẹ tôi, tôi mới đứt ruột, nát lòng. Mẹ tôi sờ soạng lên đầu, lên cổ tôi, nói trong nghẹn ngào, đau đớn:

- Mẹ muốn con ra đi , nhưng mẹ không có . . . . . tiền !

Mẹ tôi đã nói ra điều tôi không thể mở miệng mấy ngày hôm nay. Hai mẹ con thầm thì bên nhau, cả buổi tối hôm ấy. Tôi không ngờ, người cũng buồn đã nhiều đêm ngày là mắt người đã lòa, người không còn khả năng lo tiền, vàng cho tôi đi. Người nói rõ, hiện nay con chỉ có một cách duy nhất là ra đi, ở lại chỉ là lặn lội trong bùn cả đời.

Từ năm, sáu tháng trước, sau một tuần tôi trở về người đã muốn bảo tôi phải ra đi, nhưng người lại không có điều kiện , người còn hiểu rõ, dù tôi có muốn ở lại hầu hạ cha mẹ già cũng không được. Cái loại tội của tôi, sớm

muộn nó sẽ tìm cách bắt vào tù trở lại, nhìn không ra, thân vẫn khổ, mà cha mẹ cũng vẫn không phụng dưỡng được.

Nghe tiếng ho húng hắng của thầy tôi ở giường ngoài, tôi phải sang nói ý cho thầy tôi biết sơ, dự định ra đi của tôi. Tôi hiểu rằng thầy tôi tâm trí không còn sáng suốt bình thường, người lại nói ra khi có người đến nhà. Tôi vén màn, thầy tôi vắt một tay lên trán, với dáng nằm suy tư, thầy tôi mở mắt nhìn, tôi khẽ hỏi:

- Hôm nay thầy có ngủ ngon không?

Thầy tôi giơ một tay như muốn ngồi dậy, tôi trèo lên giường, nhẹ đỡ thầy tôi dậy, cầm bàn tay nhăn nheo xương xẩu của người, tôi vuốt ve. Óc tôi liên tưởng đến ngày trước, cũng bàn tay gầy guộc, nhăn nheo này, thầy tôi đã biểu diễn những đường quyền Mai Hoa, có lúc dẻo cong uốn éo co như sợi lạt, lúc vùn vụt nhanh nhẹn như một con cắt chiến đấu với diều hâu, và cũng bàn tay này đã uốn nắn cho tôi đứng Chảo Mã Tấn, Đinh Tấn và Trung Bình Tấn trong bài Quý Châu Quyền.

Bé cậy cha, già cậy con!

Giờ đây thầy tôi đã già yếu, trông nhờ vào con phụng dưỡng đỡ đần, tôi đã trốn bỏ đi biệt gần hai chục năm. Bây giờ sống sót được trở về, lại định trốn đi nữa, một niềm xót xa quặn lòng tôi lại. Tôi ôm lấy thầy tôi, ghé sát vào tai người, nói như khẩn nài:

- Xin thầy tha tội cho con!

Chả hiểu thầy tôi có hiểu tôi nói gì không mà nước mắt của tôi cứ ràn rụa. Thầy tôi đặt nhẹ một tay lên vai tôi và cứ nhìn tôi trân trân như mất thần, tôi nói luôn, hơi ngập ngừng:

- Thầy ơi ? con phải ra . . . . .

Tự nhiên thầy tôi nhấc một cánh màn, rồi người chậm chạp cho chân xuống tìm dép. Nhanh nhẹn, tôi nhẩy xuống lấy đôi dép xỏ vào chân cho người. Thầy tôi tiến đến chiếc tủ cũ từ ngày tôi ra Bắc, lúi húi một lúc, thầy tôi lấy ra chiếc túi con vải đen, người lôi ra một chiếc đồng hồ đeo tay đưa cho tôi, miệng người thều thào:

- Con ……..phải ……đi!

Tay tôi cầm chiếc đồng hồ, nhưng đầu óc tôi băn khoăn: Người nói thế là người đã hiểu, câu tôi nói dở dang trên với người? Tôi cầm chiếc đồng hồ

Seiko 5 của Nhật vào giường trong hỏi mẹ. Mẹ tôi mỉm cười, mặt người rất tươi, tay mân mê chiếc đồng hồ tôi vừa đưa:

- Chiếc đồng hồ này của thằng Lý mua cho thầy, ngày nó còn sống! Bố mày giữ kỹ lắm, chỉ đeo có mấy lần.

Tôi vừa đeo chiếc đồng hồ vào tay, vừa tâm niệm: Tôi sẽ giữ chiếc đồng hồ này theo khả năng, nó là một " di bảo" của bố mình.

Hôm nay tôi phải mang sổ gia đình và tem phiếu ra phường xếp hàng, để mua gạo và bo bo cho bố mẹ tôi. Gần 11giờ trưa, tôi mới ôm một túi, mười ký gạo và tám ký bo bo về tới nhà, đó là tiêu chuẩn tem phiếu một tháng, của bố mẹ tôi. Các cụ già không có răng móm mém không nhai được bo bo, giá bo bo đổi ngay chỗ người xếp hàng: cứ 3 bo bo lấy một gạo. Trong tù tôi đã ăn bo bo nhiều, chỉ không biết nấu. Chưa biết, thì hôm nay tôi phải biết. Nhà lại hết củi, tôi chạy ra chợ mua hai đồng củi, được hai bó củi nho nhỏ. Lần mò trong chợ Nam Hòa, tôi mua năm hào đậu "cô – ve" về luộc dừ cho thầy mẹ tôi. Nhìn thấy một bà bán một thúng con cà ghém, tôi đã có chủ định, sẽ có một ngày tôi thực hiện được một món ăn sở thích của mẹ tôi. Món người thích ăn nhất, hai tháng trước cô Thu đã nấu cho mẹ tôi: Thịt ba chỉ xào cháy cạnh, nấu với cà ghém, cà chua, phải có lá tía tô, hơn hai tháng rồi, tôi biết mẹ tôi thèm lắm. Món ăn sở thích của thầy tôi cũng thật khác thường, người thích nhất là món đường phên. Ngày nào cũng vậy, sau bữa cơm chiều, ăn một cục đường phên, hút một điếu thuốc lào, là người vào trong màn yên vị.

Hôm lên Hồng Ngự, chị Công đã đút vào túi của tôi sáu chục, tiền xe cộ, cho đến nay trong túi còn 32 đồng. Từ nãy đến giờ tôi đi qua một hàng cá, nhìn một con cá rô biển nằm phây phây, dù đã chết rồi. Tôi cứ lượn đi, lượn lại hai lần rồi, tay đã đút vào túi lấy gân để tiến vào, nhưng rồi lại quay ra, xin hẹn một ngày khác. Hôm nay tôi đã mua một ký đường phên, món "ruột" của thầy tôi rồi.

Về nhà, sau khi gầy nồi cơm cho thầy mẹ, tôi lấy một kí bo bo để hầm cho tôi cả hai bữa. Khiếp thật, riêng nồi bo bo hơn một giờ rồi mà hãy còn cứng, đã mất tiêu một bó củi rồi. Sáng nay, tôi chỉ xin phép nghỉ được nửa buổi để xếp hàng mua gạo cho bố mẹ. Vừa dọn cơm xong cho thầy mẹ tôi, tôi chỉ xúc vội được một túi "bo bo" vừa dọn cơm vừa nhai. Và bây giờ, tôi xách cả cái túi con bo bo để vừa đi vừa thưởng thức, trên đường đến tổ mành trúc.

Đã hẹn với cô Thu từ tuần trước, sáng thứ Bẩy này, khi tôi đi lao động XHCN với cô CA khu vực Ngọc Anh xong, là đi liền với cô Thu vào nhà giam Chí Hòa để thăm chú Hoàng, chồng cô Thu. Tôi chưa hề biết mặt, cả tình, cả nghĩa và vì em gái của mình, tôi phải vào thăm chú ấy một lần, dù rằng thời

gian của tôi ở ngoài, còn khắt khe hơn nhiều lần trong tù. Trong tù chỉ có kém cảnh tôi hiện nay là không được đi lại mà thôi, tinh thần không bị căng thẳng hàng ngày, hàng đêm như tôi.

Ngày Chủ Nhật phải lên thẳng Lợi để đi vào cụ thể, những nét chính của chuyến đi. Đúng 5 giờ 10 phút tôi về gần đến nhà, tiếng mẹ tôi gào thét, tôi vừa mở cửa đã nghe mẹ tôi la to:

- Tao mù lòa già yếu, bố thì lẩm cẩm gần tám chục tuổi, mà nó còn về ăn bám!

Phía nhà ông Tấn mở cửa ra nhìn, nhà bà Cần, bà Tường cũng ra ngó nhìn tôi. Tôi ra ngoài đứng dựa vào cửa, mặt rầu rầu. Tôi và mẹ tôi đã chuẩn bị ăn ý, thỉnh thoảng người sẽ gào thét la mắng tôi: Bốn mươi mấy tuổi rồi mà không nuôi nổi thân, còn về ăn bám cha mẹ mù lòa già yếu v.v. . . để xóm giềng có ý niệm sau này.

Mẹ tôi gào, mắng làm như thật, tôi phải vào ôm lấy cụ, nói nhỏ: Vừa thôi kẻo mẹ mệt, lại bệnh thì con còn khổ nữa, thậm chí, tôi còn phải ghé tai cụ:

- Đủ rồi, để hôm khác!

Cả ông Trùm Lộc, tổ trưởng khu phố cũng mò đến khuyên răn mẹ tôi, tôi ra trước cửa ngồi dựa tường thiểu não. Thoáng bóng cả cô ả Ngọc Anh từ xa, tôi vờ gục đầu như không biết, nghe rõ tiếng hỏi của Ngọc Anh với ông Thanh hàng xóm, và rồi tiếng ông cụ Thanh trả lời:

- Bà cụ chửi bới anh cu Bình, còn về ăn bám bố mẹ già !

Tôi ngửng lên đứng dậy vào nhà, còn nhìn thấy đôi mắt nâu rười rượi chia xẻ nỗi niềm, của tên áo vàng khu vực. Cả một buổi tối cứ trằn trọc, hết trở mình bên này, lại trở mình bên kia, tôi nằm mãi mà không ngủ được. Cuộc đời, đất nước, cha mẹ, để rồi thiếp đi trong giấc ngủ muộn, nhiều khắc khoải. Bỗng có tiếng đập thình thình vào cửa, tôi bò nhổm dậy, xuống dưới nhà.

Tiếng đập cửa hãy còn rầm rầm, ánh đèn pin từ các cửa sổ, chiếu vào trong nhà loang loáng. Thầy mẹ tôi đều đã dậy. Khi tôi mở được cửa, hai ba người đẩy tôi ra, xông vào trong nhà. Người chạy xuống bếp, người leo lên gác, họ sục sạo như bắt giặc. Tôi bật được đèn lên, toàn là những người tôi chưa hề thấy bao giờ. Một tên đeo lon thượng úy cứ nhìn tôi chằm chằm. Thầy tôi đã vén màn thò đầu ra, miệng người cứ lảm nhảm:

- Lậy Chúa tôi!…..Lậy ….Chúa …. Tôi!

Mẹ tôi vẫn trong màn rên rỉ:

- Con xin…….. phó linh hồn……

Nhìn đồng hồ mới hơn một giờ, tên thượng úy chiếu đèn pin vào mặt tôi, hỏi gằn giọng:

- Tên Mẫn CIA đâu?

Tôi ngơ ngác, chẳng hiểu tên Mẫn nào! Tôi chợt nghĩ: Có thể đây là công an Thành hay Quận. Họ nghi ngờ nhà tôi có tên Mẫn CIA nào đó! Tôi cũng nhìn thẳng vào tên Thượng úy. Tôi định nói: "tôi đang để nó trong túi, của tôi đây này"! Nhưng tôi đã từ tốn trả lời:

- Tôi không biết tên Mẫn nào cả.

Bây giờ mới thấy ông Trùm Lộc, tổ trưởng khu phố và cô Ngọc Anh công an khu vực, đẩy cửa bước vào. Cô ả Ngọc Anh tiến đến trước tên Thượng úy ỏn ẻn:

- Báo cáo thủ trưởng . . . . . .

Tên Thượng úy, hất chiếc đèn bấm cầm tay:

- Đồng chí đi ra ngoài!

Cô ả, vác cái mặt tiu nghỉu đi ra. Ông Trùm Lộc, mặt cũng rầu rầu như tôi, nghiêng đầu như chào, rồi cũng đi ra. Hai tên côn đồ hất tung cả mùng, màn của thầy mẹ tôi lên, trong khi các người vẫn rên rỉ, ngồi cóm róm trong một góc giường. Thoáng bên ngoài, còn nhiều tên áo vàng nữa.

Tôi mới về nhà được hơn bốn tháng, mà đã ba lần công an vào khám xét nhà ban đêm. Buổi tối lên nhà Lợi, tôi kể lại cảnh khám đêm qua. Thằng Lợi nghe tôi kể, mặt nó cứ đỏ dần lên, nói gầm gừ:

- Phát xít Nhật, cũng không như thế!

Còn chị Lợi cứ nói, vẻ băn khoăn:

- Sao bây giờ . . . .họ lại ác ôn như vậy?

Phải rồi . . . . . Họ hàng gia đình chị đều ở phía "bên kia", thằng Lợi đã nói với tôi trước đây.

Sau khi chuyện trò chung chung xong, tôi và Lợi đã lên gác vào một căn buồng trống, tôi đã ngủ nhiều lần những ngày cuối tuần. Tôi được biết chuyến đi đã được quyết định đêm 14-01- 1981 . Con gái lớn của thằng Lợi, 17 tuổi là Nguyễn Thị Mỹ Linh, và cả ba con trai của nó, cùng đi chuyến này. Riêng một mình chị Lợi ở lại để phòng hờ, chuyến đi không thành. Hơn nữa có người để giữ cái nhà. Vả lại chị Lợi họ hàng, thân nhân đều theo Cách Mạng từ trước 1975.

Theo thằng Lợi, chiếc ghe này chung hai phía, phía bên kia và phía thằng Lợi. Hai bên đã thỏa thuận, mỗi phía được rước thêm bao nhiêu khách. Những quy định gặp nhau ở đâu, nơi đón, nơi nằm ếm chờ tuyến đường, thời gian, đều đã được quy ước rõ ràng rồi. Chuyến này cũng có hai đứa con lớn của vợ chồng thằng Đạt, là Thu Thủy 17 tuổi và Thắng 16 tuổi. Biết có cả Lợi và tôi đi nên Đạt cho hai đứa con đi theo như gửi gấm.

- 28 -

ĐÔI BẠN NGÀY NAY

Thằng Lợi không có thời gian để trực tiếp điều hành, chuẩn bị cho chuyến đi, cũng như con thuyền, nên về tài chánh đều do phía thằng Lợi đảm nhận.

Riêng về phía tôi, vợ chồng Lợi đã căn dặn kỹ càng, chi tiết: "Nếu chuyến đi trót lọt thì không nói làm gì, trường hợp bị bể, bị bắt, tôi sẽ đóng vai của thằng Lợi. Tôi đã rõ về đời thằng Lợi, cả gia đình con cái, vợ của nó. Cho nên, nếu tàu bị bất thì sẽ là thằng Lợi bằng xương, bằng thịt. Điều này đều đã được dặn dò sơ qua, cho những người quen biết Lợi, trong chuyến đi. Theo anh chị Lợi:

Tôi là một người nguy hiểm. Nếu, lại rơi vào tay Việt Cộng thì chắc chắn được về lòng đất sớm, là may. Nếu sống, về chậm bao lâu, thì bị hành hạ khổ cực bấy lâu, rồi cũng chết trong khổ đau. Cho nên, còn trong giai đoạn VC chưa nắm hoàn toàn ngóc ngách ở miền Nam, tôi đóng vai là thằng Lợi mới được. Còn về thằng Lợi, nó đã là thổ địa mảnh đất này, chỗ nào nó chui cũng được Nó còn đập tay vào vai tôi, nói đùa bỡn như, không có chuyện gì:

- Tao biết, mày thừa tài để đóng đạt vai trò !

Lòng tôi thì lịm đi, vì xúc động! Tôi hình dung, nếu tôi bị bắt ở trong trại giam, chị Lợi sẽ vào để tiếp tế thăm hỏi chồng mình. Để công an khỏi nghi ngờ, tôi và chị Lợi phải như thế nào, trước mặt CA? Thế nào với các con tôi: Mỹ Linh, Hữu Lực, Hữu Lượng và Hữu Luyện? v.v. . .Tôi nhìn đăm đăm vào mặt thằng Lợi, nó cũng chằm chằm nhìn tôi. Dưới ánh điện, tôi còn nhìn rõ con ngươi của nó hôm nay, dài ra như hình trái xoan.

Đôi con ngươi ấy có mầu xanh của nước biển, thỉnh thoảng lại lóe sáng. Cái mầu xanh biển khơi này, là cái mầu của thủy chung. Dù có giông tố, bão bùng thì vẫn trước sau như một, muôn đời vẫn là mầu xanh. Tôi nhìn qua cửa sổ, dù trời đã tối đen, nhưng tôi vẫn biết trong cái đen tối mênh mông vô cùng đó, có một đấng thượng đế tối cao uy quyền. Tôi như muốn quỳ xuống để cảm tạ Người, đã ban cho tôi một người bạn, đã cho tôi được hưởng những nghĩa tình bao la như đại dương của bạn bè. Óc tôi liên tưởng đến đôi bạn ngày xưa: Lưu Bình, Dương Lễ, và một đôi bạn ngày nay, trong một môi trường: tình người hình như đã cạn khô. Tôi nhớ lại hai ba tháng trước, có lần thứ Bẩy, Chủ Nhật tôi đến nhà Lợi, chị Lợi đã ngần ngừ hỏi tôi, như sợ tôi từ chối:

- Anh Bình có thể giúp tôi, một việc được không?

Nhìn thẳng Lợi, rồi vừa cười, tôi vừa nói:

- Chị làm cái gì mà quan trọng thế! Cái gì tôi làm được thì chị cứ nói.

Chị Lợi vào buồng xách ra hai cái túi xách, để trước mặt tôi:

- Tôi còn nhiều việc quá! Tiền họ đóng hụi cho tôi hàng tuần nay, hơn một chục bát "hụi". Tôi còn để lung tung, nhờ anh sắp xếp lại, loại nào ra loại ấy, rồi anh cũng đếm dùm, anh ghi ra giấy rõ ràng, cho tôi nhé ! Cám ơn anh trước!

Vợ chồng Lợi còn nhờ tôi trông luôn nhà, hai vợ chồng phải đi có việc Giấy 50 đồng, 20 đồng, 10 đồng, 5 đồng, 1 đồng lộn tùng phèo, đầy hai cái túi xách bằng nhựa. Một mình tôi làm gần 3 giờ đồng hồ, trong khi đời sống của tôi khi ấy, 10 đồng đã là một vấn đề không nhỏ, tôi vừa sắp tiền, đầu óc tôi miên man. Trước hết tôi phải xin cám ơn tấm lòng biết người, của vợ chồng Lợi, đã tin tưởng một người bạn. Phần tôi tự hiểu, phải hành xử sao cho xứng đáng với vợ chồng nó. Tôi nghĩ một câu, không nhớ rõ của vị nào; Chỉ những người có tâm hồn, mới được hưởng những ân tình tâm hồn. Không có tâm hồn của Roméo, thì cũng không có tâm hồn của Juliette.

Cứ đi tìm thì chả bao giờ thấy, dù nó ở ngay chung quanh mình .

Xin trở lại những chuẩn bị của chuyến đi.

Tôi về đến khu Ông Tạ đã 9 giờ 30 tối. Khi vào đến cổng xứ Nam Hòa, dưới ánh đèn điện mập mờ sáng tối, một hình ảnh vẫn ghi vào tiềm thức dịu dàng, lâng lâng của tôi. Thầy tôi chống gậy đầu tóc bạc phơ, đang cầm tay dẫn mẹ tôi 72 tuổi mù lòa, đi phía sau. Hình ảnh một ông cụ đầu bạc, dẫn dắt một bà cụ mù lòa. Cả khu vực ấy: Nam Hòa, Nghĩa Hòa, Sơn Tây và khu Thánh Tâm, hình như nhiều người nhìn thấy hơn một lần.

Tôi đã đến thay thầy tôi dẫn mẹ tôi về nhà, tôi cũng băn khoăn hỏi mẹ tôi:

- Sao hôm nay, thầy mẹ về chầu muộn thế?

Mẹ tôi nói rất nhỏ, nhưng tôi vẫn nghe rõ:

- Cha Bình (giống tên tôi), hôm nay người giảng thêm về: "tình thương yêu, đùm bọc giữa người với người ".

Tôi cũng nói luôn với mẹ tôi là đêm 14-1 này tôi sẽ ra đi. Mẹ tôi, đem cả hai tay nắm chặt tay tôi như muốn giữ lại, nhưng miệng người lại nói:

- Mẹ vẫn hàng ngày, cầu khấn Chúa và Đức Mẹ Maria cho con !

Về nhà cơm nước xong là tôi lên gác ngủ, khoảng 11 giờ tôi đã ngủ được đâu, nghe tiếng mẹ tôi vọng lên:

- Thằng Bình đã ngủ chưa con?

Bật dậy, tôi vừa xuống gác vừa thưa khe khẽ, sợ phá giấc ngủ của thầy tôi. Tôi vào ngồi bên người, cũng thì thào:

- Sao mẹ chưa ngủ?

Người không nói gì, người sờ tìm tay tôi, rồi người giúi vào tay tôi, một cái khăn tay nhỏ, người cũng thì thào:

- Con hãy giữ kỹ để phòng thân !

Tôi khẽ bước xuống, ra mé cửa sổ có ánh sáng đèn đường chiếu vào, có 2 tờ giấy 50 đồng và hai chiếc nhẫn vàng, mỗi chiếc một chỉ đã móp méo. Tôi hiểu mẹ tôi lòa đã 16 năm rồi, người không có tiền, chắc rằng do các em tôi dấm dúi biếu mẹ, mẹ tôi đã dành dụm, chắt chiu để " thủ ". Bây giờ vì con, mẹ tôi có tiếc gì? Nước mắt của tôi đã dàn ra, nhưng mẹ tôi làm sao mà nhìn thấy! Hai chỉ vàng, một trăm bạc với lúc có, thì không là gì, nhưng trong lúc này! Tôi gói cả lại, ngửa bàn tay của người, rồi đặt lên, tôi nói trong nước mắt:

- Xin mẹ tha tội cho con! Con bất tài, trở thành con bất hiếu!

Để cho mẹ già yên lòng, tôi bóp nhẹ tay người nói thêm:

- Thân con xoay xở được! Mẹ hãy giữ lấy phòng hờ cho thầy mẹ!

Chỉ còn bốn ngày nữa, ngày ra đi càng đến gần, nhiều việc càng dồn dập, tôi đã sang chú Tuất + Xuân. Tôi đã đi với cô Thu vào Chí Hòa thăm chú Hoàng, tôi đều đã nói với các cô chú ấy chuyến đi của tôi và nhắc nhở hãy thay tôi trông nom cha mẹ mù lòa già yếu. Những ước vọng của chuyến đi của tôi có ba tình huống:

Đẹp nhất. Đi đến nơi mình mong muốn, chuyến đi trót lọt.

Điều thứ nhì là sẽ chết ở biển khơi, tôi vui lòng từ giã cuộc đời này.

Điều thứ ba là điều xấu nhất, điều bất hạnh nhất là bị bắt.

Sáng nay thứ Bẩy là ngày tôi phải ra chợ Nam Hòa, lao động xã hội chủ nghĩa. Ngoài hai người đã có từ những tuần trước, là cậu Từ sĩ quan Hải quân và cậu Quý chuẩn úy Thủ Đức, hôm nay có thêm hai anh nữa. Hai anh này đầu cũng đã điểm sương. Mới sáng sớm, năm anh chàng của VNCH bị một cô CA áo vàng, chỉ huy sai bảo "tóe phở , móc lỗ cống này, quét con đường kia, dọn đống rác kia, khênh cái sạp này v.v. . . Bao nhiêu bà con qua lại chợ búa, họ đều nhìn với những nét mặt trầm tư, những đôi mắt cảm thông với những người đã chiến bại.

Riêng tôi, vừa làm vừa ngắm nhìn từng căn nhà góc phố, từng chiếc lều, từng gian hàng của ngôi chợ, tiếng chuông lanh lảnh, thánh thót của nhà thờ Nam Hòa. Tất cả là quê hương, là ruột thịt của tôi, tôi sắp phải lìa bỏ, từ giã để ra đi đến một phương trời chưa biết.

Cô Ngọc Anh nhìn tôi hôm nay, tôi cảm thấy có một chút lạ thường. Cũng khuôn mặt chiếc bánh "xèo" vừa lửa, vàng ươm ánh lên nét mời mọc, tôi nhìn cô như muốn nói "cảm ơn" tối hôm qua tôi trình diện xin chữ ký của cô. Được thỏa thuận của bốn anh kia, tôi đề nghị hôm nay lao động sớm hơn một giờ, từ 7 đến 11 giờ thay vì trước đây 8 – 12 giờ. Cô đã nhìn tôi đăm đăm và gật đầu. Ngoài ra như tôi muốn ghé vào tai cô thì thào: "Hôm nay lần cuối, xin giã biệt cô bánh "xèo" nhé !"

Vì đã hẹn trước với thằng Lợi, vừa dứt điểm LĐXHCN, tôi "nhót" lên yên chiếc xe đạp phóng về khu Thanh Đa, cầu Kinh. Trước ngày đi, gặp nhau để xác định mấy điều quy định.

Hôm nay thằng Lợi có việc phải sang cầu ông Lãnh, chiều mới về, nó bảo tôi phải chờ nó về ! Tôi rủ cháu Lượng và cháu Luyện ra cầu Kinh chơi, mấy chú cháu vui đùa bên ven bờ dòng sông. Nhìn con sông nước chảy hiền hòa, với những khóm dừa nằm ngả bóng hai bên bờ. Xa xa mãi sâu phía trái tôi nhìn rõ, những trái chôm chôm và mãng cầu, dòng liên tưởng của tôi một thoáng giật lùi lại hơn hai mươi năm trước ở Lái Thiêu Bình Dương, với những ngày cuối tuần đầy hoa mộng thời niên thiếu cắp sách đến trường. Tôi quay lại hỏi hai cháu, tay chỉ về phía những chòm cây xanh um:

- Các cháu có thích đến xem vườn chôm chôm đó không?

Cả hai đứa đều hớn hở ra mặt, thằng Lượng dõng dạc:

- Chúng cháu thích lắm chứ! Bố cháu không chịu dẫn chúng cháu đi!

Vừa đi tôi vừa nói, như vui đùa:

- Bố các cháu là người ham việc, còn chú lại ham chơi, nên mới không có tiền !

Đến gần vườn trái cây, nhìn rõ toàn bộ có một vẻ không có người chăm bón, một vài cành cây gẫy, thậm chí có một cây mận (roi) đã đổ nằm ngang lối đi. Đây đó cỏ đã trườn ra nhiều khoảnh, một ông già quấn khăn rằn, nằm hút thuốc rê phì phèo trên một chiếc võng đang đu đưa. Một căn nhà hai gian, vách gỗ lợp ngói úp, ở sâu mãi giữa vườn. Chú cháu dõi theo tiếng con chim chèo bẻo đang chuyền cành, thỉnh thoảng lại kêu lên hai tiếng: u. . .tí. . . .u. . ..tí. . . .Càng gần đến chiếc võng của ông già chừng ngoài sáu mươi, tôi hơi nghiêng mình nhã nhặn chào, khi thấy ông già quay ra:

- Thưa bác nằm nghỉ trưa?

Mặt ông già đang tươi tỉnh, nghiêm hẳn lại rồi tỏ ra lạnh lùng:

- Ừa……..ừa……..?

Hơi ngạc nhiên, nên tôi hỏi tiếp:

- Vườn trái cây của bác, hình như không có người chăm sóc?

Ông già nhỏm hẳn người, ngồi dậy. Nói như phì ra từ một niềm ẩn ức ở trong lòng:

- Vườn cây của người ta như ni, lại bắt gộp vào làm hợp tác xã Hai năm nay, tôi không mần nữa!

Để xem lòng dân miền Nam, tôi nói mà như hỏi:

- Các bác nông gia không đồng ý, sao không biểu tình phản đối?

Ông già bỏ cả hai chân xuống dép, đứng hẳn lên:

- Chế độ cũ thì mới biểu tình được, chứ chế độ này có cho biểu tình đâu! Xã này đã bẩy người bị bắt rồi!

Thấy hay hay, tôi chân thành nói thực về tôi:

- Cháu mới ở tù ngoài Bắc về, nên nhiều điều không biết, hôm nay chỉ vì theo tiếng hót của một con chim nên lạc vào vườn, để gặp bác.

Ông già đổi thái độ ngay, ông nói lẹ mà như rống lên:

- Chèng đéc ơi! Tôi tưởng cậu là cán bộ cỡ của miền Bắc chứ! Cậu nói tiếng Bắc " rặt "!

Ông già kẻo tay tôi, rồi nhìn hai cháu Lượng, Luyện:

- Con của cậu đấy hả?

- Dạ, con của người bạn! Cháu chưa có gia đình!

Thế là ông già lại thắc mắc: "Trông đã bốn mươi mấy rồi, sao lại chưa có vợ? ". Cứ chuyện này lại ra chuyện kia, để rồi ông già tên là Huỳnh Đức kéo tay tôi vào nhà giới thiệu bà vợ, cũng hiền hậu, ông Huỳnh Đức cũng nói thực:

- Trước 1975, năm ông đã che giấu nhiều cán bộ cộng sản , ông có hai đứa con trai đã theo vào bưng vừa bị hạ tầng công tác do bản thân chúng nó, và của nông gia chúng tôi. Bây giờ chúng tôi chẳng cần trồng cấy, cây trái nào ra bao nhiêu, hái mà hưởng, chúng tôi đã hiểu rồi!

Ông bước vào buồng loay hoay một lúc, xách ra một cái túi bao tải con, đặt trước mặt tôi:

- Cậu mang về cho lũ nhỏ ăn chơi!

Tôi không thể từ chối, cuối cùng tôi đã phải mang về một túi lớn ổi, chôm chôm, mãng cầu. Tôi thăm hỏi bác già Huỳnh Đức để hiểu thêm tâm trạng của người dân Nam bộ. Tôi đã hiểu ở miền Bắc, mấy chục năm dưới sự kìm kẹp hà khắc của VC, hầu hết người dân đều căm phẫn, phản đối. Nhưng với cái tài lắt léo, chuyển đổi, hóa giải có một không hai của tụi lãnh đạo VC, kết hợp với khẩu súng và trại tù, nhân dân cũng đành chịu đói khát lầm than.

Cái tài mà ngay mới đây – đầu 2004 trên intemet- bà Dương Thu Hương, một văn sĩ trong lòng của chế độ, do chính chế độ VC đào tạo đã viết và phát biểu: *" Tháng ….1989, cả thế giới loài người đã xôn xao, ngạc nhiên ghê tởm lên án nhà cầm quyền của Trung Quốc, đã đàn áp đẫm máu dã man ở Thiên An Môn. Đã dùng xe tăng, súng lớn bắn xả vào đám biểu tình của sinh viên và người dân tay không, của Trung Quốc.*

Thằng Lợi đã về, điều nó căn dặn chính là khi xuống thuyền, tuyệt đối không để ai biết sự quen biết giữa tôi và nó. Ngoài ra, chị Lợi đưa cho tôi một cái nhẫn vàng hai chỉ với lời dặn dò thân tình:

- Anh hãy cất dấu kỹ, trong cái thế chạy trốn, hay bị bắt, hãy đút cho công an mà chạy.

Một điều nữa, chị Lợi sẽ tùy theo, cách vài tháng sẽ đưa gạo xuống cho ông bà cụ. Tôi từ chối là tôi đã giả dối với bạn, nhận thì lòng tôi cũng không nín được tiếng thở dài, cho cái hèn, kém của mình. Theo sự nhắc nhở cuối cùng của thằng Lợi, đúng 5: 00 chiều ngày 14 – 1 – 1981, tôi sẽ đón một chiếc xe hàng QH trên cầu Trương Minh Giảng. Khi lên xe, có người hỏi thì đưa miếng bìa con mầu vàng có chữ Huế+ Qui Nhơn (nét chữ của Lợi) cho họ, khi đi qua đồn Cỏ May, xe sẽ đậu ở chỗ qui định. Lúc ấy sẽ có người đón đưa, như vậy, mỗi người đi đều có sự dặn dò, qui định đón, đưa riêng.

Sáng ngày 14 trước khi tôi đi làm tổ mành trúc, tôi đã căn dặn mẹ tôi những điều cần thiết. Buổi trưa, sau khi cơm nước xong, tôi vào ôm cổ mẹ tôi, rồi thầy tôi, không hiểu ở nhà mẹ tôi có nói gì với thầy tôi không? Khi tôi ôm cổ thầy tôi, thầy tôi cứ ôm tôi mãi, người không chịu bỏ tay ra, miệng thì cứ run rẩy thều thào:

- Con đi…..Chúa phù hộ……..cho con!…….

Trong khi nằm trong buồng, mẹ tôi bắt đầu khóc lóc, gào lên:

- Mày là thằng con bất hiếu! Mày không giúp đỡ tao thì thôi chứ, mày còn ăn bám mà không biết nhục à ?

Ba giờ, tôi xách xe đạp và chiếc túi có bộ quần áo cũ ra khỏi nhà, trước những con mắt của một số người hàng xóm chung quanh. Các khâu, đoạn đều như dự trù, chỉ lúc qua đồn Cỏ May, trình giấy tờ sao đó, lằng nhằng đến 20 phút. Tôi không hiểu móc ngoặc, hay đàn xếp giữa CA và bến bãi ra sao? Khoảng 10 giờ, họ dẫn nhóm chúng tôi 7- 8 người theo họ ra thuyền.

Việt Nam cũng có Thiên An Môn, nhưng những nhà lãnh đạo của CS Việt Nam đã chặt, đã băm Thiên An Môn Việt Nam ra hàng nghìn mảnh, rồi họ ngâm dầm vào thuốc mê và thuốc độc, sau đó họ rắc vào khắp người dân, nên đã tan biến. Không một ai hay, thế giới lại càng mù tịt. Riêng về lãnh vực này, những nhà lãnh đạo của Trung Quốc phải cắp cặp sang, để những nhà lãnh đạo Việt Nam dạy cho ".

- 29 -

RA KHƠI TÌM TỰ DO

Trời tối đen, chúng tôi cứ đi mãi, hơn một giờ sau đến một vùng sông nước, họ nói sắp tới thuyền rồi, tuyệt đối im lặng! Khi tôi trông mờ mờ một con thuyền ở một bến sông, thì có tiếng cháu Thủy nho nhỏ (con gái lớn của Đạt) "chú Bình đâu?" Cũng lúc ấy, chiếc thuyền đã nổ máy.

Nhiều dòng người túa ra hỗn độn tranh nhau để xuống thuyền. Bất ngờ, một người ôm chầm lấy cổ tôi, có tiếng hổn hển sát tai tôi: "Cháu sợ quá! Chú Bình ơi!" Tôi đã biết là cháu Thủy, có cả thằng Thắng nữa. Tôi hiểu lúc này phải tranh thủ lên thuyền, con Thủy cứ nằng nặc ôm cổ, bắt tôi cõng qua một lỗ lội. Tay dẫn thằng Thắng, con Thủy ở trên lưng, trong những giây phút hối hả. Trên thuyền lại có tiếng vật lộn cãi vã, tôi cũng mệt quá rồi, tôi đặt cháu Thủy xuống và cao giọng:

- Các cháu leo lên thuyền, tìm chỗ ngồi đã.

Tôi hỗ trợ đẩy hai đứa lên thuyền. Con thuyền rất là "khẳm" lại chòng chành vì xô xát, có nhiều tiếng hô, tiếng quát, như đánh nhau:

- Không xuống nữa, thuyền đắm chết hết bây giờ?

- Lái thuyền ra đi!

Ồn ào, lộn xộn, thằng Lợi cầm vào tay tôi, nói khẽ:

- Mày đi, tao dẫn con tao lên bờ! Mày là đại diện thay tao!

Không còn kịp nói gì với nhau, thuyền quay mũi, rời bến, tiếng máy rú to dần, tôi nằm một góc. Ở dưới hầm thuyền la liệt, hỗn độn đầy người. Thuyền chạy chừng được một giờ thì có hai tiếng súng CKC, có tiếng ai nói hốt hoảng:

- Công an gọi vào!

Tôi nhoi lên nhìn ra ngoài, một ánh đèn xa xa trong chỗ tối đen, tôi dự đoán đây là cửa sông, ra biển. Tôi không hề biết ai với ai trên thuyền, nhưng vì mạng sống của chính mình, tôi nói to như ra lệnh:

- Cứ tăng ga, phóng ra khơi!

Con thuyền lồng lên rồi rẽ sóng, lại hai phát CKC nữa. Mặc! Thuyền vẫn phăng phăng, hướng về phía Nam. Sóng biển đã làm cho con thuyền chồm lên lắc lư. Cái nhược điểm say sóng cố hữu của tôi đã bắt đầu. Người tôi đã thấy nôn nao, khó chịu, tôi đã tìm được một chỗ nằm yên. Cháu Thủy từ một khoang bên mò sang bên này gọi:

- Chú Bình nằm ở đâu?

Tôi giơ một tay, dưới ánh sáng đèn dầu mé vách, cháu đã nhìn thấy, cháu bước qua một số người để đến bên tôi. Người tôi đã nôn nao quá rồi, mà phải đỡ cho cháu Thủy nằm bên cạnh. Tôi xin cảm ơn cháu Thủy, đã tin tưởng và quý mến tôi. Cũng đã có nhiều người nôn ọe góc này, chỗ kia, mùi của nôn mửa đã nồng nặc cả con thuyền.

Tôi muốn đẩy cháu Thủy đi chỗ khác, tôi không muốn mùi nôn ọe của tôi để cháu Thủy kinh tởm, tay tôi đẩy cháu Thủy đi, miệng chỉ mới nói: ” cháu đi chỗ ….. ” thì tôi đã ồng ộc nôn cơm cháo ra rồi. Cháu Thủy và ai ở chung quanh cũng sợ dãn cả ra, cháu Thủy đã sang khoang khác, mà tôi vẫn còn tiếp tục nôn, mật xanh, mật vàng. Chuyến này tôi cũng xin cho ra hết, giống như ngày tôi đi con thuyền xâm nhập miền Bắc đầu 1962.

Có tiếng ai nói ngắt quãng:

- Đã ra….. Hải …….phận Quốc Tế…… rồi!

Con thuyền càng chồm lên, nhào xuống, tiếng nôn ọe đây đó càng dồn dập, tôi thì rũ rượi như con gà ” rù “. Do tôi nôn mửa nhiều, mùi chua khăn khẳn nồng nặc, dù chật chội, nhưng lớn bé ai cũng sợ tôi, họ đều cố nhích xa tôi, nên chỗ của tôi tương đối thoải mái nằm.

Thuyền đã chạy được gần hai giờ, chẳng ai nói ra, tuy sóng càng to, gió càng lớn nhưng trong lòng của mỗi người nỗi lắng lo bị CA bắt đã nhỏ dần. Đây đó đã nghe tiếng trẻ con khóc, tiếng gọi tên nhau í – ới. Một số người đi từ khoang này sang khoang thuyền kia, ngơ ngác sục sạo tìm người thân.

Con thuyền vẫn tròng trành lắc lư, nhấp nhô, tôi lại phải bò dậy để nôn nữa, ruột gan của tôi như xoắn quắt lại để nôn. Tôi có cảm tưởng tôi phải nôn cho ra hết cả bộ ruột, dạ dầy, phèo phổi của tôi. Cái bệnh say sóng này cũng thật lạ kỳ, không phụ thuộc vào trẻ hay già, phụ nữ, đàn ông, khỏe hay yếu, có thể do tính chất máu của mỗi người. Có nhiều người quay lại, ngó ngấp nhìn tôi . . . . . Mặc, tôi lại nằm đổ vật ra ! Có tiếng nói từ sàn thuyền vẳng xuống:

” Đã đi ngang qua Côn Sơn rồi ! “

"Trời …….đã sáng ……rồi!"

Như có một nguồn sinh lực bừng lên trong người, tôi ngồi dậy và xem đồng hồ tay: 4 giờ 30 phút sáng ngày 15/1/81. Có lẽ tôi đã nôn thốc, nôn tháo nhiều lần, để rồi không còn gì để nôn ra nữa, nên người tôi tỉnh dần. Nhưng yếu tố chính là: Nỗi lắng lo bị bắt đè nặng trong lòng, đã nhẹ đi và niềm hy vọng của ngày mai, nơi phương trời càng lớn dần lên. Giọng nói khi nãy từ sàn thuyền lại vọng xuống:

- Thuyền đã đi qua Côn Đảo rồi!

Qua những khe hở của vách thuyền, ánh sáng đã vàng ửng lên, chắc mặt trời đã chui lên khỏi mặt biển. Đầu óc của tôi đang lần giở lại hình ảnh đêm vừa rồi, thằng Lợi và các con của nó, đã lên bờ trở về. Tôi chợt nhớ tới cháu Thủy và Thắng, con của vợ chồng Đạt nằm ở đâu? Như thế, chỉ còn hai cháu đi theo tôi. Chỗ này, chỗ kia bà con đã lấy thức ăn, thức uống ra để giải quyết cái dạ dầy của mỗi người, hẳn nó đã nhắc nhở. Trong túi của tôi có một cái giò lụa và hai cái bánh giò, do mẹ của tôi chuẩn bị, nhưng tôi chả cần ăn và cũng không dám ăn. Tôi đã có chút kinh nghiệm say sóng, trong những lần đi thuyền ra Bắc, không ăn lại khỏe người hơn là ăn.

Phần vì, tin tưởng con thuyền đã ra khỏi tầm kiểm soát của bộ đội, công an Việt Cộng. Phần vì, cả một đêm trắng chạy, chui rúc, bờ bụi, sợ hãi, lo âu. Phần khác nữa, say sóng nôn mửa suốt đêm, tôi nằm vật ra, lịm đi lúc nào không hay. Khi tôi mở mắt ra, lại thấy tối lờ mờ, tôi giơ tay cố hướng về chiếc đèn dầu, treo mé vách thuyền: 4giờ 30, tiếng máy thuyền vẫn rổn rảng lẫn với tiếng dạt dào của sóng biển.

Tiếng ọc ạch, nhóp nhép của sóng nước đập vào mạn thuyền làm tôi tỉnh ra thêm. Tôi nằm lắc lư theo con thuyền, óc phân định thời gian và sự việc, tại sao lại 4giờ 30? Phải chăng đã qua một ngày mà tôi không biết? Thiếp đi là đêm, tỉnh ra lại là đêm mà đồng hồ chỉ kém giờ hơn. Như thế, ít nhất phải qua một ngày rồi. Trời sáng lại dần, và lại đã có ánh nắng. Tiếng máy thuyền tự nhiên như mắc nghẹn, rồi hồng hộc lên, con thuyền rùng lên bần bật, tiếng máy như hết hơi, thở hắt ra rồi im bặt. Nhốn nháo, mọi người đều trợn mắt nhìn nhau, ngơ ngác. Tôi cảm thấy một sự bất thường, ngồi nhổm dậy, chung quanh tôi người chật như nêm cối, đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn nằm ngổn ngang. Tôi lảo đảo đứng dậy, tìm chỗ mò lên sàn thuyền. Không khí trong lành của biển khơi như chui nhào vào trong phổi, tôi tỉnh hẳn. Trên sàn thuyền, cũng lố nhố đầy người đang đổ dồn mắt về khoang máy của chiếc thuyền. Ba người, đầy dầu mỡ từ trong khoang máy bước ra, mặt tái nhợt, một người thốt cao giọng:

- Máy bị lột "dên" rồi!

Tiếng la hét, trong đám đông lố nhố:

- Có sửa chữa được không?

- Chạy tối đa. . . quá sức mà !

Tôi chả hiểu lột "dên " là thế nào, nhưng những người xử dụng máy đã không có kinh nghiệm, bất cứ một loại máy móc gì để tối đa "gas" mà chạy mãi, thì phải hư là đương nhiên . Ngay con người cũng thế, chạy tối đa một lúc thì phải nghỉ hay chậm lại nếu không thì chỉ có lăn đùng ra mà "xỉu". Bốn, năm người túm lại khoang máy kìm, búa, mỏ lết, hì hục hàng giờ cũng đành bó tay. Một người nói to như "phì" nỗi tuyệt vọng ra cho mọi người:

- Máy đã lột "dên", chỉ có về xưởng máy "đại tu" mới sửa được!

Mặt trời đã quắc mắt như giận dữ nhìn theo mọi người trên sàn thuyền, con thuyền trở thành "vô định" giữa đại dương. Chung quanh, trên dưới chỉ có nước với trời, như trên hành tinh này có mỗi con thuyền "vô định" này mà thôi. Mặc cho gió, mặc cho sóng đẩy thuyền đi rồi lại đẩy về, như vậy con thuyền đã chạy được hai đêm và hơn một ngày. Không một ai biết con thuyền đang ở vị trí nào? Một khi không biết rõ vị trí, thì đều trở thành suy đoán mò linh tinh.

Người thì bảo có thể đây là bên ngoài Căm Bốt, người thì nói đã ở trong vịnh Thái Lan, có người còn bảo, có khi đã gần Mã Lai rồi. Khoảng 12 giờ trưa, phần vì niềm tuyệt vọng đã tràn ắp lòng tôi, rồi lại không có một cái gì trong bụng kể cả nước. Tôi chui xuống hầm thuyền, tìm về chỗ cũ nằm vật ra, tôi chợt nhớ đến cháu Thủy và Thắng từ hôm qua, tôi chưa biết các cháu ở chỗ nào?

Con thuyền dài chừng 15- 16 mét, rộng khoảng bốn mét rưỡi đến năm mét, có khoảng bốn, năm chục người cả trẻ con. Nghĩ đến cái giò lụa và hai chiếc bánh giò trong cái tay nải, tôi không dám ăn. Từ hôm trước tôi nhìn hai đứa nhỏ cứ quấn quít lấy mẹ nó, một bà chừng 35 tuổi, nửa tỉnh, nửa quê của miền Nam. Tôi lôi cái giò và cái bánh hãy còn thơm mùi lá, cầm ở tay ngập ngừng, người mẹ và hai cháu nhỏ đều nhìn tôi. Tôi cười, rồi hỏi dè dặt:

- Tôi không ăn, chị có thể vui lòng cho hai cháu ăn dùm?

Mặt hai cháu nhỏ tươi hơn ra, nhưng chị ấy lại ngần ngừ, tôi cố nhoài người sang đưa hết cho hai cháu nhỏ. Chị cầm giò và bánh, không nói gì nhưng ánh mắt của chị, như thay cho một lời cảm ơn! Người chồng ngồi dậy. nói với giọng trìu mến:

- Anh hai cố ăn "dô" đi, anh có ăn gì đâu!

Mặt người nào cũng hốc hác, quần áo tả tơi, đầu tóc rối bù, mới có hai ngày, hai đêm, mắt ai cũng lỗ đáo vào, trắng nhợt ra. Tôi cố đứng dậy định lần sang khoang phía cuối thuyền, để tìm cháu Thủy, Thắng. Đây đó những bãi nôn mửa, vỏ chuối, lá bánh thậm chí cả những "băng màn"của phụ nữ, đầy máu. Tôi lại quay về nằm vật ra, nghĩ đến tất cả những người này, trong đó phải có tôi xin về lòng đại dương, và xin hiến tặng những thân xác này cho những ông cá, bà cá, chúng tôi xin về nơi vĩnh hằng.

Buổi sáng ngày thứ ba (17-l), con thuyền vẫn tròng trành theo sóng biển, tôi mệt quá cũng chẳng muốn bò dậy làm gì. Có lẽ vì không ăn uống, nên tôi cũng không cần đại, tiểu tiện ba bốn ngày. Đồng hồ đã 6 giờ, khi tôi trở mình, ngay ở lòng (bụng) tôi có một hộp sữa ông Thọ. Tôi tưởng trong mộng mị tưởng tượng, tôi ngồi hẳn dậy ngơ ngác nhìn mọi người chung quanh, tay tôi vẫn cầm hộp sữa. Khi hai vợ chồng anh chị người Miên quay lại, tôi giơ hộp sữa lên, hỏi:

- Có phải của anh chị không?

Nhưng cả hai anh chị đều thiểu não lắc đầu, thấy hai người và nhiều người khác cũng rũ rượi và mệt mỏi, tôi chả hỏi nữa. Tôi cầm hộp sữa tới khi trời sáng hẳn, và tôi cũng tỉnh hẳn người. Không biết của một ân nhân nào? Tôi nhìn ai, khi họ quay lại, tôi cũng nghĩ là của người đó, nhưng rồi khi tôi hỏi, họ đều mệt mỏi lắc đầu. Thôi cứ cho là một ông tiên hay một bà tiên cho, bây giờ tôi đang cần cứ dùng đã. Vị ân nhân nào cũng sâu sắc thật, vì không ra mặt nên bắt người nhận, cho tới chết mới quên được. Tôi đã dùng một mũi dao díp dùi lỗ và như một thần dược, bây giờ tôi nhìn cái gì cũng rõ ràng. Hôm qua, hôm kia, nhìn ai cũng lờ mờ như có mưa phùn. Tôi ngồi lắc lư nghiêng ngả, hồn như lạc vào chốn "Thiên Thai". Trên sàn thuyền rộ lên tiếng reo hò của đàn ông, phụ nữ:

- Có tầu ngoại quốc?

- Đứng lên chỗ cao mà vời!

Tôi nhào lên như có lò so, chẳng biết là Đông, Tây, Nam, Bắc (thuyền quay lung tung mà không có điểm tựa). Mắt thường nhìn sát phía chân trời, có một chấm trắng dài di chuyển. Gần hai chục người đứng trên sạp thuyền, đều giơ tay vẫy vời, cả tôi cũng vung vẩy như muốn nhẩy lên vì mừng, có tiếng nói như gào:

- Đem trẻ con lên đây, cho tàu nhìn thấy, nó mới tới cứu!

Người cởi áo trắng, áo đen, khăn đỏ ra vẫy, vung tứ tung. Thậm chí, có người còn quấn một cái khăn bông trắng, vào đầu chiếc đòn gánh giơ cao lên ngoáy, vẫy. Chấm trắng càng lúc càng mờ, rồi mất hẳn. Mặt trời lặn dần xuống biển, mọi khi thì tôi say sưa ngắm, nhưng lúc này thì hoàng hôn, hay bình minh cũng mặc. Nhìn bốn, năm cậu thanh niên, cường tráng thật khỏe mạnh, một áng liên tưởng về mình, trước những ngày xông vào vùng bão lửa, tôi mỉm cười với các cậu. Sau khi chuyện trò, vì là cùng hội, cùng thuyền tôi biết một cậu tên là Bạch ở bên khu Bình Xuyên, hai cậu nữa là Triết và Thâu dân chài lưới của Nghệ Tĩnh. Trông cậu nào cũng khỏe mạnh và đầy sức sống, dăm ba câu chuyện đổi trao, tôi thấy mến các cậu, và các cậu cũng thích nghe tôi nói chuyện.

Từ khi tôi biết có chuyến đi, tôi đã nhuần nhuyễn một "vỏ bọc": " Tôi theo bố mẹ di cư vào Nam, bố mẹ đã chết hết, nhà nghèo, tôi đi làm thuê, làm mướn, nay học được nghề mộc. Thường người ta đóng thuyền, đóng bè, ai mướn tôi cũng làm để sống, biết làm tính cộng, tính trừ, học hết tiểu học. Mánh, thấy cái tầu này vượt biên thì tôi "căn me "(Không có tiền, thấy thuyền nào đi, thì lẻn trốn lên), may ra đi được nước ngoài, thì đỡ khổ".

Đại cương, tôi lựa trong tư thế đó để nói chuyện với mọi người trong thuyền. Buổi chiều hôm ấy, tôi thoáng thấy một vấn đề sinh tử trầm trọng, cho mọi người trong thuyền. Qua năm sáu cậu tôi quen, tầu có 43 người, gồm cả gia đình chủ tầu. Đàn ông con trai 16 người, năm sáu ông già, bà già còn lại hầu hết là đàn bà, con gái và trẻ em. Từ mấy ngày qua, đây đó, tôi đã thấy những bà mẹ dội nước, từ những chiếc thau con tắm rửa kỳ cọ, cho những cháu nhỏ. Có những bà, những cô gái, cắm cúi rửa mặt ở những chiếc thau nhôm con.

Sáng tối, đêm ngày, tôi để ý ở trong góc, khoang giàn máy, có một bồn nước nhỏ tròn, nằm dài chừng 2 mét, cao khoảng 1mét. Mọi người đều đến múc nước, rửa ráy hay uống ở đấy. Tôi được biết bồn nước ấy là toàn bộ nước ngọt, để giải quyết ăn uống cho cả thuyền. Không hề có một ai trông coi, quản lý, mạnh ai đến lấy nước giải quyết cho cá nhân.

Con thuyền đã trở thành vô định, cả về thời gian (chưa biết đến bao giờ), về không gian (chưa biết sẽ trôi dạt về đâu), chỉ một trận cuồng lộ, giận khùng của biển khơi. Thuyền chạy, thì khả dĩ phần nào chống đỡ được với mưa bão, cuồng phong; thuyền chết máy, như chiếc lá trôi dạt giữa đại dương, ai cũng đã thấy chắc chắn nó sẽ xuống đáy đại dương, mà nằm. Sự sống và chết cho cả con thuyền, thế mà không một ai để ý đến. Tôi đến bồn nước mở nắp, quan sát, lấy que thăm đò, mới có hai ngày ba đêm mà nước chỉ còn một phần ba của bồn. Dung tích của cả bồn chỉ vào khoảng gần hai mét khối nước, bây giờ chỉ còn một phần ba thì còn lại bao nhiêu nước? Cứ cái đà như mấy ngày nay, có thể ngay chiều nay, hay ngày mai là hết nước.

Về ăn, do thực phẩm của mỗi người, của mỗi gia đình mang theo còn có thể e dè tự túc. Nước uống mà hết, thì sẽ thấy tình huống ra sao? Tình trạng hiện nay của con thuyền, chỉ có trời mới biết.

Mấy cậu thanh niên, cũng theo tôi đang đứng chung quanh bồn nước. Những bà con ở trong khoang thuyền ấy, sau khi hiểu ra vấn đề, đều thấy rất nghiêm trọng về chuyện nước nôi. Một cụ già chừng sáu mươi lăm tuổi, đầu đã bạc trắng, hai má đã hóp lõm vào, nhưng đôi mắt vẫn còn sáng long lanh, tiến lại chỗ bồn nước. Giọng nói của cụ, tuy khàn khàn nhưng rất dõng dạc:

- Đây là sự sống và chết của cả con thuyền, các ông phải có biện pháp thế nào. Tôi thấy nhiều người đến đánh răng, rửa mặt, dùng nước rất là phung phí, nhất là ban đêm.

Tôi thấy sự việc này phải giải quyết hôm nay, và ngay từ bây giờ, tôi và nhiều người thấy cần mời chủ thuyền đến để bàn biện pháp. Cậu Triết đã nhanh nhẩu, lên chỗ phòng hoa tiêu một lúc, rồi đi xuống cùng với một ông chừng hơn bốn chục tuổi. Tôi được biết chủ thuyền tên là Cường, sau khi ông Cường nghe mọi người nói, ông đã hiểu. Chính ông, đã tỏ ra tự trách đã không để ý đến và không ngờ, lại nghiêm trọng như vậy. Nhiều ý kiến giống nhau và khác nhau, cuối cùng đều thấy cần thiết, phải có một người, điều hành quản lý nước.

Ồn ào, xôn xao bàn tán, ý kiến đa số, kể cả ông Cường, chỉ định tôi là người chịu trách nhiệm, quản lý và điều hành. Tôi tự thấy không thể đảm nhận được, vì tôi say sóng, nhiều lúc ngắc ngư "con tầu đi", tôi thấy chính ông Cường làm công việc này là đúng và thích hợp. Nhưng ông Cường đã giẩy nẩy từ chối, vì hiện nay vợ của ông đang sốt nặng. Hai ngày nay không ăn uống gì ông thường xuyên phải săn sóc.

Tôi hiểu chẳng một ai muốn làm cái công việc "không đâu" này. Bận rộn và mất thời gian, nhất là trong lúc cuộc đời có thể đi "đứt" nay mai. Phải là một người có ý thức trách nhiệm, với tập thể chung quanh mình. Ông già bạc đầu, hõm má khi nãy đã để hai tay vào hai vai tôi, nói khàn khàn không ra hơi:

- Anh đừng ngại khó, ngại khổ giúp bà con trong thuyền đi!

Tôi đã thấy chẳng nên lẳng nhẳng, một sự việc không nên. Tôi giơ tay, nói với mọi người:

- Tôi sẽ đảm nhận với điều kiện: tất cả mọi người trong thuyền đều phải chấp nhận thực hiện, những điều đã cùng thỏa thuận đồng ý, cả chủ thuyền và cả tôi?

Mọi người nhao nhao lên đồng ý.

Tôi nói tiếp:

- Số phận của con thuyền chưa biết được kéo dài bao nhiêu ngày nữa, nước ở trong bồn đã gần cạn, chỉ còn một phần ba. Ông bà mình đã dậy: *Lúc còn thì chẳng ăn dè, đến khi hết thì ăn dè, cũng chẳng ra.* Vậy bắt đầu từ ngay hôm nay: Người lớn mỗi ngày hai ly (tôi cầm một cái ly, loại tám ly bằng một lít), một ly lúc 8 giờ sáng và một ly lúc 4 giờ chiều, trẻ con thì một ly.

Ngay bây giờ, mấy cậu Triết, Bạch và Thâu, cùng với tôi tìm cách khóa cái bồn nước. Chỉ mở lúc 8 giờ sáng, và 4 giờ chiều mỗi ngày.

Ông Cường, cứ nhìn theo tôi và các cậu loay hoay làm việc, tôi biết ông chỉ đoán tôi là một khách hàng. Tôi thì hiểu, ông chỉ có một nửa cổ phần của con thuyền, còn của thằng Lợi một nửa, mà hiện giờ tôi là đại diện, nhưng tôi cũng chả cần phải nói ra làm gì. Khoảng gần tối có tiếng hô hoán ầm ầm:

- Có tầu to lắm! Đang đến gần!

Tôi và nhiều người đều leo lên sàn thuyền, trong cái tối đen của nước và trời, rõ ràng có mấy ánh đèn sáng. Với sự ước lượng, phán đoán các điểm sáng đó, cách xa khoảng từ 8 – 10 cây số. Có người nói: "sao chúng ta không đốt lửa lên!" Ý kiến thật hay! Thế là mọi người moi móc giấy đủ loại, giấy báo, gói đồ v.v… Đốt lên một đống trên sàn thuyền, trong một chiếc mâm bằng nhôm, niềm hy vọng như tràn dâng trong lòng mọi người. Một cánh tay quàng ôm vào cổ, tôi quay lại: ồ, cháu Thủy! Thảo nào cánh tay thật là mềm và mát. Tôi cầm lấy, hỏi giật giọng:

- Mấy bữa nay, các cháu ở đâu?

Cháu Thủy nói như khóc:

- Cháu và thằng Thắng, nằm mãi trong góc phía đầu mũi thuyền.

Mọi tâm tư lúc này của tôi, đang hướng về mấy điểm sáng mơ hồ trong đêm đen, của biển trời. Tôi lấy một thanh gỗ, khều cho đám giấy trong chiếc thau, cháy to lên. Nhưng những điểm sáng, của chiếc tầu xa xôi cứ bé dần lại, để rồi mất hút vào cái tối đen vô cùng, của trời và nước. Nó cũng mang

theo, cả những nguồn hy vọng sôi nổi, của mọi người trong con thuyền vô định.

Tôi quay lại, sàn thuyền đã vãn người. Nhìn chiếc thau đốt lửa, bây giờ chỉ còn vài túm giấy cháy dở đã tắt ngúm. Những tàn than, gió lộng của biển khơi đã quét sạch, rắc trên những lớp sóng bạc đầu, đang ưỡn lên gào, gọi lại "nàng gió" ngày đêm. Tôi lần mò về chỗ, mệt nhọc chìm dần vào giấc ngủ, nhiều khắc khoải lắng lo.

Hôm nay là ngày thứ năm, lênh đênh dật dờ, trong con thuyền vô định. Nhiều người đã nằm liệt luôn, ít còn nghe những tiếng bàn tán chuyện trò. Người tôi cũng như nhão ra, chẳng muốn bò dậy nữa, hộp sữa ông Thọ tôi đã dùng quá một nửa rồi, mỗi ngày hai lần, tôi chỉ mút chừng hai thìa con, rồi tôi uống nước. Tôi xin cúi đầu cảm tạ ân nhân, đã cho tôi điều kiện để tồn tại.

Tôi nhớ buổi tối hôm qua, một chị chừng ba mươi tuổi, bế đứa con trai khoảng ba tuổi đến bên tôi, có vẻ lấm lét. Tay chị cầm một chiếc ca nhôm, to chừng ba phần tư lít. Chị đặt chiếc ca xuống cạnh tôi, tay chị moi túi lấy ra một chiếc nhẫn vàng chừng một chỉ, chị ghé sát gần tôi nói khe khẽ:

- Em biếu anh chiếc nhẫn này! Anh giúp con em, một ca nước, nó cần pha sữa !

Tôi hơi đẩy tay chị ra một chút, nhìn nét mặt nhăn nhó của chị và cháu nhỏ, lòng tôi xót xa như quắt lại, tôi lắc đầu và nhẹ nhàng: "Không được chị ơi! Đây là của chung chứ có phải của tôi đâu!"

Thái độ quyết liệt của tôi, chị đứng dậy, bế con đi luôn. Chính ngay bản thân tôi, vì chỉ có ba thìa sữa, tôi cần có đủ nước để trang trải trong cơ thể, nên thiếu nhiều lắm. Hàng ngày tôi phát nước cho mỗi người, có người uống vội vàng ly vẫn còn đọng lại vài giọt, tôi đã uống tại đấy, để lấy ly đong cho người khác. Mỗi ngày nỗi tuyệt vọng trên nét mặt mọi người càng làm tái đi, mắt của mọi người cùng trắng nhợt ra, tóc tai, quần áo càng lôi thôi, lếch thếch hơn. Đến ngày thứ năm tiêu chuẩn nước, chỉ còn một ly cho cả ngày. Nước gần cạn rồi ông trời ạ !

Gần một chục chiếc tầu, tùy theo xa gần qua lại, ngày, đêm, trưa, chiều, nhưng rồi hình như những chiếc tầu đó (không biết của những nước nào). Chúng không hề có mắt, coi như trên đại dương này, chỉ có một chiếc tầu của họ mà thôi.

Cả thuyền, người tích cực vẫy vời tầu cứu nhất, cũng phải nản lòng, hình như lương tâm của thế giới, đã bị đóng băng rồi. Tối khuya hôm đó, một trận

mưa miền nhiệt đới rào rào như đổ nước xuống, dù nhiều người đang mệt, đang ngủ đều xô lên sàn thuyền. Ai cũng ngửa đầu, hả miệng mặc cho những hạt mưa tự do rắc vào cho nó đã, nó sướng, bù lại những ngày, nước được coi như những giọt nhựa sống của con người.

Mấy đêm nay, tôi cứ nằm trằn trọc, quằn quại mãi nhìn con thuyền với 43 mạng người, cứ tiến dần đến chỗ chào từ giã cuộc đời. Bất khả kháng, nghĩ lối nào, mặt nào cũng tắc tỵ. Con thuyền từ bốn năm ngày nay cứ trôi đi, dạt về không có một điểm nào là "chắng" là "cứ" ở giữa cái mênh mông của biển cả. Ngày nào tôi cũng lên sàn thuyền, nhìn ra khắp chung quanh, cũng chỉ nước và trời.

Điều tâm lý lạ kỳ, cũng là nước biển xanh, cái mầu của những cặp thương yêu nhau mặn nồng, đã gọi là mầu xanh của "ái ân". Nhưng sao lúc này, tôi nhìn cái mầu xanh của bể khơi, tôi thấy nó đen ngòm, chứa chất bao nhiêu những huyền bí, linh thiêng đe dọa. Vì nó sắp đưa tất cả chúng tôi, sang bên kia thế giới, sẽ ngoạm và nuốt trửng, tất cả chúng tôi nay mai vào mồm nó .

Đêm khuya tôi ngồi một mình, dựa vào vách buồng hoa tiêu, để nghe những âm thanh của biển đêm. Bỗng một đàn cá to tướng, đen như mun, nhổm lên mặt nước đuổi nhau. Tôi thấy rùng mình, lạnh xương sống, tướng như một lũ ma quỷ của Hà Bá, Diêm Vương lên giễu cợt, như báo cho chúng tôi biết: "Chúng tao sắp được ăn xác chúng mày ". Cũng những con cá ấy ở bể nuôi cá, hay những vùng biển khi đi trên tàu du lịch, thấy chúng hiền lành, như một lũ trẻ em nô đùa. Thế mà giờ đây tôi lại rùng mình nổi gai ốc, vì cái uy lực huyền bí, đe dọa của chúng.

Khắc khoải trằn trọc mãi trong đêm thâu, gần sáng tôi chợt nghĩ đến một ý niệm: Tại sao không làm những cái bơi chèo? Trong thuyền có nhiều đàn ông thanh niên, mỗi người hay hai người một cái để chèo? Do mặt trời từ mấy ngày nay, chúng tôi đã xác định được Đông Tây Nam Bắc, như vậy, ít ra còn chủ động phần nào.

Chứ không như mấy ngày nay, là cái kiểu tiêu cực: "nằm ngửa há miệng, rồi chờ sung rụng". Sáng sớm hôm sau, tôi tập hợp các cậu thanh niên và chủ tàu, tôi đưa ra ý kiến. Hầu hết đều hoan nghênh và chúng tôi xúc tiến. Chủ tầu còn mấy hộp đinh năm phân khi đóng tầu còn thừa, với những thanh gỗ có thể lấy ra được của con thuyền. Tôi lại là thợ mộc, nên chả khó khăn gì, chỉ hai giờ sau đã có bốn cái "bơi chèo" cứng chắc, do chế biến. Tất cả đều đồng ý là cứ chèo về hướng Bắc, rồi tùy theo cơ trời. Chúng tôi dù muốn hay không cũng tự nguyện, xin giao cuộc sống cho đấng tối cao quyết định.

Đặc biệt những người chèo, tiêu chuẩn nước gấp đôi, nghĩa là họ được mỗi người một ly. Không có điểm tựa làm chuẩn, nhưng rõ ràng ai cũng thừa nhận con thuyền có lướt đi trên sóng. Tôi cũng được vinh hạnh mó tay chèo, tuy mệt, nhưng tinh thần của mọi người trong thuyền, được nâng cao rõ rệt. Còn thuyền đã có những nụ cười và tiếng nói, chứ không im lìm, như những ngày hôm trước.

Cho đến chiều ngày thứ sáu, tức là (ngày 20/l), vẫn cứ thay nhau tiếp tục chèo, cả đêm hôm ấy. Sáng ngày thứ bẩy, kể từ đêm 14/11, trời hôm nay đẹp lạ lùng! Nhất là vào khoảng 7 giờ sáng, có một con chim lạ, to như con chim câu, chân và mỏ đều đen tuyền, cổ có một khoanh vàng và một khoanh đỏ, cánh và đuôi màu trắng toát. Nó không hót, không kêu, chẳng biết từ đâu bay đến đậu ở cái chĩa ngang trên ngọn, của cây cột ở giữa thuyền.

Mấy ông bà già tin rằng nó mang theo cái may, cái hên cho những nơi nó đến. Nhưng tôi lại nghĩ, chim không thể ở giữa biển, mà phải ở chỗ có đất, có cây, như thế đất liền hay đảo, phải ở gần đâu đây. Chúng tôi đều căng mắt ra, nhìn khắp bốn phương nhưng vẫn chỉ là trời với nước. Tôi quay ra nói với các bạn, đang chèo:

- Xin các bạn cứ vững tay chèo? Phần thưởng sẽ đến với những người, có ý chí miệt mài, kiên định.

Con chim cứ vẫn đậu yên chỗ cũ, bản thân tôi không có cái gì, tôi quay nói to với mọi người:

- Chắc con chim này nó cũng đói! Nó phải từ ở nơi xa xôi, chỉ có một con thuyền này giữa đại dương, nên đậu đại xuống nghỉ cánh. Nó cũng có hoàn cảnh lỡ "cơ" như chúng ta, bà con ai có còn thức ăn ngô, gạo hay mì cũng được, cho tôi xin một chút cho nó !

Mọi người nhìn nhau, chẳng ai nói một câu. Tôi hiểu, chẳng còn ai có lương thực, nên tôi ngửng lên nói to với con chim. Cứ coi như là, nó hiểu:

- Chim ơi! Thông cảm nhé! Chúng tôi cũng sắp chết đói và chết khát rồi ! Chúng tôi cũng lỡ "cơ" như chim thôi !

- 30 -

CỐ GẮNG, CỐ GẮNG,

CỐ GẮNG NỮA

Một bà già tay run rẩy (chắc vì đói và mệt) đưa cho tôi hai miếng mì khô bé tí, mắt bà lại nhìn con chim! Tôi hiểu, cầm hai miếng mì khô, tôi cũng không biết làm sao cho nó ăn. Tôi buộc vào đầu một cái que một miếng, rồi giơ lên, chẳng hiểu vì sao, con chim cứ nhìn trân trân vào miếng mồi, nhưng vẫn lạnh lùng đứng yên, nó không thích ăn hay nó không ăn được? Nó cũng chẳng có thái độ gì, trong khi chính tôi, sáu bảy ngày nay chỉ có một hộp sữa, nhìn miếng mì khô, tôi cũng thèm lắm, nhưng phải mang vào trả lại bà cụ, với lời cảm ơn thay cho con chim. Khoảng gần trưa, tôi đang nằm lim dim vì mệt, thì có tiếng cậu Bạch kêu lên, như reo mừng:

- Ối trời ơi! ở đây có một hòm to lương thực!

Tôi xông đến ngay, trong một cái góc khuất, sát vào hầm máy dưới đáy của thuyền: mì sợi khô, gạo tẻ, gạo nếp v.v. .. Tôi hiểu ngay, đây là do thằng Lợi, chuẩn bị cho chuyến đi, ông Cường không hề biết, điều này đã nói rõ. Tôi suy đoán: chắc thằng Lợi lo mọi chuyện cho chuyến đi, từ máy móc cho tới khâu đóng thuyền. Ông Cường hợp đồng, chỉ là người lo bến bãi, đón khách v.v. . .

Ông Cường được nhận một số khách nào đó, theo thỏa thuận với thằng Lợi, nhưng tới ngày đi, ông Cường đã đưa quá nhiều khách để lấy vàng, lấy tiền, vì thế đã xảy ra xô xát cãi lộn, để rồi thằng Lợi đã mang con cái trở lên bờ.

Lúc này ông Cường, cũng đã xô đến nhớn nhác nhìn hòm lương thực, tôi nhẹ đưa một câu để ông Cường này biết điều một chút. Tôi nói to, cho mọi người cùng nghe:

- Cái này là do thằng Lợi đây, nó không kịp nói với tôi, thì đã lên bờ rồi.

Ông Cường đang chỉ chỏ, định giải quyết những thực phẩm đó thấy tôi nói như thế, ông ta ngừng lại ngay như bị chạm huyệt. Tôi lờ đi và nói tiếp với mọi người:

- Lương thực này là của chung mọi người trên thuyền. Điều quan trọng bây giờ là nước, nước chỉ còn đủ dùng cho một ngày nữa, ăn nhiều bây giờ, lại càng phải cần nước nhiều. Do đấy, tôi đề nghị hãy chia đều cho mỗi người

một chút, rồi từ từ theo điều kiện chúng ta giải quyết dần. Tôi xin minh định rõ ràng: Cũng như nước, quý vị đã giao cho tôi, lương thực cũng sẽ như thế.

Nói rồi tôi nhìn các cậu Bạch, Triết và Thâu, qua những buổi tâm tình các cậu ấy sẽ ủng hộ tôi. Hơn nữa, tôi làm theo đường chính, thực sự vì mọi người trong thuyền. Cụ thể sau khi tôi đưa ra ý kiến ấy, không những mấy cậu thanh niên giơ tay tán thành, ông già má hõm (sau này tôi đã biết tên là bác Kiệt) và anh chị gần cạnh tôi (người Miên) cũng lên tiếng đồng ý. Dù như thế, để cho nó êm vui, tôi quay lại nói như cùng phe với ông Cường:

-Ông Cường cũng đồng ý , giải quyết như thế phải không?

Ông Cường vừa cười vừa gật đầu, và cũng trở gót về phòng hoa tiêu. Tôi cười bước sang khoang bên, mấy bà, mấy cô, chào ầm lên như đùa:

- Chào ông thần nước!

Tôi biết là các bà đùa vui, nên tôi chỉ cười.

Tôi nhờ bác Kiệt và các cậu phân chia mỗi người một ít lương thực, tôi vẫn lưu ý là hết nước, ăn nhiều càng nguy hiểm, cho nên chỉ từ từ ít một. Mấy ngày trước, trong những lúc ngồi trao đổi chuyện trò với các cậu thanh niên, tình cờ tôi nắm được một ý là:

Cái hôm ở bến bãi lên thuyền có xô xát, lộn xộn là vì ông Cường cho khách, lên thuyền nhiều quá. Thuyền có thể bị chìm, nên thằng Lợi cương quyết không đồng ý. Hôm ấy, thằng Lợi đã mang con lên bờ, chứ nếu không, phe cánh bên ông Cường sẽ giải quyết thằng Lợi. Nghĩa là sẽ cho nó đi "mò tôm" ở ngay chỗ bến bãi. Tôi nghe mà người nóng lên và buồn cho lòng con người, dễ dàng phản nhau, chỉ vì đồng tiền. Nghe để biết vừa đủ thôi, bởi vì trong điều kiện hiện nay cứ đóng cái vai không hề quen biết Lợi là chính.

Vừa qua tôi đã hơi vội, nên đã lòi ra một chút, tuỳ theo sau này tôi phải tìm cách hóa giải, với ông Cường. Mặt khác, tôi không hề tỏ ra quen biết Lợi nhiều, mà chỉ nghe nói, khi đi đóng ghe thuê để kiếm ăn v.v. . . Vì trách nhiệm chung, cũng như nước, tôi mới có ý kiến. Tôi để mặc bác Kiệt và các cậu giải quyết lương thực, tôi cũng chỉ nhận phần như mọi người.

Con thuyền vẫn thay nhau chèo về hướng Bấc, khoảng 4 giờ chiều, con chim lạ bỗng bay đi, cũng về hướng Bắc. Như thế, càng chứng tỏ đã có chiều hướng đi đúng hướng, chỉ không biết rõ đấy là Căm-pu-Chia hay là Thái Lan mà thôi.

Mặt trời đã chui dần xuống biển, bầu trời cũng thẫm dần lại, bỗng từ phía Nam, một luồng sáng từ dưới nước chạy ngược lên trời. Mới chập tối mà đã có sao chổi đổi ngôi, tôi chưa từng được nhìn sao chổi, đổi ngôi ngoài khơi bao giờ, nên mới thấy lạ. Cậu Triết đang chèo, chạy vội xuống khoang gọi kêu rối rít:

- Có tầu đánh cá !

Nhiều người lại chạy xô lên sàn thuyền, đúng rồi xa xa rõ ràng có ánh đèn lấp loáng ở phía Bắc. Tôi cũng xô đến, tiếp tay chèo với mấy cậu thanh niên, điểm sáng càng ngày càng rõ ra, thậm chí tôi đã nhìn thấy cả bóng người đi lại. Mấy chị phụ nữ nhanh nhẩu, cho hai tay lên miệng làm loa, gào to:

- Xin cứu chúng tôi với !

- Chúng tôi không còn nước uống!

Tiếng gào lẫn vào tiếng sóng, thuyền của họ to gấp hai thuyền của chúng tôi. Có hai, ba người nhấp nhô cũng hướng về thuyền chúng tôi, nghe những tiếng ó é lẫn vào sóng gió của biển khơi. Tôi giơ một tay che gió ở tai, cố lắng nghe xem họ nói tiếng gì? Cao Miên hay Thái Lan? Vì xa đến hàng trăm mét nên, không thể phân định được. Thuyền của tôi, bà con xô lên càng đông, nhiều tiếng gào réo lên của cả đàn ông lẫn đàn bà:

- Cứu chúng tôi với! Chúng tôi không có nước uống!

Thuyền chúng tôi càng gần, đã trông rõ họ mặc quần áo đen và nâu, bây giờ thì đã nghe rõ:

- Làm sao mà cứu?

Câu hỏi bất chợt, làm chúng tôi ớ cả ra, không ai trả lời được. Chẳng lẽ nói chúng tôi đi vượt biên? Riêng tôi thì buồn và vui lẫn lộn. Tướng rằng sẽ nghe tiếng ngoại quốc: Thái Lan hay Miên, dù không hiểu nhưng lòng tôi sẽ vui biết mấy! Ai ngờ đâu lại là tiếng Việt, tiếng Việt lúc này, là tê tái lòng, chúng tôi vẫn còn trong khu vực của Việt Cộng. Rõ ràng con thuyền đó là đánh cá, cũng là lúc, tôi đã nhìn thấy một khẩu CKC ở bên vách thuyền. Tôi kéo vội tay cậu Triết, Thâu và Bạch ra sau, nói nhanh:

- Nếu họ sang thuyền mình, tôi sẽ thuyết phục họ vượt biên với chúng ta, nếu không được, tôi sẽ cướp súng của họ rồi cướp tàu Các cậu phải nhanh trí, ứng tiếp tôi nhé ! Lúc này phải liều, để tự cứu mình !

Cả ba bốn cậu đều sốt sắng đồng ý! Tôi vỗ vào vai cậu Thâu và Triết, nói nhẹ như khích lệ:

- Hai cậu đã là dân vệ xứ Bình An, của cha Quỳnh mà !

Khi thuyền chúng tôi chèo cách chừng hơn 10 mét, một người cao lớn, nói giọng chỉ huy, giơ cả hai tay, xòe ra như đẩy lại:

- Ngừng lại đấy! Không được đến gần!

Như vậy, họ đã có kinh nghiệm với những người vượt biên. Họ không sang thuyền chúng tôi, và cũng không cho thuyền chúng tôi, đến gần. Bên thuyền ấy bẩy, tám người tiến ra nhìn chúng tôi, thuyền chúng tôi bây giờ nhiều bà mẹ đã mang cả con nít lên, ồn ào hỏi han qua lại. Họ đã biết chúng tôi vượt biên, thuyền chết máy đã một tuần, bây giờ xin nước uống!

Phía trên buồng lái, mấy người ra mũi thuyền, gào sang thuyền đánh cá, để nói chuyện. (Tôi chỉ quan sát chứ không hề lên tiếng). Nội dung những trao đổi:

Nếu ai sửa được máy, chúng tôi chạy được, chúng tôi có hiện vật là đồng hồ, một ít tiền, vàng v.v. . . để trả công!

(Họ cung cấp nước, nhưng không thể sửa máy).

Chúng tôi cũng đã biết: Vùng biển này ở bên ngoài Hòn Khoai, chỉ cách HK chừng 25 cây số. Tôi hiểu HK cũng đã sát với vùng biển của Cam Bốt, nhưng vẫn thuộc hải phận của Việt Nam.

Cả một tuần lễ, con thuyền chúng tôi lênh đênh, trôi đi, dạt về vẫn còn loanh quanh trong hải phận của VN. Họ đồng ý cho nước uống, họ ném sang một đầu cuộn dây thừng, buộc giăng giữa hai con thuyền, buộc những can nhựa, thùng nhựa lân chuyền giữa hai thuyền, họ cho được sáu can nhựa nước uống.

Phải thừa nhận dòng máu Việt trong con người của họ, vẫn còn hơi hướng, mầu sắc của Âu Lạc, vua Hùng. Họ chưa mất hết như những tên Việt Cộng bị những dòng máu lai căng Cộng Sản, pha trộn vào để cạn hết tình người, không còn nghĩa đồng bào, nhìn những tình tự dân tộc như một sự cổ hủ, lạc hậu.

Bây giờ họ cho chúng tôi ba điều kiện để tự quyết định. Thuyền của họ trong đội thuyền đánh cá quốc doanh. Tôi hiểu, cái vòi hút của Đảng phải

thò tới những thuyền đánh cá này. Có nghĩa, trên thuyền ấy phải có một tên, của cái Đảng lai căng mất gốc:

1) Nếu muốn tiếp tục ra đi thì cứ tự tiện.

2) Nếu muốn họ kéo vào Hòn Khoai (họ không có trách nhiệm gì, vì họ không quen biết. Họ cứ kéo thuyền vào, giao cho đồn công an).

3) Họ sẽ kéo thuyền về Minh Hải, cũng giao cho đồn công an. Nhưng là nơi họ về, địa phương của họ.

Chúng tôi, kẻo hết xuống khoang giữa của thuyền để lấy ý kiến chung. Tôi tranh thủ trao đổi vận động các thanh niên, bác Kiệt, cả gia đình của ông Cường. Bây giờ đã có nước rồi (Dè dặt cũng được bốn, năm ngày), lương thực dè xẻn cũng còn năm sáu ngày, vậy hãy quyết tâm ra đi tiếp, cứ chèo sang phía vịnh Thái Lan. Một số thì im lặng, mấy bà có con dại, cứ nằng nặc phải quay về, tôi cao giọng nói mấy nét chính:

- Thưa bà con trong thuyền, chúng ta đã mất bao nhiêu công lao, ngày tháng chuẩn bị. Chúng ta đã bị hơn một tuần lễ lênh đênh, đói khát trên con thuyền vô định giữa biển khơi, vì chúng ta đã xác định, chúng ta không thể sống dưới chế độ hà khắc sắt máu vô thần của Việt Cộng. Chúng ta ra đi chấp nhận mọi gian khổ, thậm chí cả mạng sống của chúng ta để đổi lấy tự do cho mình, và cho gia đình con cháu của chúng ta, vậy đây mới là một trở ngại bước đầu, chúng ta đã nản lòng, sợ sệt quay về?

Ba chị phụ nữ dẫn năm cháu nhỏ ra giữa, một chị đã quỳ xuống trước mặt tôi mếu máo:

- Tôi lậy ông, hãy cứu mấy đứa nhỏ này!

Tôi choáng người, vội vàng đỡ chị đứng dậy ngay, chị nói sụt sùi trong nước mắt:

- Đi về, đàn ông thanh niên bất quá bị tù một đến hai năm sẽ được tha, đàn bà con gái thì một vài tháng, rồi cũng được về. Nhưng nếu đi, thuyền không có máy, chẳng biết đến ngày nào, không chết vì bão tố, thì cũng chết đói, chết khát. Xin các ông hãy thương mấy đứa nhỏ, chúng nó có tội tình gì, mà bắt chúng nó chết!

Cái cá tính tình cảm lố bịch của tôi lại nổi lên, tôi nhắm mắt, ngửa mặt nhìn lên phía trời cao. Đời tôi đi chiến đấu chịu bao nhiêu gian khổ là cho người khác, trường hợp này cái cá nhân của tôi đã trở thành con số không.

Tôi mệt nhọc, bước sang khoang bên, về chỗ nằm, tai tôi còn nghe nhiều tiếng:

- Thôi quay về ! Quay về ! Trong đó có cả những tiếng của những người khi sớm: Quyết ra đi!

Tôi nằm, tính toán lo lắng cho phận mình: Sẽ để tuỳ theo tình huống để ứng biến !

Khi ông Cường và một số đông xin họ kéo thuyền về Minh Hải, họ nói, còn cần ở lại đánh cá đêm nay, hai giờ chiều mai, bắt đầu quay về. Tôi cần phải ngủ, để lấy lại sức của những ngày vặn vò với số mệnh.

Sáng hôm sau, mặt trời đã dậy từ lâu, ồn ào, xôn xao ở trên sàn thuyền, người tôi cũng đã phần nào tỉnh táo, tôi mò lên và được biết thuyền bên ấy họ đã buộc hai cái thúng đậy bao tải, dù xa hàng chục mét, cũng còn thấy khói giấy dọn mơ hồ. Họ có nhã ý nấu cơm nóng cho bà con thưởng thức sau một tuần không có cơm. Quả như tôi đã suy nghĩ: Dòng máu của họ hãy còn trong lành, tinh khôi chưa bị pha thuốc mê, thuốc độc của chủ nghĩa ngoại lai Cộng Sản. Tôi chợt nghĩ đến những can dầu ở dưới hầm thuyền, không dùng đến, tôi gợi ý với ông Cường và các cậu thanh niên, nếu họ muốn, xin tặng họ, nếu không về đồn CA, chúng tịch thu cả thuyền. Mãi, họ đồng ý lấy năm, sáu can dầu trong hàng chục can, thuyền không dùng đến (mỗi can hai chục lít).

Đúng hai giờ như lời họ đã nói, họ ròng dây để kéo, cách xa thuyền họ chừng 7 mét. Quả máy thuyền của họ thật là khỏe, họ kéo thuyền chúng tôi đi băng băng. Qua một vài sự việc tiếp xúc tôi hiểu bên thuyền ấy có những người có tình, có nghĩa, có trước có sau. Tôi rất tiếc, không có điều kiện tiếp cận để tâm tình, trao đổi về kiếp sống của con người. Cho nên, điều kiện quyết định mọi sự việc trong cuộc đời.

Qua thăm dò, được biết họ sẽ kéo thuyền của chúng tôi về thẳng đồn công an của Minh Hải (vì cuộc sống, vì nồi cơm, họ không thể làm gì khác hơn).

Tình huống này tôi đã cân nhắc và quyết định. Được biết thuyền kéo về đến Minh Hải, sẽ vào khoảng 10 giờ đêm. Tôi hiểu: phải làm những cái gì người ta chưa, hoặc không nghĩ tới thì mới dễ, khi mà thuyền đã về đến đồn CA, thì khó trốn thoát. Có thể chúng có súng và còng tay mang theo xuống thuyền, chúng sẽ bắt đàn ông xuống hết hầm thuyền, rồi lần lượt chúng khóa tay từng người v.v. . . Vậy tốt nhất, bất ngờ nhất, khi thuyền kéo về đến gần đồn CA, họ phải đánh tín hiệu cho nhau (đêm tối) bằng đèn bấm, xác định khoảng cách, tôi sẽ xuống biển, lặn rồi bơi chéo về một hướng xa

đồn CA. Không ai nghĩ là tôi dám xuống ở ngoài biển, khi còn xa bờ về ban đêm.

- 31 -

NỖ LỰC ĐỂ SINH TỒN

Tính toán, cân nhắc rồi tôi âm thầm chuẩn bị, đôi dép không cần thiết, tôi bỏ vào một góc khuất, cởi chiếc quần "jean" rách, đã bạc màu, thắt chặt hai ống lên cổ. Cái giấy ra trại, cái nhẫn chị Lợi đưa, chiếc đồng hồ Seiko 5 của thầy tôi cho, tất cả tôi túm lại trong một cái túi nylon, đút gọn vào trong một cái túi con khâu ngầm trong quần đùi, rồi cài kim băng.

Nghĩ đến đôi dép để đấy không tiện, sau này CA khám thấy đôi dép, chúng nghi ngờ có người trốn, tôi đi đôi dép đàng hoàng. Trời đã cập quạng tối, tôi đến rủ mấy cậu Bạch, Thâu và Triết có theo tôi bơi vào bờ ngay từ còn ngoài biển v.v…? Cả ba cậu thấy tôi chuẩn bị, bằng những con mắt sợ sệt, e ngại, cuối cùng các cậu đều nói:

- Thôi! Anh ơi! Bị bắt một, hai năm về, tính chuyến khác, bây giờ xuống biển đêm, chả biết thế nào. Nguy hiểm lắm!

Tôi thật ngạc nhiên: Cậu Thâu và Triết đều gốc chài lưới, mà cũng rụt rè, sợ sệt như vậy. Tôi đã thấy một điểm sáng, từ trong chỗ đen ngòm lóe lên, như thế sắp tới đất liền rồi. Rồi ánh đèn bấm từ thuyền trước cũng lóe lên, biển lúc này tuy có động, sóng to, gió lớn hơn, lại có trận mưa đêm nữa, như vậy là càng tốt cho kế hoạch của tôi. Tôi phỏng đoán cách bờ chỉ khoảng một cây số hay một cây số rưỡi là cùng, tôi lại bơi bỏ xa chỗ đèn pin lóe lên, thì cho đến hai cây là hết cỡ. Tôi đã được ăn một bát cơm và một gói mì khô. Có nguy hiểm, nhưng xét cơ thể của tôi, có thể chịu đựng được cái lạnh ở dưới biển.

Tôi hỏi lại các cậu lần nữa, các cậu vẫn e ngại lắc đầu. Không thể chần chờ, bắt tay các cậu, tôi xuống vào chỗ người ta vẫn đi cầu phía khoang cuối. Xác định phương hướng, tôi tụt xuống biển, trừ ba cậu, cả thuyền không ai hay. Chìm nghỉm, sóng to gió lớn, tôi sải bơi theo sóng, áng chừng nửa giờ, tôi lặn sâu xuống, sờ chân xem có thấy đất chưa. Lặn đã hết cả hơi, chân tôi không hề chạm vào một vật gì. Tôi nhổm lên, nhìn vào phía trong, vẫn một mầu đen kịt, tôi cũng chẳng nhìn thấy hai con thuyền đâu, chỉ thấy sóng biển trắng đầu nhấp nhô.

Cứ xác định hướng ấy, bơi nữa (nếu không xác định đúng, mà lại bơi trở ra biển, thì tôi chẳng còn ngồi viết những dòng này). Tôi lại bơi nữa, cũng áng chừng nửa giờ, bỗng có một loạt súng AK 47 *pằng. . . . . .pằng. . . pằng. . . ..*vang réo vào tiếng gào của sóng. Tôi lặn vội xuống biển, tôi tưởng trong bờ CA đang nhằm bắn tôi, nhưng thấy yên. Tôi cũng thấy mệt qua rồi, vì sự

sống, tôi cố bơi nữa, tay chân của tôi đã rã rời, tôi tưởng phen này đành buông xuôi tay chân cho hết một kiếp người nhiều cực nhọc.

Giữa lúc tôi nghĩ đến mẹ tôi mù lòa, bố tôi lẩn thẩn thì chân của tôi chạm đất, tôi đã đứng được lên, nhưng người yếu quá! Một cơn sóng đánh tôi đổ nằm ra, bây giờ cả tay tôi cũng đã chống sờ thấy đất cát, tôi cố lết vào thêm để có thể nằm ra được mà không có nước. Tay tôi vừa chạm vào mấy cành lá con con, tôi hiểu là loại "đước" con thường mọc ở bờ biển. Hai tiếng súng *pằng . . . . . pằng . . . . . .* Lần này là của CKC réo vào không khí, từ ở phía phải.

Tôi suy đoán là lúc này cả thuyền đã bị bắt, sau khi CA tra xét biết là có người trốn, nên chúng tản ra các bờ để truy lùng. Vì nghĩ như thế, nên tôi vẫn cứ phải nằm ngâm trong nước biển lạnh hàng giờ nữa. Người tôi rét run, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cặp, lúc này tôi mới chợt thấy cái quần jean buộc ở cổ đã gửi nó trong lòng biển, cả đôi dép cũng không còn. Quần đùi, chân không giầy, dép với một cái sơ mi mầu "gụ" đã sờn vai. Tuy tôi ở miền Nam từ 1954, nhưng chỉ ở Sài Gòn. Có một lần xuống Hồng Ngự thăm mộ người em mới đây, chỉ ở một đêm sáng hôm sau đã trở về. Nói chung ở những tỉnh khác của miền lục tỉnh, tôi chưa hề đặt chân.

Tôi có cảm tưởng như từ thuyền đổ bộ, xâm nhập vào để hoạt động tình báo, chống CS của 1981. So với đầu 1962 tôi đổ bộ vào Hà Tĩnh của miền Bắc, nhưng lần này khó khăn hơn vì không được trang bị quần áo, và lương thực.

Một điều tôi không ngờ, và chưa bao giờ thấy, đó là muỗi. Muỗi như những đàn ong, vo vo quấn lấy mặt, lấy cổ, lấy tay và lấy chân của tôi. Vỗ, đập, đuổi, người cứ phải giẫy lên khoa chân múa tay, để xua đuổi muỗi. Đứng cũng không yên, cứ như tập võ, múa Mai Hoa Quyền. Tôi chợt nhìn mấy cành đước, tôi bẻ hai cành, mỗi tay một cành, đập và xua đuổi muỗi. Tuy có khá hơn, đỡ mệt hơn là làm bằng hai bàn tay, tôi đành chịu trận để chờ trời sáng. Thật là may, khi mặt trời bắt đầu thò lên, thì những con muỗi cũng đi đâu mất tiêu. Miền Bạc Liêu, Minh Hải, tôi đáng ghi nhớ nhất là muỗi.

Vừa quan sát, vừa nghe ngóng tôi cứ tiến dần vào phía trong, vì có một chút kinh nghiệm hoạt động nên lòng tôi cũng có phần tự tin, khi vào miền đất lạ. Tôi suy đoán, trong vùng vì có người trốn vượt biên, nên ở các chặng đường có thể có CA để ý người lạ, nhưng chắc rằng chả quan trọng như tù trốn, tuy vậy, tôi vẫn luôn luôn để ý mọi hiện tượng trên đường đi. Thực sự, tôi cũng chẳng biết đi về đâu? Chỗ nào cũng sông ngòi hay rừng non. Mãi gần trưa, chân tay đã mỏi rời, tôi đã đến một con sông to, nước phù sa cuồn

cuộn chảy, có chỗ rộng năm sáu chục mét, rải rác hai bên bờ có những chiếc vó rất to.

Tôi cứ theo bờ sông, đã có lúc tôi định bơi sang bên kia bờ, nhưng chưa biết hướng ấy đi về đâu? Điều cần là tôi phải gặp người, để lựa lời thăm hỏi. Nhìn phía trước có một căn nhà tranh con con ở mé sông, từ xa tôi thoáng thấy bóng một người đi vào. Đến gần, nhìn cái cửa phên tre khép hờ, căn nhà trơ vơ bên một bờ sông trống trơn, không có nhà cửa cây cối. Sát phía bên trong, là những ruộng bắp đã thu hoạch, sâu vào trong nữa là những cây rừng non. Chung quanh thật vắng vẻ, cạnh cái nhà nhỏ chỉ có một cái am con để một bát hương, nhưng đã tàn lạnh. Tôi chậm chạp lê chân tiến đến cánh liếp khép hờ, tôi lên tiếng cũng rề rà lửng thửng, tay đẩy cánh cửa liếp:

- Có ai …….không?

Thoáng nhìn thấy khẩu CKC dựng mé vách, một người mặc chiếc quần ka-ki xám, cởi trần chừng 35- 36 tuổi, tay đang cầm cuốn sách: "Thép Đã Tôi Thế Đấy" tôi hơi chột dạ, nhưng đã vào thì phải tiến tới .

- Chào anh ! Nằm đây . . . . đọc sách là số "dách" !

Anh ta định cho chân xuống dép, với tay lấy cái áo sơ- mi nâu có cầu vai, tôi ngồi ghệ xuống chiếc giường tre, tay lắc lắc:

- Anh cứ nằm đi! Tôi xin ngụm nước uống thôi!

Anh ta vẫn đứng lên, vào góc buồng cầm cái ấm nhôm, rót ra cái chén ở chiếc bàn con. Anh ta nhìn tôi từ đầu đến chân, chỉ qua ánh mắt tôi đã thấy anh ta đã đặt vấn đề. Đúng như vậy! Anh ta nhìn ra phía sông, nói một câu:

- Đêm qua, được báo có người vượt biên trốn !

Hơi điếng người, nhưng tôi vờ như chuyện đó, không có liên quan. Tôi cầm chén uống nước, rồi cũng nhìn ra phía sông, như nói với mình:

- Ồ! Chuyện ấy, bây giờ cũng bình thường thôi! Hôm qua họp rồi uống say quá, sáng nay một đồng chí chở tôi trên chiếc Mobylette, chết máy còn đang nằm với xe ngoài lộ. Chân đau tôi bỏ cả dép lại, khát nước và buồn ngủ quá, tôi mò vào đây. Đồng chí có biết sửa xe máy dầu không?

Anh ta quay lại nhìn tôi cười nửa miệng:

- Chắc anh hai đói, và buồn ngủ lắm?

Không gọi tôi là đồng chí, cũng không trả lời câu tôi hỏi, tôi vờ uể oải dựa vào vách, mắt lim dim nói rời rạc:

- Hôm qua . . . . . .say . . . . . nôn hết . . . . .vừa đói . . . .vừa buồn ngủ !

Anh ta đẩy cửa buồng, không quên cầm khẩu CKC đi vào, nói vọng ra:

- Còn chút bánh canh, tôi mần nóng cho anh hai!

Tôi nói như ngái ngủ:

- Ờ . ờ , xin cảm ơn….đồng chí!

Nói rồi tôi ngả ngay xuống giường nhắm mắt, chừng bẩy, tám phút. Nghe tiếng cánh cửa buồng mở, tôi vẫn nằm yên, mũi thoáng có mùi rượu, rồi đập tay vào chân tôi, anh ta giục:

- Dậy ! Anh hai . . . . . ăn cho nóng !

Tôi mệt nhọc chống tay bò dậy, có một chén rượu trắng và một tô bánh canh đang khói nghi ngút trên chiếc bàn con. Anh ta đã mặc quần áo chỉnh tề và đeo súng vào vai. Tôi như sáng mắt ra, nhìn tô bánh canh đang nóng, tôi cười với anh ta, rồi cầm chén rượu như đưa lên miệng định uống. Thực ra, để ngửi mùi rượu. Nhà quê trong lúc bất chợt làm gì ra thuốc mê? Nhưng tôi tỏ ý như chợt nhớ ra, để chén rượu ra mé bàn và cầm đũa:

- Hôm qua tại rượu, nôn hết, hôm nay không uống nữa!

Tôi ăn vồ vập, anh ta ngồi nhìn tôi ăn, rồi lại nhìn ra ngoài, về phía trái. Để cho bầu không khí bớt căng, nặng, tôi hỏi như quan tâm:

- Vụ bắp vừa qua, xã nhà thu hoạch, có năng suất không?

Anh ta thủng thẳng:

- Cũng được thôi!

- Miền Nam ta vẫn nổi tiếng cả nước, về thiên nhiên tôm cá. Trữ lượng thủy sản của con ngòi này, tôi vẫn nghe là cao nhất vùng này?

Anh ngồi nhìn tôi vừa ăn vừa hỏi, cái nhìn hơi nhíu nhíu con mắt của anh, như muốn nói với tôi: ” Hãy lo thân anh bây giờ đi! Đừng hỏi vớ vẩn nữa ! “

Nhưng anh ta vẫn tỏ ra như người hiếu khách:

- Con ghềnh Hào này, cũng như các con ghềnh khác vùng này thôi! Cuối nguồn phía Hộ Phòng, cao hơn phía trên này.

Để phòng hờ lạc hướng, tôi hất hàm ra sông:

- Thế bên kia là xã gì?

Tôi mừng, nắm được biết đây là ghềnh Hào, còn Hộ Phòng ở phía dưới là phía nào? Nhưng chưa tiện hỏi. ăn xong, bát bánh canh nóng, thật là ngon, sau này dù cả ở Mỹ cũng không có bát bánh canh nào ngon bằng (vì trong người đã có đủ chất). Tôi chậm chạp đưa bát đũa ngâm vào chậu nước có bát đĩa ở mé hè, rồi lặc lè lê bước đến mé vách cầm ấm nước, trở lại bàn rót nước uống. Tôi biết anh chẳng bỏ sót một cử chỉ nào của tôi, nhưng tôi vờ như không biết. Tôi cứ lẩm bẩm trong miệng: Ngon quá! Tuyệt quá! Xin cảm ơn. . …đồng chí!

Rồi tôi nằm vật ra tiếp tục ngủ. Chừng năm phút, anh ta đứng dậy nhìn tôi mê mệt gáy gỗ. Anh ta đến khóa cửa buồng, rồi đẩy cửa liếp ra ngoài. Ra ngoài chừng hai ba phút, anh ta lại trở lại, đứng bên ngoài nhìn qua cửa bếp vào chỗ tôi nằm, năm mười giây rồi mới vội vàng ra đi về phía trái.

Tôi bò dậy ngay, nhìn theo, phải chừng 7- 800 mét có một căn nhà con như cái điếm canh, lúc sáng tôi đã đi qua. Khi anh ta đi chừng 500 mét, tôi đẩy cửa liếp đi ra ngoài quan sát. Con sông nước đang lên to, nên có chỗ rộng bẩy, tám chục mét. Nước lên là từ ngoài biển vào, vậy phía dưới Hộ Phòng là phía phải, ngược với chỗ điếm canh. Tôi ra hẳn ngoài nhìn cho kỹ ! Chung quanh tất cả trống trơn, sát phía phải bờ sông, có một cái am con, chỉ cao đến cổ người đứng, mỗi bề chừng khoảng tám, chín mươi phân. Từ trên bờ xuống mép nước dốc ngược đến 45 độ, bờ sông toàn sỏi, đá cuội và cát.

Phía trong, có những ruộng bắp (đã thu hoạch), trong nữa là rừng non, từ căn nhà tôi đang đứng vào đến chỗ rừng non cũng hơn 100 mét. Thoáng bóng tên đó từ điếm canh đeo súng đi ra, bóng hai tên nữa ra bắt tay rồi lại vào, tên đeo súng dáng vội vàng trở về căn nhà có tôi.

Tôi suy nghĩ: Từ sau vụ 1978 người Hoa ra đi bán chính thức (nộp vàng, kim cương, tiền). Miền lục tỉnh, CA hiểu những người vượt biên, thường có vàng hay kim cương hoặc dollars. Trước đây chúng bắt được vượt biên, năm, mười tháng hay một năm, tùy theo đút lót chúng sẽ tha. Bây giờ 1979- 80- 81, CA hay du kích tính ăn "mảnh".

Nếu trường hợp nào đó, chúng vớ được vượt biên, bắt giong về đồn, vừa mất công lại chả được cái gì, nên chúng thường cho đi "mò tôm", sông rạch miền Nam thiếu gì? Khi đó người vượt biên nộp vàng, nộp tiền chúng cũng

giết. Nộp vàng xong, chúng vẫn giết, để khám của giấu đút trong người, và khỏi tố chúng sau này. Không có của đưa cho chúng, cũng bị thủ tiêu để chúng khám trong người (người vượt biên hay giấu của kỹ lắm). Chúng vừa khỏi mất công giong về đồn, chỉ cấp trên hưởng, chứ chúng có chăng chỉ một tờ giấy khen, giải quyết gì?

Tên đeo súng đã về gần tới nơi, tôi nhìn khắp không có chỗ nào ẩn nấp, dù bơi sang bên kia cũng không kịp. Tôi chạy ngay ra chỗ chiếc am, nơi mé sông: nhìn vào chiếc am con, có cái bệ ở giữa, để mỗi bát nhang. Nhang cắm năm, bẩy cái, nhưng đều đã từ lâu, hương tàn khói lạnh. Một người không thể chui vừa vào trong am.

Trời nắng chang chang, khoảng 1- 2 giờ trưa. Tên đeo súng, đẩy cửa liếp vào nhà, chừng 30 giây, chắc nó tưởng tôi chui rúc trong nhà nên sục sạo. Y xô, dập mạnh cánh cửa liếp chạy ra ngoài, ngơ ngác nhìn khắp chung quanh. Y đoán với thời gian, tôi không thể bơi sang sông, dù vậy y cũng chạy ra nhìn dọc theo dòng nước mênh mông, đang chảy cuồn cuộn. Chỉ có một cái am con độc nhất ở mé sông, y cũng chạy ra nhìn, rồi thò cổ ngó phía sau am, cũng không có. Y lại chạy ra phía bên kia nhìn cả ra sau chiếc am, cũng không người.

Chẳng lẽ một người có thể biến? Cho nên y chắc, chỉ còn một cách duy nhất, là đã chạy vào trong rừng! Vì đinh ninh như thế, y chạy vội về điếm canh, thổi còi để báo anh em (trước đây định ăn riêng, ăn mảnh). Y cũng quỷ quái, cứ chạy được một tí, y lại quay người lại. Nhưng nếu y biết được rằng, một người muốn quay đầu lại thì cái lưng, cái vai đã báo trước rồi. Vì thế y quay lại nhiều lần không thấy gì, cũng như khi nãy rõ ràng y đã nhìn bên này cái am, lại chạy ra nhìn phía kia cái am, mà cũng không thấy ai.

Ai đã từng khi bé chơi "ú tim" trốn tìm mà phải nhanh như máy thì, đều hiểu. Cái chính là bất ngờ, và chủ quan coi thường đối tượng, chứ nếu y cứ chạy hết cả chung quanh cái am, thì tôi sẽ lòi mặt chuột ra thôi. Lúc ấy tôi phải có "vỏ bọc" tại sao ra đấy làm gì? Thừa sức để trả lời: như cầu khấn, lễ bái hay tìm chỗ giải quyết đại tiện, sau khi ăn v.v. . . Tóm lại thời gian y về gọi mấy tên du kích, thì tôi đã lẻn vào rừng non, dù y có biết cũng không đuổi kịp. Y nhanh, tôi cũng nhanh, mà tôi lại chạy trước y hàng chục phút.

Trước khi mấy tên đuổi vào rừng, cũng ra vẻ áp đảo tinh thần người chạy trốn, chúng bắn hai phát CKC vào rừng. Nhưng như tôi đã nói ở trên, tôi đã có một chút kinh nghiệm lặn lội ngoài Bắc với những bậc thầy của chúng rồi, nên làm sao chúng tìm được? Có chăng, là sự may rủi trong cuộc đời này, mà thôi!

Ngoài Bắc là phòng phản gián, những người đã được đào tạo có nghiệp vụ, những đồng chí du kích thì làm gì đã có nghiệp vụ? Chỉ là cái tinh khôn của tự nhiên mỗi người. Qua suy đoán, tên du kích đã đọc "Thép Đã Tôi Thế Đấy" và vài hiện tượng, chắc y cũng là một cấp chỉ huy của du kích? Y cũng không phải là không quái, khi nãy tôi đã cố ý đánh lạc hướng hỏi thăm cái xã bên kia sông. Vậy mà y cứ chú ý vào khu rừng non, nhưng ít ra y cũng đánh giá tôi chậm chạp, hơi lù đù v.v. . .

Phải nói tôi cũng rất vất vả chạy bán sống bán chết, ở trong rừng có nhiều chà-nà, chân tôi bị gai đâm mấy lần. Những cái nào rút ra được thì thôi, cái gai nào gẫy bên trong thì đành để vậy. Tôi hiểu cái kiếp sống của con người, chỉ cần sai chuyển một chút, thì cuộc đời đã hoàn toàn khác hẳn trong tương lai. Chỉ một vài giây thế này, thế kia đã thay đổi hẳn cả cuộc đời.

Đêm khuya hôm ấy tôi đã về đến Hộ Phòng, là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Minh Hải, mỗi ngày chỉ có một chuyến ca – nô chạy khách về thị xã Bạc Liêu do nước triều. Về tới Hộ Phòng vừa mệt vừa đói, tôi vào một hàng cơm, chân vẫn đau đi lặc lè vì gai (bây giờ lặc lè thật). Gọi một đĩa cơm thịt bò, ăn một tí đã sạch đĩa.

Tôi gọi một đĩa nữa, cô bé chừng 14 – 15 tuổi cứ nhìn tôi mãi, tôi ngạc nhiên với cái nhìn của cô, nhưng khi cô ta vào trong gặp bà má ở dưới bếp, thì tôi đã hiểu. Con người của tôi lúc đó vừa xanh xao, lôi thôi, lếch thếch, quần ngắn không giầy dép, mà lại ăn khác thường. Cô bé sợ là dân đói rách, ăn mày, ăn xin không có tiền trả, gọi đĩa cơm đầu cô ta đã ngần ngại rồi.

Tôi ăn như máy, lại gọi nữa thì làm sao cô ta không nghi ngờ? Tôi hiểu vậy, nên tôi lặc lè tiến xuống bếp gặp luôn bà má. Tôi nhã nhặn :

- Thưa chị Hai, tôi bị lỡ độ đường! Tôi bị lừa, hiện nay giá vàng bao nhiêu? Tôi có cái nhẫn hai chỉ?

Chị đó chừng 45 tuổi, ngẩng lên nhìn tôi chắc để thẩm định. Mắt của chị như được tráng lên một cái mầu xanh nâu, cái mầu của tha nhân, hòa hợp nghĩa tình, chị nói như chia xẻ:

- Bây giờ họ lừa lọc nhiều lắm? Những tháng trước nhiều người mất hết cả tiền, lang thang ngoài bến bãi! Vàng hôm nay 400 một lượng.

Chị vừa nói vừa cầm chiếc nhẫn tôi đưa, vừa hất hàm cho cô con gái làm đĩa cơm tiếp. Tôi hỏi chị ngay, thích ứng kịp thời:

- Một đĩa cơm mấy đồng hả chị Hai?

Chị đã nói liền là "hai đồng".

Như thế, tôi chả phải rụt rè với cái bụng nữa. Khi cô bé đau đĩa cơm đến, tôi nhìn cô, mắt tôi hơi nhay nháy như muốn nói với cô bé : "Đừng thấy bộ quần áo đẹp mà ham!"

Chẳng hiểu cô có hiểu ý tôi không, cô lại đỏ mặt lên ngượng nghịu! Để thưởng công đã thoát được một "ca" may mắn! Tôi quay lại vẫy cô bé, nói nho nhỏ:

- Cho tôi một ly nước chanh đá !

Trước khi đi, cô bé còn quay lại nhìn tôi vài giây, như muốn bảo: "Lại còn dám gọi cả nước chanh nữa!"

Tôi chỉ mỉm cười, rồi gật gật. Khi chị Hai ra tính tiền, để tôi rời quán, chị đưa cho tôi 75 đồng. Tôi ngạc nhiên:

- Sao chị lại đưa nhiều thế?

Chị cười nói:

- Tôi trả cậu như ngoài tiệm, mà không phải trả tiền công nhẫn.

Chị đã đeo chiếc nhẫn vừa vào ngón giữa. Ngoài ra, tôi còn hỏi chị được nhiều điều, về những chặng đường, từ Hộ Phòng về Sài Gòn.

Đến Bạc Liêu, phải đi xe lôi đến bến xe đi Cần Thơ, rồi về Bắc Mỹ Thuận. Trên đường đi cũng nhiều cảnh, nhiều người và cũng nhiều tình huống, nhưng xin quý độc giả cho qua.

Tới Bắc Mỹ Thuận trời đã bốn năm giờ chiều, trước đây chỉ nhìn thấy trên bản đồ, bây giờ dòng sông Cửu, đã ở ngay trước mặt tôi. Tôi có ngờ đâu, nó lai rộng như thế, tôi cứ hình dung tường cũng như con sông Đáy, của dòng sông Hồng Hà ngoài Bắc, mà tôi đã quen thuộc.

Đúng là trên bến dưới phà, thật là tấp nập, người thì đông. Nhìn những anh chàng mặc đồng phục xanh, các cậu khoác trên cánh tay chiếc băng đỏ, chạy lăng xăng miệng nhai nhồm nhoàm, khách ngược xuôi trên xe dưới đường, hầu hết đều đăm chiêu, tư lự. Những cảnh bán mua, những tấm mía hoặc trái cây, cá biệt có con gà, con vịt thì lấm lét chụp giựt, nói lên những cảnh sống lam lũ, chạy vạy tơi tả ngược xuôi của miền trù phú nổi tiếng. Một cái vựa lúa khổng lồ của Đông Nam Châu Á. Không hiểu trước đây, khi VC chưa cướp trắng trợn được miền Nam, thì có cảnh như thế này không?

Có chăng chỉ có trời thì vẫn chẳng hề đổi thay. Đứng từ chiếc phà giữa dòng nước đục ngầu, mang những mầu mỡ từ Tây Tạng, Trung Quốc, Lào và chút ít của Cao Miên, về vun đắp cho miền đồng bằng này thêm phì nhiêu. Đã từ lâu tôi vẫn có ấn tượng trời là một chiếc vung khổng lồ, mầu xanh lam úp xuống trái đất này. Vì vậy, có lần nhìn những đám mây trắng nõn nà đây đó một vài cụm, tôi đã tưởng, nếu tôi ở gần tôi sẽ nhặt nốt mấy búi bông con con đó, cho cái mầu xanh " ái ân " ấy, nó đã đầy và cho thiên hạ cũng đã đầy, mà mình có mất cái quái gì đâu.

Hơi đặc biệt hôm nay, nắng chiều đã xiên khoai, đứng trên tầng phà cao, trời lặng gió. Nhìn những làn sóng lăn tăn, từ mãi phía bờ tây xa tắp. Nước nhấp nháy, lóng lánh do ánh chiều, tưởng như những chiếc vảy bạc, của cổ một con rồng khổng lồ, có chín cái đầu.

Tôi cứ mẩn mê quê hương với rồng tiên, phà đã sang bờ lúc nào. Chân đã bước lên bờ, mà đầu tôi còn ngoảnh lại, tiếc nuối nhìn một cái cảnh mà rồi đây, tôi không còn thể nhìn thấy nữa. Một câu hát lê thê, nỉ non rúc vào tai tôi, làm cho tôi đờ cả người ra:

Nếu con không về….chắc mẹ…..buồn lắm…..!

Một tiếng hát khác nữa, ở trong đáy tâm tưởng của tôi, tự bật lại:

Nhưng nếu con ……. về … …chắc mẹ …….còn buồn hơn…..!

Tôi chen lấn đám đông, dõi theo tiếng hát lúc này đã khè khè, như chiếc bễ lò rèn hết hơi. Kia rồi! Tôi không tin ở con mắt của tôi! Một anh mặc chiếc áo "treillis" đã cũ rách, đội chiếc mũ nồi mầu đỏ, đã trở thành nâu sậm, cả đôi chân của anh bị cụt sát háng. Anh nằm sấp trên một miếng gỗ, phía dưới lồi ra mấy cục. Hai tay của anh có hai miếng da trâu khô, anh di chuyển bằng hai cánh tay đó.

Anh chừng 42- 43 tuổi, khuôn mặt khắc khổ, cái môi dưới của anh bị mất một miếng, thành ra tiếng hát của anh tưởng rằng hết hơi. Anh chẳng xin ai, mọi người qua lại như không nhìn thấy anh. Thỉnh thoảng anh ngừng di chuyển , rồi cái giọng bi ai hổn hển lại cất lên được mấy câu:

Anh ra ….đi ……..trong một chiều … …sương ….âm …u…. !

Tôi cứ theo anh, nhìn anh xoay xở, tâm tư của tôi cởi ra, rồi lại buộc vào, với những tiếng thở dài không nín được. Tôi nhìn xuống đôi chân đất khập khiễng, vì đau và chiếc quần đùi mầu nâu non, đã phai và bẩn thành mầu bí ngô chín nửa chừng của tôi Tôi thò tay vào túi cố lựa ở trước quán cơm. Anh lại ngửng lên nhìn tôi, đôi con ngươi của anh, nắng nhạt buổi chiều làm xám

lại như mầu hạt dẻ, cái mầu của nhiều đêm ngày vặn vò cắn xé trái tim anh. Tôi hỏi vội một câu, không cần lắm câu trả lời:

- Chân anh bị cụt lâu chưa?

- Em ở tiểu đoàn I dù, bị thương ở Cổ Thành Quảng Trị 72.

Choáng người, tôi lại hỏi vội một câu nữa:

- Có biết Đỗ Văn Tân không?

- Ở khóa 10 Thủ Đức, em ở khóa 26.

Anh lơ xe đã vời gọi khách, xe chuyển bánh, tôi rút ở túi quần còn 54 đồng rưỡi. Tôi không có gan đưa hết cho anh, tôi chia đôi, tôi lấy 27 đồng, đút cả vào chiếc gáo vỡ, bắt lẹ được tay anh! Tôi nói được một câu cuối:

- Cố gắng chịu đựng!

Tôi vội lên xe đò dù nhiều lúc phải nghiến răng vì cái chân bị nhói buốt! Tới lúc xe đò đã chạy, tôi mới trách mình sao lại không hỏi tên? . . . . . .Nhưng tôi lại nghĩ: hỏi để làm gì? Chính mình còn đang quay cuồng trong gió bão của quê hương, biết lúc nào rụng rơi?

- 32 -

LÀM ĐƠN XIN ĐẢNG VÀO TÙ

Mãi 8 giờ tối, tôi mới về đến Sài Gòn. Chưa dám về nhà, tôi thuê xích lô đạp về nhà em Xuân, bên Lăng Cha Cả hết 4 đồng. Nếu chân tôi không đau, thì tôi đi bộ dù năm mười cây số. Tôi lặc lè bước vào nhà, các cháu không nhìn ra tôi, tóc tai, râu ria bùm sum, quần áo lếch thếch lôi thôi. Em Xuân ở dưới bếp bước lên, nhìn tôi rồi miệng mếu xệu ôm chầm lấy, nói trong nước mắt:

- Anh ơi ! Sao anh khốn khổ thế này?

Chú Tuất đi làm đêm, ở nhà chỉ có mấy mẹ con, một đứa lấy xe đạp sang báo cho ông bà. Tôi căn dặn nói cho ông bà, chưa để cho hàng xóm biết. Tôi mệt quá và thiếu ngủ, cô Xuân đun một thau nước nóng cho tôi ngâm rửa chân, vì buốt nhói quá! Tôi lên gác nằm ngủ cho lại sức, ngày mai còn đối ứng với CA phường, khu vực.

Sáng hôm sau, cô Thu đã đến sớm, cứ ôm tôi khóc sướt mướt như trẻ con ngày nào. Mắt em Thu sáng, nên đã khêu lấy ra được, ba cái gai chà-nà, ở hai bàn chân tôi. Tôi đã mang chúng mấy ngày trời, từ dưới khu rừng ở ghềnh Hào, Minh Hải về Sài Gòn. Cả một buổi sáng, cô chú Tuất và cô Thu, các cháu ríu rít mua bán đồ ăn, để gọi là bồi dưỡng cho tôi, sau 10 ngày trăn trở, quặt quẹo với chuyến vượt biên không thành. Gần chiều, tôi phải trở về bên bố mẹ và còn phải đi trình diện CA khu vực, lúc 7 giờ tối.

Sau khi thăm hỏi và chào thầy tôi, tôi vào trong mùng với mẹ tôi. Hai mẹ con không nói ra được một lời nào, chỉ ôm nhau hàng giờ, để cho những dòng lệ vàng đục, từ những cõi lòng dúm dó, quặt quẹo chảy ra. Cuối cùng mẹ tôi lần tay sờ lên đầu tôi thều thào:

- Con hãy dâng hết niềm khốn khó, nỗi khổ đau cho Chúa và mẹ Maria.

Gần 7 giờ tối, tôi mò đến nhà cô Ngọc Anh, thoáng thấy tôi bước vào buồng, cô trợn mắt nhìn tôi. Cái bánh "xèo" của cô hôm nay nhăn nhúm, mắt của cô càng trắng ra, gằn giọng:

- Sao anh không đi luôn, về đây làm gì nữa?

Mặt tôi xìu xuống, chảy dài ra, chậm chạp ngồi vào chiếc ghế bên cạnh, thiểu não:

- Cô hãy nhìn con người tôi cô đã rõ. Gần năm tháng nay, ngày nào tôi cũng đi làm, không có tiền mà cũng không có một hạt gạo nào. Chẳng lẽ tôi chỉ uống nước lã rồi đi làm? 43 – 44 tuổi rồi, mà còn ăn bám bố mẹ mù lòa già yếu. Cô là CA, người đại diện của Đảng và chính quyền của khu vực này, xin cô hãy xét cho điều kiện và hoàn cảnh sống, của tôi.

Theo lệnh của phường, tôi phải làm một bản kiểm điểm: Mười ngày đã bỏ đi đâu? Tại sao đi? Đi những chỗ nào? Viết chi tiết đưa cho CA khu vực ký, rồi đưa ra phường!

- Vẫn đi làm tổ mành trúc như mọi khi!

- Viết kiểm điểm vào buổi tối và sáng sớm !

- Phải nộp bản kiểm điểm trong ngày thứ sáu (hôm nay là thứ ba).

Họ không cho tôi ăn, mà còn không cho tôi thở nữa. Thôi! Mình là kẻ chiến bại, thì hãy nhắm mắt lại, cho kẻ thắng nó hành, nó đầy đọa.

Tôi cố gắng chắt lựa thời gian, ngày hôm sau, (thứ tư) tôi phóng miết xe lên nhà thằng Lợi. Không ngờ cháu Mỹ Linh và cháu Hữu Lực còn bị giữ lại ở đồn Cỏ May. Đêm hôm đó (ở bến bãi) lộn xộn thằng Lợi đưa con lên bờ. Ra ngoài mà đi đông nguy hiểm, nó chia làm hai. Nó chỉ một đường cho các cháu lớn ra đón xe về Sài Gòn, còn Lợi dẫn hai cháu nhỏ đón một chuyến xe khác để tránh CA nghi ngờ.

Các cháu lớn có mang theo một chiếc va-li đựng quần áo, một số hình ảnh, thư từ mang đi (vượt biên) để làm kỷ niệm. Chẳng hiểu CA khám xe hỏi, chúng nghi ngờ, chúng tách hai chị em ra hỏi, truy nên phải ra sự thật: Đi không được nên quay về v.v… Cũng may các cháu không nói gì tới bố, nên chúng còn để ở đồn Cỏ May, chờ bố mẹ đến lãnh (một hình thức xoay tiền).

Cháu Thủy và cháu Thắng, con của vợ chồng Đạt thì vẫn còn bị giam ở trại Gáo Dừa, ruột gan của tôi lại càng bị vặn vò thêm. Đành rằng tôi không có lỗi trực tiếp, nhưng có lỗi trong gián tiếp Vì thế, mỗi khi có điều kiện tôi lại đạp xe lên vợ chồng thằng Lợi, vợ chồng Đạt thăm hỏi như một sự chia xẻ. Như tôi đã nhiều lần thố lộ ở trên, tôi không có khả năng, tài cán gì mà lại còn gián tiếp làm thiệt hại đến bạn bè. Tôi hiểu vợ chồng thằng Lợi, ruột còn đang rối như tơ vò, nên tôi cũng chưa dám nói gì, về chuyện phía bên kia, còn định thanh toán thằng Lợi. Nó sẽ càng buồn bực thêm, mà lại không thể giải quyết, trong hoàn cảnh này.

Nội dung bản viết kiểm điểm của tôi, chỉ quanh quẩn mấy ý chính: Là một đứa con đã 43- 44 tuổi rồi, bố mẹ mù lòa già yếu đã không hề giúp đỡ đấm bóp, cơm nước hầu hạ; lại còn ăn bám vào tiêu chuẩn gạo của bố mẹ, để rồi các người phải ăn cháo, bữa đói bữa no. Dù thương con nhưng khó khăn não nề quá, nên có lúc các người đã chửi mắng tôi. Tôi biết bố mẹ tôi là đúng, tôi là sai. Biết mình sai nhưng tôi không biết và không có khả năng để sửa sai, cho nên tôi phẫn uất lấm! Tôi muốn bỏ nhà ra đi, dù có khổ cực hay đói khát mà chết, tôi cũng xin bằng lòng. Ở với bố mẹ tôi vừa buồn …..vừa đau xót…..vừa nhục!

Đến ngày, tôi đem nộp lên phường, tên Mậu xem xong, xé ngay trước mặt tôi, bắt tôi về viết lại. Y nói:

- Vviết những điều lăng nhăng, mà chưa thấy cái sai của mình. Nếu không viết đúng sự thật, y sẽ có biện pháp!

Tôi lại lủi thủi đi về, tranh thủ tối khuya ngồi viết lại. Tôi cũng chỉ có bằng ấy lý do chính, như tờ kiểm điểm trước. Ba ngày sau tôi lại phải lấy chữ ký của CA khu vực, của tổ khu phố, rồi mới đem lên phường nộp. Tên Mậu lại đập bàn, quát tháo là tôi viết lảm nhảm chưa thấy cái sai cái lỗi của bản thân, nó lại bắt tôi về viết lại nữa. Y bảo cho tới khi nào tôi thấy được cái sai, cái lỗi của mình mới thôi!.

Suốt ngày đi làm, ăn uống thì rau, mắm mà cũng không đủ no, tối về lại cặm cụi viết kiểm điểm. Đêm qua vừa buồn vừa mệt, tôi cứ trằn trọc đến 12 giờ, vẫn chưa chợp mắt được một chút nào. Đến khi vừa chợp ngủ được thì bất chợt, tôi nghe tiếng của thầy tôi la to:

- Giời ơi ? Các ông phá nhà tôi à ?

Mẹ tôi thì khóc nức nở kêu la:

-Ối trời cao, đất dầy ơi! Tôi có làm cái gì đâu, mà các ông lục lọi nhà tôi như vậy?

Tôi choàng ngồi dậy, có tiếng giầy đi lên gác, hai ba người đèn pin loang loáng. Tiếng giầy đi nặng trên gác, sàn gỗ làm rung rinh cả căn nhà, một tiếng nghe lạ hoắc:

- Tên Bình đâu?

Tôi hất màn chui ra, ngơ ngác, tên đó lại hỏi tiếp:

- Có người lạ trong nhà không?

Tôi cảm thấy nản lòng và phẫn uất quá rồi, nên tôi trả lời không cần văn hóa nữa:

- Các ông đang lục lọi trong nhà thì các ông biết, tôi làm sao biết!

Cả hai tên chiếu ngay đèn bấm, vào thẳng mặt tôi. Tôi đứng yên nhìn lại chúng mấy giây, rồi tôi đi xuống dưới nhà xem thầy mẹ tôi thế nào. Cả hai cái mùng của thầy mẹ tôi, chúng đều vắt lên, một tên sục xuống bếp, mở cả bể nước mưa ở ngoài sân. Chúng cầm một cái gậy dài chừng 1m50 chọc, khùa vào bể nước, làm đục ngầu, chúng hạch sách sổ hộ khẩu, một tên nhìn vào bàn thờ rồi hỏi trống không :

- Cả nhà theo đạo Chúa à?

Thầy mẹ tôi ngồi yên, tôi không còn kìm được nữa, muốn thế nào cũng mặc, tôi cũng không trả lời, tôi đã định nói: ” Các ông nhìn bàn thờ mà các ông không biết gì, nên mới phải hỏi ” nhưng tôi đành “nín thở qua cầu” .

Thầy mẹ tôi, mỗi người gục ở một góc giường, gần một giờ sau, chúng mới chịu đi ra, không một lời chào chủ nhà. Nhìn bộ điệu của cả năm tên, hai tên đeo súng ngắn, nhưng cả hai cũng không đeo lon nên chả biết là CA nào? Quận hay Thành? Tên nào tôi cũng chưa hề nhìn thấy bao giờ. Tôi đóng cửa rồi bỏ mùng xuống cho thầy tôi, một ông cụ già 77 tuổi rồi, còn lẩn thẩn nữa. Tôi cũng vào đỡ mẹ tôi nằm ra, và bỏ mùng lại cho cụ. Bà cụ mù lòa cũng không được nằm ngủ yên, tôi chỉ hiểu vì tôi, vì đứa con bất hạnh, bất tài này nên các cụ cũng phải khổ lây Từ đấy cho tới sáng, vừa hận vừa buồn nên tôi không tài nào ngủ lại được nữa, thỉnh thoảng nghe những tiếng thở dài não ruột của thầy, của mẹ tôi vẳng lên.

Sáng hôm sau, tôi vẫn phải dậy sớm để chuẩn bị ra phường đi làm. Tôi quá mệt nhọc, thấy cuộc sống của tôi được gần bố mẹ già, nhưng bị ràng bố cả ngày lẫn đêm, tôi nghĩ đến giai đoạn được ra tù. Khi ấy (năm ngoái) từ cán bộ, cho đến tù nhân đều được tương đối thoải mái hơn trước đây. Cụ thể, các cán bộ lén lút khoán chúng tôi làm đồ tư, chúng tôi có trà, thuốc lá, gạo thành ra không sợ đói khổ, như những năm trước đó.

Tôi chợt thấy, ở nhà bên bố mẹ già nhưng cũng không có thời gian để phụng dưỡng, đỡ đần các người, còn làm các người khổ lây như đêm qua. Bản thân tôi còn cực nhọc, đói thiếu hơn thời gian, tôi ở trong tù vừa qua. Một ý tưởng lóe lên trong đầu: Tại sao không xin trở lại tù? ở trong tù còn được cái thú ” tự tôi xin vào tù ” không còn phải đêm ngày lo lắng CA đe dọa, sẽ bắt vào tù Nghĩ như thế, tôi mần mò để viết một lá đơn có tình có lý, xin trở lại tù.

Nếu được CA chấp nhận, thì mình đã đạt điều mình mong muốn! Nếu CA không chấp nhận, thì họ đỡ hành mình, đỡ hơi một tí, họ lại đe dọa bắt trở lại tù, (tôi nghĩ lúc ấy họ đe dọa sẽ không bắt mình đi tù còn sợ hơn). Sau mấy ngày suy nghĩ, tôi đã viết được một lá đơn xin đi tù. Nội dung lá đơn xin trở lại trại giam đi tù như sau:

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập tự do hạnh phúc

Kính gửi:

Cục Lao Cải (lao động cải tạo) trực thuộc Bộ Nội Vụ .

Thông qua:

- Sở CA thành phố Hồ Chí Minh

- Tiểu Ban Quản Lý Những Người Học Tập Cải Tạo Được Về.

- Công An quận Tân Bình

- Công An Phường 6.

- Công An khu vực thuộc Phường 6.

Tôi là Đặng Chí Bình hiện được tạm trú ở nhà bố mẹ tôi là ông Đặng Chí Phúc và bà Nguyễn thị …..tại số 12/ 34/18 phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Xin quý ông cứu xét chấp nhận sự thỉnh cầu của tôi:

Tôi nghĩ không một ai ở một nước nào, lại muốn vào trong nhà tù cả, đây là hoàn cảnh và điều kiện sống của tôi.

Đầu 1962, tôi có nhận một nhiệm vụ của cục tình báo VNCH, ra Hà Nội để chống phá cách mạng. Nhưng tôi đã không làm gì, khi đến Hà Nội CM đã đưa tôi ra Tòa án Nhân Dân Thành PhốNội ngày 30- 12- 1967 xử phạt 18 năm tù giam và 5 năm mất quyền công dân.

1980 tôi đã được ra tù, tôi trang trọng cảm tạ ơn trời biển của Đảng và chính phủ. Khi tôi về tới miền Nam thì bố tôi đã 77 tuổi, lẫn lộn trí nhớ, hay yếu đau. Mẹ tôi 73 tuổi, đã lòa cả hai mắt 16 năm rồi. Bố mẹ tôi còn sống là do sự đùm bọc, giúp đỡ của bà con xóm giềng: ” Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước hãy thương nhau cùng “.

Về địa phương, tôi đã thi hành mọi điều khoản được quy định với chính quyền, của một người tù được tha về. Bản án còn 5 năm mất quyền công dân của tôi. ở phường 6 hiện có gần năm chục quân cán của chính quyền VNCH cũ đi cải tạo được về. Hầu hết họ phải đi trình diện CA phường một tháng một lần, gần 10 người trình diện tuần một lần, một mình tôi duy nhất phải trình diện ngày một lần.

Gần 20 năm đi tù tôi đã tự hiểu, tuy cùng mất quyền công dân, cùng đi tù nhưng chính sách của CM đã đối xử với từng người hoàn toàn khác nhau. Như tôi đã đi tù: ở 6 năm một mình trong buồng kín, 4 mét vuông của xà-lim Hỏa Lò Hà Nội. Bị cùm ba năm rưỡi, lúc cả hai chân, lúc một chân trong cái cùm của thời thực dân Pháp.

Hiện nay, hàng ngày tôi phải đi làm ở tổ mành trúc 19/5, tám giờ mỗi ngày. Tôi đã làm hơn sáu tháng nay, không có tiền lương, cũng không có gạo. Tôi phải ăn bám vào bố mẹ mù lòa già yếu. Cuộc sống già yếu tật nguyền của bố mẹ không còn yên ổn vì tôi. Tôi tha thiết tự nguyện xin trở lại trong tù cho tới chết, tôi và bố mẹ tôi xin đội ơn hải hà của Đảng và chính phủ đã cưu mang tôi một lần nữa.

Thành kính
Ký tên,
ĐCB.

Trưa hôm qua, tôi đi làm về, thầy tôi đang hì hục chẻ củi, nấu cơm ở dưới bếp, mẹ tôi ngồi ở trong màn đang ôm đầu. Mọi khi thì thầy mẹ tôi đã ăn rồi, tôi vội vàng nhấc mùng, trèo lên ngồi bên mẹ, ôm lấy mẹ tha thiết:

- Mẹ làm sao thế? Thầy mẹ chưa ăn cơm ạ?

Mẹ tôi bị đau đầu từ sáng đến giờ, nhưng hết thuốc rồi, thầy tôi chống gậy ra nhà ông lang Cảnh ở Ông Tạ từ 9 giờ sáng. Mãi 12 giờ mới nghe tiếng lọc cọc, thầy tôi chống gậy đi về, vẫn chưa mua được thuốc. Tôi không kịp xuống bếp xem thầy tôi loay hoay thế nào, tôi cũng chả thiết gì ăn với uống, tôi phóng xe vội vàng ra ngã ba Ông Tạ, để mua một liều thuốc nhức đầu cho mẹ tôi trước đã.

Lúc về, tôi gần rẽ vào đường Bắc Hải, rõ ràng tôi nhìn thấy anh Bưởi đang gò lưng đạp chiếc xe, kiểu mới tự chế: Theo anh Bưởi, chiếc xe Farovite hơn một chục năm, đã sơn lại hai lần, một người quen đã bán lại cho anh 70 đồng, trả góp hàng tuần 10 đồng.

Anh nhận được một công việc, đi giao sữa tươi cho các gia đình, đã đặt mua mỗi buổi sáng. Đi cất sữa, đi giao sữa bận bịu tối ngày, anh tẳn tiện ăn

cơm độn bo bo, với mắm cáy (món sở thích của anh). Mỗi ngày anh có thể để ra được 1 đồng 70. Sau khi kể cho tôi nghe thành tích, mặt anh Bưởi tươi hơn lên, đôi mất long lanh dưới chiếc riềm mũ vải, mầu xỉn hạt mít:

- Mỗi tuần tôi còn gần hai đồng để "vi vu" thuốc rê với đời, chỉ hơn một tháng nữa, chiếc xe này đã hoàn toàn là của tôi!

- 33 -

LÒNG MẸ

Mặc tiếng nói của anh, giấc mơ của anh chạy vào tai tôi lộn xộn. Mắt tôi đang mải ngắm nhìn cái yên sau, chiếc xe đạp của anh. Bằng năm que gỗ loại ba phân vuông, dài một mét, anh khéo đóng ba miếng dọc, hai miếng ngang, trông như cái phên. Anh lựa buộc chặt vào trên cái yên sau, anh có thể chở đi lủng lẳng và chồng lên trên hơn hai chục bình nhựa sữa tươi. Mới đầu tôi không nhận được ra anh, tưởng một người đang đạp chiếc xe lôi thồ. Tôi chợt nhớ đến chuyện CIA gần hai tháng trước, tôi hỏi nhỏ anh:

- Anh còn gặp tên xích-lô ngày ấy không?

Anh Bưởi lắc đầu, cũng khe khẽ nói:

- Nghe Bình nói như vậy, tôi sợ quá! Có mấy lần gặp tên đó, nhưng tôi cố tránh.

Sờ tay vào túi, thấy gói thuốc nhức đầu của mẹ, tôi từ giã anh Bưởi, hẹn gặp lại sau! Mỗi người một cảnh đời, đều phải tất bật lo toan!

Về tới nhà, thấy yên ắng! Thầy mẹ tôi đều ở trong mùng. Tôi vén màn, nhìn mẹ tôi đang ôm đầu rên rỉ: "Mẹ không muốn sống nữa, con ơi?". Lòng tôi càng muốn đứt ra từng khúc! Nước mắt đã làm mờ, hình dáng tiều tụy của mẹ tôi. Tôi chạy xuống bếp, mở vung nồi cơm thầy tôi nấu khi nãy. Nồi cơm vẫn còn nguyên, nhưng nhão như bánh đúc, có lẽ thầy tôi đổ nước hơi nhiều nên nát quá! Nhìn vào trong chạn, chỉ có thố cà ghém muối của cô Thu đưa sang hai ngày trước, chưa ăn hết. Trong chạn không còn mắm, muối gì. Tôi dọn cơm vội vàng cho thầy mẹ tôi, chính tôi sáng sớm mới chỉ có một củ khoai lang luộc, để đi làm. Tôi mang bát đũa của thầy mẹ, nồi cơm lên nhà, sắp xếp sẵn trên chiếc bàn con, như mọi khi. Tôi tranh thủ xúc vội một bát cơm, với ba quả cà xuống bếp, ăn lẹ để còn kịp đi làm chiều.

Tôi mở từng mùng, thầy mẹ tôi vẫn nằm yên, tôi khẽ khóa cửa rồi phóng xe ra phường, làm bổn phận một người mất quyền công dân với tổ mành trúc. Tay tôi nhịp nhàng, từ từ đưa từng cây trúc vào chiếc máy cưa con. Nhìn những đoạn trúc đều nhau, bắn rơi xuống chiếc rổ, tôi chợt nhớ đến một ước mơ những ngày tôi còn ở xà lim Hỏa Lò.

Tâm lý của con người, có nhiều khi, chính mình đôi khi cũng không hiểu bản thân mình. Ngày ấy, biết bao nhiêu lần đêm ngày nhớ thương về người mẹ, như đói thèm ăn, khát thèm uống. Tôi đã hình dung suy đoán, cái thịt ở rốn của mình là cái thịt cắt với cuống nhau của mẹ. Để phần nào coi như là

đã được sờ thấy, cầm tận tay của mẹ; nên tôi đã sờ rốn của tôi nhiều lần, bất kể ngày đêm mỗi khi tôi nhớ tới mẹ tôi. Một ước mơ khi ấy như một đặc ân của Trời, của Chúa mà tôi không thể có, là được gục mặt vào đôi tay của mẹ mình, rồi có từ giã cõi đời lòng tôi vẫn thỏa mãn với cuộc đời.

Thế mà từ ngày về được gặp cha mẹ, chưa bao giờ tôi thực hiện, dù cũng đã có lần gục vào vai, vào tay mẹ, nhưng chưa lần nào có ý niệm là tôi đang thực hiện được giấc mơ ngày ấy ở trong tù! Tôi vẫn chưa thấy đầy đủ giá trị, những điều tôi đang có. Dứt khoát, chiều nay đi làm về, tôi sẽ thực hiện được cái ước mơ cao quý đó. Chỉ mới có ý định, chủ trương, còn hơn hai giờ nữa mới đến giờ về, mà tôi nhìn mọi người trong tổ mành trúc hôm nay, ai cũng dễ thương, ai cũng như có thêm nguồn sinh lực mới, của cuộc đời.

Tôi lửng thửng đạp xe về nhà, ngay từ xa, nhìn ngôi nhà tôi cũng cảm thấy hôm nay, tôi thương yêu ngôi nhà hơn. Mở cửa, thầy tôi đang lom khom chuẩn bị hút điếu thuốc lào, cũng như mọi khi tôi vừa dựng chiếc xe đạp, vừa lễ phép:

- Thưa thầy con về! Thầy lại hút thuốc! Thầy có nhớ đây là điếu thứ mấy trong ngày hôm nay, không ạ?

Thầy tôi quay lại nhìn tôi, như có vẻ lạ lùng, rồi người thủng thẳng:

- Điếu thứ hai!

Thấy thầy tôi có vẻ tỉnh táo, tôi hỏi luôn:

- Thầy ơi? Có bao giờ thầy nghĩ đến bỏ thuốc, không hút nữa không?

Thầy tôi đã bắt đầu rít thuốc, tôi vẫn thấy thầy tôi vẫn duy trì một ngày hút ba điếu, chỉ có thuốc lào là người không lẫn lộn.

Tôi vào trong, định vào chào mẹ tôi, lại nghe tiếng lách cách bát đĩa ở ngoài chiếc sân con, nhà bếp. Mẹ tôi đang mò mẫm rửa chén bát! Tôi đã định chào người như mọi khi đi làm về, nhưng hôm nay tôi muốn đứng yên, để ngắm nhìn người rửa chén đũa. Mẹ tôi ngồi trên chiếc ghế con, (chiếc ghế tôi đóng tạm bợ khi tôi mới về cho mẹ tôi) người đang xát xà bông từng cái bát, cái thìa, đôi đũa. Tuy chậm, nhưng người làm rất kỹ, từng những động tác nhỏ nhặt, hộp xà bông, miếng giẻ, vòi nước, cái rổ con úp bát, cho đến cái thau con. Tuy chỉ có ba bốn cái bát, mấy cái thìa, mấy đôi đũa, người lại chỉ sờ soạng và suy đoán. Bất cứ vật gì trong nhà phải để đúng chỗ cũ. Đã từ hơn một chục năm nay, các cô Xuân, Cô Thu, hai người con gái cứ thay nhau một tuần, đến tắm cho mẹ tôi một lần.

Hút thuốc xong, thầy tôi đã vào mùng đi nằm, tôi kiên nhẫn chờ cho mẹ tôi rửa vừa xong chiếc thìa cuối cùng. Mẹ tôi một tay sờ chiếc rổ, một tay cầm chiếc thìa từ từ đặt vào rổ. Tôi không thể kìm hãm được nữa, tôi đã bước đến nhẹ ôm lấy mẹ. Mẹ tôi tươi hẳn mặt, ngừng quay lại như muốn nhìn tôi, nhưng đôi mắt của người đã hoắm vào, làm sao người nhìn thấy đứa con trai của người, bây giờ ra sao? Tôi kéo tay người vào vòi nước, rửa từng kẽ ngón tay. Đôi tay này ngày xưa, đã bao lần tắm rửa cho tôi, đã bế ẵm, ôm ấp tôi bao nhiêu đêm ngày. Thậm chí, cứt đái, mủ máu hôi thối cũng do bàn tay này, đã rửa ráy săn sóc cho tôi. Mẹ ơi!

Tôi đã dẫn mẹ tôi vào trong giường của người, tôi ra dọn dẹp hết những phần việc còn lại. Liếc nhìn chiếc chạn, thố cà muối vơi đi một nửa, như vậy các người chỉ ăn cà với cơm nhão. Nhớ kỳ này cô Thu đã không kịp mua cho, lọ mắm tôm như mọi khi. Mắm tôm chưng là món dễ ăn nhất, nhưng tôi chợt nghĩ, cô Thu cũng đang quằn quại với mấy đứa con nhỏ, chồng còn nằm trong Chí Hòa, những cảnh sống, trong xã hội dưới chế độ này, chẳng nên ai trách buồn ai. Mẹ tôi đang dò dẫm ra bàn uống nước, tôi đưa người trở lại giường, để người ngồi.

Mẹ tôi đang định tụt dép, để cho cả hai chân lên giường.. Không thể chờ được nữa, tôi định tối nay sau khi ăn cơm tối xong, tôi sẽ biến hóa giấc mơ ngày ấy, ở trong tù thành hiện thực. Tôi đã tiến đến cầm đôi tay cao quý của mẹ tôi, lật ngửa để trên hai đầu gối của người. Tôi nhẹ quỳ xuống nền, rồi gục đầu mũi tôi hà, hít mãi cái hơi thương nhớ, ngọt ngào, ruột thịt. Bàn tay mớm cơm, đút cháo nâng niu, ẵm bế tôi, ngay khi tôi mới lọt lòng ra chào đời. Tôi đang được hưởng ân sủng của người, tôi đang sướng vui nhưng sao nước mắt của tôi lại trào ra làm ướt cả tay. Để rồi mẹ tôi đã rút một tay ra, xoa đầu của tôi, lo lắng hỏi:

- Làm sao mà con khóc?

Trái tim của tôi đang bị dúm dó, vặn vò do những cái vòi của con Hồng Tuộc (Từ ngàn xưa biển cả có giống Bạch Tuộc, hay gọi là qủy trắng. Nó có hàng trăm cái vòi, chuyên hút máu loài hải sản. Thế kỷ 20, thế giới mới sản sinh ra một giống Hồng Tuộc "quỷ đỏ". Nó ác độc và thâm hiểm, gấp nghìn lần hơn Bạch Tuộc. Giống Hồng Tuộc có hàng triệu cái vòi vô hình để chuyên hút máu người. …dân).

Mẹ tôi làm sao nhìn được, trái tim đang rỉ máu của tôi, nên người cười. Ôi! nụ cười! Nụ cười độc nhất từ ngày tôi gặp lại người. Tiếc rằng mắt mẹ tôi đã lòa, với nụ cười ấy, nếu mắt người còn, hẳn sẽ long lanh như những hạt kim cương, môi người vẫn còn cười như hoa nở mùa Xuân, người nói thong thả :

- Nghe mẹ ? Con hãy lấy vợ đi !

Một câu nói làm thay đổi cuộc đời của tôi. Bất chợt, làm cho tôi bàng hoàng, nhưng để làm vui lòng mẹ, không còn nhìn được tôi, tôi đã nói như khẳng định:

- Con sẽ làm theo lời của mẹ !

Bẩy giờ tối, tôi mang cả lá đơn theo, để trình diện CA khu vực. Cô CA Ngọc Anh sau khi ký vào sổ trình diện hàng ngày của tôi; cô nhắc tôi thứ Bẩy này nhớ đi lao động XHCN. Tôi rút lá đơn "xin đi tù" nhờ cô thông qua, rồi ký vào. Cô đọc xong, quay lại, mở to mắt nhìn tôi, cô nhìn tôi như một người cô chưa hề gặp lần nào. Cô không hỏi han gì cả, cô ký vào rồi đưa lại cho tôi. Thái độ của cô hôm nay, cũng bần thần khác thường.

Sáng hôm sau, trước khi vào tổ mành trúc, tôi đưa lá đơn vào phường. Tên Trung úy Mậu, mặt vênh vênh chuẩn bị ra oai, y tưởng tôi đưa nộp tờ kiểm điểm. Y cắm cúi đọc, tôi có cảm tướng cái khí thế giương oai khi nãy, như đang xì dần ra phía dưới hậu môn của y. Y ngửng lên nhìn tôi, mắt y thu nhỏ lại, như con cua rốc bất chợt gặp con ếch "cồ". Y lại cúi xuống đọc lần nữa, y nhìn tôi như không tin chính là tôi. Y nói dịu dàng như nói với người anh, hay người bạn, của y:

- Sao anh lại có ý nghĩ lạ lùng thế! Anh không nên giận ông bà cụ, ông bà cụ già rồi sẽ chết!

Trong bụng của tôi đang nghĩ: "Tôi kính yêu thầy mẹ của tôi như trời biển ấy chứ! Tôi chỉ thù ghét con Hồng Tuộc mà thôi ! "

Tuy vậy, tôi vẫn nghiêm mặt, nói rành mạch:

- Tôi nhờ ông ký rồi chuyển lên, theo hệ thống cơ quan, tôi đã ghi.

Hôm nay sao y lại có vẻ ân cần, lịch sự như thế! Khi tôi cúi đầu chào y để sang tổ mành trúc, y còn đứng dậy đi ra theo đến cửa, cứ như đưa tiễn một người bạn, đến nhà y chơi.

Sáng thứ Bẩy LĐXHCN cũng như mọi khi, cả năm người chúng tôi, phải quét dọn chung quanh khu chợ Nam Hòa và cả mấy con đường ngang cái cổng, trước chợ. Ngoài những đống rác rưởi hôi thối, lại có mấy cái cuộn băng vệ sinh của phụ nữ, còn bê bết máu, đỏ lòm, ruồi nhặng bâu đầy. Có một tồ băng quấn, vướng chặt vào mấy song sắt của lỗ cống, máu trên tồ băng đã thẩm đen, không một anh nào chịu cho tay vào kéo tồ băng ra. Ai cũng rụt cổ, lắc đầu trước những con mắt của bà con đi chợ.

Các anh đều chung ý kiến, thà bốc đất cát, hay khuân vác nặng nhọc, các anh không nề hà, nhưng cái này, đều giừa cho nhau. Đã mấy anh dùng cào, que, gậy chọc nhưng cái băng cứ quấn chặt. Cô ả Ngọc Anh, đã thấy rõ từ đầu, dù ả đứng từ xa hàng chục mét.

Tôi liên tưởng đến giai đoạn tôi ở xà- lim "án chém" Hỏa Lò, để chống muỗi của cả khu 14 buồng xà-lim bâu vào cắn tôi. Các buồng khác ai cũng có thân nhân nên có màn cá nhân. Tôi từ Sài Gòn ra, đất nước chia đôi, nên chả có gia đình thân nhân. Để khắc phục cái khó khăn này, tôi đã có sáng kiến, kết hợp với sự kiên trì công sức của mình, để có kim, có chỉ và những mảnh giẻ chùi trong nhà cầu, Xà – Lim I dành cho cán bộ. Vì là nơi sâu kín, nên đa số là cán bộ phụ nữ hay đi vào, vì thế trong thùng giấy, giẻ chùi, ngoài cứt đái, còn có những băng vệ sinh của các bà.

Tôi không có tiếp tế nên làm sao có xà phòng! Dù cứt hay máu, chỉ tranh thủ cho vào vòi nước vò vội, lén giắt vào cạp quần mang về, buồng của mình (rửa ráy, cọ bô trong 5 phút). Vì sự sống và chết, làm sao tin có ngày về? Ý niệm bẩn hay sạch đã gạt ra ngoài, để có những cái túi chui đầu vào chống muỗi, túi tay, túi chân ban đêm trong sáu năm dài.

Vậy hôm nay, tôi làm hay không làm, chứ tôi còn ra vẻ kiêng bẩn, sạch, mỗi khi cuộc sống bắt buộc, phải đối diện, là giả dối. Vì thế, cho tới bây giờ, tôi vẫn thường đùa bỡn với bạn bè: Tôi là loại người, từ trong bãi rác đi ra, chứ chẳng cao sang

Thấy anh em ngại ngần, lúng túng, tôi đã dùng tay giải quyết dễ dàng, nhanh gọn. Không có gì sạch bằng nước và xà phòng!

Đêm hôm qua, ý tưởng lấy vợ cứ vấn vít lòng của tôi mãi. Chỉ vì cuộc sống "du" vào một hoàn cảnh cùng cực, tiền không có, bố mẹ mù lòa, già yếu, thân thì bị o- p ràng bố đêm ngày, nên chẳng bao giờ tôi nghĩ tới. Huống chi, trong cái thế này, trước sau tôi cũng phải ra đi, dù có phải chết cũng sẽ ra đi! Điều làm cho lòng tôi vơi đầy, như nước thủy triều là bố mẹ già của tôi, bao nhiêu giằng co, ngắc ngư, lưỡng lự. Đành rằng hai mươi năm trước đã bỏ cha mẹ ra đi biền biệt, nhưng khi ấy còn em trai, em gái, bố mẹ còn trẻ.

Hơn nữa, trước mắt, tôi vừa làm lá đơn xin trở lại nhà tù và đã nộp, hãy chờ con đường định mệnh của mình, ít ngày nữa rồi sẽ tính. Tối hôm qua sinh hoạt tổ của khu phố tại nhà ông Trùm Lộc, như mọi khi sau khi tôi đọc báo (Nhân Dân) xong, bà con chuyện trò, nghe tôi phàn nàn làm ở tổ mành trúc, hơn sáu tháng mà không có một đồng tiền lương nào, mà gạo cũng không. Họ mách tôi, sao không đi xin làm mộc ở các tổ mộc Phường, Quận, khi tôi có nghề mộc khá?

Ngày hôm sau tôi ra Phường gặp tên Mậu, đề bạt ý kiến với y. Lần này y lại mềm mỏng chuyện trò với tôi. Y tỏ ra rất thông cảm với hoàn cảnh sống của tôi. Y đã khuyến khích tôi, đi tìm những cơ sở làm mộc ở quanh vùng. Tôi cũng thăm dò y xem là tôi đã sắp được chấp nhận trở lại nhà tù chưa? Y cho biết lá đơn của tôi đã lên Quận rồi, được chấp nhận hay không phải hàng tuần, hàng tháng, trước mắt hãy đi tìm một công việc mà làm, rồi chờ. Sau mấy ngày dò dẫm, tìm tòi tôi đã được một tổ mộc thu nhận.

Tổ mộc Thành Công ở bên Chi Lăng Gia Định, do ông Huỳnh trên 50 tuổi làm tổ trưởng. Đặc biệt, ông Huỳnh có bàn tay phải bị ba ngón cụt: ngón giữa, ngón đeo nhẫn và ngón út. Bàn tay chỉ còn ngón cái và ngón trỏ, nhìn ông ta cầm bút như cái càng của con cua bể, đang cắp một con giun đất. Ông ta đã từng là một tổ trưởng, một tổ đặc công nội thành hàng chục năm trước đây.

Tổ mộc Thành Công, thường nhận hàng gia công của các cơ quan như: giường, bàn, tủ, ghế. Ông Huỳnh có một chiếc Mobylette cũ, chuyên chạy đi quan hệ, giao thiệp các nơi. Tổ có chừng gần mười người thợ ở các khâu. Tôi nhận mức khoán đóng bàn, làm việc nếu chịu khó năng nổ lao động thì đủ ăn, và còn có điếu thuốc phì phèo. Tên trung úy Mậu ở phường, yêu cầu tôi phải có giấy ký nhận hàng ngày, làm ở tổ mộc. Và cứ 7 giờ tối phải trình diện công an khu vực mỗi ngày, như mọi khi.

Từ đấy, tôi cứ sáng đi, chiều về. Có một việc mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn còn thấy lòng nở hoa. Làm việc ở tổ mộc Thành Công được hơn một tuần, hôm ấy tôi lĩnh lương được hơn ba chục bạc, những đồng tiền đầu tiên tôi kiếm được, sau khi ra tù. Đạp xe về qua một bà hàng bán trứng vịt lộn, để thầy mẹ tôi và tôi đều được thường thức, được hướng cái đồng tiền đầu tiên này, tôi quyết định mua ba quả trứng vịt lộn, có đủ muối tiêu và rau răm.

Trên đường đạp xe về nhà, tay ôm túi giấy gói ba quả trứng còn nóng hổi, tôi có cảm tưởng như ôm niềm vui, niềm hưng phấn của thầy mẹ tôi, và của tôi trộn lẫn. Chiếc xe đạp của tôi, như nó cũng vui lây với tôi, nó chạy, nó đi một cách ” phởn phơ” như muốn nhẩy cẫng lên ở ngoài đường. Khí hậu của Sài Gòn chiều tàn, cũng thật mát dịu. Lạ lùng là ngay tiếng chiếc chìa khóa mở cửa nhà, hôm nay nghe nó cũng ngọt ngào khác thường.

Thầy mẹ tôi vẫn còn nằm yên trong màn, các người không biết rằng, hôm nay con trai của các người đã kiếm được đồng tiền đầu tiên sau gần hai mươi năm bị tàn phế, bị cái vòi của con Hồng Tuộc, nó cuốn chặt cổ và hút máu ở tim. Cũng như mọi ngày, tôi nhẹ nhàng dọn cơm nước chuẩn bị sẵn sàng ra bàn. Tôi khe khẽ đỡ thầy tôi dậy để chuẩn bị ăn cơm, tôi lại vào đỡ mẹ tôi dậy. Tôi phải công nhận, hình như mẹ tôi có một cái linh cảm đặc biệt, mặt của người hôm nay thật tươi, người hỏi tôi:

- Hôm nay có cái gì, làm con vui thế?

Tôi quay lại nhìn kỹ, vào hai hố mắt sâu của mẹ tôi, cứ như mẹ tôi nhìn thấy nét vui của tôi thể hiện ra mặt, vẫn là đôi mắt nhắm nghiền, hõm sâu vào. Tôi đã định nói, nhưng tôi đã kìm lại nuốt xuống. Tôi muốn để các người ăn cơm xong rồi, mới thưa cái nguồn vui đó với các người. Cơm hôm nay ngoài món mắm tôm chưng cố hữu, còn có rau muống luộc tôi đã mua từ hôm qua.

Tôi đợi thầy mẹ tôi vừa bỏ bát đũa xuống, từ lúc về tôi đã vùi gói giấy ciment có ba quả trứng vào tro nóng, để nó duy trì cái ấm êm của thầy mẹ tôi và của tôi sắp tận hưởng. Tôi để nhẹ một tay lên vai mẹ tôi, và trang trọng:

- Thưa thầy mẹ, hôm nay con muốn thầy mẹ cùng hưởng với con cái đồng tiền đầu tiên, con kiếm được sau khi tù về.

Thầy tôi vồ vập hỏi:

- Con kiếm được…… ở đâu?

Tôi hiểu thầy tôi không tỉnh táo hoàn toàn, nhưng tôi vẫn thưa rõ ràng :

- Con đi làm ở tổ mộc, bên Gia Định, tuần đầu con lĩnh lương !

Mẹ tôi thì hiểu, nên mẹ tôi ngửng mặt lên cười, kỳ này mẹ tôi lại hay cười, đó là nguồn vui chính, lớn lao của tôi. Chắc tâm tư của người đã chuyển đổi tư duy, cách nhìn. Tôi nhớ đến một ý của Trần Trung Đạo. Tôi xin đổi hai chữ "thiên thu": **Đổi cả ngàn năm..-..tiếng mẹ cười** ! Tôi chạy lẹ xuống bếp lấy gói trứng lên, tôi lấy một quả lau sạch sẽ, với cái thìa con đưa cho thầy tôi. Tay thầy tôi run rẩy cầm lấy, tôi biết thầy tôi sẽ tự ăn được. Phần mẹ, tôi lấy một quả, tôi phải đập một đầu quả trứng rồi bóc ra đưa cho mẹ tôi húp. Mùi trứng thơm lừng căn buồng, nước trứng nóng hôi hổi.

Thầy mẹ tôi, xì xụp húp, tôi nghe cả thầy mẹ tôi đều hừ. . . .hừ khi các người nuốt cái nước thơm ngọt ấy xuống dạ dầy. Phần tôi từ ngày về tù, tuy đã có mấy lần được các cô chú ấy cho ăn bồi dưỡng, nhưng người tôi vẫn thấy thiếu đói. Vì thế, khi tôi phục dịch thầy mẹ tôi, tôi nghe rõ trong bụng tôi nó đòi, nó kêu ọ . . . . . .ọ . . . .ọ . . . .liên hồi. Nhưng tôi đã ra lệnh cho chúng . . . .." Hãy yên lặng, phải biết điều! Tao là chủ nhân chúng bay, nhưng tao còn phải phụng dưỡng thầy mẹ tao đã! Hãy nằm yên!" Chúng nó đã nghe lời tôi răm rắp!

Bây giờ, tôi mới ra lệnh cho chúng há hết cả miệng ra! Và tôi bắt đầu húp, bắt đầu rót cái nước tuyệt vời, xuống từng cái miệng bé xíu của chúng, tôi nghe rõ chúng đồng loạt kêu:

- Trời ơi ! Sướng ! sướng quá !

Biết chúng nó sướng lắm, vì chính tôi là chủ của chúng cũng đang sướng " rủn " hết, người ra đây này. Cho hay "trời cũng chiều người!" Cả ba quả trứng vịt lộn, "con" lớn cũng vừa phải, vì thế cái "nước" và trứng nó cũng đã ngon hết cỡ của nó. Bây giờ bắt đầu tôi ăn, miệng tôi nhai, tai tôi nghe ở dưới bụng những tiếng rầm rập, rõ ràng hình như tất cả con tì, con vị, trong con người của tôi, chúng nó rủ nhau ra hết. Chúng nó đang nhảy múa như ngày vào hội của đình làng, vừa đánh trống, vừa thổi kèn làm rung rinh cả người tôi.

Không thể để cho chúng nó vô trật tự, làm loạn. Tôi ra một cái lệnh tối khẩn:

- Đồng bào có nghe tôi nói rõ không? – Cùng một loạt trả lời " rõ ". Tôi nói tiếp: " đồng bào " ở trong bụng của tôi yêu quí, tuy trên danh nghĩa là tôi phục vụ, nhưng "đồng bào" ở trong bụng tôi, thực sự tôi là chủ. Vậy đây là miếng trứng vịt cuối cùng, toàn "dân" phải tập trung, lắng nghe lệnh của tôi. Tôi bảo đi là đi, bảo đứng là đứng, bảo nằm là tất cả đều phải nằm. Khi tôi bảo "sướng" thì tất cả đều "sướng" nó mới có tác động qua lại, cộng hướng để cho cái "sướng" bay lên chỗ cao nhất của nó.

Miếng trứng vịt cuối cùng, tôi vét và dốc ngược hết cả vào miệng, trước khi nuốt, tôi liếc nhìn thầy mẹ của tôi. Thầy mẹ tôi cũng dốc ngược cả cái, cả nước vào miệng, các người cứ ư ử ư ử rên rỉ. Mặc các người !

Tôi phải giải quyết với đám "đồng bào"của tôi đã. Lưỡi của tôi đã cứng "đơ" ra rồi, nhưng tôi còn kịp quát một tiếng thật to: "Sướng!" Tai tôi nghe có tiếng sáo cao vút của Thiên Thai và hàng bầy tiên nữ rủ nhau nhẩy múa khúc "Nghê Thường". Thầy mẹ tôi, mỗi người đều chui vào mùng của mỗi người. Tôi cũng để mặc cho đĩa bát ở đấy, tôi lần từng bậc thang lên gác, rồi cũng chui vào mùng của tôi.

Năm giờ rưỡi chiều hôm sau, tôi đạp xe về đến nhà, từ xa tôi thấy bóng một phụ nữ thập thò trước cửa. Tôi đoán là em Xuân hay em Thu thăm thầy mẹ tôi, nhưng là chị Hai Công và thằng cháu Hoài Khanh trên Hồng Ngự xuống thăm thầy mẹ tôi. Chị em, bác cháu gặp nhau thật là mừng rỡ.

Đặc biệt lần này, chị Hai cứ hay nhìn tôi rồi mỉm cười, thấy chị cười thì tôi cũng cười để đáp lại, chứ tôi không hiểu hết ý nghĩa đôi mắt trìu mến, và nụ

cười thương yêu của chị. Thì ra ở nhà chị và mẹ tôi đã chuyện trò bàn tán nhiều, về việc lấy vợ của tôi. Hai thím cháu đã quyết định, chiều mai sẽ có một bữa cơm đại gia đình, của chúng tôi. Ngay buổi tối đó, thằng Khanh phải sang báo cho cô Thu và cô Tuất chiều mai đến ông bà.

Phần tôi, vì là làm khoán, nên tôi đã xin ông Huỳnh về từ 3 giờ chiều mai (lúc khác làm bù). Hôm sau, buổi chiều nhà tôi ồn ào đông vui như một ngày Tết. Các em, các cháu chật một căn nhà, để chuẩn bị một bữa cơm sum họp của cả gia đình. Chỉ còn thiếu thím Lý và bốn cháu nhỏ mãi trên Hồng Ngự (nhưng đã có thằng Khanh, đại diện cho gia đình chú Lý). Chú Tuất làm ở xướng Ba Son, 5 giờ chiều mới về tới, các cô chú đã mua hẳn một con gà trống hai ký để thịt, chứ có phải thường đâu! Phải nói từ ngày tôi về, ngoài những bữa các cô chú mời tôi đi ăn bồi dưỡng ở tiệm ăn, thì cũng chỉ hai, ba người là cùng.

- 34 -

TÌM BẠN ĐỜI

Đặc biệt từ hôm qua, mẹ tôi đã sai tôi ra đường Bắc Hải, để mời mợ Út, cùng vào ăn cơm hôm nay. Tôi xin sơ lược về mợ Út của tôi: Mợ Út chỉ hơn tôi hai, ba tuổi, mợ là vợ của cậu Út, có bốn người con, mợ là họ hàng phía bên mẹ của tôi. Khi tôi đi tù về thì cậu Út đã chết từ khi nào, và mợ đã tái giá với một người khác mà chúng tôi thường gọi là chú Hiệp. Chú Hiệp và mợ Út, sống với bốn người con riêng của mợ Út ở đường Bắc Hải.

Từ ngày tôi về, thỉnh thoảng tôi vẫn ra thăm hỏi sức khỏe mợ Út và chú Hiệp, các em Quang, Tuấn, Thu và Phương (hiện nay mợ Út + chú Hiệp và các em đều đã ở Califomia, Mỹ). Mợ Út là người thành thị, từ Hà Nội cùng di cư vào Sài Gòn 1954, mợ giao thiệp rộng và ăn nói dễ vừa lòng người. Hôm nay, mẹ tôi sai tôi đi mời mợ, điều chính yếu là nhờ mợ mối lái tìm, cưới vợ cho tôi. Bữa cơm của đại gia đình hôm ấy, mọi người đều tán đồng và ủng hộ, việc tôi cưới vợ là đúng với ba lý do:

1) Tôi đã lớn tuổi rồi.

2) Tỏ với chính quyền VC, tôi an cư lạc nghiệp, chí thú làm ăn, sống với bố mẹ già.

3) Có người phụng dưỡng đỡ đần cha mẹ mù lòa, già yếu của tôi, nếu như một mai . . . ..? Tôi muôn vạn nẻo đường? Trong đó có cả một nẻo về lòng đất nữa!

Mợ Út, tên thực là Vân, rất sốt sắng sẽ đảm nhận việc tìm kiếm một người. Người đó sẽ đồng hành đi chung cuộc đời với tên bất tài, bất hạnh này, mợ Út căn dặn tôi: "cuối tuần ra mợ ".

Những cháu nhỏ, chưa có ý thức, thì không nói làm gì, các em Thu, cô chú Tuất, chị Hai Công hưng phấn ra mặt. Từ lâu, trong lòng của mỗi người, tuy không thể hiện ra ngoài; rất băn khoăn, thấp thỏm không yên, cảnh bố mẹ mù lòa già yếu, mà không có một ai sống bên cạnh để giúp đỡ, những khi "tối lửa, tắt đèn". Những ngày "mưa tạnh, gió hòa " lại có những ngày "mưa giông, sét giật " thì làm sao?

Riêng cuộc đời của người em, người anh lận đận, may mắn sống sót từ trong cơn " lốc " của quê hương trở về. Tuy tuổi đã trên nửa đời, với nhiều " di chứng " của cơn " lốc" vẫn đang bị những cái vòi của con Hồng Tu ộc quấn chặt khấp người ngày đêm. Những chiếc vòi " vô hình " này đã thẩm hút cơ thể của tôi, chỉ còn da bọc xương.

Chị Hai Công, đã gọi riêng tôi xuống bếp, chị cầm tay tôi, nước mắt đoanh tròng:

- Chị thương cậu lắm? Mười ngày nữa, chị sẽ xuống cho, tặng cậu một cây vàng? Không được nói cho các cô biết.

Tôi đã lên nhà chị ở Hồng Ngự, một căn nhà tranh vách đất nghèo nàn. Vậy mà chị lại có một cây vàng để cho tôi, tôi hiểu lúc này (1981), một cây vàng không phải là nhỏ trong cái lúc mà tình người đã bị con Hồng Tuộc làm cho cạn khô. Tôi đã ngồi xuống chiếc ghế con ở bếp, hai tay tôi ôm đầu, hàng giờ để thẩm nhận dần cái tình thương yêu lồng lộng của chị Công.

Cuối tuần đó, tôi mò ra mợ Út, chú Hiệp theo lời dặn. Mợ nhìn tôi rồi nói như thật, như đùa:

- Năm nay cháu đã 44 – 45 rồi, mợ nhìn cháu, chỉ ngoài 30 thôi!

Tôi hiểu, mợ tôi muốn cho tôi một liều thuốc, để yêu đời, tôi cười và cũng nói vui lại với mợ:

- Mợ lại cho cháu đi " trực thăng " rồi! Dù vậy, cháu cũng xin cảm ơn mợ!

Miệng trả lời mợ Út như vậy, nhưng trong lòng tôi cũng có những suy nghĩ chủ quan: Tôi luôn năng động thể dục, thể thao, bơi lội, lại có sáu năm nằm yên một chỗ thực hành phương pháp A (tập II Thép Đen) nên có phần trẻ lâu. Cụ thể đã có nhiều bạn bè nói đến, từ ý nghĩ chủ quan này tôi đã nói thẳng với mợ Út nội dung:

- Với khả năng nhìn sâu, xét kỹ của mợ về con người, cháu tin nơi mợ lắm! Nhưng cháu cũng xin đưa ra những ý nghĩ của cháu về vấn đề này như sau. Thực sự cháu sẽ lập gia đình, nhưng chưa phải bây giờ, như bữa cơm ở nhà cháu: cháu phải lấy vợ. Vậy cháu đề nghị thế này: Vấn đề tiên quyết trong cuộc hôn nhân này: Cháu bị tù 18 năm, rõ ràng không phải chuyện riêng của cá nhân cháu, mà tù trong chế độ VC với cái tội " Hoạt động, gián điệp " thì hầu như không được tiếp xúc hay nhìn thấy ai.

Vậy cô nào, đối tượng bất cứ là ai, có đồng ý trừ cho cháu những tháng năm, cháu nằm trong nhà tù CS hay không, có như thế thì cháu mới bàn đến chuyện hôn nhân. Nếu " đối tượng " đồng ý trừ, thì cháu năm nay mới có hai mươi mấy, huống chi (tôi nửa đùa, nửa thật) cháu nói vui theo lối " hình dung ": ông trời ban cho loài người, phụ nữ cũng như nam giới, mỗi người một sợi " tơ đồng ", tượng trưng cho cái thời hoa mộng của mỗi người. Một người đàn ông 44- 45 tuổi ở ngoài đời, thông thường, cái dây tơ đồng của người ấy đã " gẩy " nhiều lần, nếu không nói là gẩy quá nhiều nên đã " rão "

ra rồi. Bây giờ có đem ra gẩy thì nó kêu ” bùng bục, rè rè ” Ngược lại cái giây ” tơ đồng ” của cháu chưa hề gẩy lần nào, vậy nếu bây giờ có điều kiện gẩy, thì nó phải “thánh thót, lanh lảnh” như buổi ban đầu hoa mộng của mỗi người!”.

Mợ Út và chú Hiệp nghe tôi trình bày, đều cười như nắc nẻ, chú Hiệp còn nói đùa thêm:

- Cậu lý luận, hình dung kiểu này thì dù cho cô nào khó tính mấy, rồi cũng sẽ trừ cho cậu. Vì họ cũng cảm thấy, như có phần đóng góp cho cái đất nước, khổ đau của chúng ta, không may gặp phải con Hồng Tuộc. Trên thế giới, bất cứ một nước nào gặp phải con Hồng Tuộc, gặp nhiều thì dân khổ nhiều, gấp ít thì dân khổ ít.

Ngày Chủ Nhật, đã có hẹn với chú Hiệp, mợ Út; sau khi đi lễ về tôi phóng xe ra đường Bắc Hải.

Theo mợ Út ở ngoài đầu đường Bấc Hải, có cô Hoàng Thúy 37 tuổi, hiện là giáo viên cấp Hai trường Nguyễn Qúy Cáp, bố là “chef” một nhà ga xe lửa, ở Nha Trang đã chết trong chiến tranh. Hiện nay cô Thúy sống với mẹ già 65 tuổi và người em trai theo nghiệp bố, đang làm trong ngành hỏa xa của chế độ mới. Cũng theo mợ Út, nhà cô Thúy rất gia phong, nền nếp đạo đức cô và mẹ cô thường đi lễ nhà thờ Thánh Tâm. Mấy ngày trước mợ Út đã nói sơ về tôi với gia đình cô Thúy, hôm nay họ muốn tôi ra để chuyện trò, như để nhìn và ra mất buổi đầu.

Vì ngay ở đầu phố, nên tôi và mợ đều đi bộ đến nhà cô Thúy, ngôi nhà của cô Thúy hai lầu, cũng khá khang trang. Bà cụ và người em trai cô Thúy chừng 30 tuổi, tiếp đãi chúng tôi tỏ ra có văn hóa, lịch thiệp. Cậu Thành, em cô Thúy đã hỏi tôi rất nhiều chuyện ở trong tù, cậu tỏ ra rất thích thú những cảnh phản gián Hà Nội theo dõi v.v… Vì trước đây cậu đã đọc Z 28 của Người Thứ Tám. Khi cô Thúy đưa nước ra mời khách, mợ Út đã kéo lại ngồi với mợ để nói chuyện.

Bà cụ và cậu Thành tỏ ra một vài ý: Nếu cưới hỏi xong thì bà cụ sẽ lo cho vợ chồng ” oversea” (Vượt biên) v.v. . . Chúng tôi nói chuyện khoảng hơn một giờ, thì xin phép ra về.

Buổi chiều mợ còn dẫn tôi ra đường Thoại Ngọc Hầu, đến nhà cô Mai, sinh viên Văn Khoa năm thứ 2, năm nay cô 23 tuổi. Trên đường về nhà, mợ Út đã hỏi ý kiến tôi về cô Hoàng Thúy, tôi cũng thưa với mợ vài nét có tính cách phiến diện: tỏ ra là một gia đình có học, có văn hóa. Họ tiếp đãi chuyện trò ân cần không kênh kiệu, khách sáo. Dù vậy, xin cứ để ít ngày nữa, vội gì.

Khi tôi về nhà, thầy tôi thì không để ý, nhưng mẹ tôi như nôn nóng đợi chờ, tôi mới bước vào nhà, mẹ tôi đã hỏi vọng ra từ trong màn:

- Làm sao con? Liệu có xong không?

Nghe mẹ tôi dồn dập hỏi tôi chỉ thấy lòng tôi như ăn mấy cục muối mặn. Hình dung, thương cảm cho nỗi niềm của mẹ tôi, nếu mắt người không bị lòa, thì đây là việc của người. Chính người sẽ đo lường thẩm định người con dâu của người, nhưng giờ đây chỉ ngồi một chỗ âm thầm trong bóng đêm để đợi, để nghe, để xin một sự " bố thí " của dòng đời cho người. Tâm tư của tôi như vậy, nên tôi đã trèo lên ngồi cạnh người, tường thuật tỉ mỉ, chi tiết sự việc cho mẹ tôi. Tôi hiểu đây là một cách, để nỗi "ẩn ức" trong lòng của người vơi đi được phần nào.

Buổi chiều, mợ Út không đi được xe đạp, nên tôi đã phải "đèo" mợ ở yên sau. Hai mợ cháu mò mẫm lách dòng người đến nhà của cô Mai. Ông bố và bà mẹ cô Mai là nhà giáo, dù là dậy các cháu ở bậc tiểu học trong xứ đạo (giáo làng). ông bà gốc gác ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa, vì chúng tôi vào nhà bất chợt, nên cô Mai đang ngồi với mấy em nhỏ, ở cái bàn trong góc nhà. Ông bố tên là Thăng, khoảng trên năm chục tuổi. ông bà Thăng tỏ ra chất phác, cuộc đời của ông bà gắn bó nhiều với luỹ tre, với xóm làng. Chỉ một thoáng nhìn cô Mai nhưng cô đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng. Đôi mắt của cô tròn và đen như hai hột nhãn lồng, mái tóc cuối Xuân, đầu Hè như co, như duỗi trên chiếc áo sơ- mi mầu nâu non của cô. Đặc biệt, trong khi tôi và bà mợ ngồi tiếp chuyện với ông bà Thăng, tôi đã nhìn thấy hai cái hột nhãn lồng ấy nhiều lần, ở một cái khe cửa phía nhà trong.

Ông bà Thăng hỏi rất nhiều sự việc: tại sao ra ngoài Bắc? Họ hàng, thân nhân quê quán, và về bố mẹ của tôi v.v. . . Tôi cứ sự thật trình bày, cũng hơn một giờ, chúng tôi xin phép ông bà đi về. Ông bà Thăng vồn vã, như đã thân quen lâu ngày:

- Bây giờ anh đã biết nhà, khi nào có thời gian cứ xuống chơi với các em!

Trên đường về nhà, bà mợ lại hỏi như sau buổi đến nhà cô Hoàng Thúy. Lẽ ra, tôi chưa muốn nói về ý nghĩ của tôi, nhưng nghĩ đến tâm sức của bà mợ, đã mấy ngày nay vất vả vì tôi. Tôi dịu dàng nói chân thành với bà mợ:

- Mợ hỏi, cháu thấy khó nói, khó diễn tả, xin nói dễ hiểu thế này: " Cháu có thiện cảm với cô Mai hơn là cô Thúy ".

Mợ Út nói, còn hai đám nữa ở xứ Đắc Lộ và bên đường Hoàng Văn Thụ. Một người hẹn chiều thứ Bẩy tới, nhưng một người ở đường Hoàng Văn Thụ, thì ngay 8 giờ tối thứ ba này. Tôi không nghĩ mợ Út lại quen biết nhiều thế!

Đã nhờ mợ, thì cứ phải đi theo mợ, và cũng là đi theo sự may rủi. Truy cho cùng của sự may rủi, là định mệnh của đời mình rồi còn gì. Vì cuộc đời kỳ diệu khôn lường.

Từ ngày trở về miền Nam, quá nhiều sự việc dồn dập, nhưng chính vì ngày đêm CA, không cho tôi thở nữa nên rất nhiều sự việc, tôi không còn tâm hồn nào mà nghĩ tới. Thời gian này, do những thúc bách như đã trình bày, nên tôi đi tìm vợ. Một hôm chợt từ trong hố sâu của đĩ vãng, váng vất nổi lên hình bóng một người của trước năm 1962. Đó là cô Thu Nga, con của một người bạn thân của mẹ tôi, ở khu Bàn Cờ mà dạo ấy, mẹ tôi đã tâm niệm Thu Nga sẽ là cô con ” dâu ” hiền của bà cụ.

Phải nói, nếu không vì ngày ấy lòng tôi quá nhiều sôi nổi với quê hương dân tộc, cộng với cái chí ngang dọc, vẫy vùng của người con trai còn đỏ thắm nên tôi đã gạt hết, gạt cả những hình bóng diễm kiều, của giai nhân sang bên cạnh. Để tôi bay theo gió, theo mây, để rồi đã rụng vào mồm của con Hồng Tuộc.

Tối hôm nay, ngoài chuyện phải trình bày, tường thuật tỉ mỉ sự việc đến nhà cô Mai, (dứt khoát không thể quên hai hột nhãn lồng) tôi sẽ hỏi mẹ tôi về cô Thu Nga ngày ấy, bây giờ ra sao? Tất nhiên sẽ cũng như cô T. T.KH: (tôi không thích gọi là bà).

Nếu biết rằng….tôi đã lấy ….chồng…
Trời ơi!….người ấy có…… … buồn không?
Có còn thương đến loài……hoa vỡ…
Tựa trái tim phai…..tựa…..máu hồng!

Thưa cô Thu Nga, thương thì vẫn thương! Nhớ thì vẫn nhớ! Nhưng tôi không buồn vì là . . . . . tôi tự nguyện. Và chính lòng tôi muốn hỏi cô:

Nếu biết rằng … … …. tôi đã ở tù
Trời ơn Người ấy có …..buồn không?
Có còn thương nhớ người … … … năm… … cũ…
Vùng vẫy bên trong…. miệng ……..Tuộc Hồng?

Ngày thứ Ba, tôi lại đèo mợ Út sang bên khu Lăng Cha Cả, đường Hoàng Văn Thụ, cô này có một cái tên rất là “lai láng, dập dờn”: Thùy Trang. Bố cô là một Thiếu Tá trong binh chủng Thiên thần Mũ Đỏ, hiện ở trại tù Hà Nam Ninh, chưa biết ngày về. Ông có hai trai, hai gái, cô Thùy Trang là thứ nhì, 26 tuổi, người em Út cũng là gái 20 tuổi rồi, người anh trai cả hơn 30 tuổi đã có gia đình và một con nhỏ. Người anh trai này tên là Dương đang là sinh viên sĩ quan cửa Thủ Đức, được ba tháng thì đứt phim nên không phải đi tù.

Bà mẹ của cô Trang đã gần 60 tuổi, năm 1980 cả hai mẹ con đã mò mẫm ra trại Nam Hà, để thăm nuôi chồng và cha. Qua mợ Út tôi còn được biết, hai chị em cô Thùy Trang đã đi vượt biên hai lần rồi, nhưng không thoát, có lần bị bắt giam hơn bốn tháng, phải đút vàng mới được tha về.

Tóm lại đây là một gia đình của phe ta, cái phe đã không đứng bằng chính đôi chân của mình, mà hay đứng dựa, đứng vịn vào người khác, nên đã chiến bại. Và nó mới đẻ ra, những nông nỗi nhiều nhiều sau này, cho người cùng phe.

Bà mẹ và anh chàng Dương cũng tiếp đãi chúng tôi nồng hậu, anh Dương và bà cụ tỏ ra tương đối hiểu biết về những thủ đoạn gian ác, lật lọng của VC. Tôi hơi ngạc nhiên, sau tôi mới hiểu : gia đình gốc ở xã Lưu Phương Phát Diệm, Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Phát Diệm khu tự trị đã một thời làm cho Hồ Chí Minh điên đầu.

Bà cụ và anh Dương có nhã ý mời chúng tôi ăn bữa cơm gia đình buổi chiều tối, vì đối với mợ Ut thì có thân quen. Phần vì 7 giờ tôi phải đi trình diện, phần khác tôi còn định ra Phường xin con dấu, để sáng mai lên quận xin gia hạn ba tháng tạm trú ở nhà bố mẹ. Tôi đã nói riêng với mợ Út , rồi tôi đưa luôn lý do trên ra để từ chối bữa ăn. Lúc này tôi thấy bà cụ hướng lên gác gọi to:

- Trang! Có chùm trái vải của chú Trung ở dưới vườn cho hôm qua, con đưa xuống đây để mời bà Vân (Út) và anh Bình ăn vải đầu mùa!

Tôi nghe tiếng ” dạ ” êm và ngọt, như mùi trái Lạc Tiên, ngày còn bé tôi và chị Hai Công hay ra vườn dâu để lục lọi, tìm kiếm. Rồi thoáng bóng một đôi chân, mềm mại đi xuống gác. Gặp mắt tôi, cô hơi cúi đầu như chào, đôi bàn tay rụt rè bầy những chùm vải ra một cái đĩa trên bàn.

Nhìn đôi bàn tay, tôi có ý nghĩ: Đôi bàn tay này chắc cũng đã làm phiền những giấc ngủ, của những anh chàng nào gặp chúng lúc ban ngày. Nhưng cái đầu và mặt của cô hơi một chút khuyết điểm, sống mũi của cô hơi gẫy lõm vào như hình chữ V gioãng. Cái cằm của cô hơi ngắn, thành ra nếu nhìn thoáng, tưởng rằng cô móm. Bộ mặt của người anh lại tương đối hoàn chỉnh, con trai đâu cần bộ mặt bằng con gái. Thế mà, ông trời cũng thường hay lắt léo chéo cẳng gà, có thể cô Thùy Trang cũng được “bù trừ”. Giọng nói của cô nhiều lúc nghe như tiếng khánh, tiếng ngọc chạm nhau, lý luận của cô cũng rất mạch lạc, vững chắc dễ thuyết phục người nghe.

Khi chúng tôi chào, bắt tay từ giã ra về, anh Dương và chính cô Thùy Trang, đã thỏ thẻ ngập ngừng:

- Có dịp mời bà và anh ghé sang chơi ! Em rất thích nghe chuyện tù của anh Bình!

Tôi chỉ biết cám ơn toàn bộ gia đình đã niềm nở đón tiếp như người quen, lại được thưởng thức những trái vải đầu mùa, thực là may mắn! Trên đường về, tôi có nhận xét với mợ Út, gia đình này tuy ở Phát Diệm nhưng cháu thấy có vẻ hơi đài các, còn cô Thùy Trang, có thể cô phải va chạm cuộc sống nhiều nên tỏ ra khá sắc sảo, tinh nhanh.

Tôi vẫn tin vào sự kỳ diệu của đời, có những cái đúng bây giờ nhưng sau này lại không còn đúng nữa, hay ngược lại! Chính vì vậy tôi thường nghe nhiều ở cửa miệng người già là ” vợ chồng là duyên số “. Để rồi, tôi sẽ cảm nghiệm trong những ngày tới.

Mợ Út và mẹ tôi, thấy đã đi đến ba đám, xem ý tôi vẫn: con cá vàng bơi lội trong hồ, nên cái ” côn “, ” gas ” lúc đầu đã hạ dần xuống. Nghe mợ Út còn nói thứ Bẩy này đến một nhà ở khu Đắc Lộ, gần hồ bơi Cộng Hòa. Cô này tên Hương, mợ lại khen, ca ngợi là một cô gái được nết lại được người, rất đảm đang, đã có mấy lần đi buôn hàng chuyến cà phê đường Ban Mê Thuột với mợ Út. Thì tôi cứ đến gặp cô Hương đó đã, vội gì?

Chiều hôm qua, một việc làm cho tôi bần thần, thấp thỏm có lúc tự trách, nhưng có lúc lại thôi. Đi làm về, khi tôi mệt nhọc đạp xe về đến ngang cổng khu Tân Chí Linh, rõ ràng từ xa, qua dáng dấp là cô Mai đang đi gần lại, vì ngược chiều nhau. Đúng rồi, hai hột ” nhãn lồng ” nhưng cô không nhìn thấy tôi, sắp ngang qua tôi thì cái mũ mầu gạch non trên đầu của cô bị gió hất tung xuống đường. Tôi đã đạp xe qua hàng chục mét. Tôi ngừng xe ngoái lại chiếc mũ bay xuống mé đường, cô Mai cũng đã ngừng, dắt xe trở lại để lấy cái mũ. Tại sao tôi lại lưỡng lự không nhặt cái mũ cho cô Mai? Phải chăng khi ấy tôi chưa phân định kịp giữa lịch sự, lịch thiệp (galant) với ” nịnh “để làm vừa lòng một đối tượng. Nếu ở cái sau, tôi cứ thấy thấp thoáng có chữ ” hèn ” nên tôi đã ngần ngại, nhặt chiếc mũ cho cô Mai?

Rồi cũng đến ngày thứ Bẩy, buổi sáng đó tôi lại phải đi Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa, trưa về cơm nước tắm rửa gần ba giờ, tôi đã xách xe ra mợ Út (vì mợ dặn trước). Lần này không hiểu sao mợ lại căn dặn tôi nhiều việc như: Cô Hương này rất quý trọng mợ Út, nên mợ cũng thương qúy cô Hương. Hôm nay, có cả người anh rể cô Hương cũng đến để tiếp, và cũng muốn xem cái anh chàng ” đồng hao ” của mình thế nào!. Mợ vẫn nói ” Cái mặt và dáng dấp của cháu , nhiều lắm là 35 tuổi, vậy cháu nhớ khi nói chuyện với gia đình cô Hương, cháu đừng nói đi tù 18 năm, mà nói đi tù 10 năm thôi. Chứ họ không tin, chả lẽ bị tù chính trị ra Bắc mới có 16- 17 tuổi thì ai tin được ?” (tôi suy đoán chắc mợ Út đã giới thiệu tôi 35 tuổi).

Hẹn 7:30 tới nhà cô Hương, vì 7 giờ tôi đem sổ cho cô Ngọc Anh ký, nên tôi đạp xe ra chở mợ Út, để đi luôn.

Trời đã cập quạng, chim đã bay về tổ, khách lữ hành cũng rảo cẳng, chúng tôi loay hoay tìm số nhà một lúc. Một trong những căn nhà mới xây cùng một kiểu cho công nhân viên chức mua, của chế độ cũ. Trong sân, dưới tàng cây trứng cá đã có hai chiếc xe Honda, một thanh niên chừng 26 – 27 mặc sơ- mi trắng quần đen, bỏ trong thùng. Anh ta tự giới thiệu khi bắt tay, là anh rể của cô Hương, đến đây để đón tiếp và chuyện trò với tôi. Anh ta kéo tôi ngồi xuống mấy chiếc ghế ở góc sân, anh đưa bao thuốc lá Samitt đầu lọc ra mời tôi. Tôi hiểu giai đoạn ấy thuốc lá đầu lọc là loại sang, ăn chơi. Trong khi bà mợ vào trong nhà, tỏ ra đã quen biết nhiều với gia chủ.

Những câu chuyện xã giao trao đổi với anh chàng ” anh rể ” làm cho tôi đã hơi ngại ngần trong cách xưng hô. Thôi thì cứ “anh, tôi “, dưới ánh điện từ trong. nhà chiếu ra mập mờ sáng tối, chẳng thể nhìn được nét ngượng ngùng trên nét mặt của tôi.

Đến khi trong nhà đã chuẩn bị xong, mợ Út thò mặt ra gọi niềm nở: “vào trong này cháu ” .

Trong phòng khách, đèn sáng choang, một ông chừng 46 – 47 mặc bộ Pyjama đã sờn cổ. Qua cách tiếp đón, bắt tay chứng tỏ là chủ nhân của ngôi nhà. Ngay lúc này, tôi đã mất hết tự nhiên, đành rằng tôi gọi người đó là ông. Nhưng tôi lúng túng không biết xưng cháu, hay xưng con, chả lẽ xưng tôi khi định đến hỏi vợ là con gái của người ta? Vì vậy trong khi chuyện trò, tôi toàn là dùng những câu không có chủ từ . Ví dụ như khi ông ta hỏi :

- Anh đã được ra tù từ bao giờ?

- Dạ thưa ông, được gần 7 tháng rồi ạ !

- Ông bà cụ của anh có khoẻ không?

- Dạ . . . . .cám ơn Chúa, bố mẹ . . . . .khỏe ạ !

Nói chung, bao nhiêu cái chủ động tháo vát mọi khi của tôi, hôm nay chúng bỏ nhà đi chơi sạch. Mặt của tôi cứ nóng lên, nhất là khi một bà từ trong nhà đi ra, tươi cười cầm tay mợ tôi, trông bà chỉ trạc tuổi của tôi 44-45 tuổi. Khi được ông giới thiệu: ” Đây là nhà tôi “. Tôi cũng đứng dậy hơi cúi đầu, miệng lí nhí:

- Xin chào . . . . .bà ạ !

Tôi và mợ Út ngồi một ghế sofa, ông bà đó ngồi một sofa đối diện, một cái bàn kính thấp hình chữ nhật dài ở giữa, mặt nhìn mặt rõ mồn một. Ông bà ta cứ chằm chằm nhìn thẳng mặt tôi, ngược lại, tôi chưa dám nhìn xem bộ mặt của ông bà ta ra sao? Mặt tôi cứ nóng lên phừng phừng, lợi dụng lúc ông bà quay đi; tôi bấm lưng mợ Út nói nhỏ như cầu cứu:

- Về đi thôi! Mợ ơi!

Mợ coi như không nghe thấy lời "cầu cứu" của tôi, mợ vẫn say sưa bàn tán vào câu chuyện với bà . . . ..đó. Ông bà hỏi tôi rất nhiều chuyện, từ khi còn đi học ở trong Nam, cho tới khi ra Bắc và lại đi tù (tất nhiên 10 năm). Cảnh bố mẹ, anh chị em v.v… Tôi toàn bị động trả lời ngập ngọng, nhất là khi biết bà ấy còn kém tôi một tuổi. Trước bốn con mắt của ông bà ngồi đối diện, người tôi như ngồi trên nồi rang. Mục đích là đến hỏi con gái của người ta mà lại xưng "tôi" thì làm sao "ổn", xưng "cháu" hay "con" thì cái miệng của tôi không thể thốt ra lời.

Tay tôi cầm chén nước trà từ lúc đầu; để che lấp những lúc mất tự nhiên, tôi lại đưa chén nước lên miệng nhấp, nước đã hết từ lâu . Cái chén đã nóng lên do " nhiệt " ở tay tôi chuyền vào, mà tôi vẫn chưa dám bỏ chén nước xuống bàn, cho tới khi bà ấy quay vào trong nhà gọi rất trìu mến:

- Hương ơi! Đưa nước thêm ra đây con!

Tôi nghe tiếng "dạ" êm như gió mộng trong nắng Xuân, từ trong bếp vọng ra, tôi biết cô Hương "đối tượng" của tôi sắp ra. Tôi cũng còn biết bốn con mắt như tia đèn bấm, đang chòng chọc quan sát mặt tôi, khi con gái của họ ra "trình làng". Tôi đã được biết cô Hương năm đó 18 tuổi, tôi chỉ thoáng bóng dáng một giai nhân có bộ tóc dài óng ả, xuống quá dưới mông. Cho tới bây giờ tôi cũng chưa biết mặt mũi của cô ta ra sao? Tôi có dám nhìn lên mặt của cô ấy đâu!

Tôi chỉ được nhìn đôi bàn tay của cô, khi cô nhẹ nhàng rót thêm nước vào các chén, và tôi lại được liếc nhìn "suối tóc mơ " một lần nữa khi cô quay vào nhà trong. Cho tới khi tiễn chúng tôi ra cửa, ông bà còn vồn vã căn dặn:

- Bất cứ khi nào có thời gian, anh lại đây chơi với các em, chuyện trò như trong gia đình.

Cho tới khi ra sân, ra cổng bắt tay với người "anh rể hờ một giờ " lòng tôi còn xốn xang xúc động.

Từ hôm tôi có ý định cưới vợ, đây là đám thứ tư, đối tượng nhiều tuổi nhất là cô Hoàng Thúy 37 tuổi, đối tượng ít tuổi nhất là cô Hương "suối tóc mơ " 18 tuổi.

Tôi một người con trai đã 44-45 tuổi đời, bị dòng đời đẩy xô vào trận cuồng lưu, đến nay là một người tù, bị quản chế chặt chẽ ngày đêm. Bố mẹ thì mù lòa già yếu, cơm gạo thì bữa đói, bữa no. Không những "tay trắng" mà còn là những bàn tay "nhơ bẩn" có quá nhiều vết đen, trong chế độ này.

Ai cũng nhìn thấy vì sao, cả bốn đám đều nồng nhiệt đón nhận? Do tôi đẹp trai? Do tôi ăn nói hay, tán hươu, tán vượn giỏi? Dù một em bé mới lớn, mới hiểu biết cuộc đời cũng thấy là hoàn toàn không phải! Về phương diện này có khi còn ngược lại. Như vậy vì sao?

Đặt câu hỏi thì ai cũng thấy nguyên nhân sáng tỏ như ban ngày: Nó ẩn tàng, nó cuốn chặt, nó luồn lỏi vào bên trong sự việc. Tôi đi tìm vợ được người ta chấp nhận là: ý thức và tinh thần hoài . . .Ngô, hay hoài Quốc Gia của người dân.

Tôi hiểu: Muốn trong lòng người dân có cái tinh thần hoài…..này, phải mất nhiều xương máu, công sức của các bậc cha anh, máu xương của nhiều người đã nằm xuống. Khối óc và bàn tay của nhiều người, nhiều thế hệ để được lòng dân " hoài " này. Chế độ VC hiện nay càng hà khắc, độc tài, chà đạp tự do, dân chủ thì lòng dân càng " hoài " Quốc Gia. Cũng như cụ Nguyễn Du, cụ Nguyễn Khuyến, bà Huyện Thanh Quan v.v… thậm chí đã làm công chức, làm quan cho triều Nguyễn, mà tâm hồn vẫn còn hoài nhà Lê. Tôi xin cúi đầu cảm tạ công ơn của quý vị đã đóng góp cho Quốc Gia, để tôi được hưởng thành quả ngày nay.

Trong những câu chuyện trao đổi ở nhà các cô, dù có nói về gia cảnh, về chuyện làm ăn – Là những phương diện, tôi không bằng ai – Nhưng phải nhận rằng, thân nhân của các cô, có thể ở cả các cô nữa, đều ít nhiều ấp ủ trong tâm tư lý tưởng quốc gia.

Sáng ngày Chủ Nhật tôi lại phóng xe sang nhà vợ chồng Lợi, tôi tường thuật sơ lược chuyện tôi đi hỏi vợ, cho vợ chồng nó nghe. Vợ chồng Lợi thích nhất là cái cảnh tôi " ngậm hột thị " ở nhà cô Hương 18 tuổi ở Đắc Lộ. Thằng Lợi vừa cười, vừa nói:

- Tao cứ hình dung cái mặt của mày lấm lét "đíu" dám nhìn mặt cô em. Mày càng "khổ" thì ông, càng "sướng"!

Buổi trưa tôi đạp xe về qua Hàng Xanh, đã nhiều lần lên nhà Lợi trở về, cứ đi qua ngã ba Hàng Xanh là tôi dẫn xe đạp lần mò đến trước cái tháp, người

bán hàng đã xếp chồng những bia lon, thành một cái tháp hình tam giác. Tôi ngẩn ngơ hàng chục phút, ngắm nghía những lon Heineken, những lon Coca-cola, Budweiser của ngoại quốc. Đời tôi từ Nam chí Bắc chỉ mới được thường thức bia hơi, bây giờ đi tù về lại có cái loại bia lon của Mỹ, của Nhật, của Hòa Lan. Như vậy, không biết bên trong mùi vị, nó như thế nào? Có khác với bia hơi không

Chỉ vì khả năng trong túi không có đủ tiền, nên nhiều lần chỉ được đứng ngắm nhìn, tường tượng. Rồi dẫn xe đi, đầu còn ngoảnh lại nhìn cái tháp bia lon, như một loại hàng xa- xỉ không phải của mình. Nhưng hôm nay, tôi long trọng xin báo cho cái tháp tam giác ấy rõ, tôi đã có chủ trương! Chủ trương từ mấy ngày hôm trước rồi! Chị Hai Công khi trở về Hồng Ngự đã đút vào túi của tôi 50 đồng.

- 35 -

MỘNG ĐỜI NỞ HOA

Hôm nay tôi quyết định, mua một lon Heineken và một điếu thuốc lá lẻ đầu lọc. Tôi sẽ lên căn gác vắng, để tự hưởng một mình để bù lại những tháng năm, nằm trong miệng của con Hồng Tuộc của thời đại.

Tôi nhẹ nhàng đút cẩn thận lon Heineken vào trong chiếc túi " rết " phía sau lưng, chiếc túi hàng ngày nó vẫn ngồi trên lưng tôi đi lao động ở tổ mộc Thành Công Trong khi tôi nắn nót quấn cái khăn chung quanh lon bia để đút vào túi, tôi nhìn cái túi "rết" mầu núi mùa Đông, như muốn hỏi nó: "Cậu có thấy hãnh diện, từ ngày về với tôi, hôm nay "đặc trách" cậu được mang một thứ nước tuyệt vời để phục vụ "hạnh phúc" của chủ nhân?"

Cô bé bán thuốc lá lẻ hôm nay cũng đặc biệt: bao thuốc lá Dunhill còn ba điếu, cô lấy lại một điếu rồi đưa cho tôi cả bao. Xin cảm ơn cô bé nhé ! Trang trọng nhẹ nhàng đút bao thuốc vào túi ngực, áo sơ-mi.

Đẩy chiếc xe đạp ra đường, tôi thấy mọi người nhìn tôi bằng con mắt khắc thường. Mặc! Tôi nhẩy "phắt" lên chiếc yên xe rồi nghênh ngang, dõng dạc thẳng lưng, nhấn bàn đạp. Đi qua Cầu Bông, rất đông người đang chen chúc nhìn xuống dưới triền sông.

Tôi thấy họ lạ thật, họ lạnh lùng thờ ơ thật! Họ không biết rằng trong chiếc túi "rết" ở trên lưng tôi, có một lon Heineken! Trong túi áo sơ-mi trước ngực của tôi, có một bao thuốc lá Dunhill nổi tiếng của Anh, còn những hai điếu. Phố phường, bà con có biết không?

Tôi muốn mọi người chung quanh phải chia xẻ với "hạnh phúc" niềm vui của tôi. Ngay mảnh mặt trời, đã ngả về Tây còn như muốn đẩy lưng tôi, để tôi mau về tới nhà mà "hưởng thụ". Trước mặt, hai vẩng mây trắng, trông như đôi bàn tay nõn nà của cô Thùy Trang đang vời . . . vẫy. Ghét ơi . . . là ghét! Tôi chẳng . . . Tôi lại cúi gầm xuống, chân nhấn mạnh bàn đạp.

Về tới nhà mới gần ba giờ. Nhà vắng lặng, chắc thầy mẹ của tôi đang nghỉ trưa! Tôi cố cẩn thận không gây một tiếng động, tôn trọng giấc ngủ của các người. Tôi cứ thong thả, đường hoàng chuẩn bị, cho cái phút giây hạnh phúc của tôi. Tôi chợt nghĩ:

"Tại sao không tắm một cái?"

Đã hai ngày rồi, mà chỉ 15 phút thôi, người sẽ sảng khoái, tỉnh táo, để đón nhận cái ” thú vị ” từ trước đến giờ chưa nếm mùi. Nghĩ thế là tôi làm liền!

Sau khi tắm rửa sạch sẽ chuẩn bị xong. Khe khẽ tôi ôm lon bia và bao thuốc lên gác. Khi đi qua màn thầy mẹ, tôi đã liếc nhìn vào từng màn, các người vẫn nằm yên ắng. Tôi mở to hai cánh cửa sổ, chiếc cửa sổ duy nhất nhìn sang phía nhà bà Tường, qua một cái ngõ hẹp, rộng chừng hai mét. Ngồi đây vừa thoáng mát, lại vừa được ngắm một miếng vuông phía Tây Nam, của mảnh mặt trời chiều. Tôi khẽ khàng trang trọng, đặt lon bia Heineken và bao thuốc Dunhill gần sát cửa sổ.

Tôi ngồi xếp chân bằng tròn, mắt tôi cứ đăm đăm nhìn lon bia, và bao thuốc. Óc tôi lần dở lại những trang đời xa cũ: Thuốc lá Dunhill, trước 1962 tôi đã từng hút nhiều lần. Nhưng bây giờ cảm nhận lại, mắt tôi nhắm nghiền vài giây. Tôi quên tiệt mùi vị của nó đi rồi! Được hãy chờ đấy, đừng có hấp tấp mất hết cả ý nghĩa. Tôi liên tưởng đến một ý, tôi đã quên mất xuất xứ: “Anh không biết trân quý những cái anh đang có, thì anh không được hưởng cái tuyệt vời của nó”.

Ngay từ lúc mua ở Hàng Xanh, tôi đã đọc, nhìn nhiều lần chữ Heineken rồi. Bây giờ tôi vẫn thèm đọc nữa. Bia hơi thì tôi đã được thưởng thức. Thưởng thức ngay từ những ngày trước khi đi vào vùng bão tố. Những bia lon, lại là bia của ngoại quốc, bia của Hòa Lan thì làm sao mà tôi hình dung, tưởng tượng được?

Cũng xin chờ một chút! Hôm nay tôi sẽ cho phép cơ thể của tôi được thưởng thức cái mùi vị đặc biệt, từ bé đến giờ chưa một lần được biết mùi.

Bất chợt tôi đập hai tay vào 2 đầu gối của tôi một cái mạnh. Tôi giật thót người, quay lại nhìn xuống gác! Tư tưởng của tôi cứ đắm chìm vào bia, vào thuốc từ nãy, khi chợt nhớ ra đã không lấy cái hộp diêm quẹt, hút thuốc ở dưới nhà lên.

Như choàng tỉnh, nên đã vỗ vào đầu gối, rồi lại chợt nhớ thầy mẹ đang ngủ, mà mình vỗ mạnh tay quá. Thành ra cứ luẩn quẩn, loanh quanh, luýnh quýnh, như sắp được nếm của lạ !

Thôi hôm nay tạm tha cho cái tính lẩn thẩn, lính quýnh, loáng quáng này một lần. Lần nữa thì không tha mà còn bắt viết kiểm điểm. Ta sẽ xé nhiều lần trước mặt, bắt viết lại, và còn bắt trình diện hàng ngày nữa. Là chủ nhân, ta sẽ hành cho mi mê tơi, ta có trăm nghìn cách, bắt mi phải phục tùng làm nô lệ trâu ngựa, suốt đời cho ta.

Mới chỉ nhìn, chưa uống và cũng chưa hút mà đã say! Ghét bia và thuốc quá đi thôi !

Đã ngâm nga từ nãy, không chịu được nữa rồi. Tôi cầm lon bia khẽ bật cái móc: Một tiếng xịt dài làm tôi nhớ ngay đến con voi ở sở thú năm 1958.

Hôm đó tôi và thằng em trai Công Lý vào sở thú xem voi và hổ. Bỗng một tiếng xịt dài ở hậu môn con voi làm nhiều người quay lại. Rồi một mùi ung ủng của thịt thiu xông ra, làm cho mọi người phải bịt mũi. Nhưng tiếng xịt hôm nay nghe thì giống, nhưng cái mùi của nó thì đê mê làm ngất ngây lòng tôi. Tôi không thể giữ được tay tôi ngừng lại, tay tôi đã đưa lon bia vào miệng rồi, ừng ực mấy hơi liền. Sau khi đã ngất ngưỡng được trên nửa lon, bấy giờ tôi mới sờ đến cô nàng Dunhill. Ngày xưa tiền bối Vũ Hoàng Chương, gặp cụ Lưu Linh thế nào tôi không biết, nhưng hôm nay tôi đã hân hạnh gặp cụ. Cụ Lưu Linh vẫn trẻ mãi không già, như nàng Xuân mới lớn.

Mùi bia, mùi thuốc đầy ắp căn gác trống, hồn của tôi đã thập thò mấy lần định lẩn ra ngoài, nhưng tôi đã kìm lại. Nhìn làn khói xoay tròn, rồi ngoằn ngoèo bò ra ngoài cửa sổ, mầu khói thuốc đã lẫn lộn vào mấy tảng mây trời. Khói lắt léo giẫy dọn, mây thì nằm yên nhưng đều bị ánh hoàng hôn nhuộm vàng hết. Mặt trời muộn, đã nhuộm vàng cả mấy mái tôn, mái ngói; cả một nửa cây điệp to tướng, trong khu nhà thờ Nam Hòa.

Mắt tôi lơ mơ thoáng một bóng trắng, dưới chiếc giếng giữa nhà bà Tường và nhà tôi, tôi tưởng là hoa mất. Tôi ghé sát ra song cửa nhìn xuống, đúng là một cô gái, mái tóc đen huyền buông xõa xuống bờ vai. Đôi tay của nàng, đang kéo gầu nước đổ vào chiếc thau nhôm, có mấy cái khăn đen trắng. Giữa khe hở của hai lọn tóc phía sau lưng cô, là chiếc cổ trắng ngần. Cô chừng 22- 23 tuổi, không hiểu cô là con cái nhà ai ở trong xóm này? Tôi chưa hề trông thấy bao giờ, từ khi đi tù về”

Động óc tò mò, nên tôi tỉnh hẳn, nghĩ đến hàng rào sắt có cây mai tốt tươi (chưa một lần nở hoa) ngay sát chiếc giếng, chỉ cách khoảng 1 mét 50.

Tôi lẹ làng xuống dưới nhà, liếc vào gương, vuốt lại mái tóc, rồi ra sân bếp bên cạnh cây mai, hàng rào sắt chỉ cách chiếc lưng của cô hơn một mét. Tôi đã nhìn rõ! Thừa nhận da của cô thật trắng, nhưng chỉ nhìn thấy phía sau lưng. Tôi suy đoán, chắc chắn khi xong, cô phải đứng lên, quay vào nhà.

Hai tay chống nạnh hai sườn, ngực tôi hơi ưỡn ra, trong thâm tâm, một sợi chỉ nhỏ lờ mờ, tự nhủ : Bốn đám mình đã đến nhà; dù không trâm anh thế phiệt, cũng là loại nghiêng nước, nghiêng thùng mà cũng đều đã chấp nhận. Vậy thử xem cô nàng này, mặt mũi ra sao?

Kiên nhẫn đứng chờ, tôi đinh ninh, cô này khi ngửng lên, nhìn thấy một chàng trai (hai con mắt) đứng lừng lững ngay phía sau lưng, cô ả sẽ đỏ mặt, rồi lúng túng. Tôi đã vận dụng con mắt của nghề nghiệp , chỉ không, chứ cô đã nhìn, dù nhìn ngang (nhìn bằng trường của con ngươi) cũng không thể qua mắt tôi được.

Nhưng, cho tới lúc cô ả đứng dậy, xách gầu, mang thau đi vào một cái cửa sau, của một ngôi nhà quay mặt ra phía xóm nhà thờ, cô không hề liếc nhìn, mặt nghiêm trang, dù cô đã quay cả ra phía sau lưng. Một luồng hơi anh ách dồn lên ngực tôi, tôi quay vào nhà định tiếp tục lên gác. Thấy mẹ tôi đã ngồi dậy trong mùng, cái luồng anh ách hãy còn nóng trong lồng ngực. Tôi sà vào màn mẹ, hỏi ngay:

- Mẹ ơi! Mẹ có biết phía sau nhà, có một cô gái chừng 22- 23 tuổi có nước da thật là trắng, mẹ có biết con cái nhà ai không mẹ?

Bà cụ hơi ngạc nhiên, vì đã hàng nửa tháng nay, tôi đi tìm vợ hết đám này đến đám kia, tôi chẳng nói năng gì. Bây giờ, lại hỏi về một người con gái, ngay phía sau nhà? Bà cụ ngồi im, đăm chiêu một lúc, rồi mặt người tươi lên, mỉm cười:

- Đấy là con của bà Chức, vẫn sang với mẹ, mà con đã gặp. Tại sao, con lại hỏi mẹ thế?

Con bà Chức! Cái bà đã hai lần chuyện trò với tôi, vẫn gọi thầy mẹ tôi là ông bà cụ, và bà đã xưng em khi nói chuyện với tôi? Tôi nhớ lại, chính cái bà đã đi xe đạp sang nhà em Xuân, báo cho biết là buổi sáng hôm ấy, tôi đã về. Mẹ tôi quay lại, còn cười nữa:

- Con có thích, mẹ sẽ nói cho?

Để đường hoàng, nhìn xem mặt cô này, tôi nói với mẹ tôi:

- Con thường không có nhà, khi nào bà ấy sang, mẹ cứ nói dạm thử, con sẽ sang nhà bà ấy chơi, mẹ nhé!

Chừng bốn năm ngày sau, một buổi tôi đi làm về, mẹ tôi từ trong màn nói vọng ra:

- Bà Chức nói, hôm nào con ghé sang nhà bà chơi!

Trong khi hôm kia, hôm qua phía nhà cô Thùy Trang và cô Hương nhắn mợ Út: ” Sao không thấy anh ấy xuống chơi! ” .

Một buổi chiều, còn mươi mười lăm phút nữa, tôi mang sổ trình diện đến nhà cô Ngọc Anh, tôi lúi húi sửa lại cái xích xe đạp, chuẩn bị cho ngày mai đi làm. Một tiếng rao hàng quen thuộc, khàn khàn như tiếng con ngạn đực gào, gọi vợ con:

- Lạc rang ……..nóng…….. dòn…….. đây……

Tiếng rao cất lên đã phá tan cái tĩnh lặng của một xóm chiều, nhiều tần tảo sở xoay với hai bữa cơm độn bo bo của mỗi ngày. Dạ dầy, sau một ngày lao động cực nhọc nó đã vặn vò, không còn một chút nguồn sống, nên chỉ nghe tiếng rao, mũi đã đánh hơi thấy mùi lạc rang thơm lừng. Lòng vừa muốn được thưởng thức những hột lạc dòn ngậy ấy, vừa muốn giúp đỡ phần nào ông già bán lạc, còn khốn cùng hơn tôi. Nhưng cái túi của tôi đã ngăn lại, một cách hữu hiệu. Tôi đành phải theo nó, dù vậy tôi vẫn mở cửa bước ra ngó ông già. Một tay ôm thùng lạc, một tay chống chiếc gậy tre, vót nhọn.

Nhìn chiếc lưng gầy đeo chiếc áo lính mầu xám, đã trở thành mầu lá úa, vá chằng chịt. Áo đụp miếng nâu, miếng đen, như nó đang đeo theo nỗi vơi đầy của người dân đen, quằn quại trong nanh vuốt của nhà nước chuyên chính vô sản có nhiều tài bịp bợm.

Tiếng rao mất hút dần về phía cuối chợ Nam Hòa. Con đường hẻm rộng rãi, tráng xi – măng nhiều rác bẩn, lá bánh, giấy vụn, vỏ chuối, giẻ rách, lá khô thối rữa, gió vun rải rác từng đống to nhỏ. Những căn nhà hai bên lớn, bé, hai lầu, ba lầu, những mái bằng, mái ngói, cửa lớn, cửa nhỏ, nhưng đều đóng im ỉm như nhà của bố mẹ tôi. Trên những ban công, những chiếc chuồng to, nhỏ đóng ghép bằng tôn, bằng gỗ thùng và bằng các- tông nhặt nhạnh để nuôi gà, thỏ, vịt thậm chí cả heo. Cứt gà, cứt heo văng vấy lên những bức tường, mầu sơn tươi còn sót lại, những áo, quần, màn, chăng vắt phơi đây đó. Tôi hình dung đường thời gian của con hẻm này:

Trước 1962 tôi đi ra ngoài Bắc, đường hẻm này là đất, cát. Nhà gỗ, nhà tôn, nhà xây lẫn lộn, to, nhỏ, lồi ra, thụt vào, có nhiều cây trứng cá. Những buổi chiều tôi hay nằm trên chiếc phản đầu hè, để học hay đọc sách. Nắng, mưa hai mùa, sớm chiều, những nàng gió vào lả lơi, với những chàng trứng cá. Những anh chàng và những cô nàng có xức nước hoa hay không, nhưng thực sự con ngõ này, nếu không có mùi hương của các chàng trai và những cô nàng, thì là những cái mùi, nhè nhẹ trong lành của thiên nhiên như mùi của cây, của cỏ, của đá và của đất.

Nhưng bây giờ, cũng con ngõ này, lẫn vào trong không khí, nếu không là mùi của phân heo, gà, vịt, thì là mùi của lá thối, hay mùi ủng của cống rãnh.

Cuối 1980 tôi trở về, nhà hai ba tầng xây san sát, đã nói lên một thời phồn thịnh còn vang bóng. Nhìn con ngõ, tôi hình dung như một người gặp thời làm ăn phát đạt sung túc, mặt tươi roi rói như hoa mùa xuân. Bây giờ gặp phải thời mạt vận, buôn thua, bán lỗ, thất cơ, lỡ vận, suốt đêm ngày vật lộn với cái dạ dầy, nên mặt nhăn nhúm, lúc nào cũng buồn rười rượi, mà còn phì ra những cái hơi, vừa chua vừa thủm nữa.

Chiều hôm qua, sau khi cơm nước, rửa chén bát xong, tôi đã trèo vào mùng với mẹ để chuyện trò nỉ non. Tôi đã nói với mẹ, hôm nào bà Chức sang; hay khi mẹ đi chầu, gặp ở nhà thờ, mẹ hãy nói dùm con chiều thứ Bẩy này, con sẽ sang để thăm gia đình.

Mẹ tôi đã gặp bà Chức ở nhà thờ, và bà đã đồng ý chiều thứ Bẩy. Cái buổi chiều thứ Bẩy hôm ấy, tôi cũng chuẩn bị quần áo sạch sẽ, để sang thăm nhà cô nàng, và để nhìn rõ cái mặt, của cô nàng; dám coi thường đấng ” mày râu “

Nhà nàng cứ tưởng… …..ở đâu?
Cạnh ngay cái giếng ……..phía sau….nhà mình.

Cũng giống cô nàng của bác Nguyễn Bính ngày ấy:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi…..
Cách nhau cái giậu mồng tơi…….. xanh rờn.

Dù đứng ở sân bếp, cạnh cây mai tôi cũng nhìn thấy cái cửa xanh xanh phía sau nhà nàng. Tôi vẫn đường hoàng cuốc bộ vòng ra phía nhà thờ, để vào phía trước nhà.

Bà Chức đang ngồi khâu vá ở một cái bàn, bà bỏ giỏ khâu vào phía trong, rồi niềm nở; sau khi tôi hơi cúi đầu nhã nhặn chào bà:

- Chào anh! Anh sang chơi!

- Không ngờ nhà bà lại ở ngay phía sau, từ ngày về, hôm nay mới sang thăm gia đình .

Bà Chức cầm cuộn chỉ đút vào chiếc giỏ, quay lại:

- Tôi vẫn sang bên ông bà luôn, hàng xóm, láng giềng.

Đã chuyển đổi hơi khác đi rồi, tôi nói đã không có chủ từ, bà Chức đã xưng ” tôi ” không còn xưng ” em ” như mọi khi, và đã gọi bố mẹ tôi là ông bà, thay vì thường gọi ông bà cụ. Điều này là tự nhiên, tự hiểu của cuộc đời.

Chắc bà ấy và mẹ tôi đã bàn thảo, trao đổi; nhất là từ ngày tôi về có bao giờ lại sang nhà hàng xóm? Đi trình diện với CA và lo ăn tối ngày, tâm hồn nào để ý đến hàng xóm?

Trong câu chuyện với bà Chức, điều chính yếu là cám ơn bà ấy và xóm giềng đã giúp đỡ bố mẹ mù lòa, già yếu của tôi, trong khi tôi không có ở nhà. Bà Chức cười vui, không khí cởi mở, bà quay xuống bếp gọi:

- Hoa ơi ! Đem nước mời " anh " con !

Đúng cô nàng hôm múc nước ở giếng rồi, cô nàng chỉ e lệ cúi đầu, chứ không có lời chào, đứng rót nước, rồi xuống bếp.

Như tôi vẫn biết và vẫn tin: "Đời sống kỳ diệu, khôn lường!" Không một ai biết được ngày mai của mỗi người. Ngay một người tử tội, ngày mai sẽ bị bắn ở pháp trường, có trường hợp vẫn sống, mà còn sống lâu nữa! Có rất nhiều sự việc không thể lý giải. Đã bốn đám tôi và mợ Út đi đến, họ cũng nồng nhiệt đón nhận anh chàng thất cơ, lỡ vận, phó thường dân xác xơ nghèo, nhưng nó không thấy thân quen, gần gũi. Họ còn có nhã ý sẽ lo cho cả hai vợ chồng " vượt biên " khi đã là con cái của họ rồi. Bà Chức bỗng đứng dậy nói:

- Anh ở nhà chờ tôi một chút, tôi ra đây có tí việc.

Nói rồi, bà quay xuống bếp cao giọng:

- Hoa ơi ! Con lên nói chuyện với " anh ", mẹ ra đây một tí !

Cô Hoa lên nhà, lần này không dám nhìn tôi; thái độ lúng túng, rụt rè, khác hẳn với khi nãy. Tôi đứng dậy, nhìn vào một chiếc ghế đối diện, nói nhẹ nhàng:

- Mời cô . . . . .ngồi nói chuyện !

Câu đầu tiên tôi hỏi cô Hoa là: " ông đâu, đi vắng hay ở đâu?"

Trong suốt câu chuyện, tôi được biết: Ba (tức ông bố) ở trên Phương Lâm, ba người con trai là em của cô, có nhà làm ruộng, làm vườn ở trên ấy. Cô học vừa hết lớp 11 thì mất nước, khi ấy cô 18 tuổi, cô đã phải đi thủy lợi hai lần, mỗi lần một tuần, đã nếm mùi đoàn thể của Việt Cộng.

Hiện nay cô đi làm cho tổ ngòi bút Đức Thành. Điều làm cho tôi "mềm" lòng nhất, là đã có mấy lần, cô ấy đã dẫn mẹ tôi từ nhà thờ về nhà. Để biết được ý của cô, đồng thời muốn biết một vài quan điểm của cô về xã hội, về

đất nước và cuộc sống v.v. . . tôi đề nghị một buổi chiều, ra bờ sông Sài Gòn nói chuyện, cô đã trả lời rất là hợp lý:

- Em đồng ý lắm, nhưng phải hỏi ý kiến của mẹ em đã.

Cũng vừa lúc ấy thì bà Chức trở về, tôi cũng đã thưa thẳng ý kiến trên với bà. Bà tỏ vẻ rất vui và bà đã nói một câu, tôi vẫn còn ghi nhớ tới bây giờ:

- Em nó đi với anh, tôi không có ngại ngần gì?!

Để cho mát, tôi xin hẹn 7 giờ 15 chiều. Sau giờ trình diện, tôi đã đèo Hoa ra bờ sông. Buổi đi chơi này, tôi và Hoa đã trao đổi, thẩm định nhiều lãnh vực, để hiểu tương đối về nhau.

Tôi muốn có một chút khái niệm, về ngành giáo dục của miền Nam trước 30-4-1975, nên tôi đã hỏi cô Hoa học trường nào? Cô đã theo học một cái trường rất lạ: Trường Nhân Chủ, tôi hiểu dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa thì có rất nhiều trường tư. Trường Nhân Chủ ở đường Nguyễn Văn Thoại, sau Việt Cộng đổi lại là trường Nguyễn Thái Bình.

Giai đoạn tên Nguyễn Thái Bình bị bắn chết, ở ngoài Bắc khi ấy VC có dư luận (cán bộ) cũng không ưa tên NTB này. Nhưng ở trong Nam, Việt Cộng cần lấy chính trị, nghĩa là nó cần mua những người nhẹ dạ khác, cho nên chúng ra vẻ ghi công như trường hợp Nguyễn Văn Trỗi.

Giữa Quốc Gia và Cộng Sản về lĩnh vực này khác nhau rõ rệt:

- Quốc Gia: Bất cứ ai đã đem lại lợi ích, cho quê hương dân tộc ở bất cứ lãnh vực gì, chúng ta đều ghi ơn tôn kính như một danh nhân của dân tộc.

- Cộng Sản: Bất cứ lãnh vực gì, chính trị phải đặt lên hàng đầu: Phải có tính Đảng, tính giai cấp, cho nên chúng có đặt tên phố hay một công trình nào đó, hoặc đề cao một cá nhân là để mua, để đánh lừa những người nhẹ dạ, trong nước cũng như ngoại quốc. Chứ người đó, chưa hẳn đã làm lợi cho dân, cho nước.

Sau khi thấy có thể cùng đi một đường, cùng nhìn về một hướng, tôi cởi cái bọc "anh ách" hãy còn nóng hổi ở trong lòng, với cô Hoa. Tôi đã cầm tay Hoa, nhẹ nhàng hỏi:

- Thế cái buổi chiều hôm ấy, ngoài giếng em không nhìn thấy anh ư?

Hoa hơi bóp ngón tay tôi, rồi nói nhẹ như gió xuân đầu mùa:

- Em không nhìn, nhưng em biết!

Ngạc nhiên, tôi hỏi cho bằng thỏa, để rồi em Hoa phải thú thật là đã để ý đến tôi, từ mấy tháng trước.

Một buổi họp liên tổ Dân Phòng, bà Vinh với bà Chức (mẹ Hoa) đi họp về nói chuyện tên Long to lớn, thường ngang tàng hống hách trong xóm. Y mượn của anh Bình cái kính, dùng xong rồi đút vào túi, coi như quên. Anh Bình đường hoàng đến rút cái kính, rồi về chỗ ngồi, không nói năng gì. Bà Vinh còn nói: "Con ông bà cụ ít nói, nhưng không dễ bắt nạt." Em ngồi học, nghe được, rồi em cứ nghĩ đến anh.

Tôi đã cảm ơn em Hoa, cho tôi biết một sự thật.

Mắt tôi lơ đãng dõi theo hai con thiên nga, đang sóng đôi bay về phương trời. Tâm tư của tôi lại chạy ngược về buổi chiều, gặp cụ Lưu Linh hôm ấy, tôi kéo đầu Hoa lại gần. Nói với Hoa, mà mắt tôi vẫn ôm chặt đôi thiên nga, đã mờ dần xa vút:

- Nếu hôm ấy, em không nhìn anh bằng một giác quan đặc biệt, thì đã không có buổi hẹn hò hôm nay. Và em có đồng ý với anh rằng: Đời là kỳ diệu?

Hoa đã bóp chặt tay tôi hơn, rồi gục đầu vào tay tôi, thầm thì:

- Em đồng ý !

Và cũng trong buổi tối hôm ấy, chúng tôi quyết định, tiến tới hôn nhân.

- 36 -

CÁI ÁO NHÂN DÂN

Sau buổi nói chuyện với cô Hoa, tôi đã về trình bày chi tiết lại với thầy mẹ tôi. Mẹ tôi mừng ra mặt, người tươi như có một nguồn sinh lực mới, người sai tôi đi mời mợ Út vào để người nói chuyện.

Mợ Út vừa vui, vừa ngạc nhiên: Vui vì tôi đã chịu lập gia đình, lớn tuổi mà còn lận đận, long đong mãi. Ngạc nhiên vì so với bốn đám kia thì tôi có điều kiện để bay, nhẩy sau này nhiều hơn, nhưng một khi đã nói: Đời là kỳ diệu, vợ chồng là duyên số thì xin ngừng lại đây.

Chuyện lấy vợ của tôi cũng không đơn giản, bình thường. Tôi còn bị mất quyền công dân năm năm, cho nên tôi phải chạy lên Thành, xuống Quận; ra Ủy Ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về, vào Phường còn phải đến báo cáo cả cô Ngọc Anh, công an khu vực nữa. Không phải một lần mà xong, chúng bắt tôi chạy đi, chạy về nhiều lần. Hạch hỏi, cả những điều tôi không hề nghĩ tới, như:

- Anh quen với cô Hoa này do đường dây nào?

- Anh có chủ trương gì với cô Hoa sau này?

Tôi nóng cả người lên, tôi đã định trả lời theo cái ngang bướng cố hữu khi bị ép đè là: "Tôi có chủ trương sẽ đẻ con với cô Hoa! Và sẽ phong cho cô ấy, chức Nội Tướng sau này".

Nhưng thôi, phải nín thở qua đò, thì mới có thể làm được những việc mình muốn, nên tôi đã trả lời, ngoan ngoãn ngây thơ:

- Thưa ông, chủ trương nào cơ? Tôi chỉ muốn lấy cô ấy làm vợ thô i !

Chỉ có cô Ngọc Anh làm cho tôi ngạc nhiên. Một buổi tối, tôi đến trình diện xin chữ ký của cô mỗi ngày, hôm nay sau khi làm những điều thường nhật xong, tôi nói luôn:

- Thưa cô, tôi và cô . . . . . Hoa sẽ chuẩn bị tiến đến hôn nhân, vợ chồng !

Con ngươi của cô đang là mầu xanh lam hình bầu dục, cô ngửng lên nhìn tôi. Con ngươi của cô mở to dần thành tròn, rồi ưỡn ra, chuyển thành mầu nâu. Không nói một lời, cô quay ngoắt vào trong.

Thấy vậy, tôi đứng lên, khẽ chào, rồi tôi ra về. Mợ Út đã vào nhà tôi nhiều lần, cùng với mẹ tôi, có cả bà Chức. Các bà đều đã chuẩn bị sấp xếp vào ngày Chủ Nhật này, có cả ông Chức từ trên Phương Lâm về. Như một ngày chính thức dạm hỏi, để rồi ấn định ngày cưới, ngày vào Cha cho một lễ cưới đơn giản theo điều kiện và hoàn cảnh của gia đình đôi bên ở giai đoạn ấy. Vợ chồng Lợi và Đạt hoan nghênh tích cực, chuẩn bị cho đám cưới của tôi.

Mấy ngày sau, chị Hai Công ở Hồng Ngự đã xuống và chị đã thực hiện lời chị nói là, cho tôi một cây vàng lá Kim Thành. "Tiền vào nhà khó, như gió vào nhà trống". Phải thừa nhận lạng vàng của chị Hai, đã giải quyết những khó khăn chính, trong giai đoạn này của tôi.

Tôi nhớ có một bữa cơm họp mặt mấy bạn bè trên nhà thằng Lợi trước ngày đám cưới của tôi. Bữa cơm hôm ấy có năm sáu người bạn hoặc liên quan họ hàng: Anh Trần Đình Lộc(anh rể của Lợi) Đạt, Lợi, tôi, ông Long và anh Bùi Văn Đệ. Bữa cơm họp bạn bè giữa năm 1981, đã hằn vào tiềm thức của tôi.

Những ai ở Sài Gòn trong giai đoạn này, đều đã thấy: Hầu hết cuộc đời của mỗi người, đều không biết ngày mai sẽ ra sao? Đầy trăn trở, lắng lo; đầy thấp thỏm ngơ ngác nhìn ngày mai với những khó khăn, chất chồng trước mặt. Vì thế bữa cơm này, dù tâm trạng mỗi người khác nhau, nhưng đều muốn uống mà không cần kìm giữ. Trong sáu người này, người nhiều tuổi nhất có lẽ là ông Long, ông đã từng là một người điều hành kỹ thuật, của một cơ xưởng mộc xuất khẩu của Sài Gòn trước và cả sau 1975.

Trong khi người nào cụ Lưu Linh cũng đã đến thăm, có nhiều chuyện được đề cập. Tôi hiểu tuy là bạn bè nhưng mỗi người đều có những nỗi niềm riêng, tôi cũng có niềm riêng. Tôi còn có một cái tôi tin rằng, khác với năm người kia. Tôi có muốn gặp cụ Lưu Linh, nhưng cái túi nó đã ngăn tôi lại, hôm nay có điều kiện, nên tôi đã nói chuyện với cụ hơi lâu, hơi nhiều. Bỗng nghe thằng Đạt nói như sừng sộ :

"Ông Hồ có tên trong tự điển Larousse" .

Rồi tiếng ông Long cũng sôi nổi:

"Ông Hồ Chí Minh tuy có một số điểm sai, nhưng chúng ta phải thừa nhận, ông ta đã cả một cuộc đời yêu quê hương dân tộc"

Anh Đệ ngồi mãi phía cuối bàn, cũng khàn khàn lên tiếng:

" Rất tiếc, nếu ông Hồ còn sống, thì người dân không khổ cực như bây giờ".

Tôi nghe, và tôi cũng không hiểu tại vì sao các bạn lại đưa cái đề tài HCM ra, để tranh luận? Nghĩ thế, nhưng tôi vẫn ngồi im, cho hồn đưa võng với cụ Lưu Linh. Tôi hiểu mấy người bạn của tôi, đều là người Bắc di cư. Cùng ở dưới chế độ VNCH và đều đã là công chức dưới chế độ đó, đều không ưa gì CS, mà còn nhận định về Hồ Chí Minh như vậy, thì còn nói chi đến người dân khác!

Nghe như vậy, nhưng lòng tôi còn rối rắm nhiều sự việc, sáng mai phải đưa bản kiểm điểm lên tiểu ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về. Họ có tha thứ, chấp nhận cho tôi được gia hạn ba tháng, tạm trú nhà bố mẹ của tôi không đây? Tuần trước, tiểu ban QLNNHTCTĐV gửi giấy gọi lên, bắt tôi làm kiểm điểm đã vi phạm thời gian tạm trú. Lý do, khi tôi lên Thành CA, sáu tháng trước trình diện. Tôi có xin gia hạn tạm trú, nhưng CA Thành đã bảo vấn đề tạm trú, đã giao về địa phương.Tôi hiểu địa phương là phường 6; phường của tôi ở, và CA khu vực, mà hai nơi này thì hàng ngày tôi đều có mặt trình diện rồi.

Đầu tôi đang cúi gầm, tâm sự với cụ Lưu Linh thì ông Long đã gọi tên tôi:

- Anh Bình đã ra Bắc, tù nhiều năm, cho chúng tôi nghe ý kiến của anh đi!

Cả cái thằng chó chết Đạt cũng thúc vào:

Anh Bình có đồng ý ông Hồ có công với dân tộc, với đất nước không?

Tôi đã ngất ngưỡng rồi, nhưng bạn bè muốn tôi có ý kiến, vậy thì cứ nói thật, những suy nghĩ trong lòng:

- Tôi đã say, nhưng các bạn muốn tôi có ý kiến, xin các bạn thông cảm, tôi không có khả năng lý luận và ăn nói. Do đấy, tôi chỉ nói những cảm nghĩ và sự việc bản thân đã trải qua:

Khi tôi còn nhỏ ở trong vùng Việt Minh, nên tôi đã là nhi đồng cứu quốc. Tôi đã chơi đùa nhiều với các anh bộ đội của "Bác Hồ" suốt những năm 1945 đến 1950. Năm 1950 tôi ra Hà Nội, 1954 vào Nam, rồi 1962 ra miền Bắc. Do những bối cảnh của quê hương, do những thúc đẩy của dòng đời, tôi đã nhận một nhiệm vụ nhỏ bé ra Hà Nội để chống Cộng Sản.

Dù tôi đã được nghe, được diễn giải chủ nghĩa Cộng Sản từ đệ I, II, III IV Quốc Tế diễn tiến cho tới Tito của Nam Tư (thời gian ở lớp học số 2 Jean Jacques Rousseau).

Một mình tôi xông vào bức màn sắt, mò về Hà Nội để đi thực tế. Trong đáy con tim của tôi vẫn còn dành một góc nhỏ, lòng mến mộ HCM. Thật là một điều mâu thuẫn, nhưng đấy là sự thật! Rồi tôi bị bắt.

Sáu năm trong xà- lim, cũng là thời gian tôi có điều kiện soi rọi lại những sự kiện của cuộc đời, và của quê hương. Ở các trại trung ương, là thời gian tôi vừa tiếp xúc với nhiều những thành phần đối lập, với chế độ Cộng Sản, lại vừa có điều kiện, đọc những sách triết, lý luận của Cộng Sản (do chính CS xuất bản), cái món ăn tinh thần, tôi vẫn ngán ngẩm, và lười đọc trước đây. Như một món ăn mình không thích, nhưng đói và cái thế phải ăn mãi thành quen, rồi thành thích.

Vậy mà mãi tới năm 1978 – 1979 Việt Nam đánh sang Căm-pu-Chia; Trung Cộng dạy cho Việt Nam một bài học. Nhiều đêm tôi mần mò trăn trở, khắp các nước Cộng Sản, rồi về. đến cá nhân Hồ Chí Minh.

Đất nước ta bị thực dân Pháp đô hộ chính thức từ 1858. Dân trí tiến lên theo cái đà chung của toàn thế giới. Vì thế, từ 1900 đến 1925 biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam, đều thấy cái nhục mất nước, mong ra nước ngoài tìm được một giải pháp cứu nước. Họ, tùy theo điều kiện, người thì sang Tầu, sang Nhật, Anh, Pháp v.v. . . Nơi nào có những manh mối đường hướng, chủ trương, phương pháp hay tốt . Để từ đấy hy vọng đuổi được thực dân Pháp đi.

Biết bao nhiêu phong trào, đoàn thể, đảng phái đi khắp nơi trên thế giới: Như cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Cường Để, Nguyễn Văn Tiến, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Thế Truyền v.v…- trong đó có Hồ chí Minh.

Tất cả những người thanh niên yêu nước, thương nòi đầy nhiệt tâm này đã bôn ba nhiều nước, tiếp xúc với nhiều phong trào tiến bộ ở bất cứ một nước nào, hy vọng giải phóng được đất nước của mình. Việc làm của các thanh niên này phải được hoan nghênh, toàn dân Việt chúng ta; cho tới các thế hệ sau này vẫn ghi ơn các vị.

Thời gian và sự việc đã cho chúng ta thấy, do cái trào lưu tiến bộ của loài người, đã đến lúc các loại thực dân kể cả Anh, Pháp, Bồ, Nhật v.v…… trước sau đều phải từ bỏ tham vọng Đế Quốc, Thực Dân của mình (Mỹ tiến bộ, đi đầu tiên) Hẳn các bạn cũng đã nhìn thấy, ngay những nước láng giềng chung quanh của ta. Nói như vậy, có nghĩa các vị thanh niên của ta không cần phải bôn ba, cực nhọc đi tìm phương cứu nước, thì nước ta cũng sẽ được độc lập. Và như thế, chúng ta đã không biết ơn các vị thanh niên đó hay sao?

Không! Việc làm của các vị vẫn đúng, vẫn được chúng ta, những thế hệ sau biết ơn. Như trên tôi đã nói là do cái trào lưu tiến bộ của loài người. Ngay những tên thực dân sừng sỏ, cũng không thể biết trước được, huống chi các vị thanh niên ấy.

Nhận xét một con người, ta phải nhìn từ nhiều mặt, nhìn với con mắt khoa học, biện chứng. Một người có lòng tự trọng, có nghĩa trọng người khác, thì không thể lừa dối bạn bè, lừa dối người thân, không thể làm được một công việc hèn hạ, đáng khinh.Một người miệng và lòng khác nhau, coi quyền lợi cá nhân trên tập thể, trên cả dân tộc. Sẵn sàng lậy van quy lụy kẻ thù, chỉ cần đạt được mục đích, bất chấp phương pháp thủ đoạn.

Do thời gian đã dài, ngày nay nhiều tài liệu mật của Liên Xô (cũ) của thực dân Pháp đã được bạch hóa, báo chí Pháp và thế giới đã trình bày. Khi HCM đến Pháp (1911) đã làm đơn xin theo học Trường Thuộc Địa, để sẽ trở thành một người phục vụ trung thành, cho mẫu quốc nhưng đã bị Bộ Thuộc Địa Pháp từ chối. Anh ta đi thăm hỏi, tìm tòi, nghe ngóng khắp nơi. Ngày nay ở đâu nước nào có một cái đường hướng tạo lập được một lực lượng quần chúng như phong trào Đông Du (Nhật), Tam Dân (Tôn Dật Tiên), Mặt Trận Bình Dân, hay Cộng Hoà v.v. . . Anh chàng tên Minh thấy, sau này dù có đuổi được thực dân Pháp, thì người lãnh đạo cũng chỉ có một nhiệm kỳ 4 hoặc 5 năm mà thôi. Rồi chàng thanh niên đó đã gặp chủ nghĩa Marx kết hợp với của Lénine. Anh ta say sưa học tập và nghiên cứu.

Tuy anh ta hiểu, đi theo con đường của đệ III của Marx+Lénine, người dân sẽ nghèo khổ, nhưng mục đích của anh ta đã đạt Nếu đuổi được thực dân, hoặc lật đổ được một chế độ, thì anh ta sẽ ngồi ở cái ghế đứng đầu ở trong nước, mãi mãi. Một hình thức của một ông vua, một ông Hoàng Đế tuy không thể làm ngai vàng. Nhưng chỉ khi nào chết mới thôi, như ở Âu Châu: Lénine; Staline; Caucescu; Honoker; Fidel Castro. Á Châu: Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh. Đặc biệt Kim Nhật Thành còn truyền ngôi lại cho con trai nữa.

Đến đây, ai cũng đã thấy: Những lãnh tụ CS là những người có chủ nghĩa cá nhân cao nhất, núp sau cái bình phong tập thế, là nhân dân.

Điều này cũng lý giải Cộng Sản phải thanh toán gián tiếp hay trực tiếp, tất cả những cá nhân hay đoàn thể, không phải là Cộng Sản. Cũng đã lý giải, ngay từ khi còn chính phủ liên hiệp, cho đến ngày nay biết bao nhiêu cá nhân bị hạ sát, bị thủ tiêu.

Với cái hiểu biết hạn hẹp của cá nhân tôi: HCM là một người không có tim, không có tình cảm, đầy thủ đoạn. Một con người bằng gỗ, bằng đá. Cụ thể: Bất cứ một bài báo, một bài viết nào của HCM, không bao giờ nhắc đến, hay nói đến:

- Cha mẹ, anh chị em (Ai mà chả có cha mẹ?).

- Bạn bè. Dù là một tên trộm cướp, một tên vô lại cũng có bạn bè !

- Vợ con, người tình. Ngày nay không những ở trong nước, thế giới bên ngoài đều rõ: Không những HCM có vợ, mà còn có nhiều vợ, nhiều người tình.

Còn nữa, có lẽ trên thế giới này, là độc nhất, vô nhị. Tự mình lấy một cái tên giả để viết ca tụng đạo đức, tài ba của chính mình. Như tên T. Lan, rồi Trần Dân Tiên. Các anh có thấy nực cười không? Trần Dân Tiên (tức HCM) viết: ” . . . .Tôi hồi hộp, sung sướng, bồn chồn khi được bác Hồ cho gặp, bác tiếp chuyện tôi (Chế Lan Viên đã nói trong hội nhà văn năm 1978. Trần Dân Tiên là chính bác Hồ). Đến đây, nếu chịu suy nghĩ một chút, thì ai cũng hiểu.

Một người như thế thì có thể làm bất cứ điều xấu xa nào. Lừa lọc, lật lọng trắng trợn, giết người; nếu cần giết cả vợ con, bố mẹ, anh em để đạt cái mục đích thâm sâu của mình. Mà quan điểm của tôi:

- Một người bất cứ ở thành phần nào, tuổi tác nào chỉ một lòng vì dân, vì nước kể cả mạng sống của mình, tôi xin tôn trọng kính nể, chết thì tôi tôn thờ.

- Một người cũng bất cứ ở thành phần nào, tuổi tác nào, coi mình là trên, Tổ Quốc quê hương bên dưới, làm hại đồng bào, bán nước, bán đất cầu vinh. Sống tôi gọi là “tên”, là “thằng”. Chết, ‘tôi phỉ nhổ đến muôn đời. Và từ đấy, tôi đã gọi HCM là “tên”, là “thằng”. Dù cho y mấy trăm tuổi, muôn đời như “tên” Trần ích Tắc, Lê Chiêu Thống v.v. . .

Xin trở lại bữa cơm họp bạn ở nhà Nguyễn Hữu Lợi, gồm 6 người của năm 1981. Hiện nay 2005, trừ ô. Nguyễn Phan Long còn ở VN. Năm người kia thì 3 ở Hoa Kỳ là Trần Đình Lộc, Bùi Văn Đệ và tôi. Hai người ở Australia là Nguyễn Đức Đạt và Nguyễn Hữu Lợi. Bằng phương tiện khác nhau, thời gian khác nhau nhưng đều đã ở hải ngoại. Điều này đã nói rõ: Đời là kỳ diệu !

Sau bữa cơm, tôi đã rủ, mời cụ Lưu Linh cùng về. Chiếc cầu Kinh chiều nay trắng quá ! Tôi ngừng lại, ghé ra thành cầu. Sao lạ lùng thế! Từ trên cao của thành cầu nhìn xuống, hôm nay nước xanh ngắt một mầu lam mát mắt. Tôi nhìn thấy cả mặt một anh chàng “ngố ‘ cũng đang nhìn tôi. Tôi cứ ngạc nhiên ngắm nhìn anh ta mãi. Trông mặt mũi anh ta, tôi cũng thấy cảm tình, gần gũi dễ mến. Cho tới khi tôi tỉnh dần, rồi tỉnh hẳn, để biết anh chàng “ngố ‘ đó cũng chính là tôi.

Trời trong xanh, không một làn gió, cảnh vật yên ắng của một buổi chiều êm ả. Một vài tiếng quang quác như tiếng chào hỏi của một đàn vạc vừa bay ngang, làm tôi phải ngừng đầu lên nhìn theo. À . . .thì ra bầu trời hôm nay không có một vẩn mây. Cái mầu lam xanh yêu đương ấy, đã nhuộm cả mặt nước dưới chân cầu.

Tôi đã ghệ chiếc xe đạp vào thành cầu, rồi đứng lên, kiễng chân. Tôi đã thấy nhiều mây trắng lắm dưới chân trời. Tôi có cảm tưởng cái vung xanh kỳ vĩ của bầu trời, đã lắc lư rúng động sao đó. Bao nhiêu những miếng bông gòn trắng rải rác, đã tụt hết xuống riềm chiếc vung, thành từng đống.

Con sông Thanh Đa nằm phơi mình ưỡn ẹo, hai bên bờ cây lá xanh um trườn ra, như những vết mực đen loang lổ. Cụ Lưu Linh cũng đã từ giã tôi, để đi về một phương trời. Tôi cũng nhấn mạnh bàn đạp, để kịp giờ trình diện của ngày hôm nay, với CA.

HỢP DUYÊN ĐỜI

Ngày Chủ Nhật, mợ Út và tôi đã sang nhà ông bà Chức, tôi đã được gặp ông Chức từ trên Phương Lâm về. Tôi cũng đã được gặp một số anh chị em của cô Hoa, cuối cùng đám cưới sẽ được cử hành vào ngày 28 tháng 9, như thế chỉ còn hơn hai tháng nữa.

Phải nói, do tình thương yêu đùm bọc của bà con bạn bè, nên đám cưới được chuẩn bị dù giản dị, trong điều kiện và hoàn cảnh của giai đoạn ấy, nhưng cũng tạm đủ những truyền thống, tập tục của quê hương. Tôi cũng cật lực, chạy ngược xuôi với các ban ngành của địa phương, từ thành xuống đến công an khu vực. Tôi không thể quên được nghĩa tình của họ hàng, bà con, bạn bè:

- Anh chị Hiền (anh họ của tôi) đã cho mượn một cái giường đôi một tháng.
- Mẹ của anh Mai Văn Học (một biệt kích nhẩy toán ra Bắc mới được tha), nhận sẽ mua cau tươi cho đám cưới.
- Cô Thu và cháu Thanh Lan, đi lo đặt mua một số bánh phu thê (xu xê) và bánh cốm.
- Cô Oanh, bạn của cháu Thanh Lan đã cho mượn một bộ quần áo, và giầy của người anh trai mới cưới vợ.
- Con trai (Hùng), con gái, con rể (Vợ chồng Uy+ Lý) của anh Nguyễn Huy Lân (toán trưởng toán Boone chưa được về) đến chuẩn bị nhà cửa, giúp đỡ tôi trong đám cưới.

Để xác định rõ ràng, tôi ra phường hỏi rõ ông Nguyễn Quốc Văn chủ tịch phường và ông trung úy Mậu trưởng CA, về lá đơn tôi xin trở lại tù, bây giờ ra sao? Đã được chấp nhận chưa? Theo ông Văn và ông Mậu, lá đơn của tôi đã chuyển lên Thành rồi, được chấp nhận hay không, các ông ấy cũng không biết. Tôi định lên hẳn đường Trần Hưng Đạo, CA thành để hỏi cho ra sự việc. Tôi tin rằng, tôi chỉ mất công thăm hỏi với sự nhã nhặn đúng mức, thì rồi tôi sẽ tìm ra được diễn tiến của sự việc, nhưng tôi chẳng còn một thời gian nào cả, để kiếm miếng cơm hàng ngày, tôi đã làm việc cật lực. Kỳ này điện thành phố bị tắt thường xuyên (thành phố thiếu điện) vì thế tôi lao động bất kể ngày đêm, kể cả thứ Bẩy, Chủ Nhật, cứ khi nào có điện, tôi lại lao vào cưa, bào, đục, xẻ.

Mệt nhọc và căng thẳng tinh thần; tôi đâm ì mặc cho ra sao! Thế nào cũng chấp nhận. Tôi đã hình dung chuẩn bị tư tưởng, nếu đang đám cưới mà có lệnh đưa tôi trở lại tù, tôi cũng sẵn sàng ra đi, vì tôi đã tự nguyện. Trước mắt tôi cứ gạt điều đó ra một bên, để tâm trí vào việc chuẩn bị lo cho đám

cưới. Dù gì cũng phải tôn trọng cô Hoa nữa, mới chạm vào đời tôi một chút, mà đã để cho cô phải lao đao với tôi?

Theo ý của các cô Thu, Xuân và chị Công, đám cưới dứt khoát phải chụp hình, ít nhất là ở nhà thờ. Giai đoạn này chụp hình hãy còn nhiều khó khăn, nhất là hình màu thì thật là tốn phí, ai cũng nói, nó là những tấm hình kỷ niệm của một đời người.

Tôi cũng hiểu như vậy, chỉ vì hoàn cảnh và túi tiền, cuối cùng tôi quyết định chỉ chụp bốn tấm hình màu ở nhà thờ với cha Bình (đầu người bạc trắng, dù người còn trẻ) giá 100 đồng, là tiền công của tôi làm mộc 10 ngày cật lực, ở tổ mộc Thành Công thuộc phường 7 Quận Phú Nhuận. Tôi đã nhẩm tính, dự trù một số người tôi sẽ mời tham dự đám cưới trong thời gian quản chế, mất quyền công dân, rồi tôi làm một lá đơn xin phép ngày tổ chức đám cưới tại nhà vào khoảng bốn chục người. Lá đơn xin phép không những ra Phường, mà còn phải ra tiểu ban QLNNHTĐV và quận Tân Bình.

Khi vào gặp tên Bội, trong tiểu ban QLNNHTĐV, y lấy bút đỏ gạc con số 40 mà viết số 20, y nói:

- Sao đám cưới lại đông thế?

Tôi nghĩ ngay anh em họ hàng trong nhà cũng đã hai chụcngười rồi, vậy y không cho mời khách ư? Người tôi lại ngứangáy, tôi định nói những lời phản đối. Y lại nói tiếp:

- Những người không phải anh em ruột thịt đều là khách, chỉgiới hạn hai mươi người, nếu anh không chấp hành, anh sẽ phảichịu trách nhiệm.

Tôi nhìn y trừng trừng, miệng tôi không cười, nhưng tôi cườibằng mắt, như muốn nói với y: ” Tôi đã làm đơn chịu trách nhiệm rồi, tôi còn coi ra gì cái trách nhiệm này “, thấy y có vẻ không hiểu cái cười mắt có lồng ý của tôi, nên tôi nói thẳng:

- Thưa ông hơn hai tháng trước, tôi đã làm đơn xin tự nguyện trở vào tù rồi mà?

Y cau mặt, quay ra hỏi tôi:

- Anh làm đơn khi nào?

Tôi chợt ngạc nhiên, nên nói mà như hỏi:

- Hơn hai tháng trước! ở dưới phường ông Văn nói đã nộp lên quận, lên thành rồi?

Đầu y hơi nhúc nhích như lắc, miệng y hỏi tiếp như không tin:

- Tại sao anh làm đơn, xin trở vào tù?

Nhìn y chừng hơn bốn chục tuổi, không đeo lon nên tôi không xác định được. Giọng Nghệ An của y nghe như giã gạo; nhưng từ tốn hơn khi nãy, nên tôi điềm đạm nói sơ lược lý do:

- Thưa ông, từ ngày tôi đi tù về, tôi đã tích cực chấp hành mọi quy định với địa phương: tôi đã lên thành, và tiểu ban quận trình diện nhiều lần. Hàng tuần mỗi thứ Hai ra trình diện tại phường, mỗi ngày tôi trình diện CA khu vực để xin chữ ký, hàng ngày tôi phải lao động tại tổ mành trúc 19/5 bên cạnh phường 6. Hơn bảy tháng tôi không có gạo, không có lương, bố mẹ của tôi già yếu, mù lòa. Tôi phải ăn bám vào các người, làm cho các người càng thiếu đói, khổ cực. Tôi đã nỗ lực làm lại cuộc đời nhưng cho tới nay, tôi không còn muốn sống nữa. Mẹ tôi 74 tuổi mù lòa từ 17 năm, nay người lại mắc thêm bệnh phổi thường nôn ra máu, tôi đã phải đưa người vào bệnh viện Hồng Bàng mấy lần. Không còn một lối nào để tôi sống, nên tôi đã làm đơn xin Đảng và nhà nước, cho tôi được trở lại nhà tù, tôi xin tự nguyện ở tù cho tới hết đời.

Y ngồi nghe tôi từ tốn trình bày, mặt y nhợt trắng ra, không xám đen như lúc đầu, y hỏi như băn khoăn thắc mắc:

- Thế, sao bây giờ anh còn lấy vợ?

Tôi trả lời ngắn gọn:

- Để nếu được Đảng và chính phủ ra ân cho tôi vào tù, thì có người đỡ đần bố mẹ tôi !

Y đứng dậy, hơi hất hàm nói nhẹ nhàng:

- Thôi, anh về đi, lo cho ông bà già ! Đừng bi quan quá!

Tôi cầm tờ giấy cho phép tổ chức đám cưới ra về mà lòng nặng trĩu. Đi qua rạp ciné Đại Lợi cũ, cạnh đấy là một building to lớn, nay đã trở thành nhà tù. Một thoáng tôi liên tưởng về miền Bắc: Nhà tù đã mọc lên khắp nơi, cả những nơi vui chơi, du hí của quần chúng cũng trở thành một trại giam. Có bao giờ những người đi làm cuộc Cách Mạng Tháng Tám, đánh đuổi thực

dân Pháp, ngồi suy ngẫm: Để lôi kéo toàn dân đứng dậy, với hai khẩu hiệu chính:

- Người cày có ruộng.
- Phá nhà tù để xây trường học.

Bây giờ thực tế nhìn vào xã hội, đã đảo ngược hai khẩu hiệu trên.

- Người có ruộng trở thành làm thuê.
- Phá trường học để xây nhà tù.

Hẳn các quý vị đã nhìn thấy những cái lắt léo, lật lọng của những người chủ trương. Còn lý do thì vô vàn: Ngược thành xuôi, ngang thành dọc, phải thành trái:

Mất mùa là tại thiên tai.
Được mùa là tại thiên tài Đảng ta.

Sau nhiều những chuẩn bị lo toan, và sự giúp đỡ của bà con, họ hàng và bạn bè, ngày cưới cũng đã đến và đi qua. Tôi cũng đã thực hiện được bốn tấm hình mầu, ở nhà thờ Nam Hòa với cha Bình, cùng bạn bè thân thuộc.

Đã chấp nhận trở lại nhà tù, nên tôi chẳng cần phải mời một ai trong chính quyền. Duy nhất có ông Trùm Lộc, mời ông ấy không phải vì ông ấy là tổ trưởng của khu phố, mà là vì thân tình xóm giềng hàng mấy chục năm với bố mẹ tôi. Thế mà trong lúc đám cưới đang ăn uống, tên công an khu vực Ngọc Anh cũng mò đến cửa, làm cho nhiều bạn bè, bà con nhớn nhác nhìn ra, tôi coi như "pha".

Nhưng con người phải có văn hóa, tôi đã nhã nhặn ra mời y thị, vào chung vui ngày cưới của tôi. Y thị không nói một lời, nhìn tôi một lúc bằng đôi mắt mầu nâu già, rồi lặng lẽ bỏ đi.

Cuối cùng thì cũng như mọi người:

Cái đêm hôm ấy, đêm gì….. ?
Bóng dương lồng đóa trà mi….chập chùng!

Một điều làm tôi đắn đo, nhưng rồi tôi không thể không nói đến, dù bạn bè đã cố nài kéo tôi phải gặp lại cụ Lưu Linh, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn giữ một chủ trương. Tối nửa khuya, sau khi khách khứa ra về hết, tranh thủ lúc chị Công, cô Xuân, cô Thu và Hoa (giai nhân của ngày hôm nay) đang loay hoay dưới bếp, tôi lên gác một mình, ngồi vào chiếc giường duy nhất anh chị Hiền cho mượn. Tôi ngồi im lặng năm phút nhắm mắt, để gọi là một

chút nào, nhớ về cô Thanh Vân người năm cũ, cô đã bước lên xe hoa từ cuối 1969, đến nay đã 12 năm rồi. Lòng tôi chẳng trách cô, mà còn mừng cho cô:

Đừng trách nhau…..Đừng ái ngại nhau….
Thuyền yêu không ghé….bến sầu….
Như đêm thiếu phụ…….trên lầu …..không trăng.
Hãy như chiếc sao băng….băng mãi.
Để lòng buồn …..buồn mãi … ….không thôi.

Dù sao tôi vẫn biết ơn cô suốt đời.

Phải thừa nhận, khi cùng một giai cấp, thì có nhiều những cảm nghĩ tương đồng, tôi và Hoa:

Tôi nghèo, mà Hoa cũng nghèo.
Chúng tôi vẫn nguyện như keo suốt đời

Sau ngày cưới, chúng tôi vẫn không giảm đi niềm khó khăn, nỗi chật vật. Tôi vẫn ngày ngày gò lưng đạp xe sang Phú Nhuận làm ở tổ mộc. Hoa cũng vẫn ngày ngày đi làm ở tổ ngòi bút Đức Thành. Nghe Hoa nói tổ ngòi bút có chừng hơn bốn chục nhân công, hầu hết là đàn bà con gái. Tôi cũng như Hoa đều năng nổ, cố gắng làm việc, cũng chỉ đủ để nuôi bản thân mình.

Một buổi chiều như mọi khi tôi đi làm về, thoáng qua cánhcửa sổ khép hờ, dưới bếp Hoa đang tắm rửa và gội đầu cho mẹ tôi. Tôi đã đứng như dán chân xuống ở cửa, trái tim của tôi như to dần lên, giãn nở ra, miệng tôi lẩm bẩm: ” Con xin cảm tạ Chúa và mẹ Maria đã ban cho con một người vợ, biết thương yêu, đỡ đần bố mẹ mù lòa già yếu của con “. Buổi tối hôm đó ở trên gác tôi cũng không quên cảm ơn Hoa, đã vì tôi. Có những buổi tối khuya tôi và Hoa, trên căn gác trống ngồi bên cửa sổ, ngắm nhìn chị Hằng hàng giờ. Chúng tôi nghèo, và ý thức trách nhiệm với bố mẹ già, nên chúng tôi trang trải “Honey Moon” của chúng tôi, bằng những đêm khuya, dựa lưng vào nhau cùng nhìn và tâm sự với chị Hằng. Hoặc với những anh chàng mây và những cô nàng gió thỉnh thoảng đi qua. Đôi khi có những đêm chúng tôi bàn tán chỉ cho nhau, chị sao Mai và chàng sao Hôm, còn hàng chục vì sao nữa do chúng tôi đặt tên, mà chúng tôi thường gặp, đã trở thành bạn bè.

Có một điều khác thường, từ ngày cưới Hoa về, tối nào lúc 9 giờ, thầy mẹ tôi, tôi và Hoa đều ngồi đọc kinh chung buổi tối. Một điều mà trước đấy, thầy tôi một giường, mẹ tôi một giường, còn tôi thì nằm trên sàn gác một mình, đều tự đọc kinh riêng rồi đi ngủ .

Vào một buổi chiều, sau khi cơm nước xong, tôi và Hoa ở trên gác đang bàn bạc, về một số khó khăn của ngày mai, thì nghe có tiếng một cô gái réo gọi ở dưới nhà :

- Chị Hoa có nhà không ?

Tiếng của mẹ tôi, dõng dạc rõ ràng:

- Cô hỏi ai?

- Cháu muốn hỏi, là chị Hoa có nhà không ạ?

Mẹ tôi có vẻ hơi bực dọc:

- Ở đây không có ai tên là Hoa cả !

Hoa đang định chạy xuống dưới nhà, nhưng tôi đã kéo tay lại. Tôi đã hiểu mẹ tôi, người vẫn duy trì cái lễ giáo, gia phong ngày trước. Cô gái cũng chắc đã chợt hiểu như tôi, nên cô ta đã lại lên tiếng:

- Cháu muốn hỏi chị Bình ạ?

- Cô chờ một chút nhé ! Chị ấy có nhà đấy!

Rồi tiếng mẹ tôi gọi vọng lên gác:

- Chị Bình ơi! Xuống có ai gọi chị đây này!

Từ đây, tôi và Hoa đã hiểu ý của mẹ tôi, tôi và Hoa đã đồng một quan điểm từ ngày nên nghĩa vợ chồng: Thầy già lại lẫn lộn, tâm trí của thầy không còn bình thường, mẹ thì mù cả đôi mắt, bây giờ lại mắc thêm bệnh phổi, sớm muộn lúc nào đó, Chúa sẽ gọi về. Chúng ta bổn phận là con cái, bất cứ ngày đêm, tâm niệm làm sao cho các người vui, chúng tôi cũng tự nguyện nhắc nhở nhau, giữ trọn đạo làm con.

Một buổi chiều, tôi đang cắm cúi thẳm một cái vai bàn gỗ trò, anh Vinh thư ký của tổ mộc chạy vào nhìn tôi, nói như trêu đùa:

- Có hai giai nhân đang tìm anh Bình kìa !

Mấy người trong tổ đang thao tác cũng ngừng tay, cười rẻ lên. Biết là anh Vinh đùa vui, vừa thở, tôi vừa nói:

- Nhân với nho gì ? Có con bò trắng răng năng . . .

Ông Huỳnh ở ngoài sân bước vào, cắt ngang câu nói, ông nghiêm mặt nhìn tôi:

- Có hai cô gái nào, tìm anh Bình!

Tưởng đùa hóa ra thật, tôi chạy vội ra sân. Tôi thật ngỡ ngàng, Hoa và cháu Thanh Lan, hai bác cháu đèo nhau xe đạp, mò mẫm mãi sang đây. Vừa ngạc nhiên vừa vui, hết luôn cả mệt. Tôi hỏi như "phè" niềm vui trong lòng ra ngoài:

- Làm sao, em và cháu lại biết anh ở đây? Anh có nói cho em biết địa chỉ này đâu?

Hai bác cháu cười rúc rích, như gà giò đuổi nhau:

-Ở đâu mà không tìm được!

Dù còn gần một giờ nữa, mới tới giờ nghỉ, tôi vào văn phòng nhã nhặn xin cho về sớm, vì nhà có chuyện. Tôi vẫy cả hai bác cháu vào chào ông Huỳnh và người trong tổ. Tôi cũng giới thiệu với ông Huỳnh, vợ và cháu của tôi.

Một trong 4 tấm hình màu đám cưới của TG với Cô Hoa

- 38 -

CHUYỂN ĐỔI TƯ DUY

Dẫn xe ra khỏi tổ mộc Thành Công, phố phường, cảnh vật hôm nay tươi ra roi rói, như trong lòng tôi lúc này, vợ và cháu gái đến tìm tôi! Đã mấy chục năm nay có ai hỏi tìm, thăm tôi đâu? Hôm nay cảm giác của tôi khác thường. Như vậy tôi cũng là một người như mọi người ! Và tôi cũng có hạnh phúc giống người khác, điều mà đã mặc nhiên từ lúc nào, tôi không còn dính dáng gì đến cái hạnh phúc của cuộc đời này.

Tôi nhớ lại, cái tâm trạng đó, rõ nét nhất là cái buổi sáng hôm ấy, sau sáu năm ở trong buồng kín, tên cảnh sát khoá tay dẫn tôi sang toà án nhân dân Hà Nội để xử. Tôi nhìn đường phố Hoả Lò, tôi nhìn phố Hàng Bông Ruộm, dòng người và xe cộ ngược xuôi. Nhiều người ngước lên hoặc ngoái lại nhìn tôi, một tên tù gầy gò xanh tái bị khoá hai tay, do một tên cảnh sát đeo súng, lầm lì giong phía sau. Phía người dân, họ chẳng còn lạ gì với cảnh cùm khoá này, trong cái xã hội Cộng Sản. Nhưng phía tôi, tâm trạng của tôi: Tôi có cảm tưởng như nhìn một loài người khác, một xã hội khác, tôi không còn dính dáng, liên quan gì với họ.

Nhưng hôm nay, vợ tôi và cháu Lan đã lấy lại cho tôi cái cảm giác tôi còn dính dáng, còn liên quan đến cái xã hội này, những người đang ngược xuôi trên đường phố là đồng bào ruột thịt của tôi. Tôi nhìn em Hoa và cháu Thanh Lan cứ ríu rit cười đùa nhởn nhơ, tôi như muốn nói: "Em yêu và cháu thương có biết rằng em và cháu vừa chuyển đổi tư duy của một người đấy!" Tôi xin cảm ơn em thương yêu và cháu ngoan với tư cách một người Việt Nam.

Một ngày khác thường, một ngày vui như thế này, nếu tôi có điều kiện, tôi sẽ đưa em và cháu vào một nhà hàng nào đó, như thể hiện một tấm lòng với một tấm lòng.

Sờ vào túi, nhớ lại chỉ có 3 đồng rưỡi từ hôm kia còn lại, tôi đã định tối hôm nay sẽ bàn với em Hoa, hai vợ chồng sẽ chuẩn bị nấu một bữa cà ghém có thịt ba rọi, xào cháy cạnh với đủ mùi gia vì: ngổ hương và lá tía tô. Món tủ, món sở thích của mẹ.

Mặt của tôi ngẩn ra, đã cho tay vào túi lại đành rút ra. Đi qua một xe nước mía, tôi chợt nghĩ: Nếu uống nước mía loại 2 thì được, loại nhiều đá, ít mía chỉ ba hào (cắc), loại 1 những 5 hào cơ. Nhìn trán cháu Lan lấm tấm mồ hôi tôi ghé sang, hơi kéo "ghi-đông" xe về phía xe nước mía. Tôi hỏi cháu Lan có mệt để cho bác đèo bác gái? Nhưng cháu muốn tỏ nhã ý nói: "Bác đã yếu, phải làm mộc cả ngày, ăn uống lại không đủ chất, hơn nữa cháu còn có ý định ghé thăm ông bà ngoại."

Cơm nước xong, từ cửa sổ trên gác, nhìn em Hoa đang loay hoay rửa chén bát, tôi nghĩ đến nguồn vui hôm nay, chả có cái gì liên hoan chào mừng. Mỗi người mới có một ly nước mía loại 2! Tôi quay lại lấy chiếc quần đùi, lẹ làng xuống dưới nhà. Nhìn làn tóc huyền óng ả, thấp thoáng, che chiếc cổ trắng ngần, tôi cúi xuống, nhẹ áp mũi tôi vào hít hà cái mùi ngọt ngào à nói khẽ vào tai em Hoa:

- Hôm nay vợ chồng mình lại đánh cờ!

Mặt em đỏ như gấc chín, quay lại đắm đuối nhìn tôi. Em đã tự hểu như một thói quen ngất ngây êm ả mà Thượng Đế đã ban cho một đôi vợ chồng. Tôi vào đi tắm trước, và em sẽ tắm sau để chuẩn bị cho "cuộc cờ".

Công việc chồng chất vây quanh, quấn chặt vào người, ăn uống, cũng chỉ có rau, mắm rồi lại cà tương. Đôi khi, bữa cơm cũng có con tôm, con cá, miếng thịt, thì từ thầy mẹ đến chúng tôi, đều hí hửng như có chất tươi ở trong tù. Đó là cảnh sống hiện nay của chúng tôi, nhưng từ lâu đã trở thành một thói quen. Hãy gạt hết qua một bên, mọi trở ngại khó khăn vây quanh, chú trọng hưởng cái trước mặt! Cuộc sống đã cho tôi hiểu: "Không biết trân quý những cái mình đang có, thì mình sẽ không được tận hưởng cái tuyệt vời của nó".

Đã trở thành nền nếp hơn một tháng nay rồi, từ ngày tôi và Hoa cùng trẻo lên chung một chiếc "thuyền đời", mỗi một lần đánh cờ thì tôi được bồi dưỡng một quả trứng gà tươi của cửa hàng bà Khản trước cửa chợ Nam Hoà. Lên gác, mảnh mặt trời chiều đã chìm hẳn từ lâu, chéo phía Đông một mảnh trăng gầy đang nhìn vào cửa sổ. Tắt đèn đi, trong căn gác trống, ánh sáng mơ hồ mập mờ, càng tạo cho "cuộc cờ" thêm hương vị. Chẳng cần quay lại, tôi đã biết em thương của tôi đã lên gác, cái mùi ngọt ngào ngan ngát nhè nhẹ quên thuộc, đã phả kín căn buồng.

Bỗng cái mùi ngầy ngầy ấy sực đậm hơn, đôi vai của tôi bị một cái gì vừa mềm, vừa cứng đè trĩu xuống, rồi hai thỏi ngọc ngà của đôi cánh tay đã quấn chặt cổ, làm tôi tưởng không thở được . Tôi đâu có chịu thua, tôi sẽ cho cô nàng biết sức mạnh của chiếc dây đàn từ bé tôi mới được "gảy" với cô hơn một tháng nay. Tuy tôi ít "gảy" nhưng khi tôi đã "gảy" thì trời "long" đất "lở", cho tả tơi gỗ đá, cho rung chuyển cả căn nhà, để rồi chỉ có chắp tay mà lạy….xin tha!

Khi người "anh hùng" vùng vẫy chiến đấu đã ngã ngựa, em Hoa mới ghé sát tai thỏ thẻ:

- Anh có biết tối hôm qua, mẹ gọi em vào mùng, hỏi em cái gì không?

Tôi biết "tỏng" Hoa nói như vậy để tôi sẽ vồ vập hỏi Hoa là mẹ hỏi gì? Nhưng đừng "hòng! Tỉnh bơ tôi thong thả nói:

- Anh đã biết rồi! Mẹ cũng hỏi anh!

Hoa cuống quít hỏi:

- Mẹ hỏi sao?

- Em đưa ra ý kiến trước, thì em nói trước; anh sẽ nói sau!

Hoa ngồi hẳn dậy, nói ngập ngừng:

- Mẹ hỏi em ;"Đã một tháng rưỡi, gần hai tháng… có thấy người khác thường không?"

Em trả lời mẹ là "em không thấy gì cả"!

Tôi nhìn Hoa với đôi mắt thương yêu nhiều hơn vì em của tôi, vợ của tôi thật "ngây thơ và hiền". Tôi nhớ câu: *Hạnh phúc cho những ai lấy được vợ hiền*, lòng tôi cũng nhen nhúm lên một niềm thích thú: Mình thua cuộc đời, về nhà chỉ bắt nạt được vợ". Nhưng tôi lại chợt nhớ, khi còn ở các trại tù chung, các bác giả thường nói: Khi vợ có con, vợ bắt "nạt" lải mình, càng nhiều con càng bị "nạt" nhiều.

Tôi nghĩ đến mẹ tôi, hẳn người mong ngóng lắm để tôi sớm có con, vì tôi đã lớn tuổi rồi. Tôi lại lan man nghĩ, có thể gần hai chục năm, tôi ăn uống đói khát, dơ bẩn, hầu hết là bo bo, ngô, khoai, sắn, cả nấm độc, đến lá cây rừng …cho nên tôi không còn bình thường nữa chăng? Tôi trở mình, kéo em Hoa lại gần:

- Rồi mẹ bảo sao hở em?

Thái độ của Hoa như được hưng phấn, sôi nổi, khoe một thành tích:

- Mẹ dặn em ra gặp bà Ngôn bán thịt, đặt mua một quả cật heo, đem về xẻ đôi lấy hết cái trăng trắng bên trong, nó rất hoi. Rồi ướp hành, tỏi với muối và đem nướng khô cho anh ăn. Buổi chiều, em đã đặt rồi, sáng mai anh sẽ có ăn.

Chẳng biết thế nào, tôi chỉ được ăn năm, sáu lần cật heo. Nửa tháng sau, em Hoa cứ nôn oẹ sáng chiều, để rồi mẹ tôi cười tủm tỉm lẩm bẩm: nó đã "có" rồi!

Ngày hôm sau, sáng nào cũng vậy, Hoa dậy sớm nấu cơm. Sau khi nắm cho tôi một nắm cơm với ít mắm tôi chưng, Hoa chuẩn bị cơm nước cho thầy mẹ xong, tôi và Hoa bắt đầu đi làm mỗi người mỗi ngả, chỉ có buổi chiều là bữa cơm sum họp gia đình.

Hôm nay, sau khi cơm nước xong, Hoa và tôi chuẩn bị: Thầy tôi một ly nước vối nóng, mẹ tôi một ly nước lá thuốc cho bệnh phổi của mẹ, dáng mặt khắc khổ, mẹ tôi chậm rãi:

- Các con ngồi xuống đây, mẹ muốn nói chuyện với các con.

Thấy thái độ của mẹ hơi khác thường, chúng tôi kéo nhau ngồi lại. Thầy tôi, sau khi kéo điếu thuốc lào, cũng đến ngồi một ghế. Tôi đứng lên, đến bên mẹ, nhẹ vuốt bàn tay nhăn nheo của mẹ, thì thào:

- Có chuyện gì thế hả mẹ?

Mẹ không nói gì, nhưng hai dòng nước từ đôi mắt lòa từ từ chảy xuống má. Miệng người méo xẹo đi, nói ngập ngừng thổn thức:

- Mẹ đã kêu van Chúa và mẹ Maria nhiều đêm ngày, cho mẹ được nhìn thấy con trai của mẹ bây giờ ra sao một lần. Mẹ khao khát, thèm ước đêm ngày. Vợ chồng con lam lũ cực nhọc, mẹ đứt ra từng khúc ruột. Phải chi, Chúa không bắt tội mẹ, thì các con đâu có khổ cực như bây giờ!

Nhìn đôi mắt hõm sâu, còn ướt của mẹ, má mẹ hóp lũm vào, càng làm giồ đôi xương quai hàm, hằn rõ từng chiếc xương dưới làn da nhăn nheo, Bệnh lao phổi đã hút hết thịt, làm cho mặt mẹ teo lại. Tôi hình dung lại bộ mặt của mẹ 19 năm xưa, ngày tôi về gặp mẹ buổi chiều cuối cùng trước khi lên đường vào đất địch trong ngôi nhà thờ Nam Hòa .

Dạo ấy nhà thờ còn là tôn là gỗ, tôi cũng đã cầm đôi bàn tay mềm mại của mẹ, đôi mắt của người nhìn tôi, khi ấy tôi đã có cảm nghĩ: ” Trên thế gian này không có một ngôn từ nào nói hết được cái đẹp, cái bao la lồng lộng của đôi mắt người mẹ”. ….Nghĩ đến đây, tôi không muốn, nhưng nước mắt của tôi đã giàn ra, làm cho em Hoa cũng nước mắt vòng quanh. Kéo ghế sát lại gần mẹ, tôi cầm tay mẹ áp vào má, tôi nức nở:

- Mẹ ơi! Con nghe nói khoa học ngày nay, có thể đổi thay được mắt. Trước bàn thờ Chúa linh thiêng, con xin tự nguyện kính biếu một mắt cho mẹ, để mẹ nhìn thấy con và con cũng nhìn thấy mẹ cho đến trọn đời.

Mẹ vuốt đầu tôi, như ngày tôi còn bé, mặt người có sắc tươi hơn lên, miệng người nói mà như cười:

- Mẹ sắp về với Chúa rồi! Con còn phải kiếm gạo để nuôi cháu của mẹ.

Thầy tôi thở dài, rồi lụ khụ đứng lên, lần vào giường, tôi cũng đỡ mẹ tôi đến giường của người, trong khi Hoa ra rửa chén bát. Tôi lấy cuốn vở để chuẩn bị đi trình diện CA khu vực. Hôm nay, là tối thứ Năm còn phải đến sinh hoạt tổ khu phố tại nhà ông Trùm Lộc, lúc 8 giờ tối hàng tuần.

Hôm nay tôi đi làm về, Hoa đã vẫy tay nói nhỏ:

- Mẹ bên nhà, bảo anh sang, mẹ nó cái gì ấy!

Chúng tôi sắp xếp vội vàng cho gọn ghẽ công việc nhà, rồi cùng xin phép thầy mẹ để sang nhà ông bà nhạc, một lúc rồi về ngay.

Chúng tôi đã được gặp mẹ của Hoa, nội dung, mẹ Hoa cho biết: Bên nhà cậu mợ Tập (em ruột của mẹ Hoa), trước đây, có một tổ chức vượt biên quen biết cậu. Họ lấy khách chỉ là quen biết để an toàn kín đáo. Khi đó cậu mợ có ý định cho người con trai tên là Hòa (em họ của Hoa), mỗi người đi phải đóng ba cây vàng. Là chỗ thân quen nên ai cũng đã đóng vàng rồi, để họ có sở phí lo cho chuyến đi.

Bốn tháng trước, cậu Hòa đã đi một lần, nhưng trục trặc nên chưa đi được, nay cậu Hoà quen biết một cô gái nhà nền nếp, cậu thay đổi ý kiến là sẽ cưới vợ, rồi sẽ đi sau.

Cậu mợ Tập cũng là loại có tiền, lại quen biết giao tế với chính quyền mới, thấy người cháu rể mới là tôi, trong hoàn cảnh ngặt nghèo về quản lý của chính quyền. Nhã ý của cậu mợ Tập là sẽ nhường lại suất đi cho tôi, theo cậu mợ, người cần đi đích đáng là tôi, đích đáng hơn là con của cậu. Mẹ của Hoa hỏi ý kiến tôi, để bà còn sang nói chuyện với em trai và em dâu là cậu mợ Tập.

Trong đám cưới của tôi, đã nhiều lần tôi tiếp chuyện với cậu mợ Tập, sau chuyến đi không thành do người bạn thân Nguyễn Hữu Lợi khổ công tổ chức. Di hại của chuyến đi là hầu hết người đi còn đang ở trại giam Gáo Dừa. Ngay hai đứa con của vợ chồng Lợi, ở đồn Cỏ May còn chưa lo xong cho chúng về, vợ chồng Lợi còn đang liểng xiểng về chuyến tổ chức cho tôi đi. Tôi tự hiểu, trong hoàn cảnh của tôi, không còn một hy vọng gì để ra đi nữa. Tôi đã được nghe, được biết nhiều chuyện vượt biên trầy trật, đầy cam go. Ngay ở Ngã Ba ông Tạ, có ông bà chủ một hiệu vàng lớn, từ ngày mất nước đã lo vượt biên, chạy trốn Cộng Sản nhiều lần. Nhiều lần bị bắt phải lo vàng chuộc, đút lót, tốn phí cũng phải vào tù hai ba lần.

Đến nay (cuối 1981) hết cả tiền, ông ta như người ngớ ngẩn lang thang dật dờ trong những nhà họ hàng, quen biết. Trong dân chúng, sau sáu năm trong bàn tay sắt bọc nhung của Cộng Sản đã hiểu, đã thấm, mức độ khác nhau. Hầu hết ai cũng muốn ra đi. Tôi có cảm nghĩ: Nếu được đi tự do, mấy con chó, mèo, gà vịt, trâu bò cũng ra đi. Nghĩa là con vật cũng muốn ra đi, huống chi con người? Nên nó mới đẻ ra nhiều những tổ chức thật, giả, lừa lọc Phía Cộng Sản cũng có nhiều phương pháp công khai, bí mật ngăn chặn và để xoay tiền và vàng.

- 39 -

TÌNH MẪU TỬ XOẮN VÒ

Trong tình trạng đen tối như thế của giai đoạn ấy, thì chuyện cậu mợ Tập nhường chuyến đi lại cho tôi, là một cơ hội của đời tôi. Hơn nhiều người đã hiểu, đã biết: Trong đời của một người, cơ duyên (duyên may) chỉ đến một hay hai lần, nếu người đó không biết nắm lấy, để nó vuột đi, đôi khi lại có tác dụng ngược. Nghĩa là cái cơ duyên đó lại làm cho đời người ấy khốn đốn tơi bời.

Vì đời là kỳ diệu!

Như vậy, ai cũng đã thấy, nếu tôi không nhận, mới là chuyện " trái khoáy " của cuộc đời. Theo ý cậu mợ Tập, nếu tôi đồng ý ra đi, thì một buổi hai vợ chồng tôi xuống gặp cậu mợ bên đường Trần Quốc Toản, sau này là đường 3 tháng 2. Chúng tôi đã nhờ mẹ, cho cậu biết và xin một ngày chúng tôi sang thăm cậu mợ.

Đêm ấy hai vợ chồng tôi cũng biết bao nhiêu tâm tư chồng chéo trong lòng.

Trong cuộc sống biết bao nhiêu chuyện không theo ý của mình, mà phải theo một cái khuôn thước hoàn cảnh và điều kiện khách quan. Chẳng một ai mới cưới một người vợ trẻ đã bỏ vợ lại để ra đi, và càng chẳng một ai, người con gái mới lấy chồng lại muốn để cho người chồng của mình ra đi. Ra đi vượt biên ở những giai đoạn ấy có hàng chục tình huống xẩy ra, tù đày, xuống lòng biển, cướp biển bắt v.v. . . Còn một cái có thể ở cả những trường hợp đi thoát, đi được, nhưng người ra đi đã ôm cầm thuyền khác, điều này lại không phải là cá biệt.

Như vậy tâm trạng của Hoa, vợ thương yêu của tôi, sẽ trăn trở như thế nào? Nhất là trong bụng đã có mầm mống của tôi hai ba tháng, kẻ ở người đi: " chia đàn, xẻ lứa "? Tôi phải hiểu để cảm thông với những trận giông bão trong lòng của Hoa. Chồng mới cưới, mới bén mùi thương yêu đã ra đi với hàng chục tình huống. Hầu như ra đi, không có ngày trở lại, bụng mang dạ chửa, tay làm hàm nhai (Tay trắng như chưa bao giờ trắng thế?). Chồng ra đi, còn để lại một trách nhiệm ý thức liên đới, cha mẹ già yếu, mù lòa. Hoa ơi! Nghĩ đến đây, anh chỉ biết xin cúi đầu lắng nhận cái lồng lộng của tình em, sự chịu đựng truyền thống, em đã được thừa hưởng, của người phụ nữ Việt Nam. Con xin cảm tạ Trời, Chúa đã ban cho con một người vợ là Hoa.

Một buổi chiều, sau một ngày lao động căng thẳng, tôi uể oải nhấn chiếc bàn đạp của chiếc xe, cũng mắc nhiều bệnh, vì tuổi nó cũng đã về chiều. Mở khóa vào nhà, cũng như mọi khi, thoáng bóng thầy tôi nằm trong màn, dù thức hay ngủ tôi vẫn lên tiếng chào: " Thưa thầy, con về ", rồi vào gian trong chào mẹ, nhưng mẹ tôi không có ở nhà. Loáng lên, tôi thấy có vấn đề, lại không thấy em Hoa. Nhớn nhác, tôi xuống bếp, bếp cũng lạnh vắng như " chùa bà Đanh ", vừa quay lên nhà, tai thoáng có tiếng động trên sàn gác, tôi giồ lên, thì cũng là lúc có đôi bàn chân mềm, của em Hoa thò đi xuống. Tôi được biết từ sáng, Hoa đã đưa mẹ vào nhà thương Hồng Bàng.

Khoảng 9: 30 (sáng) thầy tôi mở cửa, gào to với hàng xóm:

- Các ông, các…… bà …..ơi!

Bà Chức và một vài người chạy sang. Mẹ tôi đã nôn ra nhiều máu, người đang xỉu trên giường, mỗi người một tay, nắn cổ, xoa dầu, đỡ bà cụ ngồi dậy.

Bà Chức, nhanh nhẹn chạy sang tổ ngòi bút Đức Thành gọi Hoa; rồi bà Chức và Hoa đã thuê chiếc xích-lô đạp, chở bà cụ vào nhà thương Hồng Bàng cấp cứu.

Hoa đã mệt nhọc từ sáng với bà cụ trong nhà thương, mới về hơn một tiếng, quá mệt lả, nên chả thiết làm hay ăn uống gì. Tôi tranh thủ gầy nồi cơm, rồi chuẩn bị cùng với Hoa trở lại nhà thương, mãi bên Chợ Lớn. Dưới đất, trên giường đây đó còn những vệt máu của mẹ tôi, chưa dọn lau sạch, tuy tôi cũng mệt, nhưng bụng chả thiết uống, ăn gì. Vả lại, có muốn ăn cũng chả có gì mà ăn.

Nghĩ đến mẹ tôi đang rờ rẫm một mình trong một căn buồng nhiều người lao bệnh khác, như tôi vừa nhai xong một nhúm muối rang. Tôi muốn phóng xe ngay, sang nhà thương Hồng Bàng, nhưng nhìn Hoa đang chậm chạp đi xuống bếp, để giải quyết vệ sinh, tôi lưỡng lự vài giây. Tôi đã vậy, nhưng còn Hoa, người vợ thương yêu của tôi đã có bầu? Mệt nhọc từ sáng với mẹ tôi, nếu không tỉnh táo giải quyết lần lượt sự việc, có nhiều khi sự việc lại kéo dài thêm ra, trầm trọng thêm. Nếu quá sức, người mẹ đã vậy còn đứa con trong bụng?

Nồi cơm đã ghế, đảo 5-10 phút nữa chín, Hoa phải ăn một bát cơm nóng. Tôi đổ thêm một ít mắm cáy của mẹ Hoa mới cho hôm qua, thêm lẫn vào chiếc soong con mắm tôm chưng, hai loại mắm đảo lộn với nhau. Chưng nóng sôi lên thành một món ăn ít người được thưởng thức. Vừa xong thì cơm cũng đủ chín, Hoa cũng từ nhà cầu ra, hai chúng tôi mỗi người một tay, một

chân, lấy sẵn bát đũa, thìa lên bàn cho thầy tôi, rồi mỗi người xới lẹ một bát cơm thưởng thức vội, với món ăn tôi vừa sáng chế.

Hai vợ chồng vừa nhìn nhau, vừa nhồm nhoàm nhai miếng cơm với mắm, tôi chợt nghĩ đến một ý :

Dù nghèo mà vui…..Hỏi ai không hé môi cười… …
….
Tôi yêu ….quê tôi, yêu lũy tre dài… …đẹp xinh …

Rồi miệng nhai, tai tôi nghe rõ mồn một bài hát ” Tôi Yêu ” hình như của ông Trịnh Hưng sáng tác thì phải, từ trong hố sâu của ký ức. Tiếng hát đu đưa réo lên ở một chiếc loa phóng thanh, trong khu chợ Nguyễn Tri Phương, Chợ Lớn một buổi chiều muộn nắng nhạt, khi nhiều gia đình đã quây quần bên mâm cơm năm 1958.

Tôi yêu …..quê tôi…..yêu mãi ….bây giờ càng yêu… …
Yêu con sông xanh……dâng cát …..hoe vàng bên đình……
Yêu trăng buông lơi…..trên má cô nàng…..dệt tơ….
Và yêu cánh đồng vời xa… ….. ngàn tay dâng mùa thái hòa
Yêu anh, yêu em……. Yêu nước…..yêu trời gần xa
Và yêu….mối tình nở hoa….ngàn năm …..không hề phai nhòa.

Tôi mắm môi, mẩm lợi đèo Hoa sang Chợ Lớn cho kịp trước giờ nhà thương đóng cửa. Đến cổng cũng là lúc ông già gác cổng đang đẩy cánh cổng khép lại để khóa. Tôi hộc tốc cùng Hoa xông vào, ông già nhìn tôi và Hoa đang chạy phía sau với vẻ mặt của con ngan vừa ” tè “, ông nói như tiếng mưa rơi mùa hè :

- Đã đến giờ rồi, anh ơi!

Vừa thở hổn hển, mặt tôi vừa dài ra, nhăn nhúm lại:

- Thưa bác, tôi vừa đi làm về tới nhà, mẹ tôi bị ngất đưa vào đây, xin bác thông cảm cho đứa con trai nghèo thăm người mẹ.

Ông già ngừng tay đóng cổng, mặt của ông tỏ vẻ ái ngại:

- Tôi thông cảm cho anh, còn cháu thì không được!

Tôi biết ông ta lầm, nên nhã nhặn nài nỉ:

- Thưa bác đây là vợ của tôi… cũng đã mang bầu…..

Ông mở cổng rộng ra, nhưng mắt của ông cũng mở to, tưởng chỉ còn lòng trắng, để nhìn hai chúng tôi như một chuyện không bình thường của quê hương nhiều máu lửa. Khi tôi đi qua cổng, ông già đã để tay lên tay tôi, trên ghi dông xe như muốn kéo lại để ông cởi cái nút băn khoăn trong lòng của ông về một đôi vợ chồng, mà ông lại tưởng là cha và con.

Nhưng rồi ông lại nở một nụ cười hiền hòa, đẩy tôi đi, như đã tự tìm được câu giải đáp: Trong một đất nước không may gặp phải cái nạn " hồng tuộc " để gây ra một cuộc chiến tranh dai dẳng ác liệt suốt một giải Trung Nam Bắc liên tục 30 năm. Hết chống thực dân xâm lược, lại làm nồi da để nấu, hầm thịt của mình. Cho nên nó đã đẻ ra nhiều chuyện không bình thường, mà đây là một. Khi đã có quá nhiều chuyện không bình thường, thì đương nhiên nó trở thành chuyện bình thường. Có nghĩa chuyện của vợ chồng tôi, cũng chỉ là, một câu chuyện bình thường của quê hương nhiều súng đạn, lửa, bom của chúng ta.

Tôi đã hình dung từ trước, nhưng khi nhìn thấy mẹ tôi, tôi đã không nhìn rõ người, vì nước mắt của tôi giàn ra mà tôi đã không kìm giữ được. Họ đã cắt tóc mẹ tôi chỉ còn hơn một phân. Người nằm, mắt người lúc nào cũng nhắm, không thể biết được người thức hay ngủ, nếu người không động đậy tay, hoặc chân. Cái mặt của người khắc khổ càng bé choắt lại.

Ngày xưa, mẹ tôi là người đẫy đà, tầm thước duyên dáng đã được nhiều bạn hàng và họ hàng trêu đùa, ca ngợi, nhất là đôi mắt. Đôi mắt mà thầy tôi vẫn bông đùa với chúng tôi, mỗi lần nàng Xuân của dân tộc ghé thăm gia đình tôi: " Mẹ chúng mày có đôi mắt thu hồn người ", thế mà giờ đây, một tấm thân khô gầy, tiều tụy chỉ vì những tai ương của cuộc đời đã dập vùi, dầy vò mẹ tôi.

Cái tai ương mở đầu, lại chính đứa con trai cả, yêu quý của người gieo. Người con trai ấy đã bất ngờ bỏ ra đi, không một lời từ giã mẹ mình, để lại cho người những đêm dài thấp thỏm, khắc khoải nhiều nước mắt.

Người con trai khi đó do bầu nhiệt huyết, tâm hồn trắng trong của tuổi trẻ, thẩm thấu cái nhân sinh quan của cụ Nguyễn Công Trứ: Chí trai ngang tàng vẫy vùng ngang dọc bốn phương trời. Không những cụ có tài về quân sự mà còn uyên bác về kinh tế, xã hội. Trong văn học sử nước nhà, khó tìm được một người: Tri, ngôn, hành hợp nhất. Vì thế ngay khi còn niên thiếu, học trung học đệ II cấp, tôi đã thuộc làu nhiều thơ văn của cụ. Chỉ nghĩ và làm những điều mình muốn, ở những phương trời có lửa và có máu. Chàng trai ấy, đâu nghĩ đến cái nỗi lòng của người mẹ, chờ con:

Chờ con lúc canh khuya……
Người con ….đã ra đi ….. vì ….nước !

…..
Để rồi …….. biền biệt …… mất tiêu.

Tôi hơi một chút se lòng, lắt lay trong đạo lý làm con, mập mờ, sáng tối giữa hiếu và trung. Mẹ tôi đã khóc thương con nhiều, nên người đã lòa cả đôi mắt từ 1964. Còn thằng con trai thứ hai lớn lên, cũng đi vào quân đội để cứu nước, cuối cùng đã bị một tên du kích hạ sát để trả thù, lúc đang ngủ ở giữa cánh đồng, trên Hồng Ngự năm 1976 để lại một đàn con sáu đứa côi cút và người mẹ cũng đã bước sang thuyền khác. Người có hai đứa con trai, thì cả hai đứa đều bỏ người lại, để ra đi không trở về .

Cuộc đời của người và gia đình càng chìm sâu vào vũng lầy trong hang tối, để đến bây giờ từ lao tâm, người đã trở thành lao phổi, trầm trọng mà không có thuốc men để chữa chạy. Tôi cứ ngồi yên nhìn mẹ tôi nằm, dòng suy tường của tôi cứ cuồn cuộn vặn vò trong đầu, nó đã vắt kiệt và đẩy dần nước ra ngoài mắt tôi

Đặt một tay lên bàn tay gầy của người. Tôi chỉ nói được một tiếng ” mẹ “, bao nhiêu nỗi niềm như đút chặt cổ họng, làm tôi không nói ra lời. Mẹ tôi tuy nằm, nhưng người không có ngủ, như ” thần giao cách cảm” người biết ngay là tôi. Nước mắt của người đã giàn ra, môi của người mím lại rồi thốt ra, cũng chỉ có một tiếng ” con “. Tay của người xoay lên cầm nhẹ tay tôi, người vẫn nằm yên, nhưng trong hai hố mắt của người nước càng giàn ra nhiều hơn. Tôi phải lấy khăn lau mắt cho người và cũng chiếc khăn ấy, lau cả cho tôi. Nhìn lên Hoa, mắt cũng đỏ hoe, tôi chợt nhớ đã đến giờ về để trình diện.

Hoa ở lại với mẹ, 5 giờ sáng mai tôi đưa cơm nước sang, hẹn Hoa ở ngoài cổng nhà thương, vì giờ đó chưa mở.

Tôi sẽ dậy từ 4 giờ, nấu cơm, để kịp chuẩn bị đưa sang nhà thương, rồi phóng xe sang tổ mộc Thành Công, bên Phú nhuận. Tôi còn phải sang bà mẹ vợ, nhờ mẹ đến tổ ngòi bút Đức Thành, xin cho Hoa nghỉ để chăm lo mẹ lòa, trong bệnh viện.

Sau khi tôi đi trình diện về, ở nhà tối hôm nay chỉ có hai bố con tôi, nhìn đôi mắt chậm chạp lờ đờ của thầy tôi, tình phụ tử từ dưới đáy con tim của tôi đã trỗi dậy. Mới 7: 30, tôi chạy vội ra cửa hàng bà Lân để mua thêm hai hào cà ghém nén, món cà tuy mặn, nhưng thầy tôi vẫn thích từ ngày xưa.

Sau khi bà xúc cho gần một chục quả cà, tôi nhìn mấy con cá khô, tôi biết thầy tôi cũng thích mà tôi cũng thèm, nhưng tôi cứ ngần ngừ. Bốc đồng, tôi định bảo bà ấy bán cho hai con, chợt nhớ Hoa đã dặn gom cho đủ 12 đồng để đong thêm 7 kg gạo thiếu. Vì đã đổi bo bo để lấy gạo, vừa không muốn

ăn bo bo lại vừa thích ăn cá kèo, thì làm sao mà đạt? Năm hào cà nén, đã là phóng tay rồi. Tôi bước ra tới cửa thì bà Lân lại gọi giật vào:

- Cậu cứ cầm lấy hai con cá về mà ăn! Tôi không lấy tiền đâu!

Tôi đã trợn mắt nhìn bà Lân "bà này đọc được tâm tư của tôi ư?". Nghèo, nhưng lòng tự trọng của tôi vẫn trỗi lên:

- Cám ơn bà, tôi đủ rồi!

Bà ấy cầm luôn hai con cá, gói vào miếng giấy báo đưa vào tay tôi:

- Cậu cứ cầm về đi, tôi còn mang ơn bà cụ nhiều lắm!

Sau này, tôi nhớ lại, có lần tôi hỏi mẹ tôi thì được biết: Khi mắt của mẹ tôi còn sáng bán vải ở chợ, người giữ (làm chủ) nhiều bát " hụi ", không những rộng rãi, nhân nhượng với bà Lân, mẹ tôi còn là người đỡ đầu cho con trai của bà ấy.

Sáng hôm nay, cũng như mọi khi, tôi dậy từ 3: 30, để lo cơm nước đưa sang cho mẹ và em Hoa. Đặc biệt hôm nay, có chừng nửa lạng bột sắn dây, loại này giai đoạn ấy rất quý và hiếm của bà Cần trước cửa nhà, đưa cho tôi chiều qua, dặn đưa vào cho bà cụ. Thứ này rất mát, rất tác dụng với bệnh lao phổi.

Ngoài ra, chiều qua tôi có mua được một bó rau lang, tôi đã luộc để lại cho thầy tôi mươi ngọn, tôi ăn mươi ngọn, còn gói đem sang cho Hoa và mẹ. Ở nhà thương mẹ uống thuốc bị nóng, thiếu rau tươi, Hoa cũng cần vì bụng chửa, tôi cũng cần " bồi dưỡng "cho con tôi đã 4- 5 tháng rồi. Chả biết con trai hay con gái, kinh nghiệm của cô Thu, cô Xuân và mấy bà hàng xóm, bụng chửa tròn như quả dưa hấu, đứt đuôi là con gái. Nhưng theo mợ Út và ông lang Diệm phía trước nhà thờ, bụng óng lên như mít Tố Nữ thì có chạy đi đằng trời, cũng là thằng cu tí! Tôi chẳng biết nghe ai, con trai hay con gái, cũng là của quý như ngọc, như vàng của tôi. Bây giờ tôi cứ phải bồi dưỡng cho con tôi đã. Con thông cảm cho bố nhé ! Bố không có tài, lại đang bị con Hồng Tuộc nó ràng bố, nên bố chỉ có rau lang, để bồi dưỡng cho con thôi.

Vừa đạp xe, đầu óc mông lung, vừa nghĩ đến bồi dưỡng, mà đã nhìn thấy cổng bệnh viện Hồng Bàng rồi. Mới 4: 45, còn 15 phút nữa, mới tới giờ Hoa ra cổng.

Nhìn chéo phía bên kia cổng, một mảnh vườn con, với chiếc ghế để không, tôi vòng sang đấy ngồi chờ. Mới còn tinh mơ, đã có hai chú bướm trắng đậu vào hai bông Thược Dược. Hai cánh " khỏa " chậm chạp như một ông tiên,

đang phe phẩy chiếc quạt lông ngỗng. Tôi khẽ nhón bước, lách vào bụi râm bụt, tiến lại gần hai anh chàng hay cô nàng bướm. Thôi, cứ cho một chàng và một nàng đi, cho họ hạnh phúc mà mình có thiệt hại gì đâu?

Một con phía cuối cánh, gần đuôi có mầu xanh nước biển, một con cũng phía cuối, lại có mầu vàng nghệ, tôi cứ cho con vàng nghệ là một anh chàng đi. Anh chàng thò mãi cái vòi như sợi chỉ nâu, chọc vào hết chẽ này, lại chẽ khác của nàng Thược Dược mới nở. Hai chiếc cánh cứ ấp vào rồi lại mở ra, thỉnh thoảng cái bụng con, cong cong của con bướm có điểm chút màu xanh biển, cũng có vẻ tham lam lắm. Chiếc vòi của nàng ngoặt ngoẹo lách vào chẽ này, lại quặt sang chẽ khác của bông hoa. Hai chiếc râu con phía trên đầu, cứ lắc lắc mở dài ra, rồi lại cuộn vào cứ như đang bơm bánh xe đạp bị hết hơi. Cánh của cô nàng cũng từ từ mở ra khép vào giống như anh chàng mầu nghệ, có thể anh chàng và cô nàng đã chắc dạ, nên lại lẳng lơ vờn đuổi nhau sang mãi bên kia vườn.

Cũng kỳ khôi, từ nãy tâm trí của tôi chỉ chú ý đến đôi bướm trắng mà không để ý đến một khóm huệ, phía sau chiếc ghế tôi ngồi, có hai con chuồn chuồn nâu gắn vào nhau! Nhìn thoáng, tôi có cảm tưởng là một chiếc trực thăng thu nhỏ. Chúng không biết có tôi ngồi ngay đấy, tôi khẽ xoay người đầu cúi thấp, mò gần lại xem chúng làm gì mà lạ vậy? Thảo nào, mới khi vào ngồi ghế, lẫn vào mùi thược dược rõ ràng có một mùi lạ. Bây giờ tôi mới hiểu, đó là mùi đài các qúy tộc của huệ trắng, thứ hoa thường để dâng hiến Đức Mẹ và Phật Bà Quan Âm. Nó vừa trâm anh, thế phiệt lại vừa hòa nhã, khiêm tốn, đạo đức, thế mà mấy chú chuồn chuồn mới bảnh mắt, đã rủ nhau đến làm trò.

Rất là lạ, đuôi của một con phía dưới lại cong tớn lên, gắn vào phía sau đầu của một con, ôm phía trên. Con phía trên quay ngược đầu lại, thò mãi cái đuôi dài xuống phía dưới, gắn vào bụng của con phía dưới: Chẳng biết chúng làm cái trò gì mà rắc rối vậy? Tôi đã giơ tay lên định chộp cả đôi, để nhìn cho rõ, nhưng tôi chợt nghĩ, dù là một sinh vật nó cũng có buồn, vui, sướng khổ, tôi không có quyền làm gián đoạn hay phá quấy, cuộc sống của chúng nó.

Nghĩ thế, tôi đã hạ tay xuống để cho cái mũi, tự do hà hít cái hơi thiên kim của nàng huệ trắng, đang phì ra cái hơi ngát, ngây ngất của tiểu thư. Làm cho tôi quên béng là phải đứng yên và thở nhẹ, để ngắm nhìn đôi chuồn chuồn. Tôi đã đứng thẳng người lên, làm cho hai chú chuồn chuồn đang ôm nhau, cất cánh sang mảnh vườn bên cạnh. Lúc chúng ôm nhau bay đi, lại càng giống một cái trực thăng bà già, mà tôi đã nhìn thấy nhiều lần.

Tôi đang định dẫn xe đạp theo sang mảnh vườn bên ấy, thì đã thoáng thấy bóng em Hoa trong cổng bệnh viện, phía bên kia đường đang vẫy. Như chợt tỉnh một cơn mê, của anh chàng Từ Thức :

Rằng xưa…..có gã …..từ quan …… ….. lên non
Tìm động …….hoa vàng …… với …..tiên!

Tôi vội dẫn xe đưa các thứ sang cho em Hoa, đến nơi, chưa kịp hỏi thăm mẹ, em Hoa đã hỏi tôi rồi:

- Anh làm gì . . . . . mà em gọi . . . . . em vời mãi?

- Xin lỗi em! Đêm qua anh ít ngủ, nên hơi mệt? Mẹ …. đêm qua, có ngủ được không em? Cả em nữa?

Chợt nghĩ đến con của tôi, như có một sinh khí luồn vào người, tôi tươi mặt:

- Thế còn con của anh, nó có ngủ yên không?

Hoa đỏ mặt rồi ứ. . . .ứ, tay cầm các thứ đi vào, chẳng trả lời một câu hỏi nào của tôi. Tôi cũng đã đến giờ phóng xe sang Phú Nhuận.

Buổi chiều, tôi lúi húi vo gạo, đặt nồi cơm để chuẩn bị sang với mẹ. Đã hơn một tuần, mẹ tôi đã đỡ nên ngày mai nhà thương sẽ cho mẹ tôi về nhà, uống thuốc Bắc. Mấy hôm trước, một ông bác sĩ trẻ trưởng khoa, hỏi tôi và Hoa có một loại thuốc trị vi trùng lao của Tiệp rất hữu hiệu, chúng tôi có đủ tiền lo cho bà cụ không? Với giá tiền ấy, chẳng khi nào chúng tôi nghĩ tới, chứ đừng nói là chúng tôi có, nhà chạy gạo, chạy củi từng ngày làm gì có tiền mua loại thuốc như vậy.

Có thể Chúa và ông Trời đã thương gia đình chúng tôi hay sao, vài ngày sau, mẹ tôi lại tỉnh táo, như có một phép lạ tiếp sức, hàng ngày nhà thương cũng cho mẹ uống thuốc lá Đông y là chính.

Buổi tối, tôi đi trình diện về, vừa bước vào nhà, thầy tôi chỉ chiếc ghế như bảo tôi ngồi. Tôi ngồi đưa đôi mắt ngạc nhiên nhìn thầy tôi, hôm nay người có những thái độ khác thường. Người mở tủ, trịnh trọng lôi ra một chiếc hộp con đánh vẹc- ni đã cũ, từ mãi góc trong cùng của chiếc tủ cũng xấp xỉ tuổi đời với thầy tôi. Người mang chiếc hộp ra chiếc bàn con, nhà vẫn ăn cơm. Chiếc hộp chỉ có cái móc, không có khóa, người ngồi xuống mở hộp, tôi đoán chắc người có món gì quý người cho tôi đây? Người cầm ra một cái lọ con mầu tím xanh, người đưa cho tôi mặt người tươi lên, nói dịu dàng:

- Con giữ lấy . . . . . mà dùng ?

Tay tôi cầm, nỗi ngạc nhiên của tôi càng lớn hơn, rõ ràng là lọ mực Wateman của thời trước 1975. Lọ mực còn đầy nguyên chưa mở, vậy người đưa cho tôi để làm gì? Dù tôi biết là thầy tôi đã hơi lẫn trí, nhưng tôi vẫn băn khoăn. Để thầy tôi vui lòng, tôi nhận và cũng trịnh trọng:

- Con cám ơn . . ..thầy!

Thầy cho mực để đi học? Rõ ràng tôi đã bốn mươi mấy tuổi, lại đang là phó thường dân, chạy ăn từng bữa, còn đang làm đơn xin vào nơi địa ngục của đời, thì còn học hành cái gì? Vậy người cho lọ mực để tôi bán lấy một hai đồng? Hợp lý và rốt lý nhất là tinh thần của người không còn sáng suốt, nên người đã làm như vậy!

Tuy thế, chiều ngày hôm sau, mẹ tôi và em Hoa ở nhà thương về, ngoài những chuyện khác, tôi vẫn còn đưa chuyện lọ mực Waterman ra hỏi ý kiến Hoa và mẹ. Hoa và mẹ cũng ngẩn người ra chịu chết, cuối cùng cũng chỉ còn cho là thầy đưa lọ mực trong một lúc mà óc thầy không còn sáng suốt.

Phần tôi đã nhiều lúc tôi định hỏi thẳng thầy tôi, nhưng tuy thầy tôi đã lẫn trí, nhưng người vẫn còn cái uy với tôi. Cái uy nó đã có từ những ngày tôi còn bé, còn niên thiếu, những ngày khổ cực tập luyện võ nghệ, đấm đá cây chuối, đấm đá cột nhà, bao cát. Khổ luyện về mùa Đông cũng như mùa Hè hàng chục năm, từ ba bốn tuổi đã phải đứng Trung bình tấn, Đinh tấn, Xà tấn, Chảo mã tấn, v.v. . . trong những bài quyền thuật, hay có binh khí cho mãi tới 14-15 tuổi. Rồi những trận đòn nên thân của thầy, nên tôi cứ rụt rè không dám hỏi, vả lại tôi đã đinh ninh là một việc làm của một người không còn bình thường, nên tôi đã bỏ qua.

Tôi nhớ lại hôm kia, tôi đang gò lưng đạp chiếc xe già trên đường Trương Minh Giảng, thì gặp Tuấn Nguyệt. Cũng như năm ngoái gặp Lộc Vàng, những người của Hà Nội, của miền Bắc, giờ đây lại gặp ở Sài Gòn. Tuấn Nguyệt bị ghép cái tội phản tuyên truyền, phản cách mạng, chẳng có án ung gì mà chỉ ” tắc bọp “. Loại tù tập trung ba năm ở miền Bắc XHCN hầu như ở đại đa số người tù, người thì ba lệnh, bốn lệnh, năm lệnh v.v…

Mỗi lệnh là ba năm, rất ít người được cái may mắn là một hay hai lệnh, thì được về.

Tuấn Nguyệt cũng ở cái lệnh thứ ba, tại phân trại A, trại trung ương số 2 Phong Quang (Yên Bái), thời gian này, (cuối 1974) tôi đã gặp Tuấn Nguyệt. Anh có bố di cư vào miền Nam 1954, ông đã già, không di tản, Tuấn Nguyệt liên lạc lại được với bố. Năm 1976 Nguyệt được tha đã về sống với

bố, Nguyệt lấy vợ, cả hai vợ chồng cũng vất vả ngược xuôi để kiếm miếng ăn. Hiện nay Nguyệt cũng chả có công việc gì làm; lông bông thỉnh thoảng ăn bám ông bố già, Nguyệt cũng khoảng tuổi của tôi, hiện nay cảnh sống cũng tương tự như tôi, chỉ có khác là người tù địa phương (những người ở miền Bắc đi tù như Trần Nhu, Nguyễn Chí Thiện, Lý Cà Sa, Vũ Thư Hiên,v.v. . .). Chứ không phải như tôi, của chính quyền miền Nam ra Bắc, anh không bị mất quyền công dân và quản chế như tôi.

- 40 -

RA KHƠI LẦN THỨ HAI

Gặp lại nhau, thật là vui, nhưng cũng chỉ là ly nước mía, hay nước chanh là hết cỡ. Tôi cũng đã mời Tuấn Nguyệt lại nhà tôi, và tôi cũng đã lại thăm nhà, chào ông bố của Nguyệt. Đều tự hiểu là chẳng có cơm nước gì, dù chủ nhà có muốn mời cơm, cũng không có khả năng. Qua Tuấn Nguyệt tôi biết thêm một số anh em khác, cũng đã được tha như Mạc Lịch, Tâm Bột, Trần Thế Khải, Kiều Duy Vĩnh v.v. . . Từ đấy thỉnh thoảng Tuấn Nguyệt ghé lại nhà tôi chơi, cũng như một số anh em Biệt Kích vậy. Người này liên hệ thăm hỏi để biết người kia.

Sang đầu 1982, số Biệt Kích càng ngày càng được về nhiều. Ngay trong anh em BK hầu như không có ai trong hoàn cảnh và điều kiện như tôi. Họ không có bố mẹ già mù lòa, họ không bị ràng bố và phải trình diện mỗi ngày như tôi. Nhiều anh em BK được tha về, hầu như ai cũng phấn chấn ra mặt, riêng tôi hẩm hiu lại xin trở vào trong tù.

Hôm nay tôi đi làm về đến nhà, Hoa bảo sang mẹ gặp, buổi trưa cậu Tập đến gặp mẹ lâu lắm!. Tôi vội sang bên bà nhạc, cậu Tập cho biết: tối nay, 8:00 tôi phải sang nhà cậu ngủ, để sáng sớm mai có xe đón ra Vũng Tầu. Tôi vội về lo toan chuẩn bị những thứ cần thiết. Tôi trèo vào mùng thầy tôi, thấy tôi vào, người lồm cồm bò dậy, tôi đã ôm lấy thầy tôi và thì thào:

- Xin thầy giữ gìn sức khỏe, thầy cầu nguyện cho con đi được trót lọt.

Tôi đã bước chân xuống giường, tôi chợt nghĩ: ” có thể rồi đây thầy tôi chết, hay tôi chết chả còn gặp nhau nữa, tôi đành lỗi đạo làm con “. Tôi quay lại ôm lấy thầy tôi thật lâu, như muốn nói thầm với người như vậy.

Tôi lại vào giường mẹ tôi, mẹ tôi đã hiểu chuyện từ lúc tôi chưa đi làm về, mẹ tôi cầm tay tôi, vuốt tóc tôi, người nói trong nước mắt:

- Mẹ muốn con ở bên mẹ, nhưng mẹ lại cầu xin cho con đi bằng yên! Con phải thương vợ của con, nó cũng đứt ruột để chồng ra đi !

Tôi ngồi ôm mẹ, gục đầu vào vai mẹ im lặng cho nhiều nỗi niềm, chảy ra theo dòng nước mắt. Biết bao nhiêu chuyện phải nói, phải dặn dò mẹ, nhưng tôi chỉ nói được với mẹ, một lời:

- Tất cả mọi sự, con xin dâng và vâng theo thánh ý Chúa!

Cũng như với thầy tôi, sẽ chẳng còn hy vọng gặp lại mẹ nữa. Mẹ tôi thì già yếu, bất cứ lúc nào người ra đi, còn tôi thì trăm thứ bấp bênh trước mặt. Tôi đi trình diện rồi tôi và Hoa đèo nhau sang nhà cậu.

Tôi đã dặn kỹ mẹ và Hoa, từ sau 7 giờ chiều mai cho tới ngày hôm sau, nếu cô công an Ngọc Anh có đến hỏi tôi, thì đều nói : Khoảng 5:30 chiều, người cháu ở Hồng Ngự xuống báo bà Hai Công sắp chết. Nó vội vàng chạy đến cô để xin phép, nhưng nói là không gặp cô, nên nó đã đi ngay với người cháu. Đại cương là cứ nói lửng lơ, không xác định, diễn tiến tuỳ theo để mặc tôi giải quyết! Trong thực tế tôi đã đi từ sau lúc trình diện, ngày hôm qua.

Buổi tối ở nhà cậu mợ Tập, tôi đã minh định với cậu mợ Tập: " Vợ chồng cháu xin ghi lòng nhã ý của cậu mợ . Về chuyến đi này cháu xin nói rõ: Nếu cháu chết ở biển cả, xin Chúa trả đền cho cậu mợ, hoặc trong muôn một vợ con của cháu có điều kiện nào, trang trải món nợ này cho cậu mợ. Nếu cháu đi đến nơi, cháu sẽ thanh toán đủ số vàng, mà cậu đã đưa cho họ. Không may mà cháu bị bắt, là phần số của cháu, còn liên lạc được với cậu mợ, vả lại cháu luôn nghĩ rằng: Nếu lòng cậu mợ tính toán như cháu vừa thưa, chắc chắn cậu mợ đã không nhường, chuyến đi này cho cháu "

Đêm hôm ấy, tôi ngủ với em Hòa, còn Hoa ngủ với mấy con gái của cậu mợ. Bốn giờ sáng còn tối đất đã có người đến đón, xe đậu mãi gần chỗ chợ cá cũ (Trần Quốc Toàn), Hoa bịn rịn cứ quấn quít bên tôi, tôi đã đèo Hoa ra tận chỗ xe đậu.

Cả một đêm, Hoa không chợp mắt được một phút, tôi cho một tay lại sau, cầm tay Hoa. Lòng tôi như sóng biển trong cơn giông, dạt dào, gào thét thương vợ và đứa con chưa chào đời. Trên xe đàn ông, đàn bà, trai gái đã có hơn một chục người. Tôi chẳng muốn người khác chú ý mình, tôi ngừng xe ở một gốc cây bên này đường, Hoa và tôi đã ôm nhau một lúc thật lâu, để rồi ngực và vai tôi đã ướt cả. Tôi khẽ xoa và vỗ nhẹ bụng vợ tôi, như nói thầm:

- Con ở lại nhé! Bố đi sẽ đón con đi sau!

Tôi đã lên xe và xe đã chạy, tuy trời chưa sáng hẳn, nhưng tôi nhìn rõ Hoa đang gò lưng lại, đạp theo chiếc xe tôi đang ngồi, để cứ mờ dần, rồi mất hút vào phố phường. Tôi nói như tự nói với mình: " Em ơi ? Có mệt không em? Cái bụng to, tròn như thế mà đạp xe khỏe thật! "

Hơn 2 giờ trưa xe mới đến đồn Cỏ May, vì chiếc xe còn đón một vài người nữa ở chợ Cầu Ông Lãnh, lúc sáng nay. Xe đi qua đồn Cỏ May, mãi đến một con rạch thì chiếc xe rẽ vào. Xe ngừng trước một đám nhà tranh, tôn như một xóm nhỏ của làng quê Mười lăm, mười sáu người lục đục kéo xuống, lúc đó đã hơn 6 giờ chiều. Họ dẫn vào một căn nhà lợp tôn vách gỗ, trong nhà

chỉ có vài chiếc giường ọp ẹp. Một cái bàn mộc đã loang lổ mực tím, với mấy chiếc ghế đã thứt thẹo, do gánh nặng thời gian. Chiếc bếp nhỏ lợp rạ vẫn le lói ánh lửa, có một bà mặc nâu sồng, khăn mỏ quạ đang cời than, tỏ là một gia đình người di cư nghèo từ 1954. Mỗi người còn đang nhớn nhác tìm chỗ đứng, ngồi thì cái bà tóc quăn, mặc áo cánh trắng khi sáng đôn đốc người lên xe vào nói, và chỉ tay sang cái nhà bên cạnh:

- Mời các ông, các bà 6 – 7 người sang bên kia, cho rộng chỗ nằm!

Ồn ào một lúc, một số người quen nhau đã sang căn nhà lợp rạ. Trời tối dần, phần tôi đi ra ngoài quan sát địa hình, cảnh vật. Theo bà tóc quăn thì đêm nay ngủ ở đây, chờ thuyền lớn vào theo con nước, có thể 2- 3 giờ sáng chưa biết chừng. Có một cậu chừng 25- 26 tuổi, da bánh mật, đầu húi " cua ", ngay từ trên xe, cậu ta gặp mắt tôi, mặt cậu tươi lên, miệng cậu vừa như cười, vừa như mấp máy, mặt của cậu toát ra là một người hiền lành, chân thật.

Như tôi đã có chủ trương từ trước, tôi không muốn tỏ ra một hiện tượng gì khác thường, để người chung quanh để ý. Vì thế, tôi muốn làm quen với cậu lấm, nhưng tôi vẫn giữ im lặng, giữ nét mặt tư lự hợp lý như mọi người, đều nghĩ về gia đình, người thân của mình. Bây giờ thấy cậu giở ra một miếng nylon đen đã cũ, tìm một góc nhà, định trải ra nằm. Lúc cậu gặp lại mắt tôi, tôi đã mỉm cười như chào, rồi tiến đến chỗ cậu. Cậu đã ngồi dịch lại một chút như ý " xin mời ". Tôi đã ngồi xuống bên cạnh và khẽ hỏi:

- Cậu đi có một mình?

Cậu gật đầu và khẽ " dạ ". Tôi đã biết cậu người Nam, và chúng tôi đã quen nhau, cậu tên là Chánh, bố là sĩ quan cấp tá đi " cải tạo " ngoài Bắc từ tháng 7/1975 . Phần vì chẳng nên vội vàng quen biết lúc này, phần khác ai còn tâm hồn đâu, mỗi người đang đầy ắp, mối ưu lo cho mình.

Trời đã tối, góc này chỗ kia đã có người móc đồ riêng ra nhai, ăn nhóp nhép. Khoảng 8 giờ, bà tóc quăn đi vào, theo sau có một bé gái chừng 12- 13 tuổi, bê một rổ cơm đi vào, còn đang bốc khói và một chồng bát con. Mùi cơm chắc làm nhiều người chảy nước miếng, vì chính tôi, từ trưa chỉ có hai quả chuối tiêu, ở Biên Hòa, gần chợ Đồn khi xe nghỉ máy. Bà tóc quăn nói: " bà con ăn tạm bát cơm với cá khô", nói rồi bà ta ra ngay.

Đã có kinh nghiệm trong tình huống này, nhiều người còn nhìn nhau ngập ngừng. Phải thực thi lời dậy của cổ nhân: " ăn cỗ đi trước lội nước đi sau ". Tôi kéo tay cậu Chánh ra, lấy mỗi người một cái bát xúc cơm, gắp mấy con cá " cơm " khô, rồi về chỗ, dùng đũa " trời " mà ăn. Miệng nhai nhưng đầu tôi phảng phất nghĩ suy: Đây là một hình thức nhà " ếm " người. Để đêm

thuyền vào đón, hoặc người đón dẫn đi ra thuyền, nhưng họ tương đối tử tế, những người không có đồ mang theo là đói.

Trời lại tối đen như mực, khoảng 10 giờ, cũng đã nghe một vài tiếng ” gáy ” khọt khẹt đây đó. Tôi chợt nghĩ ” cẩn tắc, vô ưu ; lo xa thì không gặp khó khăn gần”. Nếu như CA họ đã ngửi thấy hơi, mình chưa hiểu ” bến, bãi ” mua hay giao thiệp thế nào nằm một ” rọ” thế này, đêm CA đến vây là bắt gọn. Tôi quay sang ” lay ” vai cậu Chánh, nói nhỏ, trao đổi với cậu nội dung như trên, và tôi đã nói với cậu như một quyết định. ” Thà chúng ta chịu khổ cực một chút, nhưng an toàn hơn “:

- Anh em mình ra chỗ bờ dậu găng, chui vào trong bụi nằm tạm chờ, nghe ngóng. Nếu họ đến đón thì chúng ta vào nhập bọn, còn bộ đội CA đến, thì chúng ta rút, lủi chạy!

Cậu Chánh đã đồng ý, nên đêm hôm ấy làm sao tôi chợp mắt? Tôi ngồi nghe ngóng tiếng đêm thâu, của không gian vùng Chu Hải Bà Rịa. Ngoài những tiếng lá cây xào xạc, tiếng dạt dào của sông nước xa xa vọng về, thỉnh thoảng có tiếng chó cắn, tiếng gà gáy của những xóm làng quanh vùng vẳng đến. Một điều tôi hơi lạ lùng, rõ ràng tôi nghe thấy mấy hồi cú ” rúc ” như tiếng oan hồn đêm thâu gọi ” tử thần ” của vùng Vũng Tầu, Bà Rịa. Tôi cứ tưởng đồng bằng hay ven biển, thì làm gì có tiếng cú kêu?

Dòng tư tưởng của tôi trong bụi găng giữa đêm thâu, đã nhiều lần nhẩy nhót về Sài Gòn. Về người mẹ hiền mù lòa, bệnh tật của tôi, về người bố lẫn trí. Tự nhiên, tôi nắn tay, sờ chân xương thịt của tôi là truyền nhân của người. Về người vợ trẻ thương yêu cùng giai cấp nghèo, như tôi và về đứa con ngọc quý hơn sáu tháng vẫn còn nằm trong bụng (không biết trai hay là gái). Do một vài ngôi sao đêm to nhất nhòm xuống và ánh của chiếc đèn biển, từ một chiếc cột cao trên chỏm, cái đồi trọc phía trước, tôi đã nhìn thấy lúc chiều. Cảnh vật, nhà cửa chỉ còn mờ mờ trong trí tưởng là chính. Cậu Chánh thỉnh thoảng cựa quậy và thở dài, tôi thông cảm với cậu.

Tôi đã phải hàng mấy năm, đêm ngày trong cùm, xích, xê dịch, nằm, ngồi, trở mình, ỉa đái khó khăn bao nhiêu. Như thế này thì đã thấm tháp gì. Hơn nữa, gió mát lồng lộng, khí hậu trong lành. Như vẫn thường ăn cơm muối rang, nay được ăn với thịt cá. Sướng như cưỡi ngựa ấy chứ! Tôi chỉ có nhớ và thương bố mẹ vợ con, lẫn với một chút niềm lắng lo CA, bộ đội đến vồ. Tôi hiểu mình đã xin đi tù, giờ đây có bắt thì cũng đi tù, nhưng ở hai tư thế khác nhau rõ rệt.

Có tội bị bắt vào tù và tự nguyện vào tù đã thấy khác hẳn nhau, ngay ở trong lòng mình rồi. Nó khác ngay trong con mắt của mình, khi nhìn những tên cán bộ của trại tù.

Do mắt không nhìn rõ cảnh vật, nên đôi tai đã phải tăng tần số, để nghe tiếng động. Quá nửa đêm, có lúc trời lặng gió, tôi nghe thấy cả những tiếng giun, tiếng dế nỉ non chuyện trò, tiếng mấy con cóc cọ kẹ, gại lưỡi gọi trời mưa. Để rồi vừng Đông rạng dần, còn tôi lại hư đốn, chợp luôn vào giấc Nam Kha. Có lẽ, cái tần số cảnh giác của thần kinh, tự thấy tạm an toàn, nên đã thổi còi hụ tan giờ " giới nghiêm ".

Đến khi cậu Chánh đã lay vai, tôi mới bò nhổm dậy. Nhìn đồng hồ 4:30 như thế tôi cũng chợp mắt, được gần một giờ. Thảo nào, người tôi thấy sảng khoái hẳn lên, tôi chui ra khỏi bụi găng, rồi vẫy tay cho cậu Chánh. Tôi khẽ lách, nhẩy qua một luống rau dền cơm, vào phía sau ngôi nhà hôm qua, mọi người còn đang ngủ yên ắng! Có thể đêm qua ai cũng thấp thỏm, nên giờ đây đều hãy còn ngủ trả.

Tôi rủ cậu Chánh làm vài động tác thể dục buổi sáng. Trời trong xanh, nhưng cũng thật nhiều mây trắng, có chỗ mây chồng lên nhau lổm ngổm như những trái núi mầu xám bạc. Phía dưới những tầng mây, chỗ thì xám, chỗ thì mầu sữa đặc, nhưng phía trên thì trắng toát, thậm chí, phát ra hào quang rừng rực, có lẽ mặt trời đã mò lên ở chân trời phía Đông!

Dưới này thì ánh sáng nhàn nhạt, nhưng nếu những máy bay nào đi lên trên mây, thì vẫn thấy mặt trời nắng chói. Bầu trời vẫn còn những khoảng trống, không có mây. Mầu xanh, cái mầu xanh êm như lụa, tôi không có khả năng để diễn tả hết được cái đẹp kỳ diệu, cái đẹp hùng vĩ của bầu trời lúc này. Hẳn các quý vị ai cũng đã hơn một lần đã chiêm ngưỡng, bầu trời xanh mây trắng buổi sớm mai như tôi!

Cái mầu hài hòa kỳ vĩ lộng lẫy này, tôi đã nhìn thấy ở đâu? À đúng rồi cái mầu xanh của áo khoác ngoài Đức Mẹ Maria đồng trinh với cái mầu trắng của áo dài phía trong. Mầu xanh càng làm nổi mầu trắng và ngược lại, như mầu xanh của da trời với mây trắng, nó hài hòa, nó bao dung, và linh thiêng mãi mãi.

Người tôi đờ đẫn ngắm trời xanh mây trắng như xuất hồn, một tiếng trong vắt kéo dài rồi rung lên như phím tơ: Tì…tì….te te . . . . .té té . . . . . .của một con chim lạ đậu trên cây bưởi Biên Hòa phía trước cổng. Tôi tỉnh hẳn, quay lại cậu Chánh cũng đang dõi mắt về phía tiếng chim lạ. Không ngờ cũng có người say mê như mình, tôi kéo tay cậu len lén nép vào dậu găng. Mò gần đến cây bưởi, hình như con chim càng kêu hót nhiều kiểu, như ca ngợi bầu trời êm ả sớm mai, vùng Chu Hải Vũng Tầu?

Chả lẽ nó liếc nhìn thấy hai chúng tôi, đang lò dò đến gốc cây bưởi, nên biểu diễn thêm khúc nhạc mê hồn?

Tôi đã nhìn thấy rồi? Đúng là con chim lạ, tôi chưa hề nhìn thấy bao giờ, mỏ trắng, đầu và cổ đỏ chót, hai cái cánh mầu cánh chả ấp lấy cái thân mầu trắng, đặc biệt, cái đuôi tím sậm, dài ngoẳng. Mỗi lần cất tiếng hót….tí tí ..tẹ….tè…tè tè…thì cái đuôi lại quay ngang, rồi ưỡn lên một cái.

Tôi và cậu Chánh đều ngây ngất, không dám cả thở mạnh sợ động, nó bay đi, làm sao có điều kiện, hoàn cảnh để gặp lại con chim ấy lần thứ hai? Thoáng bóng cô bé bưng rổ cơm tối hôm qua, đi về phía chúng tôi, tôi đã định chạy lẹ ra kéo cô bé vào bóng cây găng, nhưng không còn kịp nữa, con chim khỏa cánh bay sâu vào vùng Hải Sơn. Nó bay đi, vẫn còn hát tiếp tẹ tẹ … tí tí…. tè tè…. Cô bé cũng thoáng thấy con chim bay đi, và chúng tôi vẫn còn ngoái nhìn theo. Cô bé cũng nhìn theo con chim, nhưng miệng thì lại hối hả:

- Các chú vào để chuẩn bị ra xe?

Nhìn đồng hồ mới 5: 15, tôi và cậu Chánh đều tự hiểu, là chuyến đi đã trục trặc không thành. Bà tóc quăn căn dặn: cứ hai hay ba người một toán đi cách xa nhau, lần lượt trở ra tỉnh lộ, tự túc đón xe trở về Sài Gòn. Chuyến đi không được hôm nay, bà ta không nói lý do, nếu có ai hỏi thì tùy theo mỗi người là ra thăm bạn bè, bà con ở Chu Hải hay Hải Sơn v.v. . .

Với tôi thì sự việc đã tương đối rõ, để khỏi những rắc rối bất ngờ. Tôi đeo chiếc tay nải cố hữu theo những hướng, đường tôi đã biết để trở về. Tôi định quay vào rủ cậu Chánh cùng về cho vui, nhưng khi tôi vào trong nhà, chả thấy cậu ta đâu. Một mình tôi trở về Sài Gòn, để sớm gặp lại bố me., vợ, và con (còn trong bụng).

Trong lúc ngồi xe trở lại thành Đô, tôi nhớ đến cậu Chánh, rất tiếc do những tình huống đặc biệt, nên tôi đã không hỏi để biết cậu ở đâu, và bố của cậu bị ra Bắc tên là gì? Với cái nhìn một vài thái độ của cậu, tôi hiểu là sáng hôm sau cậu cũng đã biết chuyến đi ấy, chẳng có tầu, thuyền gì cả. Nhưng hiện nay, là người tị nạn trên xứ người, do những đẩy xô của dòng đời sau 22 năm (1982- 2004) tôi đang ngồi lần giở lại một quãng đời trong hố thẳm của thời gian, không biết bây giờ cậu ở đâu? Như thế nào? Còn ở trong nước hay đã ở hải ngoại? Nếu cậu còn hiện hữu, chắc cậu cũng không thể quên được cái đêm hôm ấy, chúng ta trong bụi cây găng già và con chim lạ vùng Chu Hải, Bà Rịa?

Hai giờ chiều hôm ấy tôi đã trở về đến nhà, mẹ tôi cho biết cô Ngọc Anh 8 giờ tối qua đã đến đây tìm con, mẹ đã nói như lời con dặn, cô ấy dặn:

- Hôm nay con về phải đến cô ấy ngay.

Tôi tranh thủ tắm rửa, thay quần áo rồi phóng xe sang tổ mộc Thành Công, ông Huỳnh đã từng là đặc công của Sài Gòn, qua nhiều lần tôi trao đổi. Phần vì thực tế, từ sau khi miền Bắc đã chiếm được miền Nam cho tới nay, ông ta đã nhìn rõ một phần sự thật. Phần khác với những cái hiểu biết của tôi, ông ta thắc mắc, nghi hoặc chưa rõ điều gì; tôi chỉ cần trình bày sự thật, chính điều này, ông Huỳnh đã dần dà có thiện cảm với tôi. Đến nay, ông sẵn sàng giúp tôi trong điều kiện của ông. Tôi sang gặp ông, trình bầy tôi phải đi Hồng Ngự đột xuất thăm bà chị v.v . . . Đến nơi, bà chị đã gặp được bác sĩ ở bệnh viện Tam Nông giải quyết đúng phương pháp, và cho thuốc đúng bệnh nên đã khỏe lại chờ ngày cho trở về nhà v.v …

Tôi cũng xin ông cấp cho cái giấy xác nhận, tôi có đến xin ông nghỉ, để đi Hồng Ngự. ông Huỳnh còn giúp tôi là CA phường 7 Phú Nhuận, xác nhận trưa nay tôi đã về lao động tại tổ mộc. Có giấy này, thì dễ dàng nói chuyện với cô Ngọc Anh.

Trưởng CA phường 7 là bạn thân của ông, từ những ngày hoạt động trong nội thành. Tôi đã chuẩn bị những giấy tờ cần thiết, chuẩn bị cả tư tưởng cho một ngày thiếu trình diện, để đến gặp cô Ngọc Anh. Gặp cô, sau khi đưa hai tờ giấy của tổ mộc Thành Công và của trưởng CA phường 7 Phú Nhuận cho cô. Tôi tưởng sẽ phải trả lời những câu hỏi hạch sách và thái độ lôi đình của cô như mọi khi, nhưng cô đã không hỏi han, hay thốt một lời. Mắt của cô nhìn tôi vài giây như đọng lại, mi mắt của cô hơi hạ xuống, rồi lại từ từ giương lên như nhìn một bến sông chiều muộn, gần cửa biển lộng gió. Nhìn cô ký cho tôi cả ngày hôm qua, tự nhiên một nhánh tư tường ngông cuồng, của một người trai tạt ngang, tôi gọi khẽ:

- Cô Ngọc Anh!

Đôi mắt mầu lam nhạt quay, quét khắp người tôi, rồi đọng lại như đóng cọc nơi cổ tôi. Con ngươi của cô chuyển dần thành mầu nho chín, trong nắng chiều giữa hạ, tiếng nói thập thò như muốn lôi kéo, mùa thu về của tôi.

- Tôi muốn . . . . .bắt tay cô !

Con ngươi của cô tròn lại, rồi dẹp ra khép lại, tay cô như đầu con sẻ tơ, ngước mỏ lên, rồi tiến dần về phía tôi. Tôi đã đường hoàng nắm chặt lấy đầu con sẻ, như một lời cảm ơn. Tôi đứng dậy ra về, với một hơi thở ra thật dài.

Trên đường về, những ánh đèn trong những ngôi nhà lồi ra thụt vào, như những chiếc lưỡi trắng vàng, lè ra ngoài con đường hẻm. Cảnh vật mập mờ như dáng hình của mấy sơn nữ, vừa ngụp lặn trong dòng suối mơ, đang thay đồ bên triền dốc, một ngọn đồi có nhiều sim tím. Chân bước thấp, bước cao, có lúc nhẹ ” hẫng ” như vừa nhắp một men rượu lạ, chưa một lần hít hơi.

Nhưng một mùi hương ngọt ngào quen thuộc, đã xồng xộc chui vào khứu giác, làm cho tôi ngơ ngác đến lạ lùng. Càng bước tới, cái mùi ngọt ngào, ngây ngất đã nhiều lần kéo, lôi tôi vào động hoa vàng, càng đặc quánh lại. Để rồi hai cánh tay mềm tròn lẳn, đã vòng xiết chặt lấy cổ tôi. Mùi hoa thiên lý đang thì, của làn tóc huyền óng ả của em Hoa, đã vít chặt hai lỗ mũi của tôi. Lạ quá! Có bao giờ em ra đón tôi ở mãi ngoài này?

Bữa cơm hôm nay có mấy món lạ, chẳng hiểu em tôi xoay xở ở đâu, như một chút lòng của người vợ mừng đón người chồng của mình trở lại, và hẳn cô nàng cũng tự hiểu, sẽ có những giờ phút nắm tay nhau nhún nhẩy vào thăm động hoa vàng!

Một bát canh hoa bí đỏ nấu lẫn với mấy ngọn bầu, em xin ở nhà cô bạn trong xóm Nghĩa Hòa, một dĩa trứng vịt tráng, già lửa vàng ngậy thơm ngứa cả mũi, từ khi tôi bước vào nhà. Do Hoa lỉnh về nhà, xin mẹ được một quả trứng, bữa cơm hàn huyên đầy ắp nghĩa tình phụ mẫu, phu thê, tường rằng chuyến đi sẽ khó lòng gặp lai.

Đôi mắt em Hoa, nhìn như chà xát, như dội nước nóng vào cái tay cầm đũa của tôi. Có thể Hoa nhìn theo ý riêng của Hoa, nhưng tôi có cảm tưởng cái tay ấy rát ràn rạt, vì dám cầm vào tay của một cái vòi của con Hồng Tuộc? Tôi lên gân, nắm chặt cứng lại, như nắm chặt cái vòi, bắt nó co lại, rụt hẳn vào, để đợi ngày.

Con của tôi, chẳng có cái gì để bồi dưỡng, nhưng cứ mỗi ngày mỗi lớn, nó làm cho cái bụng của mẹ nó gồ cả vạt áo lên. Hôm nay lĩnh lương, tôi đã ghé đến hàng bà Thản, bán trứng vịt lộn Hiền Vương. Đã từ lâu, từ ngày có vợ tôi đến bà mua trứng ” bồi dưỡng ” thường là bốn hột. Hôm nay, tôi lại bảo bà lấy cho năm cái bà ngước mắt lên, quét ngang vào mặt tôi một cái, như đàn cò đêm, cả vào mặt chị Hằng. Tiếng nói rặt vùng Cai Lậy, của bà reng rẻng cất lên, như tiếng nồi cám heo sôi già:

- Bữa nay sông Bến Nghé nước chảy ngược dòng, cậu đòi những hai?

Chẳng muốn thanh minh với bà Thản, nên tôi chỉ mỉm cười để bà tự thưởng thức câu nói đùa vui của bà. Thẳng người, khoan thai cỡi lên ” ông già ” lắm mồm, để rong ruổi về Nam Hòa. ” Ông ” này đã kêu ca cọt kẹt hơn nửa tháng rồi, nhưng tôi vẫn khuyến khích ” ông ” hãy chịu đựng, tôi chưa có thời gian và cũng chưa có tiền mua bốn cái má ” thắng ” và lau dầu. Đã từ lâu tôi đã gọi là ” ông ” vì tuổi đời như tôi hoặc hơn, một ” ông ” có phí phách, dù cũng phải thiếu thốn ngược xuôi, tần tảo hết lên Quận, xuống Phường như tôi để trình diện với các cơ quan quản lý. Dù mưa dầm hay bão giật ” ông ” cũng lần mò đi trong nước bùn, cống rãnh ngập tràn, dù cho nắng rách vai, đỏ tóc ” ông ” vẫn cùng tôi đi đến nơi về đến chốn.

Đức tính đặc biệt nhất của ” ông ” là không tố cáo ai, đã hơn hẳn những người bệ vệ, kính trắng, xách cặp da nhưng xun xoe, luồn cúi, tố giác cả bạn bè, anh em để lấy thành tích, trèo lên chỗ ngồi cao, để lừa lọc đám dân đen. Dù bết bát, bệnh tật như thế nhiều lần ” ông ” vẫn sẵn sàng cõng thêm cả vợ tôi. Tiếng cọt kẹt của ” ông ” hôm nay nghe như ” ông ” hoan hô đồng tình với năm quả trứng vịt lộn, đang chễm chệ ở trên vai tôi tuy ” ông ” thấy tôi có tiền bồi dưỡng, mà lại không có tiền chữa bệnh cho ” ông “?

Đã từ bữa bồi dưỡng lần trước, ông bà nội khuyến khích tôi; lần này phải bồi dưỡng cho đứa cháu ” đích tôn ” của ông bà, nghĩa là Hoa sẽ được, hai trứng vịt lộn.

- 41 -

ĐỊNH MỆNH CON NGƯỜI

Chúng tôi năm anh chàng trong phe chiến bại, đang bị một cô gái trong phe chiến thắng ” hành ” ngày thứ Bẩy, Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa như mọi khi. Bỗng có tiếng ồn ào, quát tháo từ phía ngõ, khu Sơn Tây, chúng tôi đang quét và nhặt rác, thông những ống cống ở mấy con đường hẻm gần nhà thờ Nam Hòa, đều ngừng tay ngửng lên: Một cô gái tóc uốn, chừng 18 hay 19 tuổi, nước da trắng hồng, với bộ mặt tương đối khả ái. Toàn bộ thân hình của cô không hề có một mảnh vải, không phải cô gái nào cũng có một thân hình cân đối như cô. Cô rảo bước từ phía ngõ Sơn Tây đi đến, có mấy đứa trẻ con trai mươi, mười hai tuổi hò hét chạy theo nhìn, nhiều tiếng quát của người lớn là để gọi con cái họ, không được đi theo nhìn.

Tôi và mấy anh kia, cũng đều bàng hoàng đờ cả người ra. Quay lại phía cô công an Ngọc Anh, thì cô ả mặt đỏ như mai cua luộc, gục mãi đầu vào một cánh cửa sổ của một ngôi nhà. Tình thế bất ngờ !

Lẽ ra phía phụ nữ, những bà lớn tuổi, phải ra can thiệp, hoặc đưa vải hay khăn che cho cô ta. Nhưng chả có một ai ra giúp đỡ giữa khoảng 10- 12 giờ trưa, nếu ở gần nhà tôi, tôi sẽ gọi Hoa đưa tạm cái khăn, hay miếng nylon ra che cho cô ta. Tôi cũng không dám đến gần cô, để tìm hiểu vì sao lại có một sự việc ” ngàn năm một thuở ” như thế này?

Bố mẹ và nhà cô ở đâu? Khi đến dong nhà thờ, cô rẽ ra đường Bắc Hải để sang khu Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa cũ. Chúng tôi đang lao động có người chỉ huy, nên chả đi đâu được. Tuy chẳng một ai trong chúng tôi biết lý do, nguyên nhân, nhưng chắc bốn anh kia cũng như tôi, làm sao mà quên được:

Cái buổi ” chết người ” lao động ấy!
Ngàn năm chưa dễ đã ai……quên!

Nó độc lập với ý chí của con người, dù có muốn quên đi nhưng vẫn còn nhớ mãi. Tôi về kể chuyện lại cho Hoa, Hoa lại cười ré lên, như con gà tây gại ổ:

- Như vậy là anh vớ ” bở ” rồi!

Tôi chả biết đến ” bở ” hay ” sượng” nhưng rõ ràng sự việc này, nó cũng luồn sâu bên trong là vấn đề xã hội. Từ sự việc này, nếu ai chịu suy nghĩ đều đã nhìn thấy, nhiều mặt của cái xã hội ấy.

Hôm nay đi làm về, vừa đến cửa Hoa đã chạy ra, mặt em tươi roi rói, em nói ríu rít:

- Vừa khi nãy có một anh chừng ba chục tuổi đi xe Honda vào, anh ta nói là anh em của một Biệt Kích nhẩy Bắc, muốn gặp anh? Tên anh ta là Vân.

Tất nhiên, tôi chả biết anh ta, vì tôi chưa gặp lần nào, có địa chỉ ở gần Cống Bà Xếp Hòa Hưng. Cứ để đấy, cuối tuần tôi sẽ đến thăm, xem sao? Không ngờ hôm sau gần 5 giờ anh ta lại đến. Tôi về đến nhà, ngoài cửa một chiếc Honda còn " láng coóng ", mới và đẹp hơn xe của chú Tuất, chồng em Xuân. Một cậu rất tư cách, tỏ là giới " lõi " của thành phố, cậu ta tự giới thiệu là Vân, em rể của Hoàng Văn Chương, một biệt kích ra Bắc 1968.

Cậu đã ra Bắc thăm Chương, cùng với cô Hoàng Thị Phúc, chị vợ. Cô Phúc cũng là em của Chương, như thế tôi hiểu: Hoàng Văn Chương, rồi cô Phúc và còn một người em gái nữa. Người em gái này là vợ của Trần Vân. Thái độ của Vân rất niềm nở, mới gặp mà như đã quen nhau lâu rồi. Ngay buổi chiều ấy Vân mời tôi cho bằng được ra một hiệu phở ở Ông Tạ, Vân mời cả Hoa, nhưng Hoa đã từ chối, phải ở nhà cơm nước, săn sóc ông bà cụ.

Nói chuyện với Vân, tôi biết nhiều điều mới của Sài Gòn dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Mấy ngày sau, Vân đã đèo tôi về nhà gặp vợ Vân. Vân ở mãi dưới Long An, nhưng thường xuyên đi về bà nhạc ở Hoà Hưng. Tôi cũng đã gặp cả cô Phúc là em của Chương, cô Phúc cũng đạt dào tình người. Tôi hiểu Trần Vân có một số khả năng, nhìn được một số kẽ hở của xã hội mới, nên cậu ta đã lách vào những kẽ trống đó để giải quyết cuộc sống của gia đình, mà còn thảnh thơi, thong dong.

Cậu ta chạy " mánh " thuốc lá, thuốc Tây; chơi thì có trọng điểm, theo cậu ta, màng lưới CA và quan thuế dầy đặc. Đã gọi là màng lưới, thì phải có mắt lưới và nút lưới, nút lưới là chỗ chốt của CA hay quan thuế. Vì thế, điều cần thiết là phải nhìn được ra đâu là mắt, đâu là nút, hơn nữa với những kỹ thuật thực hư, hư thực của CA và thuế quan, phải nắm vững chỗ nào, mắt trở thành nút và ngược lại. Thấy anh chàng Vân này tuy chưa có kinh qua về tình báo; chỉ do kiến thức thiên phú tự nhiên mà cũng tương đối sắc sảo, tôi khích lệ và bổ sung những chỗ tôi biết cho Vân.

Đi với Vân, tôi vừa học hỏi thêm kinh nghiệm lại có bồi dưỡng, bù đắp những ngày nắng hạn trước đây. Để thưởng thức một " pha " làm ăn của Vân, hôm đó sau khi trình diện xong, Vân và tôi ra Xa Cảng. Mối cũ của Vân, tôi ngồi sau xe Honda, ôm 900 bao thuốc lá ba số 5, trong một cái bao tải gạo cũ, luồn lách qua nhiều đường hẻm, đã đưa về nhà Vân an toàn. Theo Vân tiền lời của " cú đó, có thể mua được một tạ rưỡi gạo.

Có lần cô Phúc một Honda, Vân đèo tôi trở lại thăm nhà hàng Thanh Thế, nơi 1962 tôi và bạn bè hay ra ngồi, vợ Vân bụng to; Hoa cũng bụng to nên phải ở nhà.

Đã mấy lần cô Phúc và Vân ca tụng một bà thầy tướng, ở một ngõ trong khu Đắc Lộ, nhã ý của hai người muốn mời tôi cùng đến xem một lần để thẩm định, tôi đều từ chối, phần vì tôi sống bằng sự nỗ lực, của chính bản thân tôi. Hơn nữa, mỗi lần xem giá 30 đồng cho một người, đành rằng do Vân và cô Phúc trả; nhưng tiền của ai thì cũng là tiền. Nếu có một chút ý thức tự trọng, thì tiền của người khác, cũng ý nghĩa như tiền của mình.

Tôi đã đánh giá Vân là người khá sắc sảo, bén nhậy, mà còn ca ngợi cô thầy tướng, nào là: không phải ngẫu nhiên mà nhiều người ở xa đến xem tướng phải nằm chực, nằm chờ vì vào nhưng giờ cô thầy không coi, hoặc vì đông quá v.v… Những người từ Lục Tỉnh lên, người từ Thanh Hóa, Nghệ An vào, anh cứ đi đến xem anh có ” oversea ” được không? Tôi đã từ chối nhiều lần, đưa ra nhiều lý do, không hiểu sao Vân và cô Phúc lại muốn tôi cùng đi xem?

Hơn một tuần sau, Vân cho biết, hôm qua cô Phúc và Vân đã đi xem rồi, bà thầy nói như người quen biết từ lâu với mình, biết rõ quá khứ, tương lai của một người. Một tuần có hai ngày bà không xem, dù trả gấp đôi hay gấp ba; đó là thứ Ba và thứ Bẩy. Tôi hỏi, thế Vân có hỏi tại sao bà thầy, lại không xem hai ngày ấy? Bà thầy đã nói: Bà cũng muốn coi, vì khách chờ lâu, nhưng bà nhìn được vận mệnh của người khác là do lộc, do ý của Thánh. Thánh đã dậy, bà chỉ biết tuyệt đối vâng lời!

Đến đây thì tôi đã hiểu Vân muốn tôi đi coi, một người đã đi tù hết cả tuổi xuân trong nhà tù, xem bà ta có biết không? Vả lại theo Vân, tôi cũng có những nhận xét tương đối về tướng số và bói toán. Thực sự tôi không hề biết về những món tướng số, tử vi, bói toán. Những năm tù ở trại trung ương, do tiếp xúc với một số thầy tướng, thầy ngải, thư, ếm bùa người dân tộc, người Kinh đều là loại danh tiếng, có cỡ Cộng Sản mới bắt vào tù. Tôi tiếp xúc với các vị, chẳng có một chủ trương gì, ngoài cái tính tò mò, và cũng tùy tiện, nghĩa là gặp chăng hay chớ, chứ chẳng để tâm làm gì.

Tôi lại chợt thoáng nhớ tới ngày 30-4-1975, những tờ báo Cộng Sản tha hồ huênh hoang nhiều chuyện, có một chuyện đăng ngay trên tờ Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân. Chúng còn ra rả đọc ở trên đài phát thanh, khi chúng vào tiếp quản Dinh Độc Lập, một tổ ba người (tôi không nhớ tên), được lệnh đặc biệt lục tìm những tư liệu mật và tài sản giấu đút của Nguyễn Văn Thiệu. Chúng đã thấy ngay ở đầu giường của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, có ba quyển sách quý: Một cuốn về tướng số của con người, hai cuốn kia là tử vi phong thổ, nổi tiếng của thế giới và miền Nam.

Ngay ở trong tù, anh em chúng tôi nghe đến đấy, đều ồ lên cười đùa? Nhiều anh em tù miền Bắc đã nói: ” Chắc ông Thiệu không chịu nghiên cứu kỹ, nên đã phải chuồn đi từ ngày 16-4”. Hầu hết những biệt kích chúng tôi đều cúi xuống, để tránh mắt mọi người.

Về vấn đề tâm linh, tín ngưỡng nó cũng có những cái chung: Cuộc sống càng cơ cực, lầm than; thất bại tràn lan, mạng sống quay cuồng trong bão tố, thì con người càng tìm đến thần linh để cứu giúp, che chở. Ngược lại, cơm no, áo ấm thừa thãi, muốn cái gì cũng đạt theo ý mình, thì càng lửng lơ xa lìa thần thánh. Dưới chế độ Cộng Sản vô thần, chúng coi thần thánh là kẻ thù, chúng đả phá tiêu diệt. Nhưng người dân quá cơ cực đói khát, thiếu thốn lầm than nên họ càng tìm đến, với thần linh.

Nó trở thành mâu thuẫn đến vô lý, của hai hệ thống xã hội. Thế giới tư bản tự do, hữu thần: Người dân thờ ơ, coi thần linh tôn giáo như một hình thức trang trí, làm cảnh. Thế giới Cộng Sản độc tài vô thần: Người dân thành kính đến với thần linh, tôn giáo, coi thần linh, tôn giáo như một cứu tinh của đời họ. Tôi nhớ đến một chuyện tướng số, thời gian tôi ở tù: Có một giai đoạn, khoảng 1969- 1971 ở trại trung ương số 1 Lào Cai.

Giai đoạn này tôi mới lên trại, chưa có tay nghề mộc khá, để có thể có năng suất kiếm một vài đồng, mua thuốc hút. Một đêm tôi nghĩ ra một cách ” ma giáo ” để kiếm thuốc hút. Tôi hiểu con người ta có nhiều cái riêng, nhưng cũng có nhiều cái chung. Anh thấy cái đó đẹp, người khác cũng thấy cái đó đẹp, anh thấy ăn cái đó ngon, người khác cũng thấy ngon. Trong cuộc sống anh sợ hãi cái đó, người khác cũng sợ hãi cái đó vậy v.v. ..

Phải chấp nhận: muốn kiếm tiền, hay sống bằng nghề nghiệp gì cũng phải mất tâm trí, công sức về cái đó, ít hay nhiều tùy theo. Nghề bác sĩ thì phải mất nhiều tâm trí, công sức hơn (học nhiều hơn) nghề sửa xe đạp. Chuyện tôi chỉ cần kiếm điếu thuốc hút ở trong tù, nên chỉ cần suy nghĩ qua loa một chút: Tìm một số điểm chung của con người, mới thoáng nghe lại tưởng là cái riêng. Phải khoét sâu vào tâm lý, và cũng phải biết chế ngự, giới hạn.

Tôi nói chuyện với mấy bạn nằm bên cạnh: Ngày xưa, nhớ hồi còn học trung học (tất nhiên ở Sài Gòn), do tình cờ tôi đọc được một cuốn sách của Pháp nhan đề: Định mệnh con người (L’ homme et sa destinée), tôi thấy họ vẽ những bàn tay với những đường chỉ tay, của mỗi người khác nhau. Từ những đường, những điểm khác nhau này, để người này có cuộc đời khác với người kia (ai mà chẳng quan tâm đến ngày mai của cuộc đời mình). Cuốn sách này được giới thiệu là của ” Hội nghiên cứu về số phận của con người do một nhóm giáo sư đại học biên soạn “.

Mấy anh ngồi cạnh đều xôn xao giơ tay, để xem cuộc đời mình ra sao? (ở tù thì đời anh nào chả bế tắc). Tôi lửng lơ, tỏ ra không muốn mất thì giờ, vào những chuyện vẩn vơ, để rồi tôi đưa ra điều kiện: Thôi bây giờ thế này, tôi thì không biết gì về tướng số, tôi nhìn tay bạn, nó giống như trong sách điểm nào thì tôi nói theo: Chuyện tương lai thì chẳng ai kiểm chứng được, vậy chỉ là sự việc đã qua và hiện tại. Nếu tôi nói ba điều, mà các bạn không thừa nhận là đúng, thì tôi không xem nữa. Ngược lại, nếu bạn thừa nhận là đúng thì tôi phải được thường một điếu thuốc lá, hoặc là ba điếu thuốc lào? Ai đồng ý thì tôi bắt đầu! Nhiều anh đưa tay lại tôi đồng ý.

Tôi cầm tay một anh, mặt tôi tỏ vẻ mô phạm, đăm chiêu, xoay ngang, xoay dọc, xem từng đường chỉ tay: Đường đời, đường học vấn, đường tình duyên, miệng lại nói tiếng Pháp như minh giải. Rồi nói như quyết đoán theo sách: ” Bàn tay này nội tâm rất nặng! ” Anh đó hơi ngơ ngác chưa xác định được; tôi nói thêm thí dụ: Bạn gặp một sự việc, một người quen mới, một chuyển đổi mới v.v. . . Người khác chỉ nghĩ đến một chút rồi quên đi, bạn thì cứ vẩn vương trong óc, có khi đến đêm còn nhớ lại, anh ta xác nhận là đúng!

Tâm lý bị đánh lạc, hay bị dụ, bị mê hoặc là sách của Pháp. Tỉnh táo sẽ thấy đây là cái chung, của mỗi người. Câu thứ hai: “Lạ thật! Bàn tay này nặng tình với người thân hơn, là người thân đối với mình “. Người thân có nghĩa là cha mẹ, anh em, vợ chồng, bạn bè v.v. . . Nghĩ một lúc rồi anh ta thừa nhận là đúng! (cái này có đo được đâu nên thế nào cũng đúng). Sau khi được thừa nhận hai câu là đúng, tôi lại ngó nghiêng bàn tay, thậm chí phải kéo ra chỗ sáng, rồi nói như quyết đoán: Cứ những gò ” thiên chường”, rãnh ” nguyệt đàm” của bàn tay này, thì sách nói là một người có ý chí mạnh, làm bất cứ việc gì đều quyết làm cho xong; chỉ bất đắc dĩ chứ không muốn nhờ vả ai cả.

Người thì tôi nói: ” bàn tay này có một lần tường chết, nhưng lại hóa giải được “, vì có một âm hồn phù trợ. Anh này suy nghĩ cho kỹ, 30 – 40 tuổi ai mà chả một lần thoát chết? Kể cả lúc mới đẻ v v. Nhiều người cùng nghe, và tôi tiếp tục có thuốc hút, mà hút một cách không phải đi xin. Người này bảo người kia, sang cả những buồng bên cạnh. Tâm lý của người đời, khi muốn ca tụng, thì cứ mở thêm ra. Lúc đó tôi lại quy định giờ xem, vì tôi đã có đủ thuốc hút, không cần mấy nữa. Vả lại, phải tỏ ra kênh kiệu như thế, nó mới càng có giá, người ta càng tin.

Nếu tôi chủ trương để kiếm sống bằng nghề ” Ma giáo ” này, thì phải dày công nghiên cứu, sưu tra như một nghệ thuật, rồi nghề dậy nghề, do thời gian càng điêu luyện. Như tôi đã nói từ đầu, đây là do ” ma giáo ” của tôi, phần vì tôi đã kiếm được cách có thuốc hút, vì tay nghề (mộc) khá hơn nên có năng suất. Phần khác là chính tôi, không cho phép tôi làm những việc như vậy nên tôi đã dứt khoát, không xem cho ai nữa.

Thế mà giờ đây Vân, lại muốn tôi đi xem tướng cái cô ở Đắc Lộ. Nể tình của Vân, một hôm tôi đồng ý để chiều lòng người bạn trẻ, và cũng xem trình độ, của cô thầy tướng Đắc Lộ này cao đến đâu, để hiểu biết thêm. Thế là một buổi hẹn, Vân và tôi, phóng chiếc Honda đến khu Đắc Lộ để gặp cô " Thầy ". Tôi đã giao hẹn Vân " để tôi hoàn toàn tự do, không được nói một tí gì về tôi cả ". Vân đồng ý, vì Vân muốn tôi đi, Vân phải chịu điều kiện của tôi.

Vào một căn hẻm, đến nhà cô thầy, bên ngoài có 7- 8 chiếc Honda và Mobylette xếp dựng theo hàng, 4- 5 chiếc xe đạp ở một góc. Căn nhà lợp tôn, hai buồng xây gạch và một buồng nhỏ vách gỗ. Trong nhà phía gian nhà gỗ, đàn ông, đàn bà lố nhố hơn một chục người nằm, ngồi. Qua dáng dấp và vài hiện tượng kết hợp, tôi đã hiểu là những người khách chờ cô " thầy " xem tướng ở những nơi xa về. Có một bà hơn bốn chục tuổi ghi sổ sách và điều hành đám khách hàng chúng tôi, thay cho cô " thầy.

Căn nhà cũng như những nhà khác trong xóm, không có một miếng giấy hay tấm bảng nào, ghi là chỗ hành nghề của cô thầy. Vân dựng xe xong, bước vào trong nhà. Chúng tôi phải đến ghi tên chỗ cái bàn con, theo bà điều hành nhắc nhở, rồi bà ta dẫn đến một buồng xây phía trái. Dù có một tấm liếp che, tôi vẫn nhìn thấp thoáng thấy những người phía bên căn nhà gỗ.

Chừng nửa giờ sau, có tiếng xôn xao của mấy bà bên ấy: "Cô thầy đã tới! ". Tôi, Vân đứng lên, ngó ra, một cô chừng 29-30, mặc chiếc áo khoác mầu xanh đậm, tóc quăn bồng cao phía trước. Đôi mắt sáng, sắc như dao cau, một đứa bé gái chừng 10 tuổi, ôm cái tráp đi phía sau, từ phía trái căn nhà gỗ đi ra. Ngay từ xa tôi đã thấy mắt cô ta như điện, đã nhìn sang khắp chúng tôi, nhưng khi đi gần tới, lại coi như chưa nhìn thấy chúng tôi. Trong lúc nhiều người đứng lên lễ phép trang trọng chào cô thầy, tôi thoáng thấy một tên " áo vàng " đã đứng tuổi, cũng từ phía sau căn nhà gỗ đi ra, rồi rẽ vào một hẻm khác.

Tôi chợt nghĩ như thế CA và cô " thầy " phải " ăn có "với nhau, thì mới có số người lạ, nằm đêm tụ tập mới ổn được. Đột nhiên cô " thầy " chen vào giữa mấy ông bà bên căn nhà gỗ, cô chỉ tay vào một ông mặc chiếc áo sơ mi mầu gụ có cầu vai, giọng của cô thầy sang sảng: " Chuyến này, ông không đi được! Nguy hiểm tính mạng! Hôm nay tôi không xem cho ông, sang năm trở lại đây! ". Nói rồi cô " thầy "đẩy cửa đi vào căn buồng giữa. ông sơ- mi mầu gụ mặt trắng bạch, chới với định hỏi gì, nhưng cô "thầy" đã đóng cửa rồi. Tôi và mấy người xô đến hỏi han: Được biết, ông đó từ Vĩnh Long lên chiều hôm qua, đến nhờ cô thầy xem chuyến này đi có trót lọt không?

Điều lạ kỳ là; ông ta chưa gặp cô ” thầy ” mà sao cô đã biết là ông định đi ” vượt biên ” và còn nói đi không được, nguy hiểm nữa? Càng bàn tán thì sự việc càng thấy ly kỳ hơn, uy tín của cô ” thầy ” càng được dàn rộng và càng ngấm thẩm vào bên trong số người này. Trong lúc bà quản lý gọi một số người trước vào buồng cô ” thầy “. Vân cứ trừng trừng nhìn tôi, miệng mỉm mỉm như muốn nói: ” Anh đã thấy cái tài ” thần thông ” của cô thầy chưa? “.

Tôi không thể có ý kiến trong trường hợp này, hơn nữa công sức và thời gian đâu, để chuyện trò tìm hiểu với cái ông áo ” sơ-mi mầu gụ ” để hỏi ông, từ hôm qua ở đây ông đã nói chuyện với bất cứ ai về chuyện ông định đến xem về chuyện ra đi của ông? Không kể lý do, giai đoạn này, nếu không nói là hầu hết thì cũng chiếm đa số, những người đến đây xem tướng số, đều phải tính đến ít nhiều, về chuyện vượt biên? Điều đáng để ý là tại sao cô ” thầy ” phải làm cái kiểu ” muốn tỏ tài ” thần thông ” trước nhiều người? “.

Đến lượt tôi được gọi vào, từ đầu Vân đã giới thiệu Vân với tôi là hai anh em ruột, Vân đã xem rồi, thấy hay, thấy đúng nên về đưa ông anh lại coi. Nhân dịp người anh là tôi, mới ở trên trại định cư Cái Sắn về Sài Gòn chơi, do đấy cả hai chúng tôi đều được vào căn buồng giữa.

Mở cửa đã thấy mùi hương nhang ngào ngạt. Hơi đặc biệt, một bàn thờ đơn giản có bát nhang khói bay nghi ngút, trên có hai tấm tranh thờ, một là đức Trần Hưng Đạo, và một là ông Quan Công ở bên Tầu. Cô ” thầy ” ngồi bên trong một chiếc bàn con, đôi mắt long lanh như hạt sương trong ánh đèn. Theo ý tôi, Vân dẫn tôi đến chào cô ” thầy ” giới thiệu: ” Đây là anh trai mới xuống chơi ” rồi sang cái chõng tre phía vách bên kia ngồi.

Từ lúc vào, tôi như người có bệnh kinh niên, tôi vẫn vịn vai Vân, dáng đi và cử chỉ tỏ mệt mỏi, chậm chạp. Cô có cái thước nhôm 1/ 2 hình tròn có phân, ly để đo những đường chỉ tay, mặc cô đo tôi cứ nói chậm rãi:

- Tôi bị té từ trên mái nhà, gãy một xương sườn, một bên lá lách vỡ nát, tường chết. Bạn bè tôi đều nói, chỉ ở ngoại quốc mới chữa được bệnh của tôi. Tôi liều sẽ đi ” vượt biên ” tôi nhờ cô xem , có đi được không? Chết thì tôi không sợ (bệnh này chết khỏi đau đớn), nhưng tôi sợ nhất là ở tù, cô chú ý xem cho, bàn tay này có phải ở tù hay không?

Tôi cứ thủng thẳng nói, trong lúc cô đo, cô xem tay tôi. Để hỗ trợ cho việc đánh lạc hướng, tâm lý cô ” thầy “; tôi ngoái sang chỗ Vân, hỏi nhẹ:

- Chú Vân ơi? Có phải tôi té, từ tháng 7/1973 phải không? Tôi chẳng còn nhớ năm nào?

Tôi hỏi như vậy, có nghĩa năm 1973 tôi vẫn ở miền Nam. Cô " thầy "đã thấy tôi lo sợ nhất là ở tù, cuối cùng cô đã nhấn mạnh để tôi tin tưởng:

- Không phải ở tù, chuyến đi trót lọt! Tương lai sẽ gặp nhiều thuận tiện, đời tôi ăn về hậu vận v.v. . .

Để xác định rõ ràng, tôi nói to cho cả Vân cùng nghe:

- Thưa cô, cô xem kỹ lại, bàn tay này có bị ở tù không?

Cô nói khẳng quyết là " không ".

Tôi còn " láy "lại:

- Có nghĩa bàn tay này không bao giờ sợ phải vào tù?

Cô nhìn tôi một lúc, rồi gật đầu, tôi vui ra mặt, thấy tương lai của mình như sáng sủa ra.

Vân hôm nay ra về, nét hả hê đã dàn đầy trên khuôn mặt. Dắt Honda ra tới ngõ, Vân còn ngoái lại nhìn căn nhà của cô "thầy" rồi quay lại nhìn tôi. Đôi mắt của Vân hấp him lóa ra mầu hoàng kim, cái mầu chắc nịch của tâm hồn. Tôi chẳng hỏi, nhưng tôi nghĩ rằng Trần Vãn, chẳng còn trở lại để gặp cô " thầy nữa.

Trên đường về Vân có nhã ý hỏi tôi: Muốn ăn bất cứ món gì Vân sẽ phải ăn theo. Để đáp lại tôi, đã chiều theo ý của Vân, vừa lúc ấy Honda đã về ngang Ông Tạ. Cái mùi chả " Chó " nó phả ra đầy đường, từ ngày về tôi chưa một lần thực hiện được một ý thơ, của một người bạn tù:

Đã là trai…đất Bắc
Phải biết…… lúc ……lắc ……với ……..chả cầy.

Một cái chồi " hứng " đã ngỏng lên trong lòng, tôi đã đồng ý vào một hiệu " Cây Còn " gần chéo Ngã Ba ông Tạ. Tôi và Vân cùng tương đắc cái món " nghiền" của dân nhậu Bắc Hà, nên đã thả lỏng lòng thưởng thức " Mộc Tồn ". Cái món mà nhiều thế hệ cha anh, đến chết còn phải băn khoăn:

Sống ở trên đời, ăn miếng dồi chó.
Chết xuống âm phủ, còn có hay không ?

Hôm nay tôi hân hạnh gặp cụ Lưu Linh nữa, nhưng tôi chỉ dám tiếp " cụ " xã giao, vì tôi còn phải gặp cô Ngọc Anh 7 giờ, và còn phải họp tổ dán phố, 8 giờ tại nhà ông trùm Lộc.

- 42 –

HOA KẾT TRÁI

Sau khi họp tổ dân phố về, người tôi hãy còn mệt, thì em Hoa kêu trong người thấy khác thường, tôi xuống nhà hỏi mẹ, em Hoa cũng mệt nhọc lần cầu thang xuống theo. Mẹ tôi quả đã có nhiều kinh nghiệm, người chỉ bắt mạch tay của Hoa, người đã nói: ” Con vào xóm gọi xích – lô, rồi con sang báo cho bà Chức “., Tôi hộc tốc sang bên bà mẹ vợ, rồi vào xóm gọi xích- lô.

Trong xóm có ba người hành nghề xích – lô, tôi phải đến nhà người thứ hai là ông Nhân mới gặp. Tôi và bà già vợ chuẩn bị tíu tít những thứ cần thiết cho Hoa nở nhụy. Mẹ Hoa cùng ngồi xích – lô với Hoa, vào nhà thương Hùng Vương. Tôi đêm ấy, phải coi nhà bên mẹ vợ, vì chỉ có cô em út Kim Anh 12 tuổi ở nhà. Sáng sớm mai tôi phải, phóng sang Phú Nhuận để xin nghỉ ” vợ đẻ “. Khoảng gần 10 giờ từ trên tổ mộc Thành Công phóng xe đạp về tới nhà, thì được biết bà Chức sáng sớm, đã về báo Hoa sinh con gái được 2 kg800 lúc gần sáng, ” mẹ tròn con vuông “. Tôi chạy vội về nhà báo tin vui cho thầy mẹ của tôi, mẹ tôi miệng thì cười, nhưng lại phải lấy khăn lau nước mắt. Người cứ luôn miệng lẩm bẩm: ” Cảm tạ Chúa và mẹ Maria “. Tôi trèo lên giường thầy tôi, thầy tôi đang nằm, nghe tôi nói Hoa đã đẻ con gái, thầy tôi bò dậy ôm lấy tôi, miệng người thì thào:

- Thầy vui… mãn nguyện….. lắm!

Tôi xuống bếp gầy vội nồi cơm cho thầy mẹ, rồi còn phải ra chợ mua một hộp sữa, do tiền mẹ tôi đưa, để đưa sang bà nhạc mang vào nhà thương cho mẹ con Hoa. Tôi nóng lòng muốn nhìn mặt con gái của tôi, khi nãy bà nhạc đã cười, bảo tôi:

- Anh đặt tên cho con gái, tí nữa mẹ vào báo cho nhà thương!

Như vậy tôi đã có con, tôi đã làm bố rồi, điều mà trước đây tôi có bao giờ nghĩ tới đâu? Tôi chạy sang bà mẹ vợ, tôi chạy về nhà, tôi chạy xuống bếp, tôi leo lên gác. Tôi chẳng biết chạy đi đâu! Và tôi chạy để làm gì? Tôi cũng không biết nữa? Tôi nghĩ đến thằng Lợi, thằng bạn thân thương nhất của tôi, con gái của nó tên là Linh, tôi cũng muốn đặt tên con gái của tôi là Linh nhưng phải khác một tí là Lynh. Tôi nhìn cây mai ở nhà, cây mai tươi tốt nhưng chưa một lần có hoa, mấy hôm trước lại có một cái nụ duy nhất. Cây mai, tôi đã đứng cạnh, để chiêm ngưỡng em Hoa lần đầu. Vậy tôi sẽ đặt tên con gái của tôi là Mai Lynh. Tôi chạy vội sang bà nhạc để nhờ mẹ vào nhà thương đặt tên cho con gái là Mai Lynh.

Tôi vừa bước chân về nhà, hôm nay tôi thấy lạ ! Ngồi trong màn thầy tôi thò tay ra vẫy tôi vào, tôi trèo lên giường, trong nỗi vui vì con gái tôi, còn đầy ắp trong lòng. Thầy tôi rút trong người ra, đưa cho tôi một cái bút Parker đút trong một cái túi nhung đen con. Chiếc bút mầu mận chín còn mới tinh, chưa có mực. Chiếc bút " made in USA ". Không biết thầy tôi cất giấu từ bao giờ, nhưng chắc phải từ trước 30-4-1975. Tôi chỉ biết ôm lấy thầy, miệng hổn hển:

- Con xin cảm ơn thầy!

Lòng còn đang xốn xang với vợ và con gái trong nhà thương, nên tôi đã cất chiếc bút vào túi, tôi lại vào giường trong nói chuyện với mẹ tôi. Lòng tôi vẫn thấp thỏm băn khoăn với chiếc bút Parker 51 trong túi, cũng như lọ mực Waterman thầy tôi cho, hơn một tháng trước. Tôi vẫn không hiểu được ý của thầy tôi? Chẳng lẽ người muốn tôi đi học? Tôi đã 44- 45 tuổi rồi, còn đang chạy ăn từng bữa một thì học hành gì? Hay thầy tôi cho bút mực để viết kiểm điểm với các cơ quan của CA? Hỏi mẹ, hỏi vợ cũng không đoán ra, nên tôi đành cất đi? Tôi chợt nghĩ đến đứa con gái mới đẻ, tôi đã đặt tên rồi mà, bố vẫn chưa thấy mặt của con. Hay người cho bút mực để con gái của tôi đi học? Điều này thì tôi chưa thể xác định, điều trước nhất là hai giờ chiều nay, tôi phải lên tiểu ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về.

Hôm qua có giấy gọi tôi phải lên đúng hai giờ để biết rõ: Lệnh tạm trú ba tháng của tôi, sau khi làm kiểm điểm ba, bốn lần rồi! Có được lòng nhân đạo của Đảng cho gia hạn tạm trú, để phụng dưỡng bố mẹ mù lòa, lẩn thẩn hay phải đi vùng kinh tế mới? Rồi lá đơn xin Đảng và Nhà Nước mở vòng tay của người cùng một nước, cho tôi trở lại nhà tù? Tôi đã viết và nộp hơn ba tháng rồi? Bây giờ vợ lại đẻ ! Bao nhiêu những gậy gộc, dao, búa chĩa vào tôi đe dọa. Cả hạt gạo, cũng trở thành hung dữ, ghét bỏ tôi, đe dọa cuộc sống của tôi.

Rã rời mệt mỏi, ngồi trên chiếc xe chân không muốn đạp, chiếc xe hình như cũng góp phần với gạo nước, củi lửa làm cho tôi càng mệt thêm, trên đường đến tiểu ban QLNNHTĐV. Tôi đã chuẩn bị những lời xin xỏ, chống đỡ, tai cũng sẵn sàng nghe những lời nạt nộ, quát tháo như mọi khi. Nhưng tôi đã ngỡ ngàng ngạc nhiên, cũng là tên trung úy Bội trước đây, hôm nay y ăn nói nhẹ nhàng, tình cảm. Hơn một năm tôi chưa hề thấy ở y, nhất là sau khi tôi báo là vợ tôi đẻ con gái ngày hôm qua, nhưng tôi cũng chưa được nhìn thấy. Y chúc mừng tôi, y khuyên tôi phải giữ đạo làm con đối với bố mẹ già yếu tàn tật. Y đã cho tôi nguồn sinh lực cụ thể, y nói rõ ràng:

- Y chấp nhận, tôi được tạm trú nhà bố mẹ thêm ba tháng nữa. Vài ngày nữa, đứa con có khai sinh, cầm giấy ra trại của tôi, giấy khai sinh của con, giấy chứng minh nhân dân của vợ, giấy hộ khẩu của bố mẹ, sang phòng

lương thực của Quận. Y đã có ý kiến với bên đó, họ sẽ cấp tem, phiếu gạo và thực phẩm, như mọi người. Riêng về quản chế tôi vẫn như cũ. Nghĩa là vẫn hàng ngày, tôi phải trình diện CA khu vực. Sáng thứ Hai mỗi tuần, phải ra trình diện ở cơ quan Phường. Thành phố, tiểu ban và Quận cần sẽ có giấy gọi. Chấp hành mọi quy chế ở tổ phố, như cũ .

Tôi có cảm tưởng như trước đây hai lỗ mũi của tôi bị nút kín, chỉ còn cái miệng, thở được chút nào thì hay chút ấy, nghĩa là khó thở, nghẹt, hoặc không thở được trong cuộc sống, bây giờ tôi được tháo nút ra một bên mũi.

Tôi vẫn xin cảm tạ cuộc đời!

Chiếc xe đạp, lúc đi thì ngang bướng, lỳ lợm; khi về thì ngoan ngoãn dễ bảo, chỉ thấy một tí đã về đến nhà rồi. Cũng căn nhà của bố mẹ, mỗi ngày tôi đi lao động trở về nhìn nó xám, nó xỉn lại, nó khắc khổ, rũ rượi, thế mà hôm nay rõ ràng nó tươi tắn hẳn lên. Nó như mở to mắt mà còn cười đón tôi về. Tôi đã ôm lấy thầy tôi, ôm lấy mẹ tôi báo cho các người: Tôi và con gái đã có tem phiếu gạo, tôi chạy sang cả bên bà mẹ vợ để báo tin vui này. Hôm nay, tôi chạy ra chợ chiều muộn, để mua một bó rau đay và cua rốc. Đặc biệt thêm là mua cà ghém sống, món mà bố mẹ, Hoa và tôi thèm đã từ lâu, nhưng chỉ được ăn cà ghém nén, nhà bà Lân.

Cái món cua rốc mẹ tôi vẫn khao khát thèm, hôm nay tôi ra sức làm một bữa rau đay cua đồng, ăn với cà ghém chấm mắm tôm chanh. Tôi hì hục giã cua, lọc cua, chiếc cối là chiếc mũ sắt và chiếc chầy đã lâu ngày quên cả mùi cua rốc. Thành ra nó gật lấy, gật để vào những con cua liên hồi. Tiếng chầy giã cua nhịp nhàng, réo rắt như điệu "Rumba". Chỉ một loáng đã nhuyễn, cái mùi cua rốc là cái mùi của ruộng đồng, của đất, của nước, của quê hương. Khi nó sôi lên, mùi đất nước, mùi quê hương ngạt ngào phả khắp dưới bếp, trên nhà. Mẹ tôi từ trong màn gọi vội ra:

- Con làm cho nước miếng của mẹ, ứa ra mấy lần rồi!

Nghe mẹ nói, lòng tôi mát rười rượi, có cần gì phải giầu sang, tiền bạc đưa cho mẹ? Chỉ cần một tấm lòng chân thật, với những thức ăn của ruộng đồng mộc mạc, giản dị của quê hương. Một bữa cơm đơn sơ, tràn ứ tình phụ mẫu, nghĩa phu thê về chiều. Cơm xong, tôi tranh thủ mang sổ đến nhà cô Ngọc Anh trình diện, về đến nhà, vội vàng dọn dẹp, rửa chén bát rồi lên gác đi ngủ sớm. Tôi đã có chủ định, sáng sớm mai, sẽ vào thăm em Hoa và nhìn mặt cô con gái Mai Lynh của tôi.

Nhưng nằm xuống, đâu có ngủ được, cô vợ và đứa con gái cứ thập thò đứng bên cạnh chuyện trò lúc rõ, lúc mờ. Hình ảnh tên Bội của tiểu ban

QLNNHTĐV cũng mò vào, miên man, tôi chợt nhận ra lòng nhân đạo của Đảng đối với tôi. Sâu hiểm thật!

Một ông già lẩn thẩn gần tám chục tuổi, một bà cụ mù lòa là một gánh nặng cho xã hội. Một tên tù xác xơ, lại cho nó vào tù nữa, như một con vật phế thải, bỏ đi, để nó ở nhà nhưng đóng đai lại để nó lo lắng phục vụ bố mẹ già của nó, vừa làm cho những chòm xóm, thân bằng, gia đình nó thấy được độ lượng nhân ái thương dân của Đảng; lại vừa nhẹ gánh cho chính quyền địa phương. Chỉ cần quản lý nó chặt, lấy bớt một nút ở lỗ mũi của nó, cho nó dễ thở một chút, nó mới có sức làm công việc phục vụ hai ông bà già mù lòa, tàn tật này, không ai làm công việc này, tốt hơn nó.

THẦY VỀ VỚI TỔ TIÊN

Rồi tôi chui tuột vào trong giấc ngủ Nam Kha lúc nào không hay, bỗng nghe có tiếng gọi giật gọng của mẹ tôi:

- Bình ! Bình ! Bình ơi !

Mắt nhắm, mắt mở, tôi chồm xuống thang, lật màn mẹ, thì mẹ tôi đã nói như thúc giục:

- Con xem thầy con thế nào?

Tôi quay vội sang màn thầy! Thầy tôi nằm xoay ngang ra cái giường, người đang khò khè lúc to, lúc nhỏ, tôi vội ôm thầy tôi, đặt nằm ngay ngắn, gối đầu cho người cẩn thận. Tôi hướng sang màn mẹ tôi, nói khẽ:

- Con đã đặt thầy, nằm thẳng lại rồi.

Nói rồi tôi mò lên gác vì mệt và buồn ngủ quá! Chừng hơn một giờ sau, tôi còn đang chập chờn ngao du vào xứ mộng, thì mẹ tôi lại gọi nữa:

- Bình ơi! Con, con xuống xem thầy ra sao? Mẹ thấy khác thường lắm !

Tôi cũng thấy trong lòng một cảm giác lạ thường, vừa nóng, vừa lạnh như trong mùa Đông không đủ áo. Tôi hấp tấp leo xuống thang, nhìn vào màn thầy, thầy tôi vẫn nằm trong tư thế khi nãy, tôi cầm tay thầy tôi gọi khẽ:

- Thầy ơi ! Thầy !

Không còn có tiếng khò khè lúc trước, tôi gọi to hơn:

- Thầy, Thầy ơi!

Tôi để một ngón tay vào mũi người, người không còn thở nữa, tôi quay sang màn mẹ tôi, nói trong nước mắt:

- Mẹ ơi! Thầy đã chết rồi!

Mẹ tôi gào lên:

-Ối ông ơi! ông bỏ tôi… ông đi!

Mẹ tôi vật vã, gào thét, tôi vào ôm lấy mẹ tôi, cổ tôi nghẹn lại không nói ra lời, nhưng nước mắt của tôi cứ cuồn cuộn giàn ra. Bà Chức đã chạy sang, tôi chỉ kịp quay lại nói:

- Mẹ trông nhà giùm con, con sang nhà cô chú Tuất, con về ngay.

Sang tới nhà cô Xuân bên Lăng Cha Cả, tôi đập cửa, mới 5 giờ sáng, tôi chỉ kịp nói với em Xuân: "Thầy chết khoảng 4 giờ sáng!". Vội vàng, tôi dặn thêm:

- Em cho các cháu đi báo cho cô Thu, mợ Út, họ hàng. Em bảo con Lan hay thằng Cường lên Hồng Ngự báo cho chị Hai và các cháu nhà thím Lý.

Tôi phóng vội về nhà vì nhà không có một ai. Về đến nhà thì đã đầy người, bà con, hàng xóm, không biết ai báo. Cô Thu đang ôm mẹ tôi ở trên giường, người cứ vật vã, khóc không còn ra tiếng nữa. Chỉ là những tiếng khào khào, như tiếng con ngan đực gọi vợ, gọi con, gọi đất trời!

Càng về trưa, nhà tôi đông nghẹt các ông, các bà, không có trầu mà cũng chả có nước uống, nhưng tất cả mọi người đều thông cảm cho cảnh huống neo đơn của gia đình tôi. Nhìn đám đông các ông bà già cả, trẻ con, người lớn, xúc động, tôi thấy được nghĩa tình của xóm phố, luồn sâu vào trong đó có cả cái nghĩa của người cùng một nước.

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.
Người trong một nước, phải thương nhau cùng.

Một mặt khác, cũng phải có một sợi tơ tình nhỏ bé là trước đây cuộc sống của bố mẹ tôi đối với xóm giềng cũng phải có tình, có nghĩa, có thủy, có chung.

Những anh em biệt kích và những bạn tù địa phương ngoài Bắc của tôi, như Tuấn Nguyệt, Mạc Lịch v.v… cũng đến viếng xác thầy tôi. Chắc anh này báo cho anh kia, tôi không thể báo được cho ai. Điều này cho tôi càng thấy rõ: Trong cuộc sống tiền tài, vật chất thật là quan trọng, nhưng xuyên suốt toàn bộ, tình và nghĩa là quan trọng nhất, là Kim Chỉ Nam của kiếp sống con người.

Do cuộc sống quá cực khổ, lầm than dưới nanh vuốt của con Hồng Tuộc, hầu hết người dân thấy tiền là trên hết:

Tiền là Tiên….là Phật…là sức bật…v.v…

Nó chỉ đúng 80 – 90 phần trăm, chứ dứt khoát không phải tất cả Trước đây ông bà mình có câu: "Có tiền….mua tiên cũng được !"

Nhưng chắc chắn không thể mua được lòng Trời, dù cho có bao nhiêu tiền, chúng ta dù ai, cũng phải thừa nhận: Có những sự việc, những loại không phải có tiền mà mua được! Có những loại tình, loại nghĩa không thể mua được bằng tiền. Sự già, sự trẻ, chết và sống v.v. . . Đầy dẫy những thứ không phải từ đồng tiền.

Do những tấm lòng của thân nhân, họ hàng, bạn bè và bà con xóm giềng, có cả Cha Bình, Cha làm phép cưới cho tôi và Hoa, Cha vào làm phép xác tại nhà. Ba ngày sau đưa thầy tôi ra nghĩa địa ở Nam Hòa. Đi theo đám, ngoài mẹ tôi (có cháu Lan dìu), các em, các cháu, họ hàng và bà con thân thuộc. Tôi là người con trai duy nhất chống gậy, đội mũ rơm đi sau quan tài.

Có một số điều kỳ diệu:

- Thầy tôi cố chờ tôi tròn 20 năm (1962- 1982)

- Cháu đích tôn của người vừa ra đời ngày hôm trước, thì người vào cõi vĩnh hằng, ngày hôm sau.

Như thế sau này, cứ ngày sinh nhật của cháu Mai Lynh, hôm sau là ngày giỗ của ông nội.

Cũng thật là một sự việc khó quên, hai mẹ con Hoa ở nhà thương về phải ở bên bà nhạc. Thậm chí khi đưa đám thầy tôi rồi, mà mẹ tôi dứt khoát chưa cho mẹ con Hoa về nhà, vì người không muốn bà đẻ có hơi hướng tử khí. Người muốn phải để một vài ngày, cho không còn hơi hướng và phải rẩy nước phép cả trên gác dưới nhà. Tôi hiểu không hợp lý tình lắm giữa tâm linh và khoa học. Tốt nhất là tôi phải vâng theo ý của người, nhưng chắc chả ai cấm được cái chân và khóa được trái tim của tôi, với vợ và con gái yêu của tôi. Thành ra trong ba ngày tôi phải phục tang, hễ khi nào nghỉ ngơi, ăn uống là tôi thay quần áo tang, để chạy vội sang chuyện trò với vợ con, một ngày chả biết mấy lần.

Con gái cưng của tôi nó như con chó con, cái mũi tí hon, cái tay bé tí, đôi mắt của nó nhỏ xíu, long lanh như hai hạt kim cương, cứ trừng trừng nhìn tôi. Con ngươi của nó, chuyển hết từ mầu hồng sang mầu xanh, rồi chuyển lại mầu hồng như muốn nói:

- Con đã biết, bố là bố của con rồi nhé !

Tôi cúi xuống thường cho nó một cái hôn nồng nhiệt, con gái của bố mới có bốn, năm ngày mà đã thông minh thế!

Một lần tôi bế nó trong lòng, nó dám run rẩy giơ bàn tay "ngọc" lên cằm sờ râu của tôi (mấy ngày lo đám ma, không cạo). Tôi tức mình "quắc"mắt lên " lườm"nó, như muốn cho nó biết "oai" :

- "Cô nương" dám sờ râu "cọp" à ?

Lườm thì lườm, nhưng tôi vẫn hôn lấy, hôn để, cái mùi thơm từ khi lớn lên tới giờ, tôi chưa bao giờ được ngửi mùi thơm kỳ diệu, nó như. . . . . .tôi chịu, tôi phải nhờ những nhà văn nào có tài, may ra mới lột tả được! Tôi chỉ thấy nó. . ..tuyệt vời lắm, như hơi của "tiên nga" vậy.(Tôi đã được hôn đâu, mà biết?).

Sau đám tang của thầy tôi chừng một tháng, một hôm thằng Lợi mách và bầy mưu cho tôi:

- Tao có quen một bác tên là Nhiên, bác thầu nhiều công trình để tu sửa, bác là người của chế độ cũ, nên bác trả lương cho người công nhân, rất "biết điều". Hiện nay bác đang thầu sửa chữa bệnh viện tâm thần ở Biên Hòa, tao có nói chuyện về mày, bác sẵn sàng giúp đỡ mày! Bác sẽ cấp cho mày cái giấy, nhận mày vào làm công nhân sửa chữa. Mày có giấy này, mày làm đơn xin với công an xem nó có cho mày đi một tuần. Cứ một tuần về trình diện một lần, có giấy chứng nhận mày làm việc, ở bệnh viện tâm thần Biên Hòa!

Tôi đã làm một lá đơn, đầy đủ tình lý lên Tiểu Ban Quản Lý Những Người Học Tập Được Về, rồi ra Phường, lên Quận, xuống CA khu vực, cả chữ ký của ông trùm Lộc (khu phố), lại lên Thành gần một tháng trời, đi về. Cuối cùng, tôi được chấp nhận cho trình diện mỗi tuần, với điều kiện phải có giấy xác nhận của Bệnh Viện Tâm Thần Biên Hòa, hàng tuần.

Đúng là đường đi của tôi từ chỗ lội bì bõm bùn lầy đã lên đường đi, dù là đường đất nhưng không còn chỗ lầy lội. Tôi đã được gặp bác Nhiên, bác chừng 60 tuổi, bác đang ở tạm tại nhà của một đại úy công an, trong khu Tam Hiệp gần bệnh viện tâm thần Biên Hòa. Tôi cũng được quen biết vợ chồng Phạm Lộc là con của bác Nhiên. Vợ của Lộc là cô Liên, cả hai vợ chồng đã lên nhà tôi chơi nhiều lần ở Ông Tạ. Để tiện công việc làm ăn, tôi cũng được ăn ngủ ở nhà anh đại úy CA, với bác Nhiên.

Anh đại úy CA này tên là Trường, người Lái Thiêu, vợ của anh là chị Hiền, là con gái của một ông Giám Đốc hay Thứ Trưởng Bộ Y Tế thuộc chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. (Được biết, ông này ngoại giao giỏi, nên ngoại quốc giúp đỡ thuốc men nhiều, vì thế CS vẫn dùng để ông này xin thuốc). Cuộc

tình giữa con gái của một thế gia, với một đại úy CA, hẳn cũng có nhiều vấn đề xã hội. Anh chị Trường + Hiền ở một căn nhà to có vườn cây chung quanh, anh chị đã có hai đứa con bốn năm tuổi.

Hàng ngày, tôi đi làm với bác Nhiên, bác phụ trách một đội công nhân tu sửa bệnh viện, chừng gần hai chục người. Anh Trường và tôi thường hay tâm tình, anh thường vui vẻ nói đùa: "Anh (chỉ tôi) 18 năm tù, còn tôi cũng suốt 18 năm đi phục vụ Cách Mạng, sống heo hút trong núi rừng ".

Anh Trường có cái thú uống trà và hút thuốc lá ba số 5, ở một phòng khách nhìn ra vườn cây. Những ngày mưa dầm, những đêm trăng tỏ, tôi và anh đổi trao hai mảnh đời ở hai chiến hào đối nghịch. Và hiện nay, anh ở phía chiến thắng có tiền, có quyền, có vợ đẹp con khôn. Tôi ở phía chiến bại, không tiền, mất quyền công dân, hàng ngày đi làm cu- li, nắng mưa trèo leo, chui rúc để kiếm miếng cơm cho mình, cho mẹ già và vợ dại con thơ. Cứ chiều thứ Sáu, cùng với "ông" xe đạp ra tầu, đi về với vợ con để chiều Chủ Nhật, trở lại bệnh viện làm cu- li.

Những buổi sáng, những buổi trưa, ngồi nhâm nhi ly trà hoặc cà phê "vỉa hè" trong những quán nước trước cổng bệnh viện chờ giờ mở cửa. Đủ mọi thành phần công nhân, chuyên môn, cán bộ, từng nhóm ồn ào hay trầm lắng. Do những "vi ba" của sóng mắt, tôi quen biết một cậu tên là Lê Hiệp. Cậu có nước da bánh mật, chừng 29- 30 tuổi, đôi mắt cậu "lắng đọng" trầm ngâm, hay dõi nhìn những đám mây trời đen trắng.

Để rồi tôi được biết cậu là bác sĩ chuyên về não bộ, cậu còn là bí thư chi đoàn thanh niên Cộng Sản của bệnh viện. Cậu là con một điền chủ, của một cơ sở cách mạng thuộc tỉnh Cần Thơ. Cậu đã có ba năm y khoa dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, mấy năm cuối và ra trường dưới chế độ này. Như tôi đã trình bày quan điểm từ trước: Nếu muốn tiếp xúc với cuộc đời bằng những bàn tay xòe mở rộng, thì sẽ gặp những bàn tay mở rộng, xòe cả năm ngón. Ngược lại bằng những bàn tay nấm chặt khư khư, thì cũng sẽ có những nắm đấm đối xử lại. Gieo bắp thì thu lượm bắp, gieo lạc thì sẽ thu hái lạc.

Sau khi cậu biết tôi từ trong hang tối chui ra, cậu lại rất quý mến, nhiều buổi cậu đã bỏ những đám bác sĩ, y tá áo trắng đồng nghiệp để, đến bàn một anh chàng cu- li, người chẳng giống ai để tâm tình, trò chuyện. Qua nhiều những dò dẫm, lòng ướm thử lòng, cậu đã nói rõ:

- Anh tìm được đường nào "oversea", anh báo, gọi em sẽ theo anh. Ngược lại, nếu em có "mối"có "đầu"anh sẽ đi với em !

Nhiều những ước định hẹn hò thỏa thuận, nếu như mưa thuận, gió hòa, gặp thời cơ thì sẽ nẩy mầm sinh hoa, kết trái cho đời. Cậu là một người trí

thức đã đắm mình trong lò máu mê và độc dược, của con Hồng Tuộc. Điều cậu băn khoăn khắc khoải nhất là: Hiện nay dân tình lầm than đói khổ, xã hội bị khóa chặt trong một căn nhà. Người dân bị bịt mồm, bịt mắt, thuần phong, đạo lý bị đảo lộn, tình người như nắng hạn kinh niên.

Vậy tại sao cái chế độ phản dân chủ đó vẫn tồn tại? Tôi hiểu đây là một vấn đề lớn của đất nước, và của thời đại, không thể vội vàng hồ đồ thiếu sàng lọc cân nhắc! Vì thế tôi xin hẹn cậu một bữa khác, sẽ cho cậu biết cái chủ quan hạn hẹp của tôi.

Ở giữa mảnh vườn rộng, nhà đại úy công an Trường có một căn nhà con, chắc xưa kia là nhà để hạt giống và dụng cụ làm vườn. Vì tôi thích thoải mái, phóng khoáng nên tôi đề nghị với anh Trường và chị Hiền, tôi dọn dẹp và sửa chữa căn nhà đó, kê được một cái giường và một số đồ lặt vặt. Tôi sẽ ra đó ở và ngủ đêm, để nghe chim hót, côn trùng ca nhạc và những tiếng thì thầm, trong đêm thâu của cây vườn.

Đã hơn ba tháng, căn nhà với tôi đã hít thở, đánh hơi nhau như người nhà, như bạn bè gần gũi thân quen. Một đêm vào khoảng 2 giờ sáng, tôi còn mê mệt sau một ngày leo trèo trên mái nhà, để đảo ngói (vì dột) một căn nhà rộng, thuộc khu da liễu của bệnh viện. Bỗng có nhiều tiếng huỳnh huỵch của bước chân, tiếng lách cách của sắt thép, rồi tiếng hô giật giọng, của một người giọng Bắc rặt:

- Bò dậy và giơ tay lên!

Tôi choàng ngồi dậy, ánh đèn bấm loang loáng, hai người đứng đầu và cuối giường, lăm lăm chĩa hai khẩu AK 45 vào tôi. Hai người nữa đeo súng ngắn, mặt tên nào cũng đằng đằng sát khí, chúng bắt tôi đưa giấy tờ, tôi chẳng có một giấy tờ gì, ngoài cái giấy ra trại của bộ nội vụ. Thấp thoáng phía bên ngoài còn hai tên nữa, cũng lăm lăm hai khẩu CKC thập thò ngoài cửa. Hai tên đeo súng ngắn, đeo lon thiếu úy và trung úy, chúi đầu xem tờ giấy ra trại rồi chúng nhìn nhau. Bốn mắt chúng vừa như vui mừng, vừa như ngơ ngác nhìn một con thú lạ, mà chúng chưa xác định được, là loại gì?

Chúng bật hẳn đèn điện lên, dù ngọn đèn chỉ có 25 watts cũng đủ để thấy rõ mắt của hai tên cầm giấy càng trắng ra, như không tin vào đôi mắt của mình. Tên trung úy cầm giấy, còn chiếu đèn bấm vào cái giấy ra trại, của tôi xem lại. Tôi suy đoán qua thái độ của hai tên chỉ huy, giấy này là của bộ nội vụ, nghĩa là từ trung ương Hà Nội. Mười tám năm tù giam từ 1962, từ khi chúng còn là một cậu bé 9 – 10 tuổi, cái tội gián điệp, chỉ cái từ này hình như đã "dị ứng" với chúng ở giai đoạn ấy.

Mấy ngày nay, anh Đại úy Trường CA đi công tác xa không có nhà, hai tên đeo súng ngắn thì thào với nhau một lúc, rồi chúng yêu cầu tôi theo chúng về đồn. Hai tên mang CKC đi trước, hai tên cầm hai khẩu AK theo phía sau. Khi trở về sân nhà, chị Hiền và bác Nhiên nhìn tôi đi giữa 6 người súng ống, mặt lầm lì. Bác Nhiên và chị Hiền nhớn nhác lo sợ. Tôi bình thản nói với chị Hiền và bác Nhiên:

- Chị và bác giúp tôi, cho người về Sài Gòn báo cho vợ tôi biết nhé ! Và cứ yên tâm!

Chúng dẫn tôi đến một chiếc xe đò Đồng Nai, đã xỉn mờ đi hai ba chữ, đậu khuất nẻo trong một khóm tre đầu ngõ. Thái độ của chúng đẩy tôi lên xe, súng ống bố trí trước sau, cứ sợ như tôi chạy trốn, tôi đã định ghé vào tai tên Trung úy người Bắc nói cho y rõ : "Tôi đã làm đơn trở lại nhà tù từ 7- 8 tháng nay rồi, tại sao tôi lại chạy? ".

Tuy vậy, tôi cũng thấy lóe ra một vấn đề của anh Đại úy Trường, đang đêm súng ống vào nhà một Đại úy CA để bắt người, lại bắt vào lúc anh không có ở nhà, kết hợp với những đổi trao tâm tình nhiều lần giữa anh và tôi. Chúng dùng một tên người Bắc chỉ huy vụ bắt bớ này, rõ ràng chúng đã không còn tin tưởng hoàn toàn vào anh Trường! Anh vẫn có, vẫn còn cái tính bộc trực thẳng thắn của người miền Nam. Anh lại lấy con gái của một công chức cao cấp của chính quyền "ngụy" thì hẳn những quan hệ, những giao tế sớm muộn dần dà đã nẩy sinh tự nhiên trong cơ thể của anh một số chất "miễn nhiễm"đối với những nọc độc, thuốc lú, thuốc mê của chủ nghĩa CS bịp bợm.

Về tới đồn CA mới gần 4 giờ sáng, trời hãy còn tối đất nên chúng giam tôi vào một cái buồng con bằng tre, nứa phía sau đồn. Nhìn những phên nứa, nhìn những dây lạt buộc những thanh tre của cửa và vách. Tôi tự nghĩ nhà giam tôi lúc này, không phải là căn buồng này, mà là cái đầu của tôi thôi.

Cho tới trưa ngày hôm sau, chẳng có ai hỏi han gì đến tôi, thoáng mấy tên CA đi lại từ xa, tôi gào gọi để hỏi, thì tên nào cũng trả lời không biết ! Cũng chẳng có cơm nước gì! Mãi tới chiều mới có tên tù hình sự, đưa vào cho tôi một bát cơm gạo hẩm, với miếng cá khô. Đói khổ đã quen, nên không trở thành vấn đề lấm ! Chỉ cần ngày một bát cơm như thế thì tôi chịu được.

Đúng như rằng, ngày hôm sau, cũng chẳng hỏi han đến và cũng chỉ một bát cơm hẩm như vậy. Nhưng tôi tin rằng với những phương tiện liên lạc có thể như điện tín, hay xe cộ v.v. . . chúng đã hỏi hay báo về Biên Hòa; có khi về tới Sài Gòn rồi.

Sáng hôm sau nữa, khoảng 10 giờ, một tên CA vào mở buồng, giọng Biên Hòa rổn rang:

- Anh mang hết đồ đi ra ngoài!

Ra đến sân đồn, y dẫn tôi vào một văn phòng, cậu Tập đang ngồi với một tên Trung úy CA, quay ra cười với tôi. Tên Trung úy CA, cầm tờ giấy ra trại của tôi, y cười rồi đưa trả lại tôi. Cậu Tập đứng lên bắt tay với y, rồi ra hiệu cho tôi theo cậu ra sân. Tôi cũng chẳng cần chào tên Trung úy, bốn năm tên CA nữa thập thò phía trong, cậu Tập dẫn tôi đến một chiếc Honda dựng ở một góc sân. Ý của cậu Tập là đưa ngay tôi về Sài Gòn vì bà cụ (mẹ tôi), vợ tôi đang nóng lòng mong đợi tôi ở nhà.

Tôi đề nghị cậu Tập, đưa tôi vào Tam Hiệp đến nhà chị Hiền đã, và cái tôi cần giải quyết đầu tiên, khi nhìn thấy một quán nước bên đường. Tôi đã ăn hết một cái bánh tét và ba quả chuối tiêu to .Tất cả 1 đồng 20.

Bác Nhiên và anh Trường không có nhà, chỉ có chị Hiền và mấy đứa nhỏ, nội dung sự việc:

Đã từ lâu CA Biên Hòa đã rình để bắt Cao Xuân Huy (hiện ở Califomia, viết "Tháng Ba Gãy Súng"). Được báo Huy là sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, đang bí mật tổ chức vượt biên, chúng dò được Huy vẫn lén lút đi về ẩn náu trong nhà của Đại úy CA Trường. Anh Trường lại là phó phòng ngoại vụ, của sở CA Biên Hòa, nhưng đã có nhiều biểu hiện tiêu cực, nên chúng để lại như một hình thức; mà không còn thực quyền. Chính vì những mâu thuẫn lẳng nhẳng này nên chúng đã vồ "hụt" Cao Xuân Huy, nhưng lại vớ được tôi, một tên gián điệp do CIA đào tạo, đã ở tù 18 năm ngoài Bắc. Giấy còn ghi rõ, không có quyền công dân trong 5 năm.

Ngay ngày hôm chúng bắt tôi, bác Nhiên đã mang giấy chứng nhận của bệnh viện tâm thần Biên Hòa: "Tôi là công nhân hàng ngày làm việc, trong đội sửa chữa của bệnh viện". Anh Trường về đã giận dữ phản đối . Tóm lại với giấy tờ thật của bộ nội vụ, và sự xác nhận của bệnh viện Biên Hòa, chúng đã biết bị lầm. Nhưng từ xưa những việc chuyên chính với thành phần đối kháng, thì lầm cũng không bao giờ có lỗi.

Cậu Tập, là ủy viên tài chánh của một phường, ở Sài Gòn lên lĩnh cháu về. Dù sao tôi cũng biết ơn cậu Tập, đã có công lên đón tôi về, đã nói lên tấm lòng của cậu mợ, quan tâm đến đứa cháu rể .

Sau này nói chuyện lại, lúc đầu bác Nhiên, chị Hiền và cả anh Trường tưởng tôi bị bắt, vì do tôi bí mật hoạt động gì đó, nên mọi người đều xanh mắt lo lắng. Khi biết rõ là lầm, bác Nhiên mới lo giấy tờ xác nhận của bệnh

viện, anh Trường mới nổi nóng phản đối, vào nhà anh, một đại úy CA để bắt tội phạm. Điều này cũng đã nói lên nhiều vấn đề.

Tôi lại tiếp tục hàng tuần đi làm việc ở bệnh viện tâm thần Biên Hòa. Một buổi sáng, tôi và mấy người lúi húi sửa tường và mái của một căn nhà kho, trong một cái hẻm của bệnh viện, thoáng một bóng trắng từ khu nhà thí nghiệm len lỏi vào chỗ chúng tôi đang thi công. Từ xa tôi đã biết là bác sĩ Hiệp, tôi tiến ra, cậu đã vồ lấy tay tôi, như gặp lại một người thân lâu ngày xa cách:

- Anh làm em mấy đêm không ngủ, em lo cho anh quá!

Giọng miền Nam của cậu đã được giao thoa, trong cộng đồng dân tộc, nghe như mưa rào cuối xuân của Đà Lạt. Mai là ngày nghỉ của cậu, cậu có nhã ý muốn tôi đến chỗ cậu ở trong đêm nay, trưa mai cậu sẽ đưa tôi trở lại bệnh viện để làm việc.

Cái chính là, những lần trao đổi tâm tình với cậu, tôi tỏ ra là người rất say đắm thiên nhiên, cậu cũng đồng quan điểm thưởng ngoạn như tôi. Theo cậu, nơi cậu ở hiện nay, phong cảnh rất có nghĩa tình với cậu, nên cậu muốn tôi cùng thẩm nhận với cậu, như cùng khao khát một món ăn của tinh thần.

Tôi biết ngoài những công việc chuyên môn bận rộn, lại ôm một trọng trách là bí thư, của chi đoàn thanh niên CS của cả bệnh viện, phải là một người đỏ cả chân tay, mặt mũi, nếu không (ít ra con Hồng Tuộc đã tin) cơ thể, tim, óc của cậu đã được ướp ngâm, dầm trong rãi, rớt đầy nọc độc, mê, lú của nó, như đã được cấy "sinh tử phù ".

Bác Nhiên đang có mặt ở trong nhà kho, tôi vào tỏ ý xin nghỉ buổi sáng mai, bác sắp sếp người thay tôi. Bác Nhiên đã nhìn thấy bác sĩ Hiệp, đứng nói chuyện với tôi, Hiệp lại là thành phần lãnh đạo của bệnh viện, nên bác vừa gật đầu, vừa chớp con mắt, đang nhiều lòng trắng của bác, như một dấu "hỏi" to tướng và đen ngòm. Tôi lại trở ra với Hiệp, ngay sau buổi làm chiều hôm ấy, tôi gửi "ông "xe già của tôi ở một buồng quen.

Tôi và Hiệp rong ruổi trên chiếc Honda, trở về xã Bình Trước Biên Hòa. Không ngờ chỗ Hiệp ở, gần rẻo một nhánh của sông nước Đồng Nai, những cây trái và những ngọn dừa, cành lá rung rinh xào xạc như reo vui, mừng đón chúng tôi về. Mới nhìn thấy cảnh mà lòng tôi đã lâng lâng dạt dào cảm xúc, chả trách Hiệp đã ngẩn ngơ ca tụng, với tôi mấy lần. Nhà Hiệp mướn là một căn nhà nhỏ, xinh xinh ở cách gần 100 mét , một xóm quần tụ gần hai chục căn, lẫn lộn nhà gỗ và nhà gạch. Ở giữa khu xóm là một căn nhà cao, có lá cờ đã ngâm trong máu, đã ướp nhiều độc dược và thuốc mê. Nhìn lá cờ đang ngoe nguẩy giẫy dọn trên mấy ngọn dừa, tôi có cảm tưởng nó đang rắc

những phấn độc, phấn lú để mọi người không thể nhìn rõ được thân hình, tim gan của nó.

Trong nhà của Hiệp chỉ có sách vở và treo những hình ảnh của Marx, Engel và Lénine to tướng ở trên cao, phía dưới lúc nhúc 7- 8 tấm hình nhỏ hơn, của các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam trong đó có ông già không có gia đình, nhưng lại có nhiều vợ nhiều bồ và con rơi. Một chiếc tủ con hầu hết là sách vở chuyên môn y khoa của Liên Sô, Tiệp, Đức v.v. . . Một chiếc tủ to, nhiều tầng đầy sách đã phì hơi của chúng ra đầy phòng, mùi tanh của máu và súng đạn, thoáng có cả cuốn Tư Bản Luận, và cuốn Lénine Toàn Tập.

Hiệp xuống bếp vào buồng, lo chuyện của chủ nhà, khi ra nhìn thấy tôi đang tần ngần ngắm nhìn những tấm hình, Hiệp tiến lại gần hạ giọng:

- Chiếc áo choàng của em đấy mà!

Tôi quay lại, lắc đầu, dịu dàng nhìn cậu:

- Hiệp không cần thanh minh! Bây giờ, anh em mình định ăn món gì?

- Vì không định trước, chỉ có cá lóc kho và có ít sò huyết hôm qua.

- Tôi hỏi vậy thôi? Món ăn "tinh thần "ngoài kia, còn nhiều quá! Vậy "vật chất" chỉ cần qua loa, ăn ít cái này thì mới ăn nhiều cái kia được!

Tôi xắn tay, chạy xuống bếp cùng với Hiệp loay hoay làm một bữa cơm "nhẹ chất, nặng tình". Nhìn một rổ sò huyết, tôi không tin Hiệp lại tìm mua những thứ này. Nó không biện chứng, hợp lý với một người chỉ cặm cụi vào học hành, sách vở lại còn yêu thiên nhiên? Nghĩ thế tôi hỏi thử sự suy đoán của mình:

- Hiệp cũng chịu khó, tìm được món sò huyết rất quý!

Hiệp đang thái hành, ngẩng lên nhìn tôi đăm đăm, như xét đoán cách nói và thái độ, của tôi là thực hay đùa? Rồi Hiệp chậm rãi:

- Có bao giờ em lại đi mua những thứ này! Họ biếu, họ tặng nhiều thứ lắm! Em đã đẩy ra từ chối nhiều lần, nhưng không phải lần nào cũng theo ý mình. Anh quên, em là bí thư chi bộ?

Trời tháng Bẩy, cứ đòi "nhẩy" lên giường, vừa mới cơm nước xong, bên ngoài trời đã cập quạng, gà đã lên chuồng. Hai anh em dọn dẹp, chén bát xong, đom đóm đã lập lòe ngoài phên dậu.

Một điều thú vị nữa, là Hiệp với tôi lại cùng có một sở thích lạ đời "thích bóng tối "không phải để làm những chuyện mờ ám. Bóng tối thường có sự tĩnh lặng đi cùng. Mỗi khi trong cuộc sống gặp những sự việc khó khăn trở ngại, đêm thâu, tôi thích ngồi một mình, ngâm, dầm trong bóng đêm, để nghe những nỗi niềm da diết đầy vơi của nỗi buồn trong lòng, để suy nghĩ tìm một phương hướng chống đỡ, chuyển đổi những khó khăn vây quanh.

Hôm nay tôi thích đi trong đêm tối, bắt những con đom đóm để tìm lại một chút hơi hướng ngày "thơ" của tôi. Tôi đề nghị với Hiệp, trong ánh sáng của ngọn đèn 40 watts lủng lẳng giữa nhà, mắt của Hiệp long lanh như hai vì sao nhỏ, miệng cười khìn khịt:

- Em đang định rủ anh ra ngoài !

Đi với một anh đít đầu đều đỏ choét, như mặc chiếc "áo giáp"thật dầy, chống cả "lam sơn, chướng khí ". Hiệp và tôi đã đuổi bắt được mỗi người 5, 6 con đom đóm trong tiếng gió lướt thướt, dứt day với những cành lá của cây vườn. Đây đó trong bóng đêm, một vài chùm sáng lóe lên từ những ngôi nhà như những miếng bạc, miếng thiếc trong chậu mực Tầu. Một lần Hiệp đuổi vồ được một con đom đóm, xô vào một gốc cây, Hiệp cười ré lên, kéo tôi ra một đường làng, nói văng vào luồng gió:

- Em không nghĩ tâm hồn của anh còn "ngây thơ" thế?

Tôi cũng "quẳng" vào tiếng xạc xào của lá cành:

- Bù trừ kỳ diệu của cuộc đời, mà Hiệp!

Dưới ánh sao mờ, bốn người từ trong một đường giong tiến ra, đèn bấm lóe lên:

- Thủ trưởng đi thực tế tình hình !

Bốn người lại tiến vào một giọng khác! Qua dáng dấp và thập thò khẩu súng trên vai, tôi đã đoán ra rồi, nhưng Hiệp vẫn nói:

- Du kích xã này, họ đều là đoàn viên .

Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm, mới 5 giờ, trời còn tối, vừa là thói quen, vừa muốn thăm cảnh lạ, nhìn Hiệp vẫn say sưa với những chạy nhẩy của tối hôm qua, tôi lẹ làng lách ra ngoài, không gây một âm thanh. Tôi muốn gặp cây vườn để hít thở cái khí hậu mát rượi trong lành, của buổi sớm mai. Một tiếng còi tầu nhớn nhác te…..te……..cù……cú……..cu từ trong xóm, luồn vào luồng gió sớm vọng về, như gọi vừng Đông trở dậy.

Nhìn một con đường nhỏ, nhiều lá khô dẫn đến một cây đa già, cành lá xum xuê, to cao nhất vùng, tôi rảo bước tiến về phía cây đại thụ. Cây đa gốc rễ rườm rà ôm cả một khoảnh đất rộng. Một cái am quét vôi trắng, như chiếc rương con trong một cái hốc của gốc cây, có một bát nhang đã hương tàn khói lạnh. Trời êm ả dần, tôi nghe thấy cả tiếng thỏ thẻ của một đôi chim sớm, đang âu yếm dựa nhau trong một khóm lá, thập thò liếc nhìn tôi.

Phía Đông đã rạng ra, rồi đỏ dần lên rừng rực, làm vàng ửng cả lá lẫn cành đa. Một vệ đất thoai thoải dài xuống một con rạch cạn, vì nước triều đang xuống dần, tôi ngồi xuống một gốc soan, nằm nghiêng dài bên cây mít mật, đeo lủng lẳng những trái. Tôi ngồi đăm chiêu, nghe tiếng lá khô, khẽ thì thào với gió nhẹ, để chờ mảnh mặt trời ban mai bò dậy.

Tiếng con dế mèn ré lên ro ro cao vút, ở dưới gốc cây soan tôi đang ngồi, như ru hồn tôi vào cõi mộng. Một bàn tay êm ái đặt nhẹ vào vai tôi. Cậu Hiệp đã ngồi bên tôi từ lúc nào, đã làm tôi tỉnh hẳn, Hiệp nói như trách, như hờn:

- Sao anh không gọi em dậy?

- Nếu gọi Hiệp dậy, thì làm sao tôi nghe được tiếng hờn trách lúc này? Cũng như ông mặt trời hôm nay, biết là có người đợi, nên ông ở lỳ, không chịu "nhò" mặt ra.

Tôi đứng dậy kéo tay Hiệp:

- Trời còn sớm, anh em mình xuống dưới con rạch, nhìn mấy con cáy ra ràng!

Hai anh em lần theo mép nước mé rạch, tôi kéo vội Hiệp nấp vào một bụi si dại, tôi chỉ cho Hiệp một con cò trắng đang lom khom bắt mồi dưới một dòng nước cạn. Chúng tôi nín thở, lách gần đến chỗ con cò, để xem nó bắt mồi. Không phải cò mà là con hạc, hai cái chân cao lêu khêu và cái cổ dài ngoẳng.

Nó không hề biết, có hai anh chàng đang theo dõi, ngắm nhìn dung nhan của nó, rõ ràng hai cái chân của nó run lên bần bật trong nước. Tôi lại trách ngầm nó: "Anh chàng hay cô nàng, ra đây kiếm ăn sớm làm gì cho lạnh ?" Nhưng tôi chợt nhận ra, không phải' nó run. Mỗi lần cái chân phải run bần bật, cái mỏ vàng nhọn hoắt, dài đến hai ngón tay lại chộp lấy, chộp để trên mặt nước. Thì ra cái chân phải của nó giậm xuống bùn cát, để xục những con mồi chạy tóe lên mặt nước, cho cái mỏ nó chộp.

Tôi chợt nhớ, ngày tôi còn 7- 8 tuổi, có lần đi học về trên con đường làng, dọc theo con sông đào, đầy bèo bồng. Tôi đã mải mê theo ông đánh giậm hàng giờ, chân của ông cũng giậm giậm cái càng tre như con hạc bây giờ.

Hiệp ngửng lên nhìn tôi, đôi mắt lấp lánh trầm trồ:

- Lần đầu tiên em nhìn thấy!

-Ơ tù mất nhiều năm, nên tôi cũng là lần đầu!

Hiệp nói, chỉ hơn 100 mét nữa là ra sông Đồng Nai, vì đây là cửa của con rạch. Trên đường đi, có lẽ hình ảnh con hạc vẫn còn chen chúc trong óc của Hiệp, nên quay sang hỏi tôi:

- Có phải hạc làm chân nến, ở đền thờ phải không anh?

- Đúng! Vì chân dài, cổ cao, hơn nữa dáng của hạc sang và đài các hơn là cò.

Con sông Đồng Nai đã nằm ngửa, phơi mình phía trước mặt, làn gió hè vẫn nhè nhẹ phe phẩy lá cành. Dòng sông rộng, nhìn bờ bên kia hãy còn mờ mờ trong sương sớm, tôi chỉ mặt nước chỗ gần bờ, phía đầu gió hỏi Hiệp:

- Hiệp nhìn mặt nước chỗ này, hình dung và cảm tưởng ra sao?

- Như một tấm gương để ngửa , đến nỗi chỉ nhìn mặt nước, em thấy hai con cuốc đen, đang dài cổ đuổi nhau sang bên kia bờ.

Thấy cảm xúc của Hiệp có dồi dào, tôi chỉ tay ra phía gần giữa sông, đầu làn gió mới tạt đến mặt sông, hỏi tiếp:

- Còn chỗ kia?

Nét mặt đăm đăm rồi sáng hẳn ra, nhìn tôi:

- Em thấy nó hơi nhăn nhăn như da trái bưởi, đến mùa thu hoạch.

Vồ vập chỉ mặt nước sát phía bờ bên kia cuối gió, tôi hỏi tiếp:

- Chỗ kia Hiệp hình dung giống cái gì?

Không do dự, Hiệp vừa cười vừa nói, nghe như đậu sào giá:

- Theo em, trông nó như chiếc bánh tráng (đa), nướng già than.

Tuyệt vời! Tôi quên béng, nên vỗ tay đôm đốp. Vừa đúng lúc một chiếc thuyền từ đầu nguồn đi sát ngay gần bờ. Trên thuyền, phía đầu mũi có một ông cụ già và một cô gái, tưởng tôi vỗ tay gọi vào, hay trêu cô gái đẹp? Ông cụ giơ tay khoẳng lên như hỏi, làm cho cả tôi và Hiệp đều giơ tay lắc lia lịa, rồi quay lại nhìn nhau cười, như ngỗng hét gọi sao.

Thấy cảm giác phong phú sinh động khác thường của Hiệp, một nhà khoa học rõ ràng, tôi đâm ra băn khoăn suy nghĩ nghề nghiệp có thể khác nhau do cuộc sống, nhưng tâm hồn có thể "cùng ngồi một chỗ, cùng đi một chiều". Tò mò, tôi thử đi sâu hơn tí nữa, tôi quay lại Hiệp thành thật:

- Tôi thừa nhận óc tưởng tượng của Hiệp thật là phong phú, có khi nào Hiệp hình dung ngay chỗ Hiệp và tôi, đang đứng. Trước đây, hàng trăm, hàng nghìn năm xưa đã có nhiều người đặt chân đến, qua lại? Của nhiều thời đại, nhiều thế hệ? Từ đấy suy ra: có khi ở giữa rừng sâu, hẻo lánh hay ở giữa thành phố tráng lệ, do những biến thiên, loài người xã hội, chuyển đổi có khi lại là ngược lại với nhau, tang thương vũng thành đồi?

Thấy tôi lan man đi vào những lãnh vực không cần thiết, nên Hiệp đã kéo tay tôi quay về. Mặt trời đã cao hơn một con sào!

Chuyến đến thăm nhà cậu Hiệp, chỉ ngủ có một đêm, nhưng đã làm cho lòng tôi ghi nhớ mãi. Chuyến đi đã làm cho tôi và cậu hiểu thêm nhau, và tin tưởng nhau hơn.

Đã từ hàng tuần lễ trước, sắp sửa đến ngày kỷ niệm 100 ngày của thầy tôi, do chủ trương ấp ủ trong lòng, mỗi khi hai mẹ con ngồi bên nhau trong bóng đêm. Từ ngày thầy tôi chết, mẹ tôi gầy hẳn đi, người ít nói hẳn. Sáng tối người ở lại ngoài nhà thờ lâu hơn. Trước đây là hai ông bà chậm chạp lầm lũi, dẫn nhau đi nhà thờ. Buổi lễ sáng sớm cũng như buổi chầu chiều muộn, bây giờ có khi do tôi, do Hoa, có khi bà Chức. Cũng có ngày do một vài cô gái trẻ 16-17 trong ca đoàn dẫn mẹ tôi đi, hoặc dẫn về.

Để phần nào thể hiện bổn phận làm con của tôi đối với thầy tôi, và an ủi mẹ tôi phần nào, tôi sẽ xây mộ cho thầy tôi, trong dịp tròn 100 ngày.Mẹ tôi rất vui, một buổi người dúi vào tay tôi cái nhẫn hai chỉ, tôi bán được gần 100 đồng, cô Tuất góp 60 đồng, cô Thu 45 đồng, đặc biệt cháu Thanh Lan cũng góp 10 đồng để xây mộ cho ông.

Tôi và cậu Quang (cháu của Hoàng Ngọc Chính) đã đi mua gạch, cát và ciment. Tôi và Quang chẳng biết gì về thợ nề, nhưng đã có anh Tuấn Nguyệt, anh đã làm thợ nề và làm đội trưởng xây dựng nhiều năm, ở trong tù. Tuấn Nguyệt và Quang đã nồng nhiệt tích cực cùng với tôi, cuối tuần này sẽ xây mộ cho thầy tôi.

Chỉ hai ngày, thứ Bẩy và Chủ Nhật, ba chúng tôi đã xây xong ngôi mộ của thầy tôi, tương đối là hoàn hảo, so với những ngôi mộ khác chung quanh. Mẹ tôi muốn ra tận nơi, để người được sờ tận tay, ngôi mộ mới của thầy tôi, tôi đã làm vừa lòng người.

Một điều cũng thật là kỳ diệu! Cây mai, từ ngày anh Tuấn Nguyệt cho, Tuấn Nguyệt đã nói:

- Từ khi anh đi tù về, đã có cây mai này ở nhà, đã mấy năm rồi, chẳng bao giờ có hoa.

Nhà ông cụ của anh, có nhiều loại cây cảnh. Tôi đã đèo chậu mai từ trên Hạnh Thông Tây về, và nó là cây duy nhất trong ngôi nhà khô cằn nhựa sống, của thầy mẹ tôi. Cũng đã hơn một năm, tôi thay chậu, bón phân chăm sóc, mỗi ngày mỗi tốt tươi, nhưng cũng chẳng có hoa bao giờ. Đã có một lần nó ra một chiếc nụ, rồi rụng đi.

Tháng ngày trôi, cháu Mai Lynh ra đời, thầy tôi giã biệt cuộc đời. Hôm nay sau khi xây mộ cho thầy tôi 100 ngày, một buổi sáng, cây mai nở ra một chiếc hoa to đỏ chót. Tôi mới biết nó là loại Mai Tứ Quý .

Cây mai đã "xấn" vào đời tôi nhiều dấu mốc, tôi đã đứng cạnh cây mai này, để buổi đầu nối duyên đời với em Hoa, vợ tôi và cũng cây mai này, đã có tên Mai Lynh con gái cưng của tôi Bây giờ lại nở một bông hoa đỏ chót như chào đón tôi, như tươi cười hân hoan run rẩy trong làn gió nhẹ, mỗi khi tôi đến gần.

Một buổi sáng chủ Nhật, tôi đã bế con gái tôi xuống đến sát bà "Mai bốn quý". Tôi đã cho phép tôi ghé mũi đặt chiếc hôn đầu, lên cánh hoa đang thì mới lớn, có một mùi hương ngầy ngậy, làm rạo rực lòng tôi. Và tôi cũng đưa dần chiếc bàn tay thiên thần nhỏ xíu, của Mai Lynh sờ nhẹ vào cánh "bích mai" đang hơ hớ trong nắng sớm, của một ngày.

Vào một ngày thứ Bẩy, sắp hết giờ Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa, tôi và mấy bạn thuộc phe chiến bại đang cắm cúi quét rác và móc lỗ cống, trước chợ Nam Hòa. Bỗng có tiếng Honda từ ngoài Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa đường Bắc Hải đi vào. Một anh chàng đang ngơ ngác thăm hỏi mấy người đi đường, tôi có nhìn lầm không? Rõ ràng là anh chàng Lê Hiệp, làm sao tôi có thể tin được, vì chẳng bao giờ, tôi nghĩ tới. Tôi đã chạy xô đến, để hỏi

- Hiệp vào đây để làm gì?

Hiệp nhìn thấy tôi, như tìm thấy mộtmón đồ cậu đã đánh rơi, cậu vồ vập, dựng xe vội vàng rồi ôm chầm lấy tôi:

- – Em đang . . . đi tìm anh? Em hỏi thăm đến ba, bốn người rồi !

Tôi cũng bấn loạn dồn dập:

- Có ngờ đâu Hiệp lại mò đến đây! Làm sao biết tôi ở khu vực này?

- Em hỏi bác Nhiên và phải đến Phạm Lộc mới biết, hoàn cảnh sống của anh, vì thế em quyết định một buổi phải đến thăm bà cụ và đứa con gái "rượu "của anh. Hơn nữa em phải gặp anh để lấy một món nợ……

Tôi vẫn chưa nghĩ ra, tôi còn thiếu Hiệp món nợ gì…?.. thì Hiệp đã hạ giọng:

- Món nợ ân tình. . .ở cổng Bệnh Viện Tâm Thần..anh đã khất em . . . . một bữa khác . . . . ấy mà ?

Mắt trái của Hiệp hơi khép lại hai cái, tôi đã chợt hiểu và lòng thấy một niềm hân hoan nở rộ lên. Điều này đã nói rõ nỗi khắc khoải thực sự, của một anh chàng trí thức, với quê hương dân tộc.

Từ nãy, mấy anh cùng phe "chiến bại" và cả cô nàng Ngọc Anh trong phe "chiến thắng" cũng đang thô lố mắt, nhìn cảnh tôi và Hiệp gặp nhau. Chỉ còn nửa giờ nữa thì mãn giờ lao động, tôi đã dẫn Hiệp đến cô Ngọc Anh, vừa là giới thiệu, vừa là nhân chứng xin cho nghỉ vì có bạn ở xa tới bất ngờ. Hiệp và Ngọc Anh đã nhỏ to trao đổi, và chắc Ngọc Anh đã minh định được, một bác sĩ trẻ cùng phe với cô nàng, chứng cớ cô nàng đã giục tôi:

- Anh Bình hãy nghỉ tay, cũng sắp hết giờ rồi!

Tôi cảm ơn và chào mấy anh bạn của tôi, tôi dẫn Hiệp về trước. Hiệp đã ân cần thăm hỏi sức khỏe của mẹ tôi, con gái bốn tháng của tôi, Hiệp đã chuẩn bị từ trước, có một số thuốc cho mẹ tôi và con gái của tôi. Tôi đã bế con gái, để Hoa lo một bữa cơm giản dị, cho cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa tôi và Hiệp.

Tôi thấy Hoa đã chạy ra, chạy vào, ra chợ rồi sang cả nhà mẹ, ôm về một bó củi. Tôi chợt nhớ, củi đã hết từ hôm qua, Hoa tất tả ngược xuôi, nhưng bữa cơm cũng chỉ có hai món: Một đĩa tôm rang và một đĩa đậu rán. Qua thái độ và ánh mắt, Hiệp lại tỏ ra càng đồng cảm, trong cảnh sống của tôi. Hiệp đã chậm chạp, tâm sự:

- Em rất thương bà cụ ! Một mẹ già mù lòa vì đứa con trai ra đi biền biệt, gần hai chục năm. Nay trở về, nhưng cũng không nhìn thấy mặt con, lại

mang bệnh lao phổi nặng, thương yêu cháu mà không dám bế cháu của mình!

Chiều hôm ấy Hoa đã bế con về bên mẹ, cho cháu chơi với bà ngoại. Tôi và Hiệp lên căn gác hẹp, cũng có một ấm trà với bao thuốc lá Hoa Mai.

Đã từ lâu, tôi đã xác định, càng thêm thời gian thì càng được thẩm thấu, như một phương châm hành xử: "Cả cái tuổi thanh xuân của một đời người, tôi còn coi nhẹ, huống chi bây giờ bất kể một việc gì, nếu việc đó có góp phần lớn, nhỏ cho dân tộc tôi, cho quê hương tôi được tự do ấm no thực sự, thì tôi sẵn sàng kể cả mạng sống" .

Tôi chỉ ân hận một điều: Tài tôi hèn, trí tôi thiển, không đóng góp được bao nhiêu, trong phương châm hành xử của tôi. Hôm nay nằm bên Hiệp, một trí thức trẻ, một mầm non đang lớn của con "Hồng Tuộc"của thời đại, khắc khoải, băn khoăn về sự lầm than, quằn quại của người dân, dù tôi không đủ kiến thức quán triệt, thì cứ làm được đến đâu, hay đến đấy. Chả lẽ phải đợi cho đủ, cho chín mới làm? Tôi vẫn thấy thà còn thiếu vẫn hơn là không làm. Tôi cũng nói rõ cho Hiệp hiểu như vậy, còn nguy hiểm thực sự tôi không hề nghĩ đến.

Cứ cho là Hiệp sẽ báo cáo, đầy đủ tư tưởng của tôi với lãnh đạo của Hiệp, thì tôi vẫn cứ làm. Hai điều xấu là bị bắt vào ngục tù trở lại, điều này tôi đã làm đơn xin trở lại rồi. Điều thứ hai là bị bắn chết, hay giết chết. Ngay từ 1962 khi tôi xông vào bức màn sắt, tôi đã xác quyết chết đối với tôi là "hòa"vì tôi có biết cái quái gì nữa đâu. Điều mà Hiệp băn khoăn nhiều đêm ngày là tại sao chế độ Cộng Sản bị toàn dân (đa số) chán ghét đả phá, mà nó vẫn tồn tại, hết năm này lại đến năm khác?

Để nói về vấn đề nóng hổi, lớn lao này phải nói nhiều, diễn giải nhiều, hay viết hàng vài trăm trang giấy mới lý giải, minh chứng được cốt lõi. Vậy tôi chỉ đưa ra một vài nét cơ bản, rồi chính cái đầu của Hiệp, sẽ dần dần "đục đẽo" hết nó ra.

Từ cái mâu thuẫn nội tại là tâm lý và tư tưởng của con người, càng no đủ càng tự do dân chủ, thì mâu thuẫn này càng hằn rõ. Mâu thuẫn nội tại, là đã nằm sẵn, như một chất hữu cơ, có tự do, dân quyền thì phải có cái đó:

- Tính đố kỵ tự nhiên của con người.

- Cái tôi to lớn, ai cũng tự cho mình là một trung tâm, "mục hạ vô nhân".

- Thờ ơ, không quan tâm những nguyên nhân xa, mà chỉ chú ý những điều sát sườn, trực tiếp: Hết gạo thì ra sức chạy gạo, mà không chịu tìm hiểu nguyên nhân vì đâu:

- Có gạo ăn no đủ.

- Cùng cực, lầm than, đói khổ.

Riêng ở Việt Nam của chúng ta hiện nay (1982) ở trong nước: Một số ít người do đặc quyền, đặc lợi thì không kể, hầu hết mọi tầng lớp người dân, đều phải sống trong cảnh lầm than đói khổ, khẩu súng và nhà tù đã khóa miệng, bịt mắt mọi người dân. Họ đều mong muốn đổi thay cái chế độ tàn bạo, vô nhân tính này.

Ở ngoài nước (Việt Kiều) , những người đã di tản, vượt biên chạy trốn cái chế độ phi nhơn, vô thần này. Đương nhiên họ muốn lật đổ, thay đổi cái chế độ hiện hành. Dù cho Cộng Sản là con "kỳ nhông" luôn đổi mầu, đổi sắc để tồn tại. Như vậy cái câu dậy bảo của tổ tiên, ông cha từ ngàn xưa: ý dân là ý trời, đã không đúng nữa hay sao?

Tôi xin tạm thời dùng hình tượng, giả dụ như sau: Tất cả những người dân Việt đều quần tụ sinh sống trong một cái khu hẻo lánh, chung quanh có núi cao, hào sâu, chỉ có một hướng cửa mở duy nhất, để mọi người ra vào, sinh hoạt, một hòn đá to lớn như một chướng ngại chặn ngang lối ra vào. Mọi người trong khu, bất kể thành phần nào, ra vào đều phải vất vả, cực nhọc trèo qua hòn đá này. Lúc đầu vì chưa hiểu rõ, hoặc vì những quyền lợi cá nhân nên những người lãnh đạo trong khu, ra sức lắt léo thuyết phục mọi người: Hòn đá to lớn chắn ngang càng làm cho khu ở chúng ta thêm đẹp, thêm hùng tráng. Không những che chắn, gió độc, gió chướng mà còn ngăn cản cướp trộm, giữ gìn an ninh, cho mọi người trong khu v.v . . .

Nhưng cũng đã từ lâu, trải qua thực tế, hầu hết mọi người trong khu, đều thấy hòn đá bất tiện, gây nhiều trở ngại cho cuộc sống, nhất là với giới gánh gồng, kéo xe. Ngay cả một số người lãnh đạo trong khu, cũng đã thấy những trở ngại của hòn đá. Mọi người đều muốn lật hòn đá ra chỗ khác. Cũng đã có một số người, một số đoàn này, đội kia định xô đẩy hòn đá xuống hồ, xuống biển. Nhưng hòn đá to qúa, không thể làm gì được.

Đã qua và hiện nay, là như thế. Muốn nhấc hòn đá, xô đẩy lật nhào nó xuống biển, thì tất cả mọi người dân trong khu đều phải ra mó tay vào hòn đá. Chưa hết, khi đã hô hào được mọi người trong khu ra cùng mó tay vào hòn đá, nhưng không cùng một lúc; khi người này nhấc, thì người kia không, hay ngược lại thì hòn đá ấy vẫn nằm đấy. Phải có một người, một tổ chức có uy tín, có thực lòng (đa số chỉ có ở miệng, không phải ở tim) mọi người

trong khu đã thấy, đã tin tưởng. Người đó, tổ chức đó yêu cầu mọi người trong khu ra đều mó tay vào hòn đá, rồi hô một hiệu lệnh thống nhất: Một, hai, ba: Mọi người đều hất, đều xô thì hòn đá sẽ lăn xuống biển, xuống hồ.

Hòn đá ấy là chủ nghĩa Cộng Sản, là cái bộ chính trị, là những tên lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay.

Hiệp đã đứng hẳn lên, đến ôm lấy cổ tôi, hổn hển:

- Em cảm ơn anh!

Khi ấy đã 10 giờ! Đêm hôm đó, mẹ con Hoa ở bên bà ngoại, Hiệp vẫn không muốn nằm chiếc giường duy nhất, anh chị Hiền cho mượn trong dịp cưới. Hiệp thích tôi trải chiếu xuống sàn gác, để cùng thường thức cảnh đời của giai cấp vô sản. Trước khi ngủ Hiệp còn thì thầm như nói với chính mình:

- Chuyến đi đáng đồng tiền bát gạo!

Hơn một tuần sau, vợ chồng Lộc+ Liên xuống chơi. Lộc cho biết, qua sự giới thiệu của Nguyễn Hữu Lợi, biết là tôi muốn "oversea". Hiện nay, Phạm Lộc kết hợp với một vài người nữa, bí mật tổ chức một chuyến đi cho chính mình. Lộc đã biết điều kiện, hoàn cảnh nghẹt thở của tôi, chỉ riêng một mình tôi, nếu đồng ý đi thì chuẩn bị. Nếu đắm tầu, hay cướp biển chết cả, thì có gì để nói, nếu thoát ra tới ngoại quốc phải thanh toán, cho vợ chồng Lộc + Liên ba cây vàng.

Nếu tôi chưa được tiếp xúc trước đây với Lộc+ Liên, đã hiểu lòng tự trọng và danh dự của nhau, và nếu không có sự giới thiệu của Lợi, chẳng bao giờ có sự thỏa hiệp với một điều kiện lý tưởng như thế ở giai đoạn ấy. Chẳng nói thì ai cũng biết là tôi đã gật đầu đồng ý, đến "sái" cả cổ. Hôm nay tâm tình bằng những bàn tay "xòe" nên tôi được biết Phạm Lộc, không phải là con trai của bác Nhiên. Do bối cảnh loạn ly của đất nước, Cao Xuân Huy là anh cùng mẹ khác cha với Phạm Lộc. Vì vậy, chuyến đi sẽ có cả Cao Xuân Huy, dự trù vào cuối năm 1982.

THĂM MỘ CỤ NGÔ LẦN HAI

Lộc sẽ liên lạc, báo trước cho tôi hàng tuần, để tôi chuẩn bị. Qua một số hiện tượng, tôi hiểu đây là chuyến đi thực sự chứ không như chuyến thứ hai, tôi mất công thấp thỏm một đêm trong bụi cây găng già. Vì đã đi hụt hai chuyến, nên tâm tư của tôi vẫn lặng lờ như đất trời, có thể nắng và cũng có thể mưa, nhất là thời gian ấy, chẳng phải chuyến đi nào cũng đến bờ.

Tuy vậy với Hoa, người vợ hiền thương yêu của tôi, do điều kiện ngặt nghèo tôi không thể đưa được vợ con đi, để nếu có làm mồi cho cá thì cũng vui lòng cùng nhau. Ngược lại, thành công thì cùng được thở hít bầu không khí tự do, đúng với kiếp sống của con người.

Đã phải nhiều đêm, nhiều lúc tâm tình, khích lệ, động viên, trang bị tư tưởng cứng rắn chịu đựng cho Hoa. Dù trong hoàn cảnh nào, cũng phải can trường đứng thẳng, bằng chính đôi chân của mình. Cũng do hoàn cảnh đẩy xô của dòng đời, và bối cảnh đau thương của dân tộc, đời tôi đã lăn lóc trong bãi rác và bùn lầy, nên tôi muốn con gái của tôi, cũng phải có ý chí nhẫn nại, chịu đựng những bão tố của cuộc đời. Từ những tâm ý này, những lần tôi chơi đùa với con gái 5 tháng tuổi, tôi đã tập dần, tung con tôi lên cao, rồi bắt lấy như một quả bóng. Mẹ nó nhìn thấy, đã nhiều lần hết hồn, kêu thét lên. Từ ăn, ngủ hay chơi bời đều với tâm ý rèn luyện của tôi. Thâm tâm tôi, mong muốn sau này con tôi, dù có được bọc trong nhung lụa, nếu cần nằm đất, bờ cát, cũng là chuyện bình thường.

Quan điểm của tôi vẫn muốn, ít nhất là những người thân của tôi :"Là hạ sĩ hay sĩ quan nhưng phong cách, hành xử là người lính". Tôi rất đả phá lối "người lính tính quan".

Còn người mẹ khốn khổ mù loà, nhưng tôi càng kính yêu người hơn. Đã nhiều lúc, nhiều đêm tôi ngồi ôm mẹ tôi hàng giờ, có những lúc để dòng nước mắt rỉ chảy vào tim, nhưng cũng có nhiều lúc giàn cả ra mặt. Nhìn đôi mắt của người hoắm sâu vào, tôi đã thấy tôi bé nhỏ lại, như ngày còn thơ ấu. Tôi nhớ tôi đã có cảm giác: **Ngôn ngữ trên thế gian này không còn, hay không có một từ nào đủ để nói được cái bao la, êm dịu, lồng lộng nhân từ thương yêu của đôi mắt người mẹ.**

Nhưng bây giờ, người phải chịu đựng khổ đau biết chừng nào, không làm sao nhìn được con trai vì thương khóc nó nên bị mù. Qua ánh điện chiếu vào màn, nhìn mẹ tôi gục đầu thiểu não, một nỗi xót xa héo hắt từ trái tim bầm tím của tôi rỉ chảy ra, tôi đã ôm lấy cổ mẹ rên rỉ:

- Mẹ có biết con thương mẹ nhiều lắm không mẹ? Con thương mẹ hơn là thương đời con!

Người xoa đầu tôi như ngày tôi còn bé, nhưng người không nói một lời. Tôi đã thong thả thưa với người chi tiết buổi nói chuyện với Phạm Lộc.

Người nghe tôi trình bày chuyến đi sắp tới với Phạm Lộc, người đã nói với tôi những lời mà tới nay và cho tới khi tôi lìa đời tôi vẫn không quên:

"Mẹ mù loà, cô đơn,cần con lắm! Vợ dại, con thơ của con cần con lắm! Nhưng con phải đi, ở dưới nhà nước này, con chỉ là con trâu, con ngựa."

Con xin kính vâng theo lời mẹ! Con rất tự hào, trong huyết quản của mẹ có truyền thống trinh liệt của bà Trưng, bà Triệu. Con quỳ xuống kính cẩn lạy mẹ!

Đã từ lâu, từ cái ngày tôi đến kính viếng thăm mộ Cụ Ngô và ông Nhu ở nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi đã hơn một năm rồi, tôi đã có ý định khi có thời gian tôi sẽ đến thăm các người một lần nữa. Nhưng con Hồng Tuộc nó quần thảo tôi như chong chóng, chả còn thời gian nào. Kỳ này lỗ mũi của tôi đã được tháo ra một bên, mỗi tuần trình diện có một lần nên cuộc sống đã thong dong, thoải mái đôi phần .

Tối khuya hôm qua, đạp xe từ ga (xe lửa Biên Hoà đi Sàigòn) về tới nhà, em Hoa vẫn chờ tôi ở cửa như mọi khi . Hoa nói ngay:

- Thứ tư, anh Tuấn Nguyệt dẫn một anh là Mạc Lịch lại thăm anh. Có chào mẹ và bế Mai Lynh.

Thật là vui. Mạc Lịch là dân sport, dân "thổ công" của Hà Nội, cũng đã được ra chiếc lồng to, bây giờ lại ở Sàigon nữa. Tôi định hôm nào có thời gian, sẽ lại thăm anh. Tôi và Lịch có nhiều kỷ niệm ở trong tù. Nhưng, ngày mai thứ bẩy không lao động XHCN, tôi đã có chủ trương sẽ lên nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi viếng Cụ Ngô.

Lần này, tôi muốn mang cả vợ lẫn con gái của tôi đến chào và thăm viếng hai vị. Tôi đã dặn Hoa: Chúng ta không có điều kiện, vậy chỉ cần mua hai cái hoa hồng, hai cây nến và hai cây nhang là đủ rồi. Các vị cần tấm lòng chứ đâu cần lễ vật?

Đã chuẩn bị từ hôm trước, sáng thứ bẩy, với "ông" bạn già thủy chung, mẹ con Hoa ngồi ở yên sau, hướng về nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi, tôi "giấn" bàn đạp. Trên đường đi nghe con gái í óe phía sau với mẹ nó, tôi có cảm tưởng, dù tôi là kẻ chiến bại, không còn một cuộc sống bình thường như mọi

người; tôi vẫn gồng gánh bảo bọc được cho vợ con tôi, một gia đình nhỏ bé trong cuộc đời này.

Trời hôm nay hơi đùng đục mầu sữa đặc, cổng nghĩa trang còn mờ mờ trong sương sớm. Sau khi gửi xe, tôi ôm con gái, Hoa ôm nhang, nến và mấy cánh hoa hồng còn trong bọc giấy. Một đàn sáo đá năm, sáu con đang ríu rít trên cổng, đều cúi xuống hót toen toét như một điệu kèn mở màn cho ngày hội, khi chúng tôi bước vào. Nhìn những ngôi mộ to, nhỏ xây cao thấp mập mờ trong làn sương mỏng, tôi nhớ đến một ý thơ:

….Ở đây sương khói mờ …. nhân ảnh……

Lòng tôi cũng nao nao về kiếp nhân sinh, trong cõi thế tình. Mặt trời đã thức dậy, những ngọn cây vàng ửng lung linh, lắc lư, cả khu nghĩa trang như được lọc hết những sương mờ. Hơn hai chục con sếu cổ dài, từ hướng Đông bay đến ngọn cây thông đầu đàn, kêu quàng quác, như đội quân cảnh đang điều hành giữ an ninh trật tự, cho ngày hội. Trời cũng trong xanh hẳn lại. Phía Tây Nam từng đống mây trắng, đang đùn lên như một đám cháy rừng.

Đã có ý niệm từ lần trước, tôi dẫn vợ con tôi ngoẳn ngoèo tiến về phía hai ngôi mộ. Khí hậu êm ả trong làn gió nhẹ, đột nhiên ồn ào như tiếng thác chảy đầu ghềnh, một đàn cò trắng đến hơn ba chục con, tranh nhau đậu xuống hai cây muỗm già, ở phía đầu hai ngôi mộ. Chẳng biết chúng bàn tán gì mà cứ kêu: Cò … cò… cò… inh ỏi. Cây muồng đã đội cái xuân nửa chừng, phía bên trái cũng có đám con chèo bẻo ở đâu mới mò đến. Cái loại chèo bẻo này, lúc nào cũng ra vẻ chính nhân, trông mặt thì mô phạm, nghiêm trang nhưng trong lòng, thì chứa nhiều uế khí.

Trong khi Hoa đang cắm bông, đốt nến, thắp nhang ở hai ngôi mộ, tôi đặt con gái của tôi lên chiếc nắp bằng, ngôi mộ cụ Ngô, để mặc cho nó lân la, bò trên ấy. Tôi đi vặt những nhánh cỏ may, mọc trườm ra, hết mộ cụ Ngô lại sang mồ ông cố vấn. Tôi ôm con gái của tôi, đứng bên cạnh vợ, bắt đầu làm dấu thánh giá, nguyện kinh, theo thủ tục tôn giáo.

Thật là lạ kỳ, một đàn năm con bồ câu từ mãi phía mặt trời mọc, sà đến cây bằng lăng, ngay đầu ngôi mộ. Chúng rúc mỏ vào cánh của nhau, rồi cùng nhìn xuống chúng tôi, đầu chúng cứ gật gù , miệng kêu : hù hù . . . . .lù . . . . . hì, nghe như nốt nhạc mở đầu của một bài ca "Tôi yêu ":

Tôi yêu ……..quê tôi … ……..yêu mãi ……bây giờ càng yêu.
Yêu chim bay qua……mang đến tin mừng thái hòa.
Yêu anh, yêu em, yêu nước, yêu trời gần xa
Và yêu mối tình nở hoa….ngàn năm không hề phai nhòa

Chẳng hiểu từ một nguồn cảm thầm kín nào, tôi nghe chim câu gù, lại ra bài ca của Trịnh Hưng, từ ngày còn cụ Ngô. Rồi óc tôi nhớ, mắt tôi nhìn rành rọt một buổi cụ Ngô và đoàn tùy tùng, đến đặt vòng hoa trước đài chiến sĩ trận vong năm 1956. Tôi nhớ nguyên văn lời cụ Ngô:

"Chúng ta thành kính, nghiêng mình trước anh linh các chiến sĩ quân dân chính, đã bỏ mình vì chính nghĩa, để kiện toàn cuộc cách mạng giải phóng con người.

Ngô Đình Diệm"

Hôm nay tôi cũng thành kính, nghiêng mình trước anh linh của cụ và ông cố vấn. Tôi là người có tội với dân tộc, xin cụ và dân tộc tha tội! Nếu rồi đây tôi có chui vào lòng biển cả, xin cụ và ông cố vấn để một con mắt, đến vợ con và người mẹ mù lòa, của tôi.

Hoa quay lại tôi, giọng đẩy thắc mắc:

- Sao ở đây, có nhiều chim thế hở anh?

Tôi định nói: "Anh cũng thấy lạ !" nhưng tôi lại nói như giải thích:

- Trong nghĩa địa nhiều cây, lại yên vắng nên chim thường hay đến nghỉ ngơi, chuyện trò.

Hai con bướm trắng xanh, như hai bông hoa nhài thời con gái, từ đám cỏ úa vàng phía sau mấy ngôi mộ lớn, bay đến. Chúng khỏa cánh dập dờn quanh chúng tôi, rồi một con đậu vào cái lẵng đựng đồ của mẹ con Hoa, đang để dựa vào thành mộ cụ Ngô. Một con khỏa một vòng nữa, rồi đậu ngay vào đầu bé Mai Lynh. Đôi cánh thong thả mở ra, khép vào như một bàn tay vỗ về con gái tôi. Nhìn Hoa đang mở to mắt, ngắm con bướm trên đầu Mai Lynh, lòng tôi bỗng co lại lượn lờ vào cõi siêu hình.

Tôi ôm Mai Lynh, không dám cả thở mạnh, vì con bướm chỉ cách mặt tôi, chừng hơn gang tay. Tôi nhìn rõ hai chấm vàng và đỏ cạch, hai bên cánh, một mùi hương hoa thiên lý vung lên rắc đều, trộn lẫn với khói nhang, thành một cái hương vừa thần bí, vừa man mác thanh cao. Con Lynh hình như cũng cảm nhận, thấy có cái gì ở trên đầu, nó rút bàn tay bé xíu ở túi áo ngực của tôi, ngọ ngoạy giơ tay lên đầu. Tôi muốn bảo con tôi, bỏ tay xuống, nhưng mãi cũng không thể phát ra lời. Hai con bướm đã như hẹn, cùng bay lên, theo nhau đảo một vòng về phía chúng tôi, rồi cùng bay trở về đám cỏ vàng, phía mấy ngôi mộ lớn, như những chiếc đèn, chiếc miếu con.

Mặt trời đã lên gần đỉnh đầu, một tay bế con, một tay kéo sát Hoa lại và hướng vào hai ngôi mộ, đều cúi đầu nói to:

- Chúng tôi kính chào hai vị!

Hoa đã nhắc từ lúc đi, khi về phải ghé vào nhà ông Cả Nhưỡng mua thuốc đánh răng, vì đã hết hai ngày rồi. Loại thuốc ông tự pha chế, giữa xà phòng và vôi bột, cứ hai đồng một lọ sành con.

Từ ngày tôi về, cũng chả quen biết gì chuyện đánh răng, vì đã quên béng từ dạo trong tù. Nhưng từ ngày đón Hoa về, cô nàng bắt ra nhà ông Cả Nhưỡng, mua loại thuốc vôi với xà phòng phát minh trong nhân dân này. Tôi phải ngoan ngoãn chấp hành sự điều hành của "nội tướng". Nàng còn khoe, chiều nay sang bà Cần lấy hai kí mì vụn xuất khẩu, nàng đã mánh mung móc ngoặc từ hàng tuần lễ trước. Tôi chỉ nghe, thực tế tôi chưa được thưởng thức cái món mì xuất khẩu, nó ra làm sao. Thế mà chiều nay tôi sẽ được đã đầy … mà ngây ngất, dù là vụn vẫn còn hơn là không biết gì.

Chưa có ăn, nhưng viễn tưởng đã như một ngọn "thu phong" cuối hè ùa vào lòng. Mới tới cửa nhà, Hoa đã nhẩy xuống đưa con cho tôi, rồi nàng ghé sang nhà bà Cần ngay. Tôi ôm con vào trước đưa cho bà, rồi ra dắt "ông" bạn đứng dựa tường từ nãy đi vào.

Chỉ thoáng nghe tiếng ọ ẹ của cháu, mẹ tôi đã vén màn, mặt người tươi roi rói, người vội vàng lấy chiếc khẩu trang đeo vào. Đã từ hơn một tháng trước, Hoa phải đạp xe sang bệnh viện Hồng Bàng, để hỏi bác sĩ chuyên môn: "Mẹ tôi bị bệnh lao phổi, người quá thèm khát bế cháu, có cách gì giải quyết được, không bị lây nhiễm cho cháu?" . Ông bác sĩ chuyên môn, dặn chỉ cần rất đơn giản: "Trước khi bế cháu phải rửa tay xà bông, và đeo khẩu trang! Tuy vậy cố gắng hạn chế "bế cháu".

Từ dạo ấy, mẹ tôi đã giải quyết nỗi bức xúc của người, mặt của mẹ tôi có sinh khí hẳn lên. Hoa cũng rất băn khoăn về vấn đề này, nhưng tôi khích lệ và xoa dịu:

- Em thông cảm với mẹ, người chả còn sống được bao lâu nữa!

Thậm chí, tôi đã nói thầm cả với con gái của tôi: "Con chịu khó làm vui lòng bà, Chúa sẽ ân thưởng cho con sau này".

Khi tôi đã dựa "ông" bạn vàng vào phía trong cửa sổ, quay lại, thì một tay người bế cháu, một tay người móc túi đưa cho tôi một lá thư, ngoại quốc. Lá thư từ Cali (Mỹ), do một bà bạn của mẹ tôi, tên là Lưu.

Đọc lá thư giản dị vài dòng, nhưng đã làm cho lòng tôi bồi hồi xúc động. Như vậy tình người, tình quê hương hãy còn thấm đượm như thế ư? Một bà vợ của một ông trung tá, di tản từ 1975. Bà này là khách hàng quen biết của mẹ tôi, từ ngày mắt của mẹ tôi còn sáng, bán hàng tấm ở chợ Nam Hòa, rồi cho tới khi mẹ tôi bị lòa, vì nhiều đêm ngày khóc thương đứa con trai cả đi… đi mãi không về với mẹ.

Người bạn đó, vẫn một lòng, đến từng nhà thương thăm hỏi, cho tới khi mẹ tôi bị mù hẳn ở nhà. Bà ấy đã nhờ chồng, lái xe đến nhà để thăm hỏi, giúp đỡ mẹ tôi, những tháng năm còn dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Bây giờ nơi xứ người, hẳn sau những tháng năm ngơ ngác tảo tần đã tạm thời ổn định, bà vẫn chưa quên người bạn lòa ở quê nhà. Bà ấy gửi về một chút quà, để nói lên phần nào tấm lòng của bà ấy với người bạn bất hạnh này. Chừng nửa tháng sau, có giấy báo từ Cục Hải Quan Tân Sơn Nhất, để mẹ tôi ra lãnh đồ. Lần đầu tiên từ ngày đất nước sang trang, mẹ tôi có quà ở ngoại quốc gửi về.

Trước ngày tôi đi nhận quà, nhà hết gạo, củi, con không có tiền mua sữa hộp. Cứ mỗi tuần con tôi uống một hộp sữa đặc "Ông Thọ" để bồi dưỡng, theo yêu cầu của chuyên môn. Con gái tôi bị suy dinh dưỡng cấp 2.

Bấn quá! Tôi đã lục lọi nhiều thứ, cái gì có thể đổi thành gạo, thành củi ở trong nhà. Hoa đã phải nhặt nhạnh dần, đưa ra chợ trời Tân Bình, từ cái búa, cái kìm, vài cái bát, cái nồi, phích nước. Hôm nay còn cái áo "veste" của thầy tôi, người đã cho tôi khi còn sinh thời, như một gửi gấm cho đứa con trai, còn lại trên cõi đời.

Chính vì tôi thấu hiểu ý nghĩa tấm lòng của người, nên dù tôi thiếu đói, cũng quyết giữ lại như một di vật của tình phụ tử. Nhưng giờ đây, con gái tôi thiếu thuốc, không sữa trong suy nhược, tôi làm sao duy trì được sự quyết tâm trước đây? Đã mấy đêm trăn trở giằng co với chiếc áo, tôi chưa mặc một lần, để rồi sáng hôm nay, tôi phải đưa cho Hoa, ra chợ Tân Bình.

Hai bố con ôm nhau, với căn nhà rỗng không còn gì để bán và hai cái bụng cũng rỗng, như căn nhà. Phải nói là ba cái, hẳn người mẹ lòa của tôi, cũng chẳng khác gì bố con tôi, và cả người mang chiếc áo đi! Tôi thương Hoa quá! Vì đẻ con nên đã bỏ việc, vì người mẹ mù lòa, bệnh tật và vì anh chồng không có tài xoay xở. Anh chồng đó lại bị con Hồng Tuộc quấn chặt trong vòi của nó, nên cũng đã buộc chặt cả đời Hoa.

Khoảng quá trưa, mãi gần 2 giờ Hoa mới về. Tâm trạng của tôi ngồi ôm con chờ Hoa, nỗi khắc khoải chờ mong thấp thỏm, như ngày tôi còn bé nơi quê nhà, ngoài miền Bắc mong mẹ của tôi về chợ. Thoáng một tiếng động

cửa, một bóng người thoáng qua, cánh cửa sổ dưới nhà, một nguồn nóng ấm lại trào ra trong cõi lòng heo hút vắng lạnh. Đời trai ngang dọc, để rồi giờ đây ngồi ôm con bất lực, than vãn ư? Nỗi niềm vơi đầy cứ gậm nhấm đay nghiến, dằn vặt, vò xé trái tim đã rỉ máu, của tôi.

Một chiếc áo vét, thầy tôi mới mặc một lần, Hoa mang đi, chiều Hoa mang về 1 kí 5 gạo, và một hộp sữa Ông Thọ, không còn đủ tiền mua thuốc an thần cho mẹ. Dù gì cũng cảm ơn Hoa, một cô nữ sinh lớp 11, bây giờ phải ngắc ngoải đứng ở chợ trời. Càng ghi nhớ công ơn những tay chân của ông già không vợ, nhưng nhiều con rơi, đã vào "giải phóng" cho đồng bào ruột thịt miền Nam, đói khổ.

Trưa hôm nay, tôi từ bên khu Thanh Đa chỗ vợ chồng Lợi, đạp xe về, thấy một chiếc xe đạp lạ dựng bên ngoài cửa. Vào nhà tôi còn nghi ngờ cả mắt tôi. Lầu Chí Chăn to lớn (người nhái) đang ôm đứa con gái sáu tháng của tôi. Như thế Chăn đã được về do áp lực của Quốc Tế. Gia đình Chăn, đã bồi dưỡng u hề cho Chăn, bên Chợ Lớn gần hai tháng rồi, mặt của Chăn hây hây hưng phấn như con hổ, vừa thoát ra khỏi chuồng.

Chăn chỉ còn mẹ và các anh ở cây da sà Chợ Lớn. Một điều hơi đặc biệt, Chăn ghé tai tôi nói nhỏ: "Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã trả tiền tử tuất, nhưng gia đình Chăn do khá giả nên còn giữ nguyên vẹn cho tới ngày bất chợt, Chăn được trở về". Chăn rất thương cảm con gái nheo nhóc của tôi, và hẳn từ sớm, Chăn đã thăm hỏi mẹ tôi, Hoa và cũng đã nhìn rõ cảnh sống nhiều ngõ hẹp của tôi.

Hoa cũng thật tài ba đảm đang xoay xở, nàng đã chạy vạy ở đâu ra hai quả trứng vịt, để có một bữa trứng tráng già lửa, thơm phức cả nhà. Trong bữa cơm duy nhất, chào mừng người bạn tù mới xổ lồng.Ngoài trứng chỉ có món mắm tôm chưng cố hữu, món ăn phù hợp với bà đẻ ăn kiêng, mẹ tôi bệnh phổi, mù lòa cũng phải ăn kiêng và tôi lại cũng thích ăn kiêng trường kỳ.

Cảnh đời của tôi, đã nhiều đêm ngày đẩy đưa tâm tư của tôi trở về, cảnh đời của "chị Dậu", bà phó Đoan, cô Loan, anh Vọi và cậu Điệp v. v … Chả trách gần đây, tướng Trần Độ, ông Phạm Quế Dương, Trần Dũng Tiến phản kháng bộ chính trị và trung ương đảng Cộng Sản đòi cho bằng được: Để người dân được sống , được hưởng như cảnh đời của người dân, dưới thời thực dân Pháp thuộc, cách đây gần một thế kỷ?

Chăn đã làm tôi ngạc nhiên, lúc ra về, Chăn đã rút túi lấy tiền, đút vào tay đứa con gái sáu tháng của tôi, một tờ giấy bạc to nhất mới ra, của nhà nước: 100 đồng. Để thấy giá trị của 100 đồng lúc ấy: Cái áo vét còn mới của thầy

tôi, ra chợ Tân Bình chỉ được 17 đồng, đủ mua hộp sữa và lkg 5 gạo. Tôi đã dứt khoát từ chối, dù là tôi không có tiền, nhưng Chăn đã nói rõ ràng:

- Tôi không đưa tiền cho anh chị! Đây là tiền của một ông chú, cho đứa cháu gái! Anh chị không có quyền từ chối! Chỉ có nó, nhưng nó đang cầm, với đôi mắt long lanh vui mừng!

Nhìn tờ giấy 100 đồng con Mai Lynh đang mân mê cầm, tôi liên tưởng đến hình ảnh Lầu chí Chăn, chui vào kho vẹc-ni múc ra một ống bương veni, gần hai lít, ở trại trung ương số 1 Lào Cai. Và gần nhất, Chăn đã khênh cả một bao tải lạc (đậu phụng) trong kho, của trại Thanh phong, Thanh Hóa.

Ăn cướp chứ không cắp, trộm lèm nhèm! Hai hôm sau, tôi đi lĩnh được một hộp quà, của bà bạn mẹ tôi, ở Tân sơn Nhất, gồm hai chục mét vải "soa" đen may quần, hai chục mét vải popeline trắng để may sơ-mi, hai lọ thuốc lao phổi. Đặc biệt có một "tuýp" thuốc đánh răng Colgate, loại kem đánh răng quý báu, có thể chữa được chứng đau bụng "khan ", nghĩa là không phải đau bụng đi ngoài (lỏng).

Rất nhiều anh em, kể cả những anh chàng tu sĩ, chủng sinh, người dân tộc, khi bị đau bụng bất thường, trại không có thuốc, bấn qúa đã lấy thuốc Colgate uống, mà lại khỏi. Và rồi sau đấy, cứ đau bụng nhiều người uống khỏi, để trở thành thuốc đau bụng thần diệu, ở trong tù.

Cho nên trong cuộc sống chuyện gì cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Người ta vẫn nói: "phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí ", nhưng kỳ này, tự nhiên Lầu Chí Chăn mang đến cho 100 đồng, rồi người bạn của mẹ, từ mãi bên Mỹ lại gửi cho quà.

Tôi chạy ra nhìn bông hoa mai Tứ Quý đỏ chót, đang lắc lư, rung rinh với gió. Một ý tưởng mơ hồ, lảng vảng vào tâm hồn tôi: "Có còn niềm vui, niềm may mắn nào nữa không? Xin thỉnh cầu!" Kỳ này, chúng tôi mua được một số thuốc cho mẹ, trước đây không đủ tiền mua, cháu Lynh cũng thế, sữa hộp được tăng cường lên hai hộp một tuần. Em Hoa và tôi cũng "bốc" với hương đời một tí, cho nên chúng tôi dám thưởng thức những con cá chiên nóng đòn, những quả cật, qủa tim, lòng heo còn tươi rói.

Bữa cơm, nhìn mẹ tôi ăn những miếng thịt kho tầu mà hằng năm, người không nghĩ đến, ruột tôi nở ra từng khúc. Trông nét mặt người hân hoan, lòng tôi mát dịu như được đón nhận làn gió sớm mùa xuân, dù rằng số tiền bán mấy chục mét vải cũng chả được bao nhiêu.

Vả lại, "tiền vào nhà khó, như gió vào nhà trống" nhưng trong cảnh mẹ, con và vợ như những cây rừng, lâu ngày nắng hạn, cằn cỗi, tại sao có chút nước, lại cất đi, để dành?

Chỉ hơn một tuần sau, tôi nhìn mẹ tôi, nhìn con, nhìn vợ tôi và ngay tôi đã có khí sắc như mọi người. Cảnh sống bươn chải cực khổ, lầm than thì gia đình nào cũng vón cục lai, kể cả anh em, ruột thịt, bạn bè, ai cũng phải tự lo để tồn tại.

Một buổi chiều tối vợ chồng Phạm Lộc đến báo cho tôi biết, chuyến đi sẽ vào ngày 26-11-1982. Đúng 2 giờ chiều sẽ đón tôi tại một địa điểm, trên đường Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận. Chỉ còn hai ngày nữa để chuẩn bị. Theo yêu cầu của mẹ tôi, và cũng là ý định của tôi, ngày mai tôi sẽ dẫn mẹ tôi, vợ con tôi ra thăm mộ và đọc kinh, cho thầy tôi.

Hôm sau Hoa cũng phải lo mua một cây nến, ba nén nhang và một bông hoa hồng. Chẳng biết ý tưởng của tôi thế nào, tự nhiên tôi vào bếp lấy con dao ra, tôi chọn, tìm một cành mai đưa ra cho thầy tôi. Có thể khi ấy, tôi nghĩ tới những ngày người còn ở với mẹ con tôi, cả tới khi tôi đã cưới vợ. Tôi thường thấy thầy tôi đứng ngắm nghĩa cây mai thật lâu, sau mỗi lần người làm một điếu thuốc lào. Tôi đã chọn một cành mai, tôi ưng ý nhất, cắt mang ra mộ, gọi là thể hiện tình người con trai hẩm hiu, đối với phụ thân trước khi ra đi vào đại dương nhiều bão tố, và nhiều những sự việc không biết trước.

Hoa bế con, một tay tôi xách chiếc lẵng có cành mai, nến, nhang và một đóa hồng tươi duy nhất. Giống như thăm mộ cụ Ngô và ông cố vấn. Một tay tôi dắt người mẹ bất hạnh của tôi, chúng tôi bồng bế, dắt díu nhau lần mò ra nghĩa địa Nam Hòa. Mới có hơn ba tháng, từ ngày xây mộ, thế mà hôm nay, cỏ đã mọc um tùm. Tôi để mẹ tôi ngồi ghé trên mộ, tôi dọn sạch cỏ chung quanh, cả mấy ngôi mộ bên cạnh, hàng xóm của thầy tôi. Hoa vừa bế con, vừa thắp nhang đốt nến, mùi nhang lẫn vào cỏ tươi vừa mới vặt, tôi có cảm tưởng là mùi của thầy tôi, sau mỗi lần người hút thuốc lào.

Một điều cũng hơi một chút lạ, tôi thấy như có sự trùng hợp, khi chúng tôi râm ran đọc kinh, theo nghi thức tôn giáo. Một con bướm trắng có hai cái lông mào trên đầu, đỏ như cái mầu bông mai Tứ Quý ở nhà, con bướm cứ lượn lờ đến mấy vòng quanh ngôi mộ. Hai chiếc cánh trắng như đôi mắt con nai rừng, cứ nhắm vào rồi lại mở ra nhìn tôi trừng trừng. Tôi đã ôm lấy mẹ tôi, tay người lần hạt, miệng người vẫn mấp máy đọc kinh, nhưng hai dòng lệ lại giàn chảy ra, từ đôi mắt hoắm sâu của người.

Tim tôi như muốn ngừng lại, niềm xúc động cuồn cuộn tràn ứ, làm mờ cả mắt tôi. Tôi nói hết làm sao được lòng thương yêu, của tôi với người. Người sẽ phải vĩnh viễn, sống trong đêm tối ! Âm thanh càng đào, càng khoét,

càng quấy, chọc trái tim quắt queo, như chiếc lá môn khô già, đang thối rữa của người. Mẹ ơi! Con thương mẹ lắm! Óc của tôi ngắc ngoải tiếng gọi đó, nhưng miệng của tôi không phát được ra thành lời.

Hôm nay, không những tôi kính chào, từ biệt thầy tôi nằm dưới mộ, tôi cũng kính chào từ biệt người mẹ mù lòa, tôi hiểu tôi ra đi trái tim của người càng tàn lụi, thối rữa thêm vì nhớ thương. Nhưng mẹ tôi đã thể hiện quyết tâm rồi, người còn đủ sáng suốt để phân định, giữa nghĩa nước và tình nhà.

NGỒI : LẦU CHÍ CHĂN (ngươi nhái, áo xanh) - BÁC CHẤP (toán Caster) - NÔNG VĂN HÍNH (toán Swan)
ĐỨNG SAU: ĐẶNG CHÍ BÌNH - LƯU NGHĨA LƯƠNG
Ảnh chụp tháng 11-2003 tại Cali

- 45 -

RA KHƠI LẦN THỨ BA

Vì Hoa muốn đưa tới nơi, họ đón tôi ở Nguyễn Huỳnh Đức, nên từ hôm qua Hoa đã nói trước với mẹ Hoa giữ dùm cháu ngoại Mai Lynh. Hoa đã dẫn xe đạp ra ngoài cửa đứng chờ, mà tôi còn ôm mẹ tôi, chưa muốn rời tay. Tôi ngoái nhìn mọi đồ vật trong nhà một lần nữa, vừa bước ra tới cửa, lại nghe tiếng mẹ gọi giật lại:

- Bình, con ơi! Cho mẹ cắn con một cái!

Quay vào, mặt mẹ tôi tươi roi rói hấng mãi ra, nhưng mẹ có nhìn thấy tôi đâu? Mắt tôi đã mờ đi vì nước mắt lại dàn ra, tôi đã ôm chặt cổ mẹ, và áp má vào mặt mẹ. Mẹ đã ghì chặt tôi hơn và người cắn vào má tôi. Tôi đau nhưng lòng rủn ra, tim tôi như bị ép lại, người tôi như muốn xiêu đổ. Để rồi Hoa phải quay vào, cũng nước mắt dầm dề, kéo tay tôi đi ra. Đã ngồi lên xe đạp, tay tôi còn sờ má, chỗ mẹ vừa cắn, lòng tôi vẫn còn hổn hển chưa thở được bình thường.

Tôi đã đèo Hoa ra Ông Tạ, đến một tiệm vàng, chiếc nhẫn trơn duy nhất một chỉ vàng, đã từ lâu tôi vẫn cất ở trong bóp. Chiếc nhẫn này, từ một cây vàng do chị Hai Công cho, tôi còn cất giấu. Tôi phòng hờ, bị công an hay du kích bắt, đút cho nó mà chạy, từ chuyến vượt biên lần thứ hai không thành.

Tôi đã giữ chiếc nhẫn, như giữ bàn tay của tôi. Nhưng hôm nay, trong cảnh này, vợ dại con thơ, mẹ mù lòa còn ở lại, tôi đã đưa cho Hoa, phòng để cứu chết. Hoa đã gục đầu vào lòng tôi, nước mắt vơi đầy, đầu lắc quầy quậy. Hoa nói trong nức nở không rõ lời:

- Anh ơi! Anh đi đầy nguy hiểm, như chuyến anh Lợi, cả tầu bị bắt, anh lấy cái gì để xoay xở? Anh hãy cầm đi!

Tôi hiểu, chỉ vì lòng thương tôi, nên Hoa đã quên cả thân mình, quên luôn cả người mẹ mù lòa và đứa con 7 tháng rưỡi. Là một người chồng, một người cha và một người con trí thiển, tài hèn, nhưng tôi cũng không đờ đẫn đến nỗi quên, cả trách nhiệm và bổn phận.

Hai bên cứ khăng khăng từ chối cũng chỉ vì nghĩa, vì tình. Cuối cùng chỉ còn một giải pháp dung hòa, đó là lý do tôi dẫn Hoa đến một tiệm vàng ở Ông Tạ. Tôi đã nhờ người thợ, cắt chiếc nhẫn ra làm hai. Sau khi cắt, Hoa đã chộp lấy một phần non, phần của tôi đưa lên cân là 5 phân 3, như thế phần của Hoa là 4 phân 7, mỗi bên đều giữ kỹ ở trong người. ông thợ cám cảnh của một đôi vợ chồng nghèo, ông đã dõng dạc:

- Tôi không lấy tiền công, của anh chị!

Mới gần 2 giờ, trời còn nắng chang chang mà xe cộ ngược xuôi trên đường Thoại Ngọc Hầu, vẫn còn nườm nượp người đi. Một đám mây hồng rừng rực đỏ, đang đùn lên từ phía đường Trương Minh Giảng. Hai chú ngỗng trời trắng toát, vươn mãi hai chiếc cổ dài kêu oét . . .oét, sà thấp như đuổi theo Hoa và tôi quẹo vào Nguyễn Huỳnh Đức, để rồi chính Hoa đã vỗ vào lưng tôi, nói nhẹ:

- Hai con chim như nó bay theo mình. . . . .anh kìa !

Từ sớm, tôi lơ mơ cứ tưởng do ảo xúc của tôi, nhưng giờ tôi đã hiểu, đó là thật! Tôi còn ngửng hẳn đầu lên nhìn hai con ngỗng trời, miệng lẩm bẩm:

- Xin chào và cảm ơn các bạn!

Đến chỗ hẹn vẫn còn sớm gần hai chục phút, nơi đó cũng chả xa nhà thằng Đạt. Để Hoa đứng tại chỗ chờ, tôi vội vàng 5 phút ghé nhà Đạt, nếu gặp thì thay cho lời chào. Vợ chồng anh chị Đạt đều đi chạy chợ, chỉ có cháu Thủy và mấy đứa em nhỏ. Không ngờ, gặp lại cháu Thu Thủy từ chuyến đi bị bắt cả tầu. Thủy là con gái mới được tha gần một tháng, sau khi bị giữ 8 tháng ở trại Gáo Dừa Minh Hải. Cháu Nguyễn Đức Thắng là con trai (dù 16 tuổi) vẫn còn bị giam giữ, với nhiều người khác ở cùng tầu. Cháu Thủy mới từ trại tù ra, nghe tôi chào để ra đi, cháu đã rối rít đòi đi theo nữa.

Do lòng háo hức ra đi như một con chim non, chưa mọc cánh mà đã đòi bay. Muốn đi phải hẹn trước, hàng tháng, ngay đến vợ con của tôi, mà cũng đành bỏ lại. Nhưng việc này, tôi không quên được cháu Thủy, chỉ vì cháu lại đề nghị:

- Chú ơi! Chú hãy đổi cái áo với bố cháu, thì có thể lại thành công?

Lưỡng lự, không tin lắm, nhưng tôi đã chiều theo ý cháu Thủy, nói vội vàng:

- Chú cần chiếc áo càng cũ, rách càng tốt!

Tôi đã hấp tấp vừa cài cúc, vừa phóng xe trở lại điểm hẹn, cũng vừa lúc chiếc xe đò đông người, chờ bắt đầu chuyển bánh. Tôi chỉ còn kịp bỏ ông bạn thủy chung của tôi lại, cho Hoa và ôm chặt Hoa, để còn kịp trèo lên xe với nhiều tiếng giục giã:

- Lên đi! Cho kịp giờ, đón người khác!

- Chúng tôi đã chờ 5 phút rồi !

Tôi chỉ biết xin lỗi, vì một việc ngoài ý muốn! Xe đi đón hai người nữa rồi, một mạch phóng ra phía Vũng Tầu.

Trên xe đã có 16 người, không kể bác tài, một anh hơn 30 tuổi tên là Tuyến, bên ngành sư phạm, là bạn của Phạm Lộc, đón khách ở đường giây này. Từ lúc lên xe, có một cậu mặt mũi sáng sủa, nhìn tôi trong ánh trao đưa nhiều thiện cảm, một luồng lãng tử giao cảm của mắt tôi, đã trở thành gần gũi, cậu là Bùi Thiện, một chủng sinh trở về đời. Qua đồn Cỏ May xét hỏi giấy tờ xong, xe hướng về vùng Chu Hải. Đến một trũng của một rẻo đước già, xe ngừng lại. Theo sự dẫn đường của một ông hơn bốn chục, cao và gầy. Trong đoàn có vài người phụ nữ, cứ lếch thếch lầm lũi đi sâu xuống cái trũng.

Mặt trời đã chui dần xuống đám cây xanh ở phía Tây, càng đi cây rừng càng rậm rạp, không còn phân biệt được phương hướng. Đến một cái lũng thưa cây, ông cao gầy căn dặn:

- Các vị ngồi nghỉ nơi đây, chờ bắt với đường dây khác. Phải chờ, cho tới khi tôi trở lại!

Tôi kéo cậu Thiện đến một gốc cây to đổ, nằm nghiêng. Được biết bây giờ là lúc thủy triều xuống, triều lên thì vùng này ngập cả. Chừng một giờ sau ông Cao gầy trở lại, dẫn theo một đoàn cũng hơn chục người. Đã 8 – 9 giờ tối, cả đoàn người lại theo ông cao gầy đi tiếp, người này theo người kia, trượt ngã oành oạch, tiếng í. ..óe của mấy cô gái và đàn bà ré lên đây đó, rồi lại chìm nghỉm vào màn đêm. Ngoài cậu Thiện, tôi chẳng phân biệt ai với ai? Lạ thật! Trời lại rạng dần, à ra cô Hằng 16 đã lấp ló nhìn chúng tôi qua những cành lá, mặt của cô tròn vành vạnh (trăng 16 tròn hơn trăng rằm) và mát rượi, đăm đăm nhìn chúng tôi di chuyển.

Ông "cao gầy" lên tiếng từ phía người đi đầu, rồi người này truyền đến người kia: " Hãy rảo chân, đến một khu đất cao, còn gần một cây số nữa, nước triều đã bắt đầu lên! ". Càng rảo chân thì càng mệt, tiếng ót . . . oét của phụ nữ lại càng oét . . . .ót hơn. Đúng là lên như nước thủy triều, vừa chạy qua thì nước đã ngập lên rồi. Lo chạy nước thủy triều, quên béng cái rình rập, chặn bắt của CA hay du kích địa phương. Mãi tới khi đến một mảnh đất trồi lên như một con bơn, cây cối rậm rạp um tùm.

Theo ông cao gầy, thì đây là chỗ nằm nghỉ, để liên lạc đón thuyền. Chỉ qua một vài hiện tượng đưa, đón, liên lạc, tôi đã cảm thấy người tổ chức chuyến đi này có khá nhiều kinh nghiệm, nhất là lại vào một đêm trăng tỏ.

Thông thường những chuyến oversea tổ chức vào những đêm tối trời. Người này đã làm trái với những quy luật thường tình. Ngay cả hải quan, CA hay du kích thường rình mò, nằm ếm chỉ chú ý vào những đêm tối, đầu hay cuối tháng. Những đêm rằm sáng tỏ là lúc chúng nghỉ ngơi, đi tìm những hưởng thụ.

Mỗi người, mỗi nhóm tự tìm lấy chỗ nằm thích hợp cho mình. Qua tôi và Thiện, tôi tin rằng tuy nằm nhắm mắt, nhưng chắc chẳng một ai ngủ được. Tôi không hề nghe thấy một tiếng ngáy có chăng chỉ là những tiếng thì thào của lá rừng, tiếng tỉ tê, róc rách của sông nước chuyện trò. Đôi khi, một tiếng cú rúc dài, như tù và cầm canh ở một điếm chòi, xa xa vọng đến.

Cô Hằng đã về sớm, để hẹn hò với bồ bịch, da trời đã đổi mầu, từ tím đen sang mầu nước biển về chiều. Tôi đã nhìn rõ những lá rừng to, nhỏ vẫy tay chào nhau buổi sáng. Tôi còn đang gửi hồn vào mông lung, thì mấy cậu thanh niên đã hớt hãi chạy đến, tôi cũng choáng người bò nhổm dậy. Ba, bốn cậu choai choai 15-17 rối rít chỉ trỏ, vào mãi phía trong rừng:

- Ong vò vẽ, chúng cháu chạy thoát thân, hàng đàn ong đuổi đốt chúng cháu, gần đến đây!

Cậu thì giơ tay, giơ mặt sưng đỏ lên như những quả táo dầm, tôi buồn cười vì các cậu cũng như tôi hồi nhỏ. Tò mò, sục sạo, lại đi trêu vào những tổ ong, để mặt mũi sưng tấu. Ông cha mình vẫn nhắc nhở, như cảnh giác đàn con: ” Muốn béo (mập) thì ghẹo ong bầu “. Như một luồng điện tín: ” Nơi đây có tổ ong, cũng có nghĩa vắng người! không có tụi áo vàng hay lui tới, rình rập “. Tôi hỏi một cậu:

- Có gần đây không? Tổ ong có to không?

Hai, ba cậu đều rối rít:

- Gần đây thôi, chú ơi!

- Tổ to lắm, trong một bụi mây rừng!

Trải qua những lần mặt bị sưng tím khi còn nhỏ, tôi lục trong tay nải, xé mấy miếng giẻ rách, đút túi quần, rồi theo các cậu đi sâu vào rừng. Lội qua mấy dòng chảy, vì nước đã lên, lách vào một khu toàn mây và song rừng.

Còn bé, tôi nhớ một lần, có một tổ ong rất to lủng lẳng trên một cành đa già, chùa làng bên. Cành đa nằm dài, sà xuống ao chùa, tôi và một thằng bạn, công trình nối buộc hai cành hóp dài đến 4 mét, lấy hai chiếc áo cũ trùm kín mặt, mò mẫm khẽ trèo lên cành đa.

Tổ ong vàng to như một quả mít hai ký, ong vàng đai đen (vò vẽ) bâu kín cái tổ như lông nhím. Từ xa tôi và thằng bạn, nhẹ nhàng lách thò chiếc que tới, định đẩy đứt cái cuống tổ, cho nó rơi xuống ao chùa. Nhưng trời ơi! Đàn ong bị động, chúng ùa ra theo chiếc que, túm vào tay, vào cổ tôi đốt. Người tôi nhói, buốt, tê cứng ra, nên rớt xuống ao chùa, cao hàng chục mét.

Tôi chìm nghỉm, hàng chục con ong vẫn bay trên mặt nước, chờ tôi. Tôi vừa ngoi đầu lên mặt nước để thở, chúng túm lại châm, đốt, tôi lại phải lặn xuống nước. Nhưng rồi lại phải nhô đầu lên, vì không thể nín hơi được nữa, trong khi chúng vẫn là là trên mặt nước . Mấy ông sư trong chùa chạy ra quát ầm ầm:

- Lặn xuống? Lặn xuống!

Cả thằng bạn của tôi cũng đang trối chết như tôi ở trong ao, đàn ong đuổi cả các ông sư, để châm đốt. Các ông sư cũng chạy thoát thân vào trong chùa đóng cửa lại. Tôi vừa mệt, người lại nhức buốt, cứ phải lặn dưới nước thì sẽ chết. Trong lúc ý chí tự tồn của con người trỗi dậy, tôi chợt nghĩ ra một cách, trước khi nhô đầu lên, hai tay tôi hất tung nước lên túi bụi. Ong có cánh bị ướt rơi xuống nước ngay, mà rơi xuống nước thì chết, không thì cũng làm mồi cho cá.

Trước khi chết, ong giẫy dọn vùng vẫy như chiếc mồi nhử, cá đớp liền. Đàn ong trên mặt ao, còn con nào cũng tháo chạy, bay về tổ. Ngay từ lúc thấy nước hữu hiệu, tôi đã gào gọi bạn tôi làm như tôi. Tóm lại nước đã cứu chúng tôi, ong đốt chỗ nào, thì nhúng nước ngay, nó sẽ giảm sưng, giảm buốt, nếu nhiều con đốt sẽ làm sốt, nóng lạnh.

Bốn cậu dẫn tôi đến một chỗ, đều đứng lại, chỉ trỏ vào mãi phía trong, giữa đám mây già:

- Tổ ong ở trong đó !

Tôi hiểu các cậu vẫn còn chờn, sợ ong. Nhìn còn xa hàng 7- 8 chục mét, tôi quay tìm một cành cây thon, dài gần 3 mét, một mình tôi lầm lũi tiến vào. Quẹo mãi tới một bụi mây già rậm rạp, to um tùm, tôi khẽ len lỏi tiến vào. Từ 5 – 6 mét, tôi đã nhìn thấy tổ ong, hình nó như cái loa kèn, đầu nhọn, ở dưới loe ra, những con ong vàng, chen chúc nhau bâu kín. Nhẹ nhàng, tôi rút mấy miếng giẻ trong túi, quấn chặt vào đầu chiếc cành mang theo.

Ong kỵ nhất là khói và lửa, tôi bật quẹt đốt đầu giẻ, khi lửa cháy, có khói, tôi từ từ thò vào phía dưới tổ ong, tôi đưa dần, đưa sát, ong như vỡ tổ, bay toán loạn, tôi hươ khói và lửa. Còn dăm mười con cố thủ chịu trận liều chết,

không muốn bỏ đám con ở trong tổ. Nhưng ong làm sao khôn bằng người, nên cuối cùng đã bay chạy hết. Tôi lần mò, kiễng chân với lấy tổ ong, tổ ong nặng chịch, to như cái bát chiết yêu, đầy nhóc những con nhộng ong. Tôi đường hoàng cầm tổ ong to đi ra, trước những con mắt mở to của các cậu.

Cậu Thiện lúc này cũng đã mò đến, tôi hỏi các cậu có muốn thường thức, món nhộng ong không? Khó có chất tăng lực nào bằng, cậu Thiện lắc đầu, sợ không dám ăn, bốn cậu kia mừng ra mặt. Còn một chút giẻ, tôi bẻ mấy cành khô, đã có một ngọn lửa nhỏ, đủ hơ chín cả tổ ong, tôi xé cho bốn cậu một nửa, còn phần tôi một nửa. Món này tôi vẫn thích từ nhỏ, bây giờ tôi lại đang cần bồi dưỡng, để chuẩn bị với những trận say sóng, cố hữu của tôi.

Chuyến đi này cũng có một điểm lạ, tôi đã được bồi dưỡng một tổ ong, ngay ở chỗ nằm ếm, trước khi khởi hành. Mặt trời đã lên đến một con sào, ông "cao gầy" mới dóng dả mọi người theo ông, đi ra thuyền.

Xa xa ở một vụng bãi, một con thuyền to với cánh buồm nâu tươi nhọn hoắt đang nhấp nhô, lắc lư như đầu một chiếc bút lông đang vẽ, viết lên nền trời xanh lam. Con thuyền buồm duy nhất, nhấp nhô một mình trong bến vắng. Đoàn người, lần lượt lên thuyền, hơi ngạc nhiên, tôi ghé hỏi nhỏ ông cao gầy:

- Thuyền có máy không vậy ông?

Ông cười nhẹ, rồi lườm tôi, xong cũng nói nhỏ:

- Tình báo mà phải hỏi!

Tôi quay lại, nhìn ông, mí mắt trái tôi cũng hơi động đậy. Ông này là ai, mà đã biết về tôi? Tôi cũng hiểu luôn, ông này đã đánh giá về tôi sai lầm. ông tưởng tôi đã biết, nhưng thực sự tôi chưa hề biết gì cả, nếu có chăng chỉ là một chút phản xạ tức thời. Thuyền có máy! Qua cách ông hỏi và ông lườm tôi, nếu ông bình thường, tôi phải hỏi người khác nữa hay người chủ tầu.

Mặt trời như một bóng đèn pha cực mạnh, thỉnh thoảng lại ló mặt ra nhòm, sau những tảng bông gòn lổn nhổn, hỗn độn. Đoàn người lần lượt chui xuống hầm thuyền, mỗi người, mỗi gia đình tùy theo tìm một chỗ cho mình, một tiếng khàn khàn dõng dạc phía mũi thuyền:

- Hãy căng buồm lên? Tiến?

Đã biết nhược điểm của mình. . ., ngay những giờ đầu phải quan sát cảnh vật. . . ..được ít nào, sóng lùng của sông nước sẽ đè tôi nằm bẹp. Nghĩ thế, tôi bò ra sát chiếc cửa sổ con, ở mé thuyền.

Một đôi chim hải âu trắng toát từ phía bên kia bờ, xoải cánh đến đậu ngay trên đầu chiếc cột buồm, kêu en….ét, như chào, như tiễn biệt con thuyền viễn xứ. Buồm căng gió, con thuyền tiến dần, rồi rẽ nước tiến chui về phía trước. Tiếng bì bạch của sóng nước, vỗ vào mạn thuyền, nghe mơ hồ như dư âm của bài Thuyền Trăng vương vãi, vào gió mặn:

Gió đưa…..con thuyền dạo chơi……xứ thơ…….
……
Thuyền hỡi…….nhớ về cùng bến… …..mong chờ.

Thuyền lướt theo gió chừng nửa giờ, bỗng một tiếng phì dài nghe như tiếng xì hơi của xe lửa Thống Nhất, làm nhiều người đều ngửng đầu nhơ ngác. Có tiếng nói nhỏ phía cuối thuyền, rót vào trong gió:

- Cá voi !

Tôi thò đầu, ngoái hẳn ra ngoài: phía bên kia chừng hơn 100 mét, hai đuôi con cá voi to như hai chiếc quạt giấy khổng lồ, mầu trắng xám dựng ngược, đang chìm dần xuống mặt nước. Những tiếng phì phì phun ra những luồng hơi nước trắng xóa trên sóng nước. Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy, có một cụ già giọng khào khào:

- Đấy là điềm may!

Tiếng phì phì cứ đeo đẳng, hình như mấy con cá voi đang nô đùa đuổi nhau, theo con thuyền. Bóng ông cao gầy từ sàn trên đi xuống, nhiều người đều hướng mắt về ông; có lẽ ông thấy sự băn khoăn của mọi người, ông nói nhè nhẹ:

- Đàn cá voi con! Thuyền đã ra cửa biển!

Đột nhiên có hai phát súng từ phía xa réo lên, làm xanh mắt mọi người. Ông cao gầy chạy vội lên sàn, đóng cửa, tôi liếc nhanh phía bên ngoài, một chiếc ca- nô từ góc xa bên kia, đang chĩa mũi tiến về phía con thuyền. Nhiều tiếng quát tháo ở sàn trên:

- Bỏ lưới ra !

- Kẻo càng cản ra!

- Hạ lưới xuống!

Chiếc ca nô đã đến gần, chỉ còn khoảng gần 200 mét, mặt ai cũng trắng bạch ra, tôi chuẩn bị tư thế làm lại như chuyến trước ! Ở đây chỉ cách bờ hơn

trăm mét! Chiếc ca- nô chỉ còn chừng hai, ba chục mét, tôi đã trông rõ 7- 8 tên CA biên phòng, đeo súng ống lố nhố.

Giữa cái phút giây ranh giới tù đày và tự do này, thì phía xa bên kia bờ sông, có một chiếc thuyền đang lao vút ra phía cửa biển. Mấy tên trên chiếc ca- nô chỉ trỏ về phía chiếc thuyền lạ, rồi chúng quay mũi ca nô về chiếc thuyền lạ phía xa, khi chiếc ca-nô quay mũi, thì chỉ cách thuyền buồm còn hơn chục mét, tôi đã nhìn rõ hai ngôi sao trên một vạch vàng, của một tên mặt bèn bẹt như lưỡi xẻng, xúc phân heo.

Hẳn chúng đã nhìn rõ chiếc thuyền buồm đánh cá, nếu có thời gian thì chúng cũng lên hoạnh họe hỏi giấy tờ. Vòi, moi, tí chút cà phê, thuốc lá, nhưng lại có con thuyền đang vùn vụt chạy máy ra khơi, chúng phải bỏ cái " bóng " để bắt cái " mồi ". Hiểu chuyện, thì cả chiếc thuyền buồm phải cúi đầu tạ ơn chiếc thuyền lạ " cứu tinh ".

Tôi vẫn tin đời là kỳ diệu!

Khi chiếc ca-nô chạy xa chừng hơn 100 mét, thì những giọng quát tháo, hò hét lẫn lộn luồn vào trong gió lộng.

- Căng buồm theo gió !

- Kéo cản và lưới lên!

Ông cao gầy lại mò xuống sàn dưới, lần này ông đến gần khu giữa, cúi xuống nhấc một cánh cửa mở ra, ông thò đầu xuống hô

- Mở máy lên!

Con thuyền như rùng mình, rồi vùn vụt tiến ra khơi! Thật là nhịp nhàng kết hợp giữa nghệ thuật, nỗ lực của con người với sự giúp đỡ thần bí của đất trời. Tôi chợt thấy, nếu vì lý do gì bị chết máy, như lần trước, thì cánh buồm vẫn chậm chạp đưa thuyền đến bến. Một ý nghĩ phảng phất: Con thuyền này thân với thằng Lợi, biết đâu chả có ý kiến của nó, cho chuyện cánh buồm này?

Gió biển khơi càng lộng, buồm càng căng phồng ôm gió mặn, tiếng máy rù rì lẫn vào sóng nước, như một bản cộng hướng giữa khoa học và thiên nhiên, giữa cánh buồm và công suất của máy, con thuyền rẽ sóng đi vùn vụt. Mấy người ở sàn trên chuyện trò, bàn tán đã rắc lọt qua những kẽ hở, xuống dưới hầm:

- Chẳng một tầu CA nào, đuổi kịp chiếc thuyền này!

Phần vì đã tạm yên lòng, phần vì các bà thần sóng đã bắt đầu hành tôi. Người tôi nôn nao, chẳng cần biết nước, trời ra sao nữa, tôi nằm vật vào một góc thuyền mê man. Đã chuẩn bị sẵn, nên tôi không dám ăn uống hàng giờ, trước khi lên thuyền. Hai chiếc túi giấy, luôn để sẵn trong tay nải, thế mà tôi vẫn nôn thốc, nôn tháo, mật xanh, mật vàng vào túi giấy hết, tôi chẳng còn ý niệm giờ giấc, ngày và đêm. Tôi nằm lịm đi chẳng biết là bao lâu, mở mắt ra, người nằm mà cứ lắc lư như đua võng. Tiếng gió, tiếng sóng và tiếng máy thuyền rì rì, chả hiểu con thuyền đã đi được bao lâu?

Đã có những bài học từ những lần say sóng trước, tôi lục tay nải lấy hộp sữa đặc, tôi mút một ít sữa lấy lại sức. Sàn thuyền nằm la liệt đầy người. Tôi mút thêm tí sữa nữa, quấn gọn chiếc tay nải, rồi tôi mò lên sàn trên, bầu trời đêm tím ngắt như hoa sim đầu mùa Thu. Đồng hồ chỉ hơn hai giờ, gió biển lạnh thốc vào mặt, làm tôi tỉnh ra hơn. Buộc chặt chiếc tay nải vào người, tôi trèo hẳn lên sàn thuyền, sóng bạc đầu trắng xóa, đột nhiên một đàn cá đen xì, to như những con trâu mộng cứ nhào lộn đuổi theo con thuyền, một cảm giác huyền bí lạnh xương sống xâm chiếm hồn tôi. Tôi tưởng như những con quỷ biển đang đuổi theo để bắt, để nuốt những sinh mạng trong con thuyền nhỏ bé giữa đại dương bao la, bí hiểm.

Hàng chục con, vật lộn với những lớp sóng bạc đầu, gần đuổi kịp con thuyền. Có một con đen trũi, to như con voi ” ma-mút ” nhào tới sát đuôi con thuyền kêu en ét….hồng hộc, kéo dài như còi tầu hỏa: Nghe như tiếng rú gào của quỷ biển, đòi “nộp mạng”. Một luồng gió lạnh rót vào xương sống, làm người tôi nổi gai ốc! Thật lạ lùng, cảm giác của tôi giống như đã có lần, trong chuyến đi thuyền thẳng Lợi, gần hai năm trước. Tôi đinh ninh tất cả những sinh mạng trong con thuyền, đã đến giờ phút chôn vùi, trong lòng đại dương huyền bí này.

Cảm giác tâm lý của con người, cũng kỳ diệu! Cũng những con cá này, nhìn chúng ở Aquarium, ở những hồ bơi trong thành phố, chúng như một món hàng ngộ nghĩnh, hiền lành, để ta đùa vui chiêm ngưỡng. Nhưng trong lúc này, thấy chúng huyền bí, có nhiều quyền lực linh thiêng làm chúng ta chết và sống! Tôi vẫn coi thường sự hiểm nguy coi cái chết là ” hòa “, vì có còn biết gì đâu mà sợ? Thế mà lại lạnh xương sống, nổi da gà trong lúc này?

Trong ánh sáng mập mờ của biển khơi, của trời rộng, rõ ràng, tôi nhìn thấy một con chim đứng co ro trên cái chạng ngang, đầu cột buồm. Có phải con chim không? Tôi không tin ở mắt mình! Chung quanh chỉ có nước với trời, làm gì có con chim nào, lại đậu ở trên thuyền?

Như một luồng điện nhoáng lên trong óc tôi! Đúng rồi! Nó là một trong hai con hải âu ở vùng Chu Hải Vũng Tầu, đã đến chào tiễn biệt con thuyền viễn xứ này mà? Vậy còn một con nữa ở đâu? Không biết cho đến giờ đã mấy

ngày đêm rồi? Rõ ràng nó chẳng có cái gì ăn, uống, chẳng được nằm, cứ đứng chịu lạnh trong gió lộng suốt đêm ngày. Lòng thương cảm giàn ra, tôi muốn gọi nó xuống, tôi sẽ vào hỏi bà con trong thuyền kiếm cho nó chút lương thực, nhưng tôi loay hoay không biết cách nào để nói chuyện với nó. Sao nó lại không biết đây là một con thuyền vượt đại dương? Có phải nó đến chào con thuyền? Một người bạn nữa đã đi đâu? Hàng chục điều, tôi muốn hỏi nó mà đành câm nín.

Người tôi vẫn lao đao, cồn cào với con thuyền lắc lư, nhưng vì tình thương con chim, nó còn đang phải chịu đựng những cái khó khăn, mà chính tôi không thể gánh chịu được. Chính vì niềm lắt lay với con chim, bệnh say sóng của tôi đã giảm đi rõ rệt.

Tôi nhìn, ở mãi góc gần buồng hoa tiêu, có một cái thang nhỏ chừng hai mét. Lảo đảo tôi mò đến, tháo cái thang. Khi dựng vào cạnh cột buồm, con thuyền cứ nghiêng ngả, ngay cái thang không, cũng còn không đứng vững, nếu trèo lên thì sẽ đổ ngã.

Đổ ngã ở đây là xuống biển chơi với mấy con cá đang đợi chờ. Hơn nữa với con mắt ước lượng, dù có trèo lên thang thì cũng không tới con chim, vì lòng cảm xúc với con chim đang gặp cái khó khăn nghiệt ngã, nên tôi cứ định trèo lên để cứu nó.

Tôi đã lướt qua, không lượng định hết những điều, tôi không thể làm được:

- Không thể trèo được, trong khi con thuyền nghiêng ngả.

- Có trèo được, cũng không với tay tới.

- Nó có đồng ý để tay tôi, cầm vào người nó hay không?

Từ nãy, tâm trí của tôi để hết vào chuyện con chim. Một người từ sớm, trong phòng hoa tiêu đã theo dõi mọi hành động của tôi. Anh ta đã lách ra từ phòng hoa tiêu, cầm theo một thanh gỗ dài gần hai mét, lom khom đến gần tôi, chỗ cột buồm. Chính là cái anh chàng cao gầy đã lườm tôi một lần, khi tôi hỏi "thuyền có máy không?". Gió bắt đầu lộng thêm, rồi có mấy tia chớp lằng nhằng, vạch ngang dọc ở một góc trời (tôi chả còn biết là hướng nào). Những tiếng nổ gầm ghì, rung rinh cả biển, lẫn trời.

Lộp độp những hạt mưa to tướng gõ vào sàn thuyền, như đàn gà mổ thóc trên cái nia. Trời như bị rách, rạn ra, do sấm chớp, nước đổ xuống ào ào, mưa như trút nước, tôi chưa thấy mưa nhiều và to hạt như vậy trên đất liền.

Con thuyền càng chồm lên, ngả nghiêng, nhưng anh chàng cao gầy vẫn đặt cái thang vào cột buồm, rồi ghì đè chặt, tiếng anh quẩn vào hạt mưa:

- Tôi giữ, anh trèo lên đi!

Lại có một người nữa không ngại mưa gió như mình, tôi đã cầm lấy thanh gỗ và nhìn xuyên mưa, vào mắt anh. Tôi không nói ra lời, nhưng tôi tin anh đã hiểu, tôi muốn nói qua ánh mắt: "mưa gió không cản trở chúng ta được". Bản thân tôi cũng không ngờ, mưa và gió đã làm cái bệnh say sóng của tôi, từ từ giã biệt tôi

Con chim càng giúi đầu vào cái khe cánh buồm, ướt như chiếc giẻ dúng vào thau nước, nó đờ đẫn mê dại không còn cái rụt rè sợ sệt, của một con chim. Lúc đầu tôi đưa thanh gỗ đến, nó không hiểu, nên như muốn tránh, có thể sau nó đã hiểu ra, hoặc " cu cậu " chả còn cách nào khác nên đã ngoan ngoãn bấu chặt vào đầu thanh gỗ tôi đưa đến. Tôi đã ôm nó vào người, như muốn sưởi ấm cho nó, nhưng tôi quên mất là người tôi cũng ướt chẳng khác gì nó.

Tôi và con chim, đã theo anh cao gầy vào phòng hoa tiêu. Trong phòng, có một bác gần sáu mươi tuổi, qua ánh mắt và đôi cánh tay đang điều khiển con thuyền, đã nói lên phong độ con người của bác, và một thanh niên trẻ gần hai mươi, là con trai của bác. Tôi lạnh và con chim cũng lạnh ướt, anh cao gầy cũng ướt át dẫn tôi xuống hầm máy, để sưởi và thay quần áo. Ngoài trời biển vẫn sấm chớp mưa rơi tầm tã, nửa giờ sau con chim đã tỉnh dần, cu cậu thoáng nhìn cái cóng gạo tôi đưa đến, đã mổ lấy mổ để, chẳng cần đợi tôi mời. Tôi muốn hỏi nó:

- Mày là con trai hay con gái?

- Ở vùng Chu Hải chúng mày muốn đến chào tiễn chúng tao đi hay chính chúng mày cũng muốn vượt biên?

- Người bạn của mày, vì sao bỏ lại mày một mình?

Còn nhiều câu hỏi nữa, nhưng tôi đành chịu chết, tự suy đoán mà hiểu.

Bây giờ thì tôi đã biết, con thuyền đã đi được hai đêm với một ngày rưỡi, với sức máy và cánh buồm kết hợp, qua anh cao gầy, con thuyền có thể đi hàng chục hải lý một giờ. Khi sưởi ấm ở cạnh máy thuyền, tôi được biết anh cao gầy là Trần Ngọc Nghĩa, anh là đại úy, binh chủng mũ đỏ, với mầu mũ này anh đã vùng vẫy ngang dọc trên khắp bốn vùng chiến thuật. Đơn vị của anh là mũi dùi cởi vòng vây An Lộc, anh đã bị thương nhẹ một lần, và anh cũng nằm ấp hơn sáu năm. Điều lý thú là anh cũng đã từng ở trại T 52 Hà

Sơn Bình, anh mới được ra tù đầu 1982. Lúc đầu gặp anh, ở khu vực nằm ếm Chu Hải, tôi và anh lạnh lùng, tưởng không ưa nhau. Nhưng chính do con chim hải âu vượt biên, là một giây nối, để rồi có điều kiện cùng sưởi quần áo, trong hầm máy với nhau. Anh đã thân quen với vợ chồng Phạm Lộc+ Liên, nên hẳn anh đã biết một chút về tôi như Phạm Lộc. Vậy với những điều Phạm Lộc biết về tôi, để nói chuyện với Nghĩa. Một điều lý thú nữa, Nghĩa ở trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức ra, tôi vội hỏi, ra trường năm nào và học khóa nào? Nghĩa nói với vẻ mặt tự hào, hơi một thoáng đăm chiêu:

- Tôi ra trường cuối 1963, học khoá 12.

Tôi không thể ngờ Nghĩa lại ở khóa sát tôi, ít ra cũng cùng một mái trường, dù tôi chỉ hơn một tuần lễ, nhưng tôi đã không hề đề cập vấn đề này với Nghĩa.

Chỉ ngày hôm sau, con chim đã quen với người. Có người cho nó ăn, cái này, cái khác. Thậm chí mấy đứa nhỏ cho nó ăn cả kẹo, con chim mến người, có lúc nó lên cả sàn thuyền, nhưng nó vẫn không bay đi! Tôi chợt nghĩ: Nếu nó có muốn bay, thì bay đi đâu? Chỉ có trời với nước, hơn nữa ở lại, có đủ thức ăn cho nó sống. Còn một điều nữa: ” Tôi nghĩ thầm” Đã cùng là người tỵ nạn trên một con thuyền, phải gắn bó sống chết với thuyền, như mọi người.

Một buổi trưa, tôi chìm vào một giấc ngủ bù mê mệt, chẳng biết bao lâu, có người lay tay tôi dậy. À con chim! Chiếc mỏ mầu lá mai già cứ ngậm vào ngón tay cái của tôi, cắn nhẹ rồi lại cắn liên tục, nó như có ý muốn ngả nằm cạnh tôi. Tôi dịch lại, và nó đã nằm sát ngay bụng của tôi, một hơi ấm lăn tăn chuyền qua giữa chim và người.

Mắt nó vẫn mở trừng trừng như đeo kính, con ngươi của nó mầu hồng hơi hung đỏ, giữa một vòng mầu vàng bắp chín không động đậy. Tôi cũng chưa biết hải âu ngủ có nhắm mắt không? Mắt tôi dìu xuống, lơ mơ, dòng tư tưởng của tôi vẩn vơ về con chim, cứ cho là nó cũng có ý vượt biên đi ra ngoại quốc như chúng tôi.

Chúng tôi rõ ràng là vì chính kiến ngược chiều với lũ cầm quyền, vậy nó thì vì sao? Tôi không thể tìm ra một lý do nào khác, ngoài vấn đề kinh tế, một xã hội quá đói khổ, con người còn vật lộn tìm cái ăn, còn đâu có thừa thãi cho chim? Một ý tưởng chợt lóe lên, nó cũng vì chính trị nên đã vượt chạy ra nước ngoài.

Khi người dân thiếu đói, nếu thấy chim, hay bất cứ con vật gì đều tìm cách bắt hay bẫy, ráo riết hơn, cuộc sống của chúng nó cũng không yên lành. Tôi mở mắt ra nhìn con chim, mắt nó vẫn thao láo không động đậy,

nhưng cái nhìn của tôi bây giờ là nhìn một sinh vật đồng cảnh tị nạn, khác với những ngày trước. Tôi chợt nhìn xuống lưng phía cánh phải của nó, bị cháy xém đen một đám. Tôi bò giựt dậy, làm con chim cũng thức đậy đứng lên.

Tôi nhìn quanh, không hiểu ai đã làm con chim bị cháy thế này? Nhiều người nhìn tôi, có hai cậu thanh niên, lách người tiến đến, một cậu nhìn chỗ cháy xem của con chim, rồi quay lại tôi:

- Chúng em xin lỗi, khi nãy vô tình vất một cái tàn thuốc lên lưng nó, nằm góc kia. Khi có khói, chúng em dập ngay, chỉ xém mấy cái lông, người nó không sao!

Tôi vạch chỗ đó, thì quả như vậy, hơi buồn, nhưng tôi đã ca ngợi các cậu là những người có lòng tự trọng, có bản lĩnh, dám nhận cái lỗi, dù nhỏ của mình.

Tôi ôm con chim mò lên sàn thuyền, mặt trời đã ố vàng ngả dần xuống mặt nước về hướng Tây. Trên sàn lúc này cũng có nhiều người, có thể con thuyền đã đi được 4 – 5 ngày, đã nằm ngoài hải phận Quốc Tế, không sợ tầu Hải quân cộng sản nữa.

Niềm hy vọng đã thập thò, le lói ra từng khóe mắt của mỗi người. Đã có những gia đình, mang cả bạt, cả chiếu trải ra để nằm, ngắm trời, mây, gió, nước, nhất là từ chiều, gió giảm nhẹ dần.

Cánh buồm hơi đói gió, chỉ còn một mình sức máy vừa đủ, đẩy con thuyền đi từ từ. Mặt trời còn cách mặt nước chừng hai con sào, thì gió lộng dần, sóng bắt đầu nhổm dậy cuồn cuộn, trắng cả đầu. Cột buồm hình như gù xuống, bụng phình to ra, một vài tiếng gầm ghì của sấm rền mãi chân trời, phía dưới nước. Con thuyền tôi có cảm tưởng, như một người khách bộ hành, khi sớm đang thả bước nhàn du, ngắm trời, nước, ngắm thiên nhiên; nhưng trời đã chiều, nhà còn xa, nên rảo bước nhanh hơn. Một thoáng lòng tôi chạnh nhớ đến Bà Huyện Thanh Quan, trong đoản thơ Hoàng Hôn Nhớ Nhà 2, vần ” ôn “.

Trời chiều bảng lảng …….bóng hoàng hôn.
Tiếng sấm xa nghe……lẫn sóng dồn.
Gác mái ngư ông ……về viễn phố.
Gõ sừng mục tử…..lại cố thôn.

…….

Kẻ chốn trang đài……người lữ thứ…..
Lấy ai…..mà kể……..nỗi……hàn ôn.

Bây giờ thì người khách bộ hành, đã ba chân bốn cẳng chạy như điên, người ta sợ gió lộng, và có thể mưa nên đã kéo nhau dần hết xuống dưới sàn. Cái người ta sợ, người ta không thích thì tôi lại ưa, tôi quàng cái áo của thằng Lợi phế thải, từ mấy tháng trước để đi làm ở Biên Hòa. Tôi ủ con chim vào bên trong, mò ra một góc khuất phía sau buồng hoa tiêu phía cuối thuyền. Một chỗ ngồi lý tưởng để nghe gió lộng, để nhìn những núi sóng cuồn cuộn gào rú và để cảm nhận cái thú " một thuở ngàn năm " ngắm mảnh mặt trời chiều, chui xuống biển.

Từ sớm tôi đã lách vào phòng hoa tiêu (do anh Nghĩa tôi đã quen), hỏi bác thuyền trưởng nhiều kinh nghiệm, là thuyền đi về hướng nước nào? Bác là Lý Văn Bang, đã dè dặt cho biết: "Do ba ngày trước, khi ra khỏi Côn Sơn, gặp một đoàn thuyền đánh cá; bác biết là từ đảo Phú Quốc, bác đã chạy tránh, nên hơi bị sai lệch tọa độ. Vì thế, bác không thể xác định 100 phần trăm, chỉ biết gần đúng! Thuyền có thể đến Mã Lai hoặc Indo, và cũng không biết chắc, là từ 3 hoặc 5 ngày nữa ".

Tôi đang ngồi lắng đọng thả hồn vào tiếng sóng dào dạt, réo gọi gió, tôi giật mình, có ai bẹo, chí vào bụng tôi. Ối giời ơi ! Con chim chó chết! Tôi thông cảm cùng cảnh ngộ, nên ủ vào người cho cu cậu (hay cô nàng) yên ấm. Không ngờ, " cu cậu " lại dùng mỏ " bẹo, chí " bụng của tôi. Tôi thò một tay vào nắm nhẹ đầu nó, hơi ve vuốt, thế là cu cậu lại ngoan ngoãn nằm yên.

Con chim đã làm cho ruột gan tôi như quấn, cuộn lại với nỗi nhớ thương người mẹ mù lòa của tôi, không biết bây giờ người ra sao? Nhưng tôi biết rõ, và tin như thể tin tôi, là mẹ tôi vẫn ngày đêm dõi theo bóng dáng người con trai này của mẹ; ruổi rong sống và chết trong biết bao nhiêu tình huống người không thể biết. Vì thế, chắc chắn người vẫn cầu khấn Chúa và Đức Mẹ, cho người con trai này. Một nỗi nhớ cồn cào về người mẹ kính yêu, lẫn vào trong tiếng sóng, tiếng gió tôi nghe rõ những lời của bài "Lòng Mẹ" của Y Vân:

Lòng mẹ bao la như biển… … Thái Bình…. dạt dào.
Tình mẹ tha thiết như dòng…. suối hiền…. ngọt ngào
Lời mẹ êm ái…. . như đồng lúa chiều …. . rì rào… …
… ….
Thương con…. thao thức bao đêm trường
Con đã yên giấc mẹ hiền….. vui sướng biết bao
Thương con khuya sớm….. bao tháng ngày
Lặn lội gieo neo….. nuôi con tới ngày lớn khôn

Dù cho mưa gió…. không quản thân gầy….. mẹ hiền
Một sương hai nắng…. cho bạc mái đầu buồn phiền
Ngày đêm sớm tối vui cùng….. con nhỏ một niềm
Tiếng ru êm đềm…. mẹ hiền năm tháng….. triền miên
Bao năm nước mắt…. như suối nguồn
Chảy vào tim con, mái tóc chót….. đành đẫm sương

… ….

Dù cho phai…. nắng nhưng lòng thương chẳng lạt màu
Vẫn mong quay về….. vui vầy dưới bóng….. mẹ yêu.

Tôi đã nhắm mắt lại, và lịm đi cho hồn tôi ngâm giầm vào lời ca, tiếng nhạc. Rồi cũng chính con hải âu đang nằm trong bụng tôi lại ngó ngoáy, cựa quậy để cho hồn tôi lại chảy dài về với người vợ thương yêu và đứa con gái yêu của tôi. Con tôi còn nhỏ quá chưa biết gì, nhưng chắc chắn em Hoa yêu thương của anh cũng nát lòng, dù cho em có là người được trời phú cho dễ ngủ.

Anh vẫn tin chắc, em đã có những trận cuồng phong, bão tố ở trong lòng. Có thể người chồng của mình ra đi sẽ:

- Gặp cướp biển

- Bị hải quân tuần tiễu của lũ cộng đuổi bắt!

- Cuồng phong, bão tố của biển khơi, đã nhận chìm xuống lòng biển!

- Đến nơi, đến bờ nhưng đã thay lòng, đi với người khác?

Nghĩa là, người chồng ấy đến 90 phần trăm là ra đi không trở lại. Một mình lẻ bóng, ôm đứa con thơ với người mẹ mù lòa, giữa chợ đời đói khổ !

Nhìn về phía Đông Bắc tím thẫm trong dáng chiều, mấy vạt mây đen nằm trải dài sát mặt nước. Tôi hiểu, nơi ấy là quê hương, tổ quốc của tôi, có mồ mả ông cha, tổ tiên, có người mẹ mù, người vợ trẻ và đứa con thơ của tôi. Ruột tôi như cuộn vò lại, em Hoa ơi!

Để lòng anh phần nào đỡ nẫu, nát trong nhớ thương, anh nhớ khi chúng ta nên đôi chồng vợ, có một lần anh hát tặng em bài ca Hoa Biển. Chỉ vì bài ấy có cái tên là "hoa". Giọng của anh như cơm nguội, ăn với nước dưa chua.

Bây giờ, trong hoàng hôn lộng gió giữa biển khơi, trên con thuyền vô định, anh sẽ dùng tiếng gào của sóng biển thay tiếng đàn, và tiếng gió quất đập

của cánh buồm, thay nhịp trống. Một mình, anh hét, hò giữa trời, nước mênh mông, không sợ ai nghe:

Ngày xưa … … …em anh hay hờn dỗi!
Giận anh khi anh chưa kịp tới…
…
Trùng khơi…….nổi gió lênh đênh triền sóng…..thấy lung linh rừng hoa.
Mầu hoa …….thật trắng, ôi hoa nở thắm…….ngất ngây lòng thêm…….
Vượt bao hải lý……chưa nghe vừa ý…….lắc lư con thuyền đi,
Chỉ thấy bọt nước, tan theo ngọn sóng…….dáng hoa kia mịt mùng……
Em ơi……buồn phiền…….xin như hoa sóng…. tan trong đại dương

(Hoa Biển của Anh Thy)

Mặt trời đã chìm xuống lòng biển từ lâu, phía trái một mảnh trăng gầy đúng một nửa, như con mắt của dạ thần đang lườm nguýt, con thuyền đơn độc giữa đại dương. Nhìn mảnh trăng sầu, tôi nhớ đến một ý thơ, đã trở thành ca dao phổ cập:

Vừng trăng… …ai xẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc……nửa soi …….dặm trường. . …

Một làn hơi lạnh ngóm luồn vào trong gió, lách vào cổ, vào tai làm cho tôi rùng mình. Hắn đã 9 – 10 giờ đêm, tôi mò xuống sàn về chỗ nằm. Tôi lục cái tay nải, tìm cái túi gạo con con, tôi đã xin được của một gia đình. Tôi bốc ra một nắm để vào cái cóng sữa bò. Chỉ một bóng đèn dầu treo mãi phía vách thuyền gần ca- bin, ánh sáng le lói một vài tia mờ mờ vươn tới; thế mà con chim vẫn mò mẫm ăn cho bằng hết chỗ gạo.

Tôi cố gắng lảo đảo đem chiếc cóng lại bồn nước lấy đầy cho nó. Tôi loay hoay tìm chỗ ngả lưng, quay lại con chim đã mò uống hết cả nước rồi. Phần tôi đã 4-5 ngày với hộp sữa Ông Thọ khi nào quá mệt tôi lại mút một ít. Hôm nay đã cạn rồi, tôi mượn cái mở hộp của một bà có con nhỏ, tôi xin ít nước sôi cho vào khoắng uống hết. Tôi lại ôm con chim vào lòng, nằm kềnh ra để nghe tiếng nhạc kẽo kẹt của con thuyền, lướt về phương trời mờ mịt.

- 46 –

RA KHƠI ĐẾN BỜ

Đã mấy ngày rồi, con chim và tôi đều như muốn tìm một chút hơi ấm của nhau, trong chiếc áo nhựa. Nó cứ rúc mãi vào sát bụng tôi, hồn tôi đang liu riu lững lờ vào giấc mộng bập bềnh, của con thuyền. Bỗng có tiếng xôn xao:

- Có ánh đèn!

Như một tiếng ” phèng ” trong đêm đen choảng vào con thuyền! Tôi và nhiều người nhớn nhác bò nhổm dậy, tôi nhào tới cửa, rúc lên sàn thuyền. Giữa cái thẫm đen mịt mù của trời và nước, rõ ràng có một vũng rạng ra, trắng như chiếc ngà voi, tưởng rằng có một ánh sao trong làn mây. Nhưng rồi như có một mảng mây dầy, chậm chạp che dần, rồi trở thành một mầu đen thẫm, như chung quanh.

Người ta kéo xuống hầm thuyền dần, tôi còn ngồi lại cố mong chờ trong chỗ mù mịt tối đen ấy, sẽ có một nguồn sáng để mang niềm hy vọng cho con thuyền. Phần vì mấy ngày nay giấc ngủ chông chênh, cứ khi nào mệt quá thì thiếp đi một lúc. Phầnkhác, có thể sức mòn vì thiếu ăn, vẫn chỗ ngồi dựa một góc khuất sau buồng hoa tiêu, tôi đã đi vào miền mất cảm giác lúc nào không hay.

Mãi tới khi như có người sờ vào cổ tôi gãi gãi, mở mắt đã thấy nước trời đổi thành mầu lá nhãn. Tôi đã nhìn thấy mầu trắng của những làn sóng bạc đầu. Con chim tị nạn đã chui ra khỏi bụng tôi từ bao giờ, nó đứng sát ngay mặt tôi, một chân trên vai, một trên ngực. Cái đầu nó cứ dụi vào cổ tôi, như muốn đánh thức tôi dậy, phía chân trời đã rạng hồng, rồi đỏ lên. Tôi đã ôm con chim vào lòng như một lời cảm ơn, gọi tôi dậy để tận hưởng ánh bình minh của đất trời. Nhưng rõ ràng, lẫn vào tiếng rì rào của sóng, có mấy tiếng kêu:

U oách… u… . .oách… khu… . .oách… khách … khách… Rồi bỗng nhiên, chính con tị nạn ở ngực, vai tôi cũng rối rít kêu *khu… oách… khu … oách…* Từ ngày tôi cứu nó, chưa bao giờ tôi thấy nó kêu. Nó làm cho tôi quên cả mệt, cả đói, tôi ngồi hẳn dậy. Một nửa cái nia đỏ như nhuộm máu bò, đã thò lên khỏi mặt nước, từ mặt biển phía Đông, làm đỏ hồng cả cánh buồm và con chim. Một đàn bảy con hải âu trắng toát đang bay lượn quanh con thuyền, miệng kêu: *Khu … oách… khu . . . .oách… .* Con tị nạn, mắt chớp lia lịa, lại giụi đầu vào cổ tôi, thái độ hưng phấn khác thường. Nó giang hẳn hai cánh ra vẫy vẫy, như đáp lại đàn hải âu đang bay lượn, nó ngửng hẳn cổ lên trời miệng lại kêu: *Khu oách… . khu… . oách… .*Tôi đờ hẳn người ra, chưa kịp phản ứng,

con chim lại nhẩy lên vai tôi, rồi lại giụi đầu vào cổ tôi như khi nãy. Tôi chợt hiểu, nên tôi khẽ vuốt đầu nó, và tôi gật gật.

Nó sải cánh một cái rồi bay vụt lên theo đàn hải âu bay đi mất hút chỉ còn vẳng lại những tiếng *khu… oách. . . ..khu … .oách…* nhỏ dần. Tôi bần thần cả người, con chim đã bay đi rồi ư? Tôi ngồi xuống mạn thuyền, lắng đọng đăm chiêu: Như thế vừa rồi, tôi đã lầm, tôi tưởng con chim giụi đầu gọi tôi dậy, để ngắm ánh bình minh của đại dương? Nó gọi tôi dậy, chào tôi để ra đi với đồng loại, dù sao nó cũng có nghĩa, có tình, tôi bằng lòng. Một cánh tay đặt lên vai tôi, anh Nghĩa, giọng đứt quãng của anh quẩn vào gió mặn:

- Anh đã giúp nó toại nguyện! Tìm được khung trời tự do!

Nghĩa đã biết tôi ngồi suốt đêm qua, phía sau buồng lái, một ý thoáng đến, tôi vồ vào vai anh Nghĩa: ” Gần đây phải có đảo hay đất liền ! ” Nghĩa đã nắm chặt tay tôi, nói như gà gại ổ đẻ:

- Thấy đàn chim, từ sớm chúng tôi đã nghĩ như anh!

Như vậy họ đã biết trước tôi rồi! Cũng có nghĩa ánh đèn sáng mơ hồ đêm qua, không phải trong hồ mơ? Anh Nghĩa kéo tôi vào buồng lái, tôi gặp lại bác Bang, tôi mới hiểu bác và Nghĩa có họ hàng. Nghĩa lôi ở một cái hộc ra gói bánh ngọt, chính bác Bang cũng đang băn khoăn, theo bác phải hai ba ngày nữa mới tới Indo hoặc Mã Lai, nhưng khi thấy đàn chim thì đảo hay đất liền phải gần đây, dù sao cũng mang nhiều hy vọng.

Nhìn nét mặt cương nghị, từng trải của bác Bang, tôi rất mến mộ, bác cũng tỏ thiện cảm, bảo Nghĩa cầm lái. Bác kéo cái “phích” có cà phê nóng, bác rót một ly con đưa cho tôi, với thái độ “gió sương” không mời. Từ lúc Nghĩa chưa lôi gói bánh ngọt ra, cái mùi mê người của nó, đã luồn ra chọc tứ tung vào mũi tôi rồi, nên khi bác đẩy bọc bánh đến vẻ “khinh tài” thì sao tôi từ chối?

Bác thăm hỏi một số nét về tôi, tôi cũng sơ lược, đi tù về là phải từ giã quê hương ra đi v.v. . . Xuống hầm về chỗ nằm, nhìn thấy cái cóng con đựng gạo, không biết con tị nạn bây giờ đã đi đâu? Hẳn nó đã có một cảnh đời mới ! Như cụ Nguyễn Công Trứ đã kết luận: Rút cuộc lại… … … mỗi người, riêng mỗi kiếp!

Gần trưa lại có tiếng ồn ào phía cuối thuyền, giọng một bà lanh lảnh:

- Có chiếc tầu to lắm!

Một số người xô nhau trèo lên sàn, tôi hơi mệt, nhưng cũng là những người đầu tiên mò lên sàn thuyền, chỉ chừng 8- 10 cây số, một chiếc tầu trắng toát, trông như một toa xe lửa, hay chiếc xe "buýt" dài ở gần. Không thể nhìn thấy cờ nên không biết là tầu nước nào. Bà con vui mừng hô hoán, có người nhẩy lên gào, vời, nhưng con tầu hình như bé dần lại.

Mấy người nhanh trí đã lấy giấy báo và giẻ cũ đốt lên, con tầu cứ mỗi lúc bé lại và mờ đi, để rồi lẫn vào những lớp sóng bạc đầu mất tiêu. Con tầu hình như không hề trông thấy con thuyền buồm đơn độc, như một chiếc lá tre khô trên dòng Cửu Long cuồn cuộn chảy. Hay lương tâm nhân loại, đã chuyển thành lá cây, của mùa Đông?

Con thuyền như gần lửa, sôi lên, nhưng một trận mưa rào đã làm ngọn lửa tắt rụi. Hôm nay đã là ngày thứ sáu, của con thuyền buồm, nhiều người đã tỏ ra mệt nhoài, ăn uống ngủ nghê thất thường, cộng với tinh thần căng thẳng lắng lo với công an cộng sản, cướp biển, bão tố v.v… Chưa nói nếu ai lại bị say sóng như tôi thì chỉ có nằm bệt. Còn hàng chục thứ khác giằng co, vò xé trong đầu của một người bỏ nước ra đi.

Mảnh mặt trời chiều đang chui dần xuống mặt nước, mầu gạch cua của da trời chuyển thành mầu lá mồng tơi già, phía Tây Nam lại rạng ra mầu nghệ non. Rõ ràng, không thể chệch vào đâu được nữa, tôi đã xô vào buồng lái gào, gọi bác Bang và anh Nghĩa :

- Bác và anh Nghĩa hãy coi kia !

Tay tôi chỉ về hướng có mấy ngọn đèn lẫn vào lớp sóng trắng đầu, lúc nhô lên, lúc lại mất đi. Bác Bang đã chuyển mũi hơi chếch về phía Tây Nam và những điểm sáng mỗi lúc càng sáng tỏ. Bà con chỉ có vài người mò lên, sợ cũng như những lần trước, thậm chí tôi đã trông thấy những bóng cây và cây tháp có bóng đèn, có lẽ là ngọn hải đăng của những vùng ven biển.

Lúc này thì bà con xô lên như vỡ đê; có lẽ ai cũng muốn chính mắt mình, phải nhìn thấy một lần cái bóng dáng tương lai có giống, ở trong đầu? Tôi vào gặp bác Bang, anh Nghĩa để biết ý kiến, không ngờ lại gặp cả Phạm Lộc, vì không một ai biết rõ đây là đâu?

- Thuyền của mình chưa, phải ở tình trạng cấp cứu.

Do đấy họ đều quyết định hãy bỏ neo ở bên ngoài đêm nay, sáng mai, nhìn rõ hãy cho thuyền tiến dần vào, rồi tùy theo để quyết định. Tôi thấy họ giải quyết như thế là có thận trọng và hợp lý. Tôi cũng thấy mệt quá rồi, bà con kéo lên đầy trên sàn chuyện trò bàn tán rôm rả, tôi lại mò xuống tìm một chỗ yên vắng nằm nghỉ một đêm cho lại sức. Tôi gặp cậu Thiện, lại có

chăn ấm, thế là tôi nằm ngay cạnh cậu, vài câu chuyện đổi trao, rồi tôi vào giấc ngủ say, sau khi được một bữa bánh ngọt không mong mà có buổi sáng nay. Tôi ngủ mê man, như chưa được ngủ bao giờ.

Tôi cảm thấy ngực của tôi bị ai đè, thì ra một cái chân nặng chịch, vắt lên cổ và ngực tôi. Trong bóng đêm không nhìn được bàn tay, tôi đẩy cái chân xuống, không biết chân của ai, da thịt mềm như tơ, và mát như lụa Hà Đông, tôi đờ người ra. Sau khi đẩy cái chân ra rồi, nằm im, tôi không dám cựa quậy, tôi cố hé mắt nhìn để phân định là ai? Không thể nhìn được gì, tôi nằm chịu trận, óc phán đoán: ” Trong cái chỗ đông đầy người, tâm tư căng thẳng sống và chết, chắc là những người nằm gần chung quanh? “.

Do lòng háo hức, nên mới rạng sáng tôi đã bò dậy, định lên sàn, nhìn vào phía đất liền để phán đoán. Qua vị thế, tôi đã nhìn thấy người gác chân lên ngực tôi đêm qua, là một cô gái chừng 17 – 19, vẫn còn nằm mê mệt với mấy người phụ nữ khác.

Trong làn sương mỏng của buổi sớm, tôi đã nhìn thấy cây xanh và một số mái nhà mầu nâu nhạt. Bỗng một đàn hải âu từ hướng trái bay đến, chúng chao đảo, lượn vòng với những tiếng kêu quen thuộc: *Khu oách… . khu … . oách…*

Không biết có con tị nạn không? Tôi nhìn lên thấy con nào cũng giống con nào? Liếc vào phòng hoa tiêu, loáng thoáng thấy bóng người, tôi đến ngó vào, 4 – 5 người, ngoài bác Bang và anh Nghĩa, có mấy người lạ. Họ định kéo buồm cho thuyền tiến dần vào, tùy theo, nếu thuận tiện thì làm tê liệt cái máy ngầm phòng hờ của thuyền, để họ thấy con thuyền chỉ chạy bằng buồm. Thực ra cái máy công suất rất nhỏ, chỉ đủ sức đẩy thuyền đi từ từ, chầm chậm, phòng hờ khi thuyền không có gió.

Chúng tôi đã nhìn rõ, đây đó có những căn nhà sàn gỗ lợp tôn, nhìn toàn bộ cảnh vật, mọi người vẫn không thể suy đoán ra nước nào phía cực Nam Châu Á? Nhưng chắc chắn không phải là Việt Nam.

Có một đám người lố nhố nhìn ra con thuyền, mấy đứa nhỏ chạy loăng quăng, thoáng trong đám người đó, có hai người mặc quần áo Ka Ki quân đội. Xôn xao, ồn ào, rối rít tiếng Anh, tiếng Việt và một thứ tiếng lạ, đan chéo vào nhau như mạng nhện. Dần dần hiểu ra, họ yêu cầu cử người xuống nói chuyện với họ, khi ấy tiếng Anh của mọi người như cóc ngồi trong hang, thỉnh thoảng thò cổ ra kêu ộc… ..ệch một tiếng lại rụt cổ vào, chắc chỉ có ông trời mới hiểu.

Rất may, trong thuyền giới thiệu một chị tên Châu, cử nhân Anh văn. Chị Châu chừng 30 – 35 tuổi, đã cùng với ba người đàn ông nữa, họ đỡ nhau lội

xuống, nước trên đầu gối để lên bờ. Gần hai giờ sau, phái đoàn đi đàm phán trở về thuyền, chúng tôi được biết:

Đây là một hòn đảo NATUNA thuộc Indonesia, cách những đảo chính từ 50 đến 100 hải lý. Dân INDO ở đây chỉ có khoảng hơn 300 người. Đảo trưởng hay chúa đảo, có chừng hai trung đội binh sĩ giữ an ninh. Hơn một năm trước, cũng có một chiếc thuyền Việt Nam tị nạn vào đây, hơn sáu chục người. Họ phải tự túc lương thực, gần hai tháng sau mới đón được tầu rước đi, họ đói khát khổ cực lắm! Dân ở đảo hầu hết là đánh chài lưới. Chúa đảo không muốn nhận người lạ vào đảo nữa.

Có thể do chị Châu là phụ nữ, lại khéo ăn nói, nên chúa đảo chấp nhận, với điều kiện phải tuyệt đối chấp hành luật lệ của đảo và tự túc lương thực. Một số người trong thuyền có vẻ lưỡng lự, muốn ra đi tiếp về những đảo chính. Với tôi, phải đi từng bước, tạm thời ở đây mới có điều kiện liên lạc với Cao Ủy Tị Nạn. Riêng trường hợp của tôi và có thể ở một số người nữa, trong thuyền: Bất cứ nơi đâu, trên trái đất này, không có vòi con Hồng Tuộc đều là "Đất Hứa" cả.

Sau khi, hầu hết đều đồng ý, hãy lên đảo đã rồi chờ liên lạc với cao ủy. Lên đảo, nên phải đếm người. Trẻ con người lớn cả thuyền 53 người. Họ dẫn đoàn người vào giữa đảo rồi tiến vào một căn nhà sàn tương đối rộng cho 53 người. Một vài hiện tượng và hình vẽ ngược xuôi trên vách, chứng tỏ đã có người Việt ở đây và đã rời đi lâu ngày rồi. Già một nửa căn nhà trên mặt nước, tôi bước qua một cái cửa ngó sơ qua cái bếp, một số bà đang lúi húi đun nấu lại những thức ăn đã 6 – 7 ngày.

Bếp lạnh, tro tàn, lại không có củi, họ phải dùng nhữmg giấy gói đồ, nấu, đun lộn xộn. Ngay cạnh cửa sổ bếp, nhìn ra cái hẻm vịnh, thoáng bóng hai cô gái đang ngồi trên một cái bao tải áo quần.

Qua dáng dấp tôi đã biết cái cô trẻ hơn, có làn tóc dài óng mượt là người, ngủ đã gác chân lên ngực tôi. Tôi cũng muốn nhìn xem mặt cô như thế nào? Tôi còn đang loay hoay không biết làm cách nào để thực hiện lòng tò mò cửa mình một cách tự nhiên. Bỗng một bà có đứa con nhỏ, vẫn chơi với con chim "tị nạn", và đã cho gạo, quay lại thấy tôi; bà hỏi một cách sôi nổi:

- Con chim của anh đâu rồi?

Câu hỏi bất ngờ, làm tôi ngắc ngư, niềm hưng phấn được đặt chân lên đất liền, còn quấn quít, tôi hỏi lại như đùa vui:

- Bà hỏi để làm gì?

Câu hỏi lại của tôi, một giây im lặng, mọi người đều đỏ mặt, chính ngay cái bà hỏi, hai má cũng au lên mầu mận chín. Hai cô gái đều quay lại, mặt cô trẻ hiền lành, thuỳ mị như con Đức Mẹ Đồng Trinh. Cái liếc 17 hơi cau lại lườm tôi, còn vương vãi mấy sợi tơ vàng trong khóe mắt. Hồn thập thò định bay đi, tôi nói một câu giải tỏa, mà không hiểu hết ý:

- Con chim đã bay theo đàn!

Bỗng xôn xao ngoài phía cửa, tôi chạy ra, hai người lính Indo đang khênh vào một bao tải gạo đặt ở giữa nhà. Chị Châu và nhiều người xô đến: ông chúa đảo có nhã ý tặng tám chục ký gạo. Đây là của gia đình ông!

Như một luồng sinh khí cho người suy nhược, cả thuyền vui như đón ngày mồng một Tết. Cả nhà kéo ra cửa, để tiễn hai người Indo, thay cho lời cảm ơn nồng nhiệt. Người lính gác cửa và giữ an ninh, đôi mắt sáng lên long lanh, như chìm vào nỗi hân hoan của con thuyền buồm.

Bác Bang kéo hai thanh niên vào đống đồ từ dưới thuyền chuyển lên, lôi ra hai cái nồi nhôm lớn. Mọi người quyết định, ngay chiều nay sẽ nấu hai nồi cơm, mỗi nồi 10 kg gạo, ăn để bù lại 6 – 7 ngày đói khát thất thường. Những cá nhân, hay gia đình còn chút đồ ăn nào, đều tự nguyện đóng góp. Người thì ít cá khô, người thì chút tôm kho, hay thịt muối v.v. . .

Một bữa cơm ngay tại sàn nhà, tôi nghĩ rằng khó tìm hay tạo được một bữa cơm, nhiều nghĩa tình, nhiều niềm hưng phấn, như bữa cơm hôm đó, trong tương lai đối với tất cả mọi người trong thuyền. Được biết họ chỉ cung cấp muối ăn, còn gạo, củi, con thuyền buồm tị nạn hãy lo lấy cho mình.

Tuy ngôn ngữ bất đồng, tiếng Anh tiếng U của cả những người lính gác, cũng như trong thuyền như cóc kêu, thỉnh thoảng khọt khẹt một vài tiếng. Chúng tôi cũng hiểu một chút giá sinh hoạt: một lượng vàng 400. 000 Rupias (tiền Indo) 12 đ ở đây ăn 1đ VN, 100 dollars là 80.000 rupias.

Cái mà tôi tò mò, băn khoăn đầu tiên: những cỏ, hoa, cây cối, cảnh vật có khác gì với quê hương của tôi không? Vì thế, ngay từ lúc đi theo hàng, lần lượt vào ngôi nhà sàn, tôi đã sà xuống mé cửa, lấy tay lặt, vuốt mấy ngọn cỏ dại để ngắm nhìn.

Những đám trẻ con, người lớn Indo, kéo đến nhìn chúng tôi. Họ thường có nước da mầu nâu nửa mạc, cũng lếch thếch, lôi thôi như trẻ con Việt Nam thường xử dụng, chân không giầy, dép. Để giải quyết vấn đề quan trọng bậc nhất cho cả con thuyền, mấy thanh niên và đàn ông, lật vài miếng ván phía sát vách của căn nhà sàn, che chắn, tạm một chỗ cho mọi người, nhất là các bà, các cô giải quyết tự do xuống dưới biển.

Cũng đôi lúc tôi không yên lòng, ra vào thỉnh thoảng, lại va chạm vào cái lườm 17 như có điện từ, tôi đã được biết tên cô là Hằng, và người chị là Hoài. Thuộc một gia đình công chức thương gia ngày xưa, quen biết về phía vợ chồng Phạm Lộc+Liên.

Một cái giếng rất to ở giữa một vườn dừa rộng. Dừa Indo thật là nhiều và cao lêu nghêu như những cây phướn ở quê nhà. Nhìn những chùm quả dừa, mầu nâu da bí ngô, mãi tít trên cao lộng gió, như nhìn mây bay ở trên trời. Chiếc giếng cách nhà khoảng 200 mét, hầu hết đàn ông, con trai tắm giặt ban ngày; đêm khuya dành cho đàn bà con gái.

Đến ngày thứ 5 thứ 6 thì hết gạo và thức ăn cũng chẳng còn. Những người có điều kiện gia đình còn cầm cự. Tôi và một số đông các cậu, ruột gan nóng rát vì ngày nào cũng sát muối. Nhìn xuống chỗ đi cầu, dưới làn nước biển trong xanh, những khi thủy triều xuống, lảng vảng có những con cua bể to nhỏ, đến tìm hơi của lạ .

Khó khăn đẻ ra sáng kiến, đó là lẽ sinh tồn của mọi sinh vật. Mấy cậu lần mò, hý hoáy dùng chỉ buộc vào một tép tôm khô, thả xuống. Mấy chú cua tranh nhau tìm của lạ. Các cậu, hò reo kéo con cua lên, nhưng cứ lưng chừng, lại rơi trở lại biển. Thấy thế tôi lấy một cái nón của các bà, thò xuống, một cậu lại kéo con cua lên, tôi lẹ làng hứng lấy trước khi con cua nhả mồi rơi xuống.

Hôm đó, bắt được 5- 6 con, các bà giã nát ra trộn muối rang thành một món ăn, làm mở to mắt, mỗi khi ai được nếm thử.

Tuy đói, tuy thiếu, nhưng nét mặt của mọi người luôn luôn hân hoan, hưng phấn. Điều này đã chứng tỏ hùng hồn: Thà đói, thiếu mà tự do, còn hơn ăn no mà phải làm nô lệ, mất hết mọi quyền tự do.

Sáng hôm nay, tôi và cậu Thiện đi lang thang ra khu vườn dừa. Do tính sục sạo, tò mò thích tìm những cảnh lạ của thiên nhiên, tôi rẽ xuống một cái hũng rậm rạp, toàn dừa non. Thoáng thấy một cây thánh giá đã gẫy cánh trái, bằng một thanh dừa khô , có hàng chữ *Nguyễn V . .* tôi suy đoán, có thể là *Nguyễn Văn . .* chẳng có ngày tháng.

Trở về hỏi những người lính gác an ninh, tôi được biết sơ sơ. Chuyến tầu trước, có một ông Việt Nam, đến đây gần một tháng bị té dừa chết, họ đã chôn ở dưới một cái hũng. Tôi hiểu cũng như hiện nay tâm trạng mọi người, hàng trăm thứ lo lắng nhét đầy trong óc, còn tâm hồn đâu nghĩ đến những chuyện không trực tiếp?

Ngày hôm sau, tôi lại rủ Thiện mò đến chỗ cây thánh giá gẫy một lần nữa. Như thể hiện một chút nghĩa tình, của người cùng một nước. Ông hay anh *Nguyễn Văn. . .* đã bỏ nước, bỏ nhà, bỏ người thân ra đi . . . để rồi đã nằm xuống nơi một hòn đảo hẻo lánh không người biết. Bố mẹ anh, vợ con, người thân của anh có biết không? Hay vẫn tháng năm mòn mỏi đợi chờ, tin tức người ấy trở về? Đau thương nghiệt ngã này do đâu?

Hôm nay những con cua bể, có thể đã khôn ra, hay chỗ đó chỉ có mấy con, mấy giờ đồng hồ mà chỉ câu được có một con. Mấy ngày sau, ông thiếu úy trưởng an ninh, mang lệnh của chúa đảo đến:

- Do sự phản đối của người dân đảo, và sự an ninh:

Từ nay: 11-12- 82 , buổi sáng 2 giờ (từ 8:00 đến l0:00 giờ), nam nữ ra giếng tắm giặt, kiếm củi, sinh hoạt.

Buổi tối 1 giờ, (từ 8:00 đến 9:00 tối): Chỉ dành cho phụ nữ tắm giặt. Toàn thuyền phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Từ hai ngày hôm trước, do đóng góp của toàn thuyền, đã nhờ được chúa đảo mua cho một tạ gạo, giá 80.000 Rupias. Tối hôm qua, tôi và cậu Thiện mò mẫm sang mãi phía Đông, chỗ có một chòm xóm, nơi có một cửa hàng tạp hóa duy nhất của đảo.

Cửa hàng vì không có bảng hiệu nên không thể phân biệt với nhà khác bên cạnh. Một căn nhà cửa mở, vào bên trong, giữa nhà có một số kẹo, bánh đựng trong những cái chĩnh sành, một ít khoai tây, rau v.v… để trên một cái sạp gỗ ở giữa nhà. Khách vào xem, chỉ có tôi và cậu Thiện, tôi có nửa cái nhẫn cưới cần gạ bán, để có tiền đóng góp mua gạo.

Rất may, người chủ hiệu có thằng con trai 17 tuổi, học ở một trường trung học bên BRUNEI về nhà, trong dịp nghỉ nửa tháng, cậu này cũng bập bẹ tiếng Anh bằng tôi. Lúc đầu phải ngoáy tay, nhắc đi nhắc lại một chữ nhiều lần, nhưng dần dần đã hiểu nhau.

Nói về tiếng Anh, tiếng U của tôi, nó cũng nổi trôi với cuộc đời của tôi nhiều chặng. Tôi nhớ khoảng 1957- 59, do từ người bạn Nguyễn Vĩnh Lý, tôi đã chơi bạn bè Pen- Pal Corresponding địa chỉ cái Club này ở Đan Mạch. Vì vậy, tôi đã có mấy người bạn ở Mỹ, Nhật, Anh.

Khi đó thì tôi miệt mài say mê, với thư từ chữ nghĩa, chứ chưa hề nói chuyện với một người Anh, người Mỹ nào. Mãi tới đầu 1960 do những kéo, đẩy của nghề nghiệp, tôi phải tiếp xúc với Brown, Dale, và Horry v.v. . . Rồi bị tuột tay, chìm nghỉm vào miệng con Hồng Tuộc.

Tôi tự xác định, không chết sớm thì cũng chết muộn, ở trong mồm của nó. Nên suốt 20 năm tôi đã buông rơi, nếu không nói là giũ, vẩy, gần sạch cái thứ "tiếng lai căng", không phải của cha mẹ đẻ, cho nó nhẹ người. Cho nên, nếu còn sót tí nào, là nó bị kẹt, bị vướng lại, khi tôi giũ mà thôi. Tôi đâu có nghĩ có ngày tôi lại phải đi bòn mót, nhặt nhạnh nó trở lại để sinh tồn?

Cuối cùng tôi đã bán nửa cái nhẫn, được 20.000 Rupias. Một điều đã gây một ấn tượng hằn sâu, vào ký ức của tôi. Cũng buổi tối ấy, tôi đã đờ đẫn nhìn những hình ảnh trong chiếc ti vi mầu. Từ xưa suốt ở Sài Gòn, rồi tù đày ở miền Bắc, tôi chỉ nhìn hình ảnh trắng đen của truyền hình.

Tôi không thể tưởng tượng được, con người và cảnh vật ở ti vi mầu nó lại tươi đẹp, đến như vậy. Nhìn hình ảnh của ông tổng thống Shoharto, và đoàn tùy tùng của Nam Dương đẹp như những ông bà tiên, trong tưởng tượng. Tôi đứng ngây ngất ngắm nhìn Ti vi, tôi chẳng hiểu họ nói gì, tôi chỉ ngắm con người và cảnh vật, xe cộ của thành phố Jakarta.

Đầu óc tôi miên man nhớ lại trước thập niên 1970, tình hữu nghị của Hồ Chí Minh với Shokamo sôi nổi gắn bó. Đài Hà Nội khi ấy, ra rả ngày đêm ca ngợi Shokamo như một vị anh hùng, của những nước trung lập không liên kết. Tưởng như Mao Trạch Đông sẽ nhuộm đỏ Nam Dương đến nơi, không ngờ tướng Shoharto bất ngờ đem quân đội đè bẹp, tận diệt đám Tầu Cộng ở Nam Dương, mở ra nước Cộng Hòa như ngày nay.

Cả ngày hôm qua, 4- 5 cậu mà chỉ câu được có hai con cua. Năm mươi ba người hầu như chỉ còn muối, mà không có hơi cua. Tính sục sạo thích làm những việc ít hay chưa ai làm, đã thúc giục tôi. Tôi lách rồi chui xuống sàn, dùng tay để bắt những con cua có kinh nghiệm, đưa mồi đến miệng nhưng nhất định nó không cắn nữa.

Thủy triều càng cạn dần, tôi bảo các cậu buộc dây thả xuống cho tôi một cái thùng 20 lít vẫn đựng gạo. Say sưa mải mê, săn tìm những con cua trong những hốc đá, hay trong hang lỗ chỉ còn từng vụng nước nhỏ, nước chỉ tới đầu gối. Hơn hai giờ sau, tôi đã xách thùng về với hơn hai chục con cua, có những con to cả kí lô. Hẳn ai cũng biết cua bể của Thái Bình Dương, khác hẳn với cua bể Đại Tây Dương.

Cua Thái Bình Dương mầu xám xanh, hai gọng cái to và nhọn hoắt, rất nhanh và dữ. Chính những người lính Indo, cũng không tin ai dám dùng tay, để bắt những con cua bể ở dưới nước hay trong hang? Nhiều người lính Indo đã đi theo tôi, để nhìn tận mắt, và vì vậy, mỗi ngày khi nước thủy triều xuống, họ chỉ cho tôi và cậu Thiện xách thùng đi theo, được ra ngoài.

Dù tôi cũng có một chút kinh nghiệm, nhưng những con cua bể quá nhanh, quá dữ nên tay tôi cũng bị nhiều lần ra máu. Một lần tôi vẫn còn nhớ chi tiết: Một chiếc thuyền vỡ, cũ đã chìm ở một ven bờ, nước thủy triều xuống chỉ còn xăm xắp dưới đáy. Tôi biết bên dưới sẽ có nhiều hang cua, nước còn đến gần đầu gối. Tôi cúi xuống, luồn tay vào một cái hang, một con chộp cắp, vào hai ngón giữa và đeo nhẫn. Khi nó đã cắp, tay mà nhúc nhích nó càng nghiến chặt hơn, vậy chỉ còn cách chịu trận đứng yên rồi nghe, chờ thấy nó hơi nhẹ nghiến (vì nó cũng mỏi) giật mạnh tay ra. Nhưng con cua này, không biết to bao nhiêu, nó cắp tay trái của tôi rồi, lại cứ lôi sâu vào trong hang.

Người tôi thì cúi, hai chân chịu trận hàng mười phút, con cua lại cứ lôi tay tôi vào tiếp. Lưng mỏi, tay đau, lại không được nhúc nhích, tôi nổi máu liều, tay phải tôi xục xuống đất cát, lựa thọc vào phía trong hang, rồi xục tay lên. Mục đích để chặn không cho con cua kéo tay tôi, vào thêm nữa. Không ngờ, có một con khác, không hiểu vợ hay chồng của con đang cắp tay trái, nó cắp ngay ngón trỏ và ngón cái, tay phải vừa đau, hai chân mỏi quá, tôi phải khuỵu quỳ xuống nước. Hai tay chịu trận hai con cua cắp, mặt tôi cố ngửng lên để mũi không gục xuống nước.

Biết cậu Thiện đứng ở trên bờ, nhưng không ai cứu được tôi lúc này cả. Vả lại, cậu Thiện hay ai dám thò tay vào với cua bể? Tôi đã nhìn thấy máu loang ra nước nhưng vẫn phải cắn răng, không dám động đậy.

Hơn hai chục phút, tôi nghe ngóng con tay trái cắp mãi, chắc cũng đã mỏi, nó lơi lỏng, tôi giật mạnh tay ra. Lấy tay ra khỏi nước, mà máu vẫn rỉ chảy có giọt. Con tay phải hơi nhẹ nghiến tôi lại giật được ra, nhìn hai tay đều bị chảy máu, nhưng lòng tôi khó chịu lắm. Hai tay bị thương, mà hai con cua vẫn không bắt được Cậu Thiện ái ngại nhìn tôi, cản lại:

- Thôi anh ơi? Đi bắt con khác?

Tôi nhìn thoáng thấy một thanh gỗ con mục, dài đến 50 phân, tôi chạy đến, cởi phăng cái áo của tôi, dùng thanh gỗ giấn, chẹt lấy phía cuối hang cua. Áo cuốn tay, thò vào, sau vài phút, tôi đã lôi được cả hai con cua chồng vợ vào thùng. Hai con cua đang thời kỳ sung mãn, mẩy chắc nịch, mầu đất sét.

Khi về nhà cả thuyền vây đến coi. Giữa sàn, tôi bắt hai vợ chồng con cua, ra ngoài trình diện. Mấy cậu thanh niên đi ba ta, đi dép, lấy chân định đè nó xuống sàn, nhưng nó nhanh như cắt, đã chộp lấy dép, lấy ba ta, làm các cậu giật hất tung cả giầy, dép ra sàn. Các cậu và nhiều người, không nghĩ là nó dữ và nhanh, như thế. Đấy là ở trên bờ, khi nó đã bị bắt, chứ dưới nước như hổ ở trong rừng, là đất của nó, nó còn hống hách làm tàng, đến độ thế nào.

Các bà, các cô và trẻ con chạy vón, dạt vào sát vách. Một cái tay phía sau để nhẹ vào vai tôi:

- Bình bạo gan thật!

À ! Ra anh Trường!

Không ngờ có anh Trường trong thuyền, hôm nay tôi mới gặp. Tôi quay lại cầm tay anh vồn vã:

- Bạo gan làm sao bằng anh được? Có chị và các cháu không?

Mặt anh buồn rười rượi, lắc đầu, chúng tôi đã kéo nhau ra phía sau hàn huyên nỗi niềm. Đầu tôi luẩn quẩn một ý nghĩ xanh mầu trời: ” Một người đã lách ra khỏi bùa mê, thuốc lú, độc dược, của con Hồng Tuộc “.

Hai tay của tôi máu vẫn còn rỉ ra, các bà đưa ra một sáng kiến, sẽ khâu cho tôi một cái túi tay, bằng vải dầy, đôi tay của tôi đã bị nhiều vết sứt sẹo do cua cắp. Có thể do máu của tôi lành, phần khác nước biển mặn, diệt trùng nên chỉ một vài ngày là khỏi.

Dù chưa khỏi sưng, khỏi đau, ngày nào nước thủy triều xuống tôi vẫn đi bắt cua. Tự nhiên tôi trở thành một người giải quyết thức ăn cho cả con thuyền. Nhiều cậu, nhiều bà thường đùa vui gọi tôi là ” vua cua ” rồi trở thành cái tên ở trong thuyền. Các bà, các cô làm đủ mọi kiểu: Rang muối, luộc, nướng, cắt ra từng miếng đập dập v.v… Lúc đầu còn háo hức, dần dần mọi người phát sợ, ngấy lên vì cua. Sáng ăn cua, chiều cua, hôm sau lại vẫn cua, nhất là tôi mới phát hiện ra một cái mánh bắt cua bể.

- 47 -

ĐẤT NƯỚC VẠN DỪA

Một buổi, như mọi khi tôi và Thiện ra mãi vùmg xa, cách nhà đến một cây số. Một ven biển dài khi thủy triều xuống, lè ra bao nhiêu bãi đất cát. Chăm chú, tôi chợt nhìn thấy như con ruồi trâu, nhúc nhích trên cát và đất. Tôi vẫy tay cho Thiện cùng ngồi xuống, yên lặng. Rõ ràng con ruồi nhổ lên, rồi lại chui xuống cát, tôi từ từ tiến đến, và bà con ơi ! Là hai cái mắt của một con cua bể kềnh.

Chúng tôi chỉ cần ngồi im, quan sát, sẽ thấy những cái mắt cứ thò lên nhìn, rồi lại cụp xuống. Tôi chỉ việc lẹ làng bới cát, là một chú cua nằm đấy, căng phồng, vàng óng như lụa Hà Đông. Tôi suy đoán, những con cua này, vừa khôn lại vừa lười, nước triều xuống, việc gì phải chạy theo nước, rồi lại phải trở lại theo nước?

Tại sao, chỉ cần bới cát rồi đằm mình xuống đấy, vừa được nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng mơ màng, chỉ một lúc là nước lại lên như cũ, bấy giờ chỉ cần lách ra kiếm ăn như thường. Như thế, cái tốt, cái lợi chẳng phải lúc nào cũng dành cho cua khôn, cua lười!

Một việc chiều hôm qua, vẫn còn vấn vít hồn tôi cho đến bây giờ. Tôi ngồi ngoài một cái chái hồi phía sau cửa nhà bếp, tay mân mê xoa nắn ngón tay, vì hôm qua một con cua kẹp khá lâu hãy còn sưng tím. Cô Hoài, cô Hằng cùng với một cậu bé chừng 10,11 tuổi mặc quần đùi, ngập ngừng đến trước mặt. Cô Hằng giơ ra hai cái túi con, mầu lá mạ xinh xinh, mặt cô hồng lên như mới tăng thêm máu, giọng rụt rè:

- Chú … mang thử… có vừa không?

Bàng hoàng, tôi lúng túng ra mặt, mãi tôi quýnh quáng chưa xỏ buộc được. Cô Hằng đã ngồi xuống xỏ vào tay tôi. Nhìn đôi bàn tay "ngó cần", mó máy, ngọ nguậy trước mặt, hồn tôi cứ thập thò định lỉnh ra ngoài.

Chẳng muốn, nhưng hình như, tôi cũng bị bơm máu lên, mặt tôi nóng bừng bừng. Cô đã thấy tay tôi run run, nên cô nhìn thẳng vào mắt tôi như đóng đinh, tay cô bóp nhẹ ngón tay trỏ của tôi. Tôi ngửng nhìn, hãy còn những hạt phấn vàng óng ánh vương vãi phía đuôi con mắt của cô.

Tôi không tìm được một lời nào để nói, nên tôi càng như đang bay trong mây, để rồi cả ba người đã kéo nhau đi, mà tôi vẫn ngồi yên. Tôi chợt, định với theo để cảm ơn, nhưng họ đã vào trong nhà rồi. Trở lại chỗ ngồi, khe khẽ, nhè nhẹ, tôi tụt hai cái túi ra gấp lại.

Hai cái túi như được hấp, được giầm trong làn hơi đặc quánh của búp sen 17, nó còn ngạt ngào, quyện quấn chung quanh. Tôi cứ ngồi bần thần để nghe tiếng đời xua động, và tiếng kẽo kẹt, của võng lòng đu đưa, thì em Hoa lù lù, một tay bế con gái Mai Lynh, một tay dắt mẹ tôi, tiến đến.

Như vỡ toang một giấc mộng ngày, tôi đứng lên, chậm chạp đi vào nhà, để rủ cậu Thiện đi làm nhiệm vụ cho cả thuyền.

Tôi với cậu Thiện vừa ra đến mom đảo, nghe nhiều tiếng kêu quen thuộc *khu… oách, khu… oách*. Một đàn hải âu, cánh vàng ửng dưới ánh chiều đại dương, chúng chao đảo, ngang dọc trên cái nền xanh "ái ân" của bầu trời. Cảm thấy khác thường với mọi khi, tôi ngửng lên cố tìm người bạn quen thuộc ngày ấy, nhưng đành chịu, con nào cũng như con nào. Một thoáng vấn vương trong lòng: Đã hơn một tháng rồi, chẳng biết con chim "tị nạn" bây giờ ở đâu? Nó có bạn mới chưa? Cuộc sống đã ổn định và gặp may mắn không? Tôi cứ đi trong huyễn tưởng, bất chợt giọng cậu Thiện đã giật tôi trở về:

- Anh Bình! Con chim của anh kìa?

Tay cậu đang chỉ về phía sát mí nước, sáu con hải âu, đang đứng như xếp hàng nhìn về phía chúng tôi, rõ ràng có con " tị nạn " thật! Làm sao tôi quên được vệt cháy xạm đen, trên cánh của nó.

Tôi đã bỏ cậu Thiện, để tiến đến đàn chim. Chúng nó như không biết sợ người, tôi ngồi hẳn xuống, năm con hơi giãn ra, nhưng con " tị nạn " vẫn đứng yên ngắc ngư cái mỏ, nhìn tôi. Không kìm được lòng, tôi ôm lấy con chim, nó mập và lông óng hẳn ra, đôi mắt mầu vàng bây giờ như có viền một chút mầu xanh tương lai.

Hai tay tôi ôm, ủ con "tị nạn" vào lòng, tôi đưa hẳn nó lên gần mắt, để nhìn cho rõ cái mặt và cái mắt đầy thoải mái, nhàn du, nhởn nhơ của nó. Tôi lại muốn hỏi nó:

- Mày là con trai hay con gái!

- Mày đã có bồ chưa?

Cũng như lần đầu gặp nó, tôi đành chịu và tự suy đoán. Điều chắc chắn tôi nhận thấy, là bây giờ nó đẹp và tươi hơn khi cứu nó trên ngọn cây cột buồm, trong một trận giận khùng của biển khơi. Tôi tự hiểu mỗi người, kể cả chim đều phải có trách nhiệm với cuộc sống của mình. Tôi phải đi với cậu Thiện để lo cho thuyền, và hẳn con tị nạn cũng phải giải quyết thích ứng với

bạn bè của nó. Tôi mừng vui vì con chim có cuộc sống như ngày nay, có một phần nhỏ, góp công sức của mình.

Tôi đã đưa con chim lại chỗ đàn chim, để xuống bãi cát, tôi trở lại kéo tay Thiện xuống một cái hẻm, có nhiều hang cua. Trên trời vẫn những tiếng *khu… oách…, khu… oách…* níu chặt vào gió mặn, của đại dương.

Thật là hưng phấn cho cả con thuyền, tin của chúa đảo cho hay: "Cao Ủy tị nạn sẵn sàng đón nhận đồng bào đến Kuku, nhưng Cao Ủy không có phương tiện đón. Do đó trong thuyền tự đóng góp sao có 160. 000 Rupias, tương đương với 200 dollars giai đoạn ấy".

Do tinh thần đùm bọc truyền thống của dân tộc, người có hoàn cảnh, người không. Người nhiều, người ít đều đóng góp, đã đủ số ngân khoản, mà chúa đảo yêu cầu.

Trong những ngày chờ đợi thuê tầu, cậu Sinh, một cậu chừng 24- 25 tuổi ở ngay vùng Chu Hải. Cậu cũng từng vật lộn nhiều với núi đồi, biển cả của Vũng Tầu, hôm nay cậu trổ tài leo lên một cây dừa cao ngất, hái về hàng mấy chùm dừa tươi. Tôi chợt nhớ đến anh Nguyễn Văn . . đã nằm lại đảo vì trèo dừa. Tôi đi theo sát cậu Sinh, để lượng định những điều có thể.

Cũng thật là thiên phú, đôi chân của cậu như một con vượn, thoăn thoắt leo tít lên mãi trên mây, cả tầu không ai làm được, mà ngay người Indo cũng lắc đầu, mở to mắt mà nhìn. Thành ra gần ngày đi, thức ăn đã có dừa kho, dừa ăn vã. Cái điều tôi băn khoăn là, tại sao từ hàng tháng trước, thức ăn chỉ có muối, Sinh không đi hái dừa cho bà con? Một hôm, tôi lựa lời hỏi thẳng, thì Sinh đã cười như ngỗng đòi ăn:

- Cua biển ăn mới ngon, dừa chỉ chống đói! Vả lại khi ấy, em hay bị đau bụng!

8: 00 giờ sáng mai, 21-01-1983 tất cả thuyền sẽ ra tầu về đảo Kuku, một điểm đón nhận người tị nạn của những năm đó. Mới 6 giờ tôi đã dậy, ra ngoài làm vài động tác hít thở, tôi vẫn duy trì từ ngày còn ở trong tù. Nhìn những miếng giấy vụn, manh chiếu rách, miếng giẻ đã hết thời, vất, ném đây đó. Tôi vào gặp bác Bang, anh Nghĩa và cả Phạm Lộc, tôi đề nghị:

- Để thể hiện lòng tự trọng dân tộc, chúng ta hãy hô hào bà con mỗi người một tay hãy dọn sạch sẽ khu vực chúng ta đã ăn ở hơn một tháng nay. Nếu không làm được sạch, đẹp, gọn ghẽ hơn, thì phải làm như khi chúng ta mới đến căn nhà này.

Bác Bang và tất cả đều đồng ý, bác hô hào bà con, và chính bác cũng đi nhặt từng cọng rác. Chỉ một giờ sau, căn nhà sàn rộng nhớp nhúa, bừa bộn đã sạch sẽ gọn gàng. Dù người khó tính nhất, cũng phải nở nụ cười.

Mọi người đã ôm đồm, bế bồng con cái ra xếp hàng dài phía trước cửa. Anh Nghĩa, chị Châu và Phạm Lộc dẫn đầu ra, về phía cầu tầu Trong lúc tôi đang lúi húi vơ vài chiếc quần áo cũ và mấy thứ lặt vặt, cho vào chiếc tay nải đã rách, thủng vài lỗ, cô Hằng lẹ đặt một cái túi xách bằng nhựa mầu xương rồng, trước mặt tôi. Mắt cô nhìn tôi như muốn "photocopy", miệng ngập ngừng, khe khẽ:

- Chú… dùng đi!

Nói rồi, cô vội vàng lách vào trong góc nhà, tôi cũng chẳng cảm ơn được, như khi cô đưa hai chiếc túi tay. Không nói được lời nào nên đã gói lại, dồn sâu vào mãi trong cùng, chỗ trân quý nhất của tôi.

Chiếc tầu nhỏ mầu cánh cam đang nhấp nhô, thở khò khè ngoài bến bãi. Từ xa, tôi đã nhìn thấy ông chủ đảo và mấy người lính bên cạnh chiếc tầu. Phải nói là canot thì đúng hơn, nó chỉ nhỉnh hơn chiếc thuyền buồm của chúng tôi một ít.

Một đám người dân Indo quanh vùng, cả mấy đứa nhỏ, cũng ra tiễn hay tò mò, nhìn đám người bất hạnh, đã đánh mất quê hương? Ông chủ đảo đã vồn vã bắt tay từng người, cả những đứa nhỏ tí còn bế trên tay. Chúng tôi xin cảm tạ những người dân Indo anh em, các người đã dậy cho chúng tôi thế nào là tình nhân loại. Con tầu đã rời bến, nhìn về hòn đảo Natuna hiền hòa, như một dấu ấn khắc ghi, vào tâm hồn một đời, cho những ai lỡ đường ghé đến.

Hàng chục con hải âu trắng toát, vùng vẫy trong gió lộng, với những tiếng *khu … oách , khu … oách , khu… oách*, quyện vào tiếng sóng gào. Tôi cố dõi mắt nhìn từng con như muốn tìm, như băn khoăn thấp thỏm, vương vấn hồn vào đám mây trời trên cao. Mọi người đã xuống hết dưới khoang tầu, tôi vẫn còn ngồi phía sau chòi hoa tiêu, rõi nhìn hòn đảo Natuna mờ dần.

Tầu rời bến chừng mươi phút, rõ ràng, lẫn vào lớp sóng bạc đầu có hai chấm vàng sậm, rõ dần là hai con Hải Âu. Tôi đến ngỡ ngàng, mỗi con sà đến đậu vào một bên vai của tôi, cánh nó khỏa đập cả vào tai, vào đầu tôi. Ối giời ơi! Con " tị nạn " chiếc cánh bị cháy xém đã mờ, nó vừa thở vừa nhìn tôi, cái mỏ cứ cắp vào tai tôi như trách… Sao đi mà không cho nó biết ! Hay như xin lỗi… nó đến chậm? Tôi tự suy đoán. Còn con kia, đôi mắt hiền như bồ câu, hay sáo đá, có vẻ e ấp như một cô gái, lông má đã nhú dài.

Như vậy, đã cho tôi hiểu con chim ” tị nạn ” là một anh chàng. Vậy cái con ở lại Chu Hải Việt Nam là bồ hay là vợ? Tại sao không cùng đi oversea với chồng? Do con ” tị nạn ” đẩy lại, phải về nhà với con, hay cô ả ” nhát ” ở lại, hoặc lưỡng lự hai lòng?

Con ” tị nạn ” cắn mạnh vào tai tôi, rồi bay lên cùng với con kia. Hai con lượn một vòng quanh chiếc tầu, rồi sải cánh chui vào mây trời với những tiếng *khu… oách, khu… oách* rớt lại.

Thoáng một bóng người, trong phòng hoa tiêu lách ra, cao lớn mầu da bánh mật, chừng 4 chục. Y nói líu ríu cái gì nghe như : Khoét … loét … choét… Tôi chẳng hiểu gì cả . Chắc ông ta đã thấy nét mặt của tôi …. nên ông ta cũng là con cóc cố kêu được mấy tiếng : I . . .am . . . verry . . . surprised ! Với đôi mắt mở to nhiều lòng trắng. Tôi giơ tay ” shake hand ” rồi lí nhí kêu : Thank . . . You ! Tôi mỉm cười với ông ta . Vội vàng tôi cũng mò xuống dưới khoang.

Chừng 4 giờ sau, tầu ghé bến Kuku. Nhìn ngay bến tầu, vóc dáng nhà cửa, tôi đã hiểu Kuku là một hòn đảo lớn hơn nhiều lần Natuna, thậm chí còn thấy xe đạp, mô tô chạy qua lại. Một số người lố nhố ở cửa bến tầu, lẫn mũ Kê-pi mầu đen trắng, với mũ mầu chiến trường.

Chúng tôi phải đi lên đảo hàng một, để họ điểm người.

Cũng chị Châu, anh Nghĩa và Phạm Lộc dẫn đầu để giao tế. Đoàn người rẽ phía phải vào một căn nhà, mọi người lần lượt đến một bàn giấy có 3 người Indo để khai tên tuổi.

Tôi nhìn hai bên cửa, có hai tấm bảng to phủ lưới thép, trong bảng có nhiều loại giấy tờ:

- Giấy chứng minh nhân dân.

- Giấy khai sinh.

- Giấy bệnh viện chợ Rẫy.

- Giấy thông hành.

- Giấy có những tấm hình v.v. . .

Trên bảng có ghi chữ to, bằng phấn trắng:

” Nếu ai biết những người có giấy tờ này, hãy báo tin cho gia đình, họ đã chết ở biển Indo “

Tôi đọc thoáng có những cô gái 20 tuổi ở đường Cô Giang Sài Gòn, một ông 40 tuổi ở Bến Tre, một bà 35 tuổi ở đường Lê Văn Duyệt Cầu Bông. Nhìn đọc những giấy tờ, lòng tôi trĩu nặng đầy vơi về kiếp người, về nỗi ai oán thương đau của dân tộc. Gia đình thân nhân có biết rằng những người này, chạy trốn cái vòi hút máu của con Hồng Tuộc, đi tìm tự do, nhưng đã không may chìm vào lòng biển cả, trong những trận bão hay cướp biển hãi hùng?

Đàn ông con trai vào một buồng, đàn bà con gái vào một buồng, được lệnh phải cởi hết quần áo, xếp hàng lần lượt đi qua một bàn giấy.

Phía đàn ông chúng tôi, có người ngượng ngùng chưa cởi những quần si-líp. Nhưng rồi mọi người đều phải cởi hết, có một tên Indo mặc áo blouse trắng, bắt chổng mông, nắn chim khám xét Tôi không biết phía bên phụ nữ đàn ông hay đàn bà khám?

Thôi thì những người mất quê hương, phải gánh chịu những niềm tủi nhục này, mỗi người mặc lại áo quần. Sau đấy tất cả được dồn vào một buồng rộng, lần lượt đến một bàn giấy rộng, có mấy người mũi lõ, mắt xanh để khai báo lý lịch, thân thế với đại diện Cao Ủy Tị Nạn.

Tôi nhớ đến lượt tôi, khi họ hỏi anh bị đi cải tạo mấy năm? Tôi nói bị tù 18 năm, cái ông Cao Ủy quắc mắt hỏi lại:

- Tại sao lại là “eight”?

Theo họ, người tù nhiều nhất khi đó cũng chỉ 7 năm, từ 1975-1982, tại sao tôi lại 8? Tôi đã trả lời:

- Không phải eight mà là eighteen!

Cả ba, bốn người đều mở to mắt, kể cả chị Châu ngồi đấy thông dịch cũng ngạc nhiên, để rồi tôi thành cái tên “ông tù 18 năm” độc nhất thời gian ấy, ở Indo.

Xong hết, chúng tôi được dẫn đến một khu có hàng rào thép gai, cách đấy 300 mét, trong này có hai căn nhà gỗ lợp tôn to, họ gọi là barrack. Trong barrack có những sàn gỗ, một vài vết tích, tôi đã hiểu trước đây có những đợt người vượt biên ở rồi. Đặc biệt bên cạnh có một nhà thờ con nho nhỏ, bụi bám đã lâu ngày.

Tôi và cậu Thiện đã kiếm được cái chổi cùn, quét dọn sơ sơ, cậu cũng theo đạo Thiên Chúa, nên chúng tôi đã quỳ gối cảm tạ Chúa, chúng tôi đã đến nơi này an toàn. Không ngờ, cũng có nhiều người khác trong tầu, vào quỳ dưới cây thánh giá, cả gia đình bác Bang, cậu Sinh, một số ông già, bà cả. Tôi rủ cậu Thiện ra ngoài lang thang đến một hẻm đồi, có cây thánh giá to, nơi đây có 7 ngôi mộ cỏ dại, lá khô đã phủ dầy. Hai cây thánh giá con thứt theo, ghi tên người Việt. Như vậy hẳn đây là những người bất hạnh, nhưng vẫn còn một chút thỏa lòng, được gửi xác trên mảnh đất tự do, ngoài nanh vuốt của con Hồng Tuộc.

Tôi và cậu Thiện đã cúi đầu, như chào, ngậm ngùi cảm thông với các vị nằm trong mộ. Thoáng có bóng người, làm cho tôi đến đờ đẫn bàng hoàng. Cô Hằng và cậu bé, cô thường dắt theo. Nét mặt hiền dịu "con Đức Mẹ" lấp loáng trong làn tóc huyền giẫy giọn, với gió chiều Kuku, đã làm cho nơi vắng lặng khô cằn, đìu hiu này, như nở một nụ cười rạng rỡ hẳn ra. Tôi đã đến bên xoa đầu em nhỏ, nói nhè nhẹ, như hỏi:

- Cô Hằng … cũng là công giáo?

Mặt cô lại tăng máu, cứ au lên, lí nhí:

- . . Cháu ….. không phải!

Ý tôi định cảm ơn cô, đã cho tôi túi xách và đôi túi tay, nhưng lại nói ra ý khác:

- Cảm ơn…Hằng … .đã đến thăm viếng… những người bất hạnh!

Môi cô như mím lại, dẹp ra, mắt hơi cau lại nhìn tôi, như muốn "ăn", làm cho hai tay tôi như quờ quạng giơ lên, đẩy ra. Tôi đã kéo tay cậu Thiện lủi vội ra về. Cô Hằng và cậu nhỏ cũng theo ra. Có lẽ cô chẳng yên lòng đứng lại nơi cô tịch, với những người đã nằm yên?

Ngay chiều tối hôm ấy, dưới ánh trăng 18 của Kuku, tôi kéo vợ chồng Phạm Lộc ra chiếc cầu gỗ phía sau barrack. Ngồi nhìn chị Hằng Nga nhấp nháy, trong nước triều dâng mấp mé, tôi đã trang trọng nói với, cả hai vợ chồng Lộc:

- Dưới mặt trăng và trên chị Hằng (một chị Hằng dưới nước), tôi xin cúi đầu biết ơn Lộc + Liên, lời của một người tự trọng hàm ơn. Khi đến nước thứ ba, tôi sẽ nỗ lực với trí óc và đôi bàn tay, bằng mọi cách tôi sẽ thanh toán 3 cây vàng ân tình, ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống.

Cả hai vợ chồng đều cười rộ:

- Chúng em đã đòi đâu? Còn 6, 7 người nữa ở trong thuyền, nhưng anh là người nói đầu tiên, chúng em vui lòng rồi?

Khoảng 5 ngày sau, một đêm tôi đang mê mệt trong giấc ngủ nhiều mầu xanh dương, tôi giật mình thức giấc. Tiếng gào, tiếng rú của gió Kuku, xa xa nghe tiếng biển, sôi lên ùng ục. Gió réo vào mái, vào vách, mưa như đổ nước, căn barrack rung lên như động đất. Chiếc thuyền 61 người tối hôm qua ghé đến Kuku, đang ở banack bên cạnh. Mấy ông bà chạy túa ra cửa nhìn nhớn nhác.

Barrack bên này cũng nhốn nháo dậy cả, dưới ngọn đèn 100 watts của cả khu, hai bên nhìn nhau bằng những đôi mắt chẳng có lòng đen. Chẳng ai nói một lời, nhưng hẳn tự thầm suýt soa nổi da gà: ” Nếu thuyền mình còn ở ngoài khơi, chắc chẳng còn nhìn nhau bằng những đôi mắt thất thần ?”. Gió hung hãn xoáy rồn rột như cây đổ, đá rơi.

Sáng sớm hôm sau, tin tức còn tối đất, do phòng kiểm thính Kuku, có một chiếc tầu chở 106 người đã chìm xuống đáy biển bên phải đảo Binkulu, cách Kuku 16 hải lý.

Xin cảm ơn những tâm hồn “đứng thẳng” của các vị Cao Ủy ở Indo. Mới tờ mờ sáng, một chiếc tầu của Cao Ủy với dáng dấp của mấy vị đã xét hỏi tôi mấy ngày trước, họ đã rẽ sóng tiến về Binkulu, may ra còn cứu vớt được người nào. Cả hai con thuyền 53 người và 61 người đều ra mé biển, ngóng về hướng con tầu đắm, cầu xin trời Phật hãy cứu giúp những kẻ khốn cùng.

Mãi gần buổi chiều, con tầu Cao Ủy mới trở lại, tôi làm sao quên được cái hình ảnh một đời. Cái ông Cao Ủy bụng to, bước lên bờ đầu tiên, tên ông là Bob người Canada, người đã đếm đốt ngón tay cười với tôi, khi biết tôi tù 18 năm: ” Như thế cả tuổi trẻ của anh trong nhà tù? “.

Ông Bob hai tay cầm hai cái que gỗ dài, mỗi que xọc đeo hơn chục chiếc dép, guốc xanh đỏ, cả dép Thái Lan. Theo ông, tầu Cao Ủy đã cố công tìm kiếm phía sau đảo san hô Binkulu. Chỉ có hơn một chục xác chết đàn ông, đàn bà, con gái trẻ con dạt vào bãi, vài chục chiếc dép guốc rải rác đó đây, còn tất cả, cả con tầu đều biến mất, chỉ còn nước với trời.

Điều đặc biệt, tầu đã kiếm được một người duy nhất còn sống, anh ta nằm rúc đầu vào một tảng san hô. Khi lôi ra thì tim anh còn đập, nhưng không hề biết một điều gì, trong giấy tờ tên là Lý Minh, người Việt, gốc Tầu 34 tuổi. Cao Ủy đã đưa trước về phía bên kia Kuku, có bệnh xá.

Do tính sục sạo tò mò, ba ngày sau, tôi đã rủ cậu Thiện đi bộ hơn ba cây số, đến tận bệnh xá, để nhìn cái người duy nhất còn lại, của một chuyến tầu

định mệnh 106 người. Sau một lúc tìm tòi thăm hỏi, chúng tôi đã đến chỗ giường nằm của cậu Lý Minh, mặt và mắt của cậu trắng bệch như không còn máu. Có thể quá hãi hùng nổi chìm trong nước, trong những cơn sóng thần sầu, để rồi thần biển đã nhét đầu cậu vào một tảng san hô.

Cả 106 người, chỉ còn một mình cậu sống sót, nhưng hồn vía cũng chẳng còn. Không biết bố mẹ cậu, vợ con cậu, anh chị em của cậu, có cùng đi chuyến tầu xóa sổ này không? Có chăng chỉ xin hỏi ông trời, nỗi uất nghẹn thương đau này vì đâu?

Tôi vừa về tới barrack thì cậu bé đã đến bên, ghé tai:

- Chú ơi! Chị Hằng mời chú, ra phố uống nước!

Ngạc nhiên, đắn đo, nhưng những chuyện khác thường vẫn có sức lôi cuốn lòng tôi, nghĩ thế tôi đã gật đầu với cậu bé. Cậu bé về một lúc, Hằng và cậu bé đi ra phố, tôi để cho Hằng đi một quãng, tôi đi theo.

Cô Hằng như có mắt phía sau, cô đi vòng đến gần một đồn cảnh sát, nơi có một số nhà, mấy cửa hiệu tạp hóa. Đặc biệt chỉ có một tiệm bán đồ giải khát, thấy cô và cậu bé ngồi mãi một cái bàn phía trong, tôi cứ tiến vào. Trước mặt cô và cậu bé, mỗi người có một lon Coca với cái ly, một lon và một ly để đối diện, cô đã giơ tay mời tôi ngồi.

Thực sự, tôi cũng chưa bao giờ nhìn thấy Coca, chứ đừng nói là thưởng thức, tôi cũng nói thực, tôi chưa hề uống cái loại này. Cô vừa mở, vừa rót vào ly cho tôi và cũng chân thành:

- Hằng… cũng mới uống một lần ở …. Sà i Gòn !

Hôm nay Hằng lại xưng tên, tôi cũng ngập ngừng nhìn vào đôi mắt nhiều điện từ, hỏi thẳng:

- Làm sao … tôi được ngồi đây … hôm nay?

Hằng nhìn ra một khung trời, ngoài cửa sổ:

- Để mừng … chúng ta còn sống … và cảm tạ đất trời !

Tôi vẫn không rời đôi mắt, nhiều điện thế:

- Rồi sẽ đi … .một con đường thật dài !

Hằng đã biết ý lấp lửng, nên cắm cô hơi ưỡn ra một cái, một tí lưỡi đỏ lè ra giữa cặp môi mím, giống hệt một nụ đào đầu xuân bất đầu hé. Tôi quờ quạng, vớ vào ly Coca đưa lên miệng, như muốn đè bớt nguồn rạo rực bốc lên hừng hực. Giữa lúc ấy, vợ chồng Phạm Lộc từ ngoài cửa bước vào. Đôi mắt của Lộc +Liên quắc lên như xì khói, nhìn Hằng và tôi, rồi quay ngoắt ra.

Cậu bé, tôi đã biết tên là Thành, gọi với theo: ” Cô Liên ơi! “

Nhưng hai người như không nghe thấy, đi khuất vào đám đông.

Tôi đang dự định uống hết ly nước, rồi kiếu từ, nhưng thái độ của Lộc + Liên, tôi lại ngồi lại nữa. Nụ đào hơi nhếch lên như cười nhưng rèm mi hơi khép lại, nét mặt rắn cương ra. Hằng quay lại tôi, rành rọt:

- Chú … có thích thiên nhiên?

Câu này đáng lẽ tôi hỏi Hằng, nhưng tôi lại nói một câu không đâu:

- Trăng nước Kuku vừa dữ lại vừa hiền!

Hằng nhìn như muốn vẽ, vào miệng tôi:

- Chú có thể … .nói rõ với Hằng?

Cô này có trình độ, nên tôi cứ thực lòng:

- Tôi ngắm mãi nàng trăng tối hôm qua, nét mặt chất phác hiền hòa, nhưng tôi có một cảm giác không lành. Dù bộ mặt như ” ma soeur ” nhưng cứ nghĩ chuyến tầu 106 người, tôi lại thấy nàng trăng Kuku nhiều bí hiểm.

Đã hơn một giờ chuyện trò ngoài quán nước, tôi xin từ giã, vì có hẹn với cậu Thiện. Được biết cô Thu Hằng ở phía bên Tân Thuận, vì trục trặc hơn hai năm, nên bây giờ cô vẫn còn đang học lớp 11. Tôi cũng hơi ngạc nhiên về thái độ của vợ chồng Lộc+ Liên; định hôm nào thuận tiện, tôi sẽ hỏi thẳng.

Giống như tối hôm qua, lại một mình tôi mò ra phía cầu gỗ phía sau barrack, để nhìn nàng trăng lạ Kuku. Để nghe nước biển chuyện trò với gió lộng và để nhìn về phía quê hương, và có lúc lắng đọng để nghe lòng mình nhún nhẩy, đong đưa với cảnh đời mới.

Quê nhà đã vào tháng củ mật nên đêm thật dài, mới hơn 6 giờ chiều chim muông đã sải cánh về tổ ấm, gà qué đã ậm oẹ lên chuồng.

- 48 -

VÕNG LÒNG ĐU ĐƯA

Mãi 8 giờ chị Hằng mới mò lên chịu soi gương xem mặt mình. Nước triều lênh láng, gió dìu dịu như đèn cạn dần dầu. Tiếng quậy của một con cá ở dưới cầu, tôi ngoái lại, một làn hương lạ, quyện vào gió chiều. Tôi không tin được, trong bóng tối sáng lờ mờ, cô Hằng đang lò dò tiến ra cầu, dáng đi rụt rè vì sợ té hay vì ngại ngần? Vì cái gì, tôi cũng quay lại. Tôi đã cầm tay Hằng dẫn cô đi một đoạn cầu, không biết tay tôi run hay tay cô run, nhưng rõ ràng mát như lụa, mát như cái cảm giác ban đầu cô ngủ mê, gác chân lên ngực tôi.

Cái buổi ban đầu… lưu luyến ấy
Ngàn năm… chưa dễ … đã ai quên?

(ai quên hay quên đi tùy theo tâm trạng)

Chỉ một đoạn cầu, ý tưởng của bác Nguyễn Bính đã sồng sộc, xốc vào hồn tôi. Do mỗi người đều có lòng tự trọng nên tôi và Hằng đã ngồi cách xa nhau một cánh tay. Cô Hằng giọng ngọt như nước mưa đầu mùa:

- Chú …. hay ra đây ngồi một mình?

Nhìn làn tóc óng ả đen huyền, mềm như sóng lùng trong vụng, tôi nôn nao, thở nhè nhẹ, lẫn vào gió:

- Để.. nhìn về ….quê hương!

Hằng "hứ" lên một cái, nghe như tiếng con nai tơ "hực" lên mỗi khi gặp con dê mật, đang gãi sừng trong rừng thu. Nhìn vào hai đốm sáng, tôi hỏi đùa:

- Đã khi nào Hằng nhìn thấy ba mặt trăng một lúc chưa?

Giọng cười khèn khẹt như gà già mới biết gọi trống:

- Thôi! " Đốt " chú đi!

Tôi định nói cho vui như nỗi niềm hơ hớ nhựa trong lòng: "đốt " tức là " nướng ", vậy Hằng định ăn hết hay một nửa? Nhưng khi nghe những tiếng cười khúc khích của mấy đôi, phía bên cầu barrack kia, tôi nói như giải lý nghiêm trang:

- Một chị Hằng ở trên trời, một chị ở dưới biển và một cô em Hằng ngồi trước mặt!

Trong barrack tự nhiên có tiếng đập vào cửa phành phạch liên hồi, như tiếng xe bình bịch nổ máy. Hằng đứng lên. Đưa Hằng trở vào rồi, tôi trở lại, ra cầu tiêu. Tôi đã chỉ cho Hằng một ngọn thông cao nhất, trong một khoảnh rừng non sát mé biển. Xa chừng 300 mét phía trong phố, để cho Hằng yên lòng, tôi nhấn mạnh rõ ràng: ”Đúng 6 giờ chiều mai tôi đã có mặt ở đấy rồi“,

Hằng đã yên lặng gật đầu.

Thật sự cái đêm hôm ấy, tôi nằm mà cứ như đang bơi trong nước, hay bay trong mây. Tôi nằm để nghe, để cảm nhận từng ngóc ngách tâm trạng của một người có “hẹn hò” nó sẽ như thế nào? Mỗi ai hồi tướng lại, cái buổi “hẹn hò” đầu đời của mình, mới thấy cái rạo rực, run rẩy. Lúc thì rõ ràng quang đãng, như trời không mây; lúc lại lờ mờ, như sương mù tháng củ mật, của lòng tôi lúc này.

Chuyện riêng… ai chẳng… một lần mím môi?

Ngỡ ngàng là … tiếng lòng tôi

Bâng khuâng là cả ….nẻo trời bâng khuâng.

Chiều hôm sau, tôi đã rời barrack ngay từ 5: 30, tôi len lỏi đến tận gốc thông già, và đã vặt những cành lá thì mới lớn, để chuẩn bị một chỗ ngồi. Tiếng dạt dào, xao xác của sóng biển vọng đến, lẫn với những tiếng re re của dế cơm, dế chũi. Mà cũng lạ , tiếng dế chiều của Indo, khác hẳn với tiếng dế của quê nhà . Tiếng dế của đồng nội quê hương mình nó ngọt, nó êm; nó không dằn dỗi tức tưởi, như tiếng dế ở đây.

Một chiếc lá rơi, một tiếng chim hắng dạng, cũng làm tôi quay lại, tướng như “người ấy” đã … thập thò.

Rồi một làn hơi lạ, thoang thoảng như mùi hoa móng rồng xoắn cuộn vào hơi lá cây rừng. Trong ánh lờ mờ, Hằng từ trong ấy rụt rè tiến ra, không một lời nói. Như có một lực hút của nam châm, tôi và Hằng đã ôm chặt, như không còn ôm được nữa. Hằng hổn hển áp mũi và mặt vào cổ tôi. Cái mùi hoa móng rồng, như cả chùm, úp chặt vào mũi tôi, tay của tôi tự nhiên như mất hết sức, rủn ra. Tôi tưởng như phải ngã đổ kềnh ra, thì một hồi trống cà rùng gióng lên, ngay phía bên ngoài.

Năm, sáu cậu thiếu niên 14- 15 tuổi đuổi nhau, chạy xổ vào trong đám rừng non. Các cậu mặc quần áo boy scoot, hò hét tiếng Indo, tôi và Hằng

chẳng hiểu gì. Như một thùng nước lạnh dội vào người đang ngủ, Hằng đã lủi ra đường, và tôi đờ đẫn nhìn mấy cậu Indo đùa dởn , như nhìn một chiếc thuyền câu, gió đổi chiều.

Tôi chưa muốn trở về barrack, tôi lang thang đi vào mấy phố lạ, trong bóng điện mập mờ chỗ sáng, chỗ tối. Tay này sờ lay kia, tôi sờ cổ, sờ má. Thậm chí, tôi sờ, tôi xoa cả bên ngoài chiếc áo sơ mi như tôi muốn tìm lại, một chút quen quen vừa mới đây. Cả cái mùi nhè nhẹ vương vấn, của móng rồng còn quấn, quẩn vào quần áo của tôi.

Đến một con đường hẹp, từ trong một ngõ hẻm, bóng một phụ nữ Indo, bế một đứa con nhỏ đi ra, tóc của người mẹ thật dài, đứa nhỏ cứ vơ lấy cuốn vào cổ nó. Cũng như có một lực hút ngầm, chân tôi đã quẹo đi theo hai mẹ con. Một luồng lực âm từ chui xộc vào tâm hồn, làm tôi quặn thắt lại. Em Hoa, người vợ tận tụy thủy chung của tôi, đang mòn mỏi ở quê nhà, tại sao tôi còn đu đưa tìm hương sắc lạ?

Tôi đã đi theo hai mẹ con cả một đường phố dài, cho đến khi họ rẽ. Tôi lững thững lần ra nơi có tiếng sóng gọi, mời. Tôi cứ bước những bước đi vô định, trên bãi cát lạ, vắng người. Tai nghe tiếng sóng gầm ghì dạt dào, như những lời oán trách, chửi bới của người mẹ mù lòa, và người vợ thơ dại trằn trọc trong những canh khuya. Người con, người chồng đã ra đi vào giông bão để cứu mình, cứu gia đình và may ra góp được một phần nhỏ bé, cứu quê hương?

Chân tôi đã mỏi dừ, mà lòng vẫn còn vặn vò khắc khoải. Tôi ngồi hẳn xuống một phiến đá lồi, dõi mất về hướng quê nhà. Tôi cứ nhìn mãi về phía xa xôi mờ mịt ấy, như muốn nguồn cơn với biển, với trời, chẳng lẽ con người của tôi lắt lay không có hướng như vậy?

Mới đến KuKu gần 10 ngày, đang chờ tầu cao ủy đến đón, đưa về nơi chính là trại Galang. Những buổi chiều muộn, buổi tối khuya từng cặp của cả hai barrack, ở trên cầu hay ngoài bãi. Không thể phủ nhận được một điều, sau một chuyến hãi hùng đi qua một cửa tử thần. Riêng tư, cá biệt không kể, hầu hết tâm tư của mỗi người đều mở rộng, như một kiếp đời mới để đón nhận, một cảnh đời nhiều mầu xanh phía trước. Nếu không nhìn rõ tâm trạng này, sẽ không thể thấu triệt, nhìn những sự việc khác thường, trong cảnh đời tị nạn nơi xứ người.

Tôi cứ ngồi mãi, để lòng tôi tâm tình, chuyện trò với sóng, với gió, với đất, với trời và với mây. Chẳng phải do những tiếng phành phạch đập cửa, càng không phải do những cái quắc mắt của vợ chồng Phạm Lộc. Những cái đó chỉ càng làm cho tôi chạy nhanh, chạy đường hoàng hơn tìm cái tôi muốn. Cái khác, cái không nhìn thấy nhưng lại có sức mạnh áp đảo là nhân cách, đạo

đức của một người. Mấy tiếng đồng hồ, tôi ngồi một mình trong khu biển vắng, đã phân định rõ con đường phía trước, dù cho có nhiều chông gai, lầy lội cũng chẳng thể làm đổi hướng. Tôi chỉ nỗ lực vượt qua, như tôi đã vượt qua những hầm hố, những tử sinh của đời.

Tôi trở về đến barrack đã 11:30 đêm, để rồi sáng hôm sau, 6 giờ tôi đã ra khỏi barrack, lại trở ra vùng sóng gió, tôi cứ dọc theo ven bờ, tôi đi mãi để nhìn những cảnh vật chưa bao giờ thấy. Điều chính yếu, tôi nói với tôi, chưa đủ uy lực để chống đỡ với sóng điện từ, của một đôi mắt trong như nước giếng chùa Láng, giữa Thu.

Mãi chiều tối hôm ấy, tôi mới trở về, được tin sáng mai có tầu Cao ủy từ Galang, đến đón cả hai thuyền. Sáng sớm hôm sau, một chiếc tầu tương đối, ghé bến KuKu đón cả hai thuyền, thuyền buồm chúng tôi 53 người, và thuyền kia 61 người. Đó là ngày 30-01-1983.

Vì tôi thích gió, nên tôi ngồi ngay mũi của chiếc tầu, ngồi nhìn những lớp sóng bạc đầu đuổi nhau, tư tưởng của tôi bay nhẩy như một cánh bướm, trong một vườn hoa nhiều loại, nhiều mầu. Chợt một thoáng về con "tị nạn", lại lang bang về bến bãi Chu Hải Vũng Tầu. Tầu đi cứ mỗi ngày mỗi to hơn, Natuna tới Kuku, rồi hôm nay từ Kuku đến Pulau Galang.

Nhìn những làn sóng cuồn cuộn đầu trắng như bông lại thấy thơ mộng, chẳng còn thấy hung dữ, bí hiểm như ở Chu Hải. Nhìn một đám mây vàng đang lướt thướt ở trên cao, cái đúng với lúc này, lại sai ở lúc khác. Chỉ mấy tháng trước, tôi thành khẩn làm đơn xin Đảng, và nhà nước mở rộng bàn tay nhân đạo, cho tôi trở lại nhà tù.

Nếu khi ấy Đảng lại chấp nhận lời xin xỏ của tôi, thì làm sao tâm hồn tôi lại la đà bay trên ngọn sóng, hôm nay? Cho nên ngay công lý không những phụ thuộc vào không gian, thời gian, mà còn phụ thuộc theo điều kiện, hoàn cảnh nữa.

Mới khoảng 3 giờ chiều, đã nhìn thấy ngọn cờ Cao Ủ Tị Nạn trắng nõn, dẫy dọn ở một khu có nhiều nhà. Mãi đầu mỏm Galang, lá cờ Indo đỏ trắng, cũng đang vẫy chào, như mời gọi những con người tha phương bất đắc dĩ, vì Tổ Quốc bị thằng con côn đồ, rình đâm lén, đang còn nằm dưỡng thương.

Tầu ghé bến Galang, lần lượt theo thuyền của mình, được dẫn đến một khu nhà gỗ lợp tôn, mỗi nhà dài 3 – 4 chục mét, cũng gọi là barrack. Nhìn trải dài chung quanh, có rất nhiều khu nhà barrack, như một thành phố trù phú dân cư. Thoáng chợt một cái gì gần gũi, nhưng quý trọng thiêng liêng, tôi có nhìn lầm không? Rõ ràng, lá cờ vàng 3 sọc đỏ, đang lắc lư xa xa phía

trong, như Tổ Quốc kính yêu nhớ thương, biền biệt của tôi từ hơn 20 năm rồi.

Mặc kệ bà con sắp xếp tìm chỗ nằm, tôi kéo tay cậu Thiện rảo bước, hướng về lá cờ Tổ Quốc, xa chừng hơn nửa cây số. Lắt léo một số đường ngang dọc chắn ngang, tôi vượt hết, cậu Thiện cũng bở hơi tai chạy theo tôi. Tôi và cậu đã đến chân cột cờ. Đó là khu ban đại diện của cộng đồng Việt Galang. Thảo nào khi nãy, có một số ông niềm nở ra đón, và đưa chúng tôi vào barrack.

Nhưng lá cờ Tổ Quốc đã thu hết tâm hồn của tôi rồi! Tôi ngước nhìn lá cờ vàng rực rỡ, tôi khoanh tay cúi đầu như kính chào. Một đứa con lạc lõng bơ vơ, mấy chục năm dài trong hang rấn, tổ sài lang.

Nhìn lá cờ nhún nhẩy như nụ cười đôn hậu của tổ tiên, hồn thiêng của sông núi., tôi có cảm tưởng như biết bao nhiêu hồn thiêng, của đồng bào và chiến sĩ đang quẩn quít, chung quanh lá cờ.

Tôi và Thiện khoanh tay và kính cẩn cúi đầu lần nữa, kính chào tạm biệt ông cha, chúng tôi chạy vội về barrack để lo chỗ ăn, chỗ nằm. Barrack của chúng tôi số 33 thuộc Zone hai . Tối hôm đó chúng tôi đã được biết sơ sơ:

Hiện nay, tổng số đồng bào tị nạn ở trại trên 14,000 người. Những người của chiếc thuyền buồm chúng tôi, đã có địa chỉ để liên lạc thư từ, với thân nhân ở ngoại quốc.

Boat : Đ N 2013 CA , INS 7881 34
Banack 33, Zone II Refugee Camp, Galang I
INDONESIA

Tôi xin thưa cùng quý vị:

Một phần tôi có những chi tiết thời gian, không gian và sự việc, do 1992 vợ tôi (Hoa) sang Mỹ đoàn tụ, đã mang theo những lá thư đầu tiên tôi đến Galang. Tôi gửi về cho mẹ tôi, cho Hoa qua những địa chỉ của chú Thương ở Pháp, bạn bè BK ở Mỹ, và những phái đoàn Caritas đến thăm trại tị nạn.

Hoa cũng đem theo:

- Những cuốn vở trình diện, hàng ngày của tôi.

- Giấy tạm trú nhà bố mẹ, 3 tháng một lần.

- Các giấy tờ tiểu ban QLNNHTĐV, công an Thành, Quận, Phường, khu vực nên có tên thật và chức vụ của họ.

- Giấy chứng nhận, của Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, (nơi tôi làm việc)

- Cả tờ giấy nháp tôi xin Đảng trở lại tù.

- Giấy kiểm điểm vắng nhà, hàng tuần lễ vượt biên, không thành v.v…

Thậm chí có cả một chiếc bí-tất dầy bằng những giẻ chùi trong cầu tiêu, để chống muỗi ở xà lim I Hỏa Lò. Cả một chiếc lược nhôm, tôi tự làm với Lê Sơn ở trại E, phố Lu Lào Cai 1968.

Galang do mưu sinh, nhiều người tạo lập những quán hàng, nên có một đường phố dài, nhà cửa chắp vá hai bên, để rồi có một rạp ciné, có nhà thờ, có chùa, có trường học cho các em nhỏ, và không thể thiếu có một đồn cảnh sát Indo dù ban đại diện cộng đồng đã có một tiểu tổ trật tự, để giải quyết những vụ việc tất nhiên, trong cộng đồng hơn chục vạn người, mà quyền tự do mỗi ngày mỗi tăng ở trong lòng mỗi người, một quần thể đông đúc, người cùng một quê hương , cùng chạy cộng sản trong giai đoạn này.

Riêng với tôi, vì nhiều lý do để tâm trạng của tôi, dần dần vón cục lại, dù 14 ngàn người này, đủ mọi thành phần xã hội. Khi tôi từ miệng con Hồng Tuộc trở về: Bố mẹ, em gái, bạn thân còn không nhận ra tôi, nên hầu như ở đây tôi không có ai là người quen biết.

- Tâm tư còn đặc sệt máu và mủ của quê nhà ngày đêm còn nặng mùi nên chẳng ai muốn gần ai.

- Những lo toan danh và lợi của mọi người làm cho tôi lạc lõng, cô đơn, quạnh hiu.

Tôi xin nói sơ về giá sinh hoạt khi ấy (đầu 1983) ở Galang để qúy vị có một chút khái niệm:

1 đồng Việt Nam = 12 Rupias (tiền Indo)

1 lượng vàng = 400,000 rupias.

Bó rau muống độ 20 ngọn giá 100 rupias; quả bầu 3kg giá 500 rupias; mướp 1 quả giá 200 rupias; bát phở giá 500 rupias; 1 vé ciné 500 rupias; 1 lon bia 600 rupias; ly cà-phê đá 200 rupias.

Tầu của tôi khi đó đến 80 phần trăm có thân nhân ngoại quốc gửi tiên cho bằng money order, money transfer cứ 100 Mỹ kim= 80,000 rupias.

Do hoàn cảnh riêng tôi chẳng để ý đến những thứ ấy. Ngoài những ngày phải đi interview, khai báo với các phái đoàn, sáng sớm dậy tôi đã ra khỏi barrach để đi vào một khu rừng non ở gần đấy tới khi trời tối mới trở về barrack. Khi đó Cao Ủy phát cho mỗi người hai gói mì khô mỗi ngày. Nhiều người, nhiều gia đình họ đem mì đổi gạo v.v.. xoay sở. Nhưng với tôi đã quá đủ rồi, hai gói mì: sáng một, chiều một.

SƯỚNG KHỔ, KHÔNG CÓ TIÊU CHUẨN

Tôi làm được một cái chòi con ở giữa rừng, đủ để ngồi che mưa, nắng. Bên cạnh có một dòng suối con róc rách, cứ như Thiên Thai của cụ Văn Cao. Túi tôi thì rỗng, nhưng đầu tôi thì không còn chỗ chứa: tiếng chim hót, tiếng suối reo, gió mưa, cảnh vật không còn chỗ xếp. Tôi vào rừng như thế có 3 mục tiêu chính:

- Cần đi vơ vét nhặt nhạnh lại Anh ngữ trước đây đã rơi rụng gần hết.

- Giữ tâm hồn đi một con đường, tránh những dòng điện giật.

- Thưởng thức cái tự do cho cả cơ thể lẫn tinh thần và hoà nhập với thiên nhiên, thực hiện lời dạy của cụ Nguyễn: *"Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ…."*

Chính trong cái tĩnh lặng, thanh vắng, tư tưởng mới chui luồn sâu vào từng ngóc ngách của mỗi sự việc. Tôi hiểu, nếu trong cuộc sống, mình muốn cái gì cũng được thì cuộc đời đâu có còn ly kỳ, hấp dẫn nữa?

Cho nên sự khổ đau và hạnh phúc chỉ là sự tương đối, không có tiêu chuẩn nào cả. Có bao nhiêu của cải, nhà cửa, ruộng vườn là hạnh phúc? Còn đói khát, tù đày, mù loà, tàn tật thì khổ đau?

Đó là sự huyền diệu, kỳ bí tạo hoá đã ban cho loài người! Tôi nhớ một sự kiện nhỏ mà bản thân tôi đã trải qua:

Thời gian: khoảng cuối 1969 đầu 1970 sau khi HCM chết.

Không gian: phân trại E của trại trung ương số 1 phố Lu Lào Cai.

Khi ấy do Trung Úy Hoàng Thanh làm giám thị, trại ở vào một nơi hẻo lánh, giữa một khu rừng già, xa với người dân. Tù nhân trong trại khoảng trên dưới 350 người.

Thành phần: hầu hết là tù chính trị, gồm chừng 70 người dân tộc: Mường, Mán, Mèo, Nhắng, Núng, Thái, Thổ v.v…VC ghép chung cho cái tội là thổ phỉ, cướp rừng.

- Có khoảng 20 người là tu sĩ, chủng sinh (Đi tu ở chủng viện VC đóng cửa, bắt về nhà lấy vợ)

- Chừng 30 BK gián điệp trong Nam ra Bắc hoạt động chống VC, còn lại hơn 200 là người ở các tỉnh trên miền Bắc, VC ghép chung cho cái tội là, phản tuyên truyền, phản cách mạng.

Cũng như nhiều các trại tù của VC trên miền Bắc, ăn uống đói khổ: Ngô, khoai, sắn, bo bo độn vào gạo. Không biết vì lý do gì, bặt đi hàng tuần lễ không hề có tí gạo nào, chỉ có sắn và bo bo.

Đúng là không có tự do, mới thấy giá trị cần thiết, của tự do. Không có ánh nắng, mới thấy ánh nắng, là kỳ diệu tuyệt vời. Chúng tôi bắt đầu nhớ và thèm cơm, rồi đến tuần thứ 2, thứ 3 thì bất cứ lúc nào mệt ngủ đi, chứ không thì bất cứ ở đâu ngoài nương khoai, vườn sắn, hay trong rừng chặt tre, đốn gỗ, ở lán thủ công nơi tù lao động, lúc nào tâm tư, cũng như chuyện trò, ai cũng chỉ nghĩ và nói về cơm. Rồi tuần lễ thứ 4, thứ 5 thì trại bắt đầu đi kiết lỵ nhiều, mặt anh nào cũng tái ngắt, mắt trắng dã nhìn nhau.

Thương hại nhất là các bác già, răng đau hoặc không có, móm mém ăn bo bo không nhai vỡ hết nên, khi đại tiện ra còn nguyên hạt. Nhà xí, nhà cầu của trại cũng không còn hôi thối nữa. Ăn phải có mắm muối, hay ít cá thịt thì phân mới thối. Do đấy có những anh đói qua, tiếc rẻ của trời đã chui vào thùng phân, hót nhặt những hạt bo bo còn nguyên. Khi đi lao động ra suối rửa, rồi cho vào ống nứa, nấu lại mà ăn.

Qua bản thân, tôi xin thành thật mà nói: Giai đoạn này, bất cứ đêm hay ngày, cuộc đời, cha mẹ, họ hàng, anh em, miền Nam, cả tổ quốc, quê hương chẳng cần và không còn lúc nào tôi nghĩ tới nữa, mà chỉ nghĩ đến ăn, đến cơm, đến những bữa ăn tưởng tượng. Nếu khi mệt thiếp ngủ đi mà mơ, cũng mơ đến ăn mà thôi, ngày 2-3 người chết là thường.

Chả trách VC họ giữ ổn định vững vàng, chế độ của họ được là thế ! Bất cứ người dân nào, từ cán bộ, công chức thợ thuyền v.v.. ai cũng chỉ đêm ngày, tính toán cho cuộc sống gia đình, không thiếu hụt, đói khát mà thôi. Có thể (tôi suy đoán), ban giám thị và cán bộ, thấy tình trạng này thì tụi tù, sẽ chết dần hết. Họ họp nhau, sau đó quyết định thứ Bẩy này, sẽ cho tụi tù ăn, một bữa cơm.

Tin còn bí mật, nhưng có thể một tên cán bộ nào đó chỉ nói riêng với một tên tù thân tín, như tổ trưởng, toán trưởng v.v. . . là chiều thứ Bẩy này, trại sẽ có một bữa cơm, nhớ chỉ một mình anh biết thôi ! Tin quan trọng như vậy, mà bảo chỉ mình anh biết. Anh đó phải có người thân tín khác, cho nên chỉ ngày hôm sau, cả trại hơn 300 người ai cũng biết cả .

Còn một ngày nữa, mới tới cái bữa cơm chiều thứ Bẩy, mong chờ ấy. Thế mà tù nhân, gặp nhau bất cứ ở đâu, lúc nào, mắt cũng sáng long lanh như

nhắc nhở: "Còn một ngày nữa thôi đấy nhé!". Để rồi cho tới đêm hôm thứ Sáu. Qua tôi, tôi tin rằng, đêm ấy là cả một trời thơ mộng, cho chiều mai của mỗi người tù. Ngay sáng hôm sau, toàn trại tập họp để đi lao động như mọi ngày. Dù không cần nhìn cũng phải thấy, mặt mọi người tù, như có một khí thế khác thường. Mắt ai cũng như sáng hẳn ra, mấy bác già khó tính, miệng cũng hay nở nụ cười, bao dung với mọi người .

Và chiều hôm ấy, (thứ Bẩy tuyệt vời) chưa về tới trại, hãy còn lưng chừng, gần trại E thôi. Mùi cơm nồng nàn từ bếp thơm phức đã tỏa phì ra, để những anh chàng tù, ai cũng muốn cong mũi lên hà hít, rồi nhìn nhau mỉm cười.

Vào trại, nhìn cảnh tù ríu rít chạy như con thoi, người ta bảo "vui như ngày tết "! Cá biệt một vài anh không thể kìm hãm lòng mình được, khi còn đang cân cơm đổ vào từng bát ở ngoài sân, anh ta đã chộp lấy phần của anh, dù chia chưa xong, bốc lấy bốc để, mắt trợn ngược, mồm há hốc đút cơm vào rồi.

Một số những người trầm lắng, họ thong thả đường hoàng, đưa cơm về chỗ đậy lại. Nếu không thể chế ngự được cái háo hức trong lòng, để nuốt vào những giọt nước rãi thèm khát rỉ ra, thì chỉ nhón một vài hạt cơm, cho vào miệng, khe khẽ nhai mà thôi !

Cá biệt có vài anh, dứt khoát, cương quyết không động vào một hạt cơm, đợi cho cán bộ vào buồng điểm xong, bấy giờ về chỗ mới bỏ màn xuống. Không sáng lắm vì ánh điện yếu lại ở trong màn, thì chịu khó rờ rẫm cũng sẽ phân biệt, từng hạt cơm để mà hưởng thụ, để mà thường thức dần dần cho đã niềm thương nhớ, nỗi thèm thuồng của gần 2 tháng trời chứ có ít đâu!

Tạo hóa đã ban cho loài người, một kỳ vật cao quý như vậy, mà nhiều người lại coi thường. Ngay tôi, bây giờ ở bất cứ nơi đâu, dù cả ở xứ Cờ Hoa này, cơm, bánh, thực phẩm, loại đắt tiền nhất tràn lan, u hề chung quanh, làm sao tôi tìm lại được bữa ăn có cảm giác thèm khát háo hức ngon, như chiều thứ Bẩy ở phân trại E, tù ngày ấy?

Từ đấy, nhìn vào thực tế cuộc sống xã hội, những người chán đời tự tử, từ bỏ cuộc sống; không phải là những người bị mù lòa, tàn tật hiểm nghèo nhất. Cũng không phải là những người trong hoàn cảnh đói khổ, nghèo túng nhất. Chúng ta đều đã suy ra khổ đau và hạnh phúc trong cuộc đời, chỉ là một sự tương đối.

Điều quan trọng là phải biết ứng dụng; nâng cao ý chí chịu đựng và chuyển đổi hoàn cảnh của mình.

Có những buổi chiều tối, từ trong rừng trở về, tôi thường lang thang về một đường phố dài nhiều hàng quán, do người tị nạn tạo lập Những cửa hàng của người Tầu, người miền Nam, miền Bắc, miền Trung, đủ kiểu đủ loại. Tôi có cảm tưởng như chợ Đại Cống Thần của đồng bào Hà Nội tản cư, hồi trước 1954.

Có một cửa hàng trái cây của người Hoa, tôi cứ lượn qua, lượn lại nhiều buổi tối. Nhìn những quả táo, cam, chùm nho, những loại tôi đã nhìn thấy ở chợ Bến Thành trước khi chui vào miệng con Hồng Tuộc, tôi đã được biết mùi. Nhưng có một trái lạ, tôi đã hỏi những người cùng mua hàng, tôi được biết là trái lê, nhìn cái da của nó trắng nõn như ngà voi, tròn như trái táo.

Lục lại cái hố sâu của tâm tưởng, rõ ràng tôi chưa hề được nếm mới của lạ này, nó ra sao? Tôi nâng quyết tâm, dứt khoát mình phái được nếm, tôi băn khoăn, vấn vương nhiều buổi tối mỗi khi bước qua ngôi hàng này, chỉ vì cái túi của tôi, đã từ lâu thường dán chặt vào nhau.

Thậm chí mấy cái tem gửi thư, tờ giấy viết, đã làm cho tôi phải lao đao, vấn vít lẫn vào, tiếng suối reo, tiếng chim hót và cả tiếng ve sầu kêu ở trong rừng. Thế mà một buổi tối tôi trở về, mới bước vào cửa barrack đã có mấy người rối rít:

- Anh Bình có loa gọi lên ban đại diện nhận money order!

Như trong hầm tối, tìm thấy cửa hang, nhiều sợi tơ vàng quấn quanh giấc ngủ của đêm hôm ấy. Ông ân hay bà ân nào của bốn phương trời, lại ngó một mắt, đến nơi hẻo lánh xa xôi này

Không ngờ người đó, lại là Lầu Chí Chăn, một người ” nhái ” được về sau tôi, nhưng lại có hoàn cảnh đến bờ trước. Hai mươi dollars, nhưng làm sao định giá của nó được, trong cảnh đời của tôi lúc bấy giờ?

Tôi đã chạy như có người đuổi, về chỗ cô nàng ” lê ” có nước da ngà voi, được gói gọn trong cái giấy hồng lụa mềm, chỉ có 50 cents. Tôi đã ôm gọn cái tôi chưa biết mùi, chạy bay vào rừng, về căn lều đụp, và bên dòng suối Nghê Thường, không có chỗ nằm, tôi ngồi dựa vào một thân cây làm cột lều. Lôi tuột của lạ xuống, để ngay ra trước mặt, trước khi cắn, tôi nhìn kỹ lưỡng một lần nữa. Một làn hương chưa bao giờ ngửi thấy, đã đẩy tay tôi đưa áp vào mũi, phê qua, không chịu được nữa rồi.

Một con chim mầu xanh lam đầu đỏ chót, đứng trên một cành quen, chéo trước mặt nhìn tôi, cất tiếng hót: Hì … lá …..hì …….lá……cứ như đòi muốn chia phần. Tôi quắc mắt, lườm lại nó, rồi tôi đã cắn một miếng từ lúc nào, nghe cuống họng kêu rồn… rột. Tôi nhai ngấu nghiến, chỉ hơn hai phút, quả lê nõn

nà đã mất tiêu vào cái vụng, cung cấp sự sống từ bao giờ. Con chim đầu đỏ đã bỏ đi từ, lúc tôi lườm.

Tiếng suối hôm nay nghe như một đám trẻ con đang cười đùa, đuổi nhau ở sân đình. Tôi đứng dậy thả bách bộ vào mãi chiếc đầm con, cạnh dòng suối. Miệng vẫn ngọt vì nước của trái lê còn dư vị.

Tư tường của tôi đã nhẩy phắt về quê nhà, thoáng thấy mẹ, vợ và con gái; lại vút về KuKu với con tầu đã nuốt sống 105 mạng người. Hẳn bây giờ chỉ còn xương rải rác đây đó dưới đáy biển, hay trong bụng những con . . .cá to. Còn một người vô thức nằm lại KuKu, nhìn chung quanh cảnh rùng im vắng, chợt một ý thơ lâu ngày của một cổ nhân: Trần Tử Ngang (651-702) đời nhà Đường xọc vào trí óc của tôi:

Nhìn phía trước người xưa vắng vẻ.
Ngoảnh về sau quạnh quẽ người sau
Ngẫm hay trời đất dài lâu
Rừng hoang sầu lắng ngậm ngùi mình tôi …

Một điều đáng được biểu dương, như một truyền thống tâm linh, của dân tộc. Đồng bào ở Pulau Galang đã dựng xây một ngôi chùa to lớn với những trang trí của hoàn cảnh tị nạn. Nơi tụ tập cử hành, những ngày lễ trang nghiêm tôn thờ Đức Phật Như Lai và Quan Thế âm Bồ Tát. Một nhà thờ cao ráo nằm dài, cạnh một đồi thông, tôn thờ Chúa Giê – Su Hài Đồng và Đức Mẹ Đồng Trinh. Vào những ngày Chủ Nhật, người công giáo đến tham dự lễ đông đúc khác thường. Cha Dominici, Ngài tận tụy tha thiết phụng vụ người tị nạn, như cho chính người.

Có thể mỗi người vừa trải qua những ngày gian truân, hiểm nguy sống và chết, lòng mộ đạo được củng cố phát triển lũy tiến.

Kỳ này trên khu Cao Ủy nhộn nhịp khác thường, nhiều phái đoàn của Canada, Úc Đại Lợi và nhất là của Mỹ mới được tăng cường. Tôi đã nhìn, nghe nhiều cảnh, nhiều tình huống cười ra nước mắt, nhưng cũng có lúc ngậm ngùi xót xa. Sáng hôm qua tôi vừa đến khu của phái đoàn JVA (Mỹ) thấy một đám đông nhốn nháo. Một ông hơn 40 tuổi là đội trưởng một đồn cảnh sát ở Nha Trang, không hiểu vì lý do gì, bị phái đoàn Mỹ từ chối, ông đã kéo theo đứa con gái 8 tuổi, nhẩy xuống chiếc giếng sâu, phía sau khu Cao Ủy.

Người ta hô hoán, cảnh sát Indo đã phải giòng dây leo xuống cứu. Cả hai bố con đều bất tỉnh nhân sự, ông bố bị gãy chân trái, đứa con gái vỡ đầu máu chảy lênh láng, đỏ cả chiếc áo. Họ cho lên một chiếc xe Indo, chở đi nhà thương cấp cứu, tôi chưa biết nhà thương ở đâu? Xa hay gần?

Từ hơn một tháng nay, hệ thống truyền thanh của trại thường nói về cuộc vượt thoát oai hùng, bằng đường bộ của Lý Tống. Anh ta đã bơi qua eo biển giữa Mã Lai và Singapore. Một cái eo biển được thế giới biết đến, vì có rất nhiều cá mập. Một vài tờ báo ở Mỹ đã gọi anh là " A man never seen ". Đài truyền thanh của trại, thường phát về chiều tối và buổi sáng sớm. Nhiều chi tiết tường thuật về anh, nhưng một chi tiết tôi để ý: " Theo đài khi anh vượt qua Campuchia đến Thái Lan, ông Đại sứ Mỹ ở Thái Lan đã đến thăm anh, với những thành tích vượt thoát nhiều lần trong nhà tù của Cộng Sản. Ông có hỏi Lý Tống:

- Anh có một phương sách gì hữu hiệu, để tiêu diệt chủ nghĩa Cộng Sản?

Lý Tống đã chỉ vào một tập giấy, viết tay ở đầu giường, trả lời:

- Tất cả đường lối, kế sách để triệt tiêu cái chế độ vô thần tàn ác Cộng Sản, đều nằm trong tập giấy này!

Tôi rất ngưỡng mộ, thèm muốn có một ngày nào đó được đọc, để học hỏi, những điều kỳ diệu ấy.

Rồi được biết anh Lý Tống cũng đã có mặt ở Galang này. Tấm lòng của anh cũng rất đặc biệt, do cái quỹ nào đó ở Mỹ đã tặng anh 500 dollars, anh đã tặng lại ngay phòng giáo dục trại, để mua sách vở cho các cháu thiếu nhi, ở trại Galang. Đã có một số anh em mới quen biết ở trại, nói với tôi:

-Ở trại tị nạn Galang này gần 2 chục ngàn người, có hai người đặc biệt: Lý Tống và anh là một điệp viên, đi tù 18 năm.

Lý Tống thì danh tiếng như cồn, còn anh như con gà giò, may mắn thoát khỏi mồm con lang, thì lại chui vào bụi rậm, nằm im thin thít! .

Tôi đã cười, chậm rãi nói với các anh:

- Một người đi trên máy bay gào mây, thét gió, một người thì lò dò lặn lội ven bờ ao. Cao và thấp đã rõ ràng!

Một buổi chiều muộn, tự nhiên thấy lòng cồn cào, lắt lay về Thành Đô yêu dấu. Tôi mò lang thang ra đầu một cái mỏm Galang, hướng về quê nhà. Trong dáng chiều nghệ non, rải rác đây đó hàng chục những cặp đầu xanh, lẫn đôi mái đầu tiêu nhiều muối ít, như dính chặt vào nhau, trong cái dạt dào, ồn ào của sóng biển.

Tâm hồn của họ đã biến đổi, từ khô cằn vàng úa, sang mầu xanh mượt mà, tương lai. Lòng nhiều người đã mở cửa, đón nhận hương sắc của đời. Da

trời chuyển thành mầu tím ngắt, như cà ghém tím vào mùa. Tôi đăm chiêu rõi nhìn về phương trời xa, mờ mịt, rồi lặng lẽ trở gót, tôi quay về barrack. Mặc cho dòng đời, chênh vênh ngược xuôi, chìm nổi.

Ngày hôm sau, tôi len lỏi vào mãi phía trong sâu của mảnh đất nhiều sỏi đá, nhưng đã khắc dấu tự do vào tâm hồn nhiều người Việt. Xa xa một ven đồi nhiều đại thụ, rõ ràng một chiếc cổng sơ sài, mộc mạc bằng cây rừng. Một miếng gỗ dài, quét vôi trắng, viết chữ: Chiêu An Tự, mực Tầu, đen nhánh, treo trên một chiếc cổng thô sơ, như muốn lôi kéo lòng tọc mạch, của khách lãm du.

Quả thật, khi tôi gần đến nơi, đã thấy thấp thoáng bóng người. Qua những con đường lắt léo leo trèo, mùi hương trầm đã phảng phất, trộn vào mùi hăng hắc, ẩm mốc của cây rừng. Bước vào trong cổng, càng đi tôi càng ngạc nhiên, con đường nho nhỏ gập ghềnh, nhưng tỏ có bàn tay người săn sửa hằng ngày, dẫn vào một ngôi chùa nhỏ. Phải nói là một ngôi nhà gỗ lợp tôn fi-bro, đã mốc meo. Càng đến gần, mùi hương khói càng đặc sệt. Tiếng mõ đều đều, thong thả vọng ra: Cốc . . cốc . cốc

Hồn tôi như du vào cõi thinh không, một thoáng trở về gặp tiền bối Chu Mạnh Trinh:

Thoảng bên tai một tiếng chầy kình,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

Thấy tôi ngấp ngó nhìn vào trong điện, một vị sư chừng gần 5 chục tuổi, từ trong một cửa ngách đi ra. Như một cơ duyên của hai tâm hồn riêng biệt, tôi đã được đàm đạo với thượng tọa, gần hai tiếng đồng hồ về kiếp nhân sinh, về nhân quả, luân hồi của kiếp người. Tôi nhớ vị thượng tọa đó là Thích Thắng Hoang. Hơn 20 năm rồi, chẳng biết thượng tọa hiện nay, ở phương nào?

Chiều hôm đó tôi trở về barrck, được biết tôi có một lá thư Việt Nam, nhìn đồng hồ, chỉ còn 7 phút nữa BĐD đóng cửa. Tôi chạy hộc tốc lên ban đại diện, như đuổi theo một chuyến xe đò vừa bắt đầu lăn bánh. Đến nơi, cửa đang đóng cánh cuối cùng, thì tôi bước vào.

Cầm lá thư đầu tiên từ quê hương, sau hơn 5 tháng mờ mịt chân mây. Như một hành động vô thức, đôi tay tôi đưa lá thư lên tận mũi từ bao giờ. Tôi có cảm tướng lá thư còn hơi hướng của mẹ, của vợ, của con và còn cả cái mùi ngan ngát của quê nhà thương nhớ, của riêng tôi.

Tôi hiểu có nhiều điều bất ngờ lắm trong lá thư, nhưng tôi cương quyết không xem lúc này. Tôi đút lá thư vào trong ngực, chỗ trái tim tôi đang thổn

thức vơi đầy. Tôi sẽ ôm lá thư ngủ một đêm, với bao nhiêu điều dật dờ, lơ lửng bất ngờ trong lá thư đầu, từ ngày xa những người thương yêu nhất, của đời tôi.

- 50 -

MẸ ĐÃ ĐI VỚI THẦY

Sáng sớm hôm sau, xách hai gói mì, tôi chạy vào ngôi "biệt thự " giữa rừng hoang, của tôi. Trang trọng, nhóm lửa, ca nước sôi, vừa uống vừa ăn mì xong, tôi ghé ra dòng suối tiên rửa mặt, rửa tay, chải đầu, bấy giờ tôi mới nhẹ nhàng khe khẽ, bóc lá thư. Từng chữ ngọt ngào của vợ tôi như múa, như giẫy lên đành đạch trước mắt tôi.

Tôi nhắm mắt ngồi im, chỉ còn tiếng gió rừng thì thào, tiếng suối rỉ rả cười, khóc triền miên. Tôi lại mở mắt ra đọc lại lá thư lần nữa, cố coi như ấn tượng khi nãy chỉ là ảo giác. Người mẹ kính yêu của tôi đã về với thầy tôi'

Người đã mất 36 ngày rồi, lá thư Hoa đã viết ngày 8 tháng 5 1983, sau khi mẹ tôi đã mất đúng một tuần. Một ý tưởng dậy bảo của Đức Không Phu Tử, lấp ló trong đầu:

Phụ mẫu tại đường..-...bất khả viễn du..-...

(Cha mẹ già còn sống, con cái không được đi xa)

Tôi có lý do vững vàng, nhưng mắt tôi vẫn mờ đi. Hai giọt nước mắt đã rơi xuống đùi, chính mẹ tôi đã cho phép, và giục giã tôi ra đi. Cũng một ý tưởng khác chợt đến, làm cho mắt tôi sáng dần ra. Mẹ tôi sống ngày nào trong mù lòa tăm tối, xa chồng, xa con, càng mòn mỏi héo hon. Như vậy mẹ tôi về với thầy tôi sớm ngày nào, tôi phải vui lòng, tuy còn một chút co xoắn vặn vò: Tôi chưa đi hẳn tới bờ, nên mẹ tôi chưa hề được nếm thử một trái ngọt, hoa thơm, mà người đã bỏ công vun trồng.

Bù lại, trong lá thư tôi đã để lại một giọt máu nữa, trong Hoa. Không biết là trai hay gái, gần 7 tháng rồi, vợ tôi bụng chửa, con còn dại, giữa chợ đời khoai sắn, cũng không đầy bao tử.

Lá thư có mỗi một điều, làm cho bụng tôi cũng phải nở nụ cười, Hoa nói: " Cô Ngọc Anh CA khu vực đã trợn mắt nói với Hoa: Anh Bình vẫn nói: Còn người mẹ mù lòa, tầu có đến đón, cũng không đi.". Thế mà đã biến rồi, ai ngờ được ?

Tôi cười bụng, vì tôi đã lừa được chúng. Hai ngày sau, tôi đã được phái đoàn Mỹ chấp nhận. Họ hỏi tôi:

- Anh không có thân nhân nào ở Mỹ, vậy anh muốn đến tiểu bang nào?

Tôi đã trả lời rành rọt:

- Tôi xin ghi lòng, nhân dân Mỹ đã mở bàn tay nhân đạo, đón nhận tôi. Bất cứ nơi đâu trên thế giới này, không có mùi tanh hôi mủ máu của con Hồng Tuộc, là thiên đàng của tôi rồi.

Còn 13 ngày nữa, tôi sẽ được đi chuyển vào Galang II, là khu cho những đồng bào, đã được phái đoàn Mỹ chấp nhận. Già một nửa thuyền của tôi không được Mỹ đón nhận, họ đi Úc, Canada, v.v…

Đặc biệt có anh Trường, đại uý công an, không được đi Mỹ. Lại có dư luận về tới Việt Nam, là do tôi, có ý kiến với phái đoàn Mỹ.

Thân tôi cũng bèo bọt như những người tị nạn khác. Nếu tôi được làm theo ý, anh Trường là người được ưu tiên nhất đi Mỹ. Anh đã thực sự kinh tởm cái chế độ phi nhân tính, anh đã tẩy trừ được máu độc, bùa mê của con Hồng Tuộc trong con người của anh. Anh đáng được khích lệ, biểu dương hơn nhiều người của chúng ta, trong đó có tôi.

Một buổi trưa, tôi đang ngồi cặm cụi nhặt lượm một số từ Anh Văn trong căn lều con giữa rừng thì có bóng một người thấp thoáng tiến vào. Cô Hoài! Cô là chị của Hằng, làm cho tôi đến ngỡ ngàng. Căn lều chỉ đủ chỗ cho hai người ngồi, vậy mà cô cố lách vào.

Điều chính yếu là cô muốn khoe với tôi, cô đã được phái đoàn Mỹ nhận và cô cũng sắp vào Galang II. Ngồi trong căn lều chật, hơi hướng của cô phả ra như mưa bụi, nhiều lúc tôi phải nín thở để đè ngọn lửa, cứ đòi phực lên trong lòng. Lẽ thông thường, mèo đi lùng sục tìm mỡ, nhưng hôm nay, do hoàn cảnh tị nạn đã đến được bờ tự do.

Lòng của ai, to nhỏ tùy theo đều mở, nên mỡ đã bò đến miệng một con mèo. Con mèo này cũng thèm lắm, nhưng có một sức mạnh vô hình áp đảo, nên đành dội cho tắt ngấm ngọn lửa ở trong lòng.

Hơn một giờ chuyện trò, có lúc cô đã rủ tôi ra bên dòng suối mơ, đứng nghe tiếng cười róc rách của những giọt đời khua khoắng. Sau khi tiễn cô ra, tôi lại mò mẫm vào căn lều, hãy còn đầy ắp hơi hướng của cô Hoài.

Từ ở Natuna, Kuku, cho đến Galang tôi chưa một lần nói chuyện hai người, kể cả những điện từ của đôi mắt với cô. Hẳn cô thấy từ 6, 7 tháng nay tôi và cô Hằng, không còn liên hệ gì với nhau? Thôi cứ để cho dòng đời tôi theo những nẻo riêng, của mỗi người. Tuy vậy, cô Hoài cũng đã khuấy rối lòng tôi, cả buổi chiều hôm ấy. Ngồi, nhìn những từ ngữ tôi đang cần thu nhặt, chúng cứ ngoáy lên chẳng chịu chui vào trong tiềm thức.

Nghe một tiếng chim kêu lạ, tôi chui ra khỏi lều, một con chim to như con thỏ non đến thì, có cái đuôi cánh chả dài như đuôi công. Đầu nó có một chùm lông, trông như một cái ngù vàng và đỏ, tưởng như nó đang đội một cái mũ cánh chuồn. Nó nhìn xuống dòng suối, rồi lại nhìn tôi, kêu:

Kê … tai … kê … tai … mà tôi nghe như *kề tai …. .kề … tai … .*Tôi định dướn lên hỏi nó: ” Kề tai để làm gì ? ” Nhưng tôi chợt kìm lại, làm sao nó hiểu được tiếng người? Tôi chưa hề trông thấy một con chim nào như vậy ở quê hương. Tôi đã ngẩn ngơ nghe nó kêu lâu lắm, cho đến khi nó cất cánh bay đi.

Nhớ lại, lúc nói chuyện với cô Hoài, tôi được biết vợ chồng Phạm Lộc, cả gia đình bác Lý Văn Bang, cả cậu Sinh vua trèo dừa, cũng sang Úc. Và cậu Sinh cũng sẽ là rể tương lai, của bác Bang. Ngay buổi chiều hôm ấy, tôi đã gặp vợ chồng Lộc. Vì người ân, và vì món nợ danh dự 3 cây vàng, Lộc+ Liên chưa có địa chỉ ở Úc. Tôi và Lộc đều lờ đi “cái quắc mắt lườm” hôm ấy. Có thể thấy tôi và Hằng như không còn liên hệ, nên vợ chồng Lộc lại vồn vã như xưa. Phái đoàn Mỹ đã cho tôi một cái địa chỉ ở Mỹ, để liên lạc thư từ.

Hội IRC
140 Boyston st.
MA. 02101.

Tôi chẳng biết nó ở đâu, tôi cứ đưa cho vợ chồng Lộc để sau này phòng hờ, liên lạc. Ngày 8 – 6 tôi được chuyển vào Galang II, cách Galang I chừng 3 cây số. Galang II lúc ấy có khoảng 4.000 đồng bào, cũng có một ban đại diện.

Từ hơn một tháng trước, do tình cờ tôi quen một anh đại úy pháo binh, tên là Đỗ Văn Thịnh. Cái lon Đại Úy của anh phải đeo hàng chục năm, chỉ vì anh là loại người đứng thẳng bằng đôi chân của mình, và đầu của anh cũng không biết cúi. Đấy cũng là điều tôi trọng quý anh.

Sau khi anh biết sơ lược về chuyện tù đày của tôi, và thấy tôi cứ hay vào rừng một mình. Anh khích lệ, là tôi cần phải hòa đồng với mọi người.

Anh đã trên 50, và anh lại là người từ chối, không đi Mỹ, dù anh đã đi tu nghiệp ở Mỹ gần 2 năm. Anh đã xin đi Úc. Cũng chính do anh giới thiệu, nên khi vào Galang II tôi đã đảm nhận phần việc Trưởng phòng tiếp liệu. Vì anh đã hiểu tôi, nhìn lợi và danh, như nhìn lá cây trong rừng.

Phòng tiếp liệu ở một trại tị nạn, cũng chẳng có gì. Tuy vậy, do buổi đầu nhiều khó khăn thiếu thốn, cũng đã làm cho nhiều người khúc mắc. Cụ thể,

mấy ông trưởng phòng trước, cũng có một vài vấn đề. Cũng chẳng có gì: Mì gói, gạo, cá khô, xà phòng, trứng vịt, gà. Đôi khi có chăn màn, văn phòng phẩm v .v…do Cao ủy tị nạn cung cấp.

Tôi cũng đã đắn đo mấy ngày, dù chưa bao giờ có, nhưng danh và lợi đối với tôi vẫn bàng bạc như lá thu, còn cõng hè. Nhìn lại suốt 18 năm tù ngục, ở cả các trại tù trung ương. Nếu ham muốn, tôi cũng tạm đủ khả năng làm trật tự thi đua, buồng trưởng, đội hay toán trưởng. Nhưng cao nhất chỉ là tổ trưởng một tổ mộc kỹ thuật, về chuyên môn, đó cũng là chỗ đứng của tôi ở trong tù. Nếu không thì sẽ cũng như anh Luyện, "ăn đói nằm co, còn hơn ăn no, vác nặng". Nhưng mà nằm "co" một chỗ thì làm sao hiểu, biết được những sự việc ở bên ngoài trại chung?

Huống chi ở đây là làm cho mình, cho những đồng bào tị nạn Cộng Sản như mình, nên tôi đã nhận lời.

Ban đại diện khi đó, do anh Vũ Minh làm trại trưởng, bác sĩ Vũ Linh Huy là tổng thư ký và có 4 phòng: Trật tự, giáo dục, thông tin và tiếp liệu.

Phòng tiếp liệu có 5 nhân viên phụ giúp, lương tượng trưng mỗi nhân viên 500 Rupias, trưởng phòng 800 Rupias. Tôi ở thuộc Zone D, mỗi Zone từ 5 đến 7 banack. Tôi nhớ Cao Xuân Huy cùng tầu khi ấy, cũng là Zone trưởng một Zone.

Galang II bắt đầu có chủ trương mới, mọi người được nhận vào Galang II để đi Mỹ, đều phải được khảo sát về trình độ Anh Ngữ. Tùy theo trình độ để phân bổ thành các lớp học từ 3 đến 5 tháng. Sau đó, phải học thêm nếp sống văn hóa của nước Mỹ. Như thế, lớp cao nhất là C.O (Cultural only), nghĩa là, chỉ cần học để có khái niệm, về nếp sống văn hóa ở xã hội Mỹ.

Tôi do may mắn, và cũng có thể do ấn tượng, trong lúc trao đổi khảo sát, của những giáo viên Anh Ngữ Indo. Khi họ biết tôi đã được CIA huấn luyện đào tạo, ở Sài Gòn (hơn 20 năm xưa), nên tôi chỉ phải tham dự lớp C.O. Họ chăm chú, tò mò hỏi những chuyện, một mình tôi dám xông vào bên trong bức màn sắt của Cộng Sản?

Trong một cái trại tị nạn Cộng Sản hơn 4000 người, thì hàng ngày có nhiều những sự việc, tình huống xẩy ra. Có một sự việc vẫn còn đeo mắc, trong lòng tôi đến ngày hôm nay. Hôm ấy là một ngày phát phần thưởng mãn khóa cho các lớp học Việt Ngữ, của các cháu nhỏ từ 7 đến 15 tuổi.

Hàng mấy trăm các em thiếu nhi, hàng nghìn phụ huynh và đồng bào trong trại, có quan khách Indo và Cao ủy tham dự. Ngoài sân trại ban đại

diện, lá cờ vàng 3 sọc đỏ tươi roi rói, uốn éo sóng đôi với lá cờ Indo, mầu trắng đỏ, đứng bên cạnh.

Sau bài quốc ca chào cờ của Indo, đến khúc nhạc chuẩn bị chào Quốc Kỳ Việt Nam. Đứng trong hàng ban đại diện, tôi dõng dạc, hùng hồn cất cao lời ca, hòa đồng với hàng ngàn cái miệng, làm nóng sôi, râm ran bầu không khí của cả một vùng. Nhiều chỗ, tôi phải dựa vào chung quanh để gào, hát Quốc Ca từ hơn 20 năm không được dự hưởng.

Mắt tôi ngước nhìn lá cờ vàng, của Tổ Quốc giẫy dọn, như đang cuốn hồn dân tộc, khí thiêng của sông núi trong ánh hào quang của mặt trời, lòng tôi thổn thức rung rưng sung sướng. Nhiều người lên nói chuyện tôi đã quên rồi, nhưng ông Siu Năng Năng đại diện của Galang, nhìn xuống các em thiếu nhi Việt Nam, nhắc nhở:

- Rồi đây các em sẽ đến sống lập nghiệp ở một nước thứ ba (nước Mỹ). Các em hãy luôn luôn ghi nhớ mình là người Việt Nam, thì phải biết tiếng Việt Nam!

Bằng những âm sắc hơi là lạ của tiếng Anh, ông đã làm tôi xúc động đờ đẫn: "Một người Indo, lại quan tâm nhắc nhở con em của dân tộc tôi. Nhưng chính chúng tôi, những ai còn ý thức tự trọng mình là người Việt Nam? Tôi xin cảm ơn ông Siu Năng Năng mãi mãi ". Ông đã dậy cho tôi một bài học ý nghĩa.

Một thoáng chợt về gặp cụ Bàng Bá Lân:

Đừng lo đàn con dốt Anh Văn!
Mà sợ chúng quên gốc, quên nguồn, mà thôi.

Một buổi trưa, tôi đang ngồi làm tổng kết cho qúy hai, thoáng một bóng người lấp loáng, ngoài cửa văn phòng. Một anh chừng 4 chục tuổi, giọng Nam Trung nhẹ như ca, như hát:

-Ông là trưởng phòng hả? Vui lòng cho tôi xin một lọ corrector!

Sau khi được biết anh là Lý Tống, như thấy được món hàng tôi đang cần tìm. Dịp may đưa đến, tôi đã vồn vã, cả buổi chiều hôm ấy, anh và tôi đã say sưa đưa nhau ra hội trường vắng vẻ, đổi trao những chuyện quê hương và những chuyện đời. Khi đã là bạn bè, tôi đã trầm trồ muốn được đọc, xem cái kế hoạch tiêu diệt Cộng Sản anh đã nói với ông đại sứ Mỹ ở Thái Lan. Anh đã trả lời tôi là: " Anh quá nhiều sách vở, giấy tờ, bây giờ không biết để lẫn vào đâu? " Anh hứa sẽ tìm. Những lần sau tôi hỏi đến, anh vẫn chưa tìm thấy.

Một kế hoạch thần kỳ như vậy, thật đáng tiếc cho quê hương, cho nhân loại!

Cho tới ngày sang Hoa Kỳ, khóa học trước, sau, mỗi người một hướng, trong cái bao la của nước Mỹ với vạn nẻo đường tị nạn quê người, chưa một lần nào Lý Tống và tôi gặp lại. Dù khi chia tay ở Galang Lý Tống đã viết vào cuốn sổ của tôi một địa chỉ ở đại học Harvard để liên lạc, khi đến Mỹ. Thậm chí 2002, tôi đã lên đài Sống Trên Đất Mỹ để ca tụng những chiến công có một không hai của anh ở Việt Nam, ở Cuba.

Một lần, đài Sống Trên Đất Mỹ đã mời hai diễn giả trong một buổi lễ kỷ niệm của đài, là Lý Tống và tôi. Nhưng thật không may ngày ấy, dù ông Vạn Võ đã gửi vé máy bay sang, một lý do bất khả kháng, tôi không đi được. Tôi đã tưởng buổi ấy, để Lý Tống biết được tác giả Thép Đen chính là người đã quen nhiều với Lý Tống ở Galang.

Đã có những chuyện ngộ nghĩnh như một anh đại úy Dù (quen ở Galang), đã mua hai cuốn I+ 2 Thép Đen, gửi cho tôi với lời đề tặng: "Đây là một tác phẩm đáng giá, anh cần phải đọc" (Tôi vẫn giữ để kỷ niệm).

Cũng thật là hiếm trong lĩnh vực văn chương, mua sách của tác giả, để tặng cho tác giả. Cho đến bây giờ anh bạn đại úy ấy, cả Lý Tống và nhiều người nữa, vẫn hiểu ĐCB và người quen biết cũ, là hai người.

Một buổi trưa, tôi ở phòng tiếp liệu trở về barrack, bà con kháo nhau là cái cô Hoài rất ăn diện. Đêm qua, có một anh trung úy hải quân đã từ buồng của cô trèo qua cửa sổ ngã, phải đi băng đầu gối. Tôi thấy chuyện như vậy là bình thường. Biết bao nhiêu cô gái thích ăn diện lại không có tiền, trong khi thoát khỏi sự kiềm tỏa của gia đình.

Tôi đã đau lòng với những cô gái Việt, sóng đôi, hoặc thậm thụt với cảnh sát Indo. Tràn lan những chuyện ngược xuôi não ruột, thậm chí có cô bụng chửa, có cô đẻ con. Những vấn nạn này, nguồn gốc do đâu?

Một ngày chủ nhật, tôi rủ cậu Công và cậu Ngọc Anh (tên giống cô công an khu vực) lần mò ra cái nghĩa địa ở một nơi hẻo lánh, giữa Galang I và II. Tôi và hai cậu cứ lang thang cả buổi, hết ngôi mộ này đến ngôi khác. Gần hai chục nấm mồ vô chủ, đã nằm lại nơi đất khách. Như một chút lòng của người cùng một nước, chúng tôi thăm viếng.

Hai cậu đều là nhân viên phòng tiếp liệu, do một sự tình cờ năm 2001, tôi gặp lại cậu Ngọc Anh ở một Super Market. Mãi tôi mới nhận ra, cậu đã có sự nghiệp, nhà cửa vợ con ở thành phố Milton, cùng tiểu bang MA.

- 51 -

ĐÀM ĐẠO, BẠN BÈ INDO

Do những quen biết với một vài giáo viên Anh Văn người Indo, một ông 38 tuổi dậy văn hóa Mỹ lớp tôi là Darko Sin. Anh này rất thích nói chuyện với tôi, từ khi anh sát hạch, biết sơ qua CIA, đã đào tạo tôi ở Sài Gòn. Anh rất tò mò muốn biết nhiều chuyện tù đầy, trong chế độ CS miền Bắc VN. Vì thế, anh đã tổ chức một bữa cơm, có tôi và 5- 6 người bạn của anh. Mục đích, anh muốn tôi nói những nét chính yếu, tôi đã ra Hà Nội đầu 1962. Để hỗ trợ Anh ngữ ngập ngọng của tôi, tôi đã mời theo anh Vũ Linh Huy, tổng thư ký của ban đại diện trại.

Mở đầu bữa cơm, có nhiều chuyện đề cập, nhưng đều có chung một quan điểm: Trong sự quen biết giữa người với người, điều quan trọng bậc nhất là sự chân thành, dù có lúc gồ ghề, thô kệch, nhưng sẽ dài lâu.

Mấy người Indo, có anh là cảnh sát trưởng phòng hình sự Galang, và một ông trong ban Cao Ủ Tị Nạn. Các anh tỏ ra xề xoà thẳng thắn, đã nói thực: "Vì có các anh là Việt Nam, chứ chỉ riêng chúng tôi thường dùng 10 chiếc đũa trời, chẳng cần thìa, đũa, bát". Các anh nói là thực, chính tôi đã nhìn thấy những nhà dân Indo, thường ăn bốc.

Cơm nước bia, rượu đã lưng chừng, anh Darko Sin đứng dậy yêu cầu tôi tường thuật sự việc v.v. . . Anh cũng khỏa tay với mấy người bạn anh, là cũng muốn biết diễn tiến, của sự việc. Để đáp lại tình giao hảo, với tiếng Anh phải dùng tay phụ họa, tôi đã lần lượt tường thuật lại sự việc tôi ra Bắc, và trả lời mọi câu hỏi của các anh. Cuối cùng các anh dồn hết vào một câu hỏi:

- Tại sao nước Việt Nam, tình huống thế nào để bây giờ, các anh phải bỏ nước ra đi?

Một câu hỏi đơn giản, nhưng thật nhiêu khê để trả lời. Tôi và bác sĩ Huy nhìn nhau, anh Huy đã định trả lời, nhưng không hiểu nghĩ sao, anh lại bảo tôi cứ nói, rồi anh phụ.

Tự biết mình có nhược điểm ăn nói, uống một hơi bia đầy, hỗ trợ, ngồi trầm lắng một phút, tôi thấy sự việc lổn nhổn như một đống xà bần. Tôi nghĩ không gì bằng, hãy theo lời dậy của đức Khổng Phu Tử: tìm một thí dụ để minh giải, chỉ cần cho các bạn, hiểu khái niệm diễn tiến chính. Nghĩ như thế, tôi giơ tay làm hiệu, xin nói. Cả bàn ngồi yên, tôi nói đại:

- Thưa các bạn, khả năng Anh ngữ của tôi yếu kém. Tôi đưa ra một thí dụ để minh giải, xin các bạn cố gắng để hiểu tôi:

” Có hai ông bà cụ kia tuy quê mùa, nhưng rất hiền hòa, đôn hậu. ông bà sống với một đàn con ngoan. Ông bà giữ nền nếp gia phong, thường dậy đàn con: Con trai thì phải tuân theo ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Con gái thì phải ứng dụng tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh “. Tâm linh với đất, với trời, với thượng đế, với tổ tiên.

Một tên giầu có ở phương Tây sang chiếm ngôi nhà, lấy lý do là khai phá dạy bảo, cho biết văn minh. Thực tế nó bất cả nhà làm nô lệ, phải phục dịch nó, nhưng nó không hề động đến nền nếp gia phong, mà còn khuyến khích mọi người tôn thờ thần linh các tôn giáo. Tuy có lam lũ, khổ cực nhưng cuộc sống cũng tạm qua ngày.

Mấy nhà hàng xóm chung quanh, cũng bị những tên giầu có khác, cũng ở phương Tây đến chiếm nhà. Cảnh sống của những nhà hàng xóm đó, cũng khổ cực lầm than, như gia đình ông bà cụ

Một thằng con của ông bà cụ đi tha phương cầu thực trở về đã khích lệ, vận động ông bà cụ và các anh chị em, hãy đứng lên đuổi tên nhà giầu ác ôn đi. Ông bà cụ cũng như anh chị em, đều đồng ý góp tiền, góp công vất vả gian lao đã đuổi được tên nhà giầu chó chết đi.

Nhưng thằng con tha phương đã bắt anh chị em và cả ông bà cụ phải ăn, ở có tiêu chuẩn. Không được sang nhà hàng xóm chơi, và cũng cấm hàng xóm sang nhà mình. Nó còn cấm cả nhà không được thờ cúng ông bà tổ tiên, thần Phật hay Chúa nữa.

Thấy thằng con ngỗ ngược côn đồ, ông bà cụ và những người con khác định lấy tình cha con, anh em khuyên bảo cho êm ấm hoà thuận gia đình.

Nhưng tên con côn đồ ngỗ ngược đã không nghe, mà còn xúc xiểm, chia rẽ anh em cha con. Thậm chí, nó còn thủ tiêu anh chị em nào cứng cổ, đứng lên phản đối. Nó còn hành hạ bịt miệng cả bố mẹ và anh chị em, để rồi phải đánh nhau tơi bời.

Chín năm trường, đuổi được tên ác ôn nhà giầu trước đây là công lao của cả nhà, nhưng tên con ngỗ ngược này, nó dành hết là công của nó. Thực tế, đã đến giai đoạn, các tên nhà giấu phương Tây khác, cũng phải trả nhà dần hết lại cho hàng xóm, vì: Thế đã đến thời.

Cuối cùng căn nhà êm ấm của ông bà cụ phải chia đôi, thằng con ngỗ nghịch bịp bợm, rủ rê được một số anh chị em ngây thơ nhẹ dạ, ở nửa phần phía Bắc. Một số anh chị em đã biết mặt thằng đểu, đều về phía Nam căn nhà. Bố mẹ cũng biết dã tâm của thằng con ngỗ ngược, nên đã về phía Nam

sống với.đàn con hiền hòa, ngoan ngoãn, biết thờ cha kính mẹ, giữ truyền thống đạo lý của gia đình, tổ tiên.

Không ngờ dã tâm của thằng con ngỗ nghịch ở miền Bắc, dùng trăm mưu nghìn kế, làm sao để nó chiếm cả ngôi nhà. Bố mẹ cũng biết là thằng con mất dạy, nhưng vẫn không ngờ là nó đâm lén cả bố nó gần chết, nên nó đã chiếm được cả ngôi nhà. Ông bố bị nó dán băng kín cả miệng đang nằm dưỡng thương một chỗ. Chúng tôi đã biết cái máu rắn độc của nó, bố nó mà còn bị đâm lén, bịt miệng, bịt mồm, huống chi là anh chị em. Cụ thể anh em nào phản đối, nó giết hoặc cho vào nhà tù. Chúng tôi là những người chạy thoát sang đây. Cả 6 – 7 người đều đứng dậy vỗ tay, anh Darko Sin đã cười nói:

- Thằng con ngỗ nghịch là Hồ Chí Minh!

Rồi ông Cao Ủy cũng dõng dạc:

- Ông cụ bị đâm lén và các đứa con ngoan, là Việt Nam Cộng Hòa?

Tôi không định mà tay vỗ đồm độp, tự thưởng cho tôi đã sắp xếp tạm đống xà bần, đồng thời cùng mọi người nâng cốc, thêm rượu. Anh cảnh sát trưởng hình sự đã đứng lên mặt đỏ bừng, nhìn tôi mắt trợn trừng, tưởng như anh sừng sộ với tôi. Tay của anh chặt chặt, vào không khí:

- Ngày 30-9-1965 đến tháng 3-1966 chúng tôi đã chặt cổ hết tụi nó!

Tôi và BS Huy đều ngơ ngác, thì anh Darko Sin đã đứng lên từ tốn, rành mạch:

- Để đáp lại tôi cũng xin tường thuật vài nét sơ lược, về đất nước tôi:

” Khoảng cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60 ông Shokarno làm tổng thống, đứng đầu những nước trung lập, lãnh đạo khối thế giới thứ ba. Ông ta được các nước Cộng Sản nhiệt liệt hoan nghênh, nhất là Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh. Khi ấy HCM đã thổi Shokarno như một anh hùng sáng chói của thế giới, những bài ca ra rả trên đài như:

Shokarno… .Hồ Chí Minh.

Đất nước vạn dừa .xanh.

Anh nhìn sang đây, tôi nhìn sang đây……..

Trong khi Mao tung cán bộ vào Indo, vì có nhiều người Hoa kiều ở khắp các đảo, chúng bí mật tuyên truyền lập nhiều tổ đảng Cộng Sản, ở khắp các cơ quan đầu não. Trong quân đội chúng có những đường dây chằng chịt, để rồi đêm ngày 30- 9- 1965, bất ngờ chúng bắt tất cả những tướng chủ chốt, của quân đội gồm 7 tướng và làm một cuộc đảo chính. Chúng đã giết và chặt cổ 6 vị tướng, một vị tướng đã trốn thoát là Shoharto.

Ông ta mau chóng, kịp thời củng cố quân đội, và những vệ binh cảnh sát Quốc Gia, quyết liệt phản công lại lũ Cộng Sản. Cho tới sáng ngày hôm sau, một phong trào rầm rộ của quần chúng nhân dân, đã cùng với quân đội lùng sục mọi tàn dư của đảng PKI (đảng Cộng Sản Indo). Lòng phẫn nộ của quân đội và nhân dân trong một năm đã giết, chém cổ gần một triệu (1 000 000) tên côn đồ, phản tổ quốc này. Giữa tháng 3-1967, toàn dân nhất trí bầu ông Shoharto lên làm tổng thống, theo chế độ Cộng Hòa. Nước Indonesia đã gia nhập trở lại Liên Hiệp Quốc và hiệp hội ASEAN.

Ông Shokarno đã ngả theo và dung túng Cộng Sản, nên bị quần chúng quản thúc, giam ở trong tù và đã chết ngày 21-6-1970. Hiện nay tổng thống của Indo là tướng Shoharto.

Anh Huy và tôi, cả những người Indo đều đứng dậy vỗ tay cảm ơn anh Darko Sin. Tôi tưởng bữa cơm họp mặt hôm ấy, đã tạm thời ổn thỏa.

Nhưng sau đó, cái ông trong Cao Ủy (rất tiếc tôi không thể nhớ được tên) đã nhìn tôi, rồi đưa ra một vấn đề băn khoăn khó hiểu, của ông. Ông đã đứng hẳn lên thong thả rõ ràng:

- Chế độ Cộng Sản đã đưa đến nghèo đói, lầm than cho mọi người dân, trong nước. Mọi quyền tự do, kể cả tôn giáo đều bị bóp nghẹt. Tại sao trên thế giới còn rất nhiều cá nhân, đoàn thế, nhất là giai cấp trí thức, vẫn nồng nhiệt, nếu không nói là say mê, ủng hộ làm lợi cho Cộng Sản?

Anh Huy và tôi lại nhìn nhau, anh Huy lắc lắc đầu nhìn tôi như muốn nói gì. Tôi hiểu ý của anh là: ” Lại một vấn đề hắc búa, không phải chỉ trả lời một câu đơn giản “. Đã có hơi men, giữ nhịp độ ca-lo-ri trong người, thái độ của anh Huy như thế, làm nhịp độ trái tim “cuồng” của tôi phồng hơn. Như một đòn bẩy vào chỗ coi trời, bằng hòn đảo JAVA. Tôi đứng dậy nhìn thẳng vào ông Cao Ủy Tị Nạn:

- Xin cảm ơn ông đã hỏi một câu khá độc đáo. Một sự việc đang nóng bỏng trong thời đại, của chúng ta. Để làm sáng tỏ điều băn khoăn của ông, phải nói nhiều, nói dài, mà bữa cơm của chúng ta hôm nay đã tối muộn.

Vả lại điều thắc mắc của ông thực tế, đã được trả lời rồi. Qua nội dung thắc mắc, ông là người rất quan tâm đến xã hội và thời đại. Do thời gian và sự kiện, có rất nhiều bí ẩn lịch sử đã được bạch hóa.

Xin ông hãy lắng đọng, một mình nghĩ suy và tìm lại báo chí tài liệu: Những trí thức thiên tả, thiên Cộng Sản của Indo, cụ thể là một tổng thống Shokarno. Ở nước tôi: một số trí thức từ Pháp, từ Đức về nước theo Cộng Sản.

Ngoài thế giới, đầu tiên là Phong trào Caucaise vùng Tây Bá Lợi Á, mà Lênine đã lợi dụng như thế nào. Biết bao nhiêu cá nhân mà cụ thể là triết gia, bác học Bertrand Russell người Anh, giải thưởng Nobel văn chương 1950 (18-5-1872, chết 2-2-1970). Mới đây là cô đào Jane Fonda đã vẻ vang tự hào, ngồi trên mâm pháo của Việt Cộng. Ngay mới đây là những trí thức và mặt trận giải phóng, tức Chính Phủ Lâm Thời Cách Mạng Miền Nam. Những nhà trí thức khoa bảng như Nguyễn Hữu Thọ, Đào Sĩ Chu, Nguyễn thị Bình, Hoàng Phủ Ngọc Tường v.v. . . nhiều lắm.

Muốn nhìn rõ bản chất sự việc, phải đào sâu, xét kỹ hoàn cảnh cá nhân, gia đình điều kiện xã hội, chủ quan, khách quan, không gian, thời gian. Rất nhiều nguyên nhân, yếu tố nhưng có một cái chung: Mỗi người giỏi, xuất sắc về một lĩnh vực. Các ông, các bà tiến sĩ, thạc sĩ, bác học, họ đã đầu tư gần hết trí óc và thời gian, miệt mài để có những bằng cấp của họ.

Vì vậy, ở những lĩnh vực khác họ lơ mơ, phiến diện, nhất là lĩnh vực chính trị, nên hầu hết là ngây thơ nông cạn. Khi đã giỏi, xuất sắc một lĩnh vực, thì các lĩnh vực khác kém, nông cạn là một điều tất yếu, bình thường, của một người.

Nhưng một điều ngộ nhận của đa số quần chúng, và chính bản thân những vị trí thức này: Những người có bằng cấp cao như thế, thì lĩnh vực nào cũng giỏi, cũng quán thấu. Do đấy họ nghiên cứu về chủ nghĩa Cộng Sản chỉ trên lý thuyết, sách vở (Lý thuyết và sách vở thì chủ nghĩa CS đẹp và lý tưởng lắm), rồi họ hành xử, phát biểu đàng sau cái bằng cấp, của họ.

Tôi hiểu ông Cao Ủy, và mọi người chưa thỏa đáng lắm, sự trả lời của tôi, nên tôi nói tiếp:

- Thưa ông và các bạn, tôi vừa đưa ra chỉ có tính cách gợi ý, đề nghị các bạn tự suy ngẫm, tìm hiểu thêm trong thực tế. Một điều nữa xin các bạn lưu ý: Chủ nghĩa Cộng Sản do thời gian và thực tế đã có chiều hướng, không còn phù hợp với con người tự nhiên. Muốn duy trì, chúng phải bịp bợm, lôi kéo, gây mâu thuẫn, để chia rẽ, phía thế giới tự do của chúng ta. Chúng nghiên cứu mọi cá nhân, đoàn thể có uy tín với quần chúng. Một câu nói, một việc

làm do vô tình của người này, đoàn thể kia, chúng chộp ngay, đề cao, thổi phồng. Nếu không tỉnh táo, chúng ta vội vàng phản đối, chê bai. Người ấy, đoàn thể đó đã tách ra và bị lôi dần về phía cảm tình với Cộng Sản.

Đột nhiên anh cảnh sát trưởng phòng hình sự đứng lên, điềm đạm đưa ra ý kiến:

- Tôi biết ngay trong đám người tị nạn ở đây, có nhiều người hoạt động bí mật cho Cộng Sản. Từ đấy suy ra trong các cộng đồng người Việt tị nạn ở hải ngoại, không thiếu những người vẫn bí mật, làm việc cho Cộng Sản. Anh có thấy như thế không?

Tôi không ngờ người Indonésia, hiểu biết nhiều về Cộng Sản, như vậy. Họ đưa ra toàn những vấn đề phải đàm đạo, mổ xẻ truy nguyên từng chi tiết. Tôi chỉ nói ngắn gọn, vì đã đến giờ mọi người ra về :

- Từ trước tới bây giờ, thế giới cũng như riêng Việt Nam, biết bao nhiêu tấm gương người thực, việc thực về những người nằm trong xã hội tư bản hoạt động bí mật cho Cộng Sản. Các người này có thấy hay ít ra cảm thấy: Cộng Sản kỵ nhất, nhưng vẫn phải dùng những người đã biết và nếm mùi của xã hội tự do tư bản!

Chúng biết những người này sớm hay muộn, sẽ lửng lơ không chịu ngoan ngoãn trong khuôn khổ sắt máu độc tài của chúng. Vì vậy, mỗi người chúng gửi đi nước ngoài, chúng phải nắm chắc được xương sống của người đó. Coi như chúng đã cấy "Sinh tử phù" người đó, phải hoàn toàn ngoan ngoãn, làm theo ý của chúng.

Rồi sẽ đến một ngày, như một lũ chó săn, đã hết mồi, không còn giá trị lợi dụng nữa, nuôi chúng trong tay chỉ có hại. Điển hình vừa đây nhất là: Vũ Ngọc Nhạ và Phạm Xuân Ẩn. Những người nằm vùng, hoạt động cho Cộng Sản, ai đã có công lao to lớn bằng Nhạ và Ẩn? Bây giờ cuộc sống ra sao?

Chúng là loại chiến lược: Nhạ là Cố Vấn tin cẩn nằm trong phủ Đầu Rồng của Tổng Thống Thiệu. Còn Ẩn đã được thời cụ Diệm đưa đi học lớp báo chí nhiều năm ở Hoa Kỳ. Để rồi hầu hết những tờ báo lớn của Mỹ và phương Tây, thậm chí cả những cơ quan tình báo của CIA, đã là những vỏ bọc vững chắc cho Ẩn. Y đã dễ dàng lấy được hầu hết những tin tức chiến lược, hay tung hỏa mù làm lạc hướng, các cơ quan có trách nhiệm.

Đến khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, để làm mồi câu những con chó săn khác, sau này. Chúng phong cho Ẩn là Đại Tá, rồi mới đây (1980), chúng gán cho cái lon Thiếu Tướng, phụ trách những việc không thực quyền, ngồi chơi xơi nước. Người quen tôi ở Sàigòn cho biết: năm 1982 Ẩn sống một

mình, âm thầm trong một cái villa với 6, 7 con chó, trên đường Kỳ Đồng, Dòng Chúa Cứu Thế.

Lý do những tên nằm vùng của Cộng Sản, về cuối đời thường cô đơn, sống lủi thủi bó chặt nỗi ẩn ức. Chủ không dùng nữa, để cho ngồi chơi xơi nước, chứ không có thực quyền. Tâm trạng tên nào cũng ôm ấp, ít nhiều lòng kiêu hãnh tự tôn, với chung quanh. Nhưng bạn bè, thậm chí họ hàng thân quyến, cho đến quần chúng, không ai ưa loại người sống lá mặt, lá trái, nên chẳng ai muốn quan hệ.

Nói tới đây, tôi và anh Huy nhìn nhau, đều đứng dậy, vì trời đã tối muộn quá rồi. Với những cái bắt tay nồng nhiệt, anh Darko Sin còn nói to:

- Chúng ta sẽ gặp lại, còn nhiều điều phải đàm đạo.

BẦU TRỜI TỰ DO

Anh Huy và tôi đã khoác tay nhau trở về khu trại. Khi nãy phải trả lời những điều mà tôi vẫn chưa quán triệt, nhưng vì lòng tự trọng một người Việt, nên tôi đã nhờ cụ Lưu Linh hỗ trợ hơi nhiều. Bây giờ chân tôi bước có lúc cảm tường người nhẹ bổng, bay được. Anh Huy đập vào vai, làm tôi lấy hồn lại. Anh chỉ lên trời, phóng giọng vào gió lộng:

- Anh Bình có nhìn thấy một cái tai bạc, to tướng kia không?

Đúng rồi, trăng nửa một tí thừa dựng đứng, như một cái tai người, dán lên mầu xám sậm của bầu trời Galang.

Sáng hôm sau tôi đã nhận được giấy báo 5 ngày nữa, cùng một số đồng bào rời Galang đi xứ Cờ Hoa, ngày 18-1 1-1983. Lộ trình "diện chùa" của tôi: Singapor – Tokyo – San Francisco – Denver- Boston. Ngày đi, một số bạn bè tiễn đưa, mấy giáo học Indo trong có anh Darko Sin. Đặc biệt, bác sĩ Huy đã tặng tôi tập nhạc VietNamese English, khổ công sưu tập của anh, qua trí nhớ của mọi người. Tôi rất qúy tập sách nhạc đơn sơ này, như gói ghém một chút hành trang văn hoá, của Mẹ Việt Nam.

Kính thưa quý vị, chí của ai cũng muốn đào sông lấp biển, nhưng khả năng thì có hạn. Cho nên, tôi chỉ làm những điều, tôi có thể làm được.

Tôi xin cảm tạ sự kỳ diệu, nhiệm mầu của đời đã hỗ trợ tôi, trả nết món nợ nhỏ của một người vô danh, với dân tộc, với Tổ Quốc.

Boston, ngày 9- 10- 2004

ĐCB

LỜI KẾT

Thoảng nghe "phôn" réo bên tai,
Giật mình tưởng kẻng sớm mai nhà tù

Hình ảnh những bộ xương còn di động trên chốn lao trường, những nấm mồ hoang lạnh giữa rừng sâu, dư âm những tiếng thở dài lê thê xen lẫn những tiếng rên siết quằn quại trong đêm dài tăm tối… và những cặp mắt khát khao nhẫn nhủ ngày tôi chia tay, vẫn lảng vảng vấn vít trong hồn; tất cả như đang khẩn nài, gào thét, đòi hỏi tôi phải thực hiện "Bản di chúc sống của họ"*.*

Đó là mấy dòng trích đoạn LỜI TÂM SỰ khi tôi bắt đầu viết và in Thép Đen I. Bây giờ tôi đã viết xong tập IV, coi như kết thúc cuộc hành trình gian khổ, chiếm trọn giai đoạn thanh xuân nhất của đời tôi. Từ khi bắt đầu viết Thép Đen I, đến hết Thép Đen IV, thời gian là 20 năm. Có giai đoạn hàng chục năm, tôi cầm bút lên rồi lại hạ bút xuống, làm hết quyết tâm này đến quyết tâm khác, hết bạn bè thúc đẩy cho đến giao kèo với con cái…

Bây giờ tôi như cất được một gánh nặng cuộc đời, gánh nặng trách nhiệm đối với quê hương, với bạn bè mà phần lớn đã nằm xuống lòng đất lạnh, chìm dần trong quên lãng. Tôi cũng thấy trang trải được món nợ với các thế hệ con cháu, ghi lại cho chúng về một giai đoạn, một hệ quả thương đau đến tận cùng nhân tính và nhân phẩm do chủ nghĩa Cộng Sản gây ra.

Tuy vậy, giữa đống xương khô, sình lầy máu mủ đó, tôi đã nhặt ra một viên ngọc quý.

Trong cuộc sống, mỗi khi tôi gặp khó khăn trở ngại, buồn nản, tưởng không thể vượt qua, nghĩ lại 6 năm dài cơ cực, quằn quại đói rét, cùm khóa ở xà lim Hoả Lò Hà Nội, như có một nguồn sinh lực thần kỳ đã nâng cao ý chí chịu đựng của tôi, nỗ lực vượt lên. Tôi lại lạc quan yêu thương đời như mọi người.

Quả vậy, ngay trong sinh hoạt bình thường, tôi nằm, tôi muốn để chân ở đâu thì để, đâu có phải đút chân vào cái cùm hộp sắt, trở mình cũng đau buốt khó khăn. Đầu tôi, đâu có phải chui vào cái túi vải, khâu bằng giẻ chùi của các bà cán bộ trong nhà cầu, mỗi đêm để chống muỗi? Ngứa chỗ nào, tự do gãi chỗ ấy, muốn đi tiểu, đi tiêu , tôi bò nhổm dậy vào nhà xí, đâu phải vặn vẹo người, nghiến răng buốt nhói, ngồi trên cái "bô" rỉ, đưa lên sàn "ciment" mình nằm?

Hơn nữa, nỗi buồn, niềm đau cay chua nghiệt ngã lại là chất men, nước mầu rắc tưới cho cuộc sống, như cánh sen ngát hương thơm trong chiếc ao đời.

Sau hết, tập hồi ký Thép Đen đã quấn cuộn hết cuộc đời, ngấm thẩm cả hồn tôi, vào từng trang sách.

Đặng Chí Bình

TẤM HÌNH KỲ DIỆU CỦA ĐỜI

Một đêm 6/1972, tại K3 trại Trung Ương số 1 phố Lu, Lào Cai, bốn người này ngồi ủ rũ, tâm tư mỗi người trăn trở vơi đầy của những kiếp tù khác nhau. Nhưng có một cái chung là đều nghĩ chẳng bao giờ được về sống ngoài xã hội như mọi người. Lầu Chí Chăn (người nhái) đã phát biểu: *Ước gì khi chúng mình chết, được chết no!*

Hình này chụp ngày 6/3/2005. Sau 33 năm, với bao nhiêu đổi thay, chìm nổi của quê hương, cuộc đời và thế giới, 4 người này lại ngồi với nhau tại Westminster, CA.

Xin vài phút lắng đọng, suy tư để thấy cái kỳ diệu của kiếp người (ngay ở xứ Hoa Kỳ, mỗi người ở mỗi nơi. TG ở mãi bên bờ Đại Tây Dương)

Tác giả ngồi đối diện với Nông Văn Hinh, Lầu Chí Chăn ngồi sau TG, đối diện với Lưu Nghĩa Hưng. Nhắc chuyện xưa, Chăn lại phát biểu: *Bây giờ, chúng ta lại sợ chết no!*

NHÀ TÙ HOẢ LÒ HÀ NỘI

Tôi có thể chỉ từng xà lim, từng cây bàng, các buồng trại chung (ĐCB)

Tấm hình duy nhất trong tù (tháng 7-1978)
do anh Tâm y tá trại công nhân Hồng Thắng chụp
tác giả và người nhái Lê Văn Kính (ngậm thuốc lá)
(Chương 12 : Ra Chiếc Lồng To)

Ban Đại Diện Trại tại Pulau Galang (đầu năm1983)

ĐCB và 3 cậu nhân viên Phòng Tiếp Liệu (đầu năm 1983)

Ông Sedgwick Tourison muốn dịch THÉP ĐEN
(tháng 12-1991)

Tóm lược thêm vài sự kiện:

* Đầu năm 1992, tôi đã đến ngôi nhà của Karl Marx ở thành Trier (Tây Đức). Do một sự may mắn, tôi đã được gặp và hầu chuyện một số đồng bào đầu tiên, chạy từ Đông sang Tây Đức trong một trại tị nạn, (có những chuyện sốt dẻo đặc biệt) khi bức tường Bá Linh bị phá đổ.

* Tháng 11- 2003 do tình cờ tôi đã gặp lại anh BS Huy ở nhà thờ Saint Williams, Dorchester tại Massachusetts, sau tròn 20 năm, không có tin gì về nhau. Anh không nhận ra tôi, nhưng tôi đã nhìn ra anh.

Lúc đầu, trong đám đông, tôi vờ xô vào anh. Quay lại anh vẫn chưa nhận ra, để tôi phải nói: *"Bác sĩ Vũ Linh Huy, Tổng Thư Ký Ban đại diện Galang"*, bấy giờ anh mới ôm lấy tôi. Hiện nay anh làm việc ở Carney Hospital, Dorchester.

Ngày vợ con anh đến nhà tôi chơi. Tôi đã đưa tập nhạc với lời tặng của anh từ tháng 11-1983. Ngay tại bàn ăn anh đã phóng bút 20 phút, một bài thơ anh ghi thêm, vào bìa trong tập nhạc:

Gặp lại anh Bình

Gặp nhau ngắn ngủi tại Ga- Lăng
Ít lời nhưng thanh khí lẽ hằng
Bởi mong đất nước mau thống nhất,
Suýt cho Hồ tặc, sớm vào lăng.
Biệt giam, cùm xích, tâm không nhụt,
Hát hò, tranh đấu, chí càng hăng.
Hai mươi năm chẵn, giờ gặp lại,
Mừng anh tiết tháo vẫn khăng khăng.

Vũ Linh Huy

Tôi không ngờ, anh Huy có khả năng xuất khẩu, thành thơ.

* Cũng do một sự may của đời, qua tài liệu Nhà Trắng, ông Tourison (viết Secret War, Secret Army) tên Phan hay François một người trực tiếp huấn luyện tôi. Tôi đã đề cập nhiều đến trong Thép Đen 1, lại là người CS đã mua chuộc, dụ dỗ được. Năm 1997, một người bạn Nhái (biệt hải) sang Mỹ sau, có gặp Fan ở Sài Gòn. Tên thực là Đỗ Văn Tiên, y cũng có nhiều công lao với Việt Cộng, nhưng bây giờ chúng cũng cho ngồi chơi, dậy tư Anh Văn kiếm sống. Đi Mỹ thì không dám, sợ phải trả những món nợ của anh em Biệt Kích, Gián Điệp. Riêng tôi từ quan điểm nhân bản tình người, chuyện gì thì cũng đã qua. Tôi có ý tưởng nếu có điều kiện, tôi muốn gặp lại hết những cán bộ

Cộng Sản, tôi đã gặp trong trại giam. Nếu còn ai tất nhiên đều là những cụ già, gạt hết mọi chuyện đã qua, chỉ gặp lại để thăm hỏi sức khỏe của nhau.

Từ quan điểm này, tôi đã viết một lá thư ngắn mươi mười lăm dòng, cũng gạt chính trị ra ngoài lề, gửi cho Đỗ Văn Tiên. Để tôn trọng và tỏ lòng kính nhi, tôi đã mua 3 chiếc tem (Quốc Tế) để anh ta trả lời. Nhưng cho đến nay vẫn không có hồi âm, không biết Phan có còn trên dương thế ?

* Cha Tông nhà thờ cửa Bắc Hà Nội, do một sự tình cờ năm 2000, tôi mới được giải đáp vì sao tôi bị phản gián Hà Nội phát hiện, ngay từ nhà thờ Cửa Bắc? Tôi mất nhiều đêm không ngủ vì đau đầu. Có ngờ đâu, tôi dùng mọi khả năng nghiệp vụ len lỏi về đến Hà Nội, và đã tự mang mỡ đến nộp cho mèo. Chính cha Tông đã nhận nhiệm vụ với tình báo của Cộng Sản. Bất cứ một người nào trong Nam ra, đến gặp cha thì phải báo cho phản gián Hà Nội.

Hiện nay 10 – 2004, Cha Đỗ Tông đã bị liệt (do tai biến), cấm khẩu nằm chờ chết ở một gian phòng vắng trong Nhà Chung, Nhà Thờ Lớn Hà Nội. Do linh mục TTK, cũng bị liệt một chân, buồng bên cạnh, cho biết. Tôi muốn nói với Cha Tông vài lời, nhưng đành chịu (người không nói được).

* Hoàng Thanh tên hung thần ở phân trại E, trung ương số 1 Lào Cai 1968, tôi đã gặp.

Hoàng Đình Mỹ, một biệt kích duy nhất, là công nhân (đểu) ở trại Thanh Lâm (Thanh Hóa) được đi phép về Nam (12/1980). Anh vượt biên đến Thái Lan, rồi đã gia nhập phong trào Phục quốc của ông Lê Quốc Túy, trở về Việt Nam hoạt động. Xâm nhập Đá Bạt, Cà Mâu (2/9/1981) Việt cộng đã chờ sẵn để bắt lại. Anh bị chúng kết án chung thân. Do áp lực của Quốc Tế (20/7/1998) CS tha về. Ngày 12/8/2002 anh đã đến San José CA.

Anh cho biết Hoàng Thanh hiện là cục trưởng Cục Lao Cải, thay Lê Hữu Qua. Mới đây y lại kiêm thêm Cục An Ninh đặc biệt nữa.

Ngay từ cuộc di cư từ Bắc vào Nam, 1954 Việt Cộng đã cài người lẫn lộn theo đồng bào di cư để hoạt động cho chúng. Huống chi 30- 4- 1975, kỹ thuật của chúng càng cao, càng tinh vi: Di tản, vượt biên, HO, đoàn tụ gia đình, sinh viên du học v.v… Chúng toàn quyền nhào nặn (giấy tờ, huấn luyện. . .) trong những bàn tay phù thủy bịp bợm. Điều đương nhiên ở khắp nơi trên hải ngoại, nơi nào có cộng đồng người Việt đều có người của chúng, nhiều tầng, nhiều loại. Bất cứ một cá nhân hay một tổ chức đảng phái nào, muốn chống Việt Cộng phải tập họp, những người cùng tâm huyết, tinh thần.

Từ đấy, ngay trong những hạt nhân đầu tiên này, trong bộ tham mưu của tổ chức, đã có người của chúng. Lúc đầu, chúng ủng hộ tạo điều kiện, để phát triển. Mỗi lần là một mê lưới, bắt dần những con tôm lớn, nhỏ, chìm, nổi, chống chúng. Mục tiêu tối hậu, là duy trì chỗ ngồi của chúng vững chắc yên lành. Cho nên, Hoàng Đình Mỹ được chờ sẵn là tất yếu.

* Năm 1994, Lưu Nghĩa Lương đi HO sang Hoa Kỳ. Tôi và Lương đã gặp nhau nhiều lần. 10/03, tôi sang CA gặp một số anh BK, để thẩm định lại, một số sự kiện. Trong số anh em, tôi gặp có Lương. Một hôm, chợt như Lương nhớ ra một việc, quay lại tôi như khoe:

- Anh Bình còn nhớ Tằng toét không ?

Ngạc nhiên, không hiểu sao Lương lại nói đến tên Tằng? Tuy vậy, tôi vẫn cười, trả lời:

- Nó có quên anh, chứ anh muốn quên nó, cũng không được !

Lương nói như phát kiến một ý lạ :

- Anh có biết không, đầu 1992, em gặp anh Mạc Lịch và Tuấn Nguyệt ở Bà Chiểu. Anh Lịch kể lại tuần trước, anh tình cờ gặp Tằng Toét, đeo hàm Thiếu Tá. Tằng cho biết y mới vào Sàigòn chơi, hơn một tháng. Y rất vồn vã cởi mở, y nói: "Tôi có vào Sàigòn, mới biết, tôi cũng bị lừa, tôi xin lỗi các anh!".

Nghe Lương thuật lại, đầu tôi vẩn lên: Chẳng qua, chủ nghĩa CS mới bị phá sản ngay tại cái "nôi" sản sinh ra, tên Tằng chưa biết ra sao, nên y tỏ ra như vậy (nên không thể tin được). Vả lại, chúng ta đã thấy, ngay những tên Bộ chính trị, hay trung ương đảng, những loại bậc thầy của Tằng Toét, nếu còn duy trì cái chủ nghĩa lỗi thời cũng chỉ vì cái ghế, hay nồi cơm của họ mà thôi. Chẳng biết tên Tằng có nghe thấy ông Gorbachev (người thầy của những người thầy tên Tằng) tuyên bố chắc nịch: Chủ Nghĩa Cộng Sản, chỉ có thể thay thế, chứ không thể thay đổi.

* Cô Vân y tá Hỏa Lò.

Một vị linh mục trẻ ở CA. là một độc giả của Thép Đen. Vị linh mục này chạnh lòng muốn tìm gặp, để giúp đỡ ba nhân vật: Đào Thị Bắc, Phùng Văn Trí, và cô Vân y tá Hỏa Lò. Vị này đã tìm gặp tác giả. Do một sự kỳ diệu của đời, tôi đã liên lạc với cô Vân ở Hà Nội. Rồi năm 2003 do vợ chồng một anh bạn cùng khóa 11 Đồng Tiến ở CA. đi du lịch, đã đến tận nhà cô Vân ở Hà Nội để ghi hình ảnh. Cảnh sống của cô khá giả hơn tôi ở Mỹ, nên tôi cũng thoải mái lòng.

* Toán Biệt Kích Hector A.

Toán BK Hector A, gồm 14 người. Ra Bắc ngày 22/6/66.

Toán trường là Bùi Quang Cát, cố vấn của toán là Nguyễn Hữu Luyện. (Đặng Đình Thúy là cố vấn của toán Hector B, 12 người, tôi đã tường thuật). Từ ngày Hoàng Đình Mỹ sang CA, tôi trao đổi phone với Mỹ và Bùi Quang Cát cùng ở San José nhiều lần, mới nhất (9/2/05). Sau đây, tôi xin sơ lược về toán Hector A: Địa bàn hoạt động ở Cà-Roòng Quảng Bình (đường mòn HCM). Toán xuống đúng một tháng, một ngày thì bị bắt:

- Bùi Quang Cát, toán trưởng hiện ở San José.
- Nguyễn Hữu Luyện, cố vấn hiện ở MA
- Nguyễn Văn Toán, truyền tin trưởng hiện ở Mỹ.
- Trần Hữu Tuấn, vũ khí phá hoại hiện ở Mỹ.
- Nguyễn Văn Thùy, truyền tin phụ hiện ở WA.
- Đỗ Văn Tính, toán viên hiện ở Hoà Lan.
- Đinh Văn Vượng, toán viên hiện ở Mỹ.
- Trần Văn Tiếp, toán viên hiện ở TX.
- Trần Hữu Thức, toán viên hiện ở Xóm Mới Gò Vấp VN.
- Vũ Đình Giao, toán viên hiện ở Mỹ.
- Hoàng Đình Mỹ, toán viên hiện ở San José.
- Nguyễn Ngọc Lâm, toán viên hiện ở Santa Ana.
- Nguyễn Mạnh Hải, liên lạc dẫn đường, vì ở Thái về. Biết tiếng Thái và dân tộc thiểu số. Vượt biên, bị chết ở Thái Lan.
- Đỗ Văn Tư, toán viên. Tư có cái nhẫn, bị cướp vào nhà, lột. Tư chống cự, bị cướp giết 1992 tại đường Nguyễn Thế Hiển, Chợ Lớn.

Toán vì sao bị lộ, bị bắt ? Tôi nghe nhiều tình huống, nhưng không phải chủ trương của người viết, nên tôi không tường thuật chi tiết. Toàn toán phải bị dong đường bộ từ Quảng Bình về đến Hoà Lò, Hà Nội hơn 1 tháng trời.

Bài viết của Phanh Thanh Vân

Hôm nay đã là 29 tháng chạp, chỉ còn vài ngày nữa là Tết rồi. Tết năm nay là Tết Tân Hợi (1971) và đúng là cái Tết thứ 10 mà mình sống bơ vơ, xa gia đình, xa quê hương xứ sở.

Chiều hôm nay, sau khi hoàn thành xong chiếc giường đôi rẻ quạt, gã chính ủy (ủy viên chính trị) quản lý hợp tác xã mộc Đồng tiến ở thị xã Ba vì, tỉnh Sơn Tây gọi tôi lên văn phòng và nói:

-Anh nghỉ việc sáng hôm nay, về lán thu xếp để chuẩn bị ngày mai về Hà nội.

Tôi thắc mắc:

-Dạ, báo cáo cán bộ, tôi về Hà nội có chuyện gì và về bao lâu?

Gã lạnh như tiền:

-Anh đừng thắc mắc, đó là lệnh trên của Trung ương, tôi cũng không biết lý do. Anh cứ chuẩn bị sẵn sàng đi, và có lẽ anh sẽ không trở về đây đâu.

Ra khỏi văn phòng cán bộ, tôi trở về lán thu xếp đồ nghề mà trong lòng nghĩ ngợi miên man; lại cái gì đây?Được đưa về đây sống quản thúc ở hợp tác xã mộc này đã gần 2 năm nay, ngày ngày tháng tháng lòng mình lúc nào cũng thấp thỏm lo âu với cái tội nặng nề thầm kín mang trong người là "giặc lái Mỹ ngụy"

Năm 1961, sau khi lãnh cái án tù 7 năm, là từ Hỏa Lò Hà Nội đến trại này trại kia, cuối cùng là trại E Phố Lu (Lao Cai), tôi đã "ngoan ngoãn" cải tạo tư tưởng để trở thành "thành phần tiến bộ", để sau khi hết án 7 năm tù, được hưởng thêm 2 năm "tự giác" ở lại trại giam. Và cuối cùng cho đến năm 1969, tôi đã thở phào nhẹ nhõm người khi được nhân dân, Đảng và nhà nước trả tự do, đưa về đây quản thúc với nghề thợ mộc,"ngày động tối điểm" (ban ngày lao động:cưa xè, đóng bàn, đóng giường, tối điểm danh trước khi đi ngủ).

Tối hôm nay trằn trọc mãi, không tài nào ngủ được, lo nghĩ lại chuyện gì sẽ đến với mình đây, tại sao lại bị đưa về Hà nội, tại sao…tại sao…nằm mãi không ngủ được thôi thì dậy, phì phèo vài điếu thuốc lào.

Ngoài lán các "đồng chí" đang quây quần bên đống lửa to, canh nồi bánh chưng. Nghĩ lại nếu không có cái lệnh đi Hà nội thì giờ này mình cũng ngồi ngoài đó vì ban sáng mình đã được phân công canh nấu bánh chưng tối nay.

Sáng rồi, chưa tới 9 giờ thì thấy đã có một chiếc xe Molotova loại nhỏ như xe Jeep của Mỹ, đậu sẵn ở trong sân của Hợp tác xã. Tôi cũng đã sẵn sàng khi đồng chí cán bộ quản lý xuống kêu lên văn phòng gặp cán bộ trung ương.

Vào đến văn phòng là tôi khựng lại, nghĩ thầm trong lòng: Lại cái ông Toán này nữa, cái ông cán bộ công an đã săn sóc mình trong mấy năm qua, từ khi mình được trở thành ngườI tự do.!!

Sau khi anh quản lý bảo tôi ngồi xuống rồi đi ra, ông Toán mới chậm rãi:

Anh có được khỏe không? Hôm nay tôi lên gặp anh để đưa anh về Hà nội và sau đó đưa anh ra sân bay để anh đi Pháp đoàn tụ với gia đình. Đảng và nhà nước đã rất khoan hồng đối với anh và đã chấp thuận lời xin của gia đình người chị của anh ở bên Pháp, cho anh về Pháp sum họp gia đình.

Nghe đến đây tôi như tắt thở, mừng đến nỗi nhịp tim đập mạnh như muốn nhảy ra ngoài, tuy nhiên vẫn cố lấy bình tĩnh để nghe tiếp những lời lải nhải của đĩa hát cũ đã rè, lập đi lập lại, nào là anh phải biết ơn nhân dân, biết ơn Đảng và nhà nước, nào là anh phải tiếp tục cải tạo tư tưởng để thành người tiến bộ, trở về phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng và nhà nước v…và v…

Ông Toán nói tiếp:

Đây là giấy thông hành tạm cấp cho anh để anh dùng đi đường ra nước ngoài, còn đây là giấy máy bay của hãng hàng không Pháp Air France đi từ Hà nội đến Paris . Giấy máy bay này do người chị của anh mua và gởi sang cho chúng tôi để nhờ đưa lại cho anh dùng. Thôi chúng ta chuẩn bị lên đường kẻo trễ, anh còn có ý kiến, còn muốn phát biểu gì không?

Tôi lập bập:

Dạ báo cáo cán bộ, dạ dạ thưa không!

Đứng dậy ra xe chân mình bủn rủn, đi hết muốn vững. Đâu có ngờ!

Ra đến xe thấy cán bộ quản lý chạy lại:

Anh cầm lấy túi bánh chưng này, đây là quà Tết của hợp tác xã tặng anh, cầm theo mà ăn đi đường.

Xe lăn bánh rời Ba Vì, bon bon trên đường hướng về Hà nội. Ngồi trên xe mà lòng tôi lâng lâng, nửa tỉnh nửa mơ, mừng lo lẫn lộn, vì chưa hẳn dám tin đó là chuyện thật, hai bên đường cây cối trơ trụi, bụi đường tung tóe theo lẳn

bánh xe lăn, nhưng sao mình thấy cái gì cũng vui tươi, cái gì cũng đẹp sáng, tưng bừng như…Tết.

Mải triền miên với trăm nghìn ý nghĩ trong đâøu, tôi không để ý đã băng qua Hà nội lúc nào và đang trên đường tiến về sân bay Bạch mai

Xe đến cổng phi trường thì chạy chậm lại, tài xế lái xe vào đậu ở gần nhà ga hành khách, ông Toán bước xuống quay lại bảo tôi xuống xe theo ông vào trong làm thủ tục giấy tờ.

Tôi liếc nhanh quanh sân bay, ngoài bãi đậu xa hai ba chiếc máy bay rải rác đậu, một chiếc máy bay kiểu Illouchine 14 của Nga (loại máy bay vận tải chở hành khách loại nhỏ đang chuẩn bị, năm ba người nhân công chạy chung quanh, người đổ xăng, người đi vòng phi cơ kiểm tra.

Tôi nghĩ bụng mình sẽ đi với chiếc phi cơ này. Sau khi theo ông Toán vào quầy hành khách để trình giấy tờ, giấy thông hành, giấy máy bay…làm xong thủ tục, ông Toán nói:

Thôi đến giờ rồi, anh theo ra máy bay đi, anh đi mạnh giỏi và hãy nhớ những gì anh đã tiếp thu được mà cố gắng trở thành người tốt.

Dạ báo cáo cán bộ, dạ tôi xin cám ơn!

Mình lập bập, hối hả theo sau độ năm mười người nữa ra hướng máy bay đậu. Nhìn những hành khách khác, không biết là Việt hay Tàu, người nào cũng áo bốn túi, cổ Mao, chắc toàn là cán bộ đi công tác, còn mình thì chả giống ai với bộ bà ba nâu, chân đi dép cao su Bình Trị Thiên, tay quẩy túi bánh chưng bây giờ mới để ý thấy có bốn cái, mình lững thững bước lên vào tìm chổ ngồi trong phi cơ. Nhìn anh phi công cao lớn, da đỏ có lẽ là người Nga, mặc đồ phi hành dân sự, đi giữa hai hàng ghế hành khách để lên buồng lái, tôi ngẩn ngơ nhớ lại… ngày nào!

Chiếc vận tải cơ Illouchine 14 của hãng hàng không Nga từ từ chuyển bánh ra phi đạo, ngừng lại chỗ thử máy và sau đó cất cánh nhẹ nhàng.

Toàn thân tôi rung mạnh theo đà máy bay lăn trên phi đạo rồi từ từ rời đất liền và theo chiều cao bay lên, bỗng dưng hai mắt tôi nhắm nghiền lại, người tôi tự nhiên thấy ớn lạnh khi chợt nghĩ đến… một chuyến bay!!!

Rồi những kinh hoàng, hãi hùng của những giây phút rùng rợn gần 10 năm xưa dần dần tiếp diễn qua tâm trí tôi như một cuốn phim:

Tôi nhớ rõ chiếc máy C47 trắng ngần do tôi lái khi vượt qua vĩ tuyến 17, bay là sát mặt biển xâm nhập vào bầu trời của miền Bắc, dù còn ở ngoài khơi của biển Đông, cả 7 người trong phòng lái chúng tôi đều bắt đầu thấy thần kinh căng thẳng; người này lo lắng liếc mắt nhìn người kia, không ai nói vơi ai một lời. Khi máy bay vào sâu nội địa, tôi còn nhớ lúc ấy khoảng hơn 1 giờ đêm, đột nhiên tôi thấy nhoáng lên như ánh chớp màu da cam ngay trước mặt tôi trong bầu trời như bức màn đen, máy bay tự nhiên rung giật mạnh, không hề nghe một tiếng nổ hay bất cứ một âm thanh gì, hai tay tôi ôm cứng lấy tay lái, cố giữ thăng bằng cho chiếc máy bay, mắt tôi còn thoáng thấy anh Mậu điều hành viên và anh Thích phi công phụ ôm chầm láây nhau, rồi…tôi không còn biết gì nữa!

Không biết mãi bao lâu sau, khi thấy lạnh run, tôi cố mở mắt nhìn trong đêm tối đen kịt, người tôi như vỡ nát ra trăm mảnh, tôi không cử động được tay chân, đau đớn tận cùng hồn tôi lửng lơ, tôi tưởng như tôi đã chết rồi, hay đang… chết. Sau đó dần dần một lúc, tôi mới cảm thấy đau nhừ khắp cả người, chỗ nào cũng đau, tôi không nhìn thấy gì cả, cố thu hết tàn lực đưa tay quờ quạng hốt ít nước bùn lầy đưa lên mặt để rửa. Nước bùn nhầy nhụa hòa với một thứ nước mằn mặn trên gương mặt loang lổ của tôi, "máu " mặt tôi đày máu, tôi cố mở mắt nhiều lần nhưng vẫn không thấy gì, đầu tôi như có ai cầm chiếc gậy đập đều đều, tôi lại mê man, tâm trí như có một khoảng trống rỗng, chẳng còn ý niệm gì về thời gian, không gian.

Tôi cũng chẳng biết là cho đến bao lâu nữa, mãi khi tai tôi chợt nghe văng vẳng trong gió lao xao của đêm khuya: Chết tôi rồi, chết tôi rồi, nóng quá, nóng quá, chết…tôi rồi!

Tiếng kêu thảm thiết của những người đang chết cháy! Tôi không nhúc nhích gì được, cả một nửa người của tôi đã ngập sâu dưới bùn lầy, tôi cố mở mắt to: xa xa cách chỗ tôi "đứng" độ vài trăm thước, một đám cháy to, lửa đỏ bốc lên ngùn ngụt và những tiếng thét kinh hoàng mà tôi nghe từ đó vọng ra, tôi như nửa tỉnh nửa mê, chợt lờ mờ có ý niệm rằng chiếc C47 do tôi lái đã bị bắn rơi xuống đây và đang bốc cháy!

Tôi lại mê man bất tỉnh cho đến khi mở choàng mắt ra, lúc này đã nhìn được lơ mơ thấy khung cảnh đồng ruộng sình lầy, đầu tôi đau nhức như có người lấy dao nạo vào óc, rồi tôi nghe rõ tiếng người hò hét xa xa, tiếng léo nhéo, quát tháo vẳng trong gió đêm.

Một ý thức bừng dậy thành phản xạ của sự sống còn ập đến như một đòn bẩy, tôi cố vùng vẫy, nhô người lên khỏi đám sình lầy, nhưng tôi quá yếu, bất lực!

Tiếng quát tháo lẫn lộn của đàn ông lẫn đàn bà càng lúc càng gần cùng với những ngọn đuốc lập lòe di động đốt sáng cả một góc trời, phần vì khắp người đau như dần với bao nhiêu thương tích, phần vì quá khiếp sợ, đầu óc tôi tê đi, cho đến lúc họ đã quát tháo ầm ầm bên tai tôi mà tôi vẫn đứng im như một xác chết. Họ hò nhau túm lấy tay chân tôi, kéo tôi ra khỏi sình lầy.

Lúc này trời đã sáng tỏ, tôi lờ mờ thấy không biết bao nhiêu người, đàn ông, đàn bà lố nhố vây quanh tôi, súng ống gậy gộc, họ hầm hè như muốn nhai xương, nuốt sống, ăn thịt tôi tôi đau đớn sức tàn, tôi sợ quá, nhắm mắt lại, rồi lịm đi, văng vẳng nghe tiếng quát, tiếng chửi rủa ập ngoáy vào tai tôi: Coi chừng, coi chừng, nó hãy còn sống, đập chết nó đi, đập chết nó đi, nó là biệt kích ác ôn của Mỹ Diệm!

Cuốn phim đến đây tự nhiên tắt ngay, tôi giựt mình bừng tỉnh dậy. Tôi đang ngả người trên chiếc ghế nhung của hành khách, máy bay đang bay êm, tiếng máy đều đều…trong máy bay gió lạnh nhưng người tôi ướt đẫm mồ hôi, ướt thấm cả bộ quần áo nâu tôi đang mặc, tôi cảm thấy lạnh, lạnh ớn xương sống…với giấc chiêm bao vừa qua!

Với tay với cái mền đắp lên người mới nhớ ra các giấy tờ mang theo trong người, lần mò móc ra xem, ngoài tờ giấy thông hành tạm, đóng dấu đỏ của Bộ Công An Hà nội là giấy máy bay của hãng hàng không Pháp Air France, trong đó ghi chặng đường đi:Hà nội, Canton, Hồng kông. Paris .

Tôi nghĩ thầm trong bụng: tại sao ghé qua Quảng đông (Canton) đó là đất đai của Trung cộng, nếu mà lôi thôi trở ngại biết làm sao?Mãi loay hoay với ngàn ý nghĩ lo lắng, tôi không để ý đến đèn báo hiệu buộc dây an toàn bật cháy, cho đến khi người chiêu đãi viên đến nhắc tôi vì máy bay chuẩn bị đáp. Phi trường Quảng đông vắng tanh, lạnh ngắt, không thấy một sinh hoạt nhộn nhịp nào như các phi trường dân sự khác, không thấy một chiếc máy bay nào khác đậu ở sân bay, ngoài chiếc máy bay tôi đang đi, từ từ vào bến đậu, ngay trước nhà ga hành khách. Tôi được mời xuống máy bay theo sau lẻ tẻ hai ba người hành khách khác, đi vào trạm nhà ga.

Vì đã quen với cách thức đi lại của các phi trường quốc tế, tôi tìm ngay đến quầy tiếp khách đại diện của Air France . Sau khi trình giấy tờ, giấy máy bay của tôi cho người nhân viên, một người tầu, bập bẹ nói tiếng Pháp, anh ta xem xong rồi nói:

Hiện tại chúng tôi không có đường bay nối tiếp (connection) giữa Canton và Hồng kông, theo lộ trình đã được chỉ định và trả tiền trước, chúng tôi sẽ lo liệu cho anh đi Hongkong bằng đường xe lửa, và khi đến Hong kong anh sẽ tiếp tục lấy máy bay đi Paris, anh chuẩn bị theo tôi ra xe để tôi đưa anh ra nhà ga xe lửa cho kịp giờ.

Ngồi trên xe theo người nhân viên Air France từ phi trường ra ga xe lửa, quang cảnh hai bên đường xe chạy lạ hoắc, nhưng tôi đâu còn tâm trí nào để nhận xét! Nhà ga xe lửa Quảng đông thật nhộn nhịp ồn ào khác thường, đặc nghẹt hành khách và hành lý. Người nhân viên Tầu dắt tôi len lỏi qua đám người, chen chúc đến quầy lấy vé và đưa tôi lên một toa giữa con tầu để tìm chỗ ngồi, may mắn tìm được một chỗ trống gần cửa sổ, anh ta chỉ cho tôi ngồi xuống và đưa tay bắt tay tôi chúc may mắn (bonne chance)

Khi xe lửa bắt đầu lệnh khệnh lăn bánh, một kiểu xe lửa từ thời chiến tranh 1914-18, cũng là khi tôi thấy đói lả, mệt nhừ! Chợt nhớ túi bánh chưng xách tòn ten theo từ khi rời Hà nội, tôi mở ra lấy một cái, bóc lá, nhỏm nhẻm ăn ngon lành, thả hồn thưởng thức hương vị của bánh chưng Tết, mặc kệ cho quang cảnh ồn ào chung quanh, tiếng cười, tiếng nói "xí xí ngộ cỏn" của các hành khách nông thôn Tầu đù loại, đang chen chúc nhau trong toa tàu chật hẹp.

Trời đã xế chiều, tôi không có ý niệm chính xác về thời gian, đoán chừng là đã 4, 5 giờ chiều thì xe lửa từ từ dừng lại vì đã tới trạm ranh giới giữa Quảng đông và Hồng kông. Sau khi xe lửa ngừng hẳn, giữa cảnh ồn ào nhốn nháo của hành khách, tôi thấy hai người mặc quân phục, một người Anh và một người Tầu, tôi đoán là nhân viên của Sở Di trú (Immigration) lên toa xe để kiểm soát giấy tờ.

Khi họ đến chỗ tôi ngồi và sau khi xem xét giấy thông hành tôi trình ra, nhân viên người Anh lật qua lật lại tờ giấy của tôi, xem xong rồi chậm rãi nói:

Với giấy thông hành này của CS Hà nội cấp cho anh đi đường, vì không phải là sổ thông hành chính thức, chúng tôi chỉ chấp nhận cho anh đi qua(transit) đất Hông kông 24 tiếng đồng hồ mà thôi, sau thời gian đó, anh phải đi ra khỏi Hong kong, nếu không chúng tôi sẽ bắt giữ anh và trục xuất anh về Hà nội, anh có hiểu rõ lời tôi nói không?

Tôi xanh mặt, lẩm bẩm trả lời: Yes, yes Sir!

Tay run run cầm tờ giấy thông hành người nhân viên Anh đưa trả lại,bụng nghĩ thầm:Chết cha thằng nhỏ rồi, rồi đây biết lo liệu làm sao?

Xe lửa ngừng hẳn ở nhà ga Hong kong, hành khách chen chúc nhau đi xuống, tôi đặt chân xuống nền gạch sạch mát của nhà ga, lòng tự nhiên thấy hả hê, vui lây với quang cảnh sinh hoạt của thế giới tự do!Tôi nhìn đồng hồ nhà ga, đã hơn 6 giờ chiều, tôi vội vã len lòi ra khỏi nhà ga, tìm đường mò về phi trường Kaitak vì biết chắc đó là phi trường quốc tế của Hongkong

"Thả cọp về rừng", may là đường xá ở Hong kong đâu có xa lạ gì với tôi khi tôi còn lái cho Air Vietnam và đã từng ghé qua ăn cơm bữa ở đây. Cất bước như vừa đi vừa chạy, băng ngang qua các phố xá đông nghịt người vui nhộn như cảnh Tết, nhưng tôi đâu có dám dừng chân để thưởng thức gì, vừa mệt vừa lo sao cho kịp đến phi trường Kaitak để bắt cho kịp chuyến máy bay Air France đi Paris.

Vào đến phi trường là lúc phố xá đã lên đèn, người tôi mệt nhoài, tôi hổn hển tìm đến quầy vé hãng Air France, trình giấy máy bay đề đi cho kịp chuyến AF 1002, cất cánh lúc 20 giờ đi từ Hong kong sang Paris theo như trên bảng khởi hành (departure) mà tôi đã nhanh mắt nhìn qua.

Người nhân viên hãng Air France sau khi ghi nhận và xem xét giấy thông hành của tôi, anh ta nói:

Đây nhé, chúng tôi rất tiếc là không thể nhận cho anh đi trên chuyến bay này vì anh mang trong mình giấy tờ cùa CSBV và máy bay của chúng tôi phải làm transit ở Bangkok, tôi e ngại rằng nhà cầm quyền Thái lan sẽ làm khó dễ cho anh, tôi khuyên anh nên nhẫn nại chờ chuyến sau, hoặc bay thẳng, hoặc ghé nơi nào có thuận lợi cho anh hơn thì anh hãy đi.

Cầm giấy tờ người nhân viên đưa trả lại mà tôi "hỡi ơi, sao lại gặp rắc rối quá trời như thế này". Chân đi không vững, tôi lần mò ra ghế băng ngồi nghỉ đợi, trong lòng "trống đánh thùng thùng", lo âu cứ nghĩ đến giờ sẽ bị trục xuất! Chợt có ai đằng sau vỗ vai tôi và một giọng phụ nữ vui vẽ nói bằng tiếng Pháp:

Ê có khỏe không? Anh có phải là anh Vân, captain Air Vietnam ? Đi đâu mà ăn mặc kỳ cục không giống ai hết vậy?

Tôi ngỡ ngàng quay lại, một người đẹp trong bộ y phục chiêu đãi viên hàng không tươi cười đưa tay cho tôi bắt:

Anh quên tôi rồi sao?Tôi là Francoise,hôtesse Lufthansa nè!

Tôi ngạc nhiên,sượng sùng nhìn người thiếu phụ quen quen không nói được một lời, chị ta tiếp tục huyên thuyên kể lể.

À! thì té ra là Francoise Dupuis, nữ chiêu đãi viên bay cho hãng hàng không Đức, người mà thời xưa, lúc tôi còn lái cho Air Vietnam, đã từng được tôi mời mọc, ăn uống mỗi khi gặp nhau ở các escale Hongkong hay Tokyo…

Tự nhiên tôi thấy thoải mái, mừng lây với cái vui mừng vồn vã, hồn nhiên của người xưa, nay gặp lại nhau, tự nhiên tôi thấy có can đảm để "bốc" với

nàng, đem "nghề của chàng" kể lể cuộc đời đã qua với hoàn cảnh hiện giờ của tôi cho nàng nghe. Nghe xong nàng vui vẻ:

Anh đừng lo, tôi sẽ cố gắng thu xếp giúp anh. Anh đưa vé máy bay của anh cho tôi, tôi sẽ lo liệu cho anh trên chuyến máy bay Lufthansa của tôi, cất cánh đi Francfort lúc 10 giờ đêm, có ghé qua Paris, có điều là tôi dặn anh phải nhớ, khi đáp xuống Bangkok để tiếp tế xăng và lấy thêm hành khách, anh phải giả bệnh nằm lại trên phi cơ, tôi sẽ tìm cách thu xếp ổn thỏa cho anh tránh khỏi qua sự kiểm soát của Thái lan, anh nhớ nhé. Thôi anh đi theo tôi làm thủ tục cho kịp.

Tôi vui mừng vô cùng, lững thững đi theo người đẹp mà trong lòng thầm nghĩ sao lại còn may mắn gặp được cảnh "thánh nhân đãi kẻ khù khờ".

Sau bao nhiêu gian truân trắc trở, lo lắng trên đoạn đường đời của một người "từ cõi chết tìm về tự do" cuối cùng tôi đặt chân xuống phi trường Orly (Pháp) ngày 7 tháng 2 năm 1971.

Cò trắng Phan thanh Vân

Xuân 2002

Phan Thanh Vân và Đặng Chí Bình
tại nhà của Vân 08/2008
27 10:03AM

Tang Lễ chiến hữu Phan Thanh Vân (11/2009)
từ trái qua: Cô Bích (vợ PTV), ĐCB và Bà Xã

Tang lễ Phan Thanh Vân (tháng 11/2009)
ĐCB: tâm sự với Vân trong quan tài buồn

Lễ Phủ Cờ cho Không Quân Phan Thanh Vân

Tuyết Mai

Virginia - Liên Hội Cựu Chiến sĩ VNCH/HTĐ và phụ cận đã trang trọng tổ chức Lễ Phủ Quốc Kỳ VNCH lên quan tài của Không Quân Phan Thanh Vân, tang lễ được tổ chức vào lúc 7 giờ chiều ngày 2 Tháng 11, 2009 tại Fairfax Memorial Funeral Home ở Fairfax, VA.

Hai bên bàn thờ là hai hàng quân, bên trái là các cựu quân nhân trong quân phục Hải Lục Không Quân, bên phải là các quân nhân trong Lữ đoàn 31 Quân Đội Tổng Hợp Tình Nguyện HK. Bên cạnh quan tài có hai quân nhân trong quân phục đứng nghiêm chào và một vòng hoa có hình cờ vàng ba sọc đỏ. Có hơn một trăm quan khách, phần đông là các cựu quân nhân bạn hữu tham dự tang lễ.

Lúc 7 giờ một toán quốc quân kỳ tiến v ề phía quan tài. Mũ Đỏ Nguyễn Văn Mùi đi đầu, trang trọng cầm trên hai tay lá quốc kỳ VNCH xếp lại. Theo sau là các cựu quân nhân trong toán phủ kỳ, gồm các cựu quân nhân các Quân binh chủng Không Quân, Hải Quân, GĐ Mũ Đỏ, Thủy Quân Lục Chiến, CSVSQTB Thủ Đức…

Theo khẩu lệnh của Mũ Đỏ Nguyễn Văn Mùi, lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ được trải rộng ra và từ từ hạ xuống phủ quan tài của Không Quân Phan Thanh Vân. Sau đó lá quốc kỳ được xếp lại, phủ một nửa quan tài (Một nửa, nắp quan tài mở ra để thân hữu thăm viếng).

Không quân Hoàng Song Liêm được Hội Trưởng Hội Không Quân /Đông Bắc HK mời lên giới thiệu sơ qua về tiểu sử và binh nghiệp của KQ Phan Thanh Vân. Ông Hoàng Song Liêm cho biết KQ Phan Thanh Vân sinh năm 1935, ngoài động lực yêu nước của một người trai thời loạn, KQ Vân còn có ước vọng trở thành một phi công nên đã nhập ngũ năm 1952 và được gởi đi thụ huấn tại các quân trường Marrakech/Maroc và Avord/Pháp. KQ Vân là một phi công kỳ cựu từ thời kỳ Không Quân VN mới được thành lập.

KQ Vân là một phi công tài ba, gan dạ, thản nhiên bay vào đất địch nhiều lần, trong các phi vụ "Cò trắng" và sau cùng bị hỏa tiễn SA7 của CS Bắc Việt bắn hạ. KQ Vân bị thương tật, mất một mắt và bị cầm tù, quản chế, hành hạ gần mười năm, khi tuổi đời mới 26. Ông Liêm nhắc đến tư cách của KQVân,

không may bị gặp nạn nhưng ông chấp nhận số mạng, không than van, trách móc cũng không huênh hoang, tự phụ nên đi đâu cũng được bằng hữu thương mến. Sau đó Ông Hoàng Song Liêm đọc một đoạn hồi ký của KQVân, phi công "Cò Trắng" trong chuyện "Người Về T ừ Cõi Chết" , đăng trong Đặc San Không Quân "Lý Tưởng".

Kế đến Ông Đặng Chí Bình, tác giả hồi ký trong tù "Thép Đen" trình bày vắn tắt những ngày ông và Ông Vân bị cầm tù ở miền Bắc.

Dược sĩ Trần Kim Long, Chủ Tịch Hội Không Quân /Đông Bắc HK đại diện cho Hội Không Quân /ĐBHK cảm tạ tất cả quan khách viếng thăm. Ông ca ngợi Không Quân Phan Thanh Vân là một trong những phi công kỳ cựu đầu tiên của Không Lực VNCH, đã bay vào lòng đất địch nhiều lần, thi hành những phi vụ nguy hiểm để rồi phải trải qua gần 10 năm trong các trại tù dã man của CS. Anh Phan Thanh Vân là một anh hùng trong Không Lực VNCH cũng như trong Hội Không Quân Đông Bắc HK.

Ông Đoàn hữu Định, Chủ Tịch Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH./HTĐ và phụ cận phát biểu, sự ra đi của người hùng KQ Phan ThanhVân là một mất mát to lớn cho Chị Bích (vợ Ông Vân) mà cũng là một mất mát lớn lao cho Tập thể người Lính Miền Nam . Anh đã anh dũng chống trả sự xâm lược của CS Hà Nội. Sự chống trả của VNCH đã có phần đóng góp của KQ Phan Thanh Vân, khi thực hiện các phi vụ chuyển Biệt Kích Miền Nam ra Bắc và thường xuyên tiếp tế cho các toán xâm nhập. Anh đã tình nguyện làm một ngươi chiến sĩ vô danh vì tất cả các công tác ngoại biên được liệt kê tối mật. Không ai có thể biết trước, ra đi có trở về được hay không, tât cả là do số phần. Anh Vân đã ra đi và không trở về được, phải chịu tù đày một thời gian khá lâu.

Đến cuối cuộc đời anh vẫn là chiến sĩ vô danh, ra đi trong sự thương tiếc của của gia đình và bạn bè. Nhưng anh không vô danh, tên tuổi và công trạng của anh được nhiều chiến hữu và ngươi đời biết đến. Tất cả các đại diện quân binh chủng trong QLVNCH , CSQG, CBQG có mặt tại đây để chào kính và tiễn biệt một người hùng Không Quân. Ông Đoàn Hữu Định đã đại diện cho Liên Hội CCSVNCH/HTĐ và phụ cận, các anh em Biệt Kích thuộc Nha Kỹ Thuật, thay mặt cho các đồng đội trong hàng ngũ chiến sĩ vô danh, chia buồn cùng Chị Phan thanh Vân, quý quyến và đại gia đình Không Quân VNCH.

Ông Nguyễn Văn Mùi, Chủ Tịch Gia Đình Mũ Đỏ/HTĐ cho biết, chính KQ Phan Thanh Văn trước đây mấy năm đã đề nghị với ông nên tổ chức lễ phủ kỳ cho những cựu quân nhân qua đời nếu có lời yêu cầu hay chấp thuận của gia đình. Từ đề nghị của KQ Phan Thanh Vân mà cho tới nay có lễ phủ kỳ cho các cựu quân nhân ở HTĐ.

Nhiều bạn hữu của KQ Phan Thanh Vân được mời lên chia sẽ cảm nghĩ, trong đó có Ông Đặng văn Hậu, đã nhắc lại sở Liên Lạc có giao cho phi đoàn của ông những phi vụ yểm trợ cho toán viễn thám đang hoạt động dọc theo biên giới Lào, nhờ đó ông có biết KQ Phan Thanh Vân trong những phi vụ "Cò Trắng. Khi qua tới HK ông mới có dịp gặp lại KQ Phan Thanh Vân. Ông nhắc lại những buổi họp mặt ấm cúng tại nhà Anh Vân. Quên làm sao đựơc hình ảnh Anh Vân tươi cười giữa những anh em đồng đội, khi Anh Vân hân hoan nhận bảng lưu niệm trong buổi họp mặt Bô Lão Tháng Bảy vừa qua tại Cali. Thế mà nay Cò Trắng đang xoải cánh cô đơn bay về cõi Vĩnh Hằng.

Một vài thân hữu của Ông Vân tiếp tục nói lên vài cảm nghĩ. Cuối cùng Ông Huỷnh Hữu Lộc, là em vợ, đại diện tang quuyến có lời cảm ơn c ác h ội đoàn và quan khách đến thăm viếng KQ Phan Thanh V ân lần cuối. Chương trình tang lễ được chấm dứt lúc 8 giờ tối . Ngày hôm sau động quan lúc 9:30 giờ và hỏa thiêu lúc 10 giờ, cũng tại Fairfax Memorial Funeral Home.

"Người từ cõi chết trở về
Bây giờ lại nhắm hướng quê Thiên Đàng
Mai này trong cõi huy hoàng
Xin đừng quên đám họ hàng Không Quân."
(Thơ của KQ Ó Biển PĐ 227)

Website: **Thép Đen**
Đánh máy bởi: **Lê Thy**
PDF by: Lộc Nguyễn